

NGO VINH (ĐỜI MINH)

Hướng dẫn sử dụng

魯Thước

班Lỗ

经Ban

(Lỗ ban kinh)



Tác phẩm kinh điển
về kỹ thuật, công nghệ
xây dựng trong kiến trúc
cổ đại. Đúc kết kinh nghiệm
quý báu từ dân gian.



NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI

HƯỚNG DẪN
SỬ DỤNG
THUỐC LỖ BAN

Dịch từ nguyên bản tiếng Trung "Lỗ Ban kinh"
Bản quyền tiếng Việt: Nhà sách Minh Lâm

NGỌ VINH

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THƯỚC LỖ BAN

Dịch và chú giải: Cổ Đồ Thư

Hiệu đính: ThS. Nguyễn Mạnh Linh

NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI

LỜI NÓI ĐẦU

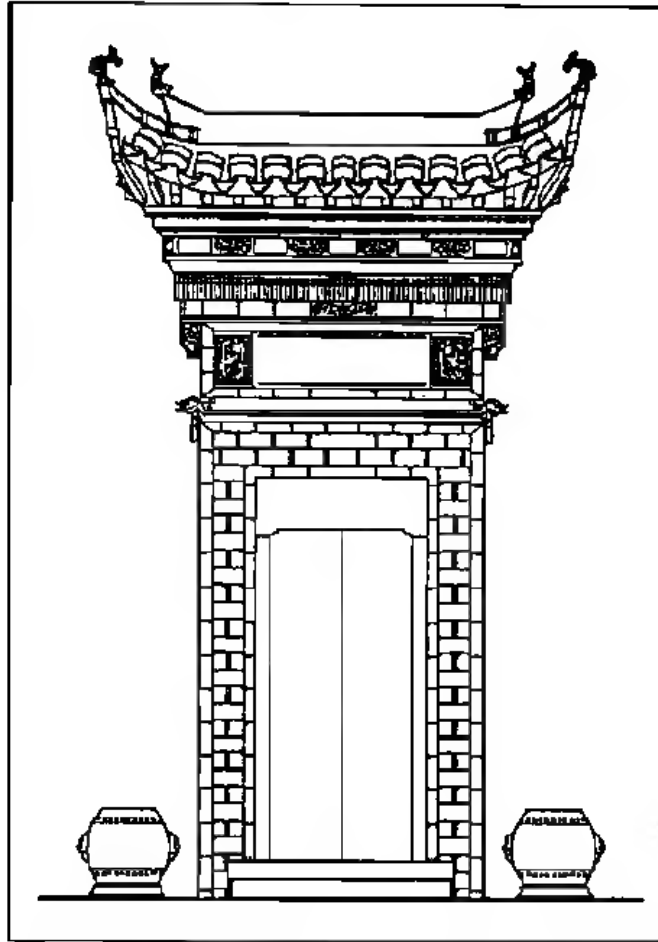
Thước Lỗ Ban là một trong những công cụ đo đạc truyền thống chuyên dùng theo thuật phong thủy Trung Hoa, thường được các nghệ nhân ngành mộc và ngành xây dựng dùng tham khảo khi xem xét các chuẩn mực mỹ thuật, sự hài hòa và tính tiện dụng tối đa khi thiết kế một công trình kiến trúc.

Tương truyền, Lỗ Ban là một danh tài về nghề mộc của Trung Quốc. Ông đã sản xuất ra những mặt hàng nội thất rất đẹp và bền chắc cũng như sáng chế ra nhiều dụng cụ sản xuất đồ mộc. Ngoài ra, ông còn dày công nghiên cứu và rút ra được những quy luật vận động vật lý tương quan giữa nhịp sinh học và từ trường của trái đất với kích thước của các vật dụng nội thất. Những tương quan đó có tác dụng mạnh mẽ đến cuộc sống của con người. Công trình nghiên cứu ấy theo thời gian được đúc kết thành thước Lỗ Ban. Thước Lỗ Ban được chia đều thành tám cung và phân thành những khoảng tốt xấu khác nhau để áp dụng vào việc sản xuất đồ dùng nội thất, nó đã trở thành vật bất ly thân của giới thiết kế công trình, nội thất nói chung và những người làm nghề mộc nói riêng. Từ ngàn năm nay, thợ mộc và thợ xây dựng ở các nước châu Á đều tôn thờ Lỗ Ban như một vị Sư tổ của nghề.

Qua thực tế thiết kế và thi công một số công trình, phần lớn gia chủ đều yêu cầu đo đạc cửa nhà theo thước Lỗ Ban, điều đó cho thấy mọi người rất tin tưởng vào cây thước cổ truyền này. Tuy không phải là những nhà địa lý nhưng trên cơ sở tham khảo một số sách liên quan, chúng tôi đã tổng hợp và hướng dẫn để các bạn nhanh chóng sử dụng được cây thước này. Nhưng một vấn đề được đặt ra là liệu đo đạc theo thước Lỗ Ban có phải là một hành động mê tín hay không? Có người cho đó là mê tín vì một lý do hết sức đơn giản, trên cây thước Lỗ Ban toàn những chữ Hán ngoằn ngoèo giống bùa chú. Tuy nhiên, trên thực tế, thước Lỗ Ban là một cây thước kinh nghiệm, nó không thuộc bất kỳ một hệ thống đo đạc nào trên thế giới, nó được đúc kết và đã thử nghiệm cả ngàn đời nay chỉ để phân định hai chữ tốt xấu. Dĩ nhiên, chỉ bằng một cây thước làm sao thay đổi được vận mạng, nhưng có lẽ qua chính thực tế sử dụng mà các bạn có thể nghiệm ra rằng, khi tai họa có đến cũng nhẹ đi một chút, lộc phúc có đến cũng may mắn hơn thêm.

Trong địa lý cổ Phương Đông thực hành, thước Lỗ Ban là một yếu tố không thể tách rời. Để bạn đọc có thể hiểu rõ hơn và tự mình tìm được những kích thước hợp lý sử dụng trong quá trình xây dựng nhà cửa, trong cuốn sách này, chúng tôi xin giới thiệu một phần cơ bản trong cách tra và sử dụng thước Lỗ Ban.

Cuốn sách ra đời với mong muốn được bạn đọc gần xa đón nhận và đóng góp ý kiến để ngày càng trở nên hoàn thiện hơn.



Chạm nổi bằng gỗ

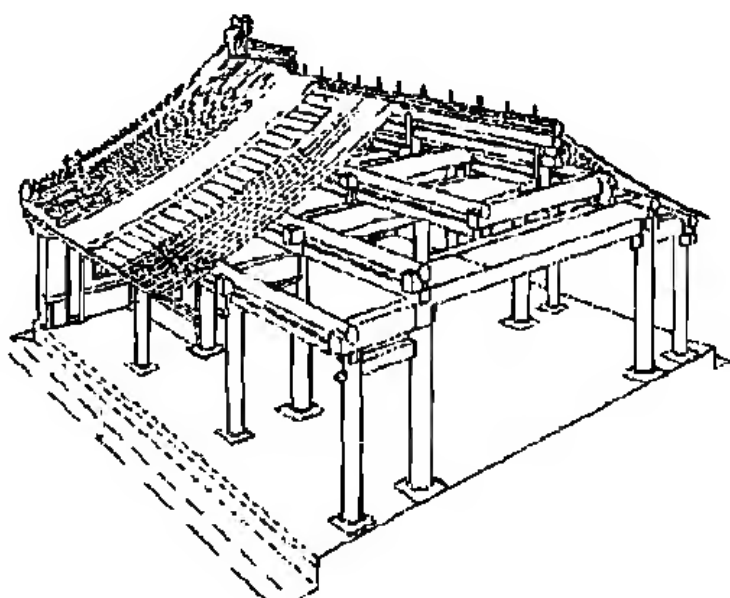
Tranh phác họa

Chạm nổi cổ đại có rất nhiều loại, căn cứ vào chất liệu có thể chia ra thành các loại như đồ sắt, đồ đồng, đồ thiếc, đồ sứ và đồ gỗ. Chẳng hạn về một người thợ chạm nổi gỗ, họ thường đi khắp các phố phường, gõ cửa từng nhà để tìm việc làm. Sau khi chủ nhà đồng ý, họ sẽ điều khắc các đồ gỗ theo ý muốn của chủ nhà. Các họa tiết điêu khắc thường là tùng hạc, hoa cỏ, chim muông, sơn thủy,... Việc cuối cùng là họ sẽ đánh bóng và tô màu cho các đồ điêu khắc đó.

CHƯƠNG 1

CHỌN YẾU TỐ TỐT LÀNH ĐỂ LÀM NHÀ

Kiến trúc cổ đại chủ yếu được kết cấu bằng chất liệu gỗ, tất cả các công việc trong quá trình kiến trúc đều do những người thợ mộc có tay nghề cao chỉ đạo. Trong dân gian, xây nhà sửa cửa là một việc vô cùng trọng đại, không thể qua loa. Để có được sự an toàn, người ta đã đặt ra rất nhiều điều cấm kỵ. Khai công, động thổ phải lựa chọn thời gian và phương vị tốt lành. Quá trình xây dựng nhà cửa trong dân gian thường rất chú ý đến thời gian và phương vị, các bước làm việc và việc thi công công trình phải tuân thủ theo một quy trình nhất định. Từ sự tích lũy trong thời gian dài qua các triều đại lịch sử, người ta đã dần dần hình thành quan niệm và phương pháp về việc lựa chọn thời gian và phương vị tốt lành để làm nhà. Những quan niệm và phương pháp này xét từ góc độ nào đó đã phản ánh được thái độ của người dân cổ đại đối với cuộc sống, là một văn hóa phong tục tập quán rất đáng để chúng ta nghiên cứu.



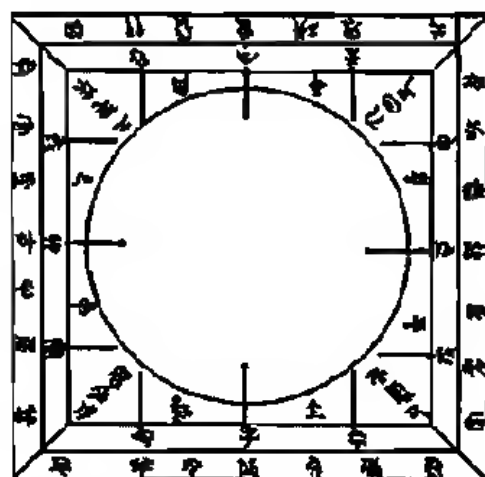
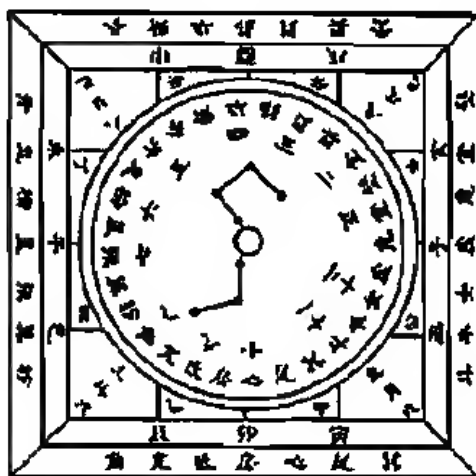
1. VÀO RỪNG CHẶT CÂY LẤY GỖ

Nguyên tắc “Vào rừng chặt cây lấy gỗ”: Thông thường, thời gian chặt cây lấy gỗ và ngày bắt đầu thi công nhất thiết không được phạm vào “Xuyên Sơn Sát”⁽¹⁾, hơn nữa, người thợ vào rừng lấy gỗ về thi công phải chọn đúng căn số⁽²⁾ của gỗ, nhất định phải chặt gỗ ở vùng đất bằng phẳng, không thể qua loa, đại khái. Tất cả những việc này đều phải tính toán cẩn thận rồi mới thực hiện. Nếu muốn đưa gỗ vừa chặt vào bãi, không được xếp ở hướng “Hoàng Sát”⁽³⁾, khi chặt gỗ cũng không được phạm vào những điều cấm kỵ như “Hoàng Đế Bát Tọa”⁽⁴⁾, “Cửu Thiên Đại Tọa”⁽⁵⁾,...; Ngoài những ngày cấm kỵ trên, những ngày còn lại đều tốt lành.

[Chú thích]:

[1] Xuyên Sơn Sát: Đây là một trong những điều cấm kỵ khi vào rừng chặt cây lấy gỗ. Người dân cổ đại thường dùng can chi để ghi năm, trong rất nhiều các hoạt động thuật số đều có những điều cấm kỵ liên quan đến thời gian và phương vị. Phương pháp suy đoán Xuyên Sơn Sát là: Năm Tý tại Ngọ, năm Sửu tại Mùi..., tiếp tục loại suy sẽ tìm ra được phương cấm kỵ không được phạm vào. Người xưa cho rằng, thợ mộc khởi công nếu phạm vào Xuyên Sơn Sát là đã phạm vào Thái Tuế, sẽ không được tốt lành, có thể gặp phải những việc hung không lường trước được.

[2] Căn số: Người xưa coi số lẻ là số dương, số chẵn là số âm, lại coi Dương là cát, Âm là hung. Khái niệm “Chọn đúng căn số của gỗ” được đề cập tới ở đây có nghĩa là khi vào rừng chặt cây lấy gỗ, căn số phù hợp nên chọn số lẻ.



Thức bàn bằng gỗ sơn thời Tây Hán

Thức bàn, hay còn gọi là chiêm bàn, là một công cụ mà các nhà thuật số cổ đại dùng để chiêm nghiệm thời gian. Người xưa cho rằng, thời gian và phương có mối quan hệ tương ứng nhất định, nếu tương hợp thì sẽ hóa cát, tương khắc hóa hung. Mối quan hệ tương ứng giữa thời gian và không gian này chính là nguyên lý để thiết kế thức bàn. Hình vẽ trên là sơ đồ minh họa những nét khắc trên bề mặt của thức bàn bằng chất liệu gỗ sơn, thức bàn này được khai quật ở mộ Song Cổ Đới Hán (M1), Phu Dương, An Huy. Đường kính Thiên bàn dài 9,5cm, dày 0,15cm; Địa bàn mỗi bên dài 13,5cm, dày 1,3cm. Hình trên là mặt trước của Thiên bàn, hình dưới là mặt sau của Thiên bàn.

[3] Phương Hoàng Sát: Hoàng Sát là một trong những điều cấm kỵ trong xuất hành theo quan niệm của người xưa. Trong “Hứa Chân Quán Vạn toàn Ngọc Hạp ký” có câu: “Phàm xuất ngoại phạm Hoàng Sát, nhân vong tài tán bất quy gia”. Phương pháp suy đoán nói chung là: Ngày Ngọ của tháng giêng, tháng tư, tháng bảy và tháng mười; Ngày Dần của tháng hai, tháng năm, tháng tám và tháng mười một; Ngày Tý của tháng ba, tháng sáu, tháng chín và tháng mười hai đều là những ngày Hoàng Sát cấm kỵ. Khái niệm “Hoàng Sát” được đề cập đến ở đây thực ra là chỉ phương vị chứ không phải chỉ thời gian. Vì Dần Ngọ hợp hóa Hỏa nên không thể xếp gỗ ở hướng này.

[4] Hoàng Đế Bát Tọa: Là một trong những điều cấm kỵ theo quan niệm của người xưa. Ngày cấm kỵ này cách 3 vị trí so với Thái Tuế, hay còn gọi là Chính Bát Tọa. Năm Tý gặp ngày Quý Dậu, năm Sửu gặp ngày Giáp Tuất, năm Dần gặp ngày Đinh Hợi, năm Mão gặp ngày Giáp Tý, năm Thìn gặp ngày Ất Sửu, năm Tỵ gặp ngày Giáp Dần, năm Ngọ gặp ngày Đinh Mão, năm Mùi gặp ngày Giáp Thìn, năm Thân gặp ngày Ất Tỵ, năm Dậu gặp ngày Giáp Ngọ, năm Tuất gặp ngày Đinh Mùi, năm Hợi gặp ngày Giáp Thân, đều cần phải cấm kỵ.

[5] Cửu Thiên Đại Tọa: Là cách nói khác của Cửu Thiên Chu Tước, là một trong những điều cấm kỵ khi vào rừng lấy gỗ. Trong truyền thuyết cổ đại, Chu Tước là hỏa tinh phương Nam, nếu để gỗ ở hướng này e rằng sẽ xảy ra hỏa hoạn, vì vậy, gỗ không xếp ở phương này.

[Giải thích]:

Người dân Trung Quốc thời xưa rất coi trọng “phong thủy” trong việc làm nhà. (Phong thủy còn gọi là Kham Du, Kham là Thiên đạo, Du là Địa đạo), cho dù là xây dựng hay thi công cũng phải hết sức nhấn mạnh sự tương hợp giữa Thiên, Địa và Nhân. Người xưa cho rằng, chỉ khi 3 yếu tố này phối hợp tốt được với nhau thì mới có thể gặp cát tránh hung. Vì vậy, trong xây dựng, thi công, người ta đều cần lựa chọn thời gian tốt lành. Qua quá trình trải nghiệm thực tiễn lâu dài, người xưa đã dần dần tổng kết ra thuật trạch cát (phương pháp chọn ngày giờ tốt lành).

Theo ghi chép của các tư liệu lịch sử, thuật trạch cát được hình thành vào đời Hán, cách ngày nay hơn 2000 năm. Thuật trạch cát là phương pháp chọn ngày giờ tốt của người xưa, bao gồm rất nhiều điều thần bí và cấm kỵ, dường như là do Thần Sát tạo ra và chi phối. Thần Sát là chỉ các loại sao có Thần tính, được sắp xếp theo thứ tự can chi và xuất hiện theo chu kỳ. Thuật trạch cát căn cứ vào Thần Sát để chọn ngày, với ý tìm cát tránh hung được coi là một hoạt động thuật số của người xưa, là một hiện tượng văn hóa tồn tại phổ biến trong xã hội cổ đại.

Phương pháp chọn ngày lành (trạch cát) đúng đắn phải lấy sự việc (chỉ các hoạt động của người dân) làm trung tâm, kết hợp với người thực hiện sự việc đó và căn cứ vào nguyên tắc chọn ngày để lựa chọn ngày giờ tốt lành cho hoạt động đó.

Vì các công trình kiến trúc cổ đại phần lớn đều được kết cấu bằng chất liệu gỗ nên trước khi xây dựng nhà cửa, cần phải chặt cây lấy gỗ. Chặt cây lấy gỗ cũng phải tuân thủ theo quy tắc cấm kỵ cát hung. Thời gian (hoặc phương vị) được đại diện bằng các Thần Sát như “Xuyên Sơn Sát”, “Phương Hoàng Sát”, “Hoàng Đế Bát Tọa”, “Cửu Thiên Đại Tọa” được đề cập đến trong phần trên có liên quan đến phương pháp ghi năm cổ đại. Đây chính là “Phương pháp ghi năm theo can chi”, tức là dùng 10 Thiên can “Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quý” và 12

Địa chi “Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi” để phối hợp theo chu kỳ, 60 năm được coi là một chu kỳ (hay còn gọi là một vòng), gọi là “Lục thập Giáp Tý”, hay “Lục thập Hoa Giáp”. Người xưa dựa vào chu kỳ tuần hoàn của “Lục thập Hoa Giáp” để ghi năm, tháng, ngày, giờ, phổ biến nhất là dùng để ghi năm.

Phương pháp ghi năm bằng can chi được thể hiện cụ thể trong các bảng 1-1, 1-2, 1-3.

Bảng 1-1. Tháng trong năm

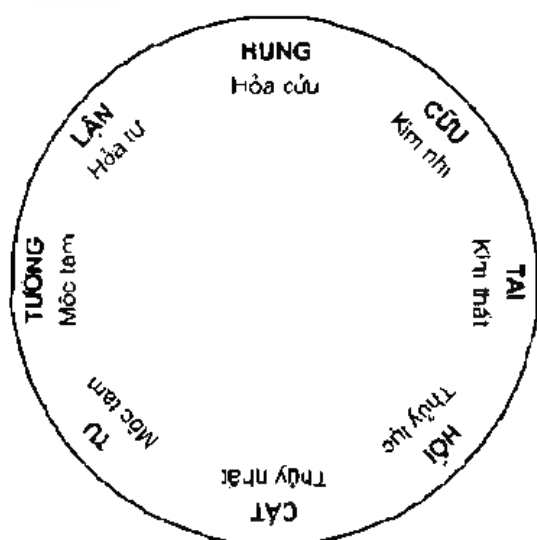
Can chi tháng Can năm \ Tháng	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12
Giáp Tý	Bính Dần	Đinh Mão	Mậu Thìn	Kỷ Tỵ	Canh Ngọ	Tân Mùi	Nhâm Thân	Quý Dậu	Giáp Tuất	Ất Hợi	Bính Tý	Đinh Sửu
Ất Canh	Mậu Dần	Kỷ Mão	Canh Thìn	Tân Tỵ	Nhâm Ngọ	Quý Mùi	Giáp Thân	Ất Dậu	Bính Tuất	Đinh Hợi	Mậu Tý	Kỷ Sửu
Bính Tân	Canh Dần	Tân Mão	Nhâm Thìn	Quý Tỵ	Giáp Ngọ	Ất Mùi	Bính Thân	Đinh Dậu	Mậu Tuất	Kỷ Hợi	Canh Tý	Tân Sửu
Đinh Nhâm	Nhâm Dần	Quý Mão	Giáp Thìn	Ất Tỵ	Bính Ngọ	Đinh Mùi	Mậu Thân	Kỷ Dậu	Canh Tuất	Tân Hợi	Nhâm Tý	Quý Sửu
Mậu Quý	Giáp Dần	Ất Mão	Bính Thìn	Đinh Tỵ	Mậu Ngọ	Kỷ Mùi	Canh Thân	Tân Dậu	Nhâm Tuất	Quý Hợi	Giáp Tý	Ất Sửu

Bảng 1-2. Lục thập Hoa Giáp

Giáp Tý	Ất Sửu	Bính Dần	Đinh Mão	Mậu Thìn	Kỷ Tỵ	Canh Ngọ	Tân Mùi	Nhâm Thân	Quý Dậu
Giáp Tuất	Ất Hợi	Bính Tý	Đinh Sửu	Mậu Dần	Kỷ Mão	Canh Thìn	Tân Tỵ	Nhâm Ngọ	Quý Mùi
Giáp Thân	Ất Dậu	Bính Tuất	Đinh Hợi	Mậu Tý	Kỷ Sửu	Canh Dần	Tân Mão	Nhâm Thìn	Quý Tỵ
Giáp Ngọ	Ất Mùi	Bính Thân	Đinh Dậu	Mậu Tuất	Kỷ Hợi	Canh Tý	Tân Sửu	Nhâm Dần	Quý Mão
Giáp Thìn	Ất Tỵ	Bính Ngọ	Đinh Mùi	Mậu Thân	Kỷ Dậu	Canh Tuất	Tân Hợi	Nhâm Tý	Quý Sửu
Giáp Dần	Ất Mão	Bính Thìn	Đinh Tỵ	Mậu Ngọ	Kỷ Mùi	Canh Thân	Tân Dậu	Nhâm Tuất	Quý Hợi

Bảng 1-3 Giờ trong ngày

Giờ Ngày	Giờ Tý	Giờ Sửu	Giờ Dần	Giờ Mão	Giờ Thìn	Giờ Tỵ	Giờ Ngọ	Giờ Mùi	Giờ Thân	Giờ Dậu	Giờ Tuất	Giờ Hợi
Giáp Kỷ	Giáp Tý	Ất Sửu	Bính Dần	Đinh Mão	Mậu Thìn	Kỷ Tỵ	Canh Ngọ	Tân Mùi	Nhâm Thân	Quý Dậu	Giáp Tuất	Ất Hợi
Ất Canh	Bính Tý	Đinh Sửu	Mậu Dần	Kỷ Mão	Canh Thìn	Tân Tỵ	Nhâm Ngọ	Quý Mùi	Giáp Thân	Ất Dậu	Bính Tuất	Đinh Hợi
Bính Tân	Mậu Tý	Kỷ Sửu	Canh Dần	Tân Mão	Nhâm Thìn	Quý Tỵ	Giáp Ngọ	Ất Mùi	Bính Thân	Đinh Dậu	Mậu Tuất	Kỷ Hợi
Đinh Nhâm	Canh Tý	Tân Sửu	Nhâm Dần	Quý Mão	Giáp Thìn	Ất Tỵ	Bính Ngọ	Đinh Mùi	Mậu Thân	Kỷ Dậu	Canh Tuất	Tân Hợi
Mậu Quý	Nhâm Tý	Quý Sửu	Giáp Dần	Ất Mão	Bính Thìn	Đinh Tỵ	Mậu Ngọ	Kỷ Mùi	Canh Thân	Tân Dậu	Nhâm Tuất	Quý Hợi



Sơ đồ 8 số trong “Phương pháp xếp cát hung Hồng Phạm”

“Hồng Phạm” là một chương trong *Thượng thư*. Nội dung cho rằng, Quy Thế (bối bằng mai rùa) có thể dự đoán được cát – hung, phúc – họa của con người, sự hưng suy của một đất nước có thể gây ảnh hưởng đến sự thay đổi của khí hậu, sau này trở thành căn cứ lý luận cho lĩnh vực Thần học ‘Thiên nhân cảm ứng’ đời Hán Trong đó dùng ngũ hành (Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ) để giải thích các hiện tượng thiên nhiên, hàm chứa yếu tố theo chủ nghĩa duy vật đơn giản

Những ngày tốt lành có thể chặt gỗ bao gồm: Ngày Kỷ Tỵ, ngày Canh Ngọ, ngày Tân Mùi, ngày Nhâm Thân, ngày Giáp Tuất, ngày Ất Hợi, ngày Mậu Dần, ngày Kỷ Mão, ngày Nhâm Ngọ, ngày Giáp Thân, ngày Ất Dậu, ngày Mậu Tý, ngày Giáp Ngọ, ngày Ất Mùi, ngày Bính Thân, ngày Nhâm Dần, ngày Bính Ngọ, ngày Đinh Mùi, ngày Mậu Thân, ngày Kỷ Dậu, ngày Giáp Dần, ngày Ất Mão, ngày Kỷ Mùi, ngày Canh Thân, ngày Tân Dậu và những ngày Đinh Nhật, Thành Nhật, Khai Nhật⁽¹⁾ đều là những ngày tốt lành. Minh Tinh, Hoàng Đạo, Thiên Đức, Nguyệt Đức⁽²⁾ cũng đều là những ngày thích hợp.

Những ngày cấm kỵ bao gồm. Đào Chiêm Sát, Phủ Đầu Sát, Long Hổ, Thụ Tử, Thiên Tặc, Nhật Nguyệt Chiêm, Ngụy Nhật, Sơn Cách, Cửu Thổ Quỷ, Chính Tứ Phê, Khôi Cang Nhật, Xích Khẩu, Sơn Ngán, Hồng Chủ Chu Tước⁽³⁾

[Chú thích]:

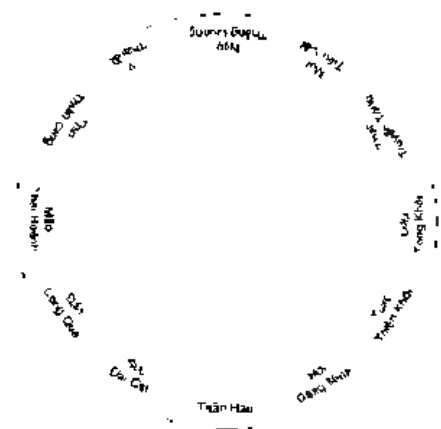
[1] Định, Thành, Khai Nhật: Tức là Định Nhật, Thanh Nhật và Khai Nhật, là thuật ngữ trong phương pháp "trạch cát" của phái Kiến Trừ (một trong các trường phái thuật số) (xem giải thích cụ thể ở phần dưới)

[2] Minh Tinh, Hoàng Đạo, Thiên Đức, Nguyệt Đức: *Minh Tinh* chỉ giờ tốt lành do Minh Tinh năm giữ, giờ Minh Tinh năm giữ có thể át được ám Thiên Tặc, Thiên Địa Tặc, Thiên Cầu Hạ Thục Thoi, Lục Mậu Thoi, thích hợp với việc cầu phúc, giải hạn, an táng. *Hoàng Đạo* là ngày lành, tức Hoàng Đạo cát nhật. Tổng cộng có 6 loại: Thanh Long Hoàng Đạo, Minh Dương Hoàng Đạo, Ngọc Đường Hoàng Đạo, Kim Quỹ Hoàng Đạo, Tư Mệnh Hoàng Đạo, Thiên Đức Hoàng Đạo. Ngoài ra, còn có sự phân chia giữa ngày Hoàng Đạo và giờ Hoàng Đạo. Thường khi gặp được một trong 6 ngày Hoàng Đạo trên thì làm việc gì cũng tốt, không cần tránh cát hung. *Thiên Đức* còn gọi là Thiên Đức Quý Nhân, là một loại sao tốt kết hợp giữa Địa chi của tháng sinh với Thiên can của ngày, giờ sinh. Người xưa cho rằng, nếu một người gặp được cát tinh này thì cả đời sẽ được may mắn và hưởng vinh hoa phú quý. *Nguyệt Đức* cũng là một loại sao tốt kết hợp giữa Địa chi của tháng sinh với Thiên can của ngày, giờ sinh.

[3] Đào Chiêm Sát, Phủ Đầu Sát, Long Hồ, Thu Tử, Thiên Tặc, Nhật Nguyệt Chiêm, Ngũ Nhật, Sơn Cách, Cừu Thổ Quý, Chính Tư Phế, Khôi Cang Nhật, Xích Khẩu, Sơn Ngân, Hồng Chủ Chu Tước: đây đều là những ngày mà người xưa cho là không tốt lành, cần phải cấm kỵ

[Giải thích]:

Như đã nói ở trên, các ngày Kỷ Ty, Canh Ngọ, Tân Mùi, Nhâm Thân, Giáp Tuất, Ất Hợi, Mậu Dần, Kỷ Mão, Nhâm Ngọ, Giáp Thân, Ất Dậu, Mậu Tý, Giáp Ngọ, Ất Mùi, Bính Thân, Nhâm Dần, Bính Ngọ, Đinh Mùi, Mậu Thân, Kỷ



Sơ đồ ngày cát hung

Sơ đồ này dùng để dự đoán sự cấm kỵ cát hung hàng ngày. Ngày Ty kỵ xem bói, ngày Sửu kỵ quét nhà, ngày Dần kỵ cúng lễ và đào giếng, ngày Mão kỵ tắm gội, ngày Thìn kỵ mai táng, ngày Tỵ kỵ cúng lễ, ngày Ngọ kỵ xuất hành nhập thế thiếp và trâu ngựa, ngày Mùi kỵ chặt cây, ngày Thân kỵ xuất hành nhập thế thiếp, trâu ngựa, tiền hàng, ngày Dậu kỵ đối mủ hay mang kiếm, ngày Tuất kỵ trồng cây, ngày Hợi kỵ đóng giường.



Hình Đức Thái Xá

Hình Đức là một phương pháp chọn ngày có liên quan đến Âm Dương, vốn có nghĩa là thường phạt, sau này phái sinh ra cách dùng khác, ví dụ như: ngày là Đức, tháng là Hình, Xuân Hạ là Đức, Xuân Thu là Hình. Thời xưa, việc luận Hình Đức đều do Hoàng Đế cai quản. Trong cuốn "Hoàn Nam Tử Thiên Văn" có ghi Hình Đức Thái Xá: Ngọ (tháng năm) Đức tại Dần, Mùi (tháng sáu) Đức tại Thìn, Thân (tháng bảy) Đức tại Ngọ, Dậu (tháng tám) Đức tại Thân, Tuất (tháng chín) Đức tại Đinh Hợi (tháng mười) Đức tại Tuất, Tý (tháng mười một) Đức tại Thìn, Sửu (tháng mười hai) Đức tại Dần, Dần (tháng một) Đức tại Tuất, Mão (tháng hai) Đức tại Thìn, Thìn (tháng ba) Đức tại Ngọ, Tỵ (tháng tư) Đức tại Thân.

Dậu, Giáp Dần, Ất Mão, Kỷ Mùi, Canh Thân, Tân Dậu là những ngày được ghi lại bằng can chi. Định Nhật, Thành Nhật và Khai Nhật đều là những giờ may mắn. Người xưa cho rằng, “Định” là tử khí, “Thành” có ý là vạn vật đều có được thành tựu, “Khai” là sự bắt đầu của “sinh khí”, “Định” có nghĩa là cây bị chặt xuống, vì vậy, nó có ý nghĩa là tử khí; “Thành” nghĩa là cây cổ phát triển và trở thành vật liệu xây dựng nên có ý nghĩa là thành tựu; “Khai” nghĩa là làm ra, với ý là sinh khí. Vì vậy, 3 ngày trên là 3 ngày thích hợp với việc chặt cây. Về điều này, các nhà thuật số và các trường phái khác nhau lại chưa có được nhận định thống nhất. Ví dụ: Trong cuốn “Hiệp ký biên phương thư” có nói: “Khai Nhật kỵ phát mộc” (ngày Khai Nhật kỵ chặt cây), bởi vì cây bị chặt sẽ chết. Sự lý giải đó khác với sự lý giải trong cuốn sách này.

Thời nhà Hán ở Trung Quốc, một trong các trường phái nổi tiếng là Kiến Trừ đã dùng phương pháp “Thập nhị tri” để ghi chép lịch. Trong phương pháp “Thập nhị tri” này, có 12 ngày giờ là Kiến, Trừ, Mãn, Bình, Định, Chấp, Phá, Nguy, Thành, Thu, Khai, Bế Định Nhật, Khai Nhật và Thành Nhật là 3 ngày giờ trong đó. Sau đó phái Âm Dương lại kết hợp “Thập nhị tri” của phái Kiến Trừ với 12 Địa chi, dùng để xác định cát hung của ngày giờ. Người xưa cho rằng: Nếu gặp các ngày Trừ, Nguy, Định, Chấp, Thành, Khai là ngày tốt, còn nếu gặp các ngày Kiến, Mãn, Bình, Phá, Thu, Bế là ngày hung.

Phương pháp này được lập ra dựa trên Địa chi của ngày đầu tiên trong tháng theo tiết khí, sau đó, sắp xếp lần lượt theo thứ tự và lặp lại theo chu kỳ. Ví dụ, tháng giêng Kiến Dần, vậy thì ngày Dần sau tiết Lập Xuân gọi là “Kiến”, ngày Mão là “Trừ”, ngày Thìn là “Mãn”, ngày Tỵ là “Bình”, ngày Ngọ là “Định”, ngày Mùi là “Chấp”, ngày Thân là “Phá”, ngày Dậu là “Nguy”, ngày Tuất là “Thành”, ngày Hợi là “Thu”, ngày Tý là “Khai”, ngày Sửu là “Bế”. Tháng hai kiến Mão thì ngày Mão sau tiết Kinh Trập gọi là ngày “Kiến”, ngày Thìn là “Trừ”, ngày Tỵ là “Mãn”, ngày Ngọ là “Bình”, ngày Mùi là “Định”, ngày Thân là “Chấp”, ngày Dậu là “Phá”, ngày Tuất là “Nguy”, ngày Hợi là “Thành”, ngày Tý là “Thu”, ngày Sửu là “Khai”, ngày Dần là “Bế”. Các tháng còn lại cứ theo phương pháp đó mà suy ra.

Người xưa dùng 12 chữ “Hàn, Cốc, Thời, Huyền, Định, Noãn, Hổ, Song, Hiếu, Sắc, Tu, Minh” để đặt tên cho 12 Thần sao tương ứng với các giờ. Trong 12 ngôi sao đó, diện cho các giờ này lại chia ra làm 2 loại là Minh Tinh và Âm Tinh, trong đó, các giờ mà Minh Tinh nắm giữ là giờ cát, còn các giờ do Âm Tinh nắm giữ là giờ hung. Phương pháp tính là: Tháng giêng và tháng bảy khởi tại Dần, tháng hai và tháng tám khởi tại Thìn, tháng ba và tháng chín khởi tại Ngọ, tháng tư và tháng mười khởi tại Thân, tháng năm và tháng mười một khởi tại Tuất, tháng sáu và tháng mười hai khởi tại Tý, cứ theo thứ tự như vậy mà suy ra. Quan hệ giữa 12 sao trên với giờ tốt và nguyệt lệnh được thể hiện trong bảng 1 - 4 (những chỗ có ký hiệu “O” là giờ được Minh Tinh nắm giữ).

Thuật trạch cát thời xưa liên quan chặt chẽ với 24 tiết khí. Chi tiết xem bảng 1 - 5.

Thông thường, khi cần chặt gỗ, nên lựa chọn ngày lành Hoàng Đạo. Phương pháp tính ngày lành Hoàng Đạo như sau: Theo thứ tự Thanh Long, Minh Đường, Thiên Hình, Chu Tước, Kim Quy, Thiên Đức, Bạch Hổ, Ngọc Đường, Thiên Lao, Huyền Vũ, Tư Mệnh, Cầu Trận. Nếu tháng giêng Kiến Dần thì ngày Tý sau tiết Lập Xuân sẽ là ngày Thanh Long, ngày Sửu là ngày Minh Đường, ngày Dần là ngày Thiên Hình, ngày Mão là ngày Chu Tước, cứ theo thứ tự đó mà sắp xếp; Nếu tháng

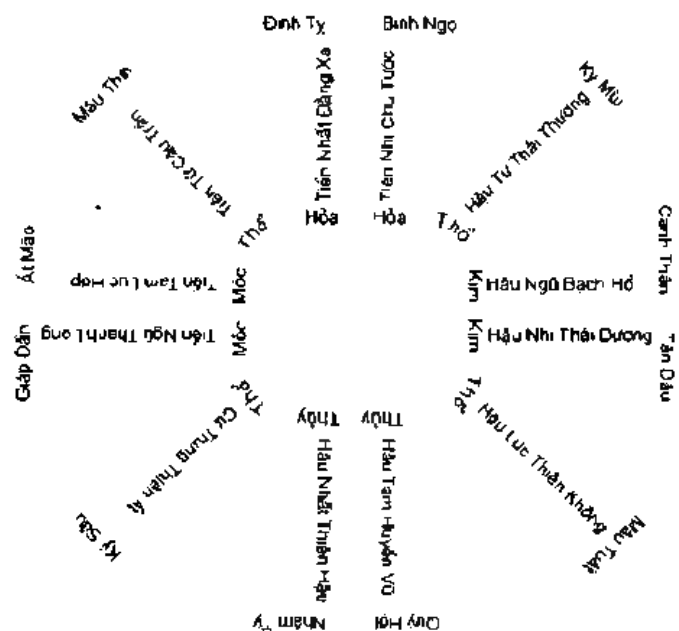
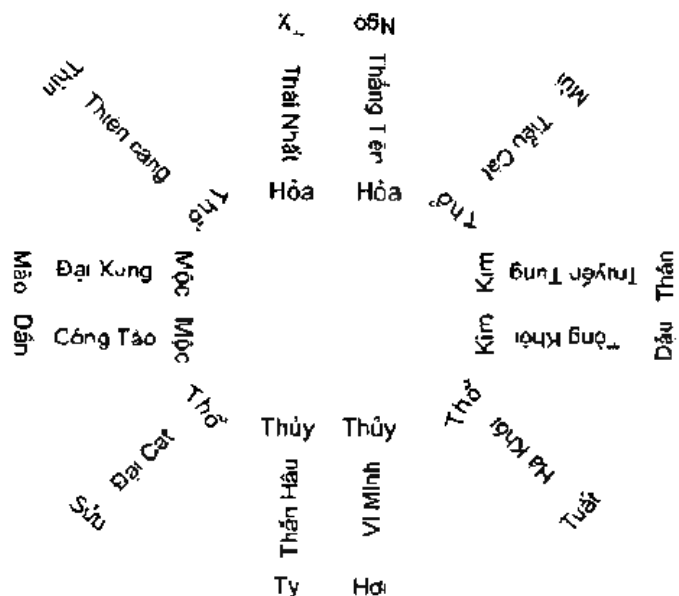
hai kiến Mão thì sau tiết Kinh Trập ngày Dần là Thanh Long, ngày Mão là Minh Đường, ngày Thìn là Thiên Hình, ngày Tỵ là Chu Tước, cứ thế mà loại suy; Nếu tháng ba kiến Thìn thì ngày Thìn sau tiết Thanh Minh là Thanh Long; Tháng tư kiến Tỵ thì sau tiết Lập Hạ ngày Ngọ là ngày Thanh Long; Tháng năm kiến Ngọ, sau tiết Mang Chủng ngày Thân là ngày Thanh Long; Tháng sáu kiến Mùi, ngày Tuất sau tiết Tiểu Thử là ngày Thanh Long; Tháng bảy kiến Thân, sau Lập Thu đất Thanh Long bắt đầu từ ngày Tý Lập lại chu kỳ trên để loại suy ra các tháng còn lại. Người xưa cho rằng, Mặt Trời xoay quanh Trái Đất, mà Hoàng Đạo chính là quỹ đạo để Mặt Trời xoay quanh Trái Đất, thêm vào đó là sự xung khắc của con người với bầu trời và Mặt Trời nên đã coi Hoàng Đạo là một cát Thần, nếu gặp được cát Thần này thì làm việc gì cũng gặp may mắn.

Bảng 1- 4. Bảng đối chiếu giờ tốt, nguyệt lệnh và 12 sao

Giờ tốt Sao	Nguyệt lệnh	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12
Hải	Âm Tinh	Dần	Thìn	Ngọ	Thân	Tuất	Tỵ	Dần	Thìn	Ngọ	Thân	Tuất	Tỵ
Cốc	Âm Tinh	Mão	Tỵ	Mùi	Đau	Hợi	Sửu	Mão	Tỵ	Mùi	Đau	Hợi	Sửu
Thoi	Minh Tinh	Thìn	Ngọ	Thân	Tuất	Tỵ	Dần	Thìn	Ngọ	Thân	Tuất	Tỵ	Dần
Huyền	Minh Tinh	Tỵ	Mùi	Đau	Hợi	Sửu	Mão	Tỵ	Mùi	Đau	Hợi	Sửu	Mão
Đinh	Âm Tinh	Ngọ	Thân	Tuất	Tỵ	Dần	Thìn	Ngọ	Thân	Tuất	Tỵ	Dần	Thìn
Noãn	Minh Tinh	Mùi	Đau	Hợi	Sửu	Mão	Tỵ	Mùi	Đau	Hợi	Sửu	Mão	Tỵ
Hợi	Minh Tinh	Thân	Tuất	Tỵ	Dần	Thìn	Ngọ	Thân	Tuất	Tỵ	Dần	Thìn	Ngọ
Song	Âm Tinh	Đau	Hợi	Sửu	Mão	Tỵ	Mùi	Đau	Hợi	Sửu	Mão	Tỵ	Mùi
Hiếu	Minh Tinh	Tuất	Tỵ	Dần	Thìn	Ngọ	Thân	Tuất	Tỵ	Dần	Thìn	Ngọ	Thân
Sắc	Âm Tinh	Hợi	Sửu	Mão	Tỵ	Mùi	Đau	Hợi	Sửu	Mão	Tỵ	Mùi	Đau
Tu	Âm Tinh	Tỵ	Dần	Thìn	Ngọ	Thân	Tuất	Tỵ	Dần	Thìn	Ngọ	Thân	Tuất
Minh	Minh Tinh	Sửu	Mão	Tỵ	Mùi	Đau	Hợi	Sửu	Mão	Tỵ	Mùi	Đau	Hợi

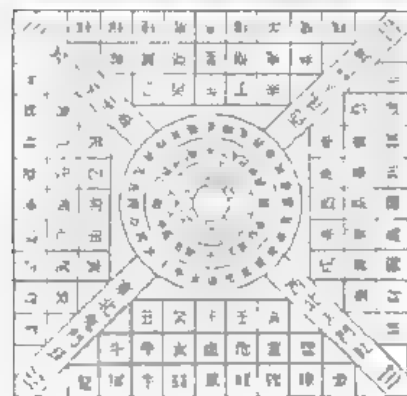
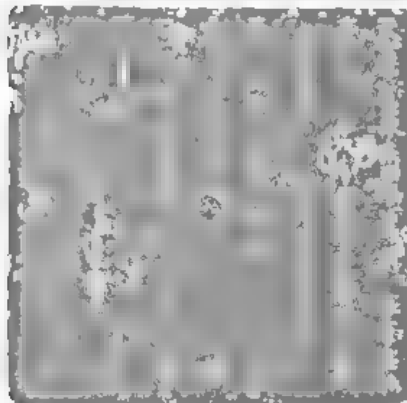
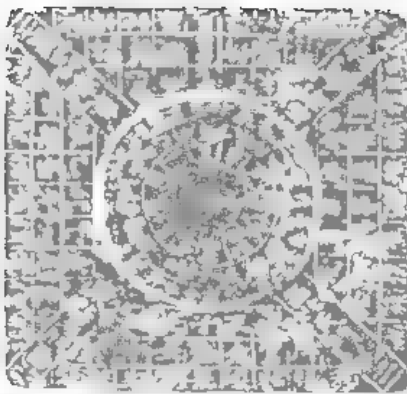
Bảng 1-5. Bảng 24 tiết khí

Tháng	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12
Tiết khí	Lập Xuân	Kinh Trập	Thanh Minh	Lập Hạ	Mang Chủng	Tiểu Thử	Lập Thu	Bạch Lộ	Hải Lô	Lập Đông	Đại Tuyết	Tiểu Hàn
Trung khí	Vũ Thủy	Xuân Phân	Cốc Vũ	Tiểu Mãn	Hạ Chí	Đa Thử	Xử Thử	Thu Phân	Sương Giáng	Tiểu Tuyết	Đông Chí	Đại Hàn



Sơ đồ minh họa 2 loại “Lục Nhâm Thập Nhị Thân”

“Lục Nhâm Thập Nhị Thân” tức là dùng 12 tháng để chỉ 12 Chi Thân trong Lục Nhâm. Theo ghi chép trong “Lục Nhâm Đại Toàn - Thập Nhị Tương Thích”: (1)Vi Minh, Hợi, thuộc tháng giêng. (2) Hà Khôi, Tuất, thuộc tháng hai. (3) Tòng Khôi, Dậu, thuộc tháng ba. (4) Truyền Tụng Thân, thuộc tháng tư. (5) Tiểu Cát, Mùi, thuộc tháng năm. (6) Thàng Tiên Ngọ, thuộc tháng sáu. (7) Thái Nhất, Tý, thuộc tháng bảy. (8) Thiên Cang, Thìn, thuộc tháng tám. (9) Đại Xung, Mão, thuộc tháng chín. (10) Công Tào, Dần, thuộc tháng mười. (11) Đại Cát, Sửu, thuộc tháng mười một. (12) Thần Hậu, Tỵ, thuộc tháng mười hai. “Lục Nhâm Thập Nhị Thân” ở hình trên là khôi phục theo “Ngũ hành Đại - Luận, Chư Thân”, hình dưới là khôi phục theo “Cảnh Hựu Lục Nhâm Thân Định Kinh - Thục Thiên Quan”



Đồng thức Lục Triều Văn Kỳ

"Thức" có phạm vi ứng dụng rất rộng rãi, trong "Đường Lục Điển", quyển 14, đã khái quát "Thức" thành 9 phương diện như sau: "Một là cưới gả, hai là sản xuất, ba là lịch pháp, bốn là nhà cửa, năm là tài lộc, sáu là làm quan, bảy là tế tự, tám là mắc bệnh, chín là mai táng." Tóm lại, tất cả các sự vật phạm thuộc Âm Dương đều cần dùng tới sơ đồ này. Trong hình, Thiên bàn hình tròn nổi lên, có đường kính 6cm, cao hơn Địa bàn 1,9cm. Địa bàn mỗi bên dài 11,2 ~ 11,4 cm, dày 0,2cm. Hình đầu tiên là bản khắc mặt trước, hình thứ hai là bản khắc mặt sau, hình dưới cùng là hình minh họa mặt trước.

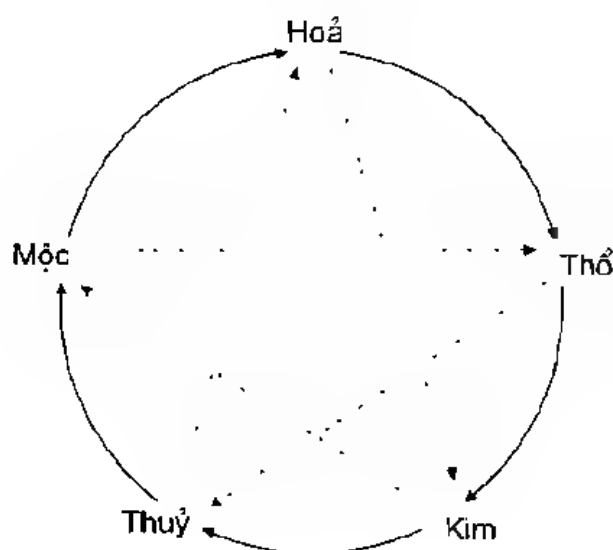
Có bài về như sau: "Chính Đỉnh Nhị Khôn Tam ngưng Nhâm, Tứ Tân Ngũ Giáp Lục Can đồng, Thất Quý Bát Cấn Cửu Nguyệt Bính, Thập Ất Tý Tốn Sửu Canh trung." Thiên Đức là khí tam hợp, ví dụ, tháng giêng, tháng năm, tháng chín kiến Dần, Ngọ, Tuất, hợp Hỏa Cục nên lấy Hỏa là Đức. Tháng giêng Đỉnh, tháng chín Bính, tháng năm Cấn Tuất thì Hỏa Mộ tại cung Cấn. Tháng hai, tháng sáu, tháng mười kiến Mão, Hợi, Mùi, hợp Mộc Cục nên lấy Mộc là Đức. Nếu tháng sáu Giáp, tháng mười Ất, tháng hai Khôn Mùi thì Mộc Mộ tại cung Khôn. Trường hợp còn lại là Kim, Thủy cũng có ý nghĩa tương tự.

Trong "thuật trạch cát", ngoài Thiên Đức ra còn có Nguyệt Đức. Nguyệt Đức có nghĩa là: Tháng Dần, Ngọ, Tuất vào ngày Bính Hỏa, tháng Thân, Tý, Thìn vào ngày Nhâm Thủy, tháng Hợi, Mão, Mùi vào ngày Giáp Mộc, tháng Tỵ, Dậu, Sửu vào ngày Canh Kim. Những người có Nguyệt Đức trong mệnh thì cả đời không gặp nguy hiểm, không buồn phiền. Có bài về: "Dần Ngọ Tuất nguyệt cư Bính phương, Hợi Mão Mùi nguyệt Thân nhật tàng, Thân Tý Thìn nguyệt Nhâm thị Đức, Tỵ Dậu Sửu nguyệt Canh thượng phùng." Do Nguyệt lệnh là Thái Âm, Âm nghĩa là không có Đức, vì vậy lấy Đức của Dương là Đức. Tháng giêng, tháng năm, tháng chín kiến Dần Ngọ Tuất, hợp Hỏa Cục, lấy Bính Dương Hỏa là Đức; Tháng hai, tháng sáu, tháng mười kiến Mão, Hợi, Mùi, hợp Mộc Cục, lấy Thân Dương Mộc là Đức; Tháng ba, bảy, mười một kiến Thìn, Thân, Tý, hợp Thủy Cục lấy Nhâm Dương Thủy là Đức; Tháng tư, tám, mười hai kiến Tỵ, Dậu, Sửu, hợp Kim Cục, lấy Canh Dương Kim là Đức. Thiên Đức và Nguyệt Đức đều thuộc Nguyệt lệnh, tam hợp vượng khí, vì vậy, coi những ngày gặp Thiên Đức và Nguyệt Đức là ngày cát là điều hợp ý.

Những từ "Âm", "Dương" và "Tam hợp", "Thái Âm", "Dương Mộc" ở trên có liên quan đến các khái niệm "Âm Dương", "ngũ hành", ... cần phải giải thích thêm.

Học thuyết Âm Dương được xuất phát từ đời nhà Hạ. Người xưa cho rằng, tất cả mọi sự vật trong vũ trụ đều được căn cứ vào thuộc tính của nó để chia thành hai loại, tức là thuộc Âm và thuộc Dương. Ví dụ, Trời là Dương, Đất là Âm; Ngày là Dương, tháng là Âm; Nam là Dương, Nữ là Âm. Sự đối lập và thống nhất của Âm Dương là nguồn gốc phát triển của vạn vật. Những gì tinh vượng, mạnh đông, cường tráng, hướng ngoại, công năng đều thuộc Dương; Ngược lại, những gì tinh tại, ạnh lẻo, ức chế, nội tại, vật chất đều thuộc Âm. Sự vật có hai mặt Âm Dương, mà Âm Dương lại có thể chuyển hóa cho nhau dưới một điều kiện nhất định.

Học thuyết ngũ hành cũng là một loại tư tưởng triết học do người xưa sáng tạo ra. Từ "ngũ hành" được thấy sớm nhất trong "Thượng Thư" - sách cổ thời Tiên Tần, ban đầu được dùng để chỉ 5 loại vật chất cơ bản của giới tự nhiên: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ. Người xưa cho rằng, chúng là cơ sở để cấu thành nên vạn vật trong vũ trụ và những biến đổi của niên tượng tự nhiên. 5 loại vật chất này mỗi loại có một thuộc tính khác nhau, ví dụ như Mộc có tính sinh trưởng, phát đạt; Hỏa có tính viêm nhiệt (nóng gắt), hướng thượng; Thổ có tính hòa bình, lưu giữ; Kim mang tính sắc sảo, điêu tàn, mất mát; Thủy có tính chất lạnh lẽo, ẩm ướt. Thuyết ngũ hành quy tụ tính chất của tất cả các sự vật trong giới tự nhiên vào 5 loại phạm trù lớn này. Đến thời Chiến Quốc, quan niệm ngũ hành trở nên phức tạp hơn, giữa chúng phát sinh ra mối quan hệ tương sinh, tương khắc. Sau này, người xưa lại kết hợp giữa học thuyết ngũ hành với học thuyết Âm Dương, dùng để giải thích cho phức tạp, cát - hung của tự nhiên và con người. Tương sinh: như và trò thúc đẩy phát triển của một hành nào đó trong ngũ hành (như Mộc) đối với một hành khác (như Hỏa). Sức mạnh của sinh sẽ bị yếu đi, còn được sinh sẽ mạnh lên. Tương khắc: là chỉ sự chế ước (kiềm chế, ức chế) của một "hành" đối với một "hành" khác. Sức mạnh do khắc sẽ bị tiêu hao, còn bị khắc sẽ ức chế và tổn thất. Mối quan hệ tương sinh, tương khắc trong ngũ hành có thể dùng sơ đồ dưới đây để thể hiện, trong đó, nét liền thể hiện quan hệ tương sinh, nét đứt thể hiện quan hệ tương khắc.



Sơ đồ sinh khắc ngũ hành

Như thể hiện trong sơ đồ, mối quan hệ tương sinh - tương khắc trong ngũ hành là: Kim sinh Thủy, Thủy sinh Mộc, Mộc sinh Hỏa, Hỏa sinh Thổ, Thổ sinh Kim; Kim khắc Mộc, Mộc khắc Thổ, Thổ khắc Thủy, Thủy khắc Hỏa, Hỏa khắc Kim.

Người xưa còn tạo ra mối liên hệ giữa ngũ hành với tiết mùa, phương, chu số, Thiên can, Địa chi, bát quái, âm, sắc, vị..., tạo ra mối quan hệ lớn của ngũ hành (Xem bảng 1-6).

Bảng 1-6. Bảng hệ thống ngũ hành

	Mộc	Hỏa	Thổ	Kim	Thủy
Thời gian	Xuân	Hạ	Cuối các mùa	Thu	Đông
Không gian	Đông	Nam	Trung	Tây	Bắc
Chu số	3, 8	2, 7	5, 10	4, 9	1, 6
Thiên can	Giáp, Ất	Bính, Đinh	Mậu, Kỷ	Canh, Tân	Nhâm, Quý
Địa chi	Dần, Mão	Tỵ, Ngọ	Thìn, Tuất, Sửu, Mùi	Thân, Dậu	Hợi, Tý
Bát quái	Chấn, Tốn	Ly	Khôn, Cấn	Cấn, Đoài	Khảm
Âm	Giác	Chủy	Cung	Thương	Vũ
Sắc	Thanh (xanh)	Xích (đỏ son)	Hoàng (vàng)	Bạch (trắng)	Hắc (đen)
Vị giác	Toan (chua)	Khô (đắng)	Cam (ngọt)	Tân (cay)	Hàm (mặn)
Khứu giác	Thiện (gầy)	Tiểu (khô)	Hương (thơm)	Tinh (lạnh)	Hủ (thối)
Ngũ tạng	Cận (gan)	Tâm (tim)	T (lá lách)	Phế (phổi)	Thận
Trung	Lân (vảy)	Vũ (lông chim)	Lôa (lô ra)	Mao (lông)	Giới (Bọ cánh cứng)
Sinh (gia súc)	Dưỡng (nuôi)	Kê (gà)	Ngưu (trâu)	Khuyển (chó)	Chu (con)
Cốc	Mạch (lúa mì)	Thục (đậu)	Tắc (kê)	Mạ (vừng)	Thử (kê)
Bình	Màu	Kích	Kiểm	Que (Gạo mac)	Thuần
Khí	Phong (gió)	Dương	Vu (mưa)	Âm	Hàn (lạnh)

Ngũ hành phối hợp với phương: Phương Đông là Mộc, phương Nam là Hỏa, Trung ương là Thổ, phương Tây là Kim, phương Bắc là Thủy.

Ngũ hành phối hợp với 4 mùa: Mùa xuân chủ Mộc, mùa Hạ chủ Hỏa, mùa Thu chủ Kim, mùa Đông chủ Thủy. Tháng ba (Thìn), tháng sáu (Mùi), tháng chín (Tuất), tháng mười hai (Sửu) đều thuộc Thổ.

Ngũ hành phối hợp với 5 màu sắc: Phương Tây màu trắng Kim, phương Bắc màu đen Thủy, phương Đông màu xanh Mộc, phương Nam màu đỏ Hỏa, Trung ương màu vàng Thổ.

Ngoài ra, người xưa còn cho rằng, ngũ hành có các trạng thái Vương, Tướng, Hưu, Tử, Tở (hoặc Khốn). Trong đó, “Vương” là chỉ trạng thái thịnh vượng; “Tướng” cũng chỉ trạng thái thịnh vượng; “Hưu” chỉ trạng thái nghỉ ngơi, tĩnh tại; “Tử” chỉ trạng thái suy sụp, đóng kín; “Tở” là chỉ trạng thái bị khắc chế hoặc hoàn toàn không có sinh khí. Quy luật của nó như sau: Đản thân là Vương, tôi sinh là Tướng, sinh tôi là Hưu, khắc tôi là Tử, tôi khắc là Tở. Ví dụ, trạng thái của ngũ hành trong 4 mùa là:

Mùa Xuân: Mộc Vương, Hỏa Tướng, Thủy Tử, Thổ Hưu, Kim Tở;

Mùa Hạ: Hỏa Vương, Thổ Tướng, Mộc Tử, Kim Hưu, Thủy Tở;

Mùa Thu: Kim Vương, Thủy Tướng, Thổ Tử, Mộc Hưu, Hỏa Tở;

Mùa Đông, Thủy Vương, Mộc Tướng, Kim Tử, Hỏa Hu, Thổ Tử.

Người xưa cho rằng, giữa Thiên can và Địa chi có các mối quan hệ Hình, Xung, Hai, Hóa, Hợp. "Hình" có nghĩa là hai bên gây trở ngại lẫn nhau, không tương hợp; "Xung" có nghĩa là đối xung, chỉ sự đối lập, trái ngược của từng cặp đôi một. Khái niệm "Lục xung" mà người xưa từng nói có nghĩa là trong 12 Địa chi, có cách 6 vị trí là đối xung. "Lục xung" nghĩa là Tý Ngọ tương xung, Sửu Mùi tương xung, Dần Thân tương xung, Mão Dậu tương xung, Thìn Tuất tương xung, Tỵ Hợi tương xung; "Hai" có nghĩa là hai bên gây tổn hại lẫn nhau, có 6 loại tình huống, tức là Tý Mùi tương hai, Sửu Ngọ tương hai, Dần Tỵ tương hai, Mão Thìn tương hai, Thân Hợi tương hai, Dậu Tuất tương hai; "Hóa" là chỉ sự tương hóa (làm biến đổi lẫn nhau) của từng cặp đôi một trong 10 Thiên can, có 5 loại tương hóa là: Giáp Kỷ hóa Thổ, Ất Canh hóa Kim, Bính Tân hóa Thủy, Đinh Nhâm hóa Mộc, Mậu Quý hóa Hỏa. "Hóa" còn được gọi là "Hợp", bởi vì có hợp lại mới có thể hóa, tức là "Hợp Hóa" "Hợp" tức "Hòa", là chỉ Âm Dương tương hợp

Trong 12 Địa chi có sự khác nhau giữa "Lục hợp" và "Tam hợp". Lục hợp là sự tương hợp từng đôi một trong 12 Địa chi, tức là Tý Sửu hợp Thổ, Dần Hợi hợp Mộc, Mão Tuất hợp Hỏa, Thìn Dậu hợp Kim, Tỵ Thân hợp Thủy, Ngọ Mùi là Thái Âm, Thái Dương Tam hợp là chỉ sự hợp lại của từng nhóm 3 Địa chi trong 12 Địa chi, tức là Thân, Tý, Thìn hợp Thủy, Hợi, Mão, Mùi hợp Mộc, Dần, Ngọ, Tuất hợp Hỏa, Tỵ, Dậu, Sửu hợp Kim.

Mối quan hệ phối hợp giữa can chi và ngũ hành là Trong 10 Thiên can, Giáp, Ất thuộc Mộc, Bính, Đinh thuộc Hỏa; Mậu, Kỷ thuộc Thổ; Canh Tân thuộc Kim; Nhâm, Quý thuộc Thủy Trong 12 Địa chi, Dần, Mão, Thìn thuộc Mộc; Tỵ, Ngọ, Mùi thuộc Hỏa; Thân, Tuất, Sửu, Mùi thuộc Thổ; Thân, Dậu, Tuất thuộc Kim; Hợi, Tý, Sửu thuộc Thủy.

Mối quan hệ giữa Thiên can, Địa chi và Âm Dương là: Căn cứ vào nguyên tắc Dương số kỳ (lẻ), Âm số ngẫu (chẵn), trong 10 Thiên can và 12 Địa chi, thông thường, nếu là số lẻ thì đều thuộc Dương, nếu là số chẵn thì đều thuộc Âm. Ví dụ, trong 10 Thiên can, Giáp, Ất cùng thuộc Mộc, nhưng Giáp là Mộc Dương (gỗ trong rừng sâu), còn Ất là Mộc Âm (gỗ thuộc loại hoa cỏ). Một ví dụ khác, Bính, Đinh cùng thuộc Hỏa, nhưng Bính thuộc Hỏa Dương (lửa của Thái Dương), còn Đinh lại là Hỏa Âm (lửa đèn).

Đạo Chiêm Sát: là một hung Thần. Những ngày mà hung Thần này cai quản bao gồm: Mùa xuân vào ngày Hợi, Tý; Mùa Hạ vào ngày Dần, Mão; Mùa Thu vào ngày Tỵ, Ngọ; Mùa Đông vào ngày Thân, Dậu. Trong cuốn "Tuyển trạch tông kinh" có viết: "Đạo Chiêm hỏa nguyệt, thuật sĩ niết tạo ác danh dĩ hách nhân nh" "

Phủ Đầu Sát: Mùa Xuân vào ngày Thìn, mùa Hạ vào ngày Mùi, mùa Thu vào ngày Dậu, mùa Đông vào ngày Tý

Long Hổ: Tháng giêng vào ngày Tỵ, tháng hai vào ngày Hợi, tháng ba vào ngày Ngọ, tháng tư vào ngày Tý, tháng năm vào ngày Mùi, tháng sáu vào ngày Sửu, tháng bảy vào ngày Thân, tháng tám vào ngày Dần, tháng chín vào ngày Dậu, tháng mười vào ngày Mão, tháng mười một vào ngày Tuất, tháng mười hai vào ngày Thìn

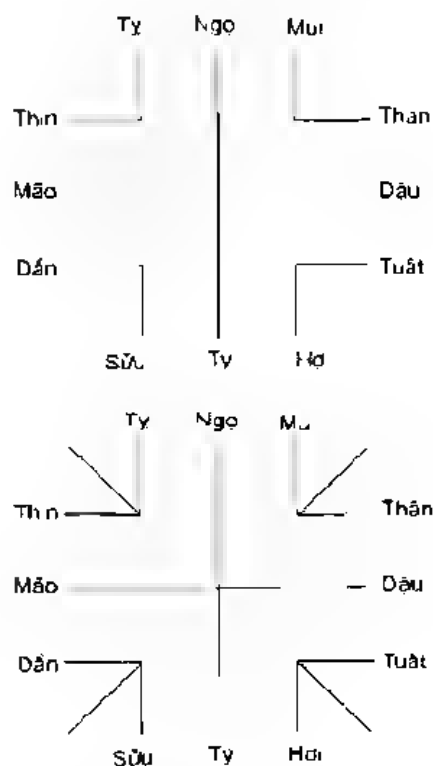
Thụ Tử: Tháng giêng vào ngày Tuất, tháng hai vào ngày Thìn, tháng ba vào ngày Hợi, tháng tư vào ngày Tý, tháng năm vào ngày Sửu, tháng sáu vào ngày Ngọ, tháng bảy vào ngày Mùi, tháng tám vào ngày Mão, tháng chín vào ngày Dần, tháng mười vào ngày Thân, tháng mười một vào ngày Mão, tháng mười hai vào ngày Dậu.

Thiên Tắc: Trong cuốn "Tượng cát thông thư" có ghi: "Thiên Tắc" tháng giêng vào ngày Thìn, tháng hai vào ngày Dậu, tháng ba vào ngày Dần, tháng tư vào ngày Mùi, tháng năm vào ngày Tý, tháng sáu vào ngày Tuất, tháng bảy vào ngày Mão, tháng chín vào ngày Thân, tháng mười vào ngày Sửu, tháng mười một vào ngày Ngọ, tháng mười hai vào ngày Hợi. Theo ghi chép trong cuốn "Khâm Định Tỉn Lịch Khảo Nguyên": "Thiên Tắc giả, Đạo Thần dã, thường cư Thiên Thương hậu Thìn, Cái Thương Khố chi hậu tất hựu Đạo Khí"

Ngũ Nhật: Tháng giêng vào ngày Dậu, tháng hai vào ngày Tuất, tháng ba vào ngày Hợi, tháng tư vào ngày Tý, tháng năm vào ngày Sửu, tháng sáu vào ngày Dần, tháng bảy vào ngày Mão, tháng tám vào ngày Thìn, tháng chín vào ngày Tý, tháng mười vào ngày Ngọ, tháng mười một vào ngày Mùi, tháng mười hai vào ngày Thân.

Sơn Các: Tháng giêng vào ngày Dậu, tháng hai vào ngày Tuất, tháng ba vào ngày Hợi, tháng tư vào ngày Tý, tháng năm vào ngày Sửu, tháng sáu vào ngày Dần, tháng bảy vào ngày Mão, tháng tám vào ngày Thìn, tháng chín vào ngày Tý, tháng mười vào ngày Ngọ, tháng mười một vào ngày Mùi, tháng mười hai vào ngày Thân, cứ lần lượt theo thứ tự của 12 Địa chi. Một cách tính khác tháng giêng vào ngày Mùi, tháng hai vào ngày Tý, tháng ba vào ngày Mão, tháng tư vào ngày Sửu, tháng năm vào ngày Hợi, tháng sáu vào ngày Dậu, tháng bảy vào ngày Mùi, sau đó lặp lại chu kỳ như trên.

Tý	Ngọ	Mùi	Thân
Thìn			Dậu
Mão			Tuất
Dần	Sửu	Tý	Hợi



Mười hai đồ

Tên gọi này được bắt nguồn từ 'Lục gia yếu chỉ' của Tư Mã Đàm, được phát triển từ sơ đồ hình vuông, chủ yếu được cấu tạo từ sơ đồ hình khối (hình ô vuông) và đường thẳng. Sơ đồ trên được cấu tạo từ 12 ô vuông liền nhau, sơ đồ ở giữa và phía dưới được cấu tạo như sau: ở giữa dùng hình chữ thập để biểu thị cho '2 dây', 4 góc dùng hình chữ L để biểu thị '4 móc', '4 móc' nằm ở khoảng 'tứ trạch' (nằm ở giữa của 4 Địa chi), nằm giữ 4 cặp giờ đối nhau theo 4 góc, tức là Sửu Dần Thìn Tỵ, Mùi Thân và Tuất Hợi. Phân chia theo mệnh và quy: Dần, Tỵ, Thân, Hợi là 'Tứ mệnh', Thìn, Mùi, Tuất, Sửu là 'Tứ quy'. '2 dây' là chỉ chỗ chệnh giữa của 4 phương được thể hiện bằng 'Tứ trạch', tức là Tý, Ngọ, Mão, Dậu trong 12 khắc giờ.

Cửu Thổ Quý: Cai quản 9 ngày Ất Dậu, Quý Tý, Giáp Ngọ, Tân Sửu, Nhâm Dần, Kỷ Dã, Bính Tuất (noãn Canh Tuất), Đinh Tỵ, Mậu Ngọ

Chín Tứ Phế: Mùa Xuân vào ngày Canh Thân, Tân Dậu; Mùa Hạ vào ngày Nhâm Tý, Quý Hơ; Mùa Thu vào ngày Giáp Dã, Ất Mão, Mùa Đông vào ngày Bính Ngọ, Đinh Tỵ. Can cứ vào mối quan hệ giữa ngũ hành với 4 mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông, Kim từ vào mùa Xuân, Thủy từ vào mùa Hạ, Mộc từ vào mùa Thu, Hỏa từ vào mùa Đông, ngũ hành đều lâm vào cảnh bế tắc, vì vậy đều là ngày hung

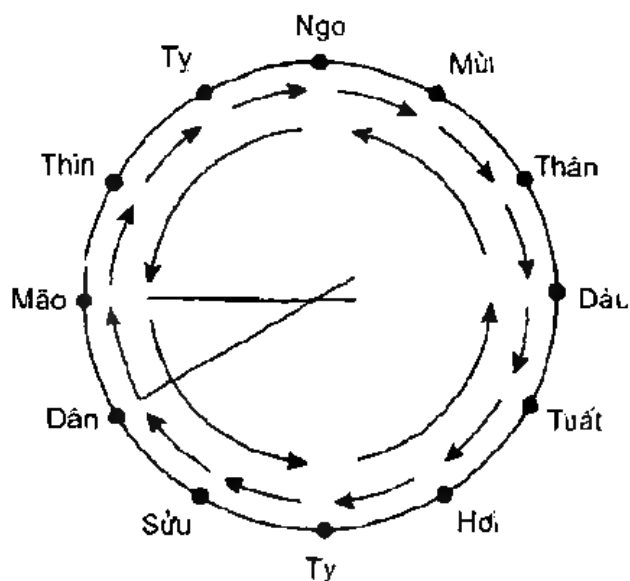
Khôi Cang Nhật. Thìn là "Thiên Cang", Tuất là "Hà Khôi", hai ngày này được gọi là "Khôi Cang Nhật". Nhưng trong ngày chạp cây ở phía trước có "Giáp Tuất", ngày Tuất cũng là "Khôi Cang Nhật", nơi chỗ này dường như hơi có sự mâu thuẫn

Xích Khẩu Nhật thuộc về "Phương pháp dự đoán Tiểu Lục Nhâm", ngày này thuộc tiểu hung, không có lợi cho việc nhỏ. Những thuật ngữ chính trong "Phương pháp dự đoán Tiểu Lục Nhâm" bao gồm: Đại An, Lưu Liên, Tốc Hỷ, Xích Khẩu, Tiểu Cát, Không Vong. Đại An là đại cát, làm việc gì cũng tốt, thường đều có thể thành công; Lưu Liên là trung hung, không thể làm được việc lớn, Tốc Hỷ là trung cát, có thể làm được việc lớn, có thể thành công; Xích Khẩu là tiểu hung, không làm được việc nhỏ; Tiểu Cát, làm việc nhỏ có thể thành công; Không Vong là đại hung không thể làm được việc gì, làm gì đều không thành công

Theo cách nói trên, ngày mùng 1 tháng giêng của năm Dương được bắt đầu vào ngày Tiểu Cát, mùng 2 là ngày Không Vong, mùng 3 là ngày Đại An, mùng 4 là ngày Lưu Liên, mùng 5 là ngày Tốc Hỷ, mùng 6 là ngày Xích Khẩu, quay lại chu kỳ, cứ theo đó để loại suy. Ngày mùng 1 tháng giêng của năm Âm sẽ được bắt đầu bằng ngày Lưu Liên, mùng 2 là Tốc Hỷ, mùng 3 là Xích Khẩu, mùng 4 là Tiểu Cát, mùng 5 là Không Vong, mùng 6 là Đại An, sau đó quay lại chu kỳ. Ngày Xích Khẩu của năm Dương là: ngày mùng 6, ngày 12, 18, 24, 30 tháng giêng và tháng bảy; Ngày mùng 5, ngày 11, 17, 23, 29 tháng hai và tháng tám; Ngày mùng 10, ngày 16, 22, 28 tháng ba và tháng chín; Ngày mùng 3, mùng 9, ngày 15, 21, 27 tháng tư và tháng mười; Ngày mùng 2, mùng 8, ngày 14, 20, 26 tháng năm và tháng mười một; Ngày mùng 1, mùng 7, ngày 13, 19, 25 tháng sáu và tháng mười hai. Ngày Xích Khẩu của năm Âm sẽ là: Ngày mùng 3, mùng 9, ngày 15, 21, 27 tháng giêng và tháng bảy; Ngày mùng 2, mùng 8, ngày 14, 20, 26 tháng hai và tháng tám; Ngày mùng 1, mùng 7, ngày 13, 19, 25 tháng ba và tháng chín; Ngày mùng 6, ngày 12, 18, 24, 30 tháng tư và tháng mười; Ngày mùng 5, ngày 11, 17, 23, 29 tháng năm và tháng mười một; Ngày mùng 4, mùng 10, ngày 16, 22, 28 tháng sáu và tháng mười hai

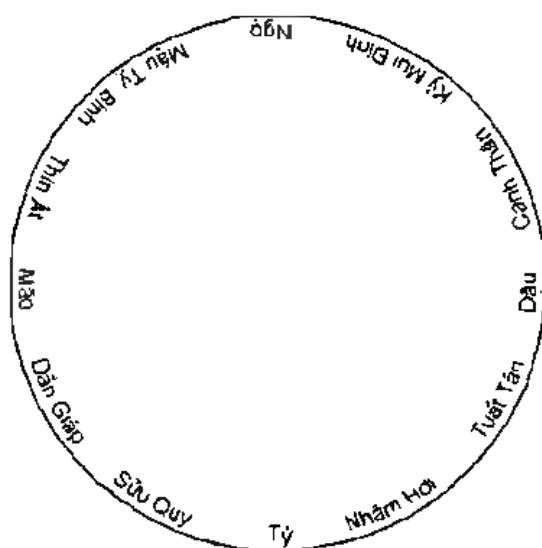
Sơn Ngã: Chỉ ngày mùng 2, mùng 8, ngày 12, 17, 20 tháng đủ; Ngày mùng 5, ngày 14, 16, 21, 27 tháng thiếu.

Hồng Chử Chu Tước: Là 7 ngày Ất Sửu, Giáp Tuất, Quý Mùi, Nhâm Thìn, Tân Sửu, Canh Tuất, Kỷ Mùi



Đại thời và tiểu thời

Đại thời và tiểu thời là 2 hệ thống phân chia thời gian trong thời cổ đại. "Đại thời" là chỉ vòng quay sang phải của Thái Cực, bắt đầu từ Mão đi qua Tý, Dậu, Ngọ rồi lại quay về Mão. "Tiểu thời" là chỉ vòng quay sang trái của Đẩu Bình, bắt đầu từ Dần, đi qua Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi, Tý, Sửu rồi lại quay trở về Dần. "Đại thời" áp dụng khái niệm thời gian theo kiểu chia 4, còn "Tiểu thời" áp dụng khái niệm, thời gian theo kiểu chia 12.



Sơ đồ Kiến Trừ

Cách nói "Kiến Trừ" được thấy sớm nhất trong "Hoàn Nam Tử - Thiên Văn" và "Sử ký - Đồ lễ truyện", được truyền lại mãi đến tận đời sau. Ví dụ, tháng giêng, ngày Kiến Trừ là từ ngày Dần đến ngày Sửu, tháng hai là từ ngày Mão đến ngày Dần, cứ theo như tư như vậy để suy ra các tháng còn lại.

Bảng 1-7. Bảng chế độ thời gian

Chế độ thời gian 12		Chế độ thời gian 16		
Thuyết địa tân giản "Nhật thư" át chủng ²	"Luân hành (hoành) - ngôn gian thời" "Tả truyền" năm Tuyên Công thứ 12, năm Chiêu Công thứ 5	Phong mã thân tàn giản "Nhật thư" Giáp chủng ³	"Hoà nam tử - Thấn văn" ¹⁴	"Tổ vấn"
		Diệp trung (nửa đêm)	Tang dư (Lục xế chiều)	Diệp bán (nửa đêm)
		Diệp quá trung (qua nửa đêm)	Thần minh (trăng, sao sáng)	Diệp bán hậu (qua nửa đêm)
		Kê minh (gà gáy)	Phỉ minh (trăng non bắt đầu sáng)	Kê minh (gà gáy)
		Bình đán (bình minh)	Đán minh (bình minh)	Đại Thần (sáng tinh mơ)
Nhan đình (thấy mặt người)	Diệp bán (nửa đêm)	Nhật xuất (Mặt Trời mọc)	Tảo thực (ăn sáng)	Bình đán (bình minh)
-	Kê minh (gà gáy)	Tục thực (ăn sáng)	Ăn thực (ăn chiều)	Nhật xuất (Mặt Trời mọc)
-	Bình đán (bình minh)	Mạc thực (gần hết giờ ăn)	Ngưng trung	Tảo thực (ăn sáng)
Nhật xuất (Mặt Trời lên)	Nhật xuất (Mặt Trời lên)	Nhật trung (giữa trưa)	Chính trung (giữa trưa)	Ăn thực (ăn chiều)
Thực thời (giờ ăn)	Thực thời (giờ ăn)	Nhật quá trung (qua trưa)	Tiểu thiên (đi gần)	Diệp trung (nửa đêm)
Mạc thực (gần hết giờ ăn)	Ngưng trung	Nhật tắc (trắc) (Mặt Trời xế bóng)	Phổ thời (giờ ngủ)	Nhật diệp (Mặt Trời xế bóng)
Nhật trung (giữa trưa)	Nhật trung (giữa trưa)	Nhật hạ tắc (trắc) (Mặt Trời xuống bóng)	Đa thiên (đi xa)	Hạ phổ (đi ngủ)
Nhan đình (thấy mặt người)	Nhật diệp (Mặt Trời xế bóng)	Nhật vi nhập (Mặt Trời chưa lặn)	Cao thung	Nhật nhập, nhật lịch (Mặt Trời lặn)
Hạ thi (xuống chợ)	Phổ thời (giờ ngủ)	Nhật nhập (Mặt Trời lặn)	Hạ thung	Hoàng hôn
Thung nhất	Diệp nhật nhập (Mặt Trời lặn)	Hôn (sẩm tối)	Huyền xe (đi xe lên huyện)	Ăn phổ (ngủ chiều)
Ngưu Dương nhập	Hoàng hôn	Diệp mạc (gần nửa đêm)	Hoàng hôn	Nhan đình (thấy mặt người)
Hoàng hôn	Nhan đình (thấy mặt người)	Diệp vi trung (gần nửa đêm)	Định hôn (tối hẳn)	Hợp diệp

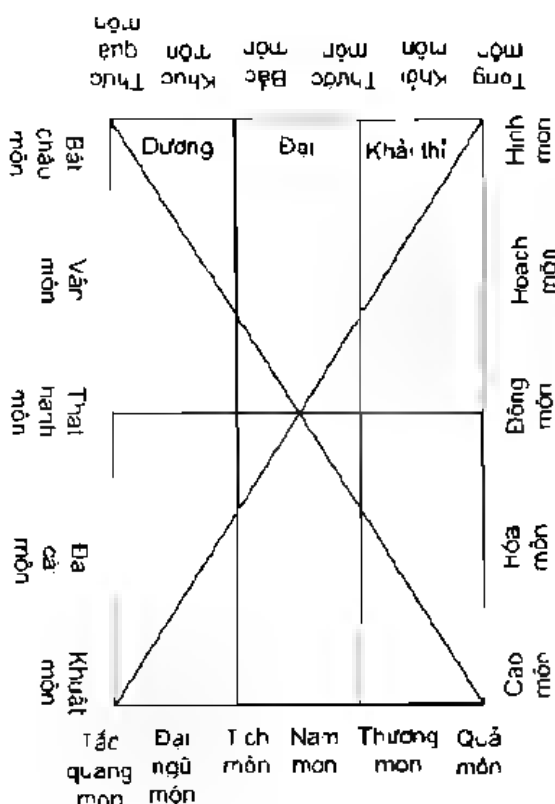
2. KHỞI CÔNG BẮC GIÀN GIÁO

Việc khởi công động thổ bắc giàn giáo^[1]: Thường do thợ thực hiện, phải theo đúng trình tự tiêu chuẩn do những người thợ mộc thế hệ trước truyền lại. Trước tiên phải lựa chọn ngày tốt để bắc giàn giáo, sau đó, dựng cột ở chỗ an toàn^[2] trên giàn giáo, bước tiếp theo, vài người cùng bắt đầu dùng cuốc đào đất lên. Ngày nay, có một số thợ mộc mới học nghề, việc đầu tiên là họ dựng cố định cột nhà chứ không bắt đầu bằng việc dựng cột ở chỗ an toàn trên giàn giáo theo phương pháp của Lỗ Ban. Phải xem xét mặt sau trước, sau đó mới xem xét mặt trước, chú ý đến chỗ thấp trước, chỗ cao sau, bắt đầu thực hiện từ phía dưới trước, sau đó mới tiến dần lên trên, đây là trình tự được truyền thụ lại từ những người đời trước. Khi xây dựng nhà cửa thường phải căn cứ vào độ sâu - nông, rộng - hẹp của ngôi nhà để làm cho nó cao thấp được ngang bằng, kích thước đạt tiêu chuẩn, sau đó mới có thể tiến hành các bước khác trong việc xây nhà

[Chú thích]:

[1] Việc khởi công động thổ bắc giàn giáo: Là việc dùng vật liệu gỗ hoặc tre để bắc giàn giáo khi xây dựng nhà cửa

[2] Chỗ an toàn Phương vị hoặc kết cấu không phạm vào Thần Sát.



Sơ đồ cát hung trong đất của nhà

Sơ đồ này thể hiện hung cát phúc - họa liên quan đến 22 vị trí đất của Sơ đồ là một ngôi nhà được đất theo hướng trên Bắc - dưới Nam, phía Bắc ngôi nhà có diện lớn, bên trái có chuồng lợn và cột vưa, bên phải diện có chuồng dê, từ trái sang phải có 5 cửa, từ trên xuống dưới có 6 cửa.

[Giải thích]:

Bắt gàn giảo khởi công chính là việc bắt đầu trong quá trình xây nhà, quan trọng nhất là phải lựa chọn ngày lành tháng tốt, đây là khâu không thể thiếu. Người xưa thường tính toán rất cẩn thận ngày lành để xây nhà, đồng thời, cũng có sự ghi chép tỉ mỉ về việc này. Trong cuốn "Hiệp kỷ bên phương thư" có ghi lại như sau:

Tháng giêng:

Tân Mùi, Ất Mùi, Nhâm Ngọ, Bính Ngọ, Quý Dậu, Đinh Dậu, Đinh Sửu, Quý Sửu;

Tháng hai:

Mậu Dần, Canh Dần, Kỷ Tỵ, Bính Dần, Giáp Dần, Đinh Sửu, Quý Sửu;

Tháng ba:

Kỷ Tỵ, Giáp Thân;

Tháng tư:

Đinh Sửu, Bính Tuất, Bính Ngọ, Canh Ngọ, Bính Tý, Canh Tý;

Tháng năm:

Ất Hợi, Kỷ Hợi, Tân Hợi;

Tháng sáu:

Ất Hợi, Giáp Thân, Canh Thân, Quý Dậu, Đinh Dậu, Tân Hợi;

Tháng bảy:

Mậu Tý, Nhâm Tý, Bính Tý, Canh Tý, Mậu Thìn, Bính Thìn;

Tháng tám:

Ất Hợi, Kỷ Hợi, Canh Dần, Mậu Dần, Giáp Thân, Mậu Thân, Canh Thân, Mậu Thìn, Nhâm Thìn, Bính Thìn, Tân Hợi, Bính Dậu;

Tháng chín:

Quý Mão, Tân Mão;

Tháng mười:

Nhâm Ngọ, Tân Mùi, Ất Mùi, Canh Ngọ, Đinh Mùi;

Tháng mười một:

Canh Dần, Mậu Dần, Ất Sửu, Đinh Sửu, Quý Sửu, Giáp Dần;

Tháng mười hai:

Mậu Dần, Kỷ Mão, Ất Mão, Kỷ Tỵ, Bính Dần, Giáp Dần.

Ngày lành cho việc bắc giàn giao: Ngày lành thích hợp cho việc bắc giàn giảo bao gồm: ngày Thiên Đức, ngày Nguyệt Đức, ngày Nguyệt Không, ngày Tam Kỳ, ngày Đế Tinh.

Ngày hung cho việc bắc giàn giáo: Những ngày không thích hợp cho việc bắc giàn giáo bao gồm các ngày: Quan Phù, Tam Sát, Chúc Hỏa, Nguyệt Gia Ph. Cung, Châu Huyền Quan Phù, Nguyệt Lưu Tài, Tiểu Nhi Sát, những ngày này cần tránh vì bị cấm kỵ, chỉ được ở trong nhà để tính ngày an, không được đi ra ngoài hoặc di chuyển nương hỏa (Xem chú giải các Thần Sát ở phần sau).

Ngày thích hợp cho việc xẻ gỗ khởi công⁽¹⁾ bao gồm: Ngày Kỷ Tỵ, Tân Mùi, Giáp Tuất, Ất Hợi, Mậu Dần, Kỷ Mão, Nhâm Ngọ, Giáp Thân, Ất Dậu, Mậu Tý, Canh Dần, Ất Mùi; Kỷ Hợi, Nhâm Dần, Quý Mão, Bính Ngọ, Mậu thân, Kỷ Dậu, Nhâm Tý, Ất Mão, Kỷ Mùi, Canh Thân, Tân Dậu, và các ngày Hoàng Đạo Thiên Thành, Nguyệt Không, Thiên Đức, Nguyệt Đức, Hợp Thân, Khai Nhật, đó đều là những ngày tốt lành.

Những ngày nên kỵ bao gồm: Ngày Đào Chiêm Sát, Mộc Mã Sát, Phủ Đầu Sát, Thiên Tặc, Thu Tử, Nguyệt Phá, Phá Bai, Chúc Hỏa, Lỗ Ban Sát, Kiến Nhật, Cửu Thổ Quý, Chính Tứ Phế, Tứ Ly, Tứ Tuyệt, Đại Tiểu Không Vong, Hoang Vu, Hung Bai, Diệt Một, đây đều là những ngày không tốt lành, có thể gặp tai họa hung ác.

[Chú thích]:

[1] Xẻ gỗ khởi công Bắt đầu khởi công cắt xẻ vật liệu gỗ

[2] Các ngày Đào Chiêm Sát, Mộc Mã Sát, Phủ Đầu Sát, Thiên Tặc, Thu Tử, Nguyệt Phá, Phá Bai, Chúc Hỏa, Lỗ Ban Sát, Kiến Nhật, Cửu Thổ Quý, Chính Tứ Phế, Tứ Ly, Tứ Tuyệt, Đại Tiểu Không Vong, Hoang Vu, Hung Bai, Diệt Một đều là những ngày không tốt lành.

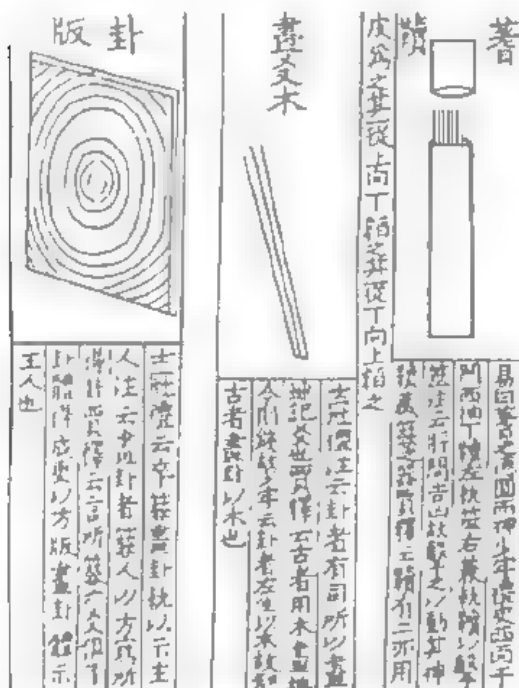
Mậu Ngọ	Bính Thìn	Quý Sửu	Kỷ Dậu	Giáp Thìn	Kỷ Hợi	Ất Mùi	Nhâm Thìn	Canh Dần	Kỷ Sửu
	Đinh Tỵ	Giáp Dần	Canh Tuất	Ất Tỵ	Canh Tỵ	Bính Thân	Quý Tỵ	Tân Mão	
		Ất Mão	Tân Hợi	Bính Ngọ	Tân Sửu	Đinh Dậu	Giáp Ngọ		
			Nhâm Tý	Đinh Mùi	Nhâm Dần	Mậu Tuất			
				Mậu Thân	Quý Mão				

Sơ đồ minh hoa phương pháp suy đoán "Ly nhất"

Sơ đồ này được vẽ dựa trên sự liệt kê 10 tháng trong "Nguyên Quang lục niên lịch phổ" thời Tây Hán "Ly nhất" trong sơ đồ này chỉ hai phía của đường ranh giới giữa, là những ngày đối xứng với "Phân Chi" Từ "ly" ở đây có nghĩa là phân ly, "ly nhất" tương truyền là ngày mà Hạ Vũ rời nhà ra đi Vì vậy, những ngày này có ý nghĩa phân ly, không hợp, không nên cưới gả, lấy vợ, chỉ thích hợp cho việc chia nhà

[Giải thích]:

Thiên Thân, La cát Thân, tháng giêng ngày Mùi, tháng hai ngày Dậu, tháng ba ngày Hợi, tháng tư ngày Sửu, tháng năm ngày Mão, tháng sáu ngày Tỵ, tháng bảy ngày Mùi, tháng tám ngày Dậu, tháng chín ngày Hợi, tháng mười ngày Sửu, tháng mười một ngày Mão, tháng mười hai ngày Tỵ.



Sơ đồ chiêm quái (xem quẻ)

Xem quẻ nghĩa là dựa vào quái khí của 64 quẻ để suy đoán cát hung, nội dung của nó thuộc về thuyết của các nhà phong giác chung luật hậu khí định âm

Nguyệt Không, Ngày Nhâm của tháng giêng, tháng năm và tháng chín Ngày Canh của tháng hai, tháng sáu và tháng mười, Ngày Bính của tháng ba, tháng bảy và tháng mười một, Ngày Sửu của tháng tư, tháng tám và tháng mười hai vì Thiên này đóng ở vị trí cát khảm, chủ cát, vì vậy thích hợp với các việc tu tạo, động thổ.

Hợp Thân La cát Thân, có 3 cách gọi Thứ nhất là Địa chi lục hợp, như Tỵ Sửu hợp Dần Hợi hợp, Mão Tuất hợp, Thìn Dậu hợp, Tỵ Thân hợp, Ngọ Mùi hợp; Thứ hai là Địa chi tam hợp cục, như Thân Tỵ Thìn hợp Thủy cục, Dần Ngọ Tuất hợp Hỏa cục, Hợi Mão Mùi hợp Mộc cục, Tỵ Dậu Sửu hợp Kim cục; Thứ ba là Thiên can ngũ hợp, như Giáp Kỷ hợp, Ất Canh hợp, Bính Tân hợp, Đinh Nhâm hợp, Mậu Quý hợp. Những ngày này trong quan niệm của người xưa đều là ngày tốt lành.

Mô Mã Sát: Là hung Thân, tháng giêng vào ngày Tỵ, tháng hai vào ngày Mùi, tháng ba vào ngày Dậu, tháng tư vào ngày Thân, tháng năm vào ngày Tuất, tháng sáu vào ngày Tỵ, tháng bảy vào ngày Hợi, tháng tám vào ngày Sửu, tháng chín vào ngày Mão, tháng mười vào ngày Dần, tháng mười một vào ngày Thìn, tháng mười hai vào ngày Ngọ. Nói cách khác, là ngày Bính của mệnh nguyệt (tháng đầu tiên của các quý), ngày Đinh của trọng nguyệt (tháng thứ ba của các quý), và ngày Giáp của quý nguyệt (tháng cuối cùng của các quý).

Nguyệt Phá: Là chỉ ngày Thân của tháng giêng, ngày Dâu của tháng hai, ngày Tuất của tháng ba, ngày Hợi của tháng tư, ngày Tý của tháng năm, ngày Sửu của tháng sáu, ngày Dần của tháng bảy, ngày Mão của tháng tám, ngày Thìn của tháng chín, ngày Tỵ của tháng mười, ngày Ngọ của tháng mười một, ngày Mùi của tháng mười hai. Những ngày này nằm ở vị trí đối xứng của tết trong tháng, vì vậy, cần phải tránh.

Bảng 1-8. Bảng tinh tú Bắc Đẩu Thiên bàn

	Tháng hoặc Thân	Căn chi	Chùm sao
	Mười một	Mão, Kỷ	Đẩu
	Đại Cát	Sinh	Ngưu
	Mười hai	Quý	Nữ
	Thân Hầu	Tỵ	Khẩu (Khẩu) hoặc Hư
		Nhâm	Nguy
	Chính Chủy Minh	Hợi	Doanh, Thất
		Kỷ, Mão	Bích, Tích (Tích)
	Hai	Kỷ, Mão	Khuê
Đẩu Khô nhất tinh (1 sao)	Khô, Thiên Khô	Tuất	Lâu
	Ba	Tan	Vị
Đẩu Khô nhị tứ tinh (2-4 sao)	Tông Khô	Dâu	Mão
	Bôn	Canh	Tải
Đẩu Khô tam tinh (3 sao)	Truyền Tông	Thân	Thử Chủy
		Kỷ, Mậu	Sâm
	Năm	Kỷ, Mậu	Tinh
	Tiểu Cát	Mùi	Quỷ
	Sáu	Đinh	Liêu
	Thăng Tén	Ngọ	Tinh
	Bảy	Bính	Trường Trường Trương
	Thái Ất Tha Nhất	Tỵ	Vê Đức
		Mậu, Kỷ	Chấn
	Tám	Mậu, Kỷ	Gốc
Đẩu Thước thất tinh (7 sao)	Thiên Cương Thiên Cang	Thìn	Cang
	Chun	Ất	Đê
Đẩu Thước ngũ lục tinh (5, 6 sao)	Đại Xung, Thái Xung	Mão	Phương, Phóng
	Mười	Thân	Tâm
	Công Tào	Dần	Vĩ
		Mậu, Kỷ	Cơ

Phá Bai. Là chỉ ngày Thân của tháng giêng và tháng bảy; Ngày Tuất của tháng hai và tháng tám; Ngày Tý của tháng ba và tháng chín; Ngày Dần của tháng tư và tháng mười; Ngày Thìn của tháng năm và tháng mười một; Ngày Ngọ của tháng sáu và tháng mười hai. Theo cách nói trên, ngày Thân của tháng giêng đối xứng với Nguyệt ệnh, vì vậy cần tránh. Nhưng ngày Tuất của tháng hai, ngày Dần của tháng mười và ngày Ngọ của tháng sáu đều tương hợp với Nguyệt ệnh của nó, nhưng cũng bị coi là “Phá Bai”, chỗ này không thỏa đáng.

Chức Hòa. Là ch' ngày Tý của tháng gêng, ngày Thìn của tháng hai, ngày Mão của tháng ba, ngày Dần của tháng tư, ngày Sửu của tháng năm, ngày Tý của tháng sáu, ngày Hợi của tháng bảy, ngày Tuất của tháng tám, ngày Dậu của tháng chín, ngày Thân của tháng mười, ngày Mùi của tháng mười một, ngày Ngọ của tháng mười hai.

Lỗ Ban Sát. Là ch' ngày Tý của mùa Xuân, ngày Mão của mùa Hạ, ngày Ngọ của mùa Thu và ngày Dậu của mùa Đông.

Bảng 1-9. Bảng tinh tú Địa bàn

Can	Chi	Sao	Can	Chi	Sao
		Đẩu			Tinh
	Sửu	Ngưu		Mùi	Quỷ
Quy		Nữ	Đinh		Liêu
	Tý	Khưu (Khâu), Hư		Ngọ	Tinh
Nhâm		Ngưu	Bính		Trương (Trường), Trương
	Hợi	Doanh Thất		Tý	Vũ, Dục
		Bích, Tích (Tích)			Sâm
		Khuê			
	Tuất	Lâu		Thìn	Cang
		V	Ất		Đê
	Đẩu	Mão		Mão	Phương, Phong
Canh		Tất	Giáp		Tâm
	Thân	Thử Chủy		Dần	Vĩ
		Sâm			Cơ

Kiến Nhật. Là chỉ của tháng có can chi Nguyệt kiến, như tháng giêng kiến Dần thì Dần là Kiến Nhật; Tháng hai kiến Mão thì Mão là Kiến Nhật, cứ tiếp tục suy luận theo thứ tự (như ở phần trước đã nói).

Tứ Ly: Là ch' ngày trước của 4 tiết khí: Xuân phân, Hạ chí, Thu phân, Đông chí. Đó là Mộc Ly - ngày trước ngày Xuân phân; Hỏa Ly - ngày trước ngày Hạ chí; Kim Ly - ngày trước ngày Thu phân và Thủy Ly - ngày trước ngày Đông chí. Chữ "Ly" được nhắc đến ở đây có nghĩa là Âm Dương ly biệt, cũng có nghĩa là Âm Dương không điều hòa, vì vậy mới nói đây là ngày hung, cần phải tránh.

Tứ Tuyệt: Là chỉ ngày trước của 4 tiết khí: Lập Xuân, Lập Hạ, Lập Thu và Lập Đông. Người xưa cho rằng, Lập Xuân Mộc vượng Thủy tuyệt, Lập Hạ Hỏa vượng Mộc tuyệt, Lập Thu Kim vượng Thổ tuyệt, Lập Đông Thủy vượng Kim tuyệt. Vì vậy mới nói rằng, ngày trước của 4 tiết khí này là Tuyệt Nhật. Điều này có mối liên hệ mật thiết với các trạng thái Vương, Tướng, Hư, Tì, Tử,... trong ngũ hành.

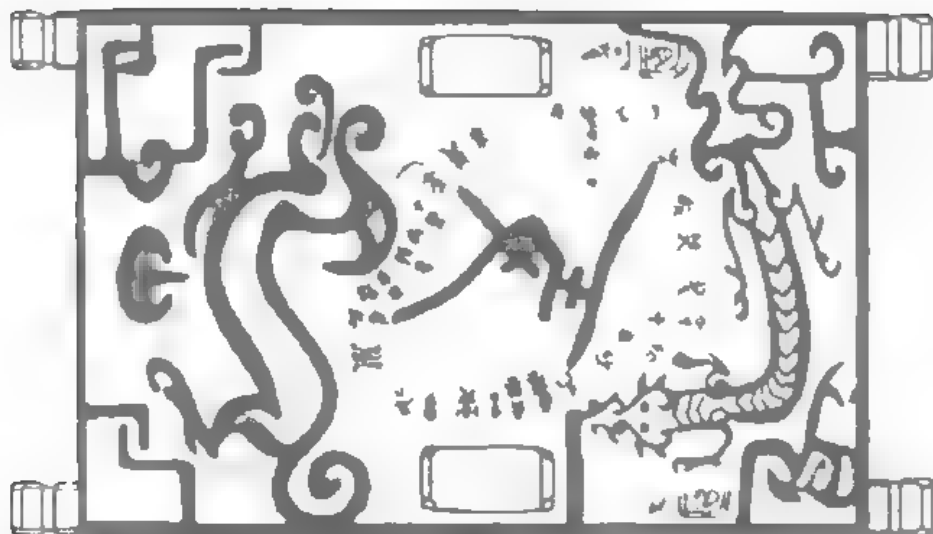
Đại Tiểu Không Vong: Theo ghi chép của cuốn “Vĩnh Cát thông thư”, quẻ Càn bắt đầu từ tháng giêng, tháng hai quẻ Khảm, tháng ba quẻ Cấn, cứ theo thứ tự đó mà loại suy. Nếu tính theo tháng thì bắt đầu từ mùng 1, cũng theo đó mà loại suy, nếu gặp “Ly” là Đại Không Vong, gặp “Khảm” là Tiểu Không Vong. Ví dụ, tháng giêng tại Càn, Càn bắt đầu từ mùng 1, mùng 2 là Khảm, ngày này chính là ngày Tiểu Không Vong. Ngày mùng 3 là Cấn, ngày mùng 4 là Chấn, ngày mùng 5 là Tốn, mùng 6 là Ly, ngày này là ngày Đại Không Vong. Những ngày còn lại cũng suy luận theo phương pháp đó. Người xưa cho rằng, nếu gặp ngày Không Vong mà làm việc xây dựng sẽ dẫn đến vợ chồng ly tán, chủ tớ bất hòa, mất người mất của, tai nạn ngoài ý muốn, tuyệt tử. Theo quan điểm của khoa học hiện đại thì đây đều là những điều duy tâm, không đáng tin cậy.

Hoang Vu: Là chủ nhật của tháng giêng, ngày Dâu của tháng hai, ngày Sửu của tháng ba, ngày Thân của tháng tư, ngày Tý của tháng năm, ngày Thìn của tháng sáu, ngày Hợi của tháng bảy, ngày Mão của tháng tám, ngày Mùi của tháng chín, ngày Dần của tháng mười, ngày Ngọ của tháng mười một, ngày Tuất của tháng mười hai. Mùa Xuân Mộc vượng Kim tuyệt, mùa Hạ Hỏa vượng Thủy tuyệt, mùa Thu Kim vượng Mộc tuyệt, mùa Đông Thủy vượng Hỏa tuyệt. Những Sát Thần này đều đi đến chỗ chết của tam hợp vì vậy đều là những ngày không tốt lành.

Diệt Một: Là chủ nhật Huyền hàng tháng gặp sao “Hư”, ngày Hối (ngày cuối cùng của tháng) gặp sao “Lâu”, ngày Sóc gặp sao “Giốc”, ngày Vọng gặp sao “Cang”, ngày Hu gặp sao “Quý”, ngày Doanh gặp sao “Ngưu”. Những từ “Hư, Lâu, Giốc, Cang, Quý, Ngưu” được đề cập đến ở đây đều là tên gọi của Nhị thập bát tú trong thiên văn cổ đại.

Trong phương pháp tính lịch cổ đại, ngày Sóc là ngày mùng 1, còn ngày Vọng là ngày 15 của các tháng Âm lịch, ngày Huyền là ngày mùng 7, ngày mùng 8 gọi là ngày Thượng Huyền, ngày 22 và 23 gọi là ngày Hạ Huyền, ngày Hối là ngày 30. Trong quá trình quan sát vận động của Mặt Trời, Mặt Trăng và các vì sao, người xưa đã dựa theo Thiên thể Hoàng Đạo và đường xích đạo để phân chia ra thành 28 khu vực và gọi đó là Nhị thập bát tú. Nhị thập bát tú bao gồm 28 vì sao: Giốc, Cang, Đê, Phòng, Tâm, Vĩ, Cơ, Đẩu, Ngưu, Nữ, Hư, Ngụy, Thất, Bích, Khê, Lâu, V, Mão, Tấn, Chủ, Sâm, Tinh, Quý, Liễu, Tinh, Trương, Đức, Chấn.

Về nguyên tắc bắc giàn giáo khi xây nhà mới: Khi xây nhà mới, phải đợi chủ nhà đem linh vị tổ tiên, tượng (ảnh người đã mất) và Thần (Phật) tạm thời di chuyển tới một nơi an toàn khác, những người trong nhà nếu tương xung với sao chiếu mệnh (mệnh tinh) ngày hôm đó đều phải tránh mặt. Khi bắt đầu khởi công phải lập tức đặt cố định giàn giáo, còn việc dựng cột trụ, cứ vào ngày tốt lành là có thể làm được.



Hình vẽ Thanh Long Bạch Hổ Nhi thập bát tu - Thời kỳ Chiến Quốc

Nhi thập bát tu - Để quan sát các thiên tượng thiên nhiên Mặt Trời Mặt Trăng và các vì sao các nhà thiên văn học cổ đại Trung Quốc đã đi vòng quanh bán trục địa, phía cầu dương xích đạo và đường Hoàng Đạo. Le Chien tu 28 vì sao một nhóm 11 ngôi tinh (định tinh) được gọi là chòm sao, thực ra là nền chi để quan sát và gọi là Nhi thập bát tu. Nhi thập bát tu được bắt đầu bằng sao Giác trong Chòm sao Bắc Đẩu hình chiếc gàu sòng và được trải dài từ Tây sang Đông, tên gọi của chúng có một quan hệ với 4 phương như sau: Đông phương Thương, Long bao gồm các vì sao Giác, Công, Đẩu, Phòng, Tâm, Vị, Cơ. Bắc phương tuấn Vũ bao gồm các vì sao Lâu, Ngưu, Nữ, Hư, Ngưu, Thất, Bích. Tây phương Bạch Hổ bao gồm các vì sao Khue, Lâu, Vị, Mão, Lát, Cẩu, Sam. Nam phương Chu Tước bao gồm các vì sao Tinh, Quỷ, Lâu, Tân, Trương, Dực, Chấn.

[Giải thích]:

Mệnh tinh, tức là "sao bản mệnh" (sao chiếu mệnh) Trong đạo giáo có những cách nói như "nam bản mệnh", "ngay bản mệnh" ("nam tuổi", "ngay tuổi.") Thông thường, nếu một người được sinh ra vào năm can chi nào đó, trong "Lục thập Giáp Tý" thì năm can chi đó được gọi là "năm bản mệnh" của người đó. Ví dụ, một người sinh ra vào năm Giáp Thân thì năm Giáp Thân chính là năm bản mệnh của người này. Nếu ngày sinh của một người vào một ngày can chi nào đó của "Lục thập Giáp Tý" thì ngày can chi đó chính là "ngày bản mệnh". Cứ 12 năm là một năm tuổi (năm tuổi này chỉ tính chẵn, Âm chẵn gọi năm này là năm cầm tinh. Theo phong tục tập quán truyền thống, năm bản mệnh thường bị cho là năm không may mắn. Người gặp năm này thường phải cúng lễ "sao bản mệnh" (sao chiếu mệnh) để cầu cho bản thân được bình an và trường thọ. Họ lại xưa cho rằng, người gặp năm tuổi hoặc năm tuổi thường gặp cảnh tai vạ và gặp hoặc nghịch cảnh khôn lường. Vì vậy, những người gặp năm tuổi thường phải tới đền chùa để cúng sao chiếu mệnh, cầu an giải hạn.

Bảng 1-10. Bảng tứ môn Thiên, Địa, Nhân, Quỷ theo 4 phía của Địa bàn

Thứ tự	Thiên	Địa	Nhân	Quỷ
(1)	Thiên Cư Kỳ	Quỷ Nguyệt Mậu	Đố Đẩu Mậu	Nhân Nhật Kỳ
(4)	(Không có chữ)	(Không có chữ)	(Không có chữ)	(Không có chữ)
(6)				
(7)	Mậu Thiên Môn	Kỷ Quỷ Môn	Mậu Thổ Môn	Kỷ Nhân Môn
(8)	Tây Bắc Thiên Môn Càn 	Đông Bắc Quỷ Môn Cấn 	Đông Nam Địa Hô Tốn 	Tây Nam Nhân Môn Khôn

Thời cổ đại, việc di chuyển bát hương và ảnh thờ cúng tổ tiên cũng phải tuân theo một quy củ nhất định, không được làm một cách tùy tiện, phải chọn ngày lành tháng tốt. Nếu phạm phải những điều này bị coi là bất kính và gặp tai họa. Thông thường, những ngày được coi là thích hợp cho việc di chuyển bát hương và ảnh thờ cúng tổ tiên bao gồm:

Ngày Ất Hợi, Ất Mão của tháng giêng;

Ngày Tân Mùi, Ất Hợi, Giáp Thân, Ất Mùi, Quý Sửu, trừ ngày Ất Sửu, ngày Đinh Mùi, ngày Quý Mùi, ngày Kỷ Mùi của tháng hai;

Ngày Ất Mão, trừ ngày Quý Dậu, ngày Đinh Dậu của tháng ba;

Ngày Giáp Tý, Bính Tý, Ất Mão, trừ ngày Canh Ngọ, ngày Canh Tý, Quý Mão, Bính Ngọ của tháng tư;

Ngày Giáp Tuất, Ất Hợi, Tân Mùi, Ất Mùi, Quý Sửu, trừ ngày Ất Sửu, ngày Nhâm Thìn, Kỷ Mùi của tháng năm;

Ngày Ất Hợi, ngày Mậu Dần, ngày Giáp Thân, ngày Canh Thân, trừ ngày Bính Dậu, ngày Giáp Dậu của tháng sáu;

Ngày Giáp Tý, Tân Mùi, Bính Tý, Nhâm Tý, trừ ngày Canh Tý, Đinh Mùi, Bính Thìn của tháng bảy;

Ngày Giáp Tuất, Quý Sửu, trừ ngày Ất Sửu, ngày Nhâm Thìn, ngày Bính Thìn của tháng tám, trừ ngày Canh Ngọ, ngày Nhâm Ngọ, Bính Ngọ của tháng chín;

Ngày Giáp Tý, Tân Mùi, Bính Tý, Ất Mùi, Nhâm Tý, trừ ngày Canh Ngọ, ngày Canh Tý, ngày Đinh Mùi của tháng mười;

Ngày Tân Mùi, ngày Ất Hợi, Giáp Thân, Canh Thân, trừ ngày Quý Mùi, ngày Nhâm Thìn, ngày Bính Thìn của tháng mười một,

Ngày Mậu Dần, Giáp Thân, Canh Thân, trừ ngày Bính Dần, ngày Giáp Dần của tháng mười hai

Những ngày trên đều là ngày tốt

Nguyên tắc bắc giàn giáo khi phá bỏ hoàn toàn nhà cũ để xây nhà mới: Thông thường, nếu muốn dỡ bỏ toàn bộ nhà cũ, xây lại nhà mới trên móng cũ thì phải đợi toàn bộ người trong nhà ra ngoài, đồng thời, di chuyển cả bát hương và ảnh thờ cúng tổ tiên tới đặt ở một nơi an toàn khác, sau đó mới được khởi công; Phương pháp bắc giàn giáo cũng giống với phương pháp khi xây nhà mới.

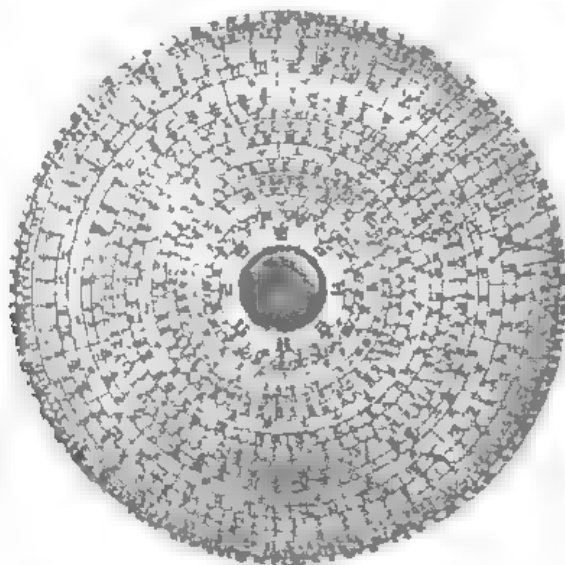
Nguyên tắc bắc giàn giáo khi người trong nhà không di chuyển hoặc tránh mặt (sửa chữa): Trong trường hợp người trong nhà không di chuyển ra ngoài, bát hương và ảnh thờ cúng tổ tiên cũng không thể di chuyển thì phải dựa vào phương tốt lành theo sự lựa chọn của la bàn hoặc lựa chọn một địa điểm tốt lành khác để bắc giàn giáo.

[Giải thích]:

Thông thường, trong trường hợp không phá bỏ nhà cũ, không đồng chạm vào hương hỏa, gia đình không phải di dời mà chỉ sửa chữa thì chủ nhà cũng không phải tránh mặt, bát hương và ảnh thờ cúng tổ tiên cũng không cần di chuyển. Theo cuốn "Tuyển trạch cầu chân", khi dùng phương pháp này để sửa nhà, cần dùng la bàn tra xem vào nam, tháng đó có phương nào không phạm phá Sát Thân hoặc phạm điều cấm kỵ, sau đó chọn ngày để khởi công. Khi khởi công, cần phải để bàn ở trong phòng để trấn tà trong ngày sửa nhà, như vậy sẽ có thể tốt lành. Nếu lựa chọn theo phương pháp chủ nhà không cần tránh mặt và phải trong một hai tháng mới có thể hoàn thành công trình thì có thể tiến hành theo phương pháp trên. Nếu chỉ cần 3 - 5 ngày là có thể hoàn công nhưng phương lại không thích hợp mà nhất định phải sửa thì cần sửa từ hướng tốt, sau đó chuyển dần sang những vị trí không tốt lành và cuối cùng hoàn công ở vị trí tốt lành. Làm như vậy cũng có thể có được sự an bình. Dân gian gọi đây là phương pháp Đới Tử.

Các nhà phong thủy trong lịch sử đều rất coi trọng phương xây dựng. Trước khi xem phong thủy, nhà phong thủy thường phải làm hai việc: Thứ nhất là "tương thổ thường thủy", tức là chọn đất; Thứ hai là "biên phương chính vị", tức là định hướng. Ngoài các nhân tố lợi ích thực tế và cảnh quan ra, các nhà phong thủy còn cho rằng, hướng xây dựng nên hài hòa với khí Âm Dương của vũ trụ và với số mệnh của chủ nhà

Nguyên tắc dùng phương pháp “Di cung tu phòng” để bắc gian giáo: Thông thường, khi dùng phương pháp này, nếu chủ nhà và mọi người trong nhà không di chuyển đi nơi khác, cũng không đụng chạm vào hương hỏa thì nên căn cứ vào kết cấu trên la bàn để lựa chọn phương tốt lành mà khởi công bắc gian giáo. Nếu chủ nhà và mọi người trong nhà di chuyển ra ngoài và di chuyển ca bát hương thì việc khởi công bắc gian giáo có thể không cần phải tính đến phương cát hung.



La bàn

2000 năm trước, người Trung Quốc đã nghĩ ra cái la bàn, la bàn đầu tiên có gọi đó là “Tu Nao” (Trong cuốn “Nhan thoại cổ” Tang Tam Di đơn Nam Tạng đã gọi là “ràng”). Đó là một miếng gỗ phẳng chạm, hoặc dùng gỗ, Bình Nam gian phẳng, chạm. Đó là cái la bàn của la bàn. Đây là vật dụng xưa nhất, liên quan đến la bàn. Sau khi được du nhập vào phương Tây, la bàn được coi là một loại vật dụng hàng hải, Columbus đã đưa vào chính loại la bàn này để phát hiện ra châu Mỹ. Còn la bàn trong thuật tử vi này bao gồm chu thiên bàn, phương bàn và trung bàn 3 loại khác, bất kỳ một la bàn nào cũng bao gồm chu thiên bàn, phương bàn và trung bàn 3 loại khác. Nội dung của nó gồm đủ mọi mặt, liên quan đến thiên văn, địa lý, phong thủy, ...

[Chú thích]:

“Di cung tu phòng” La chỉ việc dùng la bàn để đoán định ra phương và kết cấu khi chuyển dời địa điểm.

[Giải thích]:

Trong cuốn “Tuyển trạch cầu chân” có viết: Khi tính toán phương sửa chữa nhà cửa, cấm phạm vào phương không tốt lành cho gian thờ tổ tiên vì như vậy sẽ không tốt cho cả gia đình. Tuy nhiên, nếu lựa chọn nơi xa một chút so với gian thờ tổ tiên thì cũng có thể được. Nếu hướng sửa chữa chỉ có lợi cho gian thờ tổ tiên mà không có lợi cho phòng ở của chủ nhà thì cũng không có lợi cho chủ nhà, cả gia đình cũng không thể được hưởng phúc. Nếu gian thờ tổ tiên và phòng ở của chủ nhà nằm trong cùng một ngôi nhà thì sẽ có chung sự hưng cát như nhau; Nếu không nằm trong cùng một ngôi nhà thì phải tính đến cả gian thờ tổ tiên và phòng ở, phải chọn

được phương có lợi cho cả hai nơi mới được thực hiện việc sửa chữa. Người xưa có câu: “Nếu bất lợi cho gian thờ tổ tiên thì phải di chuyển hương hỏa tới một phương tốt lành khác.” Nếu phương bất lợi cho phòng ở của chủ nhà thì cũng phải chuyển đến một phương tốt lành khác. Sau đó mới có thể thực hiện công việc sửa chữa. Ví dụ, nếu trong năm đó, hướng Đoài có lợi cho việc xây dựng nhà cửa, trong khi hướng Chấn lại không có lợi cho việc xây dựng nhà cửa thì phải di chuyển đến phương phía Đông để bắc giàn giáo, để cho phương sửa chữa được lựa chọn trước đó đang ở hướng Chấn bây giờ sẽ chuyển sang hướng Đoài. Đây được gọi là phương pháp biến đổi linh hoạt Thông thường, sau khi chủ nhà tạm di chuyển mới được tiến hành sửa chữa nhà cửa và phải đợi cho tới khi nhà được sửa xong mới có thể chọn ngày tốt để vào ở nhà mới.

Điều này có liên quan tới quan hệ giữa bát quái và 8 phương. Bát quái là một số các ký hiệu hình đường thẳng, dùng để thay thế cho các loại quái tượng. Bát quái được chia ra thành các tên gọi như Càn, Khôn, Chấn, Tốn, Cấn, Đoài, Khảm, Ly. Người xưa đã dựa vào đây để tượng trưng cho 8 vật thể chính trong giới tự nhiên: Càn à Trời, Khôn à Đất, Chấn à Sấm, Tốn là Gió, Cấn à Núi, Đoài là sông hồ, Khảm là nước, Ly là lửa.

Tên gọi, hình dạng và vật tượng trưng của bát quái được thể hiện trong bảng 1-11. Về mối quan hệ giữa bát quái, ngũ hành và phương vị, xin xem trang sau.

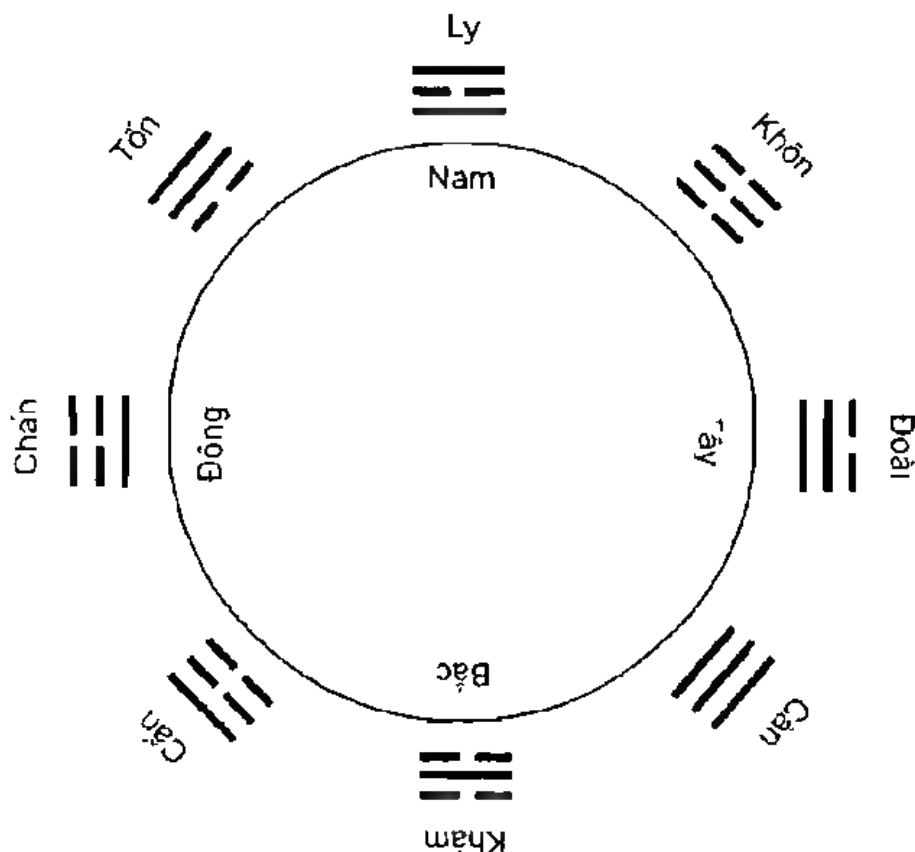
Mối quan hệ tương ứng giữa bát quái và tám phương (Đông, Tây, Nam, Bắc, Đông Nam, Tây Nam, Đông Bắc, Tây Bắc) như sau: “Ly” nằm ở phía Nam, “Khảm” nằm ở phía Bắc, “Chấn” nằm ở phía Đông, “Đoài” nằm ở phía Tây, “Tốn” nằm ở phía Đông Nam, “Cấn” nằm ở phía Đông Bắc, “Khôn” nằm ở phía Tây Nam, “Càn” nằm ở phía Tây Bắc. Trong đó, Đông phương Chấn, Nam phương Ly, Tây phương Đoài, Bắc phương Khảm được gọi là “Tứ chính”. Đông Nam Tốn, Tây Nam Khôn, Tây Bắc Càn và Đông Bắc Cấn được gọi là “Tứ duy”.

Tháng 8 Dậu		Tháng 9 Tất	Tháng 10 Hợi
Tháng 7 Thân	Tháng 3 Thìn	Tháng 2 Mão	
	Tháng 4 Tỵ	Tháng 1 Dần	Tháng 11 Tý
Tháng 6 Mùi	Tháng 5 Ngọ	Tháng 12 Sửu	

Mùi Tháng 6	Pha Nam	Thân Tháng 7	Dậu Tháng 8
Ngo Tháng 5	Tỵ Tháng 4	Thìn Tháng 3	Tý Tháng 12
Pha Đông	Dần Tháng 1	Mão Tháng 2	Tuất Tháng 9
Sửu Tháng 12	Tỵ Tháng 11	Bính Tháng 10	Hợi Tháng 10

Sơ đồ quan sát la bàn

Sơ đồ này được dùng để suy đoán sự tương sinh ngũ hành của chi ngày. Từ phần giữa của 4 phương, nó xoay tròn từ phía trong ra phía ngoài, sắp xếp thành 12 tháng và 12 địa chi. Ở giữa sơ đồ có vẽ phác họa một đường chia ranh giới theo chiều dọc. Bốn ô ở phía dưới, bên trái, phía trên và bên phải đại diện cho 4 hướng Đông, Nam, Tây, Bắc (vị trí Sửu nên đổi cho ô vuông ở bên phải) và lần lượt nép xé với Dần, Mão, Tỵ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất và Hợi, Tý, Sửu.



Sơ đồ phương bát quái và ngũ hành

Âm Dương ngũ hành và sơ đồ bát quái đều được bắt nguồn từ Trung Quốc cổ đại, Âm Dương ngũ hành là một trong những lý luận cơ sở của y học phương Đông còn bát quái lại dựa trên sự mâu thuẫn đối lập giữa hai mặt chính diện và phản diện để phản ánh sự phát triển và biến đổi của vạn vật trong Vũ trụ, nó thích hợp ứng dụng trong rất nhiều lĩnh vực. Mối quan hệ tương ứng giữa hai khái niệm trên được thể hiện trong hình vẽ trên









Về phương pháp linh hoạt trong việc bắc giàn giáo: Thông thường, có thể bắc một chiếc giàn giáo tạm thời trong một ngôi nhà trống ở gần nhà ở hoặc trên một mảnh đất trống phía ngoài, cách nhà ở khoảng 100m, như vậy sẽ không cần tính cát hung.

Mời đạo sĩ vẽ vẽ bùa vào ngày lành: Vào ngày khởi công xây dựng có thể căn cứ vào nhu cầu công việc để sắp xếp thời gian. Sau khi mời đạo sĩ vẽ bùa, có thể tùy ý tuyển nhân công xây dựng, không có điều gì cấm kỵ.

Về vấn đề mời đạo sĩ vẽ bùa cho việc xây sửa. Thông thường, nếu vào năm đó, cuộc sống của chủ nhà tương đối tốt thì có thể viết rõ họ tên chủ nhà lên trên l'

bùa; Còn nếu vào năm đó, cuộc sống của chủ nhà không tốt thì phải bắt đầu viết lên lá bùa bằng hành niên⁽¹⁾ của em trai hoặc con trai. Chỉ cần dùng họ tên của một người nào đó trong nhà để đại diện cho chủ nhà báo cáo tình hình lên Long Thần cai quản Sơn Đầu là có thể quyết định ngày đặt viên gạch dưới cột nhà (trụ đỉnh thạch⁽²⁾) và dựng cột nhà, nhưng phải tránh ngày bản mệnh và ngày xung của chủ nhà (ngày đối chủ⁽³⁾). Sau khi nhà được xây xong, gia đình của chủ nhà cầm bát hương có dán lá bùa và ảnh thờ cúng tổ tiên về nhà mới, sau đó đặt lá bùa vào vị trí thích hợp trong nhà để trấn giữ nhà.

Bảng 1-11. Bảng tên gọi và hình dạng của bát quái

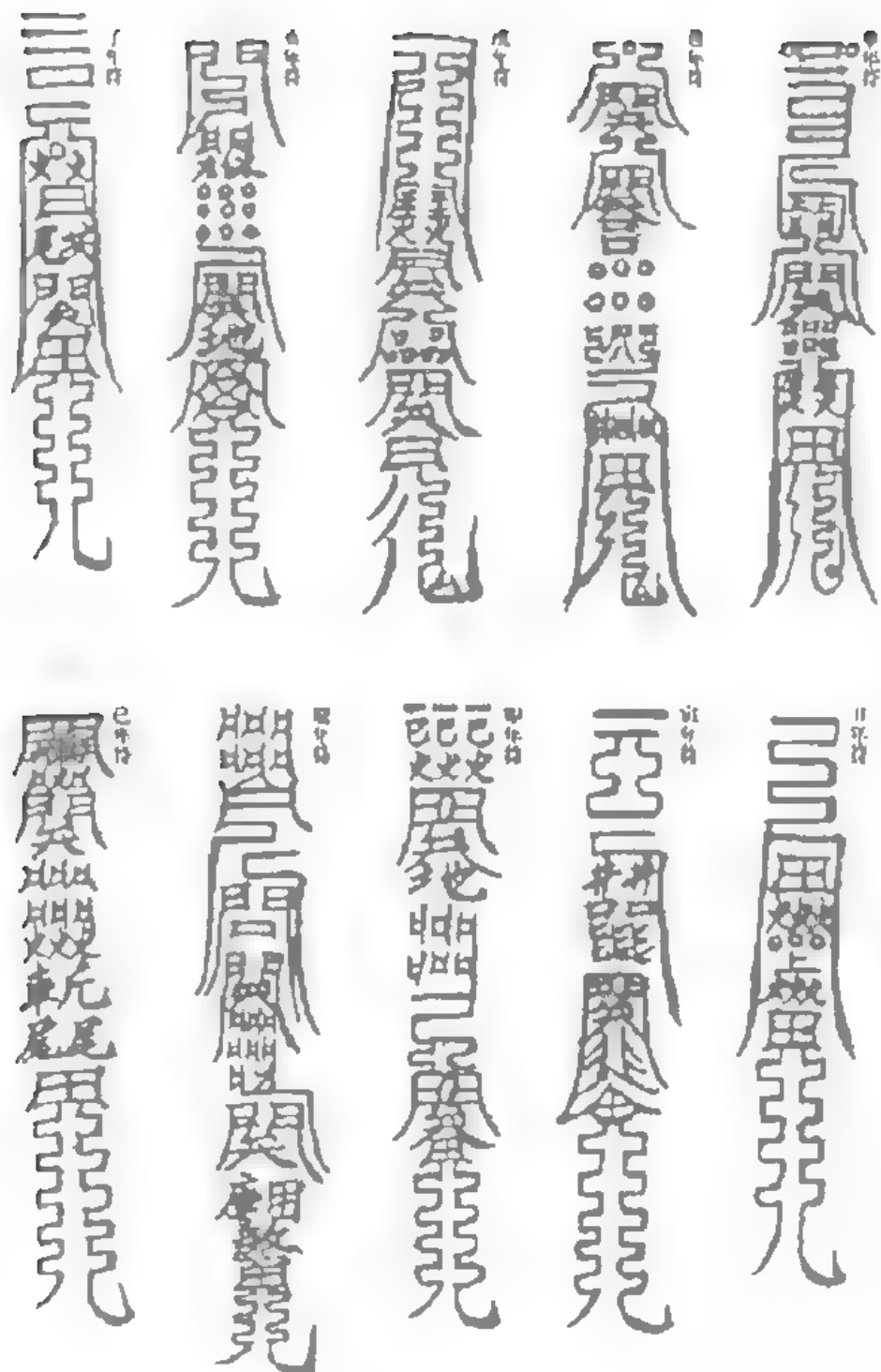
Tên bát quái	Hình bát quái	Vật tương trưng	Ý nghĩa tương ứng
Càn		Trời	Kiên (khỏe mạnh)
Khôn		Đất	Thuần (thuần ơ)
Chấn		Sấm	Đông
Tôn		Gó	Nhập (vào)
Khảm		Nước	Hâm (rơi vào)
Ly		Lửa	Phu (gắn kết)
Cấn		Núi	Chỉ (ngừng)
Đoài		Sông hồ	Duyệt (vui mừng)

[Chú thích]:

[1] Hành niên. Còn gọi là “lưu niên”, “hưu vãn”, đây là cách nói về vận mệnh trong năm của một người nào đó theo cách gọi cũ của nhà chiêm tinh học thời xưa.

[2] Trụ đỉnh thạch. Viên gạch dưới chân trụ.

[3] Ngày đối chủ. Ngày xung với bản mệnh của chủ nhà. Nếu chủ nhà tuổi Tý thì ngày Ngọ chính là ngày đối chủ, Nếu là tuổi Sửu thì ngày Mùi chính là ngày đối chủ, cứ như vậy mà suy ra.



Bùa Thổ Phủ Thần Sát trấn giữ nhà trong 12 năm

Bùa Thổ Phủ Thần Sát trấn giữ nhà trong 12 năm được chia thành 12 chữ bùa: Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi. Nguyên văn của bùa như sau: phật, phật, phật, phật, phật, phật, phật, phật, phật, phật, phật, phật. Bùa này được chia thành 12 chữ bùa để trấn giữ nhà trong 12 năm. Bùa này được chia thành 12 chữ bùa để trấn giữ nhà trong 12 năm.

[Giải thích]:

Trong quá trình dựng cột nhà, sau khi đất xóna vên gài, đã tiến hành nhân cốt, ngoài ra đã xác định được phương và bố cục của ngôi nhà khi cốt được dựng xong, ng ả là sự ra đời của ngôi nhà về cơ bản đã được hình thành. Vì vậy, người xưa thường có việc đặt viên đá n đá đầu tiên dưới chân cột và vên cột nhà là khắc lên cột trong quá trình xây dựng nhà của

về hành niên, trước tiên cần biết được tuổi của ban thược Địa chi nào, Thái Tuế của nam do chủ nhà Địa chi nào. Sau đó, rồi dựa trên thi lấy Địa chi tuổi của mình đặt trên Dần, đếm theo từ cú trên dần Thái Tuế của nam đó, rồi xem ở phía dưới của Thái Tuế là Địa chi nào thì đó chính là hành niên của năm nên hiểu là như thế lấy Địa chi tuổi của mình đặt trên Dần, đếm theo chiều ngược dần Thái Tuế là nam đó, rồi xem ở phía dưới của Thái Tuế là Địa chi nào thì đó chính là hành niên của một năm của năm này và năm Thìn, đặt Thìn trên Dần, đếm theo chiều thuận đến Thái Tuế là nam đó là Dậu, đặt Dậu trên Dần, vậy hành niên của người đó là Mùi; Một người nữ hành niên là năm Thìn, đặt Thìn trên Dần đến ngoài đến Thái Tuế của nam đó là Dậu, dưới Dậu là Sửu, vậy hành niên của người đó là Sửu.

Khi tổng trở của của, nhà đạo sĩ về lễ của để báo cáo thành lễ, chủ yếu là phải xem tên và vận may của chủ nhà, rồi nam đó chủ nhà và nữ thì mệnh, tên và vận của em trai hoặc con của để báo cáo thành lễ, đây của là một phương pháp tính toán hành niên.

Thời cổ Trung Quốc các ông của, chuyên chữa bệnh tốt lắm họ về đem rượu hòa hòa theo hòa vào nhà là "nhập trạch quy hòa" nhưng ngày, anh trạng tốt trời hợp với việc nhập trạch quy hòa bao gồm: Ngày Giáp Tý, Ất Sửu, Đinh Mão, Kỷ Tỵ, Canh Ngọ, Tân Mùi, Giáp Tuất, Thìn Sửu, Quý Mùi, Canh Dần, Nhâm Thìn, Ất Mùi, Canh Tỵ, Quý Mão, Đinh Ngọ, Đinh Mùi, Canh Tuất, Quý Sửu, Giáp Dần, Ất Mão. Nếu anh trạng tốt anh như Thiên Đức, Nguyệt Đức, Thiên Ân, Minh Lộc, Họa Đào, Mẫu Nương, Thiên Đức Hợp, Nguyệt Đức Hợp, thì càng tốt Thanh Long nhưng ngày không tốt anh như ngày xung với tuổi của chủ nhà, ngày Thiên Khôn, ngày Bàng Tâu, Ngã Hạm,...

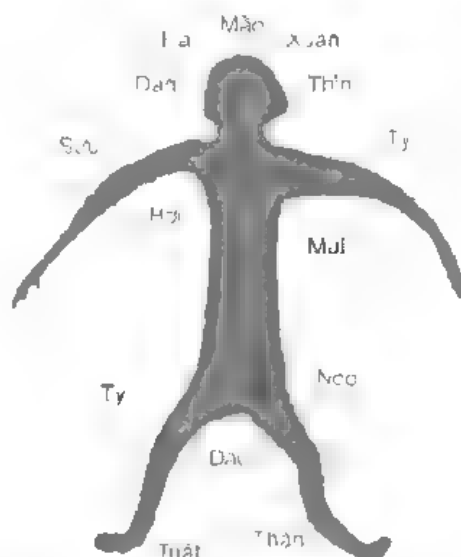
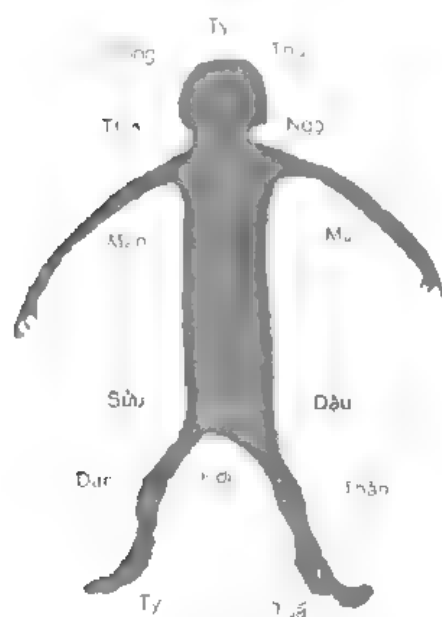


Bùa Chu Sa Chính Lương (bùa đòn nóc Chu Sa)

Loại bùa này dùng thể chữ Chu Sa, được dán trên nóc nhà. Viết tên chủ nhà vào bên trong vòng màu đen, sau đó dùng mực đen tô đậm lên, khi dán bùa phải dùng tay trái, không được để cho người ngoài nói lời bổ báng. Sau khi dán xong treo xuống, xếp trà, Hợp Thanh, Thanh Long, gạo, thức ăn, tiến vàng lên bàn thờ, canh Thổ Địa và Táo Quân.

3. ỨNG PHÓ VỚI VIỆC HÀNG XÓM XÂY NHÀ

Phương pháp dùng bùa chú để ứng phó với việc nhà bên xây nhà: Thông thường, nhà hàng xóm sẽ lựa chọn hướng tốt làm để xây nhà, khi đó, nên đặt lá bùa trong nhà để suy đoán ra kết cấu của nhà kia. Nếu kết cấu này nằm đó phạm vào Quan Phủ, Tam Sát, Chục Hỏa, Nguyệt Gia Phi Cung, Châu Huyền Quan Phủ, Tiểu Nhị Sát, Đa Đầu Hoa, Đại Nguyệt Kiên gây ảnh hưởng đến vận mệnh của gia đình thì phải mời đạo sĩ đến đặt bùa chú ở các phía trước sau trái phải trong nhà để ứng phó, đạo sĩ sẽ đưa vào phương pháp di cung để đặt bùa, sau đó lựa chọn "kế sách tạm thời", rồi tổ tiên Phúc Thần và hương hỏa đều tạm thời quy về hư không, đặt bùa quay về hướng mà nhà bên lựa chọn, để hướng đó chuyển thành hương bình an, tốt lành cho bản thân. Sau một tháng, cần cử vào hướng tốt không có hàng sát để lựa chọn từ ban đầu của ngôi nhà để cõ định lại bát hương, ánh thờ cúng tổ tiên, và Phúc Thần, Tất cả các bùa chú đều phải chôn vùi giao thừa cuối năm mới được loại bỏ.



Sơ đồ hình chữ nhật

[illegible]

[Giải thích]:

Quan Phòng, Nam Tý vào ngày Thìn, nam Sửu vào ngày Tỵ, nam Dần vào ngày Ngọ, nam Mão vào ngày Mùi, nam Thìn vào ngày Thân, nam Tỵ vào ngày Dậu, nam Ngọ vào ngày Tuất, nam Mùi vào ngày Hợi, nam Thân vào ngày Tý, nam Dậu vào ngày Sửu, nam Tuất vào ngày Dần, nam Hợi vào ngày Mão.

Tam Sát: Tức là Khiếp Sát, Tai Sát, Tuế Sát.

Kiếp Sát, Nam Tý vào ngày Tỵ, nam Sửu vào ngày Dần, nam Dần vào ngày Thìn, nam Mão vào ngày Mùi, nam Thìn vào ngày Tỵ, nam Tỵ vào ngày Dậu, nam Ngọ vào ngày Hợi, nam Mùi vào ngày Thân, nam Thân vào ngày Tý, nam Dậu vào ngày Sửu, nam Tuất vào ngày Dần, nam Hợi vào ngày Mão. Sáu tinh Kiếp Sát này ở Tý, Tỵ, Dậu, Tân hợp ✓ d, Thìn, Tuất ở Tý, và vậy, Thìn-Tý-Tân-Tân hợp Thìn ở Tý, và Kiếp Sát, một Tỵ ở Thìn và vậy, Hợi-Mão-Mùi tam hợp Mộc ở Tý, Thìn là Kiếp Sát, nhưng tương hợp với d cũng trên trên các đó. Vì vậy, các Kiếp Sát này là Tỵ Sát, khi xây dựng công trình tránh phạm vào kết cấu này.

Tai Sát, là một cách gọi trước khi Kiếp Sát. Nam Tý vào ngày Thìn, nam Sửu vào ngày Mùi, nam Dần vào ngày Tỵ, nam Mão vào ngày Dậu, nam Thìn vào ngày Ngọ, nam Tỵ vào ngày Thân, nam Ngọ vào ngày Tuất, nam Mùi vào ngày Sửu, nam Thân vào ngày Tý, nam Dậu vào ngày Thìn, nam Tuất vào ngày Dần, nam Hợi vào ngày Mão. Các tinh Tai Sát là Tý, Thìn, Tân, hợp ✓ d, Thìn-Tý-Tân tam hợp Thìn ở Tý, Thìn ở Ngọ, Thìn ở Tý và Thìn ở Thìn, Kiếp, Tý-Dậu-Dũ tam hợp Kim ở Tý, Thìn, ở Dậu, bởi vì Kim-Mộc tương khắc khi xây dựng, nếu phạm vào kết cấu này sẽ gặp tai họa.



Nam Đẩu Tinh quân - Thần Tư Mệnh Chu Thọ

Nam Đẩu là sao Đẩu trong Nhị thập bát tinh, ban đầu, đây vốn là tên sao, nhưng sau này, Đạo giáo dùng làm tên Thần. Nam Đẩu có tổng cộng 6 ngôi sao, Đạo giáo đã Thần cách hóa 6 ngôi sao Nam Đẩu này thành 6 vị Tinh quân Tư Mệnh Chủ Thọ. Thứ nhất là Phỉ Cung, là Tư Mệnh Tinh quân; Thứ hai là Thiên Tương Cung là Tư Lộc Tinh quân; Thứ ba là Thiên Lương Cung là Diên Thọ Tinh quân; Thứ tư là Thiên Đồng Cung, là ích Toán Thần Quân; Thứ năm là Thiên Khư Cung, là Độ ách Tinh quân; Thứ sáu là Thiên Cơ Cung, là Thượng Sinh Tinh quân. Tổng cộng có "Lục Tư Tinh quân". Người ta thường gọi nêu mao chuyên để thờ cúng Nam Đẩu Tinh quân là "Miếu Nam Đẩu Tinh quân", vì Nam Đẩu chuyên nắm giữ sự sinh tồn nên dân gian còn gọi là "Diên Thọ Tư"

Về thuật ngữ “Tha” và “Tuyệt”, xem nguyên lý ngũ hành ký sinh 12 cung, tức là quy luật từ lúc sinh trưởng đến lúc mất đi của một ngũ hành cụ thể trong 12 tháng của một năm. Tên gọi của “Trường sinh thập nhị cung” bao gồm: Tuyệt (còn gọi là “Bào”, “Thụ khí”, như bụng mẹ còn rỗng, chưa có gì), Tha (chính là “Thu Tha”, mới bắt đầu), Dương (thành hình), Trưởng Sinh (sinh trưởng lớn lên), Mộc Dục (còn gọi là “Bại”, dễ tổn thương), Quan Đới (vạn vật dần trở nên tươi tốt, như người mặc trang phục), Lâm Quan (như người nhậm chức), Đế Vương (vạn vật hoàn thiện như người hưng vượng), Suy (vạn vật sa sút, suy bại), Bệnh (vạn vật bệnh), Tử (vạn vật tử), Mộ (còn gọi là “Khố”, vạn vật đều được cất giữ trong kho, giống như con người sau khi chết thì trở về với mộ)

Tuế Sát: Tuế Sát đứng trước một vị trí so với Tai Sát. Năm Tý vào ngày Mùi, năm Sửu vào ngày Thìn, năm Dần vào ngày Sửu, năm Mão vào ngày Tuất, năm Thìn vào ngày Mùi, năm Tỵ vào ngày Thìn, năm Ngọ vào ngày Sửu, năm Mùi vào ngày Tuất, năm Thân vào ngày Mùi, năm Dậu vào ngày Thìn, năm Tuất vào ngày Sửu, năm Hợi vào ngày Tuất. Cách tính Tuế Sát là lấy vị trí Dương của tam hợp. Ví dụ, Thân Tý Thìn tam hợp Thủy cục, Dương ở Mùi; Tỵ Dậu Sửu tam hợp Kim cục, Dương ở Thìn,... Khi xây dựng, nếu phạm vào kết cấu này sẽ gây thương hại đến con cháu và gia súc gia cầm.

Khiếp Sát, Tai Sát và Tuế Sát hợp lại với nhau gọi là “Tam Sát”, bởi vì 3 Thần này chiếm cứ vị trí ở 3 cung Tuyệt, Tha, Dương của ngũ hành tam hợp, có âm khí, lại có kết cấu đối xung với Đường Vương trong ngũ hành tam hợp nên được coi là Thần sát hung ác nhất, không được mạo phạm.

Thờ cổ đa có một phương pháp chọn giờ được gọi là “Tùng Thần pháp”. Phương pháp lựa chọn này chủ yếu là để chọn cát hung Thần Sát. Về phương diện thời gian có các Thần Sát như “Niên Gia”, “Nguyệt Gia”, “Nhật Gia”, “Thời Gia”. Cát hung về không gian (hình thành trong những thời gian khác nhau) được gọi là “Sơn Gia” Nguyệt Gia Phi Cung nghĩa là một Thần Sát được tạo thành từ mối liên hệ giữa 12 Địa chi và Nguyệt lệnh, được biểu hiện bằng hình tượng của bát quái Về Nguyệt Gia Phi Cung, xem bảng 1-12.

Cửu Châu Quan Phù, còn gọi là “Thiên Quan Phù”, có hai loại là năm và tháng, đều thuộc về loại cần cấm kỵ khi xây dựng nhà cửa Vào năm Thân, Tý, Thìn, Thiên Quan Phù năm tại Hợi, Vào năm Tỵ, Dậu, Sửu tại Thân; Năm Dần, Ngọ, Tuất tại Tỵ; Năm Hợi, Mão, Mùi tại Dần, tức là ở vị trí Lâm Quan trong ngũ hành tam hợp. Thiên Quan Phù tháng là ở vị trí Trục Nguyệt Phi Đẩu. Theo quy tắc này, đưa Nguyệt Kiến của tháng đó, năm đó vào Trung cung, đếm theo chiều thuận đến cực Thiên Quan Phù Phi Đẩu, coi đó là Nguyệt Thiên Quan Phù. Trong kết cấu này, một quan quản ba sơn

Thiên Quan Phù là một hung Thần ác Sát trong một tháng, đại diện cho khẩu thiệt thị phi, nhân sự bất hòa. Theo ghi chép trong cuốn “Hiệp ký bộn phương thư”, có thể vẽ bảng đặt kê về Cửu Châu Quan Phù (Thiên Quan Phù), xem bảng 1-13.

Bảng 1-12. Bảng Nguyệt Gia Phi Cung

Thang Năm	Giêng	Hai	Ba	Tư	Năm	Sáu	Bảy	Tám	Chín	Mười	Mười một	Tháng chạp
Tý	Đoài	Càn	Trung	Đoài	Càn	Trung	Tồn	Chấn	Khôn	Khảm	Ly	Càn
Sửu	Càn	Đoài	Càn	Trung	Đoài	Càn	Trung	Tồn	Chấn	Khôn	Khảm	Ly
Dần	Ly	Càn	Đoài	Càn	Trung	Đoài	Càn	Trung	Tồn	Chấn	Khôn	Khảm
Mão	Khảm	Ly	Càn	Đoài	Càn	Trung	Đoài	Càn	Trung	Tồn	Chấn	Khôn
Thìn	Khôn	Khảm	Ly	Càn	Đoài	Càn	Trung	Đoài	Càn	Trung	Tồn	Chấn
Tỵ	Chấn	Khôn	Khảm	Ly	Càn	Đoài	Càn	Trung	Đoài	Càn	Trung	Tồn
Ngo	Tồn	Chấn	Khôn	Khảm	Ly	Càn	Đoài	Càn	Trung	Đoài	Càn	Trung
Mùi	Trung	Tồn	Chấn	Khôn	Khảm	Ly	Càn	Đoài	Càn	Trung	Đoài	Càn
Thân	Càn	Trung	Tồn	Chấn	Khôn	Khảm	Ly	Càn	Đoài	Càn	Trung	Đoài
Dậu	Đoài	Càn	Trung	Tồn	Chấn	Khôn	Khảm	Ly	Càn	Đoài	Càn	Trung
Tuất	Trung	Đoài	Càn	Trung	Tồn	Chấn	Khôn	Khảm	Ly	Càn	Đoài	Càn
Hợi	Càn	Trung	Đoài	Càn	Trung	Tồn	Chấn	Khôn	Khảm	Ly	Càn	Đoài

Người xưa phân chia toàn bộ bầu trời và vũ trụ ra thành 9 khu vực, mỗi khu vực đều được đặt tên bằng một cung. Dựa trên nguyên lý Cửu cung bát quái, 9 cung sẽ là: Cung Càn, Khảm, Cấn, Chấn, Trung cung, Tồn, Ly, Khôn, Đoài. Trong đó, Càn, Khảm, Cấn, Chấn thuộc 4 cung Dương; Tồn, Ly, Khôn, Đoài thuộc 4 cung Âm, thêm vào đó là Trung cung nên tổng cộng có tất cả 9 cung.

Sau đó, người xưa lại kết hợp 9 cung đó với con số và màu sắc.

Dưới đây là quan hệ giữa 9 cung và con số:

Sự phối hợp giữa con số và màu sắc của 9 cung: Nhất Bạch, Nhị Hắc, Tam Bích, Tứ Lục, Ngũ Hoàng, Lục Bạch, Thất Xích, Bát Bạch, Cửu Tử (1 trắng, 2 đen, 3 ngọc bích, 4 lục, 5 vàng, 6 trắng, 7 đỏ son, 8 trắng, 9 tím).

Sự phối hợp giữa con số và bát quái của 9 cung: Nhất Bạch ở Khảm, Nhị Hắc ở Khôn, Tam Bích ở Chấn, Tứ Lục ở Tồn, Ngũ Hoàng ở Trung, Lục Bạch ở Càn, Thất Xích ở Đoài, Bát Bạch ở Cấn, Cửu Tử ở Ly. Thầy địa lý xưa thường dựa vào đây để đoán hung cát. Người xưa cho rằng, những con số liên quan đến màu trắng như 1, 6, 8 là con số may mắn, 9 cũng là con số may mắn, tương ứng với số 9 là màu tím. Tương truyền, Thiên cung, nơi ở của Thần Tiên là một nơi có màu tím, vì vậy, số 9 mới được coi là số may mắn.

Tổn 4	Ly 9	Khôn 2
Chấn 3	Trung cung 5	Đoài 7
Cấn 8	Khảm 1	Càn 6

Huyện Quan Phu, còn gọi là Địa Quan Phủ, Huyện Lao Sát,... cũng có hai oai là nam và tháng, đều cần phải tránh khi xây dựng nhà cửa. Theo "Hiệp kỷ biện phương thư", Huyện Quan Phủ năm đứng trước 5 vị trí so với Thái Tuế, năm Tý vào ngày Thìn, năm Sửu vào ngày Tỵ, năm Dần vào ngày Ngọ, năm Mão vào ngày Mùi, năm Thìn vào ngày Thân, năm Tỵ vào ngày Dậu, năm Ngọ vào ngày Tuất, năm Mùi vào ngày Hợi, năm Thân vào ngày Tý, năm Dậu vào ngày Sửu, năm Tuất vào ngày Dần, năm Hợi vào ngày Mão. Nếu xây dựng, sửa chữa nhà cửa vào tháng giêng năm Tý, Huyện Quan Phủ của nam này vào ngày Thìn, đưa Nguyệt Kiến Dần vào Trung cung, đếm thuận đến Đoài (Thất) gặp chữ Thìn, cung Đoài quản 3 sơn Canh Đoài Tân, như vậy, vào tháng giêng năm Tý, Huyện Quan Phủ sẽ ở Canh Đoài Tân. Theo cuốn "Hiệp kỷ biện phương thư", có thể liệt kê Huyện Quan Phủ (Địa Quan Phủ) thành bảng (xem bảng 1-14).

Bảng 1-13 Bảng Châu Quan Phủ

Tháng Năm	Giêng	Hai	Ba	Tư	Năm	Sáu	Bảy	Tám	Chín	Mười	Mười một	Mười hai
Thân Tý Thìn	Trung	Thìn Tôn Tý	Giáp Chấn Ất	Mùi Khôn Thân	Nhâm Khảm Quý	Bính Ly Đinh	Sửu Cấn Dần	Canh Đoài Tân	Tuất Cấn Hợi	Trung	Canh Đoài Tân	Tuất Cấn Hợi
Tỵ Dậu Sửu	Mùi Khôn Thân	Nhâm Khảm Quý	Bính Ly Đinh	Sửu Cấn Dần	Canh Đoài Tân	Tuất Cấn Hợi	Trung	Canh Đoài Tân	Tuất Cấn Hợi	Trung	Thìn Tôn Tý	Giáp Chấn Ất
Dần Ngọ Tuất	Sửu Cấn Dần	Canh Đoài Tân	Tuất Cấn Hợi	Trung	Canh Đoài Tân	Tuất Cấn Hợi	Trung	Thìn Tôn Tý	Giáp Chấn Ất	Mùi Khôn Thân	Nhâm Khảm Quý	Bính Ly Đinh
Hợi Mao Mùi	Trung	Canh Đoài Tân	Tuất Cấn Hợi	Thân Tôn Tý	Giáp Chấn Ất	Mùi Khôn Thân	Nhâm Khảm Quý	Bính Ly Đinh	Sửu Cấn Dần	Canh Đoài Tân	Tuất Cấn Hợi	

Tiểu Nại Sát: Năm Dương Thân Tý, Thìn, Dần, Ngọ, Tuất; Tháng giêng vào cung Khôn, tháng hai vào cung Cấn, tháng ba vào cung Đoài, tháng tư vào cung Cấn, tháng năm vào cung Ly, tháng sáu vào cung Khảm, tháng bảy vào cung Khôn, tháng tám cung Chấn, tháng chín cung Tổn, tháng mười Trung cung, tháng mười một cung Cấn, tháng mười hai cung Đoài. Năm Âm Tỵ,

Bảng 1-14. Bảng Huyện Quan Phủ

Thang Năm	Giêng	Hai	Ba	Tư	Năm	Sáu	Bảy	Tám	Chín	Mười	Mười một	Tháng chạp
Ty	Canh Đoài Tân	Tuất Càn Hợi	Trung	Canh Đoài Tân	Tuất Càn Hợi	Trung	Thìn Tốn Ty	Giáp Chấn Ất	Mùi Khôn Thân	Nhâm Khảm Quý	Bính Ly Đinh	Sửu Cấn Dần
Sửu	Sửu Cấn Dần	Canh Đoài Tân	Tuất Càn Hợi	Trung	Canh Đoài Tân	Tuất Càn Hợi	Thìn Tốn Ty	Giáp Chấn Ất	Mùi Khôn Thân	Nhâm Khảm Quý	Bính Ly Đinh	
Dần	Bính Ly Đinh	Sửu Cấn Dần	Canh Đoài Tân	Tuất Càn Hợi	Trung	Canh Đoài Tân	Tuất Càn Hợi	Thìn Tốn Ty	Giáp Chấn Ất	Mùi Khôn Thân	Nhâm Khảm Quý	
Mão	Nhâm Khảm Quý	Bính Ly Đinh	Sửu Cấn Dần	Canh Đoài Tân	Tuất Càn Hợi	Trung	Canh Đoài Tân	Tuất Càn Hợi	Thìn Tốn Ty	Giáp Chấn Ất	Mùi Khôn Thân	
Thìn	Mùi Khôn Thân	Nhâm Khảm Quý	Bính Ly Đinh	Sửu Cấn Dần	Canh Đoài Tân	Tuất Càn Hợi	Trung	Canh Đoài Tân	Tuất Càn Hợi	Thìn Tốn Ty	Giáp Chấn Ất	
Ty	Giáp Chấn Ất	Mùi Khôn Thân	Nhâm Khảm Quý	Bính Ly Đinh	Sửu Cấn Dần	Canh Đoài Tân	Tuất Càn Hợi	Trung	Canh Đoài Tân	Tuất Càn Hợi	Thìn Tốn Ty	
Ngo	Chấn Tốn Ty	Giáp Chấn Ất	Mùi Khôn Thân	Nhâm Khảm Quý	Bính Ly Đinh	Sửu Cấn Dần	Canh Đoài Tân	Tuất Càn Hợi	Trung	Canh Đoài Tân	Tuất Càn Hợi	Thìn Tốn Ty
Mùi	Trung	Thìn Tốn Ty	Giáp Chấn Ất	Mùi Khôn Thân	Nhâm Khảm Quý	Bính Ly Đinh	Sửu Cấn Dần	Canh Đoài Tân	Tuất Càn Hợi	Trung	Canh Đoài Tân	Tuất Càn Hợi
Thân	Tuất Càn Hợi	Trung	Thìn Tốn Ty	Giáp Chấn Ất	Mùi Khôn Thân	Nhâm Khảm Quý	Bính Ly Đinh	Sửu Cấn Dần	Canh Đoài Tân	Tuất Càn Hợi	Trung	Canh Đoài Tân
Dậu	Canh Đoài Tân	Tuất Càn Hợi	Trung	Thìn Tốn Ty	Giáp Chấn Ất	Mùi Khôn Thân	Nhâm Khảm Quý	Bính Ly Đinh	Sửu Cấn Dần	Canh Đoài Tân	Tuất Càn Hợi	Thìn Tốn Ty
Tuất	Trung	Canh Đoài Tân	Tuất Càn Hợi	Trung	Thìn Tốn Ty	Giáp Chấn Ất	Mùi Khôn Thân	Nhâm Khảm Quý	Bính Ly Đinh	Sửu Cấn Dần	Canh Đoài Tân	Tuất Càn Hợi
Hợi	Tuất Càn Hợi	Trung	Canh Đoài Tân	Tuất Càn Hợi	Trung	Thìn Tốn Ty	Giáp Chấn Ất	Mùi Khôn Thân	Nhâm Khảm Quý	Bính Ly Đinh	Sửu Cấn Dần	Canh Đoài Tân

Nhưng trong cuốn “Nguyên Kinh”, Quách Phác lại cho rằng, Thái Tuế (xem giải thích phần sau) vào nam Tý Ngọ Mão Dậu thì tháng giêng bắt đầu bằng Bát Bạch, vào nam Thìn Tuất Sửu Mùi thì tháng giêng bắt đầu bằng Ngũ Hoàng, năm Dần Thân Ty Hợi thì tháng giêng bắt đầu bằng Nhị Hắc, cũng đi theo chiều ngược cho hết 9 cung, mỗi biểu tượng bát quái cai quản 3 núi hai quan điểm trên đối ngược nhau, vậy ai đúng, ai sai? “Hiệp kỷ biên phương thư” cho rằng, “Nguyên Kinh” ý nghĩa rõ ràng, lại ăn khớp với Nguyệt Kiết nên có thể sẽ chính xác hơn

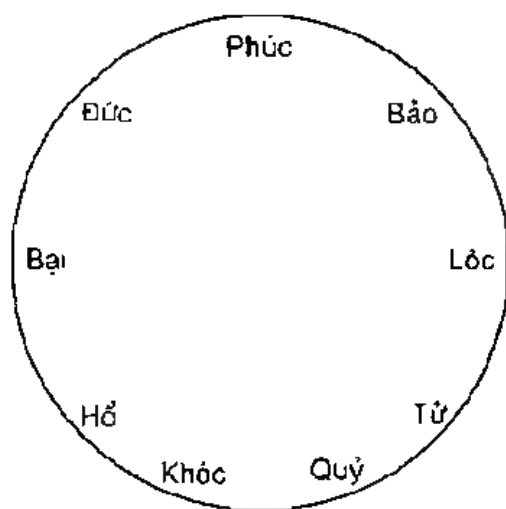
4. SAN NÊN VÀ DỰNG CỘT XÂY NHÀ

Dùng dây mực⁽¹⁾ để phác cột nhà: Thích hợp nhất nên lựa chọn những ngày tốt lành như ngày Thiên Đức, Nguyệt Đức, nếu gặp được ngày trực “Tam Bạch Cửu Tử”⁽²⁾ thì đại cát. Thời gian dựng chân cột nên làm vào ngày Dần, Thân, Ty, Hợi.

[Chu thích]:

[1] Dây mực Là một loại dây có tấm mực ma thơ mực dùng để vẽ đường thẳng trên vật liệu gỗ.

[2] “Tam Bạch Cửu Tử” Tức là 4 ngôi sao. Nhất Bạch, Lục Bạch, Bát Bạch và Cửu Tử. Người xưa cho rằng “Tam Bạch, Nhất, Lục, Bát” là tốt lành nhất, tiếp đó là đến Cửu Tử, còn lại đều là hung. Điều này đã được giải thích ở phần trên



Thông thường, khi khởi công xây dựng, người ta thường coi sao Phúc là 1 tuổi, đếm theo chiều thuận (kết thúc ở sao Đức) tại vị trí sao của năm đó

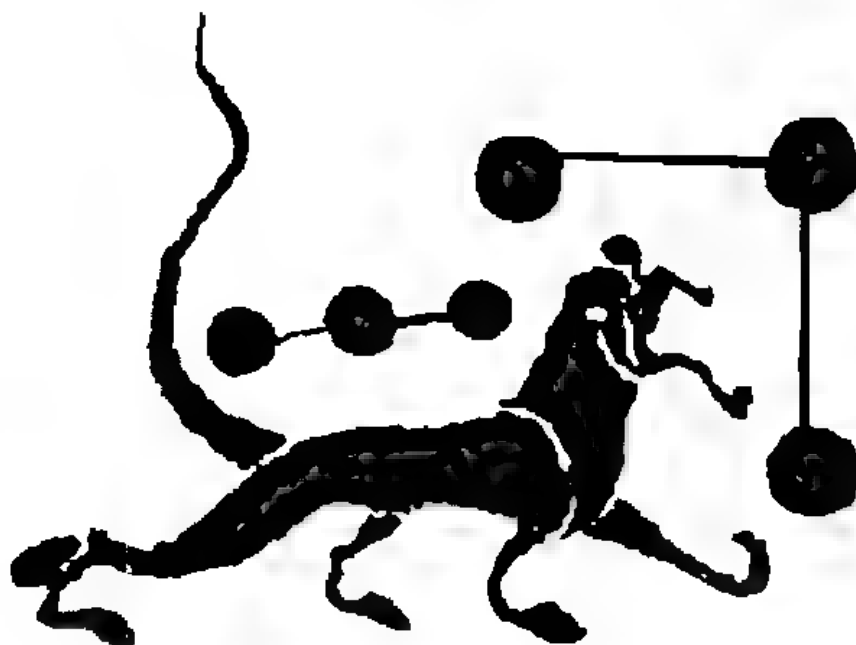
Trạch Bảo Cửu Tinh Đồ

Thanh nhân lưu truyền lại rất nhiều cuốn sách khác nhau nói về việc Cửu Tinh Kim Phù đi qua Nội Cửu Tinh, điều này rất linh nghiệm. Chẳng hạn như khi khởi công xây dựng, dựng vợ gả chồng, di dời, xuất hành, mai táng, ... cần phải hợp với Vạn Thông Tứ Cát Tinh, Đại Minh Thông Nhật và Trạch Bảo Kinh. Nếu Trạch Đức Tinh nhập mệnh thì thích hợp cho việc tu tạo, có ích cho việc kéo dài tuổi thọ, thêm nhân khẩu và nhà vườn phía Bắc, tài vương phu quý, vì vậy đây là sao may mắn. Nếu Trạch Phúc Tinh nhập mệnh, phù hợp với việc xây mới và tu tạo, tam tài tiến ích, diên trạch hưng vượng, cũng là sao rất may mắn. Trạch Hổ Tinh thủ mệnh không thích hợp cho việc tu tạo

[Giải thích]:

Trong Cửu cung bát quái, 4 sao Nhất Bạch, Lục Bạch, Bát Bạch và Cửu Tử được cho là những vì sao rất tốt lành; Trong đó, Nhất (1), Lục (6), Bát (8) là màu trắng (Bạch), Cửu (9) là

màu tím (TỬ), những con số này cũng bao hàm ý nghĩa may mắn. Để gập cát trắn rung, thời xưa khi xây nhà, người ta thường chọn những con số tương hợp với các số 1, 6, 8, 9 (cách chọn số nay được gọi là “Áp Bạch”), và trên những chiếc thước thẳng và thước dây của thợ mộc cũng đều có đánh dấu rất rõ ràng đối với những vị trí kích thước này.



Chủy Sảm Hổ tương

Ở giữa phiên da vẽ bạc Thiên văn “Chòm sao Ngưu Lang Chức Nữ” được khai quật ở mộ Bạch Thôn dân Hán thành phố Nam Dương có khắc hình ương hổ. Phía trước đầu hổ có 3 ngôi sao tạo thành một góc vuông, đó là sao Chủy. Sao Chủy còn được gọi là “Chủy Huê”, là một trong Nhũ thập bát tú, nằm ngay phía trên của sao Sảm. Chòm sao Chủy gồm 3 ngôi sao, tạo thành thế chân vạc, tập trung trong một phạm vi rất nhỏ hẹp. Ở phía trên lưng hổ có một nhóm 3 ngôi sao tạo thành một đường thẳng theo chiều ngang, đó là 3 ngôi sao trong chòm sao Sảm.

Các việc vẽ đánh dấu trụ gỗ, chuẩn bị vật liệu, đục lỗ mộng trên trụ gỗ đều phải hợp với “Bạch Tinh”. Nguyên tác “Tam Bạch Cửu Tử” đều có tác dụng rất lớn đối với mỗi người thợ. Trước tiên phải xác định “Bạch” của ngày và giờ, sau đó lấy “Bạch” của kích thước, tất cả đều phải được tính toán một cách chuẩn xác, sắp xếp hết sức thỏa đáng, chỉ cần phù hợp được với sự ứng chiếu của các sao trên trời thì sẽ được bảo vệ, che chở bởi các tia may mắn, theo đó, người trong nhà sẽ có thể có được may mắn. Nhưng nhiều người không biết dùng đúng cách, việc lớn không được làm vào những ngày kỵ như ngày Thiên Ôn, ngày Thiên Tặc, Thụ Tử, Chuyển Sát, Đại Tiểu Hòa Tinh, Hoang Vu, Phục Đoạn . .

[Giải thích]:

Thiên Ôn, là một trong những sao hung sát cần phải tránh. Quy luật xuất hiện của sao này là: Năm Tý vào ngày Mùi, năm Sửu vào ngày Tuất, năm Dần vào ngày Thìn, năm Mão vào ngày Dần, năm Thìn vào ngày Ngọ, năm Tỵ vào ngày Tý, năm Ngọ vào ngày Dậu, năm Mùi vào ngày Thân, năm Thân vào ngày Tỵ, năm Dậu vào ngày Hợi, năm Tuất vào ngày Sửu, năm Hợi vào ngày Mão.

Chuyển Sát, còn gọi là Thiên Địa Chuyển Sát. Quy luật xuất hiện của sao này là: Mùa Xuân vào ngày Ất Mão, ngày Tân Mão; Mùa Hạ vào ngày Bính Ngọ, Mậu Ngọ, Mùa Thu vào ngày Tân Dậu, Quý Dậu; Mùa Đông vào ngày Nhâm Tý, Bính Tý.

Qua tham khảo một số bản của cuốn “Trạch cát thông thư” đều không thấy tên gọi ‘Đại Tiểu Hỏa Tinh’ của sao hung sát, mà lại có sao hung sát ‘Đại Tiểu Hỏa Huyết’, như trong “Trạch Cát Thông Thư” có nhắc đến “Hỏa Tinh Hung Nhât”. Vì vậy, chữ “Tinh” (𠂔) có thể viết sai từ chữ “Huyết” (𦍋). Thông thư là lịch mà người xưa dùng để ghi nam, tháng, ngày, tiết, hay còn gọi là hoang lịch để chọn ngày lành tháng tốt; Tà lịch chọn ngày lành tháng tốt được ghi la tường tận nhất mà chúng ta có thể thấy ngày nay là cuốn “Hiệp kỷ biện phương thư” được biên soạn vào thời vua Càn Long đời Thanh, đây là cuốn sách tiêu biểu nhất và được coi là “văn kiện thông thư”.

Quy tắc của “Đại Tiểu Hỏa Tinh” là: Đại Hỏa Tinh (Huyết) ấy Tuyệt của nam và tháng, như Thân Tý Thìn Thủy cục Tuyệt ở Tỵ, vì vậy, Đại Hỏa Huyết ở Tỵ; Các trường hợp còn lại cũng suy đoán theo phương pháp trên Tiểu Hỏa Tinh (Huyết) lấy Thái của ngũ hành tam hợp, như Thân Tý Thìn Thủy cục Tha ở Ngọ, vì vậy, Tiểu Hỏa Huyết ở Ngọ, các trường hợp còn lại cũng suy luận theo quy tắc trên. Nếu phạm vào các trường hợp này có nghĩa là đại phạm phải Thái và Tuyệt, người xưa cho rằng rất không tốt. Nó cụ thể hơn, phương pháp suy đoán Đại Hỏa Tinh (Huyết) như sau: Thân Tý Thìn tại Tốn Tỵ, Tỵ Dậu Sửu tại Cấn Dần, Dậu Ngọ Tuất tại Cấn Hợi, Hợi Mão Mùi tại Khôn Thân. Các trường hợp nam tháng, giờ cũng tính theo phương pháp đó. Nhưng phương pháp suy đoán Tiểu hỏa Tinh (Huyết) lại như sau: Thân Tý Thìn tại Bính Ngọ, Tỵ Dậu Sửu tại Giáp Mão, Dần Ngọ Tuất tại Nhâm Tý, Hợi Mão Mùi tại Canh Dậu, các trường hợp nam, tháng giờ cũng tính theo phương pháp như vậy.

Phục Đoan Nhật, trong rất nhiều bản thông thư có ghi: Ngày Tý gặp Hư, ngày Sửu gặp Đẩu, ngày Dần gặp Thất, ngày Mão gặp Nữ, ngày Thìn gặp Cơ, ngày Tỵ gặp Gốc, ngày Ngọ gặp Phòng, ngày Mùi gặp Trùng, ngày Thân gặp Quỷ, ngày Dậu gặp Chủ, ngày Tuất gặp V, ngày Hợi gặp Sích, những ngày này được gọi là Phục Đoan Nhật. Các chữ Hư, Đẩu, Thất, Nữ, . . . đều là tên gọi của các vì sao trong Nhị thập bát tú.

Thời cổ đại Trung Quốc, để quan sát và dự đoán sự vận hành của các thiên thể, Mặt Trời, Mặt Trăng và các vì sao, các nhà Thiên văn học đã lựa chọn ra 28 chòm sao gần đường Hoàng Đạo và đường xích đạo quanh bầu trời để làm tiêu chí quan sát và gọi đó là “Nhị thập bát tú”. Để tiện cho việc phân chia và quan sát, người xưa còn chia Nhị thập bát tú ra thành 4 cung Đông, Nam, Tây, Bắc và lần lượt tượng tượng ra thành hình dạng của từng loài động vật, tức

Đông cung Thanh Long. Nam cung Chu Tước, Tây cung Bạch Hổ, Bắc cung Huyền Vũ. Bốn loài động vật này còn được gọi là “tứ tượng”. Người xưa còn kết hợp giữa tứ tượng và ngũ hành, từ đó, đặt cho chúng một số thuộc tính.

Ngũ hành của tứ tượng là: Đông phương Thanh Long thuộc Mộc, Tây phương Bạch Hổ thuộc Kim, Nam phương Chu Tước thuộc Hỏa, Bắc phương Huyền Vũ thuộc Thủy.

Trong 4 cung Đông, Nam, Tây, Bắc của Nhị thập bát tú, mỗi cung có 7 sao:

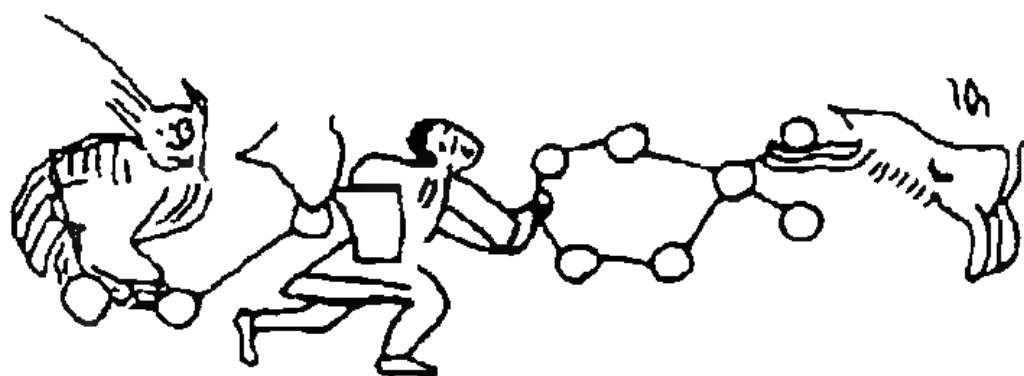
Đông phương Thanh Long được cấu tạo bởi các sao Giác, Cang, Đê, Phòng, Tâm, Vị, Cơ

Bắc phương Huyền Vũ được cấu tạo bởi các sao Đẩu, Ngưu, Nữ, Hư, Ngụy, Thất, Bích.

Tây phương Bạch Hổ được cấu tạo bởi các sao Khue, Lâu, Vi, Mão, Tấn, Chủy, Sâm

Nam phương Chu Tước được cấu tạo bởi các sao Tinh, Quỷ, Liễu, Tinh, Chương, Dục, Chấn.

Người xưa thật giàu trí tưởng tượng, lai hòa trộn một cách khéo léo Nhị thập bát tú và Thất Diệu (các sao Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ và Mặt Trăng, Mặt Trời) với tên gọi của 28 loài động vật, chuyển từ tên sao 1 chữ thành tên sao 3 chữ, từ đó tạo ra hình tượng nhất định cho Nhị thập bát tú. Và thế là, “Nhị thập bát tú” trở thành “tam vị nhất thể” giữa người, thần và thú, sau này trở thành nền hội họa Thần Thánh của Đạo giáo.



Hình Taitwong bắt thú - bích họa trên mộ đời Hán

Sao Tấn là một trong Nhị thập bát tú, gồm 8 vì sao, trông giống như một bộ móng vuốt, lại giống như một chiếc lược bắt thú, vì vậy, người xưa gọi loại lược dùng để bắt thú là Tấn Vong. Hình trên là sơ đồ phương vị của sao Tấn, một chu thú đang chạy trốn ở phía trước, phía sau là 7 ngôi sao nối tiếp nhau, sau 7 ngôi sao là 1 người, sau người là 1 loài động vật. Người nối liền với 7 ngôi sao, trông giống như đang cầm một chiếc lược để bắt chú thú đang chạy trốn.

Giốc Mộc Giao - Đổng Vũ, từng nhậm chức Đại Tư Đồ, phong Quý Hậu, sau phong lại Cao Mật Hậu.

Cang Kim Long - Ngô Hán, từng nhậm chức Đại Tư Mã, phong Quảng Bình Hầu.

Đê Thổ Lạc - Cổ Phục, từng nhậm chức Đô Hộ tướng quân, Tả tướng quân, Quân Công Trác Trước, nhiều lần được phong Giao Đông Hầu.

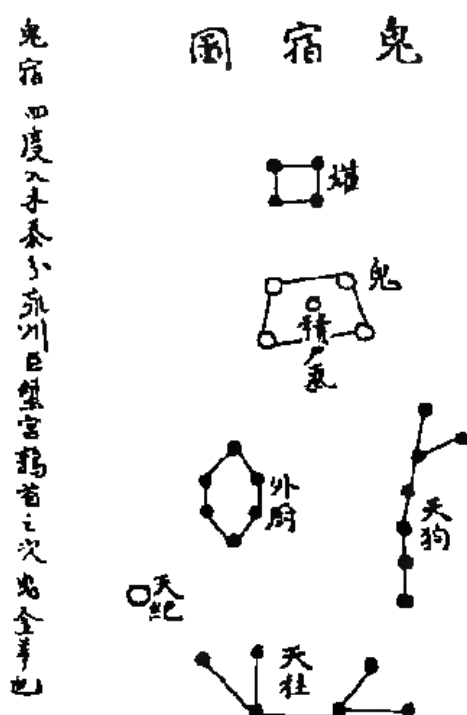
Phong Nhật Thố - Cảnh Luân, từng nhậm chức Đại tướng quân, phong Hiếu Hậu
 Tâm Nguyệt Cô - Khấu Tuấn, từng nhậm Thái Thủ đẳng chức, phong Linh Nữ Hầu.
 Vũ Hỏa Hồ - Sầm Bành, phong Vũ Âm Hầu.

Cơ Thủy Báo - Phùng Di, từng nhậm chức Đại tướng quân, phong Âm Hạ Hầu.

Đấu Mộc Hải - Chu Hữu, từng nhậm chức Hộ Quân Kiến Nghi Đại tướng quân, nhiều lần lập công lớn, phong Các Hầu

Ngưu K m Ngưu - Soát Tuấn, từng nhậm chức Chính Lễ tướng quân, phong Dĩnh Dương Hầu

Nữ Thổ Bức - Cảnh Đan, từng nhậm chức Thiên Tướng quân, phong Nhạ Dương Hầu



Quỷ Tú Đồ “Thiên văn tinh tú toàn đồ” - Tranh minh họa Đời nhà Thanh

Quỷ Tú (sao Quỷ) là một trong Nhụ thập bát tú, còn gọi là “Dư Quỷ”. Chòm sao thứ hai trong 7 chòm sao ở phương Nam do 4 ngôi sao của Cự Giải Toa (một trong 12 cung Hoàng Đạo) tạo thành. Người xưa liên hệ 7 ngôi sao ở phía Nam lại với nhau, tưởng tượng thành hình một con chim, sao Quỷ là mắt chim. Người xưa đã dựa vào sao Quỷ để phân đoạn ra phương của Nhật Nguyệt ngũ tinh và cũng dựa vào đó để chiêm bói.

Hu Nhật Thủ - Cai Diên, từng nhậm chức Thiên Tướng quân, Hộ Nha Tướng quân, nhiều lần được giao chức Tả Phùng Dục, phong An Bình hầu.

Nguy Nguyệt Yến - Kiên Đàm, từng nhậm chức Thiên Tướng quân, vì có công với quân độ nên được phong Hợp Phi Hầu.

Thất Hỏa Trụ - Cảnh Thuần, từng nhậm chức Thái Thủ Đẳng Chức, phong Đông Quang Hầu

Bích Thủy Du - Tang Cung, từng nhậm chức Phụ Uy Tướng quân, Quảng Hán Thái Thủ, vì có công với quân đội nên được phong Lang Lăng Hầu.

Quế Mộc Lang - Mã Vũ, từng nhậm chức Bồ Lỗ Tướng quân, phong Dương Hư Hầu.

Lâu Kim Cầu - Lưu Long, từng nhậm chức Chu Lỗ Tướng quân, vì có công với quân đội nên được phong Thân Hầu.

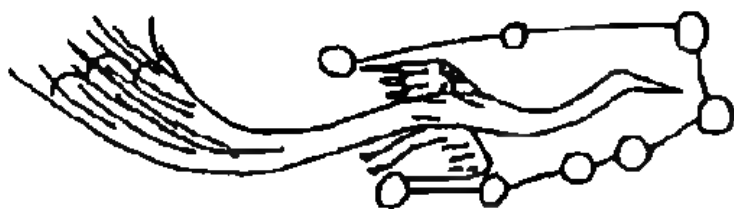
Vĩ Thổ Trĩ - Mã Thành, chiến công lừng lẫy, từng nhậm chức Võ Tướng quân, phong Toàn Tâu Hầu.

Mão Nhất Kê - Vương Lương, chiến công lừng lẫy, từng nhậm chức Tư Mã, Tế Nam Thái Thủ, trước phong Vũ Cường Hầu, sau phong ai thành Phụ Thành Hầu

Tất Nguyệt Ổ - Trần Tuấn, từng nhậm chức Lang Nha Thái Thủ, đảm nhận công việc của Đại Tướng quân, phong Chúc Hà Hầu

Chủy Hỏa Hầu - Bác Tuấn, từng nhậm chức Tích Nỗ Tướng quân, phong Côn Dương Hầu

Sâm Thủy Viên - Đỗ Mậu, từng nhậm chức Trung Kiên Tướng quân, Đại Tướng quân, Phiêu Kỳ Đại Tướng quân, vì có công với quân đội nên được phong chức Sâm Cừ Hương Hầu



Chu Tước Thần tượng - bích họa trên mộ đời Hán

Chu Tước là một trong 'tứ tượng', là tên gọi chung cho 7 sao phương Nam (Tinh, Quỷ, Liễu, Tinh, Trương, Đúc, Chấn). Từ sao Quỷ đi qua sao Liễu, sao Tinh, sao Trương đến sao Đúc, trông giống như một con chim lớn đang sải rộng cánh bay ở phương Nam, cùng với Thanh Long, Bạch Hổ, Huyền Vũ hợp thành "Tứ phương chi Thần", trong "Lễ ký Khúc lễ thượng có ghi" "Hành nên Chu diểu nhi hậu Huyền Vũ, tả Thanh Long nhi hữu Bạch Hổ"

Tinh Thủy Hãn - Diêu Kỳ, từng nhậm chức Thiên Tướng quân, Hộ Nha Đại Tướng quân, vì có công với quân đội nên được phong chức An Thành Hầu.

Quý K m Dương - Vương Bá, từng nhậm chức Thảo Lỗ Tướng quân, phong Chuẩn Lang Hầu.

Liễu Thổ Chương - Nhậm Quang, từng nhậm chức Quang Tả Tướng quân, phong A Lăng Hầu

Tân Nhật Mão - Lý Trung, từng nhậm chức Tướng Ngũ Quan Trung Ấn, Đan Dương Thái Thú, Dự Chương Thái Thú.

Trương Nguyệt Lôi - Văn Tu, từng nhậm chức Thiên Tướng quân, Hữu Tướng quân, phong Hoa Lôi Hầu.

Dục Thủy Xà - Phi Đồng, từng nhậm chức Thái Thương, Thiếu Phủ, phong Võ Nghĩa Hầu, sau phong lại thành Thọ Hầu.

Chấn Thủy Dân - Lưu Trục, từng nhậm chức Kiêu Kỳ Tướng quân, phong Xương Thành Hầu.

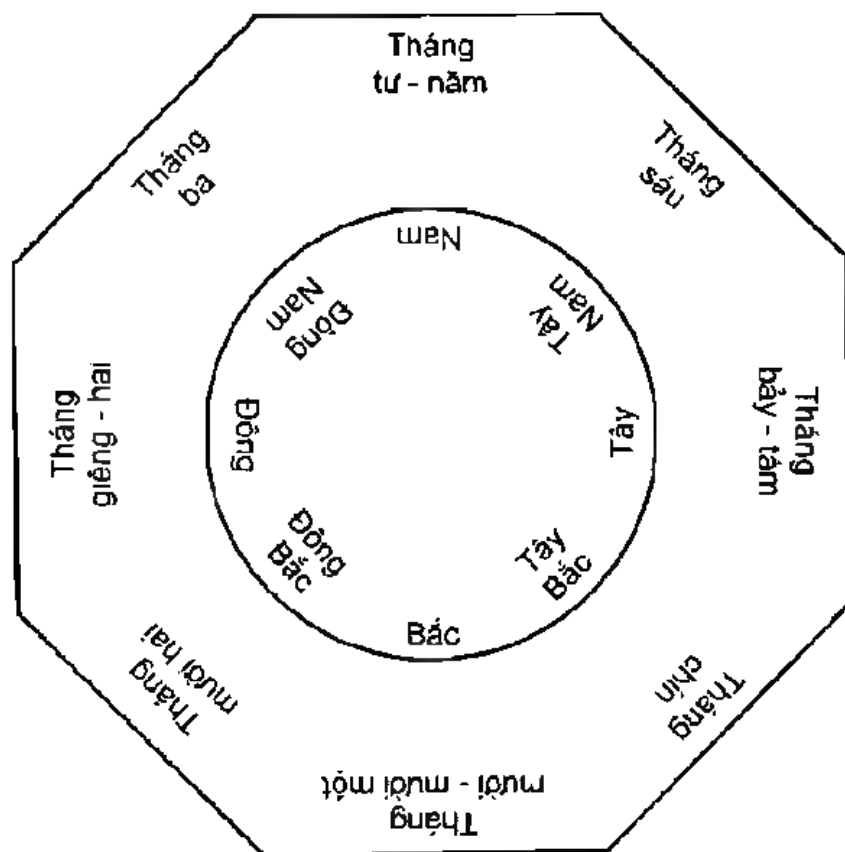
Những nhân vật trên đây đều là những danh tướng của thời kỳ Đông Hán. Dựa vào đây để gả thích về Phục Đao sẽ dễ hơn. Phục Đao không quan trọng ở ngày mà quan trọng hơn là giờ. Phương pháp tính như sau: Ngày nhất nguyên Giáp Tý bắt đầu từ Hợi, nhị nguyên Giáp Tý bắt đầu từ Khue, tam nguyên Giáp Tý bắt đầu từ Tuất, tứ nguyên Giáp Tý bắt đầu từ Quý, ngũ nguyên Giáp Tý bắt đầu từ Dục, lục nguyên Giáp Tý bắt đầu từ Đê, thất nguyên Giáp Tý bắt đầu từ Cơ. Sau ngày thất nguyên Giáp Tý lại bắt đầu từ Hợi, lặp lại chu kỳ như trên, tổng cộng trải qua 60 ngày 720 giờ mới kết thúc. Phục Đao nối gắp phải 4 sao Kim là Lưu Kim Cầu, Quý Kim Dương, Cang Kim Long, Ngưu Kim Ngưu thì bị gọi là Âm Kim Phục Đao, mức độ hung hiểm của nó càng lớn. Qua nghiên cứu kỹ lưỡng thấy rằng, "thất nguyên" không luân chuyển theo quy luật và cũng không liên quan gì đến sự hưng cát, vì vậy ở đây không cần nghiên cứu kỹ.

Theo ghi chép của "Hiệp Kỷ biên phương thư", ta có thể lập bảng liệt kê mối quan hệ giữa Phục Đao với ngày và giờ như bảng 1-15.

Bảng 1-15. Bảng sao ngày Phục Đao

Sao Ngày Nguyên	Ty	Sửu	Dần	Mão	Thìn	Tỵ	Ngọ	Mu	Thân	Dậu	Tuất	Hợi
Nhất nguyên	Hợi Phục Đao	Ngọ	Thất Phục Đao	Đích	Khue	Lâu	Ngọ	Mão	Tất	Chủy Phục Đao	Sâm	Tính
Tứ nguyên	Quý Âm Kim	Liêu	Tính	Trương	Dục	Chấn	Giốc Phục Đao	Nguyên Âm Kim	Đê	Phòng	Tâm	Vị
Thất nguyên	Cơ	Đẩu Phục Đao	Ngưu Âm Kim	Nữ Phục Đao	Hợi	Ngọ	Thất	Bích	Khue	Lâu Âm Kim	Mão Phục Đao	Mão
Tam nguyên	Tất	Chủy	Sâm	Tính	Quý Âm Kim	Lâu	Tính	Trương Phục Đao	Dục	Chấn	Giốc	Nguyên Âm Kim
Lục nguyên	Đê	Phòng	Tâm	Vị	Cơ	Đẩu	Ngưu Âm Kim	Nữ	Hợi	Ngọ	Thất	Bích Phục Đao
Nhị nguyên	Khue	Lâu Âm Kim	Vị	Mão	Tất	Chủy	Sâm	Tính	Quý Âm Kim	Liêu	Tính	Trương
Ngũ nguyên	Dục	Chấn	Giốc	Nguyên Âm Kim	Đê	Phòng Phục Đao	Tâm	Vị	Cơ	Đẩu	Ngưu Âm Kim	Nữ

Ngày lành tháng tốt để động thổ sửa chữa nền nhà và san bằng nền nhà bao gồm các ngày: Giáp Tý, Ất Sửu, Đinh Mão, Mậu Thìn, Canh Ngọ, Tân Mùi, Kỷ Mão, Tân Ty, Giáp Thân, Ất Mùi, Đinh Dậu, Kỷ Hợi, Bính Ngọ, Đinh Mùi, Nhâm Tý, Quý Sửu, Giáp Dần, Ất Mão, Canh Thân, Tân Dậu,... Việc xây tường nếu chọn ngày Phục Đọan và Bế nhật sẽ rất tốt lành. Về việc sửa tường nhà, Trạch Long Tinh⁽¹⁾ thường ở vị trí tường nhà vào tháng sáu và tháng bảy, Phục Long Tinh⁽²⁾ cũng ở vị trí tường nhà vào hai tháng này nhưng ở mé tường phía Tây. Nếu tường bị nước mưa xói mòn nghiêng đổ thì có thể động thổ xây sửa ngay trong ngày hôm đó, làm như vậy sẽ không phạm vào bất kỳ vị Thần hung sát nào. Nếu để qua đêm mới xây sửa hoặc dừng lại hẳn 3 - 5 ngày thì nhất định phải chọn ngày, không thể tùy tiện động thổ. Đối với những công việc như trát tường, san bằng đường đi, xây nền nhà, nếu chọn "Bình nhật"⁽³⁾ thì sẽ được tốt lành.



Sơ đồ kết cấu phương tinh bản

Lá bùa này dán 12 tấm giấy, theo số phương của tinh bản. Tám đầu tiên bắt đầu dán từ hướng chính Đông, nếu chưa Láp Xuân thì bắt đầu dán từ hướng Đông Bắc. Các hướng chính Đông, chính Tây, chính Nam, chính Bắc đều dán 2 tấm, các hướng Đông Nam, Đông Bắc, Tây Nam, Tây Bắc đều dán 1 tấm, nếu dán lung tung sẽ không linh nghiệm.

[Chú thích]:

[1] Trạch Long: Tên một Thần sao trong thần thoại.

[2] Phục Long: Tên một Thần sao trong thần thoại.

[3] Bình nhật: Là một ngày trong “Kiến Trư thập nhị trư” Người xưa cho rằng, “Bình nhật” thích hợp cho việc trát tường, san bằng đường đi, sửa chữa phòng sơ sinh, tế lễ, động thổ, tu tạo,

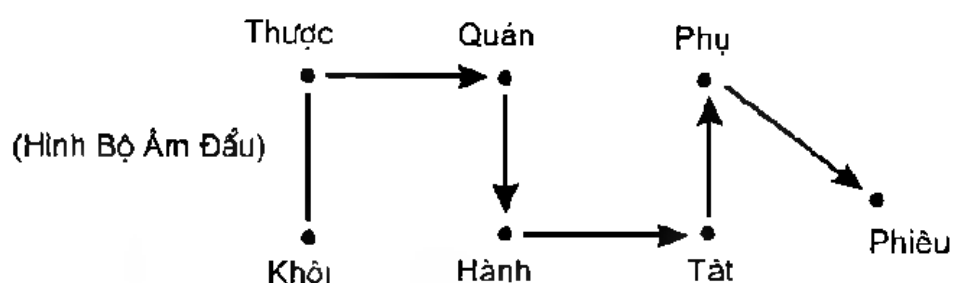
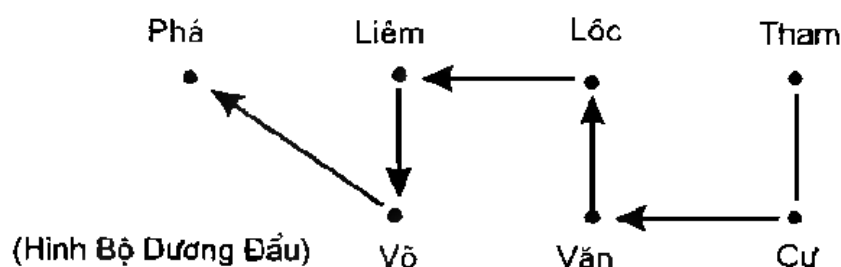
[Giải thích]:

Trong “Tượng cát thông thư” có ghi: “Trư nguyệt tu trư tường viên cát nhật”. trong đó, từ “cát nhật” được nhắc đến bao gồm các ngày: Giáp Tý, Canh Tý, Kỷ Mão, Đinh Mão, Nhâm Tý, trừ ngày Mậu Tý, Bính Tý của tháng giêng; Ngày Ất Sửu, Mậu Dần, Canh Dần, Giáp Dần, Tân Mùi, Giáp Thân, Mậu Thân, trừ ngày Đinh Mùi, Kỷ Mùi của tháng hai; Ngày Kỷ Mão, Canh Tý, Quý Dậu, trừ ngày Mậu Tý, Bính Tý, Nhâm Tý, Đinh Dậu của tháng ba; Ngày Giáp Tý, Canh Tý, Giáp Tuất, Ất Sửu, Canh Ngọ, trừ ngày Bính Tý, Mậu Tý của tháng tư; Ngày Ất Sửu, Tân Mùi, Tân Hợi, Kỷ Hợi, Đinh Hợi, Canh Dần, Giáp Dần, Mậu Dần, Bính Thìn, trừ ngày Đinh Mùi, Nhâm Dần, Kỷ Mùi, Bính Dần của tháng năm; Ngày Kỷ Hợi, Mậu Dần, Giáp Dần, Kỷ Mão, Tân Mão, Ất Mão, Giáp Thân, Mậu Thân, Canh Thân, Kỷ Hợi, Tân Hợi, trừ ngày Bính Dần, Đinh Mão của tháng sáu; Ngày Mậu Tý, Canh Tý, Canh Ngọ, Tân Mùi, trừ ngày Bính Ngọ, Đinh Mùi, Kỷ Mùi, Nhâm Tý, Nhâm Thìn, Bính Tý của tháng bảy; Ngày Ất Sửu, Giáp Tuất, Mậu Dần, Canh Dần, Bính Thìn, Canh Tuất, trừ ngày Nhâm Thìn của tháng tám; Ngày Kỷ Mão, Tân Mão, Canh Ngọ, ngoại Bính Ngọ, Quý Mão của tháng chín; Ngày Giáp Tý, Quý Dậu, Tân Dậu, Canh Ngọ, Giáp Tuất, trừ ngày Mậu Tý, Nhâm Ngọ của tháng mười; Ngày Giáp Thân, Mậu Thân, Canh Thân, Nhâm Thìn, Bính Thìn, Ất Hợi, Kỷ Mão, Tân Hợi, trừ ngày Đinh Mùi, Kỷ Mùi của tháng mười một; Ngày Giáp Tý, Mậu Dần, Canh Dần, Giáp Dần, Giáp Thân, Mậu Thân, Canh Thân, trừ ngày Bính Dần của tháng mười hai.

Những ngày tốt ần trên đều không phạm vào Nguyệt Phá, Khôi Cang, Câu Giáo, Hắc Đạo, Thiên Tặc, Thụ Tử, Thiên Ôn, Thổ Kỳ, Thổ Phù, Chuyển Sát, Cửu Thổ Quỷ, Chính Tứ Phế, Hoang Vu, Phục Đoạn, Địa Tặc, . vì vậy rất tốt lành và không cần cấm kỵ

Ở đây lại xuất hiện sự mâu thuẫn, đó là, trong cuốn “Tượng cát thông thư” có nói, “Phục Đoạn” là ngày thích hợp, nhưng trong những cuốn thông thư khác thì lại nói, ngày Phục Đoạn cần phải cấm kỵ. Hai quan điểm này trái ngược hẳn nhau và mỗi bên đều giữ quan điểm riêng.





Hình Bộ Âm Dương Đầu

Việc vẽ bùa không phải là có thể thực hiện ở bất kỳ khi nào và bất cứ nơi đâu mà có yêu cầu nghiêm ngặt đối với thời gian, địa điểm cũng như phương pháp. Có một số loại bùa quan trọng trong nước khi vẽ còn phải thực hiện bước "Bỏ Càng Đạp Đầu" (bước chân theo chòm sao Thiên Càng Bắc Đầu), tạo một liên hệ sâu sắc hơn với Thần. Bộ Càng Đạp Đầu được chia thành Đầu Dương và Đầu Âm. Bộ Dương được bắt đầu từ chữ "Tham", đi từ phải sang trái, bộ Âm lại đi từ trái sang phải. Sau khi thực hiện xong bước "Bỏ Càng Đạp Đầu", bước tiếp theo là gõ hai hàm răng vào nhau, mục đích của việc làm này là để tĩnh tâm định trí, "Tập Thần trong Thần", giao cảm với "Thần khí" trên Trời.

[Giải thích]:

Thổ Hoàng Sát có hai loại là Thổ Hoàng năm và Thổ Hoàng tháng. Thổ Hoàng năm được phân chia dựa trên Thiên can. Ví dụ, nếu gặp năm Tý, Sửu, Thổ Hoàng năm sẽ ở phương Tốn; Nếu gặp năm Dần, Mão, Thổ Hoàng năm sẽ ở phương Khôn; Nếu gặp năm Thìn, Tỵ, Thổ Hoàng năm sẽ ở phương Càn; Nếu gặp năm Ngọ, Thổ Hoàng năm sẽ ở phương Tỵ; Nếu gặp năm Mùi, Thổ Hoàng năm sẽ ở phương Mão; Nếu gặp năm Thân, Dậu, Thổ Hoàng năm sẽ ở phương Ngọ; Nếu gặp năm Tuất, Hợi, Thổ Hoàng năm sẽ ở phương Cấn.

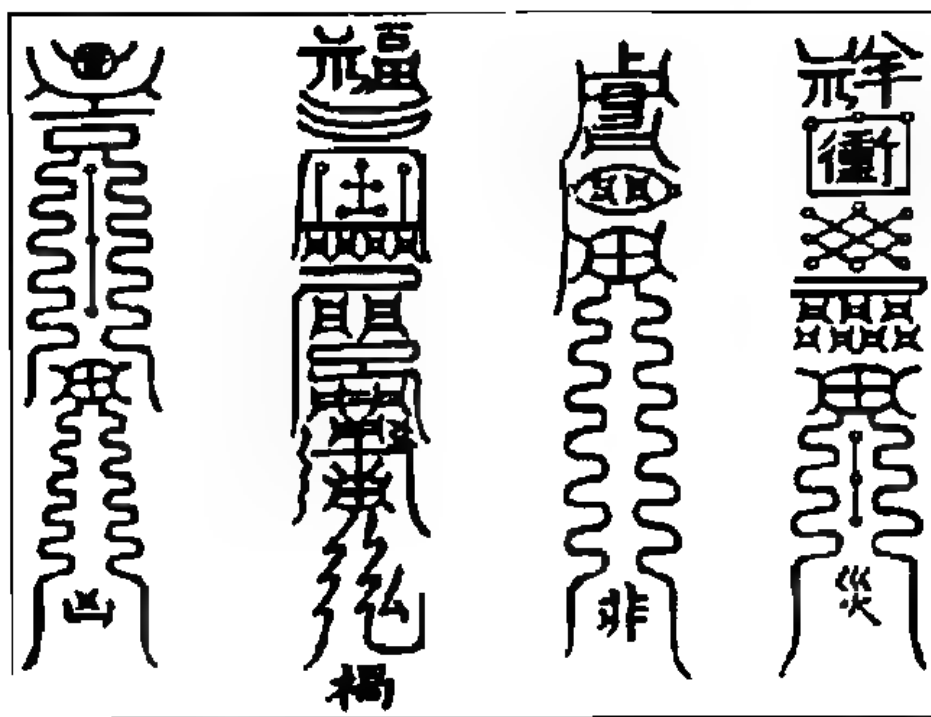
Thổ Hoàng tháng, tức là kết cấu Địa chi lục hại, được phân chia theo Địa chi. Thổ Hoàng tháng: Tháng giêng vào ngày Tỵ, tháng hai vào ngày Thìn, tháng ba vào ngày Mão, tháng tư vào

ngày Dần, tháng năm vào ngày Sửu, tháng sáu vào ngày Tý, tháng bảy vào ngày Hợi, tháng tám vào ngày Tuất, tháng chín vào ngày Dậu, tháng mười vào ngày Thân, tháng mười một vào ngày Mùi, tháng mười hai vào ngày Ngọ.

Thổ Phù: Nếu tháng giêng bắt đầu từ ngày Dần thì tháng hai vào ngày Mão, tháng ba vào ngày Thìn, tháng tư vào ngày Tỵ, tháng năm vào ngày Ngọ, tháng sáu vào ngày Mùi, tháng bảy vào ngày Thân, tháng tám vào ngày Dậu, tháng chín vào ngày Tuất, tháng mười vào ngày Hợi, tháng mười một vào ngày Tý, tháng mười hai vào ngày Sửu.

Thổ Ôn: Tháng giêng bắt đầu vào ngày Thìn, tháng hai vào ngày Tỵ, tháng ba ngày Ngọ, tháng tư ngày Mùi, tháng năm ngày Thân, tháng sáu ngày Dậu, tháng bảy ngày Tuất, tháng tám ngày Hợi, tháng chín ngày Tý, tháng mười ngày Sửu, tháng mười một ngày Dần, tháng mười hai ngày Mão.

Thiên Tác: Tháng giêng vào ngày Thìn, tháng hai ngày Dậu, tháng ba ngày Dần, tháng tư ngày Mùi, tháng năm ngày Tý, tháng sáu ngày Tỵ, tháng bảy ngày Tuất, tháng tám ngày Mão, tháng chín ngày Thân, tháng mười ngày Sửu, tháng mười một ngày Ngọ, tháng mười hai ngày Hợi.



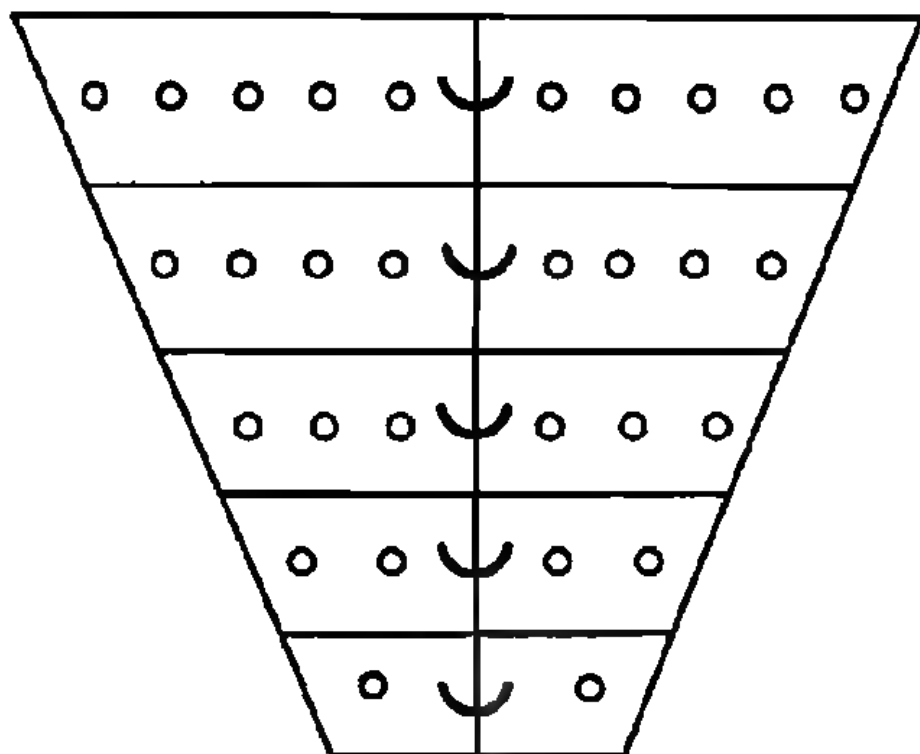
Hình Trấn Trạch Phù

Bùa vốn là một phạm trù trong Đạo giáo, sau này được các nhà phong thủy sử dụng và thâm nhập vào phong thủy Âm Dương trong kiến trúc, xây dựng nhà cửa, được lưu truyền rộng rãi, trở thành biện pháp chính trong việc tu tạo nhà cửa, giải trừ tai ương.

Về việc đào đất động thổ: Nếu xây sửa thuộc vào loại “Tọa cung” thì không cần phải di chuyển hương hỏa và tránh mặt; Nhưng nếu xây nhà mới phải lựa chọn thời gian tốt lành và tránh xung phạm hai Thần Sát Niên Gia và Nguyệt Gia⁽¹⁾.

[Chú thích]:

[1] Niên gia, Nguyệt Gia. Thần Sát thời gian, được chia thành 4 loại năm, tháng, ngày, giờ.



Cán Sơn Đố

Cán Sơn” là cách nói trong “Dịch - Thuyết Quái” hai bên trái phải kết hợp với đường phân chia ranh giới ở giữa và phần để tạo thành hình dạng giống như chữ “Sơn” (山). “Phân Chi” trong hình vẽ lấy vòng tròn ở góc bên phải, phía trên là ngày Sóc, đọc thứ tự theo chiều dọc từ trên xuống, từ phải sang trái để suy đoán. Nội dung có liên quan đến sự cấm kỵ trong các ngày Sóc Vong, Hối của mỗi tháng

[Giải thích]:

Trong “Thông thư đại toàn” có ghi: “Bản niên nhị thập tứ sơn mô long biến vận, mô sơn vận vi niên nguyệt nạp âm số khác, tức vi niên nguyệt khác mô sơn.”

Nhi thập tứ sơn tức là 8 phương hiển thị trên la bàn: Đông, Tây, Nam, Bắc, Đông Bắc, Đông Nam, Tây Bắc, Tây Nam (mỗi một quẻ trong bát quái thể hiện cho một phương), mà mỗi phương

đều do 3 hướng (tức 3 sơn) cấu tạo thành, ví dụ, vị trí Khảm ở phương Chính Bắc được chia thành 3 hướng "Nhâm Tý Quý". Bát quái có tổng cộng 24 phương, được gọi là "Nhị thập tứ sơn" (24 ngọn núi). 24 phương này được tạo thành bởi 12 Địa chi (Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi), 8 Thiên can (Giáp, Ất, Bính, Đinh, Canh, Tân, Nhâm, Quý) và 4 quẻ (Càn, Tốn, Cấn, Khôn)

24 sơn được phối hợp với quái như sau:

Phía Bắc: Nhâm Tý Quý	Quẻ Khảm
Phía Đông Bắc: Sửu Cấn Dần	Quẻ Cấn
Phía Đông: Giáp Mão Ất	Quẻ Chấn
Phía Đông Nam: Thìn Tốn Tỵ	Quẻ Tốn
Phía Nam: Bính Ngọ Đinh	Quẻ Ly
Phía Tây Nam: Mùi Khôn Thân	Quẻ Khôn
Phía Tây: Canh Dậu Tân	Quẻ Đoài
Phía Tây Bắc: Tuất Càn Hợi	Quẻ Càn

Trong đó, mỗi một phương cách nhau đúng 15°

Sau khi Thiên can kết hợp với Địa chi, thuộc tính ngũ hành của Can Chi được gọi là "nap âm". Căn cứ vào ngũ hành nap âm, nếu nap âm của năm Giáp Tý thuộc Kim thì vận của Thủy Thổ Sơn Mộ năm đó là Mất Thìn, thuộc Mộc, sẽ bị khắc với nap âm của năm đó, như vậy được gọi là Niên nap âm tương khắc hoặc gọi là Bản niên khắc.

Dưới đây là giải thích về 2 bảng Niên Gia và Nguyệt Gia trong "Hiệp ký biên phương thư" (xem bảng 1-16 và bảng 1-17):

"Giáp Dần Thìn Tốn Tuất Khảm Tân Thân" là bát thủy sơn, "Sửu Quý Khôn Canh Mùi" là ngũ thổ sơn. Các tháng Bính Dần, Đinh Mão, Giáp Tuất, Ất Hợi của năm Giáp Tý có nap âm thuộc Hỏa Kim sơn mộ của năm này có vận Ất Sửu thuộc Kim, sẽ bị khắc với nap âm của tháng, tức là các tháng giêng, hai, chín, mười khắc với tứ kim sơn là Càn, Hợi, Đoài, Đinh. Các trường hợp còn lại cũng tính theo phương pháp như trên.

Điều cần nói rõ ở đây là, có những phương pháp lựa chọn ngày lành không tuân theo một quy luật nhất định mà phân chia Thần Sát ra thành 4 loại lớn là năm, tháng, ngày, giờ Thần Sát năm quyết định sự cát, hung, hợp, kỵ của 4 phương 8 hướng, coi Thái Cực là vị Thần đứng đầu, phân chia ra thành 2 loại trần cung lớn là thiên và ác.

Thần ác chủ yếu bao gồm: Tuế Phá, Đại Tướng Quân, Thái Âm, Hoàng Phan (Phiên), Báo Vĩ, Tuế Sát, Kim Thần, Lục Sĩ, Tam Quan, Tầm Bảo, Tầm Mệnh, Tang Môn, Diếu Khách, Tử Phù, Bệnh Phù, Khếp Sát, Tai Sát, Phi Liêm, Bạch Hổ, Đa Hạo, Phục Binh Đại Họa,

Thần thiện chủ yếu bao gồm: Tuế Đức, Tuế Đức Hợp, Tuế Can Hợp, Tuế Chi Đức, Báo Sĩ, Tấu Thư...

Bản thân Thái Tuế không có sự cát hung, nếu trùng với cát tinh là cát, trùng với hung tinh là hung. Thái Tuế là thủ lĩnh của mọi Thần Sát nên có sức mạnh lớn lao, vì vậy, nếu hung tinh trùng vào Thái Tuế thì sẽ gặp đại họa không thể giải trừ, nếu cát tinh trùng vào Thái Tuế thì được hưởng phúc lớn dài lâu.

Bảng 1-16. Bảng Niên Khắc Sơn Gia

Tọa Sơn Niên Can	Niên Chi		
	Năm Tý, Ngọ	Năm Dần, Thân	Năm Thìn, Tuất
Giáp	Thủy Thổ Sơn	Ly Nhâm Bính Ất	Cần Hợi Đoài Đỉnh
Ất	Chấn Cấn Tỵ	Đông chí hâu khắc Cần Hợi Đoài Đỉnh	Thủy Thổ Sơn
Bính	Cần Hợi Đoài Đỉnh	Chấn Cấn Tỵ	Thủy Thổ Sơn
Đỉnh	Thủy Thổ Sơn	Ly Nhâm Bính Ất	Chấn Cấn Tỵ
Mậu	Đông chí hâu khắc Cần Hợi Đoài Đỉnh	Ly Nhâm Bính Ất	Thủy Thổ Sơn
Kỷ	Cần Hợi Đoài Đỉnh	Đông chí hâu khắc Cần Hợi Đoài Đỉnh	Chấn Cấn Tỵ
Canh	Cần Hợi Đoài Đỉnh	Ly Nhâm Bính Ất	Chấn Cấn Tỵ
Tân	Thủy Thổ Sơn	Đông chí hâu khắc Cần Hợi Đoài Đỉnh	Ly Nhâm Bính Ất
Nhâm	Cần Hợi Đoài Đỉnh	Đông chí hâu khắc Cần Hợi Đoài Đỉnh	Thủy Thổ Sơn
Quý	Thủy Thổ Sơn	Cần Hợi Đoài Đỉnh	Chấn Cấn Tỵ

Thần Sát loại Nguyệt Thần quyết định sự hung, cát, hợp, kỵ của các phương trong một tháng, đứng đầu là Nguyệt Kiến, cũng được chia thành 2 phần cung lớn là thiện và ác.

Đứng đầu Thần thiện là Thiên Đức, dưới đó có Nguyệt Đức, Thiên Đức Hợp, Nguyệt Đức Hợp, Thiên Xá, Thiên Nguyên, Nguyệt Ân, Nguyệt Không, Yếu An, Ngọc Vỡ, Kim Đường, Kính Đường, Phổ Hộ, Phúc Sinh, Thánh Tâm, Ích Hào, Tục Thổ, Âm Đức, Dương Đức, Thiên Mã, Ngũ Phúc, Dịch Mã, .

Thần ác thì có Nguyệt Sát, Nguyệt Hôn, Nguyệt Hai, Đại Thời, Thổ Phù, Đại Sát, Du Họa, Thiên Sứ, Cửu Không, Địa Tương, Cửu Khảm, Cửu Tiêu, Thiên Quan Phù, Địa Quan Phù, Ph Đại Sát, Nguyệt Du Họa, Âm Phù Thái Tuế, Nguyệt Khắc Sơn Gia,...

Nguyệt Kiến cũng giống với Thái Tuế, không có sự hung cát tuyệt đối, gặp cát hóa cát, gặp hung hóa hung.

Thần Sát loa Nhật Thần quyết định sự hung cát trong một ngày, cũng chia thành hai loại thiện và ác.

Thần thiện bao gồm Thiên Ân, Ngũ Hợp, Tam Hợp, Bảo Nhật, Nghĩa Nhật, Minh Phệ Nhật, Vương Nhật, Tương Nhật, Thủ Nhật, Dân Nhật, Thiên Vu, Thiên Y, Phúc Đức, Tứ Tướng, Dương Đức, Thời Dương, Sinh Khí, Lục Ngự, Thời Âm, Lâm Nhật, Bất Tương (Tướng), Phúc Sinh, Mẫu Thương, Thiên Hỷ, Cát Kỳ, ..

Thần ác có Tứ Kỵ, Tứ Cù, Tứ Phế, Tứ Tuyệt, Chí Tử, Bất Phong, Xúc Thủy Long, Tứ Kịch, Hà Khôi, Ngũ Hư, Ngũ Ly, Yếm Đối, Chiếu Dao, Huyết Kỵ, Quy Kỵ, Huyết Chi, Thiên Càng, Tử Thần, Cô Thìn, Vãng Vong, Đại Bại, Hàm Trì, Hành Lang, Liễu Lệ, Phán Chi, ..

Thần Sát loa Thời Thần (Thần thời gian) chỉ cai quản sự hung cát trong một khoảng thời gian nào đó trong ngày. Thời Thần chủ yếu bao gồm Nhật Lộc, Nhật Mã, Nhật Phá, Nhật Hại, Nhật Hình, Thiên Ất Quý Nhân, Phúc Tinh Quý Nhân, Ngũ Bất Ngộ Thời, Tiết Lộ Không Vong, Nhật Kiến, Nhật Hợp, Thanh Long, Minh Đường, Thiên Hình, Chu Tước, Kim Quỹ, Bảo Quang, Bạch Hổ, Ngọc Đường, Thiên Lao, Nguyên Vũ, Tư Mệnh, Câu Trần, Tứ Đại Cát Thần, Quý Đàng Thiên Môn Thời, ..

Bảng 1-17. Bảng Nguyệt Khắc Sơn Gia

<div>Sơn</div> <div>Tháng</div> <div>Năm</div>	Giêng, hai	Ba, tư	Năm, sáu	Bảy, tám	Chín, mười	Mười một, Tháng chạp
Năm Giáp Kỷ	Cần Hợi Đoài Đinh	Chấn Cấn Tỵ Sơn		Thủy Thổ Sơn	Cần Hợi Đoài Đinh	Ly Nhâm Bính Ất
Năm Ất Canh	Cần Hợi Đoài Đinh	Chấn Cấn Tỵ Sơn	Ly Nhâm Bính Ất		Cần Hợi Đoài Đinh	Thủy Thổ Sơn
Năm Bính Tân	Cần Hợi Đoài Đinh		Ly Nhâm Bính Ất	Chấn Cấn Tỵ Sơn	Thủy Thổ Sơn	
Năm Đinh Nhâm	Ly Nhâm Bính Ất		Thủy Thổ Sơn	Chấn Cấn Tỵ Sơn		
Năm Mậu Quý	Chấn Cấn Tỵ Sơn	Ly Nhâm Bính Ất		Thủy Thổ Sơn	Chấn Cấn Tỵ Sơn	

Xác định thời gian “Tảng phiến giá”⁽¹⁾: Nên làm vào những ngày Giáp Tý, Ất Sửu, Bính Dần, Mậu Thìn, Kỷ Tỵ, Canh Ngọ, Tân Mùi, Giáp Tuất, Ất Hợi, Mậu Dần, Kỷ Mão, Tân Tỵ, Nhâm Ngọ, Quý Mùi, Giáp Thân, Đinh Hợi, Mậu Tý, Kỷ Sửu, Canh Dần, Quý Tỵ, Ất Hợi, Đinh Dậu, Mậu Tuất, Kỷ Hợi, Canh Tý, Nhâm Dần, Quý Mão, Bính Ngọ, Mậu Thân, Kỷ Dậu, Nhâm Ngọ, Quý Sửu, Giáp Dần, Ất

Mão, Bính Thìn, Đinh Tỵ, Kỷ Mùi, Canh Thân, Tân Dậu. Ngoài ra, cũng có thể làm vào các ngày tốt như Thiên Đức, Nguyệt Đức, Hoàng Đạo,... Cần cấm kỵ các ngày như Chính Tú Phế, Thiên Tặc, Kiến Phá.

[Chú thích]:

[1] Tầng phiên giá: Tầng la hơn đa ngay dưới chân cột nhà, Tầng phiên giá là giàn giáo cần bắc khi đặt viên đá dưới chân cột.

[Giải thích]:

Những ngày tốt được liệt kê ở đây có thể dùng cho cả năm. Trong các cuốn “Hiệp kỹ biên phương thư” và “Vĩnh cát thông thư” còn đưa ra các ngày tốt của mỗi tháng, có phần khác với bản này.

Các ngày tốt của từng tháng được liệt kê trong “Hiệp kỹ biên phương thư” như sau:

Tháng giêng: Đinh Dậu, Bính Ngọ, Quý Sửu

Tháng hai: Đinh Sửu, Bính Dần, Ất Hợi, Mậu Dần, Quý Mùi, Canh Dần, Kỷ Hợi, Quý Sửu, Giáp Dần, Kỷ Mùi

Tháng ba: Giáp Tý, Giáp Thân, Mậu Tý, Đinh Dậu, Canh Tý, Nhâm Tý.

Tháng tư: Giáp Tý, Canh Ngọ, Canh Tý, Bính Ngọ, Quý Sửu.

Tháng năm: Bính Dần, Mậu Thìn, Tân Mùi, Giáp Tuất, Mậu Dần, Quý Mùi, Canh Dần, Giáp Dần, Bính Thìn, Kỷ Mùi.

Tháng sáu: Bính Dần, Kỷ Hợi, Mậu Dần, Giáp Thân, Giáp Dần, Canh Thân.

Tháng bảy: Giáp Tý, Mậu Thìn, Tân Mùi, Mậu Tý, Canh Tý, Nhâm Tý, Bính Thìn.

Tháng tám: Ất Sửu, Bính Dần, Mậu Dần, Canh Dần, Kỷ Hợi, Quý Sửu, Bính Thìn

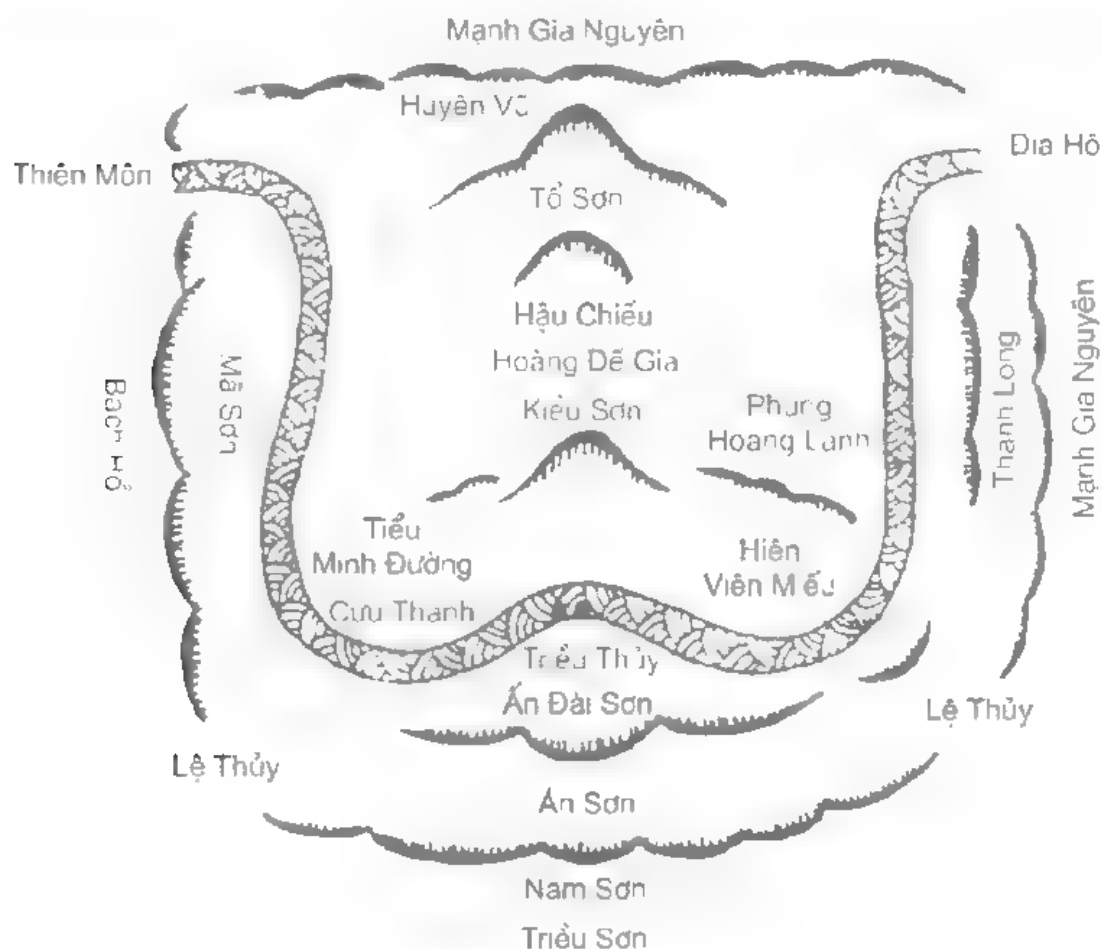
Tháng chín: Canh Ngọ, Kỷ Mão, Nhâm Ngọ, Quý Sửu, Bính Ngọ.

Tháng mười: Giáp Tý, Canh Ngọ, Tân Mùi, Nhâm Ngọ, Mậu Tý, Ất Mùi, Canh Tý, Nhâm Tý, Bính Thìn, Tân Dậu.

Tháng mười một: Bính Dần, Mậu Dần, Giáp Thân, Canh Dần, Mậu Thân, Giáp Dần, Bính Thìn, Canh Thân.

Tháng mười hai: Giáp Tý, Bính Dần, Kỷ Tý, Mậu Dần, Giáp Thân, Mậu Tý, Canh Tý, Nhâm Tý, Giáp Dần, Canh Thân.

là những hạt tằm cân đũa cầm kỳ bao gồm: Cầm, Tỳn, Họa, Đào, Nhô, Cầm, Nguyệt, Kên, Chuyền, bát, địa, Họa, Thiên, Họa, Nhạc, Hỏa, Thu, Tử, Thiên, Lạc, Thiên, Ôn, Âm, Sa, Âm, Thạc, Hoàng, Vu, Chính, Tứ, Phế,...



Sơ đồ Long Mạch

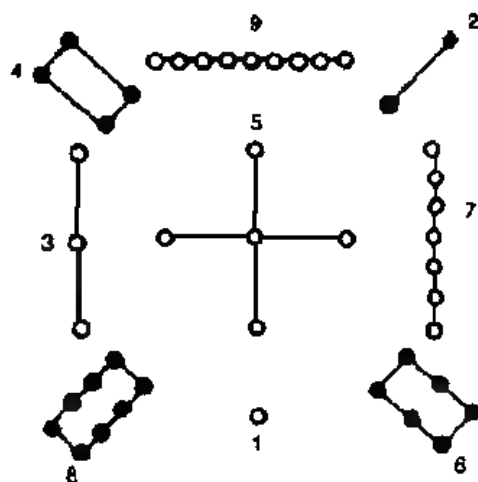
Long Mạch là chi mạch đất như rừng đang bay lượn uốn chuyển các khu vực địa. Mạch đất thường tra theo hình thể của sông núi và vậy, từ Long Mạch mà các nhà phong thủy thường đi áp lại chính là khí mạch theo địa thế của sông núi.

Khi đất viên đá dưới chân cột người xưa không chỉ ưa chọn trợ giá an tốt lành mà họ cũng rất coi trọng phương, đưa ra yêu cầu rất nghiêm ngặt đối với việc đất ở phương nào trước, phương nào sau. Trong cuốn "Luận cát thông thư" có ghi, khi đất viên đá dưới chân cột, trước tiên trước bát đầu từ lưng rồng, sau đó đến lưng rồng, tiếp theo là đầu rồng và cuối cùng là 4 chân rồng, tiếp tục áp dụng chu kỳ xây, sửa nhà theo quy trình như vậy sẽ có được sự tốt lành. Nếu bát đầu từ phía đầu rồng sẽ có thể gây tổn hại đến người cao tuổi nhất trong nhà. Nếu bát

đầu xây từ phía ngoài chân rồng thì sẽ ảnh hưởng đến người mẹ trong nhà. Kỷ Tỵ và Kỷ Hợi là hai ngày Địa Tru Sát Tinh, khi đặt đá dưới chân cột nhà, nếu phạm phải, hai ngày này sẽ gây tổn hại đến người cao tuổi nhất trong nhà.

“Long” là vật tổ của con cháu Viêm Hoàng, có Thần lực phi phàm. Trong thuật phong thủy, “Long” ngụ ý chỉ địa thế nhấp nhô cao thấp của núi sông. Chữ “Long” (龍) ở đây là để chỉ hình thể của dãy núi (sơn mạch)

Đoài	Cần		Tốn	
	4	9	2	
Ly	3 5		7	Khảm
	8	1	6	
Chấn	Khôn		Cấn	



Tiên Thiên bát quái và Lạc Thư đồ

Tương truyền, Tiên Thiên bát quái tương ứng đều là biểu tượng của Trời và Đất, tức là: Cần là trời, Khôn là đất, Chấn là sấm, Tốn là gió, Cấn là núi, Đoài là sông hồ, Khảm là nước, Ly là lửa, cứ từng cặp một đối với nhau, số phối hợp với chúng chính là Thiên số và Địa số. Chỉ cần chuyển đổi vị trí Tốn, Chấn trong sơ đồ này sang thành vị trí 2 và 8 thì xét về góc độ quái vị, đây là Tiên Thiên đồ, còn xét từ góc độ phối số thì đây là Lạc Thư đồ.

Theo Đạo giáo, trong chòm sao Bắc Đẩu có 36 sao Thiên Càng, 72 sao Địa Sát, mỗi một vị sao lại có một vị Trấn trệ vị, tổng cộng có 108 vị Thần, “Hàng yêu phục ma”. Địa trụ là một trong 72 sao Địa Sát. Bảy ngôi sao trong chòm sao Bắc Đẩu cũng có cách gọi rất đặc biệt: Thứ nhất là Thiên Khu, thứ hai là Thiên Toàn, thứ ba là Thiên Cơ, thứ tư là Thiên Quyền, thứ năm là Ngọc Hoàng, thứ sáu là Khai Dương, thứ bảy là Dao Quang; Ngoài ra, còn có những tên gọi khác như: Thứ nhất là Phá Quân, thứ hai là Văn Khúc, thứ ba là Liêm Trinh, thứ tư là Văn Khúc, thứ năm là Lộc Tồn, thứ sáu là Cự Môn, thứ bảy là Tham Lang. Bắc Đẩu thất tinh cùng với hai sao là Tử Phù và Hữu Bật tạo thành 9 sao, được gọi là Cửu tinh hay Bắc Đẩu Cửu tinh.

Dưới đây xin giới thiệu thời gian và phương hướng sau thích hợp cho việc đặt viên đá dưới chân cột nhà:

Tháng giêng, tháng năm và tháng chín: Nhất Cần, nhị Tốn, tam Khôn, tứ Cấn, ngũ Đồng (xà nhà phía Đông), lục Tây Đồng (xà nhà phía Tây), thất Hạ Nam táng (hà đá phía Nam),

bát hạ Bắc tạng (hạ đá phía Bắc) Lý do là vì trong 3 tạng này, bụng rồng ở Tây Bắc Căn phương, lưng rồng ở Đông Nam Tồn phương, đầu rồng ở Tây Nam Khôn phương, chân rồng ở Đông Bắc Căn phương, sau đó mới đến 4 phương chính là Đông, Tây, Nam, Bắc

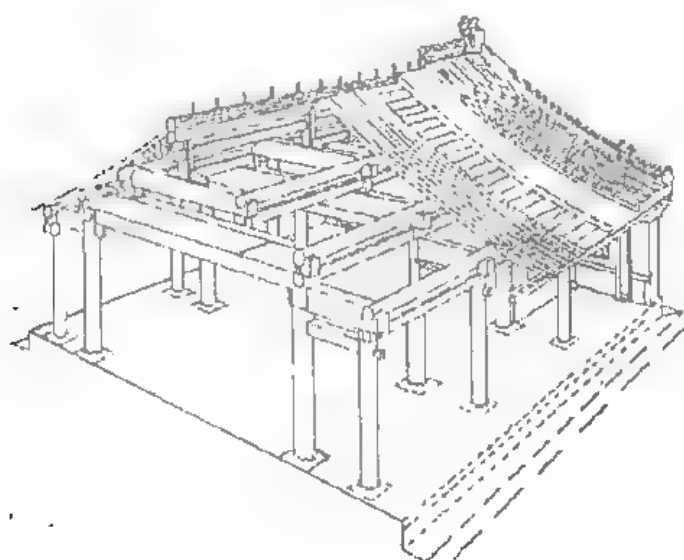
Tháng hạ, tháng sáu và tháng mười: Nhất Tồn, nhị Căn, tam Tồn, tứ Khôn, ngũ Đông đồng, lục Tây đồng, thất hạ Nam tạng, bát hạ Bắc tạng.

Tháng ba, tháng bảy và tháng mười một: Nhất Căn, nhị Khôn, tam Tồn, tứ Căn, ngũ Đông đồng, lục Tây đồng, thất hạ Nam tạng, bát hạ Bắc tạng.

Tháng tư, tháng tám và tháng mười hai: Nhất Khôn, nhị Căn, tam Căn, tứ Tồn, ngũ Đông đồng, lục Tây đồng, thất hạ Nam tạng, bát hạ Bắc tạng

Trình tự đặt viên đá dưới chân cột nhà như trên được bắt đầu từ các phương Căn, Khôn, Căn, Tồn, sau đó mới đến Đông, Tây, Nam, Bắc, tức là xác định "tứ duy" (4 góc) trước, sau đó mới đến "tứ chính" (4 phương chính), coi đó là 8 cực (8 điểm đầu) và liên kết với 8 phương. Các thán gia của bắt đầu khác nhau, đi theo "tứ tượng" Dịch Thân Tự Hối, ngũ hành Kim Mộc Thủy Hỏa Thổ và Trường Sinh. Các khả niệm bụng rồng, lưng rồng, đầu rồng và chân rồng được đề cập đến ở đây là dựa trên nguyên tắc "Đời cửu tử nhất, tả tam hữu thất, nhị tứ và kien, lục bát và túc", chứ không phải là thực sự có bụng rồng, lưng rồng, đầu rồng và chân rồng hiện trên các phương Căn, Khôn, Căn, Tồn. Ngoài ra, Căn là Thiên Môn, Tồn là Địa Hộ, Khôn là Nhân Môn, Căn là Quỷ Hộ, bắt đầu đặt viên đá dưới chân cột từ 4 phương này cũng có tác dụng rất tốt trong việc trấn giữ "tứ duy".

Các thuật ngữ như Thiên Môn, Địa Hộ là tên gọi của các mô hình kết cấu thiên thể trong Đạo giáo. Thiên Môn là cửa ra vào của Thần Tiên để lên xuống Thiên Đường; Địa Hộ là cửa ra vào Âm phủ, Địa ngục; Nhân Môn là cửa ra vào nhân thế và giới tự nhiên; Quỷ Môn là cửa ra vào của các loài quỷ, cũng là con đường nối liền giữa trần thế và Âm phủ.



Sơ đồ minh hoa giàn giáo gỗ trong xây dựng nhà cửa

Trong quá trình xây nhà, bắc xà nhà là một khâu quan trọng nhất, về thời gian, nên lựa chọn giờ "Nguyệt Viên" (trăng tròn) và "Trường Triều" (thủy triều lên), như vậy, gia đình sẽ được đoàn tụ, tiến vào như nước. Khi bắc xà nhà cần tránh phạm vào thời gian tương xung với giờ sinh của người trong nhà. Trước khi bắc xà nhà cần phải tế Thần, dâng đồ lễ, dán câu đối lên xà nhà, hát bài vè về xà nhà, đốt pháo. Buổi tối phải mở tiệc rượu mừng xà nhà mới để mời người thân và thợ làm công.

Những ngày tốt lành để dựng cột nhà bao gồm: Kỷ Ty, Tân Dậu, Giáp Dần, Ất Hợi, Ất Dậu, Kỷ Dậu, Nhâm Tý, Ất Ty, Kỷ Mùi, Canh Thân, Mậu Tý, Ất Mùi, Kỷ Hợi, Kỷ Mão, Giáp Thân, Kỷ Sửu, Canh Dần, Quý Mão, Mậu Thân, Nhâm Tuất, Bính Dần, Tân Ty,... Trong những ngày này, nếu gặp ngày Thân, Ty, Hợi là tốt nhất (tứ trụ nhật)⁽¹⁾, nếu gặp ngày Hoàng Đạo, Thiên Đức, Nguyệt Đức hoặc Thành Nhật, Khai Nhật cũng đều tốt lành

Những ngày tốt lành để bắc xà nhà⁽²⁾ bao gồm: Giáp Tý, Ất Sửu, Đinh Mão, Mậu Thìn, Kỷ Ty, Canh Ngọ, Tân Mùi, Nhâm Thân, Giáp Tuất, Bính Tý, Mậu Dần, Canh Thìn, Nhâm Ngọ, Giáp Thân, Bính Tuất, Mậu Tý, Canh Dần, Giáp Ngọ, Bính Thân, Đinh Dậu, Mậu Tuất, Kỷ Hợi, Canh Tý, Tân Sửu, Nhâm Dần, Quý Mão, Ất Ty, Đinh Mùi, Kỷ Dậu, Tân Hợi, Quý Sửu, Ất Mão, Đinh Ty, Kỷ Mùi, Tân Dậu, Quý Hợi. Nếu gặp được cát tinh Hoàng Đạo, Thiên Đức, Nguyệt Đức hoặc gặp ngày Thành Nhật, Khai Nhật đều tốt.

[Chú thích]:

[1] Tứ trụ nhật. Trong phương pháp xem mệnh, đây là khái niệm dùng để chỉ thời gian được sinh ra của một người kết hợp một chữ trong Thiên can với một chữ trong Địa chi, lần lượt thể hiện giờ, ngày, tháng, năm sinh của người đó. Ví dụ, một người sinh vào năm Giáp Tý, tháng Bính Thân, ngày Tân Sửu, giờ Nhâm Dần,... năm tháng ngày giờ đó được coi là "tứ trụ". Mỗi trụ 2 chữ, 4 trụ tổng cộng có 8 chữ (bát tự). Trong phương pháp xem mệnh, người ta thường cho rằng, Dần, Thân, Ty, Hợi là kết cấu "tứ sinh" của con người, nếu gặp được kết cấu này sẽ được phúc. Phương pháp xem mệnh nói theo cách thông dụng là "toán mệnh" (đoán mệnh), hay còn được gọi là "trắc bát tự". Khái niệm "tứ trụ" được đề cập đến ở đây là dùng để chỉ 4 cột chính để xác định phương của ngôi nhà, không có liên quan gì đến việc xem mệnh.

[2] Bắc xà nhà: Bắc xà ngang. Xà ngang là tấm gỗ dài trên trần nhà, dùng để nối cột bên trái và cột bên phải

[Giải thích]:

Trong kiến trúc truyền thống cổ đại, dựng cột, bắc xà nhà là những công đoạn vô cùng quan trọng, ở nhiều vùng vẫn còn giữ phong tục viết câu đối và tế lễ. Khi lựa chọn ngày lành để dựng cột, bắc xà, nên tránh các ngày hung thần trong các tháng như Nguyệt Phá, Tuế Phá, Tai Sát, Khuyết Sát, Tuế Sát ... Cuốn "Vĩnh cát thông thư" có sự lựa chọn ngày lành trong từng tháng như sau:

Tháng giêng: Kỷ Dậu, Ất Dậu, Quý Sửu, Giáp Ngọ, Bính Ngọ, Canh Ngọ, Nhâm Ngọ.

Tháng hai: Ất Mùi, Đinh Mùi, Kỷ Mùi, Tân Mùi, Quý Mùi, Ất Hợi, Kỷ Hợi, Đinh Hợi, Tân Hợi, Giáp Dần, Bính Dần, Mậu Dần

Tháng ba: Kỷ Ty, Ất Ty, Giáp Tý, Bính Tý, Mậu Tý, Canh Tý, Nhâm Tý, Giáp Thân, Bính Thân.

Tháng tư: Ất Mão, Đinh Mão, Kỷ Mão, Tân Mão, Quý Mão, Giáp Ngọ, Bính Ngọ, Mậu Ngọ, Canh Ngọ, Nhâm Ngọ, Giáp Tý, Bính Tý, Mậu Tý, Canh Tý, Đinh Sửu, Ất Sửu, Quý Sửu

Tháng năm: Ất Mùi, Đinh Mùi, Kỷ Mùi, Tân Mùi, Quý Mùi, Giáp Dần, Bính Dần, Mậu Dần, Giáp Tuất, Canh Tuất, Mậu Tuất, Nhâm Tuất.

Tháng sáu: Giáp Thân, Bính Thân, Canh Thân, Ất Hợi, Đinh Hợi, Tân Hợi, Giáp Dần, Bính Dần, Nhâm Dần.

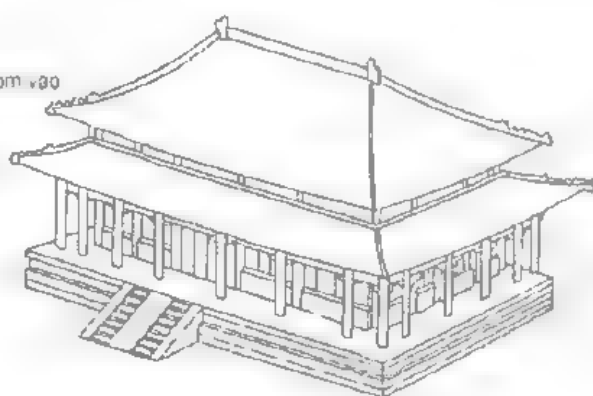
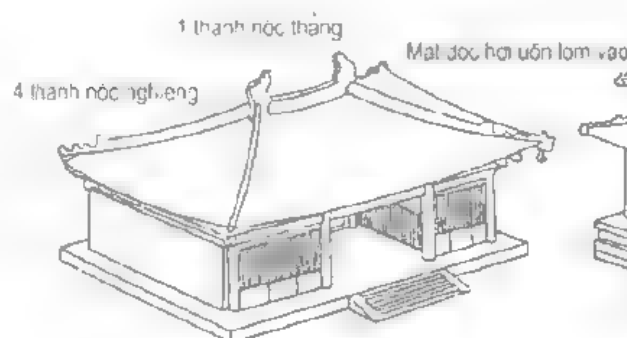
Tháng bảy: Giáp Tý, Bính Tý, Mậu Tý, Canh Tý, Nhâm Tý, Kỷ Mão, Tân Mão, Đinh Mùi, Bính Thìn, Mậu Thìn, Canh Thìn.

Tháng tám: Kỷ Tý, Quý Tý, Đinh Tý, Ất Sửu, Kỷ Sửu, Quý Hợi, Mậu Thìn, Bính Thìn, Nhâm Thìn.

Tháng chín: Giáp Ngọ, Bính Ngọ, Canh Ngọ, Nhâm Ngọ, Giáp Tuất, Canh Tuất.

Tháng mười: Giáp Tý, Bính Tý, Mậu Tý, Canh Tý, Nhâm Tý, Ất Dậu, Đinh Dậu, Kỷ Dậu, Tân Dậu, Quý Dậu, Giáp Ngọ, Canh Ngọ, Nhâm Ngọ, Tân Mùi, Đinh Mùi, Ất Mùi.

Góc cảnh của mái trên hắt lên trên



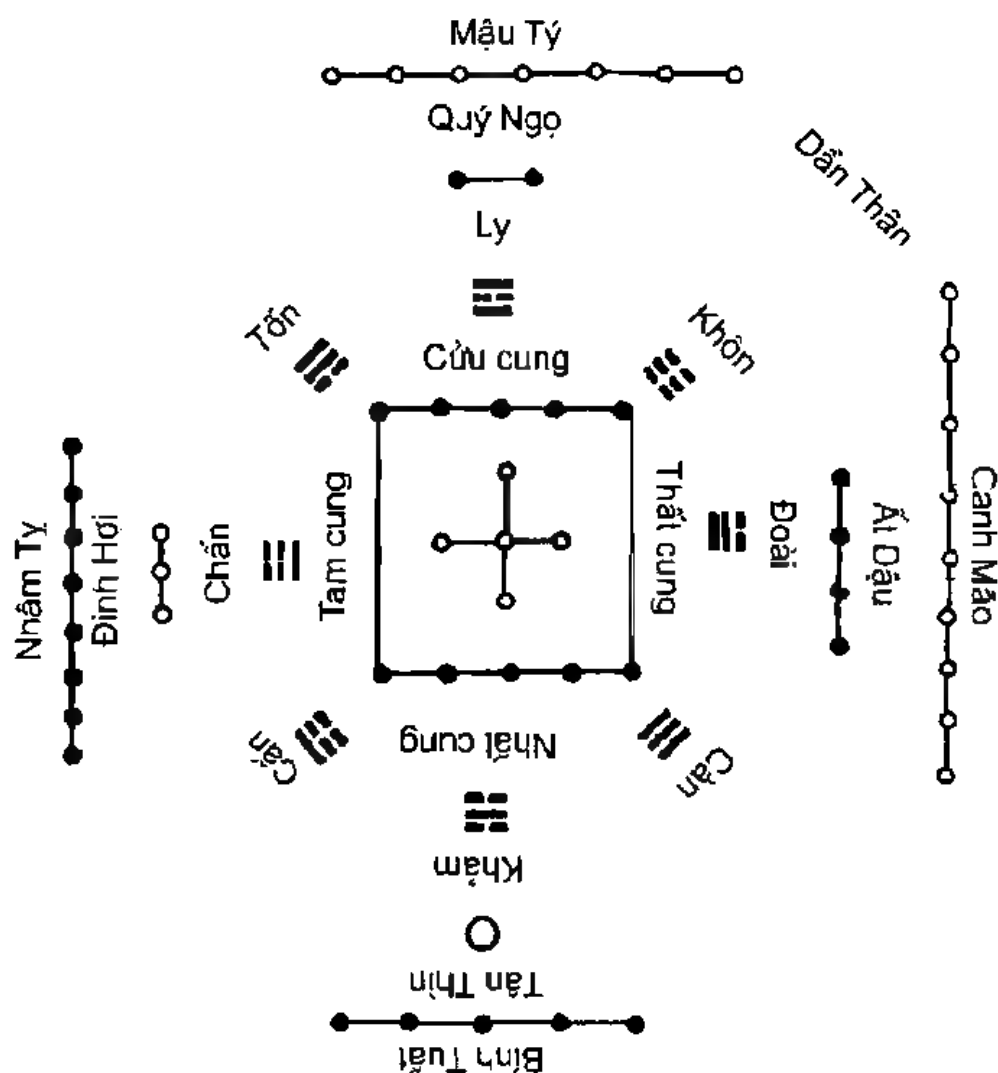
Hình dáng và cấu tạo mái nhà kiểu Vu Điền

Mái nhà theo kiến trúc cổ đại của Trung Quốc có rất nhiều loại hình dáng và cấu tạo khác nhau và chúng lần lượt dần biến cho một đẳng cấp nhất định. Hình vẽ trên là sơ đồ minh họa hình dáng và cấu tạo của mái nhà dạng Vu Điền. Đây là loại mái nhà có đẳng cấp cao nhất. Đặc điểm của nó là có 4 mặt dốc theo 4 phía trước, sau, trái, phải và được nối với nhau bằng 5 thanh nóc, vì vậy, đây còn được gọi là Ngũ Tích Điền (điền 5 nóc) hay Ngõ Điền. Loại mái nhà này chỉ được dùng để xây dựng cung điện của Đế Vương hay đền chùa miếu mạo. Tuy nhiên, loại kiến trúc có đẳng cấp cao này không nhất thiết phải có kết cấu phức tạp mà thường coi trọng sự nhàn nhã, rộng rãi, thoáng đạt.

Tháng mười một: Giáp Thân, Bính Thân, Mậu Thân, Canh Thân, Nhâm Thân, Giáp Thìn, Bính Thìn, Mậu Thìn, Canh Thìn, Nhâm Thìn.

Tháng mười hai: Giáp Thân, Bính Thân, Canh Thân, Giáp Dần, Bính Dần, Nhâm Dần, Ất Tý, Kỷ Tý, Quý Tý.

Các ngày hung sát cần cấm kỵ là Chu Tước Hắc Đạo, Thiên Lao Hắc Đạo, Chúc Hỏa, Nguyệt Hỏa, Thiên Lao, Lang Tịch, Bằng Tiêu Ngõa Giải, Nguyệt Phá, Đại Hao, Thiên Tắc, Địa Tắc, Thiên Ôn, Địa Ôn, Lỗ Ban, Đạo Chiêm, Chính Tứ Phế...



Sơ đồ cửu cung khí hóa phương

"Cửu cung" thường được dùng để biểu đạt việc khí hóa phương, chẳng hạn như các khái niệm "Tam Tai cung", "Tai nhất cung", "Tai thất cung", "Tai cửu cung", được ghi trong "Tổ Vấn - Lục nguyên chính kỹ đại luận" Cuốn "Linh Khu - Cửu cung bát phong thiên" lại kết hợp bát quái, tinh tú, phương và nguyệt kiến lại với nhau để bàn về quy luật thay đổi khí hậu giao thoa giữa 24 tiết khí, là sự phát triển cao hơn của "Thuyết cửu cung".

Những ngày tốt để dỡ bỏ nhà cũ bao gồm: Giáp Tý, Ất Sửu, Bính Dần, Mậu Thìn, Kỷ Tỵ, Tân Mùi, Quý Dậu, Giáp Tuất, Đinh Sửu, Mậu Dần, Kỷ Mão, Quý

Mùi, Giáp Thân, Nhâm Thìn, Quý Tỵ, Giáp Ngọ, Ất Mùi, Kỷ Hợi, Tân Sửu, Quý Mão, Kỷ Dậu, Canh Tuất, Tân Hợi, Bính Thìn, Đinh Tỵ, Canh Thân, Tân Dậu, ngày cuối năm⁽¹⁾ cũng là ngày tốt.

[Chú thích]:

[1] Ngày cuối năm. Là một ngày tốt. Ngày cuối năm thích hợp với việc cầu phúc, tế lễ, nhận huân chương, sắp xếp nhà cửa, xuất hành, chăn nuôi, giao dịch, cấp cứu, giải trừ oan khiên, trồng cây, trừ tà,

[Giải thích].

Trong các “Thông thư” đều có nói, Phá Nhật là ngày có thể dỡ nhà, nhưng thời gian dỡ nhà cũng không phải là không có sự cấm kỵ. Về việc này, trong cuốn “Tương cát thông thư” đã có sự ghi chép rõ ràng: Thông thường, khi xây sửa nhà cửa theo phương pháp “Toa cung”, cần cấm kỵ dỡ nhà vào các giờ Nhâm Gia Thiên Quan Phù, Nguyệt Gia Châu Huyền Quan Phù, Tiểu Nê Sát, Đả Đầu Hỏa, Âm Dương Địch Sát, Thân Hoàng Đình Mệnh, Cửu Thoái, Tam Sát, đồng thời, cũng cấm kỵ bắt đầu động thổ từ những cục này. Phải tuân theo cục có lợi cho năm tuổi của chủ nhà, bắt đầu động thổ từ phương Nguyệt Hạ Tam Kỳ Bạch thì mới được coi là tốt lành.

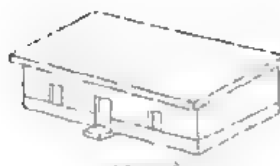
Nguyệt Hạ Tam Kỳ là khái niệm trong phương pháp đoán mệnh, là chỉ việc tháng sinh của một người nào đó có Thiên can trùng với Tam Kỳ. Tam Kỳ tức là “Tam Kỳ Quý Nhân”. Đây là kết cấu hình chữ bát (八) rất đặc biệt: Tân, Nhâm, Quý là “Nhân gian Tam Kỳ”, Ất, Bính, Đinh là “Thiên thượng Tam Kỳ”, Giáp, Mậu, Canh là “Địa phương Tam Kỳ”. Các vị trí Thiên can này nhất thiết phải được sắp xếp liên tục theo thứ tự. Người xưa cho rằng, mệnh chủ nếu gặp được kết cấu này chắc chắn sẽ được đại phú đại quý. Nếu không sắp xếp theo đúng trật tự, để loạn Tam Kỳ thì sẽ rất nghèo hèn.

Bach, xem giải thích về sự phối hợp giữa con số và màu sắc của Cửu cung ở phần trên

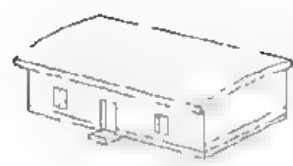
Những ngày tốt có thể lợp mái nhà. Giáp Tý, Đinh Mão, Mậu Thìn, Kỷ Tỵ, Tân Mùi, Nhâm Thân, Quý Dậu, Bính Tý, Đinh Sửu, Kỷ Mão, Canh Thìn, Quý Mùi, Giáp Thân, Ất Dậu, Bính Tuất, Mậu Tý, Đinh Dậu, Quý Tỵ, Ất Mùi, Kỷ Hợi, Tân Sửu, Nhâm Dần, Quý Mão, Giáp Dần, Ất Tỵ, Mậu Thân, Kỷ Dậu, Canh Tuất, Tân Hợi, Canh Dần, Quý Sửu, Ất Mão, Bính Thìn, Canh Thân, Tân Dậu, . . . Đinh Nhật, Thành Nhật và Khai Nhật cũng là những ngày tốt lành.



Dọc đơn



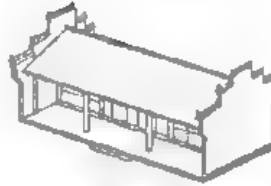
Mái bằng



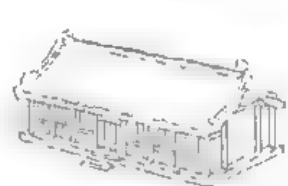
Mái vòm



Ngành Sơn



Tường Phong Hỏa Sơn



Huyền Sơn



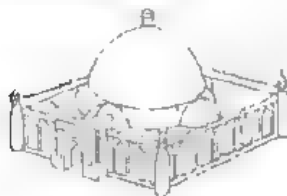
Mái bằng kiểu dân tộc Tạng



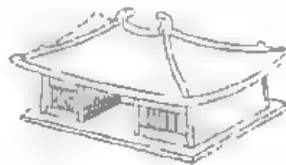
Mái tròn dạng lều bát



Mái vòm



Mái vòm cuộn



Vũ Điện



Yết sơn

Ngành sơn là loại kiến trúc phổ biến nhất trong kiến trúc cổ Trung Quốc, chỉ có 2 mái dốc trước và sau, vì mái đầu hơi nhai bên trái, phải giao nhau với mái nhà, xà nhà được bao gọn trong phạm vi tường đỡ đầu.

Tường Phong Hỏa Sơn (đặc điểm của nó là tường đỡ hơi hai bên cao hơn mái nhà và có ống khói bậc thang theo mặt dốc của nóc nhà).

Huyền Sơn (mái nhà có hai mặt dốc trước và sau, mái nhà hai bên tường đỡ hơi được đặt ở phía ngoài của tường đỡ hơi, xà nhà không được bao gọn trong phạm vi tường đỡ hơi mà bên ngoài, đây là điểm khác biệt chủ yếu với Ngành Sơn).

Vũ Điện (xem giải thích phần trên)

Yết sơn (là hình thức kết hợp giữa Vũ Điện và Ngành Sơn, tức là kết hợp loại mái nhà 2 cạnh dốc với loại mái nhà 4 cạnh dốc, đẳng cấp thấp hơn loại Vũ Điện).



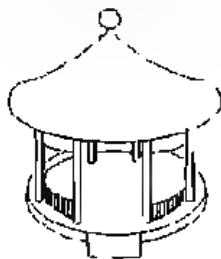
Quyển Bằng



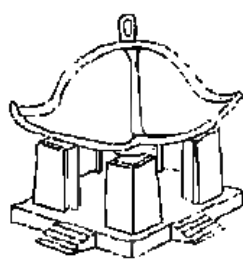
Trùng Thiềm



Cổ Đình



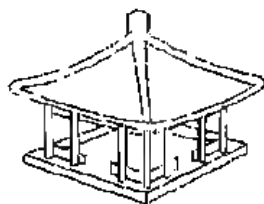
Viên Toàn Tiềm



Khởi Đình



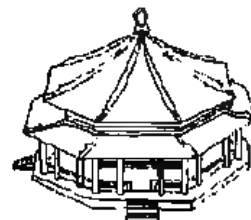
Tam giác Toàn Tiềm



Tứ giác Toàn Tiềm



Phiến Điện



Bát giác Toàn Tiềm

Quyển Bằng (về hình thức nói chung, Quyển Bằng giống Nganh Sơn và Huyền Sơn, điểm khác biệt duy nhất là không thấy rõ thanh nóc thẳng, phần sóng lưng của mặt dốc phía trước mái nhà tạo thành hình vòng cung cuộn lại về phía mặt dốc sau).

Trùng Thiềm (có thêm một mái hiên ngắn hơn ở phía dưới đỉnh Vũ Điện, 4 góc có 4 thanh nóc nghiêng)

Viên Toàn Tiềm (ngôi có hình ré quạt, các gờ ngói (rãnh ngói), càng gần thì đầu đỉnh càng nhỏ, vì vậy, thường phải làm bằng những loại ngói đặc biệt. Những ngôi nhà bình thường thì dùng loại đơn thiềm (một mái hiên), con nhà xây cao Hoàng gia thì phải dùng loại trùng thiềm (nhiều mái hiên)).

Khởi Đình (mái hình khum)

Tam Giác Toàn Tiềm (tam giác góc nhọn)

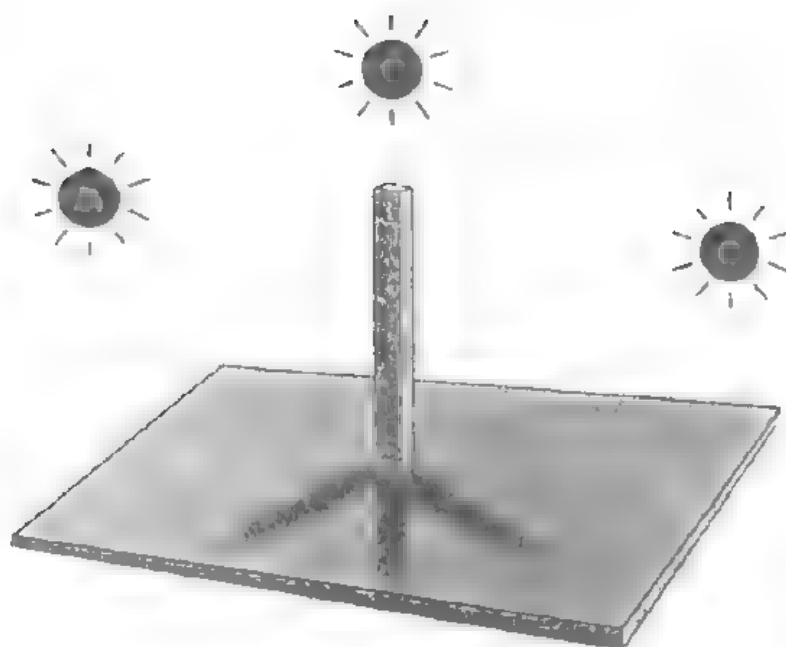
Tứ giác Toàn Tiềm (tứ giác góc nhọn)

Phiến Điện (hình quạt,

Bát giác Toàn Tiềm (bát giác góc nhọn)

Sơ đồ minh họa các hình thức mái nhà

Hình dáng và cấu tạo của mái nhà trong kiến trúc cổ đại của Trung Quốc có rất nhiều loại khác nhau. Đền nhà Hán, nhà dăng cột xà thường có mái bằng, từ sau thời Nam Bắc Triều mới thấy xuất hiện phương pháp điều chỉnh độ cao của cột nối giữa xà nhà của 2 tầng và dốc dãi, hình thành loại mái nhà hình cung lõm vào phía dưới. Độ dốc ở chỗ mép hiên trở nên bằng phẳng, có lợi cho việc thoát nước và hứng ánh sáng. Hình thức và cấu tạo mái nhà trong kiến trúc cổ đại của Trung Quốc chủ yếu có các dạng như Vũ Điện, Yết Sơn, Huyền Sơn, Nganh Sơn, Quyển Bằng, Toàn Tiềm. (xem giải thích phần trên).



Khue biều

Khue biều là một trong những công cụ Thiên văn quan trọng thời cổ đại Trung Quốc, bao gồm 2 bộ phận là "Khue" và "Biều" phối hợp với nhau dùng để đo chiều dài bóng nắng vào lúc giữa trưa. "Khue" được đặt nằm theo phương Nam - Bắc. "Biều" được đặt vuông góc với đầu Nam của "Khue" - căn cứ vào chiều dài bóng của "Biều" trên "Khue" vào lúc giữa trưa để tính ra các ngày Đông chí, Hạ chí, và 24 tiết khí. Hình vẽ trên là sơ đồ minh họa dụng cụ Khue Biều dùng để đo bóng nắng khi Mặt Trời ở phía Đông, Nam và Tây.

[Giải thích]:

"Lợp mái nhà" có ý nghĩa là "Đình, Thành", vì vậy, nếu lợp mái nhà vào các ngày Đình Nhật và Thành Nhật sẽ rất tốt lành.

Lợp mái là công đoạn cuối cùng trong xây nhà, nghĩa là khi hình dáng ngôi nhà đã được hình thành, vì vậy, không nên làm vào những ngày hung như ngày Nguyệt Phá, Phá Nhật và Tam Sát. Để tiện cho việc so sánh, dưới đây xin liệt kê các ngày tốt có thể lợp mái trong cuốn "Tượng cát thông thư" như sau:

Tháng giêng: Ngày Quý Dậu, Đinh Dậu và Kỷ Dậu.

Tháng hai: Ngày Tân Mùi, Quý Mùi, Giáp Thân, Canh Dần, Mậu Thân, Kỷ Mùi, Kỷ Hợi, Tân Hợi, hợp với những người có mệnh Nhâm Ất.

Tháng ba: Ngày Giáp Tý, Bính Tý, Mậu Tý, Đinh Dậu, Quý Dậu, Giáp Thân, Canh Tý trừ ngày Nhâm Tý.

Tháng tư: Ngày Giáp Tý, Bính Tý, Mậu Tý, Đinh Sửu, Kỷ Mão, Quý Mão, Ất Mão, Đinh Mão, Tân Mão.

Thang nam: Kỷ Ty, Tân Mùi, Canh Dần, Bính Thìn, trù ngày Giáp Dần, ngày Kỷ Mùi, hợp với những người có mệnh Đinh Ty, Tân Mùi.

Thang sáu: Ngày Quý Dậu, Giáp Tuất, Đinh Dậu, Tân Hợi, Canh Thân, trù những ngày Giáp Dần, Ất Hợi, Bính Thân, những ngày Đinh Sửu hợp với những người có mệnh Giáp Mùi, Tân

Thang bảy: Ngày Giáp Tý, Bính Tý, Mậu Tý, Bính Thìn, Mậu Thìn, trù những ngày Nhâm Tý, Canh Tý.

Thang tám: Ngày Canh Dần, Kỷ Hợi, Tân Hợi, trù ngày Ất Sửu, Quý Sửu.

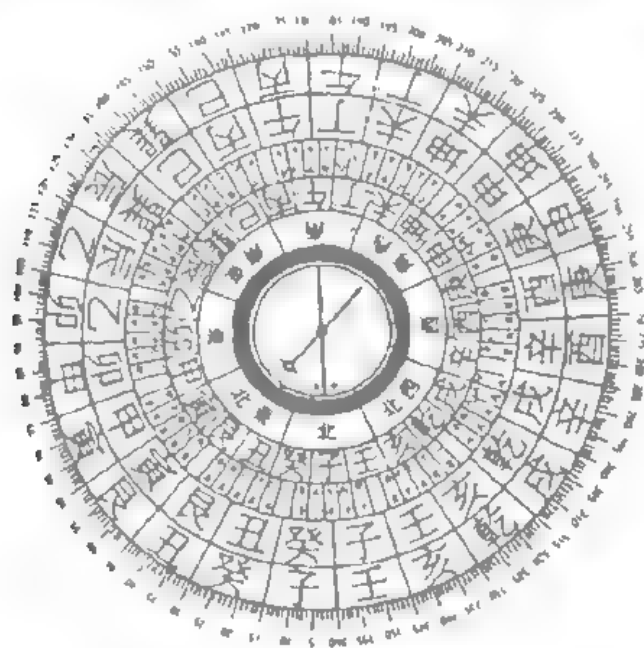
Thang chín: Ngày Kỷ Mão, Quý Mão, Tân Mão, Tân Hợi, Quý Hợi, Mậu Tuất, Giáp Tuất, trong đó, ngày Tân thường ít thuận lợi hơn.

Thang mười: Ngày Giáp Tý, ngày Tân Mùi, ngày Mậu Tý, ngày Ất Mùi, ngày Canh Tý, ngày Nhâm Tý.

Thang mười một: Ngày Canh Dần, ngày Giáp Thân, ngày Canh Thìn, trù những ngày Bính Dần, Mậu Dần, Bính Thân, Kỷ Tý. Ngày Kỷ Tý thích hợp với những người có mệnh Giáp Mùi, Canh.

Những ngày tốt trên đây đều không phạm phải các hung sát như Cửu Tước Hắc Đạo, Thê Họa, Chu Hỏa, Thiên Ôn, Thiên La, Địa Tặc, Thu Tử, Sủy Vĩ, Bang Tẩu, Ngã Gã, Bát Phóng, Hỏa Tán, Ngọc Nhật Xích Đế... nên đều có thể dùng được.

Những ngày tốt có thể trát xi măng tường nhà: Ngày Giáp Tý, Ất Sửu, Kỷ Ty, Giáp Tuất, Đinh Sửu, Canh Thìn, Tân Ty, Ất Dậu, Tân Hợi, Canh Dần, Tân Mão, Nhâm Thìn, Quý Ty, Giáp Ngọ, Ất Mùi, Bính Ngọ, Mậu Thân, Canh Tuất, Bính Thìn, Đinh Ty, Mậu Ngọ, Canh Thân. Những ngày trên đều là ngày thích hợp, ngoài ra, còn thể thể dùng ngày Bình Nhật và Thành Nhật.



La Bàn

La bàn không chỉ là công cụ không thể thiếu của các nhà phong thủy mà còn có tác dụng trấn giữ đối với những ngôi nhà có là khí, bởi vì phía trong la bàn có khắc rất nhiều con số Âm Dương ngũ hành, bên trong có khắc Tiên Thiên Bát Quái, Văn Vương Hậu Thiên Bát Quái, Thiên Tinh Nhị Thập Bát Tú, Thái Thập Nhị Xuyên Sơn Giáp, Lục Thập Thấu Địa Long, Chu Thiên 3650,...., tập trung linh khí tự nhiên của Trời Đất, có công dụng nhất định đối với việc hóa sát, trấn trạch và tránh tà.

Những ngày tốt để làm rãnh thoát nước: Giáp Tý, Ất Sửu, Tân Mùi, Ất Mão, Canh Thìn, Bình Tuất, Mậu Thân, Khai Nhật Bình Nhật.

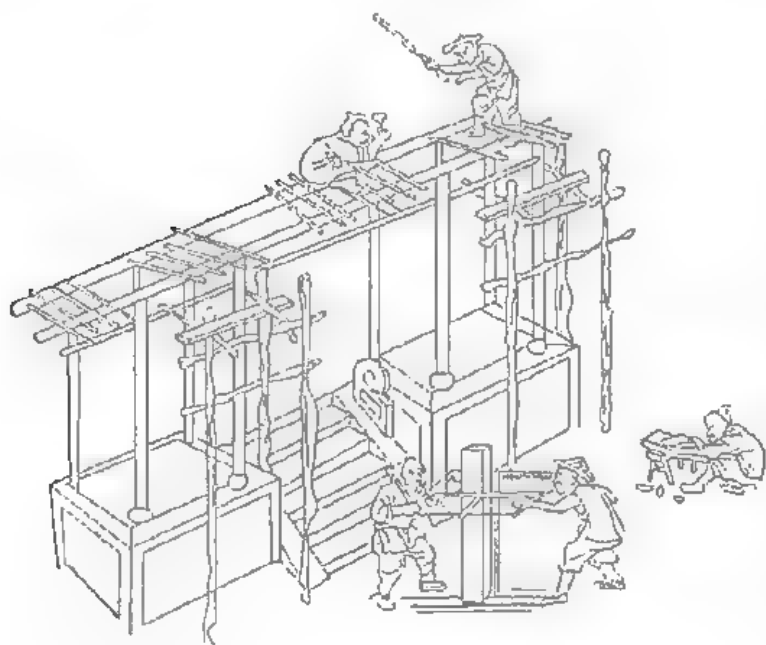
[Giải thích]:

Trong cuốn "Lịch Lễ" có nói, thông thường, khi tiến hành đào kênh mương, ao hồ, sông suối, nên chọn ngày Sinh Khí và Khai Nhật. Cấm phạm ngày Nhâm, ngày Thổ Phú, Thổ Phú, Đa Nang, Bế Nhật, Kiến Thu, Phá Nhật, Bình Nhật.

"Sinh Khí" là thuật ngữ trong "Đại du nien pháp". Phương pháp này còn được gọi là phương pháp "Cửu tinh phi cung", là một phương pháp không liên quan đến tình trạng của con người mà chỉ dùng để rơi về việc phối hợp giữa Trời và Đất khi thiết kế và quy hoạch nhà cửa. Phương pháp này dựa vào khái niệm bát quái để phân chia các công trình kiến trúc ra thành Cửu cung (Cửu cung đồ), sau đó là xác định nhà ở của chủ nhà hoặc của người là "Phục vị", xoay tròn theo chiều kim đồng hồ để cho 7 cung còn lại phối hợp với 7 sao Bắc Đẩu để có được Sinh Khí, Thiên Y, Diên Niên, Tuyệt Mệnh, Ngũ Quỷ, Lục Sát, Hoa Hại. Giữa 9 cung này có mối quan hệ sinh khắc ngũ hành Cửu tinh thường được cho là 7 ngôi sao Bắc Đẩu, cộng thêm 2 sao Tử Phù và Tử Hư. Phương pháp này phối hợp giữa nơi trú ngụ của thất tinh Bắc Đẩu với kết cấu kiến trúc trên mặt đất và số mệnh của con người, nhìn thành nên một hệ quy ước suy lý.

Chữ "du" trong "Đại du nien pháp" là chữ nien trá của "kh", "du" là chỉ quy ước vận động của "kh", "kh" chuyển động xoay tròn bốc lên ngùn ngụt, truyền vào 8 cung.

Các ngày tốt lành của từng tháng được lựa chọn trong "Tượng cát thông thư" bao gồm:



Động thổ

Người xưa cho rằng, vạn vật đều có linh hồn, vì vậy mới có nhiều điều cấm kỵ trong vấn đề động thổ đến như vậy, sợ nhất là rất dễ phạm vào thần sái. Vì vậy, trước khi động thổ, người xưa thường giao hòa với Trời Đất Thiên nhiên, dùng mai rùa và cỏ thi để xem bói, xem vận trên mai rùa và gai cỏ để suy đoán ra tình hình hưng cát của công trình kiến trúc. Chỉ khi trên mai rùa và cỏ thi có biểu hiện của sự cát lợi thì mới có thể yên tâm định cư hoặc xây nhà.

Tháng giêng: Ngày Giáp Tý, Bính Tý, Canh Tý, Quý Dậu.

Tháng hai: Ngày Tân Hợi, Quý Hợi, Kỷ Hợi, Ất Hợi.

Tháng ba: Ngày Giáp Tý, Bính Tý, Canh Tý, Nhâm Tý, Quý Mùi, Đinh Dậu.

Tháng tư: Ngày Giáp Tý, Bính Tý, Canh Tý, Quý Sửu, Ất Sửu, Đinh Sửu, Canh Ngọ.

Tháng năm: Ngày Ất Sửu, Quý Mùi, Kỷ Mùi, Đinh Sửu.

Tháng sáu: Ngày Giáp Thân, Canh Thân, Giáp Dần, Kỷ Mùi.

Tháng bảy: Ngày Nhâm Tý, Bính Ngọ, Mậu Thìn.

Tháng tám: Kỷ Tý, Bính Thìn, Quý Tý.

Tháng chín: Ngày Quý Sửu, Bính Tuất.

Tháng mười: Ngày Nhâm Ngọ, Quý Mùi, Ất Mùi, Kỷ Mùi, Tân Dậu, Quý Dậu, Canh Ngọ.

Tháng mười một: Ngày Quý Mùi, Kỷ Mùi, Đinh Mùi.

Tháng mười hai: Ngày Giáp Thân, Giáp Dần, Bính Dần, Canh Dần.

Những ngày tốt trên đây không phạm vào các thần hung sát như Thổ Ôn, Địa Phá, Chính Tứ Phế và các hung sát được nêu trong "Lịch Lễ", vì vậy đều có thể chọn dùng.

Ngày lành để lát nền¹: Giống với phương pháp tu tạo trong động thổ đào đất làm nền nhà mới.

Ngày lành để xây giếng Trời: Người xưa có câu thơ: "Kết tu Thiên tỉnh thế giai cơ, như thục thủy trung phóng thủy khuê², cách hướng Thiên can mai nhật, Kỳ trung thuận nghịch tiểu nhu hi. Lôi Đình Đại Sát Thổ Hoàng Phế, Thổ Kỳ Ôn Phù Thụ Tử ly, Thiên Tặc ôn nang phương Địa Phá, Thổ Công Thổ Thủy cách ngấn tùy."

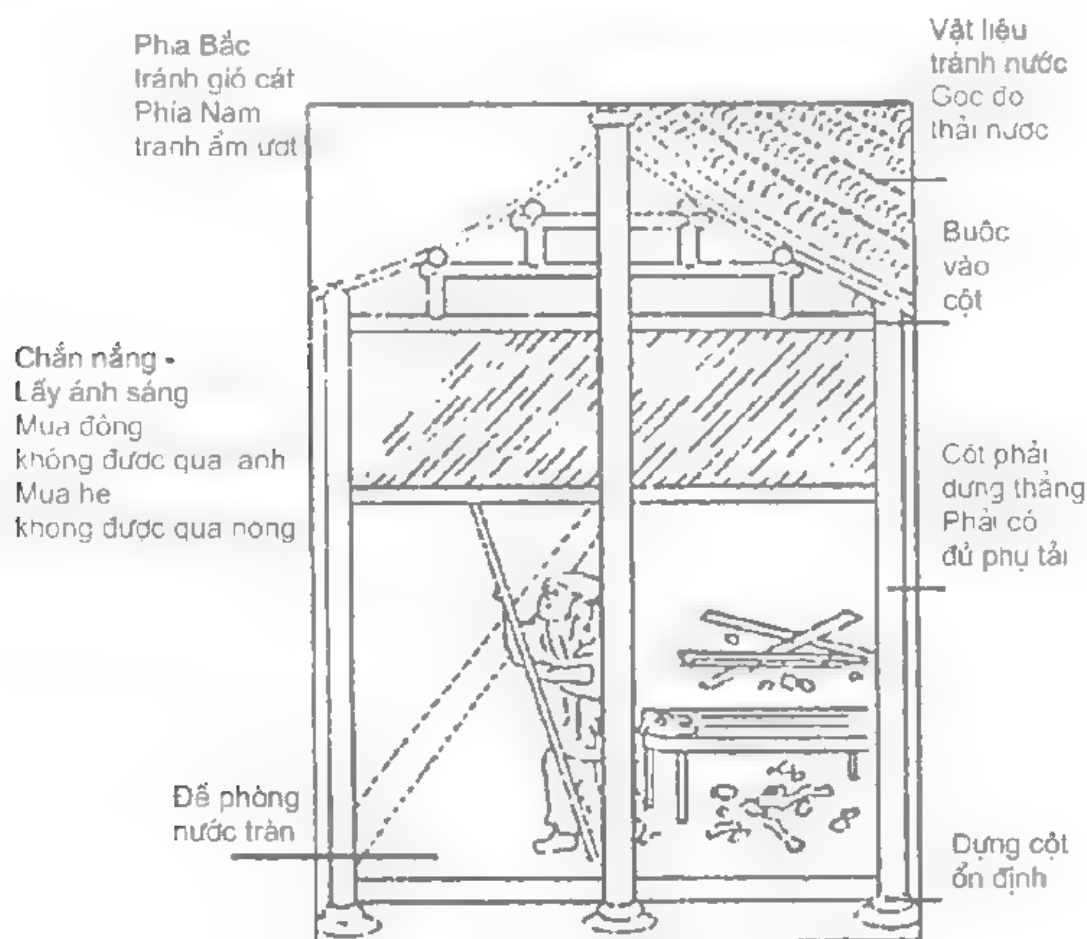
Ý nói, khi xây giếng Trời, nên đặt la bàn trong giếng, xác định phương của kim chỉ nam, xác định vị trí đổ nước³ trong Thiên can, sau đó tiến hành suy đoán. Cấm kỵ tuyệt đối các kết cấu hung sát như Đại Tiểu Diệt Một, Lôi Đình Đại Sát và Thổ Hoàng. Ngoài ra, còn phải cấm kỵ phạm vào một số ngày như Thổ Kỳ, Thổ Ôn, Thổ Phù, Thụ Tử, Chính Tứ Phế, Thiên Tặc, Thiên Ôn, Địa Nang, Hoang Vu, Thổ Công Tiễn, Thổ Ngấn, Thủy Ngấn, Thủy Cách.

[Chú thích]:

[1] Lát nền: Dung vôi vữa nới các viên gạch lại với nhau trải trên mặt đất

2) Khuê Một bộ phận trong “Khuê Biểu” (xem giải thích phần trên) - dụng cụ dùng để đo bóng nắng thời xưa. Từ “Khuê Biểu” còn được dùng để so sánh với những tiêu chuẩn, quy tắc và chuẩn mực hành vi.

[3] Đổ nước Đào kênh đổ nước, chủ yếu được dùng để chỉ việc đào đường nước, đưa nước vào ao trữ nước mới.



Tránh tỷ lệ không hài hòa trong xây nhà

Khu vực nhà cần giữ cho tỷ lệ kích thước được hài hòa, điều này không chỉ xuất phát từ lý do an toàn mà còn xuất phát từ quan điểm mỹ học. Các nhà phong thủy cho rằng sự hưng cát trong phát triển và sự hài hòa về tỷ lệ của ngôi nhà phải được nghiên cứu để ứng dụng. Họ đặc biệt nhận mạnh tầm quan trọng của sự hài hòa. Các nhà kiến trúc cần đạt càng nhận mạnh về vấn đề tỷ lệ giữa diện tích sàn của diện tích đất xây dựng với độ lớn nhỏ của ngôi nhà.

[Giải thích]:

La bàn chính là a bàn, là một bàn quay hình tròn, ở giữa là kim chỉ nam mà các nhà phong thủy thường dùng để xác định phương của 24 sơn. Bởi vì mỗi trường phái phong thủy là sử dụng một loại a bàn khác nhau nên cấu tạo của các loại la bàn cũng có phần khác nhau. La bàn thời

xưa nói chung được chia thành 2 loại: tam hợp phái và tam nguyên phái. Loại tam hợp phái nhiều nhất có 36 tầng, trong đó có Xuyên Sơn, Thấu Địa, Lập Hướng, Phóng Thủy, Nhị Thập Bát Tú, 365°. Trong khi đó, loại tam nguyên phái thì lại rất đơn giản, là bàn xuất hiện từng lớp từ trong ra ngoài, phần chính giữa là kim chỉ nam, lớp thứ nhất là bát quái phương, lớp thứ hai là Địa bàn chính châm, lớp thứ ba là Xuyên Sơn Thập Nhị Long, lớp thứ tư là Nhân bàn trung châm, lớp thứ năm là Thiên bàn phòng châm, lớp thứ sáu là Chu Thiên tam bách lục thập ngũ độ (365°)

Thuật phong thủy cho rằng, nước trong mộ là ở trên Trời rơi xuống, vì vậy, khi đổ nước nên lấy từ vị trí của Thiên can. Nói cách khác, khi chọn nơi đổ nước vào mộ, nên chọn một trong 8 vị trí Thiên can là Giáp, Canh, Bính, Nhâm, Ất, Đinh, Tân, Quý, như vậy, gia chủ mới có thể “nhân tài hưng vượng, phú quý vô cương”. Tuyệt đối cấm kỵ chọn trên 12 Địa chi, nếu đổ nước trên những vị trí này sẽ dẫn đến việc gia chủ và người thân bị đau ốm hoặc thương tích. Nguyên nhân là do trong Địa chi có “Tứ duy thủy” Dần Thân Tý Hợi không thể phạm vào. Đây chính là ý do “Phóng thủy Thiên can tượng” được nói đến trong “Lỗ Ban kinh”. Người xưa đã tổng kết ra “Âm trạch nhị thập tứ sơn phóng thủy pháp”, cụ thể như sau:

Tý Sơn Thủy thích hợp đổ nước ở phương Giáp Đinh Tân, Quý Sơn Thủy thích hợp đổ nước ở phương Bính Đinh Giáp,

Sửu Sơn Thủy thích hợp đổ nước ở phương Canh Bính, Cấn Sơn Thủy thích hợp đổ nước ở phương Khôn Bính;

Dần Sơn Thủy thích hợp đổ nước ở phương Càn, Giáp Sơn Thủy thích hợp đổ nước ở phương Canh Đinh;

Mão Sơn Thủy thích hợp đổ nước ở phương Tân, Ất Sơn Thủy thích hợp đổ nước ở phương Cấn Tân;

Thìn Sơn Thủy thích hợp đổ nước ở phương Tân, Tốn Sơn Thủy thích hợp đổ nước ở phương Quý Canh;

Tỵ Sơn Thủy thích hợp đổ nước ở phương Canh Tân, Bính Sơn Thủy thích hợp đổ nước ở phương Nhâm Tân Quý;

Ngọ Sơn Thủy thích hợp đổ nước ở phương Canh Tân, Đinh Sơn Thủy thích hợp đổ nước ở phương Tân Quý;

Mùi Sơn Thủy thích hợp đổ nước ở phương Giáp, Khôn Sơn Thủy thích hợp đổ nước ở phương Cấn Bính;

Thân Sơn Thủy thích hợp đổ nước ở phương Giáp, Canh Sơn Thủy thích hợp đổ nước ở phương Giáp Nhâm;

Đậu Sơn Thủy thích hợp đổ nước ở phương Dậu, Tân Sơn Thủy thích hợp đổ nước ở phương Ất Dậu;

Tất Sơn Thủy thích hợp đổ nước ở phương Giáp Ất, Càn Sơn Thủy thích hợp đổ nước ở phương Tốn Giáp;

ở Sơn Thủy thì có hợp đồ nước ở phương Tốn Giáp Ất. Năm Sơn Thủy trạch hợp đồ nước ở phương Giáp Đinh.

Không nên "Đa tễ diệt một" không nên xuất hiện trong rất nhiều cuốn "Tông thư", có 2 cuốn là "Chẩn Sát Thuật" và "Thiên Đa Diệt Một" Dứt đây cũng tới xin giới thiệu sơ lược về những ngày này:

Ngày Chẩn Diệt Một Có lâu thời "Huyền nhất phùng Hs Hối ngũ lâu, Sóc nhất ngũ Gốc Vong Fang Ất, Hs Quý Doan Hs vi Diệt Một, bất sự phùng chỉ dnr thi sự." Nó cần nhắc, nếu ngày Huyền gặp phải sao Hư, ngày Hối gặp sao Lâu, ngày Sóc gặp sao Gốc, ngày Vong gặp sao Fang đều có là không may mắn 3 v sao Hư, Quý, Ngọ đều bị coi là "Diệt Một", gặp nhưng sao này, làm việc gì cũng đều thất bại.

Ngày Sóc (ngày mùng 1 của các tháng Âm lịch, Mặt Trăng chuyển động đến gần Mặt Trời và Trái Đất) Trong ngày này, Mặt Trời và Mặt Trăng lúc ẩn lúc hiện, trạng thái thời điểm này, được gọi là trạng non ngày Huyền (trăng khuyết, ngày 7 mùng 8 mỗi tháng Âm lịch gọi là Thượng Huyền ngày 22, 23 gọi là Hạ Huyền, là Căn Nhất Vên Tam, là cơ ngày mà trăng bị khuyết một nửa hoặc một phần tư; Ngày Vong (chỉ ngày 15, 16 và 17 các tháng Âm lịch là ngày mà Mặt Trăng và Mặt Trời ở vị trí đối diện nhau), lúc này, Trái Đất chuyển động đến gần Mặt Trời và Mặt Trăng, Mặt Trời ẩn ở đằng Tây thì Mặt Trăng mọc ở đằng Đông, đang trên Trái Đất sẽ thấy Mặt Trăng là tròn nhất; Ngày Hối (ngày cuối cùng của tháng Âm lịch) là ngày Mặt Trăng mới nhất, giống với ngày Kiến Hạ Trung Trung Sat, vì vậy bị coi là ngày hung



Phổ Am

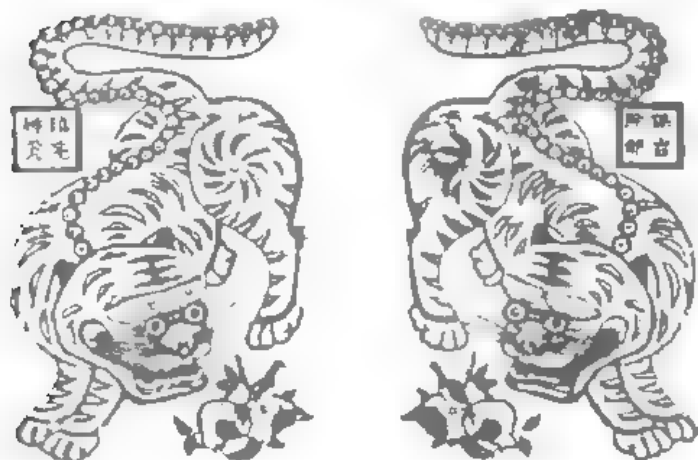
Phổ Am Thiền Sư là Pháp sư đời thứ 13 của Pháp hệ "Lâm Tế" thuộc phái Thiền Tông, là người có giác ngộ rất cao, là người độ lượng với muôn dân trần, ho. Ông là người tinh thông chữ Phạn, ông đã từng dùng chữ Phạn để phiên âm bùa chú, loại bùa mà người ta vẫn thường gọi là "Phổ Am chú" "Phổ Am chú" do rất nhiều đơn âm khác nhau kết hợp thành tạo nên một giai điệu tự nhiên, giống như sự giao hòa giữa Trời, Đất và Con người, khiến cho con người đi vào thế giới tâm linh tĩnh lặng một cách tự nhiên và có sự giao hòa về mặt tinh thần với Bồ Tát để cầu được ước thấy, khi nào muốn điều gì, cứ niệm thần chú sẽ được linh nghiệm. Loại bùa chú này có thể phổ an thập phương, trừ trừ trùng nhện (loại trừ sâu và kiến), vẫn nhưế bất sinh tiền trừ muỗi và ve, tiêu tai giải nguy chấn sát an thai, khử tà trừ uế, gặp hung hóa cát.

Thơ gan cụ thể của Thiên Địa Đất Một bao gồm. Ngày Sửu của tháng gêng, ngày Tý của tháng nhai, ngày Hợi của tháng ba, ngày Tuất của tháng tư, ngày Dậu của tháng năm, ngày Thân của tháng sáu, ngày Mùi của tháng bảy, ngày Ngọ của tháng tám, ngày Tỵ của tháng chín, ngày Thìn của tháng mười, ngày Mão của tháng mười một, ngày Dần của tháng mười hai.

Để sơ thể dễ nhớ, có người đã sáng tác “Lò Đing Đại Sat” thành lời bài vè như sau: “Tuất Hợi Tý nhất Càn cung tâm, Mùi Thân Dậu nhất Tồn vi chân, Thìn Tỵ Ngọ nhất Khôn phương thi, Sửu Dần Mão nhất Càn thượng thân”.

Thế kỷ 1 là chỉ ngày Dần của tháng gêng, ngày Thân của tháng nhai, ngày Tỵ của tháng ba, ngày Ngọ của tháng tư, ngày Mùi của tháng năm, ngày Thân của tháng sáu, ngày Dậu của tháng bảy, ngày Tỵ của tháng tám, ngày Thìn của tháng chín, ngày Mão của tháng mười, ngày Tý của tháng mười một, ngày Sửu của tháng mười hai.

Địa Nang là chỉ ngày Canh Tý, Canh Ngọ của tháng gêng, ngày Ất Mùi, Quý Sửu của tháng nhai, ngày Giáp Tý, Nhâm Ngọ của tháng ba, ngày Kỷ Mão, Kỷ Dậu của tháng tư, ngày Giáp Thìn, Nhâm Tuất của tháng năm, ngày Bính Thìn, Bính Tuất của tháng sáu, ngày Đinh Tỵ, Đinh Hợi của tháng bảy, ngày Hính Dần, Bính Thân của tháng tám, ngày Tân Sửu, Tân Mùi của tháng chín, ngày Mậu Dần, Mậu Thân của tháng mười, ngày Tân Mão, Tân Dậu của tháng mười một, ngày Ất Mão, Quý Dậu của tháng mười hai.



Trấn trạch Thần Hổ

Đây là tranh cát tường truyền thống. Hổ là Vua của muôn loài, dân gian xưa coi hổ là tượng trưng cho việc bảo vệ sự an toàn của loài người, thường dán tranh hổ để cầu nguyện cho cả gia đình được an lành và hạnh phúc. Hổ trong tranh thường có thể nui, 2 bức đối nhau, mỗi bức đều có in những dòng chữ có nội dung kiểu như “trấn trạch trừ tà”, “tiêu tai giáng phúc”. Dân gian truyền thống hàng năm thường lấy đề tài này để vẽ tranh khắc gỗ.

Địa Pha là chỉ ngày Hợi của tháng gêng, ngày Tý của tháng hai, ngày Sửu của tháng ba, ngày Dần của tháng tư, ngày Mão của tháng năm, ngày Thìn của tháng sáu, ngày Tỵ của tháng bảy, ngày Ngọ của tháng tám, ngày Mùi của tháng chín, ngày Thân của tháng mười, ngày Dậu của tháng mười một, ngày Tuất của tháng mười hai.

Thổ Công Tồn là chỉ ngày mùng 7, ngày 17 và 27 của các tháng Âm lịch. Người xưa cho rằng, những ngày này không thể đào đất để âm nền (móng) mới.

Thổ Ngân là chỉ các ngày mùng 3, mùng 5, ngày 15, 18 của tháng đủ và các ngày mùng 1, mùng 2, mùng 6, ngày 12, 26, 27 của tháng thiếu.

Thủy Ngân là ch' các ngày mùng 1, mùng 7, ngày 11, 17, 23 và 30 của các tháng đ'ỉ, ngày mùng 3, mùng 7, ngày 12 và 26 của tháng th'ếu.

Thủy Lạc là ch' ngày Tuất của tháng q'êng, ngày Thìn của tháng n'g, ngày Ngọ của tháng ra, ngày Thìn của tháng tư, ngày Dần của tháng nam, ngày Tý của tháng sau, ngày Tuất của tháng bảy, ngày Thìn của tháng tám, ngày Ngọ của tháng chín, ngày Thìn của tháng mười, ngày Dần của tháng mười một, ngày Tý của tháng mười hai.



Tam Cung Đại Đế

"Tam Cung Đại Đế" là vị Thần mà dân gian thường tôn kính, trong đó bao gồm Thiên Cung, Địa Cung và Thủy Cung. Đạo giáo đầu tiên Đông Hán đã thu hút tín ngưỡng dân gian truyền thống phụng thờ thần, Phật, Đạo. Tam Cung là những vị thần lớn cai quản phúc họa của nhân gian, cho rằng Thiên Cung ban phúc, Địa Cung xá tội, Thủy Cung giải nguy. Cùng với sự phát triển của Đạo giáo, "Tam Cung" được phong là Đại Đế ban phúc Tử Vi, Đại Đế xá tội Thanh Hu, Đại Đế giải nguy Đông Âm, những vị thần này có ảnh hưởng ngày càng sâu sắc trong lòng người.

Bảng 1-18. Bảng tương ứng giữa tứ thời và 12 Địa chi với phương của Nhị thập bát tú

	12 Địa chi	Tên gọi trong Thiên văn học (thứ tự)	Tên gọi trong thuật chiêm tinh (lên năm)	Sao tương ứng	Phương tương ứng
1	Ty	Huyền Hiêu	Nhiếp Đế Cách	Nữ, Hư, Ngụy (10, 11, 12)	Bắc
2	Sửu	Tinh Kỳ	Đôn Ái	Đẩu, Ngưu (8, 9)	Bắc
3	Dần	Tích Mộc	Chấp Tư	Vị Cơ (6, 7)	Đông
4	Mão	Đại Hỏa	Đại Hoàng Lạc	Đê, Phòng, Tâm (3, 4, 5)	Đông
5	Thìn	Thọ Tinh	Đôn	Giốc, Cang (1, 2)	Đông
6	Ty	Thuần Vị	Hiệp Hiệp	Dực, Chấn (27, 28)	Nam
7	Ngọ	Thuần Hỏa	Quân Than	Liêu, Tinh, Trương (24, 25, 26)	Nam
8	Mù	Thuần Thổ	Tác Ngạc	Tinh, Quỷ (22, 23)	Nam
9	Thân	Thực Trám	Yêm Mậu	Chủy, Sâm (20, 21)	Tây
10	Dậu	Đại Lương	Đại Uyên Hiến	Vị, Mão, Tất (17, 18, 19)	Tây
11	Tuất	Giáng Lâu	Khốn Đôn	Khuê, Lâu (15, 16)	Tây
12	Hợi	Cư Chủy	Xích Phấn Nhược	Thất, Bích (13, 14)	Bắc

Ngày lành có thể dùng để lát nền, xây giếng Trời và bực thêm được liệt kê như sau:

Tháng giêng: Giáp Tý, Nhâm Ngọ, Mậu Tý, Canh Tý, Ất Sửu, Kỷ Mão, Bính Ngọ, Bính Tý, Đinh Mão.

Tháng hai: Ất Sửu, Canh Dần, Mậu Dần, Giáp Dần, Tân Mùi, Đinh Mùi, Kỷ Mùi, Giáp Thân, Mậu Thân

Tháng ba: Kỷ Tý, Kỷ Mão, Mậu Tý, Canh Tý, Quý Dậu, Đinh Dậu, Bính Tý, Nhâm Tý

Tháng tư: Giáp Tý, Mậu Tý, Canh Tý, Giáp Tuất, Ất Sửu, Bính Tý

Tháng năm: Ất Hợi, Kỷ Hợi, Tân Hợi, Canh Dần, Giáp Dần, Ất Sửu, Tân Mùi, Mậu Dần.

Tháng sáu: Ất Hợi, Kỷ Hợi, Mậu Dần, Giáp Dần, Tân Mão, Ất Mão, Kỷ Mão, Giáp Thân, Mậu Thân, Canh Thân, Tân Hợi, Bính Dần.

Tháng bảy: Mậu Tý, Canh Tý, Canh Ngọ, Bính Ngọ, Tân Mùi, Đinh Mùi, Kỷ Mùi, Nhâm Thìn, Bính Tý, Nhâm Tý.



Thái Tài

Thái Tài là sao Trúc Tuế cai quản, nắm giữ sự thịnh vượng trong năm. Các nhà phong thủy cổ đại cho rằng Thái Tài là một hung thần dưới mặt đất tương ứng với Tuế Linh trên Trời, có thể can thiệp vào vị trí của Tuế Tinh để suy đoán ra vị trí của Thái Tài hiện mặt đất. Nếu dùng thế này, năng lượng của Thái Tài sẽ có thể dao lên được miệng đất đem lại cầu may mắn trong việc xây nhà và chuyển nhà, nếu không sẽ phải chịu tai họa.

Tháng tam: Mậu Dần, Canh Dần, Ất Sửu, Bính Dần, Bính Thìn, Giáp Tuất, Canh Tuất.

Tháng chín: Kỷ Mão, Tân Mão, Canh Ngọ, Bính Ngọ, Quý Mão.

Tháng mười: Giáp Tý, Mậu Tý, Quý Dậu, Tân Dậu, Canh Ngọ, Giáp Tuất, Nhâm Ngọ.

Tháng mười một: Kỷ Mùi, Giáp Tuất, Mậu Thân, Nhâm Thìn, Canh Thân, Bính Thìn, Ất Hợi, Kỷ Hợi, Tân Hợi.

Tháng mười hai: Mậu Dần, Canh Dần, Giáp Dần, Giáp Thân, Mậu Thân, Bính Dần, Canh Thân.

5. NGHI LỄ DỰNG CỘT - BẮC XÀ

Thông thường, khi thực hiện công việc dựng cột 'bắc xà', cần phải tính xem ngày giờ tốt. Để một chiếc ban tế lễ ở giữa phòng, trên đó, đặt bát hương Phở Am Tiên Sư, lần lượt đặt lên đó vàng tiền, hương hoa, đèn nến, lợn, ngựa, dê, rượu và hoa quả để cúng lễ. Thờ xây phải khấn lễ tam giới địa chủ (Thần Linh cai quản tam giới) là Thiên thượng, Địa hạ và Nhân gian, Ngũ phương Trạch Thán (Đông, Tây, Nam, Bắc, Trung), Lỗ Ban, Tam Lương² và 10 bậc Cao Chấn³. Thờ xây bao bọc một 'hố' gáy 10 thước⁴, hộp dây mực và thước dây lại với nhau, sau đó, đặt bát gạo trên ban tế lễ, sắp xếp ổn thỏa Tuần Quan La Kim⁵, dùng bùa chiếu vào Hung Thần Quan Phủ và Tam Sát loại trừ những hung thần ác sát này như vậy người song trong nhà sẽ luôn giữ được sự may mắn và thịnh vượng.



Tĩnh thần (thần giếng)

Tĩnh thần được nhận xét gọi là 'Tĩnh Thần Đông Tư' (tên của Thu, Tĩnh (giếng nước) đã ban phúc cho nhân loại, người xưa đã thờ cúng Tĩnh Thần. Truyền thống này đã có từ thời xưa và xưa là một trong "Ngũ tế" (tên Môn Hư Tĩnh Tư, Thổ Thần). Tập tục tế lễ Tĩnh Thần ở các nơi nước ta như nhau, nơi chúng ta cứ đến giờ giao thừa Tết Âm lịch hàng năm phải lấy giếng tại, lần đầu tiên lấy nước sau Tết phải đốt giấy cúng Tĩnh Thần. Mỗi khi Tết đến mọi người đều phải đứng quanh giếng dâng những đồ ăn ngọt cúng lễ Tĩnh Thần để cầu cho nước giếng được trong, ngọt và không có độc, cầu cho nguồn nước được dồi dào.

[Chú thích]:

[1] Dựng cột - bắc xà: Dựng cột trụ và bắc xà ngang cho ngôi nhà. Khi dựng cột nhà, trước tiên phải đặt cột đỉnh viên đá dưới chân cột, sau đó mới dựng cột và bắc xà. Xà, cột, rầm dọc và phương (thanh gỗ ngang hình trụ vuông nối giữa 2 cột/thanh xà ngang) được nối với nhau bằng mộng và tán đinh nỉ để tạo khung cho ngôi nhà.

[2] Phổ Am Tiên Sư: Phổ Am (1115 - 1169), là tên một vị Thiền sư trong Phật giáo. Ông là người Ngô Xuân - Viên Châu - Giang Tây thời Nam Tống, sinh năm thứ 5 Vi Tống Chính Hòa, ông thường được gọi bằng họ Dư, tự là Ấn Túc. Xuất gia năm 20 tuổi, ông thụ đại giới Cam Lộ ở chùa Khai Nguyên Viên Châu. Tống Hiếu Tông mất vào năm thứ 5 Càn Đạo, thọ 55 tuổi. Trước khi qua đời ông đã viết tổng cộng được 3 cuốn "Phổ Am Ấn Túc Thiền Sư Ngự Lục". Phổ Am Thiền Sư rất giỏi về chữ Phan, ông đã từng chuyển chữ Phan thành bùa chú, loại bùa mà người ta vẫn thường gọi là "Bùa Phổ Am". Vì loại bùa này có Thần lực "Phổ an thập phương, an định từng lăm" nên cứ đến ngày rằm và mùng 1, các chùa chiền đều niệm bùa này. Các chùa chiền của Mãn Nam, Bành Hồ - Trung Quốc và Đài Loan, Singapore, Mala.xia thường có tượng Phổ Am Thiền Sư.

[3] Tam giới địa chủ: Tam giới là tư dùng trong Phật giáo, sau này được dùng trong Đạo giáo, chỉ tam giới là "dục giới", "sắc giới" và "vô sắc giới", Ngoài ra còn có một cách nói khác cho rằng tam giới là chỉ "Thiên thượng", "Địa thượng" và "Thủy hạ". "Địa chủ" là chỉ các vị Thần Linh nắm giữ và cai quản tam giới là Thiên, Địa, Thủy, hay còn được gọi là Thiên quan, Địa quan và Thủy quan, cũng có cách gọi khác là "Tam quan Đại Đế" hay "Tam nguyên Đại Đế", thông thường được gọi là "Tam giới công". Trong các Chư Thần của Đạo giáo, tất cả các Chư Thần đều phải đứng sau Ngọc Hoàng Đại Đế. Khái niệm Tam Quan là chỉ Thượng Nguyên nhất phẩm ban phúc Thiên Quan "Tứ Vi Đại Đế", có phép ban phúc, Trung Nguyên nhị phẩm xá tội Địa Quan "Thanh Hư Đại Đế", có phép xá tội; Hạ Nguyên tam phẩm giải nguy Thủy Quan "Đông Âm Đại Đế", có phép giải nguy. Tam cung nắm giữ và cai quản phúc hoa của nhân gian và hoạt động của quỷ thần.

[4] Ngũ phương Trach Thân: Ngũ phương là chỉ các hướng Đông, Tây, Nam, Bắc và Trung (chính giữa), người xưa cho rằng, ngũ phương này đều có thần cai quản nhà cửa, Thuật phong thủy lại cho rằng, trong nhà có 12 vị Thần chính là: Tư Mệnh, Cầu Trán, Thanh Long, Minh Đường, Thiên Hình, Chu Tước, Kim Quỹ, Thiên Đức, Bạch Hổ, Ngọc Đường, Thiên Lao và Huyền Vũ.

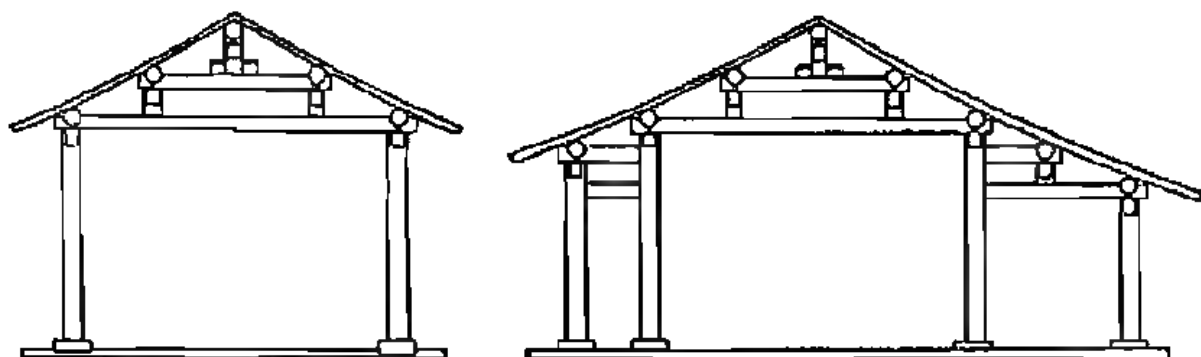
[5] Lô Ban Tam Lương: Tức Lô Ban và Tam Lương. Tam Lương tức Chung Tam Lương, là tổ tiên của nghề đi ở, giúp việc.

[6] 10 bậc Cao Chân: Vốn là các vị nữ thần Ma Lợi Chi Thiên trong Phật giáo, trong Đạo giáo gọi là Hư Vô Diệu Đạo Thập Cấp Cao Chân (10 bậc Cao Chân) hay Đức Thiên Hậu Ma Lợi Chi Thiên Đại Đế, cai quản chòm sao Bắc Đẩu. Cao Chân là chỉ người đắc đạo thành Tiên.

[7] Tuần Quan La Kim: Tức vị tiên Đại La Kim. Trong Đạo giáo, Thần Tiên được chia thành 5 loại là Đại La Kim Tiên, Thiên Tiên, Địa Tiên, Nhân Tiên và Quỷ Tiên. Trong đó, Đại La Kim Tiên có địa vị cao nhất, không bị ràng buộc bởi sự sống chết của thế gian, có thể tán tỵ nguyên thần ở bất kỳ nơi nào và

bất cứ nơi đâu, có thể sống thác tụy y ở Thiên thượng nhân gian. Các vị Đại La Kim Tiên trên Tiên giới đều là những người bảo vệ trật tự của Vũ trụ và giới tự nhiên.

[8] Đơn vị đo chiều dài cần chú ý: 1 trượng = 3.33m, 1 thước = 33.33cm, 1 thốn = 3.33cm



Sơ đồ minh họa khung nhà dạng trụ - xà xen kẽ

Khung nhà dạng trụ - xà xen kẽ là một hình thức khung gỗ phổ biến nhất trong kiến trúc cổ đại. Kiểu khung này thường bắc xà nhà trên cột nhà, trên xà nhà lại dùng cột ngắn, trên cột ngắn lại tiếp tục bắc xà ngắn, cứ từng tầng, từng tầng như vậy lên đến tận nóc nhà. Trên các xà nhà lại dùng xuyên gỗ để nối xà với mái nhà, tạo thành một thể thống nhất, mỗi cột nhà lại đối một xà ngang. Ưu điểm của loại khung này là có sức tải khá lớn, giảm bớt số cột và tầng không gian sử dụng trong nhà.

[Giải thích].

Trong nhìn thức cầu chúc trên đây có đặc biệt nhắc tới Lỗ Ban. Lỗ Ban là một vị Thần Linh đảm nhận những va trò khác nhau giữa chủ nhà và thợ xây, chủ nhà thường dựa vào Lỗ Ban để làm phép áp chế người thợ mộc, cho rằng Lỗ Ban có thể trừng phạt những người thợ sử dụng phép thuật xấu xa; Còn những người thợ xây lại thường thỉnh cầu Lỗ Ban phù hộ cho chủ nhà được may mắn và thịnh vượng. Việc làm này của những người thợ xây vừa là dựa vào Lỗ Ban Tiên Sư để thể hiện với chủ nhà thành ý của bản thân họ, cũng là một cách phản ứng trở lại trước sự nghi ngờ của chủ nhà đối với họ. Thông thường, những người thợ xây tin tưởng vào Lỗ Ban đều có đạo đức nghề nghiệp, không sử dụng phép thuật xấu xa.

Lỗ Ban vừa có tư cách là một vị Thần Sư tổ, vừa là vị Thần bảo hộ. Điều này một mặt thể hiện được 2 yêu cầu cơ bản của người thợ xây với xã hội, thứ nhất là nghề nghiệp của họ cần được xã hội công nhận, thứ hai là họ phải có được một cuộc sống tốt, không phải lo cơm ăn áo mặc; Mặt khác, cũng khiến cho Lỗ Ban trở thành tín ngưỡng tinh thần chung cho những người cùng làm nghề thợ xây. Có cùng một vị Sư tổ cũng giống như cùng Tổ cùng Tông, sự kính trọng, tôn sùng đối với Sư tổ sẽ giúp cho nghề nghiệp được vinh hiển và trở thành cầu nối và tấm gương tinh thần để tăng cường sự đoàn kết nội bộ giữa những người thợ xây trong cùng nghề xây dựng.

Quan sát những tấm bia khắc hình Lỗ Ban được lưu lại tới ngày nay chúng ta thấy rằng, ngành nghề mà vị Sư tổ Lỗ Ban tin thờ đều có liên quan đến kiến trúc. Ví dụ như các nghề làm gỗ, làm đá, làm gạch, xây dựng lều trại, .. trên bia đá thường gọi chung những ngành nghề này là “Ngũ nang bát tác”. Ngoài ra, còn có một ngành nghề không liên quan gì đến xây dựng, kiến trúc, đó là nghề làm va-ly, túi da cũng tôn Lỗ Ban làm vị Sư tổ.

Từ “Địa chủ” có một số nơi còn gọi là “Đế chủ” hoặc “Địa tổ”. “Đế chủ” có nghĩa là “Tam Nguyên Đại Đế”, nay còn gọi là “Tam Quan Tôn Thần”. “Tam Quan” tức là Thiên Quan, Địa Quan và Thủy Quan. Đạo giáo coi Thiên Quan là “Thượng Nguyên Nhất Phẩm Cửu Khí Thiên Quan Tử vi Đại Đế”, là tổng quản của các vị Thiên Đế Vương, Sĩ Thánh Cao Chân, Tam La Vạn Tượng Tinh Quân ở Thượng Cung; Địa Quan tức là “Trung Nguyên Nhị Phẩm Thất Khí Địa Quan Thanh Hư Đại Đế”, tổng quản Ngũ Nhạc Đế Quân và cai trị Nhị Thập Tứ Sơn (24 núi), Cửu Thổ Địa Hoàng, Tứ Duy Bát Cực Thần Quân; Thủy Quan tức là “Hạ Nguyên Tam Phẩm Ngũ Khí Thủy Quan Động Âm Đại Đế”, tổng quản Cửu Giang Thủy Đế, Tứ Độc Thần Quân, Thập Nhị Khê Chân, Tam Hà Tứ Hải Thần Quân. Vì Tam Quan lần lượt tổng quản các Đế của Thiên, Địa, Thủy nên mới có tên gọi là “Đế chủ”.

Chức vụ nắm giữ của “Tam Quan”: “Địa Quan” nắm giữ việc “xá tội”; “Thủy Quan” nắm giữ việc “giải nguy”, nếu tôn sùng họ sẽ có thể tránh được khó khăn, loại trừ được tai họa và thay đổi vận mệnh. Còn “Thiên Quan” lại nắm giữ việc “ban phúc”, tôn sùng họ không những có thể cầu được công danh phú quý, kéo dài tuổi thọ mà còn có thể kinh doanh phát đạt, vốn liếng dồi dào.

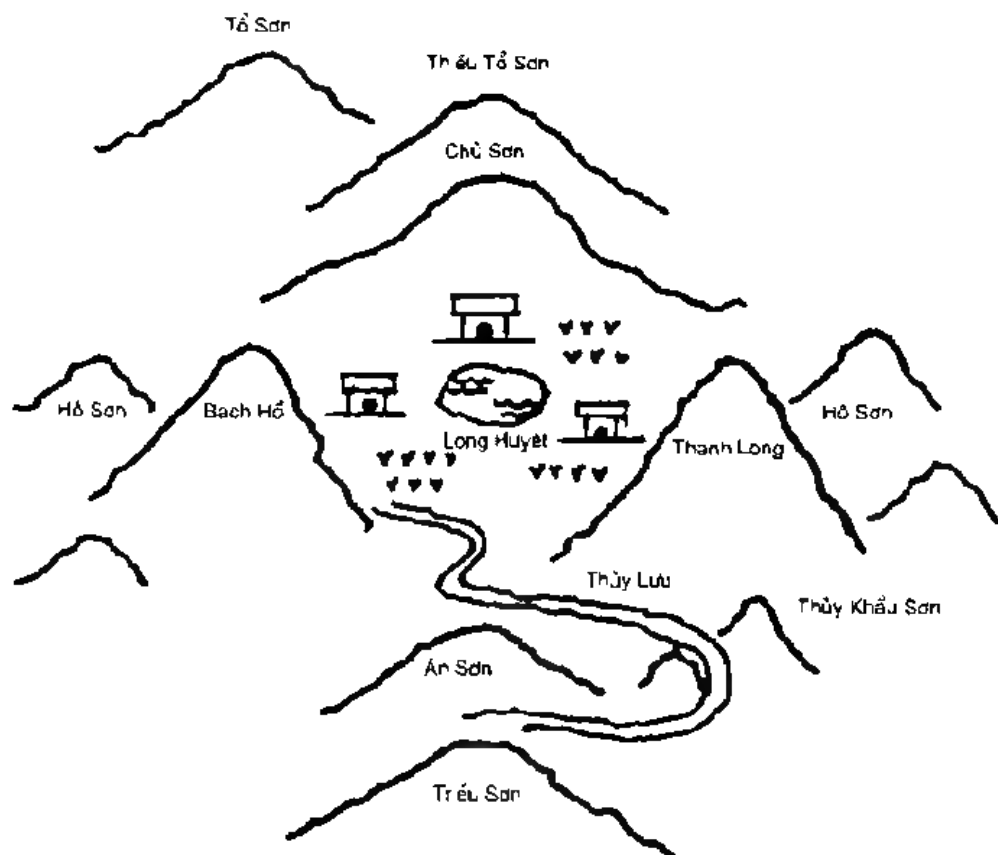
Vì vị Thần chính mà trong các cung Đế chủ thường thờ phụng là “Tam Quan Tôn Thần”, “Tam Nguyên Đại Đế” nên dân gian còn gọi cung Đế chủ là “Tam Quan Miếu” hoặc “Tam Nguyên Miếu”. Theo ghi chép trong sử sách, các vùng đất của Trung Quốc thời xưa đều cho xây dựng “Tam Quan Miếu”, nhưng cho đến ngày nay, “Tam Quan Miếu” không còn giữ lại được bao nhiêu.

Dùng hình thức tế lễ để oai trừ Thần Sát là phương pháp mà những người thợ xây thường lựa chọn. Trong cuốn “Lỗ Ban long pháp”, phương pháp này được gọi là “Báo phạm”. Phương pháp cụ thể là: Lấy một thùng gạo, để một chiếc ghế gỗ đối diện với xà chính của ngôi nhà, cho gạo và rượu vào bát, lấy máu gà vẩy lên gạo, vẩy một ít lên trán, một ít lên tai, một ít lên tay người, sau đó, đốt lá bùa thành tro, thả vào bát nước rồi lồng. Ngoài ra, miêng còn phải niệm câu thần chú: “Phổ Am Sư tổ đại Thần năng, nên niên nguyệt nguyệt tại gia trung, bất luận phạm dân bàng Tam Sát, Thần Thủy lạc Địa tận giai thông. Thiên Sát khởi, Thiên Sát thoái; Nhật Sát khởi, Nhật Sát thoái; Thời Sát khởi, Thời Sát thoái.” Người ta thường nói, hành pháp như vậy sẽ khiến cho các Thần Hung Sát phải tránh xa 25 dặm (1 dặm = 500 mét), hoặc có thể nuốt các Thần Hung Sát đó vào đại lao. Nhưng thực ra, phương pháp này chẳng qua chỉ giúp cho con người có được sự an ủi về mặt tâm lý.

Những ghi chép về phương pháp khống chế Thần Sát trong những cuốn thông thư khác dường như là có lý hơn.

“Thông thư” có ghi, “Tam Sát” chỉ là sự cấm kỵ trong phương tu tạo, trước tiên bắt đầu làm từ phương tốt lành, sau đó tu tạo theo thứ tự thì sẽ có thể vô hại. Ví dụ vào năm Tý, Tam

Sát đóng ở Tý Ngọ Mùi, nếu các phương Tốn Khôn có cát tinh thì có thể bắt đầu khởi công từ những phương đó, đi qua các phương Tý Ngọ Mùi, thẳng đến phương Khôn rồi mới dừng lại, ch' cần cấm kỵ ở các phương Tý Ngọ Mùi.



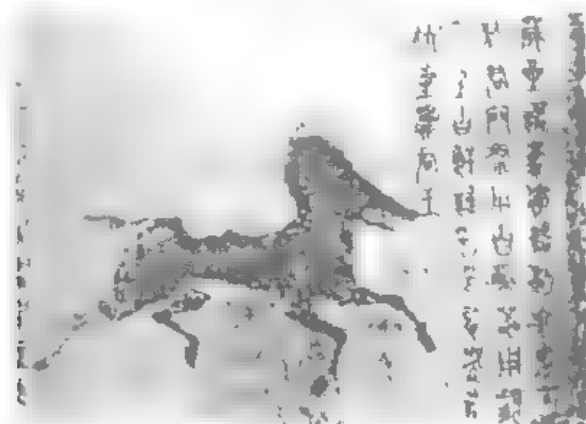
Sơ đồ môi trường “Phong thủy”

“Phong thủy” là hệ thống đánh giá cảnh quan để tìm điểm tốt trong công trình kiến trúc, là nghệ thuật chọn đất và bố cục trong địa lý cổ đại của Trung Quốc. Hệ thống lựa chọn địa điểm độc đáo này của Trung Quốc vừa có yếu tố khoa học, vừa có yếu tố mê tín. Hệ thống lý luận và phương pháp hoàn chỉnh về việc lựa chọn và xử lý môi trường đã trở thành nội dung chính trong phong thủy học. Việc lựa chọn môi trường trong phong thủy học có thể tổng kết thành 4 phần là Mịch Long, Sát Sa, Quan Thủy và Điểm Huyệt.

Trong cuốn “Tông Kinh” có ghi, “Tam Sát” là vị Thần Sát cực kỳ hung dữ, Phục Bính, Đại Hoa thường ẩn náu trong đó.

Theo cách nói của thuật phong thủy, “Phục Bính” và “Đại Hoa” là ác Thần của năm, 2 vị Thần này đóng ở đâu thì ở đó cấm không được xuất binh, hành sự hoặc tu tạo, nếu phạm vào những phương này thì có thể dự báo trước về tai nạn “Binh thương hình lục” (quân lính bị thương vong), vì vậy, cần phải chế ngự một cách thích hợp. Ngoài ra, khi xem vị trí cát hung trên núi và

đã chọn địa điểm xây mộ nguyệt. Ông cần phải tránh 2 vị hung thần này. Ch' cần tìm ra kết cấu có thể chế ngự được những vị Thần này là có thể tạo nhà của



Hình ảnh Ngũ tinh Nhi thập bát tú (Tuế Tinh Thần)

Trương Tăng Dao (thời Đông Tấn)

Mộc Tinh là một trong 10 hành tinh tên của hệ Mặt Trời, vì người xưa thường nhìn thấy sao này mọc ở phía Đông mà trong ngũ hành, phía Đông là thuộc Mộc, vì vậy vào mùa có tên gọi là Mộc Tinh. Mộc Tinh có tên Hán văn là Tuế Tinh Thần. Trong điện Thiên Quan - Tinh Cung có ghi, những nơi được Tuế Tinh chiếu rọi thì nhân dân sẽ có được văn minh và hạnh phúc vì vậy trong dân gian Tuế Tinh thường được coi là một vị sao đem phúc. Hình vẽ dưới đây là tượng Thần Tuế Tinh được vẽ bởi Trương Tăng Dao thời Đông Tấn.

Có 3 bên phải chế ngự như sau: Thứ nhất, phải dựng kết cấu tam hợp; Thứ hai, phải vào thính phòng đêm của tam hợp và tháng mà Tam Sát bị tù; Thứ ba, phải dùng Quý Nhân Lộc Mã, Bát Tệt, Tam Kỳ hoặc ngày, tháng bản mệnh chế ngự. Nếu chỉ thực hiện 1 hoặc 2 yếu tố thì chỉ cần Nạp Âm của ngày và tháng có thể áp chế được Nạp Âm của phương Tam Sát, ch' cần tìm ra được một Cát tinh nào đó mà có thể áp chế Tam Sát sẽ tốt phương nào là được. Nếu Tam Sát đóng ở vị trí Ty Ngọ Mùi ở phía Nam thuộc Hỏa thì phải dùng tháng, ngày, giờ Thìn Tỵ Thìn, Đông ở Dần Mão Thìn ở phía Đông thuộc Mộc thì dùng tháng, ngày, giờ Tỵ Dậu Sửu, Đông ở Thân Dậu Tuất ở phía Tây thuộc Kim thì dùng tháng, ngày, giờ Dần Ngọ Tuất, Đông tại Hợi Tỵ Sửu ở phía Bắc thuộc Thủy, vì trong tam hợp không có kết cấu "tể" nên không thể chế ngự, tránh dùng kết cấu "tể" hành xung Thìn Tuất Sửu Mùi.

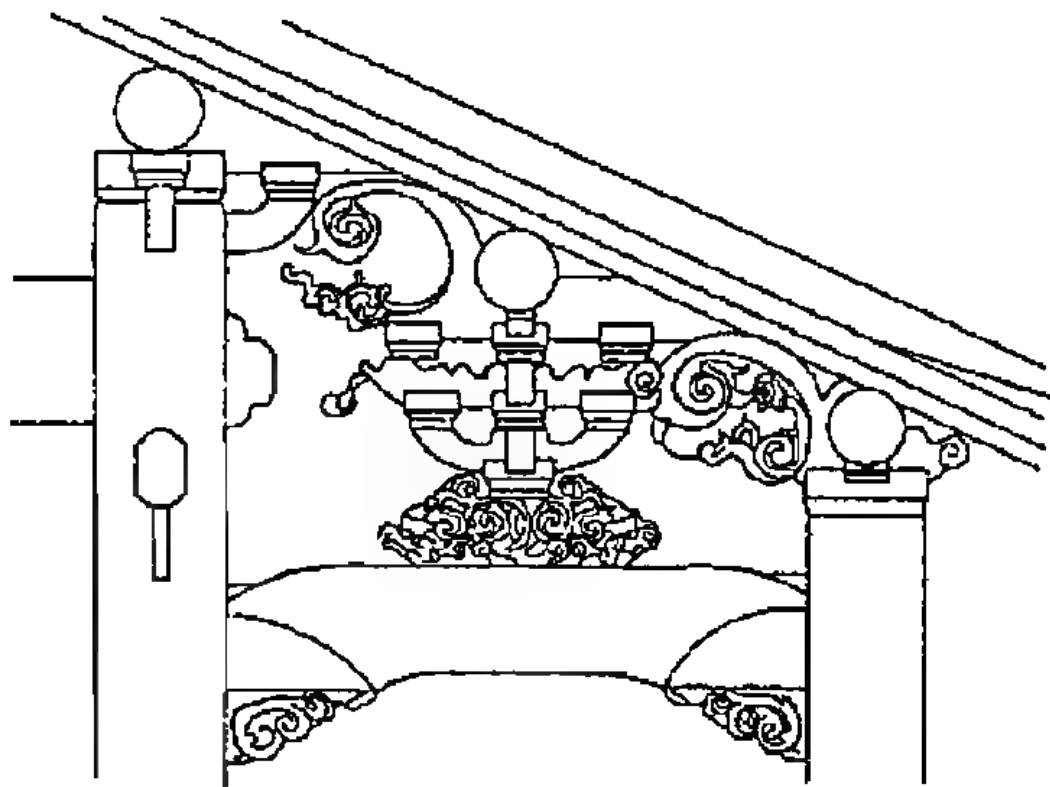
Tang Văn Thuyền, chủ nhà tuổi Nhâm Thân, tính ra được kết cấu Tam Sát Ty Ngọ Mùi, đã chọn giờ Canh Tý, ngày Nhâm Tý, tháng Mậu Thìn, nam Giáp Thìn để dựng cột nhà, dựa vào nam sinh là Nhâm Thân để rình thần nên kết cấu Thân Tý Thìn thuộc Thủy, nhờ đó để khắc Hỏa Sát, đây là sự may mắn đầu tiên. Dùng kết cấu "Thiên Can Tam Kỳ" Giáp Mậu Canh và hai Địa chi là Thìn và Tý cũng trùng hợp, do là sự may mắn thứ hai. Trước tết, Cốc vũ, Mặt Trời thì dùng ở phương Tuất, cùng với vị trí Ngọ nhìn thành nên tam hợp, còn kết cấu "Tam Kỳ Quý Nhân" giáp Mậu Canh là ở phương Mùi, đây là sự may mắn thứ ba. Nam Giáp Ngọ, phương Mùi là Canh Ngọ

và Tân Mùi. Nạp Âm của nó thuộc Thổ; Trong khi đó, vào ngày Nhâm Tý, tháng Mậu Thìn, Nạp Âm đều thuộc Mộc, vì Mộc có thể khắc Thổ nên đây là sự may mắn thứ tư. Vào giờ Nhâm Dần, T.ế Lục và Tuế Mão cùng tới phương "Ly", đây là sự may mắn thứ năm. "Bát Bạch" ở phương "Khảm" và chiếu rọi phương "Ly", còn "Cửu Tử" thì đang ở phương Mùi Khôn, đây là sự may mắn thứ sáu. Người xưa có cách ứng dụng khéo léo như vậy (chú ý dựng cột nhà nên làm vào giờ Canh Tý, tức là vào giữa nửa đêm.)

Khái niệm Thần Sát ở đây chỉ là trong sự vận hành tự nhiên của Trời, Đất, Mặt Trăng, Mặt Trời và các vì sao, do các vì sao vào mỗi thời điểm lại đóng ở một phương khác nhau nên cũng có ảnh hưởng khác nhau đối với Trái Đất. Đối với những vì sao có lợi cho Trái Đất, người ta thường gọi là "Thần", còn những vì sao không có lợi cho Trái Đất thì thường bị gọi là "Sát". Khái niệm "Tam Sát" chẳng qua là kết cấu đối xung với Địa chi (Thái Tuế) của năm, nếu phạm vào những kết cấu này tức là đã phạm vào Tam Tuế, vì vậy mới gọi là "Hung". Vì lẽ đó, phương pháp áp chế, hóa giải "Tam Sát" là thuộc về ý luận áp chế sinh khắc ngũ hành.

Từ "Thái Tuế" được đề cập tới trong đoạn văn trên là một khái niệm quan trọng trong phong thủy Âm Dương trạch. "Thái Tuế" là tên một vì sao được giả thiết trong Thiên văn học cổ đại. Thái Tuế tương ứng với Tuế Tinh, Tuế Tinh là Mộc Tinh. Người xưa cho rằng, Tuế Tinh đi hết một vòng bầu trời trong 12 năm (thực ra là 11,86 năm) nên đã phân chia Hoàng Đạo ra thành 12 phần bằng nhau, lấy phần mà Tuế Tinh thuộc vào làm tên Tuế, tổng cộng có 12 tên Tuế: Thọ Tinh, Đa Hỏa, Tồn Mộc, Tồn Kỷ, Huyền Hiên, Cư Chủy, Gáng Lâu, Đại Lương, Thực Trầm, Thuần Thổ, Thuần Hỏa, Thuần V. Tuế Tinh vận hành theo phương từ Tây sang Đông, ngược hẳn với phương của 12 Địa chi được Hoàng Đạo phân chia. Người xưa đã giả thiết ra một vì Thái Tuế, phương vận hành của Thái Tuế ngược với phương vận hành thực tế của Tuế Tinh. Vì vậy, cứ 12 năm, Thái Tuế lại đi hết một vòng bầu trời, phối hợp vừa vặn với 12 Địa chi biểu thị phương, sau đó, lại kết hợp với 10 Tuế Dương (10 can) để tạo thành 60 can chi, dùng để ghi năm. Ví dụ như Thái Tuế tại Dần được gọi là Nhếp Đễ Cách, tại Mão gọi là Đơn Ất, vì vậy Thái Tuế chính là niên chi của năm đó (12 Địa chi được phân vào 12 năm, mỗi năm 1 Địa chi). Ví dụ, vào năm Giáp Tý thì Giáp Tý chính là Thái Tuế vào năm Ất Sửu thì Ất Sửu chính là Thái Tuế, cứ lần lượt tính như vậy cho đến năm Quý Hợi.

Quan niệm phong thủy cho rằng, phương mà sao Thái Tuế đóng vào mỗi năm đều là phương không may mắn, nếu động thổ làm nhà hoặc xây mộ vào phương đó sẽ có thể dẫn đến tai họa. Vì vậy, Thái Tuế là bậc chí tôn, không thể mạo phạm hoặc đối xung. Ví dụ, "Hợi" là phương mà Thái Tuế chiếm giữ trong năm Quý Hợi, "Tý" - phương kém 5 năm chi so với "Hợi" - là phương đối diện với "Hợi", vì vậy, không được xây dựng ở phương "Tý", nếu không sẽ dẫn đến Tuế Phá. Các nhà phong thủy so sánh Thái Tuế với Quân (vua), phương đối diện với Thái Tuế gọi là Thần, hoặc gọi là Chi Sơn. Quân Thần không được đối nghịch, nếu đối nghịch sẽ bị đa hao, đại hao thì sẽ bị phá tài. Thế nhưng lại có cách nói: "Thái Tuế khả toa bất khả nung", nếu là năm Quý Hợi, Hợi Sơn là nơi Thái Tuế chiếm cứ, có thể xây dựng ở vị trí này.



Khung xà kết cầu lớn nhỏ thờ họ Văn Tiệt (I)

Nghệ thuật vẽ bản thiết kế của người dân Trung Quốc cổ đại được biểu hiện chủ yếu trong những ngôi nhà vòm, đặc biệt là trong kiến trúc đại sảnh dạng vòng tròn hình chữ "Quốc" (国), Vì chất lượng và đẳng cấp cao thấp của đại sảnh thường biểu hiện cho bộ mặt và địa vị của một dòng họ nên những thanh gỗ đem khung xà hoặc thanh gỗ nối bức hoành phi ở cửa ra vào và cửa sổ, câu đối khắc trên trụ, chân trụ, trần nhà, sàn nhà đều được đầu tư rất nhiều tiền của để trang trí với trình độ nghệ thuật cao nhất.

Quan niệm về Thái Tuế này đã nảy sinh ngay từ thời Tiên Tần, về sau, các nhà phong thủy đã tuân thủ nghiêm ngặt theo quan niệm này, động thổ và di dời phải tránh kết cấu "Thái Tuế".

Như đã nói trong phần trước, quan niệm của tất cả các trường phái thuật số thời cổ đại đều cho rằng, bản thân Thái Tuế không có sự hưng cát, gặp cát hóa cát, gặp hung hóa hung. Bởi vì Thái Tuế là vị Thần đứng đầu trong các vị Thần, có thế lực lớn mạnh nên Hung Tinh gặp Thái Tuế sẽ dẫn đến đa họa, Cát Tinh gặp Thái Tuế sẽ phúc thịnh dài lâu. Vì thế mà các thông thư cổ thường ghi: "Nhược phú quý, tu Thái Tuế." (Nếu muốn phú quý, hãy sửa tại Thái Tuế.)

Văn khấn vái cầu và lập bài vị Tam giới Địa chủ, Lỗ Ban Tiên Sư khi bắc xà nhà: Vào ngày đẹp trời, ngày giờ tốt, thắp 5 nén hương trên kim lư¹, sau đó khấn: *Chúng con cúi rạp² trước bài vị, long thành cầu nguyện Trục Phù Sứ Giả tới vào giờ..., ngày..., tháng..., năm..., vì chúng con có việc muốn khẩn cầu. Chúng con bao*

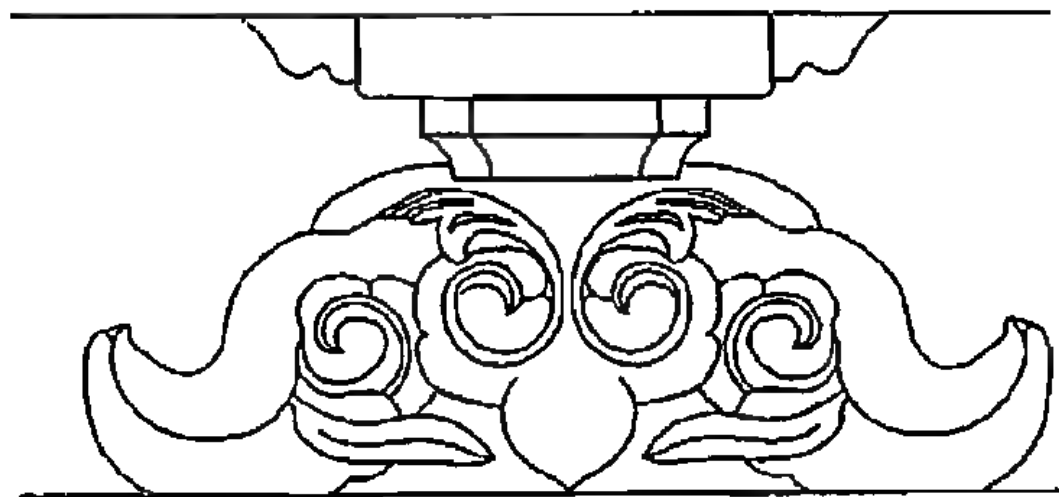
gồm các tín đồ⁵ ở số nhà..., ngõ..., phố..., (thôn, xóm), phường (xã)..., quán (huyện)..., tỉnh (thành).... Theo suy đoán của các thuật sĩ⁶, chúng con đã lựa chọn được thời gian tốt lành (ngày...tháng...năm...) và phương tốt lành, rất có lợi cho việc xây dựng đại sảnh, nhưng không dám tự động tiến hành nên phải nhờ vào Trục Phù Sứ Giả⁷, đem theo lời khẩn cầu của chúng con theo nén hương thơm, thay mặt cho chúng con cầu khẩn các bậc Cao Chân tam giới và tứ phủ, Thánh hiền thập phương, Tinh Đầu thượng Thiên, Thần Linh thập nhị cung, Địa chủ Minh sư ngũ phương, Phúc Đức⁸ vãng lai linh thông trong hư không, các vị Thần Tiên và Môn Quan trú tại Đạo Thích⁹ nhị gia, 6 vị Thần Sát cai quản tỉnh (giống) và tảo (bếp)¹⁰, Lỗ Ban Chân Tiên Công Du Tử và các vị Sư tổ của các ngành nghề đã từng thực hiện việc truyền giáo, mong được các vị giáng lâm Khẩn cầu các bậc Thánh nhân tam thời dờn cung, lên xe cưỡi ngựa, cưỡi mây đạp gió tới công trường xây dựng của chúng con. Nếu được các vị giáng lâm, chúng con xin được dùng rượu tế lễ 3 lần.

Nội dung lời tế rượu như sau: Chén rượu tế lễ thứ nhất vừa được rót, Thánh Đạo giáng lâm, chúng con tấu một khúc nhạc đón chào. Phúc khí mà các ngài ban lớn như Trời Đất, ân phúc mà chúng con có được sâu như biển cả. Chúng con còn phải nhờ vào Thánh đạo phổ giáng ân tình của nhân gian. Chén rượu tế lễ thứ hai là để Thần và người cùng chung vui, Thần Tiên ban phát ân trạch và ánh sáng muôn nơi, cho chúng con được hưởng lộc tước. Kính lễ chén rượu thứ hai này, chúng con mong được vĩnh viễn diệt trừ tai ương, có được nhiều phúc lớn và điềm lành, vạn thọ vô cương. Chén rượu tế lễ thứ ba, chúng con cầu mong từ nay gia đình luôn được hòa thuận, mọi người trong nhà luôn được an khang. Cầu mong được các vị Thánh hiền ban phát ân trạch, để công việc ruộng vườn, sản xuất của chúng con được may mắn và phát đạt.

Chúng con đã dâng xong 3 chén rượu, sau đây, xin tiếp tục dâng hương, hoa, đèn, nước, trà, hoa quả, đồ ăn, 7 thức lễ này khá đầy đủ, chúng con không dám dâng quá nhiều. Tín đồ chúng con chỉ mong sau khi thực hiện khâu bắc xà cho ngôi nhà, cả gia đình chúng con sẽ được gặp nhiều vận may, công thành danh toại, lương thực dồi dào, tiền của sung túc. Chúng con cầu xin thứ nhất được giàu có, thứ nhì được trường thọ, việc công, việc tư đều được thuận lợi, gia thế vinh hiển, gia đình thịnh vượng, hòa hảo và cướp bóc đều bị tiêu trừ, mọi việc đều may mắn, 4 mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông không phải gặp Thủy Lô Truân¹¹. Trong 8 tiết Lập Xuân, Xuân Phân, Lập Hạ, Hạ Chí, Lập Thu, Thu Phân, Lập Đông, Đông Chí thường có được sự phù hộ của Địa Thiên Thái¹² (như người mẹ khi sinh nở được mẹ tròn con vuông, cầu mong sinh được bé trai trí tuệ, thông minh, phú quý, gây dựng được sự nghiệp sau này...), chúng con không phạm vào bất cứ một kết cấu nào có Hung Sát tiềm ẩn, các vị Thần đều được vui vẻ, ra sức ban phát cho chúng con những điềm lành, quanh năm được mọi sự như ý. Cầu mong cho những người thợ xây khi làm việc đều có tâm trí thoải mái, ánh mắt luôn được tinh thông, nhạy bén, sử dụng đồ vật đều nhanh nhẹn và khéo léo. Chúng con cầu mong được nhờ cậy vào

phép lực của Thần linh, mong được các vị ra sức phù hộ. Chúng con không dám lưu giữ Thánh giá quá lâu, nay xin được hóa tiền vàng để dâng lên các Ngài. Khi các Ngài đến, chúng con đã dâng rượu đón mừng, nay các Ngài đi, chúng con lại xin dâng rượu lễ tạ. Chúng con còn có chút cầu mong nhỏ rằng, các vị Thánh Tiên khi hồi cung, sẽ lại ban phát cho chúng con có được tiền tài (còn có mong muốn cho những người thợ xây được rời xa Hung Sát, ..).

Thiên khai Địa tịch (Trời đất rộng mở), cát nhật lương thân (vào ngày giờ tốt), Hoàng Đế đích tử tôn (con cháu của Hoàng Đế), khởi tạo cao đường (bắt đầu dựng thờ xây dựng) (nếu xây dựng miếu mạo, am đường, chùa chiền thì nói: Tiên Sư giá tào, tiên hợp Âm Dương). Hung Thần thoát vị, Ác Sát tiềm tàng, thử phòng kiến lập vĩnh viễn cát tường. Chúng con chỉ mong sau khi các Ngài hồi cung sẽ như Rừng, Phụng trở về sào, huyết, có thể phù hộ cho con cháu có thêm của cải, gia nghiệp phát đạt. Có câu thơ: "Nhất thanh truy hưởng Thiên môn, vạn thiên Thánh hiển tả hữu phân. Thiên Sát dã quy Thiên thượng khứ, Địa Sát tiềm quy Địa lý tàng. Đại hạ Thiên gian sinh phú quý, toàn gia bách hàng ích như tôn. Kim Quỹ xao xứ chư Thần hộ, Ác Sát Hung Thần cấp tốc hồn."



Khung xà kết cấu lớn nhà thờ họ Văn Tiết (2)

Vì theo truyền thống, tư dương hoặc chính đường của người dân thời xưa thường đốt bát hương và ảnh thờ cúng tổ tiên nên không được dùng làm nơi ở hoặc để đồ đạc, vì vậy cũng không xây tầng gác, phần lớn đều xây kiểu lộ Thiên, xà nhà được làm rất tinh xảo và đẹp mắt, gian trước hoặc gian sau hầu hết đều có trần nhà, trên đó có vẽ các tranh màu dân gian, ở các gia đình lớn còn thường trang trí trên đó các ô lồng. Khung xà kết cấu lớn nhà thờ họ Văn Tiết được thiết kế vững chãi, điêu khắc tinh tế, mang tính đặc trưng nhất định.

[Chú thích]:

[1] Kim lư: Loại lư đúc bằng kim loại, dùng để cắm hương, đây cũng là tên gọi khác của lư hương

[2] Cui rạp. Nằm rạp trên mặt đất, biểu thị sự thành kính.

[3] Tín đồ. Người tín ngưỡng một tôn giáo nào đó (gồm trí thức và nhiều giới khác)

[4] Thuật sĩ. Còn gọi là thuật giả, là các nhà thuật số chuyên xem thời gian và phương tốt lành.

[5] Trục Phù Sư Giả. Tức vị Thần cai quản vào giờ đó, ngày đó, tháng đó, năm đó

[6] Phúc Đức: Còn gọi là Phúc Đức Chính Thần hay Thổ Địa Công. Thổ Địa Công là vị Thần cai quản thổ địa, ban phước cho làng xóm, phúc Trạch muôn dân, là vị Thần được con người sùng bái nhất, hàng năm được cúng lễ nhiều nhất

[7] Đạo Thích. Đạo gia và Phật gia.

[8] 6 vị Thần Sát cai quản tỉnh (giếng) và táo (bếp): Là 6 vị Thần Sát cai quản ở giếng và bếp trong nhà, trong đó bao gồm: Thanh Long, Chu Tước, Câu Trần, Đằng Xà, Bạch Hổ, Huyền Vũ, phối hợp với Kim Mộc Thủy Hỏa Thổ trong ngũ hành, nhập vào 5 hướng khác nhau

Người xưa đã sáng tác thành bài vè nói về 6 vị Thần Sát cai quản giếng và bếp nhà như sau:

Thanh Long mộc quý nhất trương sàng, nguyên lai thụ đắc tại Đông phương. Nhược thị vị từng kinh tổn hại, tất nhiên sàng thượng hữu nhân vong.

Chu Tước mộc quý hữu nhân cầu, quái tại phong nhan ban tru đầu. Canh hữu cự thặng tân tiếp đoạn, cầu khởi quái thiệp muộn sầu.

Câu Trần mộc quý thị đam đình, canh liêm hương hóa tại môn đình. Tiền thiêm quái hữu nhất điều sách, khuyến quân tác tốc khứ kỳ triển.

Đằng Xà mộc cấp thị điều thương, nguyên lai an đồn tại tru phòng. Hoắc hữu môn tiền tường chủng ló, bất nhiên phá tổn cấp thương vong

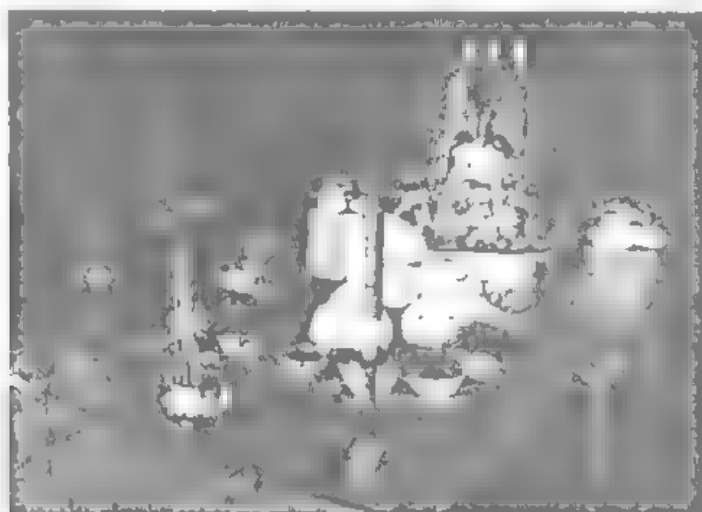
Bạch Hổ mộc quý thị triều linh, lai tự tây phương tác họa xâm. Gia chủ phòng trung tru cự phá, canh liêm ốc giác trúc lung tan

Huyền Vũ mộc quý đại vô doan, quý lâm trạch trường bệnh gian nan. Bất thị hòa lư tính cư bản, môn ngoại di nhập hầu đường an

[9] Thủy Lôi Truân: Là quẻ thứ ba trong cung Khảm, vì Khảm ở trên (Khảm tượng trưng cho nước), Chấn ở dưới. (Chấn tượng trưng cho sấm sét) nên mới có tên gọi này.

Quẻ Truân dùng để so sánh với tình trạng gian nan, vất vả khi sự việc mới được bắt đầu. Gặp phải quẻ này có nghĩa là sẽ gặp nguy hiểm rất lớn.

[10] Địa Thiên Thụ. Que thứ tư trong cùng Khôn, vì Khôn ở trên, Càn ở dưới nên mới có tên gọi này. Trong cuốn "Viên" có ghi: "Thiên Địa giao nhi vạn vật thông dã, thượng hạ giao nhi kỳ chi đồng dã. Núi Dương như núi Âm, núi kiến Cầu Trăn, núi quân tử như ngoại tiêu nhân, quân tử đạo trường, tiêu nhân đạo tiêu dã." Vì vậy, nếu gặp quẻ này có nghĩa là sẽ được may mắn như v.v. vạn sự hanh thông.



Đồ tế lễ khi bốc xà

Tế lễ khi bốc xà nhà phải tế Trăn (lo lễ này gồm: Trăn chít, gạo nếp dầm, 1 chén rượu, 1 chén dầu, hơn 1m gạo thóc (có con lợn) nấu giã, gạo lứt, gạo tẻ...). Ngoài ra còn có củi, củi nướng, đầu heo, trứng, muối và ớt dầm, tỏi, ớt, 5 hoặc 7 miếng sả... Làm một chén khay gỗ sơn đỏ để dâng đồ lễ đặt lên trên bàn tế lễ, 24 đĩa thức ăn khác và 12 đĩa hoa quả các vùng Nam Bắc.

[Giải thích]

Trục Phụ Sư Giả là một vị Thần xuất phát từ "Tỷ Môn Độn Giáp" "Kỷ Môn Độn Giáp" là một kra nằm lấy 3 can Ất Bính Đinh trong 12 Thiên can là "Tam Kỳ", lấy Mậu Kỷ Canh Tân là âm Quý là "Lục Hợp." sau đó đã lần lượt đưa "Tam Kỳ" và "Lục Hợp." vào Cửu Cung, để tạo Giáp các quẻ. Trong Kỳ Môn Độn Giáp có B. vì Trăn là Trục Phụ, Đương Xà, Thái Âm, Lục Hợp, Bạch Hổ, Huyền Vũ, Cửu Địa, Cửu Thiên. Trục Phụ là vị Thần đứng đầu trong B. vì Thân, đang ở vị trí Quý Nhân, đứng đầu trong Cửu tinh, nhưng nơi có Trục Phụ tại thì các loài Hạng nhân Ác Sát đều tiêu tan, Trục Phụ là một trong những vị Thần Sát lương thiện và tốt lành nhất, có thể tạo ra vạn vật, tạo hóa thế giới.

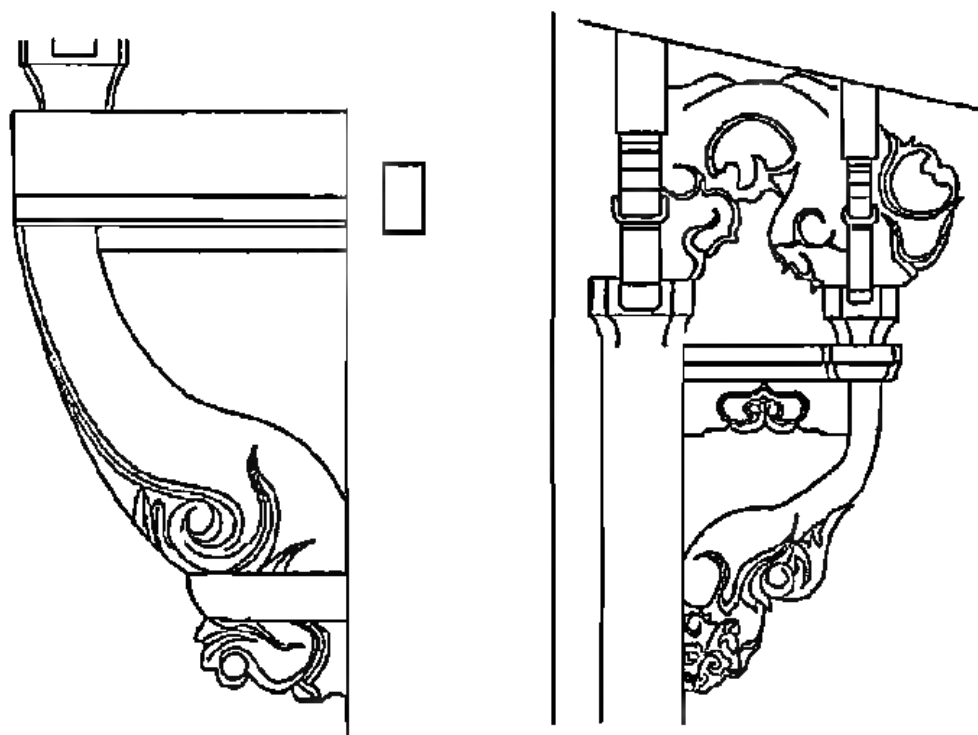
Trục Phụ sư giả tổ tông công có 4 loại Giáp Tý tuần (không nằm tuần ở đây là chỉ 10 ngày trong 1 tháng) bắt đầu được tính từ phương Càn. Giáp Tuất tuần bắt đầu được tính từ phương Địa, Giáp Thân tuần bắt đầu được tính từ phương Cấn. Giáp Ngọ tuần bắt đầu được tính từ phương Ly, Giáp Thìn tuần bắt đầu được tính từ phương Khảm, Giáp Dần tuần bắt đầu được tính từ phương Khôn, cứ theo thứ tự như vậy để suy tính. Ví dụ, ngày Canh Ngọ bắt đầu từ tạo từ phương Chân thì sẽ bắt đầu Giáp Tý từ Càn, Ất Sửu ở Đoài, Bính Dần ở Càn, Đinh Mão ở Ly, Mậu

Thìn ở Khảm, Kỳ Ty ở Khôn, Canh Ngọ ở Chấn, kết cấu tu tạo đúng vào kết cấu có Trục Phù, vì vậy là tốt lành

“Tứ phủ” là khái niệm xuất phát từ đời nhà Hán, bao gồm có Thừa Tướng, Ngự Sử, Xa Kỳ Tướng Quân và Tiền Tướng Quân Phủ. Khái niệm “Tứ phủ” ở đây là chỉ vì Thần trên Trời tương ứng với “Tứ phủ”

Khái niệm “thập phương” là chỉ các phương Đông, Đông Nam, Nam, Tây Nam, Tây, Tây Bắc, Bắc, Đông Bắc và phía trên, phía dưới

“Ngũ phương” là chỉ các phương Đông, Tây, Nam, Bắc và Trung



Tấm gỗ chống mái nhà (chống giữa trụ của mái trên với xà ngang)

Tấm gỗ chống của mái nhà theo cách nói dân gian được gọi là “chân trâu”, là một chi uế cấu tạo đặt nghiêng ở phía ngoài của cột mái hiên để chống tay đỡ (dòn chia) mái hiên hoặc thanh gỗ ngang hình trụ vuông nối giữa 2 cột thanh xà ngang của mái hiên. Phía trên là một thanh chống nhô ra từ phần trụ để chống tay đỡ và thanh gỗ ngang này. Người ta thường khắc lên trên tấm gỗ chống giữa trụ của mái trên với xà ngang những hoa văn dạng hoa lá và các loại nấm, tre trúc, mây, chim muông, thú rừng hay các nhân vật trong hý khúc để tăng thêm hiệu quả trang trí cho mái hiên ngoài. Hình vẽ trên là tấm gỗ chống giữa trụ của mái trên với xà ngang của mái hiên Từ đường thôn Tân Diếp, huyện Kiến Đức, tỉnh Vĩnh Phúc. Đây được coi là Viện bảo tàng kiến trúc đời Minh Thanh

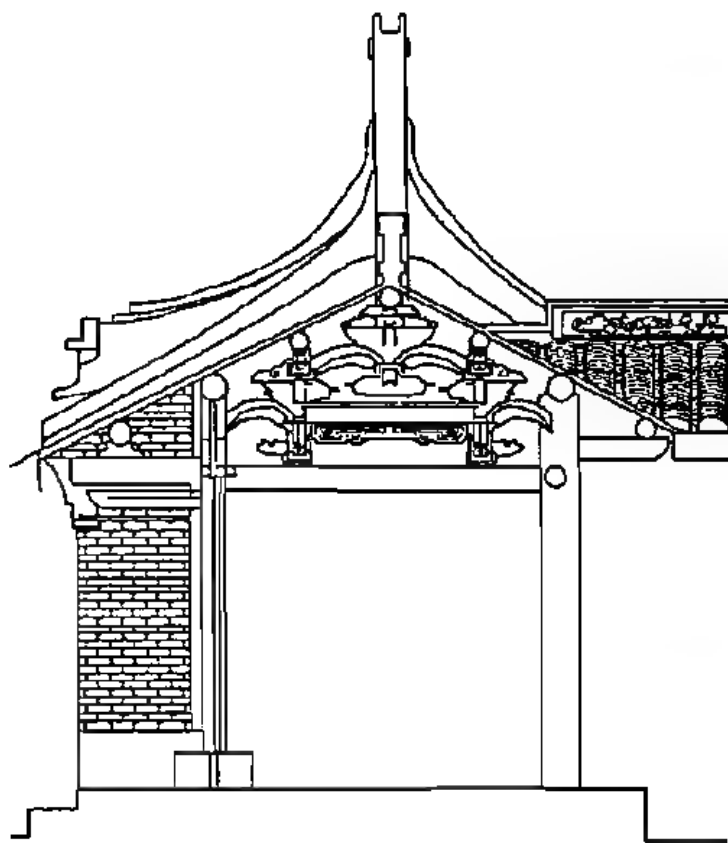
Bắc xà là công đoạn quan trọng nhất trong việc làm nhà, vì trong dân gian thường coi xà nhà là chủ cai quản cho sự hưng thịnh của ngôi nhà nên rất coi trọng việc bắc xà. Việc xây nhà ở bất cứ nơi đâu cũng đều phải tổ chức nghi lễ bắc xà, nghi lễ ở mỗi nơi cho dù có phần khác nhau nhưng những trình tự chủ yếu như đọc văn khấn, niệm bùa chú, thắp hương, tế lễ, đều không thể thiếu. Có một số nơi như Phong Thành - Giang Tây, trước khi bắc xà nhà phải gọi gầy mời, mời ban về thân tín ết đến lóng rượu mừng xà mới. Những người thợ mộc phải dùng chú sa (thần sa) về "Thái cực đồ" trên xà mới, quấn một tấm gầy màu đỏ ở ứng cột, chủ nhà phải viết những câu đối cầu chúc sự tốt lành. Khi bắc xà phải thổi kèn xô-na, gõ chiêng cồng, đốt pháo. Chủ nhà tay cầm nén hương đã thắp, dẫn theo một đứa trẻ đi đón xà. Sau khi xà được đặt cố định trên đỉnh trụ, thợ mộc gõ lên một chú gà trống và bình rượu, hò reo, tế lễ, đồng thanh ca hát những lời hát sau:

Thủ đề kim kê mao xán lan, kim kê sinh tại phụng hoàng sơn

Phụng hoàng sơn thượng phụng triều dương, kim tảo môn lai ngân tảo lương

Kim môn ngân lương sắc sắc tân, kim quang thiêm thiêm huy môn đình

Đã khai kê quan cử bảo huyết, nhất tế Thiên, nhị tế Địa, tam tế sư phụ Lão Bàn nghệ, tứ tế Ngao xích phân trường đoản, ngũ tế khúc xích quan tứ phương, lục tế tạc tử thiếc chùy hương đình dương, thất tế hô giá lương diện quang.



Một cắt theo chiều dọc Am Thủy Vĩ tỉnh Phúc Kiến

Am Thủy Vĩ là nơi thờ phụng Nữ Thần Biển, vị Thần được cả vùng ven biển Đông Nam Trung Quốc tin thờ. Nơi đây quanh năm ánh đèn rực rỡ, khói hương nghi ngút, cứ đến ngày rằm và rằm 1 hàng tháng hay năm hết tết đến, hoặc vào những ngày có việc của Thần Phật pháp, đông đảo thiện nam tín nữ đưa nhau kéo tới nơi đây, khói hương nghi ngút không ngớt những tiếng A di đà Phật. Mô hình kiến trúc lưu giữ được sự hoàn hảo và mang đặc trưng phong cách kiến trúc cổ của dải đất Mãn Nam cũng chính là nguyên nhân để mọi người nô nức tới tế lễ. Hình vẽ bên là mặt cắt theo chiều dọc của Am Thủy Vĩ.

Sau khi đã tế xong Trời, Đất và sự phụ, các dê tử của Lễ Ban chuyển sang tế môn lương:

Nhất tế lương đầu vạn lý hồng triều, nhị tế lương đồ quốc gia phú cường, tam tế lương yếu giác đối phiêu phiêu, tứ tế trung ương thái cực đồ, thái cực đồ thượng xuất bành tổ.

Bành tổ thọ cao bát bách bát, hiền đông nhân tài đại đại phát:

Bành tổ thọ cao cửu bách cửu, phú dụ đại đại hữu

Sau khi tế lễ xong môn lương (của và xà nhà), chuyển sang tế lễ thạch tảng (thần đá):

Nhất tế Đông, Khổng Minh tài năng ngự Đông phong;

Nhị tế Tây, ốc thiềm xuất thủy hữu cao đề;

Tam tế Nam, Đông gia dê tử đọc thư xuất trang nguyên;

Tứ tế Bắc, văn võ trang nguyên nhất tế đắc.

Thủ tông tế lương hầu, phúc thọ diên miên giáng cát tường,

Cước đạp hưng long địa, kim ngọc mãn đường phúc thọ tế.

Thọ xây mỗi người hát khen một câu, sau mỗi câu hát, chủ nhà đều phải hô to: "Hay!"

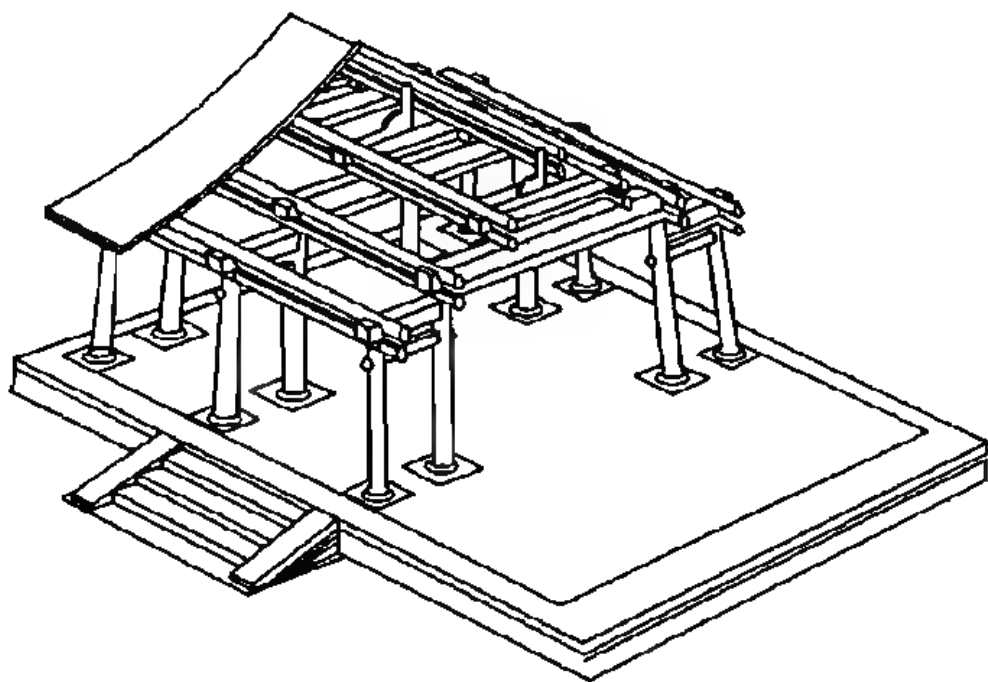
Sau khi hát khen xong, trừ "nữ nhi ngoại tộc", những người còn lại đều phải quỳ lạy xà nhà, sau đó, ngh lễ mới kết thúc.

CHƯƠNG 2

LOẠI THƯỚC CHÍNH ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG XÂY DỰNG

Người xưa cho rằng, cửa Dương trạch (nơi ở của người sống gọi là Dương trạch, nơi ở của người chết gọi là Âm trạch) nếu có môi trường bên trong và bên ngoài cửa hoàn toàn giống nhau nhưng có kích thước khác nhau thì tình trạng cát hung của chúng cũng sẽ khác nhau, vì vậy, họ rất chú ý về kích thước cửa khi xây dựng. Các loại thước mà người xưa thường dùng khi xây dựng bao gồm thước Bạch, thước Lỗ Ban, thước Cửu Thiên Huyền Nữ,... mỗi loại thước có một cách dùng khác nhau, nhưng đều có thể tính ra được kích thước hợp - kỵ với cửa ra vào và cửa sổ.

Loại thước được sử dụng nhiều nhất trong xây dựng Dương trạch là thước Lỗ Ban, loại thước này chủ yếu được dùng để điều chỉnh kích thước cửa, vì vậy, nó còn có tên gọi khác là "thước Môn Quang".



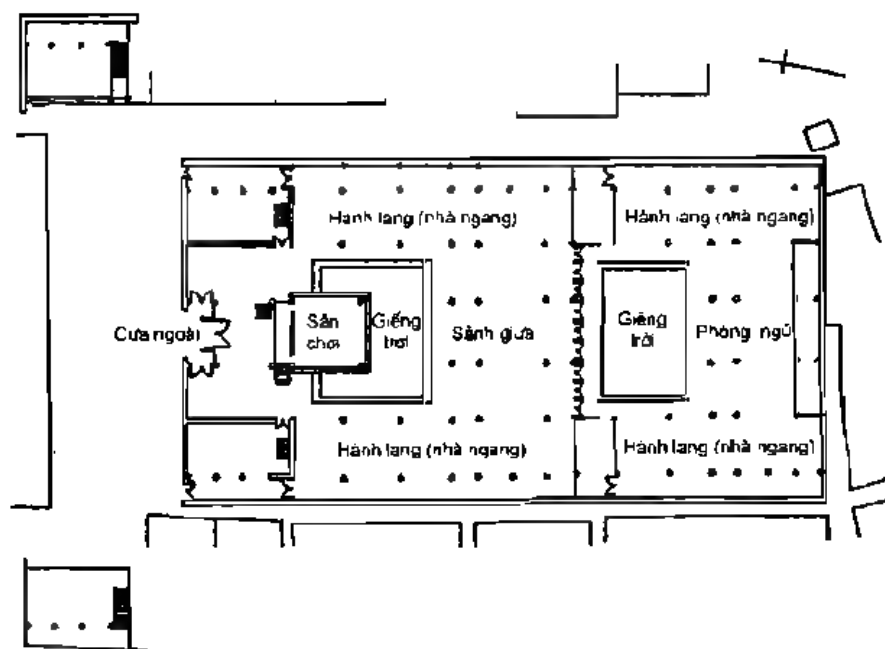
1. SƠ ĐỒ KHỞI THẢO XÁC ĐỊNH MẶT BẰNG

Phương pháp phán đoán mặt phẳng:

Trang Tử nói: “Diệp tĩnh thủy bình”. Nói theo cách nói dân gian, khi nước chảy vào một vùng đất bằng sẽ trở nên phẳng lặng. Vì vậy, phương pháp xác định vị trí nằm ngang chính là đặt một dụng cụ đo lường ở vị trí trung tâm của ngôi nhà, phía dưới làm một chiếc cồng đầu (*đầu của những thanh ngang từ cột trụ chia ra*) hình chữ thập, bắc một khối gỗ ngang trên chân đế, chia làm 3 phần, khoét một rãnh nước ở giữa, đặt miếng gỗ hình vuông vào chính giữa trung tâm, buộc 2 sợi dây rủ xuống trên cọc ngấm, để một hòn đá nhỏ vào trong rãnh nước, đặt vào trong nước 3 chiếc thủy áp tử⁽¹⁾. Người thợ xây phải đặt miếng gỗ cho thật ngay ngắn, thước nẹp hình chữ thập phải cố định, không được xô dịch. Đo lường theo phương pháp này, chắc chắn sẽ không thể có sự sai sót.

[Chú thích]:

[1] Thủy áp tử: Thuật ngữ về một bộ phận cấu tạo của dụng cụ đo lường

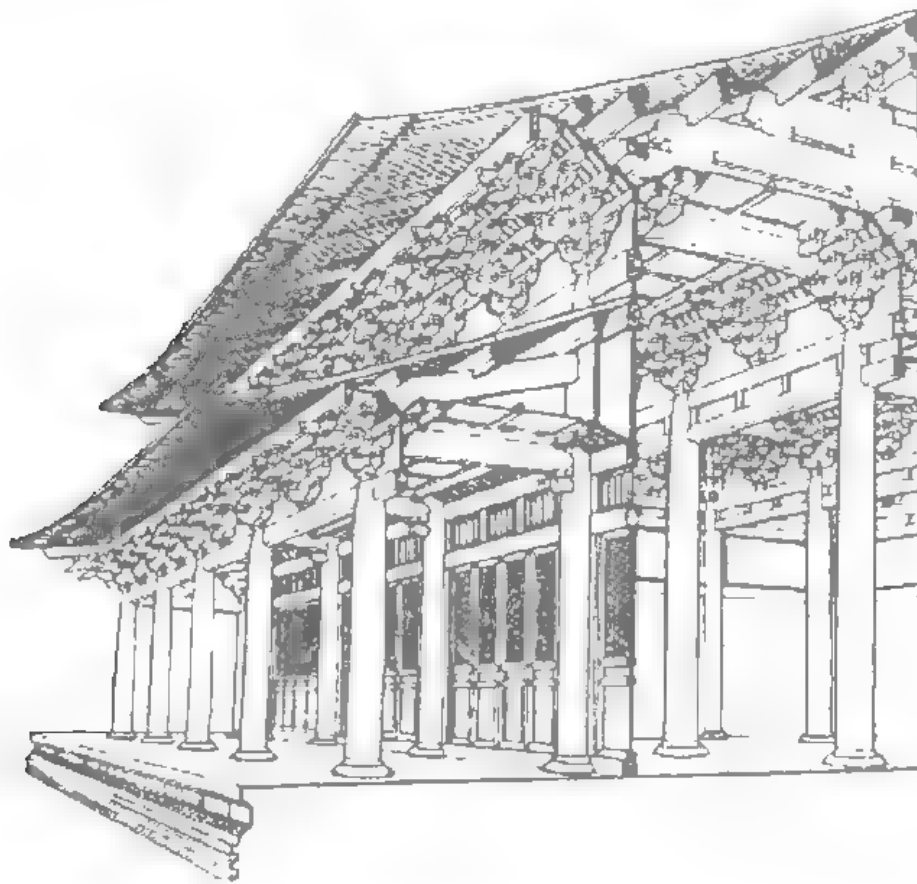


Nhà thờ họ

Nhà thờ họ phần lớn được dùng để cúng lễ tổ tiên. Nhà thờ họ của các khu vực phía Nam Trung Quốc phần lớn là kiến trúc kiểu thái viên theo truyền thống của Trung Quốc, chủ yếu được xây dựng trên một đường trục giữa, phía trước là cửa ngoài, ở giữa là sảnh đường, phía sau là phòng ngủ, bên trái, bên phải thường là hành lang, tạo thành một kiểu quần thể kiến trúc rất quy mô. Hình vẽ trên là sơ đồ mặt bằng nhà thờ họ Hà Thi, thôn Quách Động, tỉnh Triết Giang. Từ sơ đồ này có thể thấy rằng, nhà thờ họ Hà Thi là kết cấu kiến trúc nhà thờ điển hình cho khu vực Giang Nam.

[Giải thích]:

Thời xưa xây trà không có dụng cụ đo mặt phẳng, vì vậy phải dùng phương pháp này, ngày nay, phần lớn đều dùng thước đo mặt phẳng.



Dầu cùng

Dầu cùng là một bộ phận cấu tạo độc đáo trong kiến trúc cổ đại của Trung Quốc, có tác dụng chống đỡ những mái men gốm nhô ra trên nóc nhà. Sự này cũng phản ánh sự phát triển của kỹ thuật kiến trúc tác dụng chống đỡ dầm liên nhà của dầu cùng, cũng như một giảm đi kích thước của nó cũng tương ứng giảm theo. Hình vẽ trên là kết cấu dầu cùng trong kiến trúc đền nhà Tống kiến trúc này có thể thấy được một cách rõ ràng.

Vẽ sơ đồ kết cấu nhà.

Nhưng người thợ xây cần căn cứ vào kiểu dáng nhà, dùng một tấm giấy chất lượng tốt để vẽ sơ đồ thi công, xác định độ rộng hẹp, nông sâu của ngôi nhà, phân ra các hình thức kết cấu nhà, lựa chọn nhà 3 gian, nhà 5 gian, 7 gian, 9 gian hoặc 11 gian, tùy theo ý muốn của chủ nhà, hoặc là đặt trụ trực tiếp xuống mặt đất, hoặc là dùng một viên đá hay viên gạch đệm dưới chân trụ⁽¹⁾, hoặc là dùng dầu cùng⁽²⁾ trên viên đá dưới chân trụ, tất cả những điều này đều phải được hoàn thành trên bản vẽ.

[Chú thích]:

[1] Dùng đá hay gạch đệm dưới chân cột: Khi cột gỗ dưới xà nhà quá ngắn, nếu đặt trực tiếp dưới mặt đất mà không thể tiếp xúc với xà nhà thì phải đệm đá hoặc gạch dưới chân cột

[2] Đấu củng: Một loại kết cấu đặc biệt của kiến trúc Trung Quốc, gồm những thanh ngang từ cột trụ chia ra gọi là “củng” và những trụ kê hình vuông chèn giữa các củng gọi là “đấu”. “Củng” là kết cấu chịu tải hình vòng cung, “đấu” là khối gỗ hình vuông đệm dưới “củng”, kết hợp với nhau gọi là “đấu củng”.

[Giải thích]:

Sơ đồ thiết kế thờn xưa có một số oai được vẽ trên giấy, nhưng trong dân gian, sơ đồ phần lớn được vẽ trên mặt đất hoặc trên tường phòng người thợ cắ, vì vậy được gọi là Đa bàn.

Trước khi xây dựng nhà cửa, trước tiên phải vẽ sơ đồ trên giấy, phải xác định được vị trí mặt phẳng, vì vậy phải dùng đến dụng cụ đo và thước đo. Thước Lỗ Ban, thước góc (ê-ke), thước Cửu Thiên Huyền Nữ chính là những loại thước được dùng phổ biến trong xây dựng.

2. THƯỚC LỖ BAN VÀ THƯỚC GÓC (Ê-KE)

Thước thẳng Lô Ban: Theo thước Lỗ Ban, 1 thước tương đương với 1 thước 1 thốn 4 phân của thước góc, trong thước có 8 thốn, 1 thốn tương đương với 1 thốn 8 phân của thước góc, phía trên có 8 chữ Tài, Bệnh, Ly, Nghĩa, Quan, Khiếp, Hại, Cát. Thông thường, khi thợ làm cửa đều phải dựa vào phương pháp dùng thước này.

Ví dụ khi làm cửa 1 cánh, nếu là cửa nhỏ thì mở 2 thước 1 thốn, hợp với “Nhất Bạch”, nằm trên chữ “Nghĩa” của thước Lỗ Ban. Cửa 1 cánh nếu mở 2 thước 8 thốn, nằm trên “Bát Bạch”, hợp với vị trí “Cát” trên thước Lỗ Ban. Khi làm cửa 2 cánh, dùng 4 thước 3 thốn 1 phân, hợp với “Tứ Lục Nhất Bạch” thì là “Bản” (tức là “Cát”) môn, thuộc vị trí “Cát”. Nếu “Tài” môn dùng 4 thước 3 thốn 8 phân, hợp với chữ “Tài”, là tốt lành. Khi làm cửa 2 cánh lớn, chiều rộng là 5 thước 6 thốn 6 phân, hợp 2 chữ “Bạch”, lại nằm trên vị trí Cát. Ngày nay khi làm cửa, người thợ xây thường lấy chiều rộng cửa là 4 thước 2 thốn, là “Nhị Hắc”, lại nằm trên chữ “Cát” của thước Lỗ Ban. Làm cửa 5 thước 6 thốn 2 phân vốn là tốt lành, nếu cộng thêm 6 phân trên vị trí “Cát” ở chính giữa thì vô cùng tốt lành. Người thợ tốt khi làm cửa nên dựa theo phương pháp này, không được để sai sót.



Hình chụp sách "Phương thức xây dựng" Hiện đại

Đây là một cuốn sách kiến trúc thời cổ đại. Sách được viết năm 1100, bản gốc do Lý Minh Trọng thời Bắc Tống biên soạn. Sách không những tổng kết được kinh nghiệm của những người thợ xây thời xưa trong việc xây dựng nhà cửa mà còn đưa ra những bản vẽ minh họa và thuyết minh tỉ mỉ về chi tiết cấu tạo, vật liệu, kiểu dáng và tranh màu trang trí trong kiến trúc, là một bộ kiệt tác mang tính khoa học, kỹ thuật và nghệ thuật cổ nhất và hoàn chỉnh nhất của Trung Quốc còn được lưu lại đến ngày nay

[Giải thích]:

Trên đây đã giới thiệu 2 loại thước.

Một loại thước góc, nay còn gọi là thước thợ, là thước chuyên dùng để xác định độ cao thấp, rộng hẹp, nặng sâu và các loại kích thước của xà, cột. Trên thước thợ, 1 thước được chia thành 10 thốn, căn cứ vào nguyên lý kết hợp giữa con số và màu sắc của Cửu cung, trong đó, 1, 6, 8, 9 là các con số tốt lành, hơn nữa, các con số liên quan đến màu trắng đen là may mắn

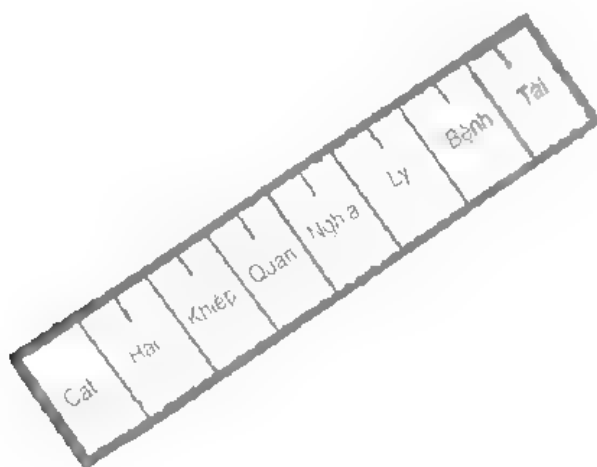
Tà	Bệnh	Ly	Nghĩa	Quan	Khiếp	Hại	Cát
----	------	----	-------	------	-------	-----	-----

Thước thẳng Lô Ban (hình gốc)

Thước Lô Ban dân gian gọi là "thước Môn Công" hoặc "thước Văn Công", là loại thước được Lô Ban xác định dựa trên học thuyết "Huyền cơ bát quái". Thước dài 1 thước 4 thốn 1 phân, dựa trên cơ sở của 5 chữ "sinh", "lão", "bệnh", "ư", "khố", chia ra làm 8 khoảng cách, trong mỗi khoảng cách đều có hung - cát, tổng cộng có 8 chữ thư tự lần lượt là "Tà", "Bệnh", "Ly", "Nghĩa", "Quan", "Khiếp", "Hại", "Cát". Khi sử dụng phải tuân theo quy tắc "Tà đầu Bản vĩ" (trước nên là Tà cuối cùng là Bản (Bản vĩ đây là cách gọi khác của Cát). Khi đo kích thước cần phải chọn cát tránh hung, như vậy gọi là "hữu tự".

Trong thư xây dựng từ xưa của vua, do có thể phân đoạn được rất - nhưng trong xây dựng của dân, chuẩn chỉnh nhất là trong xây dựng, vì vậy, khi xây dựng nhà cửa, số đuôi chữ trong của các chữ tốt câu tác nên cổ đang ấy treo số may mắn trên thềm, ở ông trộm, nhà ta sẽ dùng các con số, ở dân gian gọi là "Áp Bạch" Sau đời nhà Tống, bắt đầu có chữ, thuật và bút ký, về kiến trúc như "Phương thức xây dựng" "Phương thức chỉnh trong xây dựng", "Nguyên tắc phương pháp xây dựng", "Phương pháp và quy tắc trong công trình công sở", "Nguyên tắc về xây dựng theo công đoạn", "Quy tắc xây dựng đời nhà Thanh", "Vấn đề hình thức" để nói về kiến trúc và phong cách ứng dụng thực tế.

Một loại thư khác chính là loại "thước trắng Lỗ Ban", nay còn gọi là "thước Môn Quang" được cho rằng có từ thời ở phần trên Thước Môn Quang được chia làm 8 thôn 1 thôn tương đương với 1 thôn ở phần trong thước thợ Ngươi xưa rõ ràng của vào đại học này để đo đạc và xây dựng từ xưa là một thể làm rang rõ tổ tông vì vậy mới có tên gọi là "thước Môn Quang" (xem hình vẽ phía sau).



Thước thẳng Lỗ Ban (thước Môn Quang)

Loại thước này, ở của được chia làm 8 thôn, trên thước lần lượt an 8 chữ là, Bân, Ly, Hải, Quan, Khấp, Hải, Cát. Có sách chữ "Cát" được đổi thành chữ "Trần", "a" có nghĩa là tên của được hưng tự, "bên" có nghĩa là khó tránh khỏi rủi ro và tên tốt, "y" thể hiện sự phân ly, "hải" từ là con của tên nhà có nếu, "Quan" là trong nhà có quý tử (đây con sau này có thể làm nên hoàng đế), "khấp" nghĩa là có thể gặp họa hoạn, "hải" thể hiện việc sẽ bị mất, "Cát" tức là gia đình sẽ được thịnh vượng. Chữ đầu tiên "Tai" và chữ cuối cùng ("Cát" là 2 chữ tốt nhất, chữ thứ tư ("Ngũ") và chữ thứ năm ("Quan") cũng được coi là tốt. Tai, Ngũ, Quan, Cát (Bân) được coi là may mắn, còn Bệnh, Ly, Khấp, Hải có là rủi ro. Tuy nhiên trên chữ "Cát" của các chữ đều là tốt, ngược lại, thôn trên chữ "Hải" cũng chỉ là các chữ xấu. Nhưng, cát này, nhưng còn tùy thuộc vào thân phận của chủ nhà. Nếu là con nhà "Ngũ" mà

được đặt trên Lạo Môn hoặc Đô Môn thì nó chưa đều là hươ; Tứ dư dân trăm họ đều làm của "Nhất Bạch Mộc" của a rừng Ngươi a, chữ "Đỉnh" tuy a hung, nhưng nếu đặt trên của nhà môn thì a q an + ... a trở nên rừng thành cát. Trước Môn Quang là một oa thuộc chuyên dùng cho người + dư của "ong cón "Sư âm quảng kỳ" có gì những k n th u c của tu thể 1 thôn hợp với "Nhất Bạch Mộc" và "Tai", 6 thốn hợp với "Bách", a mang ram ý a "Ngĩa", 1 th u c ở thôn hợp "Bách", "Tai", 2 + dư 1 thốn hợp "Bách" "Ngĩa", 2 th u c ở thôn hợp "Bách", "Cat", 3 th u c ở thôn hợp "Bách" "Ngĩa" 5 th u c ở thôn hợp với "Bách", "Cat", 7 th u c ở thôn hợp với "Bách", "Cat", 7 th u c ở thôn hợp với "Bách" "Ngĩa", 8 th u c ở thôn hợp với "Bách" "Cat", 1 th u c ở thôn hợp với "Bách", "Tai", nhưng trường hợp khác cũng dùng phương pháp tương tự để suy đoán.



Bản chụp sách "Sư âm quảng kỳ"

Đây là cuốn bách khoa toàn thư được tạo ra bên trong tư duy thần xưa của Trung Quốc, tác giả bản gốc là Trần Nguyên Linh (tên Nam Lăng) còn sách ra đời cấp lên rất nhiều toàn kiến thức tu luyện văn hóa lý và học đạo xưa còn lại thì không thể biết hết được rồi. Khi lập nên loại thuốc Môn Quang là a mang trong kiến thức sách không chỉ liệt kê ra thuật hàng k h th u c mà còn sáng tạo ra thuật lạ bắt ve để tiện cho việc ghi nhớ.

Căn cứ vào những kiến thức và ví dụ về k n th u c của được đưa ra trong cuốn sách này sẽ suy đoán được sự may mắn. Ví dụ như loa của 1 canm, 2 trước 1 thốn trừ đi 1 thốn ở phần sẽ vào h u c 1,67, 11,67 trừ cho 8, số dư là 3,67 (- 4) và chữ thứ tư trong thuốc Môn Quang a chữ

Một số loại thuốc Môn Quang thể hiện rất rõ, ví dụ, danh dấu chữ "Nhất Bạch Mộc" trên cột hàng ngang thôn, chữ "Nhất Bạch Mộc" trên cột hàng ngang 2 thốn, tiếp đó là "Tam Bích Mộc, Tứ Lục Mộc, Ngũ Hoàng Hỏa, Lục Bạch Kim, Thất Xích Kim, Bát Bạch Mộc". Trong đó, mô chữ trong ba chữ do dễ, trẻ nên một nội dung. Ví dụ như trong chữ "Nhất Bạch Mộc". Chữ "Nhất" trong thứ tự số tự nhiên thực ra lại có nghĩa là "Nhất Cung" trong "Lục Thu" (là một loại hoa đỏ của Trung Quốc cổ đại), đóng ở phương Bắc, "Bách" a màu sắc của "Ph. Bạch" (kiểu chữ thu pháp đặc biệt, a chữ Hán, giữa nét có những vết trắng, giống như vẽ bằng bút lông trong Cửu Cung, phối hợp với Cửu Cung (xem giới thiệu phần trước); "Mộc" là thuộc tính ngũ hành của "Tham Lang tinh" - vì sao thứ nhất trong "Bách Đẩu Thất tinh" Nhưng từ 3 chữ khác cũng được suy đoán theo phương pháp đó.

Nguyên nhân khiến thuốc Môn Quang ch a thành "ph. thôn" được xuất phát từ "Phát quế", một khái niệm về tương số trong cuốn "Hình Dịch" chiếu dựa song ánh sáng của một cánh cửa nhỏ a một khai nên bao gồm nhiều lý luận học thuật như ngũ hành, bát quái, lục thư, Cửu tinh, tứ bạch", vì vậy, người thơ xây dựng cơ sở là phép bấu để bảo vệ lợi ích của bản thân.

“Nghĩa” nên cửa này là cửa chữ “Nghĩa”, vì vậy là may mắn. Cuốn sách này tổng cộng đưa ra ví dụ về 7 loại cửa, sau khi tính toán được liệt kê thành bảng (xem bảng 2-1). Có thể thấy rằng, những loại cửa này đều là cửa may mắn

Thuốc Môn Quang vừa được lưu hành phổ biến trong dân gian, vừa có ảnh hưởng trực tiếp tới kiến trúc của Hoàng Gia. Phương pháp tu tạo thứ 40 của cuốn “Phương pháp và quy tắc trong công trình công sở” đời nhà Thanh đã liệt kê ra 124 oai kích thước cửa được xác định bằng thuốc Môn Quang, chia làm 31 “Thiên Tà Môn”, 31 “Nghĩa Thuận Môn”, 33 “Quan Lộc Môn”, 29 “Phúc Đức Môn”, tương ứng với 4 vị trí “Tài, Nghĩa, Quan, Cát” trong thuốc Môn Quang. Trong đó, những kích thước cửa được đưa ra là dựa theo thuốc Môn Quang.

Trong phần 1 - phần giới thiệu về thuốc Lỗ Ban của cuốn “Duong trạch thập thư” có ghi, thuốc Lỗ Ban không chỉ dùng khi đo cửa mà còn có thể dùng để đo tất cả các loại dụng cụ gia đình khác trong phòng, 1 trồn hoặc 1 phân đều có mối quan hệ rõ ràng

Người xưa cho rằng, thông thường, trong công đoạn làm cửa khi tu tạo nhà cửa, nếu người thợ xây dựa vào những mốc đánh dấu cát hung trên 8 thốn của thuốc Lỗ Ban làm tiêu chuẩn đo lường và tu tạo thì chắc chắn sẽ được đại cát đại lợi

Bảng 2-1. Mối quan hệ giữa kích thước cửa với cát hung

Tên cửa	Thuốc thợ	Chuyển thành thuốc Môn Quang	Số dư	Hợp với 8 chữ
Cửa 1 cánh nhỏ	2.10	11.67	3.67	Nghĩa
Cửa 1 cánh lớn	2.80	7.56	7.56	Cát
Cửa 2 cánh nhỏ	4.20	23.33	7.33	Cát
	4 31	23.94	7.94	Cát
	4 38	24.33	0.33	Tài
Cửa 2 cánh lớn	5.605.66	31.11	7.11	Cát
		31 44	7 44	Cát

10 bài về về thuốc Lỗ Ban

Chữ “Tài”

Tài tự lâm môn tử tế tường, ngoại môn chiêu đắc ngoại tài lương.

Nhược tại trung môn thường tự hữu, tích tài tu dụng đại môn dương.

Trung phòng nhược hợp an vị thượng, ngân miên thiên tượng dĩ văn tương.

Mộc tương nhược năng minh thủ ý, gia trung phúc lộc tự vịnh xương

Chữ “Bệnh”

Bệnh là âm môn chề lách bệnh, ngoại môn thân quý nhân trung đình,
tự được ta trung môn prừng thủ tự, ta tu khinh khả m ến nguy thanh
Cana bình qua môn tương chiếu đối, nhất nên ương đô tông th ỉn
v ị trung n ị lực yếu v ị t ượng hoa, x ỉ thương vô n ại thi hảo tr ần

Chữ “Ly”

Ly tự lâm môn s ỉ phát t ượng, tử tế ba ỉa ta thâm phương,
N ị lực ta ngwa môn + n ị trung ị, tử nam phu bất tự phân tr ương.
Phong môn tất chủ s ỉn ị y d ệt, pr ỉ phu ỉn t ỉn lương x ỉ m ạng
Tr ị ừ t ỉ ch ỉ s ỉ ỉa t ượng ta, nan t ỉn hoang vô d ỉa hoa th ị y d ường

Chữ “Nghĩa”

Nghĩa tự lâm môn t ỉ ừ thuận s ỉn nh ỉt tự trung tư t ỉ ỉ ch ỉn,
N ị lực ta d ỉ môn ch ỉ ỉ tam phu, ỉng môn d ỉm phu y ỉn hoa thanh
v ị tr ị ị ị t ỉ t ỉ y v ị cat, d ỉ h ỉ, n ỉng ta n ỉ c ỉp nh ỉn, n ỉng th ỉ th ỉp ph ỉn v ị ta ha, ch ỉ
h ỉu tr ỉ môn thực khả th ỉn.



Thước Đo ỉn nhà Hán

Thước đo ỉn nhà Hán c ỉ nhiều
ki ỉu c ỉu tạo h ỉnh d ỉng và hoa văn
kh ỉc nh ỉu nh ỉng ỉu ở tr ịng
kh ỉng từ 23 ~ 23.5 cm

Chữ “Quan”

Quan tự lâm môn tự nữ tường, mạc giáo an tại đại môn trường,
Tu phòng công sự thân châu phủ, phú quý trung đình phong tự xương.
Nước yếu phòng môn sinh quý tử, kỳ gia tất định xuất quan ang,
Phụ gia nhân gia hữu tương áp, thú nhân chi ốc thực nan lượng

Chữ “Khiếp”

Khiếp tự lâm môn bất túc khoa, gia trung nhất nhất sự như ma,
Canh nữ hạ môn tương chiếu knán, hung lai d ệp d ệp hoa vô sai.
Nhi tôn hành khiếp thân tao khổ, tác sự nhân tuần hại lân gia,
Tứ ác tứ hung tinh bất cát, thâu nhân vật kiện hạ kỳ tha.

Chữ “Hại”

Hại tự an môn tử tế tâm, ngoại nhân đa bi ngoại nhân âm,
Nước ta nội môn đa hưng họa, gia tài tất bị tác ai xâm.
Nh tôn nann môn vu hại tự, tác sự tu nhân phá kỳ gia,
Lương tượng nước năng minh thủ lý, quân g áo trách chủ vĩnh hưng ong.

Chữ “Cát”

Cát tự lâm môn tối th lương, trung cung nội ngoại nhất tế cường,
Tử tôn phu phụ giai vinh quý, nên niên nguyệt nguyệt tại tâm tang.
Nhu hữu tài môn tương ch ếu giả, gia đạo hưng long đại cát xương.
Sứ nữ hưng thân tại bàng vị, dã vô ta hại d ệp phong quang.

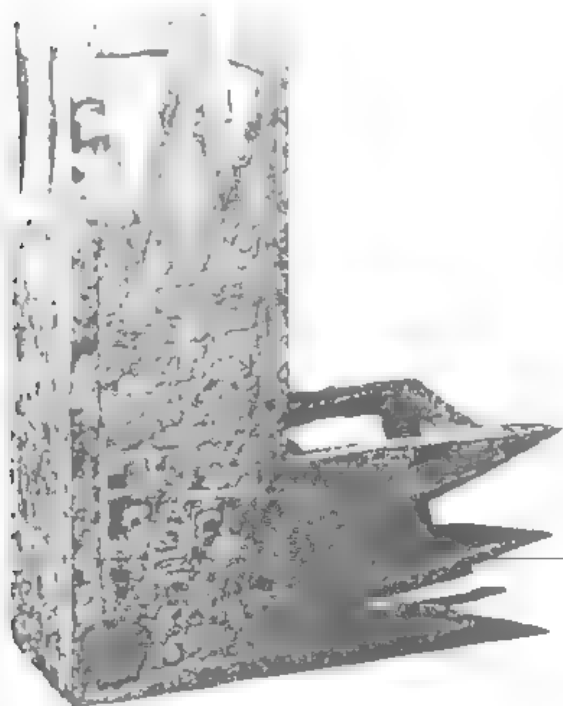
Thơ về “Bản môn”

Bản tự khai môn đa cát xương, thuốc đầu thuốc vĩ chính tương đương,
Lương la thuốc vĩ tu đương cát, thủ đảo đầu ai tài thương lương
Phúc lộc nãi vi môn thượng chí, tử tôn tất do h ếu nhi lang,
Thời suy tử tên hiền tạo, thiên thương van lâm hữu dư lương.

Ngoài ra còn có: Thơ về “Thuốc góc”

Trật bạch duy như lệ bạch lương, nhược nhiên bất bạch dắc v. xương.

Đan tương bân thuốc lại tương tấu, cat thếu hung đa bất chỉ lương



Chi tiết cấu tạo bằng đồng của kiến trúc hình chữ nhật

Trong cuốn “Sử ký” có ghi: Đại Vũ trị thủy “Tả chuẩn thẳng, hữu quy củ” tức là Đại Vũ dùng compa để vẽ mọi đường tròn, dùng thước ê ke để đo góc độ, dùng một thước chuẩn để đo chiều dài. Từ đó có thể thấy rằng, compa thước ê ke và thước chuẩn từ lâu đã là công cụ đo lường không thể thiếu trong xây dựng. Chi tiết cấu tạo trong hình vẽ bên là công cụ dùng để đo cột ngang thời xưa.

[Giải thích]:

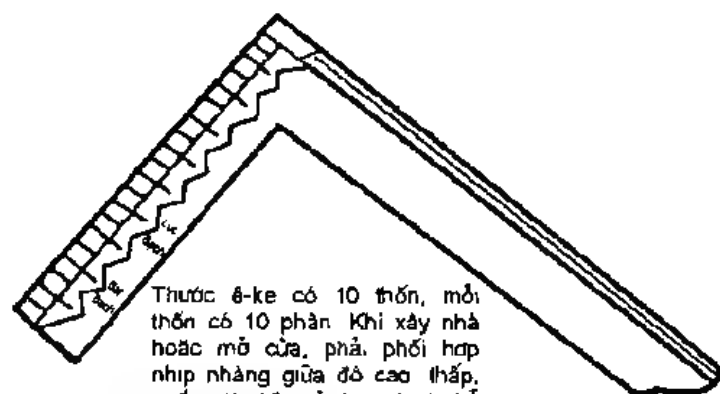
9 ba thơ trên đã lần lượt thể hiện rõ ràng nghĩa cat hung của 8 chữ “Tài, Bân, y, Ngã, Guan, Khếp, Ha, Cat” trên thuốc Môn Quang; Ba thơ thứ 9 chủ yếu nói đến nhưng đều cần chú ý khi dùng thuốc Môn Q, ang để xác định kích thước của Nô, dùng chủ yếu của bài thơ thứ 10 là khi sử dụng thuốc góc để vẽ chon kích thước cần phải chú ý “Áp Bạch”, chỉ khi phổ hợp tốt được với thuốc Môn Quang mới có thể gặp cát tránh hung.

Hình vẽ thước ê-ke

Nhất vi Bạch (1 là màu trắng), Nhị vi Hắc (2 là màu đen), Tam vi Bích (3 là màu xanh ngọc bích), Tứ vi Lục (4 là màu xanh lục), Ngũ vi Hoàng (5 là màu vàng), Lục vi Bạch (6 là màu trắng), Thất vi Xích (7 là màu đỏ son), Bát vi Bạch (8 là màu trắng), Cửu vi Tử (9 là màu tím)¹, mốc thứ 10 lại quay trở lại Nhất Bạch.

[Chú thích]:

[1] “Nhất vi Bạch...Cửu vi Tử”: Tức Tử Bạch Cửu tinh.



Thước ê-ke có 10 thốn, mỗi thốn có 10 phân. Khi xây nhà hoặc mở cửa, phải phối hợp nhịp nhàng giữa độ cao thấp, ngắn, dài. Khi sử dụng thước Lô Ban, người thợ xây lồi phải biết phối hợp để khi so sánh giữa đồ hung và đồ cát phải có được "cát nhiều hung ít", làm như vậy sẽ được đa, cát.

Hình vẽ thước góc (hình góc)

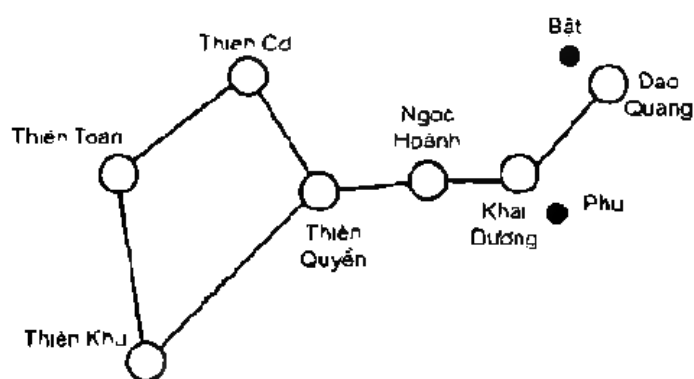
Thước ê-ke là công cụ dạng góc vuông mà thợ mộc và thợ người thường dùng. Trong cuốn "Tục văn hiến thông khảo lục khảo - độ lượng hằng" có ghi "Thước Lô Ban là thước của thợ mộc, đo Lô Ban đời Đường phát minh, được sử dụng cho đến ngày nay."

[Giải thích]:

Về "Tứ Bản Cửu tinh", xem chú thích phần trước. Trên thước ê-ke có khắc 10 vạch, mỗi vạch là 1 thốn, ở đây, người xưa đã liên hệ kích thước với Cửu tinh, từ đó khiến cho mỗi một kích thước khác nhau có một hàm ý hung cát khác nhau.

Cách dùng thước ê-ke

Thước góc có 10 thốn, mỗi thốn có 10 phân. Độ cao - thấp, ngắn - dài của cửa nhà và việc đo lường chúng khi trừ hoạch xây dựng đều đã được nêu rõ ở phần trên. Trong quá trình tính toán đều phải phối hợp với cát hung trong 8 thốn của thước Môn Quang, như vậy sẽ được cát nhiều hung ít. Một người thợ cả tốt phải biết dựa trên phương pháp tính toán này để xây dựng nhà cửa, như vậy sẽ gặp được nhiều may mắn.



Bắc Đẩu thất tinh và Phù, Bát nhĩ tinh (hình góc)

Các nhà phong thủy thời xưa của Trung Quốc đã đưa vào Bắc Đẩu thất tinh và Phù, Bát nhĩ tinh để phát triển thành 9 sao phong thủy là Tham Lang, Cự Môn, Lộc Tồn, Văn Khúc, Liêm Trinh, Vũ Khúc, Phá Quân, Tả Phù, Hữu Bát, đồng thời phối hợp giữa thứ tự và hình dạng của các sao với tên gọi các phương hướng cát hung trong kết cấu ngũ hành và bát trạch.

[Giải thích]:

“Tử Bạch” là một thuật ngữ khá quan trọng, là một khái niệm đã được đề cập nhiều lần trong những phần trước và phần trình bày về sự hưng cát của kích thước, dưới đây xin giới thiệu chi tiết hơn

Vì trục Trái Đất hướng đúng về phía sao Bắc cực nên nó có vị trí ở hướng chính Bắc, vì vậy vào thời cổ đại, người ta đã dựa vào sao Bắc cực để quyết định về phương vị và thời gian. Ở phạm vi phía ngoài của sao Bắc cực có một chòm sao gồm 7 ngôi sao liên kết lại với nhau thành hình cán gáo, đó chính là Bắc Đẩu thất tinh. Sao thứ nhất trong Bắc Đẩu tinh có tên gọi là Thiên Khu, sao thứ hai có tên gọi là Thiên Toản, sao thứ ba có tên gọi là Thiên Cơ, sao thứ tư có tên gọi là Thiên Quyền, Bốn sao này kết lại với nhau thành một chiếc gáo hình vuông, gọi chung là Khôi. Sao thứ năm có tên gọi là Ngọc Hoàng, sao thứ sáu có tên gọi là Khai Dương, sao thứ bảy có tên gọi là Dao Quang. Ba sao này nối với nhau thành một đường thẳng giống cán gáo, gọi chung là Tiêu. Bên cạnh 2 sao Khai Dương và Dao Quang còn có 2 sao nhỏ hơn, bên trái gọi là Phụ, bên phải gọi là Bát, như vậy, Bắc Đẩu thất tinh cộng thêm 2 sao Phụ, Bát, tổng cộng có 9 sao, gọi là Cửu tinh.

Chòm sao Bắc Đẩu xoay quanh sao Bắc Cực, xoay tròn từ Đông sang Tây, mỗi vòng quay của nó tương đương với 1 năm, vì vậy, người xưa đã dựa vào Bắc Đẩu tinh để phán đoán ra phương vị và khí tiết 4 mùa. Từ đó, các nhà phong thủy đã trình bày ra thành Cửu tinh như Tham Lang, Cự Môn... Các nhà phong thủy còn kết hợp trình tự và hình dạng của chúng với phương của ngũ hành.

Bảng 2-2. Tử Bạch năm

Cửu tinh	Nhất Bạch	Cửu Tử	Bát Bạch	Thất Xích	Lục Bạch	Ngũ Hoàng	Tứ Lục	Tam Bích	Nhị Hắc
Thượng nguyên Giáp Tý	Giáp Tý Quý Dậu Nhâm Ngọ Tân Mão Canh Tý Kỷ Dậu Mậu Ngọ	Ất Sửu Giáp Tuất Quý Mùi Nhâm Thìn Tân Sửu Canh Tuất Kỷ Mùi	Bính Dần Ất Hợi Giáp Thân Quý Tý Nhâm Dần Tân Hợi Canh Thân	Đinh Mão Bính Tý Ất Dậu Giáp Ngọ Quý Mão Nhâm Tý Tân Dậu	Mậu Thìn Đinh Sửu Bính Tuất Ất Mùi Giáp Thìn Quý Sửu Nhâm Tuất	Kỷ Tỵ Mậu Dần Đinh Hợi Bính Thân Ất Tỵ Giáp Dần Quý Hợi	Canh Ngọ Kỷ Mão Mậu Tý Đinh Dậu Bính Ngọ Ất Mão	Tân Mùi Canh Thìn Kỷ Sửu Mậu Tuất Đinh Mùi Bính Thìn	Nhâm Thân Tân Tỵ Canh Dần Kỷ Hợi Mậu Thân Đinh Tỵ
Trung nguyên Giáp Tý	Đinh Mão Bính Tý Ất Dậu Giáp Ngọ Quý Mão Nhâm Tý Tân Dậu	Mậu Thìn Đinh Sửu Bính Tuất Ất Mùi Giáp Thìn Quý Sửu Nhâm Tuất	Kỷ Tỵ Mậu Dần Đinh Hợi Bính Thân Ất Tỵ Giáp Dần Quý Hợi	Canh Ngọ Kỷ Mão Mậu Tý Đinh Dậu Bính Ngọ Ất Mão	Tân Mùi Canh Thìn Kỷ Sửu Mậu Tuất Đinh Mùi Bính Thìn	Nhâm Thân Tân Tỵ Canh Dần Kỷ Hợi Mậu Thân Đinh Tỵ	Quý Dậu Nhâm Ngọ Tân Mão Canh Tý Kỷ Dậu Mậu Ngọ	Giáp Tuất Quý Mùi Nhâm Thìn Tân Sửu Canh Tuất Kỷ Mùi	Ất Hợi Giáp Thân Quý Tý Nhâm Dần Tân Hợi Canh Thân
Hạ nguyên Giáp Tý	Canh Ngọ Kỷ Mão Mậu Tý Đinh Dậu Bính Ngọ Ất Mão	Tân Mùi Canh Thìn Kỷ Sửu Mậu Tuất Đinh Mùi Bính Thìn	Nhâm Thân Tân Tỵ Canh Dần Kỷ Hợi Mậu Thân Đinh Tỵ	Giáp Tý Quý Dậu Nhâm Ngọ Tân Mão Canh Tý Kỷ Dậu Mậu Ngọ	Ất Sửu Giáp Tuất Quý Mùi Nhâm Thìn Tân Sửu Canh Tuất Kỷ Mùi	Bính Dần Ất Hợi Giáp Thân Quý Tý Nhâm Dần Tân Hợi Canh Thân	Đinh Mão Bính Tý Ất Dậu Giáp Ngọ Quý Mão Nhâm Tý Tân Dậu	Mậu Thìn Đinh Sửu Bính Tuất Giáp Thìn Ất Mùi Quý Sửu Nhâm Tuất	Kỷ Tỵ Mậu Dần Đinh Hợi Bính Thân Ất Tỵ Giáp Dần Quý Hợi

Túc à: Tham Lang là Sinh Khí Mộc, Cự Môn là Thiên Y Thổ, Lộc Tồn à Họa Hai Thổ, Văn Khúc à Lục Sát Thủy, Liêm Trinh là Ngũ Quỷ Hỏa, Vũ Khúc là Diên Niên Kim, Phá Quân à Thất Tuyệt Mệnh, Phù và Bát đẩu à Phúc Vị Mộc.

Phối hợp với "Tử Bạch": Nhất Bạch Tham Lang, Nhị Hắc Cự Môn, Tam Bạch Lộc Tồn, Tứ Lục Văn Khúc, Ngũ Hoàng Liêm Trinh, Lục Bạch Vũ Khúc, Thất Xích Phá Quân, Bát Bạch Tả Phù, Cửu Tử Hữu Bát

Bảng 2-3. Tử Bạch tháng

Sao Tháng Năm	Giêng	Hai	Ba	Tư	Năm	Sáu	Bảy	Tám	Chín	Mười	Mười một	Mười hai
Tý Ngọ Mão Dậu	Bát Bạch	Mao Xích	Lục Bạch	Ngũ Hoàng	Tứ Lục	Tam Bích	Nhị Hắc	Nhất Bạch	Cửu Tử	Bát Bạch	Thất Xích	Lục Bạch
Thìn Tuất Sửu Mùi	Ngũ Hoàng	Tứ Lục	Tam Bích	Nhị Hắc	Nhất Bạch	Cửu Tử	Bát Bạch	Thất Xích	Lục Bạch	Ngũ Hoàng	Tứ Lục	Tam Bích
Dần Thân Tý Hợi	Nhị Hắc	Nhất Bạch	Cửu Tử	Bát Bạch	Thất Xích	Lục Bạch	Ngũ Hoàng	Tứ Lục	Tam Bích	Nhị Hắc	Nhất Bạch	Cửu Tử

Bảng 2-4. Tử Bạch ngày

Cửu tinh Ngày Tiết khí	Nhất Bạch	Nhị Hắc	Tam Bích	Tứ Lục	Ngũ Hoàng	Lục Bạch	Thất Xích	Bát Bạch	Cửu Tử
Đông Chi đến Lập Xuân	Giáp Tý	Ất Sửu	Bính Dần	Đinh Mão	Mậu Thìn	Kỷ Tỵ	Canh Ngọ	Tân Mùi	Nhâm Thân
	Quý Dậu	Giáp Tuất	Ất Hợi	Bính Tý	Đinh Sửu	Mậu Dần	Kỷ Mão	Canh Thìn	Tân Tỵ
	Nhâm Ngọ	Quý Mùi	Giáp Thân	Ất Dậu	Bính Tuất	Đinh Hợi	Mậu Tý	Kỷ Sửu	Canh Dần
	Tân Mão	Nhâm Thìn	Quý Tỵ	Giáp Ngọ	Ất Mùi	Bính Thân	Đinh Dậu	Mậu Tuất	Kỷ Hợi
	Canh Tý	Tân Sửu	Nhâm Dần	Quý Mão	Giáp Thìn	Ất Tỵ	Bính Ngọ	Đinh Mùi	Mậu Thân
	Kỷ Dậu	Canh Tuất	Tân Hợi	Nhâm Tý	Quý Sửu	Giáp Dần	Ất Mão	Bính Thìn	Đinh Tỵ
	Mậu Ngọ	Kỷ Mùi	Canh Thân	Tân Dậu	Nhâm Tuất	Quý Hợi			
Vũ Thủy đến Thanh Minh							Giáp Tý	Ất Sửu	Bính Dần
	Đinh Mão	Mậu Thìn	Kỷ Tỵ	Canh Ngọ	Tân Mùi	Nhâm Thân	Quý Dậu	Giáp Tuất	Ất Hợi
	Bính Tý	Đinh Sửu	Mậu Dần	Kỷ Mão	Canh Thìn	Tân Tỵ	Nhâm Ngọ	Quý Mùi	Giáp Thân
	Ất Dậu	Bính Tuất	Đinh Hợi	Mậu Tý	Kỷ Sửu	Canh Dần	Tân Mão	Nhâm Thìn	Quý Tỵ
	Giáp Ngọ	Ất Mùi	Bính Thân	Đinh Dậu	Mậu Tuất	Kỷ Hợi	Canh Tý	Tân Sửu	Nhâm Dần
	Quý Mão	Giáp Thìn	Ất Tỵ	Bính Ngọ	Bính Mùi	Mậu Thân	Kỷ Dậu	Canh Tuất	Tân Hợi
	Nhâm Tý	Quý Sửu	Giáp Dần	Ất Mão	Bính Thìn	Đinh Tỵ	Mậu Ngọ	Kỷ Mùi	Canh Thân
Cốc Vũ đến Mang Chủng	Tân Dậu	Nhâm Tuất	Quý Hợi						
				Giáp Tý	Ất Sửu	Bính Dần	Đinh Mão	Mậu Thìn	Kỷ Tỵ
	Canh Ngọ	Tân Mùi	Nhâm Thân	Quý Dậu	Giáp Tuất	Ất Hợi	Bính Tý	Đinh Sửu	Mậu Dần
	Kỷ Mão	Canh Thìn	Tân Tỵ	Nhâm Ngọ	Quý Mùi	Giáp Thân	Ất Dậu	Bính Tuất	Đinh Hợi
	Mậu Tý	Kỷ Sửu	Canh Dần	Tân Mão	Nhâm Thìn	Quý Tỵ	Giáp Ngọ	Ất Mùi	Bính Thân
	Đinh Dậu	Mậu Tuất	Kỷ Hợi	Canh Tý	Tân Sửu	Nhâm Dần	Quý Mão	Giáp Thìn	Ất Tỵ
	Bính Ngọ	Đinh Mùi	Mậu Thân	Kỷ Dậu	Canh Tuất	Tân Hợi	Nhâm Tý	Quý Sửu	Giáp Dần
	Ất Mão	Bính Thìn	Đinh Tỵ	Mậu Ngọ	Kỷ Mùi	Canh Thân	Tân Dậu	Nhâm Tuất	Quý Hợi

Các nhà phong thủy còn cho rằng: Tham Lang, Cự Môn, Vũ Khúc, Tả Phù, Hữu Bật là 5 ngôi sao tương sinh, cùng hỗ trợ lẫn nhau, vì vậy được gọi là sao tốt, Phá Quân, Lộc Tồn, Văn Khúc, Liêm Trinh là 4 ngôi sao tương khắc, vì vậy bị coi là hung sát.

Trong khi đó, cách làm của “Kỳ Môn Độn Giáp” là đưa Cửu tinh vào phối hợp với Bát môn và Cửu cung: Cui Hưu môn ở phương Khảm là Nhất Bạch, Tử môn ở phương Khôn là Nhị Hắc, Thương môn ở phương Chấn là Tam Bích, Đỗ môn ở phương Tốn là Tứ Lục, Liêm Trinh Ngũ Hoàng nhập Trung cung, “Khai Môn” ở phương Cấn là Lục Bạch, “Kính môn” ở phương Đoài là Thất Xích, “Sinh môn” ở phương Cấn là Bát Bạch, “Cảnh môn” ở phương Ly là Cửu Tử. Trong Bát môn, Tam môn “Khai”, “Hưu”, “Sinh” là những cửa đại cát, “Hưu” ở Nhất Bạch, “Khai” ở Lục Bạch, “Sinh” ở Bát Bạch, vì vậy, kết cấu tam bạch là kết cấu đại cát. “Cảnh môn” ở cửa tiểu cát, “Cảnh” là Cửu tử, vì vậy là kết cấu tiểu cát.

Bảng 2-4. Tử Bạch ngày (tiếp)

Cửu tinh nhập cung ngày	Thất kh	Cửu Tử	Bát Bạch	Thất Xích	Lục Bạch	Ngũ Hoàng	Tứ Lục	Tam Bích	Nhị Hắc	Nhất Bạch
Hạ Chí đến Lập Thu		Giáp Tý	Ất Sửu	Bính Dần	Đinh Mão	Mậu Thìn	Kỷ Tỵ	Canh Ngọ	Tân Mùi	Nhâm Thân
		Quý Dậu	Giáp Tuất	Ất Hợi	Bính Tý	Đinh Sửu	Mậu Dần	Kỷ Mão	Canh Thìn	Tân Tỵ
		Nhâm Ngọ	Quý Mùi	Giáp Thân	Ất Dậu	Bính Tuất	Đinh Hợi	Mậu Tý	Kỷ Sửu	Canh Dần
		Tân Mão	Nhâm Thìn	Quý Tỵ	Giáp Ngọ	Ất Mùi	Bính Thân	Đinh Dậu	Mậu Tuất	Kỷ Hợi
		Canh Tỵ	Tân Sửu	Nhâm Dần	Quý Mão	Giáp Thìn	Ất Tỵ	Bính Ngọ	Đinh Mùi	Mậu Thân
		Kỷ Dậu	Canh Tuất	Tân Hợi	Nhâm Tý	Quý Sửu	Giáp Dần	Ất Mão	Bính Thìn	Đinh Tỵ
		Mậu Ngọ	Kỷ Mùi	Canh Thân	Tân Dậu	Nhâm Tuất	Quý Hợi			
Xử Thu đến Hàn Lộ								Giáp Tý	Ất Sửu	Bính Dần
		Đinh Mão	Mậu Thìn	Kỷ Tỵ	Canh Ngọ	Tân Mùi	Nhâm Thân	Quý Dậu	Giáp Tuất	Ất Hợi
		Bính Tý	Đinh Sửu	Mậu Dần	Kỷ Mão	Canh Thìn	Tân Tỵ	Nhâm Ngọ	Quý Mùi	Giáp Thân
		Ất Dậu	Bính Tuất	Đinh Hợi	Mậu Tý	Kỷ Sửu	Canh Dần	Tân Mão	Nhâm Thìn	Quý Tỵ
		Giáp Ngọ	Ất Mùi	Bính Thân	Đinh Dậu	Mậu Tuất	Kỷ Hợi	Canh Tý	Tân Sửu	Nhâm Dần
		Quý Mão	Giáp Thìn	Ất Tỵ	Bính Ngọ	Đinh Mùi	Mậu Thân	Kỷ Dậu	Canh Tuất	Tân Hợi
		Nhâm Tý	Quý Sửu	Giáp Dần	Ất Mão	Bính Thìn	Đinh Tỵ	Mậu Ngọ	Kỷ Mùi	Canh Thân
Sương Giáng đến Đại Tuyết		Tân Dậu	Nhâm Tuất	Quý Hợi	Giáp Tý	Ất Sửu	Bính Dần	Đinh Mão	Mậu Thìn	Kỷ Tỵ
		Canh Ngọ	Tân Mùi	Nhâm Thân	Quý Dậu	Giáp Tuất	Ất Hợi	Bính Tý	Đinh Sửu	Mậu Dần
		Kỷ Mão	Canh Thìn	Tân Tỵ	Nhâm Ngọ	Quý Mùi	Giáp Thân	Ất Dậu	Bính Tuất	Đinh Hợi
		Mậu Tý	Kỷ Sửu	Canh Dần	Tân Mão	Nhâm Thìn	Quý Tỵ	Giáp Ngọ	Ất Mùi	Bính Thân
		Đinh Dậu	Mậu Tuất	Kỷ Hợi	Canh Tý	Tân Sửu	Nhâm Dần	Quý Mão	Giáp Thìn	Ất Tỵ
		Bính Ngọ	Đinh Mùi	Mậu Thân	Kỷ Dậu	Canh Tuất	Tân Hợi	Nhâm Tý	Quý Sửu	Giáp Dần
		Ất Mão	Bính Thìn	Đinh Tỵ	Mậu Ngọ	Kỷ Mùi	Canh Thân	Tân Dậu	Nhâm Tuất	Quý Hợi

Bát thần trong thuật “Kỳ Môn Độn Giáp” bao gồm: Trục Phù, Đằng Xà, Thái Âm, Lục Hợp, Bạch Hổ, Huyền Vũ, Cửu Địa, Cửu Thiên. Bát môn là: Khai môn, Hưu môn, Sinh môn, Tử môn, Kinh môn, Thương môn, Đỗ môn, Cảnh môn.

Ngoài ra, các nhà thuật số thời xưa còn kết hợp Lục thập Giáp Tý với Cửu cung, Giáp Tý thứ nhất là Thượng Nguyên, Giáp Tý thứ hai là Trung Nguyên, Giáp Tý thứ ba là Hạ Nguyên, tổng cộng có 180 năm, được coi là "tam độn". Ngoài ra, còn có cách gọi khác là "Tam nguyên khí vận" (mỗi nguyên 60 năm, cứ 20 năm là 1 vận, tổng cộng có 3 vận là Thượng, Trung, Hạ tam nguyên, tổng cộng 180 năm, có 9 vận, vì vậy mới gọi là "Tam nguyên cử vận").

Bốn khoảng thời gian năm, tháng, ngày, giờ đều có sự tương ứng với Tử Bạch tinh, nhưng cách tính lại không giống nhau. Tử Bạch của năm được bắt đầu từ Nhất Bạch của năm Giáp Tý Thượng Nguyên, nhập Trung Cung, năm Ất Sửu Cửu Tử nhập Trung Cung, dựa vào đó để suy đoán theo chiều ngược lại. Tam Nguyên tức là 3 Giáp Tý. Như vậy, Thượng Nguyên Giáp Tý bắt đầu từ Nhất Bạch nhập Trung cung, cứ thế suy đoán theo chiều ngược lại; Trung Nguyên Giáp Tý là Tứ Lục nhập Trung cung, cũng suy đoán theo chiều ngược lại; Hạ Nguyên Giáp Tý là Thất Xích, nhập Trung Cung, tiếp tục suy đoán theo chiều ngược lại (xem bảng 2-2).

Tử Bạch tháng: Tháng Giáp Tý của năm Giáp Tý Thượng Nguyên bắt đầu từ Nhất Bạch nhập Trung cung; Tháng Ất Sửu Cửu Tử nhập Trung cung; Tháng Đinh Mão Bát Bạch nhập Trung cung,... Vì theo phương pháp ghi năm của thời trước, tháng Giáp Tý của năm Giáp Tý được bắt đầu tính là tháng 1, ngày nay lại thường bắt đầu tính tháng 1 từ tháng Dần. Suy đoán theo phương pháp này thì tháng 1 của năm Giáp Tý là Bát Bạch nhập Trung cung. Như vậy, tháng giêng của các năm Tý Ngọ Mão Dậu Bát Bạch nhập Trung cung, tiếp tục suy đoán theo chiều ngược lại, Tháng giêng của các năm Thìn Tuất Sửu Mùi Ngũ hoàng nhập Trung cung, suy đoán theo chiều ngược lại; Tháng giêng của các năm Dần Thân Tỵ Hợi là Nhị Hắc nhập Trung cung, tiếp tục suy đoán theo chiều ngược lại (xem bảng 2-3).

Tử Bạch ngày: Tử Bạch ngày phân chia Âm Dương, Đông Chí nhất Dương sinh, vì vậy, sau Đông Chí là kết cấu Dương; Theo thứ tự Cửu tinh, sau Đông Chí, ngày Giáp Tý bắt đầu từ Nhất Bạch, nhập Trung cung, suy đoán theo chiều thuận; Sau Vũ Thủy, ngày Giáp Tý Thất Xích nhập Trung cung, cũng suy đoán theo chiều thuận; Sau Cốc Vũ, ngày Giáp Tý Tứ Lục nhập Trung cung, tiếp tục suy luận theo chiều thuận (xem bảng 2-4).

Trong học thuyết Âm Dương, tháng mười tương ứng với quẻ Khôn, là một quẻ tượng thuần Âm; Tháng mười một tương ứng với quẻ Phục (Địa Lôi Phục), sinh nhất Dương (một vạch Dương ở dưới); Tháng mười hai là quẻ Lâm (Địa Trạch Lâm), sinh nhị Dương (hai vạch Dương ở dưới); Tháng giêng là quẻ Thái (Địa Thiên Thái), sinh tam Dương (ba vạch Dương ở dưới). Khi Đông qua Xuân tới, Âm tiêu Dương trưởng, hàm ý là hưng thịnh, phát đạt, vì vậy được gọi là "Tam Dương Khai Thái (Thái)".

Bảng 2-5. Tử Bạch giờ

Kết cấu tính	Sau Đông Chí			Nhất Bạch	Nhị Hắc	Tam Bạch	Tứ Lục	Ngũ Hoàng	Lục Bạch	Tất Xích	Bát Bạch	Cửu Tử
Kết cấu giờ	Sau Hạ Chí			Cửu Tử	Bát Bạch	Tất Xích	Lục Bạch	Ngũ Hoàng	Tứ Lục	Tam Bạch	Nhị Hắc	Nhất Bạch
Ngày theo Đông chí	Ngày Tý Ngọ Mão Dậu	Ngày Đến Thân Tý Hợi	Ngày Thân Tuất Sửu Mùi									
Giờ và phương	Tý Dậu	Mão	Mùi	Trung	Cần	Đoài	Cấn	Ly	Khảm	Khôn	Chấn	Tốn
	Sửu Tuất	Thìn	Thân	Tốn	Trung	Cần	Đoài	Cấn	Ly	Khảm	Khôn	Chấn
	Ấn Hợi	Tý	Tuất Sửu	Chấn	Tốn	Trung	Cấn	Đoài	Cấn	Ly	Khảm	Khôn
	Mão	Ngọ	Tuất Sửu	Khôn	Chấn	Tốn	Trung	Cấn	Đoài	Cấn	Ly	Khảm
	Thân	Mùi	Đến Hợi	Khảm	Khôn	Chấn	Tốn	Trung	Cấn	Đoài	Cấn	Ly
	Tý	Thân	Mão	Ly	Khảm	Khôn	Chấn	Tốn	Trung	Cấn	Đoài	Chấn
	Ngọ	Tý Dậu	Thìn	Cấn	Ly	Khảm	Khôn	Chấn	Tốn	Trung	Cấn	Đoài
	Mùi	Tuất Sửu	Tý	Đoài	Cấn	Ly	Khảm	Khôn	Chấn	Tốn	Trung	Cấn
	Thân	Đến Hợi	Ngọ	Cấn	Đoài	Cấn	Ly	Khảm	Khôn	Chấn	Tốn	Trung

Chú ý, các tính trong bảng 2-4 a Nhất Bạch nhập cung bắt đầu tính từ ngày Giáp Tý đầu tiên sau ngày Đông Chí hàng năm cho đến ngày Quý Hợi sau tiết Lập Xuân là Cửu Tử nhập Trung cung.

Hà chi Âm sinh, vì vậy sau Hạ Chí là kết cấu Âm, Cửu tinh đi theo chiều ngược a. Sau Hạ Chí, Cửu Tử nhập Trung cung bắt đầu từ ngày Giáp Tý, suy đoán theo chiều ngược a; ngày Giáp Tý sau tiết Xử Thử Tam Bạch nhập Trung cung, suy đoán theo chiều ngược a. Ngày Giáp Tý sau tiết Lập Xuân Lục Bạch nhập Trung cung, suy đoán theo chiều ngược a (xem bảng 2-4 tiếp theo).



Thước kẻ voi diêu khắc Đời nhà Đường

Thước kẻ voi diêu khắc là một dụng cụ đo lường trong cuộc sống của xã hội thượng lưu thời này, chỉ còn rất ít thước kẻ voi được lưu truyền lại từ đời nhà Đường. Thước kẻ voi trong hình vẽ trên có một cột là một đường thẳng, 2 đường ở giữa được chia đều thành 10 khoảng, 2 mặt của nó khoảng cách 1 thốn do đó có khắc hình chim thú và hoa cỏ.

Chú ý, cách tính trong bảng 2-5 đều là Nhất Bạch nhập Trung cung bắt đầu từ ngày Giáp Tý đầu tiên sau ngày Hạ Chí hàng năm cho đến ngày Quý Hợi sau Đại Tuyết là Cửu Tử nhập Trung cung.

Tử Bạch giờ Sau Đông Chí các ngày Tý Ngọ Mão Dậu, Nhất Bạch được bắt đầu từ giờ Tý, nhập Trung cung, sau đó tiếp tục suy đoán theo thứ tự; Sau Hạ Chí, Cửu Tử nhập Trung cung bắt đầu được tính từ giờ Tý, sau đó suy đoán theo chiều ngược lại; Sau Đông Chí của các ngày Thìn Tuất Sửu Mùi, Thất Xích nhập Trung cung bắt đầu được tính từ giờ Tý, sau đó lại suy đoán theo thứ tự; Sau Hạ Chí, Tam Bích nhập Trung cung được bắt đầu tính từ giờ Tý, có thể suy đoán theo 2 chiều thuận và ngược; Sau Đông Chí của các ngày Dần Thân Tý Hợi, Tứ Lục nhập Trung cung được bắt đầu từ giờ Tý, suy đoán theo chiều thuận, Sau Hạ Chí, Lục Bạch nhập Trung cung được bắt đầu từ giờ Tý, suy đoán theo chiều ngược lại (xem bảng 2-6).

Tam nguyên, Tử Bạch, Cửu tinh vốn là những thuật ngữ mà các nhà phong thủy dùng để lựa chọn ngày, giờ tốt cho Âm, Dương trạch nhưng lại được những người thợ xây vận dụng một cách khéo léo vào công việc xây dựng, điều này không những tăng thêm được tính thần bí cho ngành kiến trúc học mà còn là sự tự bảo vệ lợi ích của bản thân những người thợ xây.

Phương pháp Tử bạch được chia làm 2 loại là “Thuốc bạch” và “Thổn bạch”, lại do tọa sơn (địa điểm ngôi nhà) khác nhau nên điểm bắt đầu của thuốc đầu tiên cũng khác nhau. Ngoài ra, khi lựa chọn kích thước, còn cần chú ý tới mối quan hệ qua lại giữa ngũ hành Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ, tức là chú ý đến vấn đề tương sinh hay tương khắc.

Việc vận dụng phương pháp Tử bạch cực kỳ phức tạp, có rất ít loại kích thước có thể chọn dùng, vì vậy mà hạn chế rất lớn. Do đó sau này, trong các công trình xây dựng, cho dù là địa điểm ngôi nhà có hướng như thế nào cũng đều trực tiếp chọn dùng 4 con số 1, 6, 8, 9 - những con số tương ứng với Nhất bạch, Lục bạch, Bát bạch và Cửu tử. Ví dụ như kiến trúc đền Tam Thanh, cung Vĩnh Lạc, Vĩnh Tế, Sơn Tây, bất cứ chỗ nào trong công trình kiến trúc này cũng đều có sự tương hợp với Tam bạch, tức Nhất bạch, Lục bạch và Bát bạch.

Lại ví dụ như quảng trường Thiên An Môn ở Bắc Kinh, một kiến trúc nổi tiếng của Hoàng gia đã lựa chọn phương pháp Tử bạch Cửu tinh để xây dựng. Kiến trúc này phần lớn lại tương hợp với Cửu tử và Ngũ hoàng, bởi vì 2 con số 9 và 5 lại ngầm hợp với Cửu Ngũ Chí Tôn, ý là chí cao vô thượng. Sự khác biệt giữa kiến trúc dân gian và kiến trúc Hoàng gia được thể hiện chính ở điểm này.

**Bảng 2-6. Mối quan hệ giữa thước thợ, thước Môn Quang với
Bát tự và Tử Bạch**

Thước thợ	Tử Bạch	Thước Môn Quang	Số lẻ của thước	Bát tự
2.8	Bát Bạch	15.56	7.56	Cát
3.6	Lục Bạch	20.00	4.00	Nghĩa
7.1	Nhất Bạch	39.44	7.44	Cát
7.8	Bát Bạch	43.33	3.33	Nghĩa
8.8	Bát Bạch	48.89	0.89	Tài
10.1	Nhất Bạch	56.11	0.11	Tài

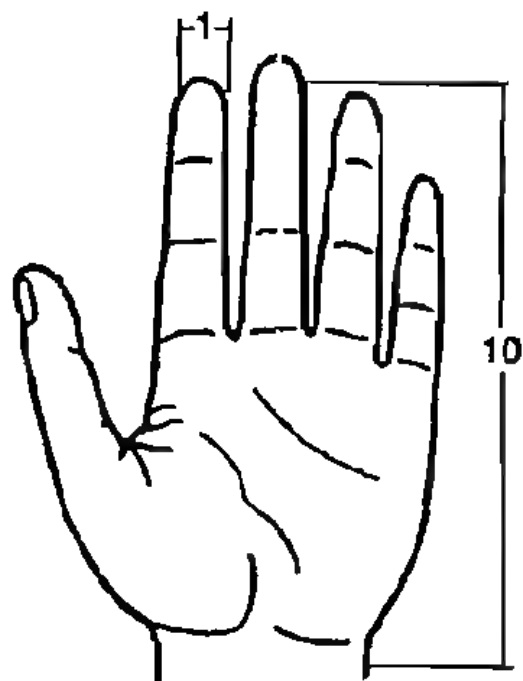
3. PHƯƠNG PHÁP DÙNG THƯỚC HỢP CÁT

Suy đoán xem năm nào có hướng thủ hợp với bạch cát tinh khi làm nhà.

Theo phương pháp dùng thước làm nhà của Lỗ Ban, thông thường, khi người thợ làm cửa nhà cần phải sử dụng công cụ để đo lường, xem có phù hợp với tiêu chuẩn hay không, khi xây nhà hoặc gia công vật liệu cũng phải dùng công cụ để đo lường sao cho phù hợp với Âm Dương, sau đó mới đo được kích thước, nếu hợp với kết cấu “Tài” tinh và “Tam bạch” tinh sẽ là cát lợi. Ngoài hợp “Bạch” ra, hợp “Cửu tử” cũng sẽ đem lại sự may mắn nhỏ. Khi dùng thước để đo cửa phải chọn kích thước vừa phù hợp với thước Lỗ Ban, vừa phù hợp với thước góc (ê-ke), tốt nhất là phải phối hợp cả 2 yếu tố trên, từ đó mới xác định được thần, nhân vận, nhà cửa và hướng thủ của năm⁽¹⁾, như vậy sẽ rất tốt lành.

[Chú thích]:

[1] Hướng thủ của năm. Phương Địa chỉ của một năm nào đó chính là kết cấu đối xứng với Thái Tuế. Nếu là năm Tý thì hướng thủ của năm đó sẽ là phương Ngọ. Tý Ngọ tương xung, Ngọ chính là kết cấu đối xứng với Thái Tuế, lại là kết cấu Tam Sát, là kết cấu hung nhất, vì vậy, phải chọn “Tử Bạch” để khắc chế. Ví dụ năm Tý hướng thủ tại Ngọ, Ngọ thuộc Hỏa, vì vậy khi làm cửa nên chọn kích thước “Nhất Bạch”, dùng “Nhất Bạch Thủy” để khắc chế Ngọ Hỏa, cũng đồng nghĩa với việc khắc chế “Tam Sát”, vì vậy mà sẽ được tốt lành.



Xác định tiêu chuẩn đo lường đưa vào bàn tay

Việc đo lường của người xưa thường dựa vào bàn tay và bước chân. Hình bên là chiều rộng (chiều ngang) của ngón tay và chiều dọc bàn tay của một người trưởng thành, với tỷ lệ là 1/10, tức nếu bàn tay là 1 thước thì chiều rộng của ngón trở là 1 thốn.

[Giải thích].

Thuốc Môn Quang có 4 chữ “Tài, Quan, Nghĩa, Cát” là cát, thuốc Thọ (thuốc góc) lại coi “Nhất Bạch, Lục Bạch, Bát bạch và Cửu Tử” là cát. Khi làm cửa, nếu chọn được Kích thuốc vừa nợp với thuốc Môn Quang, vừa nợp với thuốc góc thì sẽ rất tốt lành.

Trong cuốn “Sư âm quảng ký” có lập ra một bảng ghi chép về mối quan hệ giữa kích thuốc của thuốc Thọ và thuốc Môn Quang với tám chữ của Tử Bạch (xem bảng 2-6).

Phương pháp lắp đặt của theo thuốc Cửu Thiên Huyền Nữ, mỗi thuốc chỉ có 9 thốn, nhưng được chia thành 8 vị trí là “Tài, Bệnh, Ly, Nghĩa, Quan, Khiếp, Hại, Bản”, những kích thuốc này dài ngắn khác nhau, khi của “Bản” và của “Tài” gần nhau sẽ là tốt nhất. Của “Nghĩa” chỉ có thể đặt ở những điểm Nghĩa tự như Thi Quan, Học Xá, của “Quan” thì chỉ có thể đặt ở vị trí Quan Phủ, các vị trí kích thuốc khác theo phong tục dân gian chỉ đặt ở Bản môn và Tài môn. Nói chung, có rất nhiều phương pháp dùng thuốc, thợ xây thường dùng thuốc theo phương pháp mà sư phụ truyền lại. Thầy thuật số nên coi độ chia thuốc trong “Lỗ Ban kinh” là tiêu chuẩn để tính toán.

[Chú thích]:

[1] Cửu Thiên Huyền Nữ: Là tên một vị Thần Tiên trong Đạo giáo. “Huyền” vốn có nghĩa là màu trời. Theo truyền thuyết, Cửu Thiên Huyền Nữ là một Thiên Thần thời thượng cổ của Trung Quốc, là một vị nữ Thần điều khiển binh lính, là người truyền thụ Binh pháp Thiên thư, người trợ giúp khi gặp

nguy hiểm và dẫn lối cho tương lai của những nhân vật anh hùng Cửu Thiên Huyền Nữ ở đây là khái niệm chỉ một loại thước, tức là thước Cửu Thiên Huyền Nữ

[2] Thước Huyền Nữ: Tương tự với thước Lô Ban. Độ dài của thước Huyền Nữ khác với thước Lô Ban, tên gọi của thôn cũng khác, nhưng công dụng của nó cũng giống với thước Lô Ban. Khi đo cửa theo phương pháp này, kích thước của sẽ gắn liền với số 9, 9 thôn là 1 thước, 9 thước là 1 trượng. Có 4 loại thước đo là Lô Ban, Tử Phong, Khúc Thước, Huyền Nữ, trong đó, thước Lô Ban là loại được sử dụng phổ biến nhất



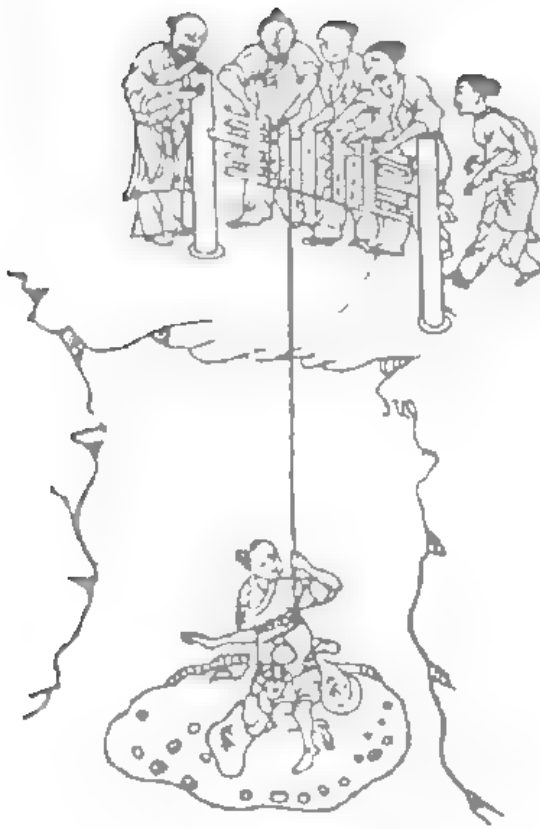
Hình vẽ Cửu Thiên Huyền Nữ Hoàng Đế Cửu Giáo

Cửu Thiên Huyền Nữ gọi tắt là Huyền Nữ, dân gian gọi là Cửu Thiên Huyền Nữ nương nương, vốn là một vị Thần trong thần thoại cổ đại của Trung Quốc, sau này, Đạo giáo đã tô vẽ thêm thành Tiên nữ. Trong "Hoàng Đế vấn Huyền Nữ pháp" - một bài ghi chép về binh gia trong cuốn "Cửu Đường Thư - Kinh Tích Chí" có ghi "Hoàng Đế và Suy Vô 9 trận chiến đều thất bại cả 9 Hoàng Đế lui về Thái Sơn, 3 ngày 3 đêm ở ngoài trời, ăn sương nằm gió. Bỗng ở đâu xuất hiện một người phụ nữ có dấu hình chim, Hoàng Đế cúi đầu khăn vạt, không dám ngẩng lên. Người phụ nữ này nói: "Ta là Huyền Nữ, con định hỏi gì?" Hoàng Đế đáp: "Con muốn trăm trận trăm thắng, thì cần bắt đầu từ đâu?" Hình vẽ bên là hình Hoàng Đế đang thỉnh giáo Cửu Thiên Huyền Nữ

Số bước^[1] khi làm cửa lớn thường thích hợp với số lẻ, không thích hợp với số chẵn. Làm cửa chỉ có thể dùng các số 1 bước, 3 bước, 5 bước, 7 bước, 11 bước, như vậy sẽ rất tốt, các số còn lại đều không tốt. Mỗi bước được tính là 4 thước 5 thôn, số bước được bắt đầu tính từ giọt ranh của mái hiên, tính đến chỗ lắp đặt cửa. Cửa phải dùng số bước lẻ và phải phù hợp với "Tài", "Nghĩa", "Quan", "Bản" như đã nói ở trên mới được coi là cát lợi.

[Chú thích]:

[1] Số bước: Bước là đơn vị đo chiều dài thời xưa của Trung Quốc, 1 bước tương đương với 5 thước. Ngoài ra, còn có cách nói, là "cung bộ", 1 cung bộ được tính là 4 thước 5 thôn.



Cách tính kích thước làm giếng
Tranh minh họa "Thiên công khai vật"

Dây thừng là một trong những công cụ chính mà người xưa dùng để đo chiều dài. Hình vẽ bên mô tả việc người xưa dùng dây thừng để đo độ nông sâu của giếng. Trước tiên, họ buộc cố định một đầu dây thừng vào một chiếc cọc gỗ ở trên miệng giếng, một người nắm đầu còn lại tại xuống giếng, cuối cùng, họ đo chiều dài từ miệng giếng tới đáy giếng và coi đó là độ sâu của giếng.

[Giải thích]:

Kể từ nay, người xưa thường dùng công cụ để tính khoảng cách từ chỗ đất của đến giọt rann của mà trên trời ra, tính độ sâu của những không gian ngoa trời như giếng trời, người ta dùng thừng dài đơn vị đo chiều dài này "Bươc" phải dùng số lẻ, không dùng số chẵn, nếu không sẽ không được may mắn.

Có bài về "Thất bộ Thanh Long địa cát khanh, nhị bộ Cửu Tử khởi quan ta, tam bộ Đoan Cơ nhai cát sự, tứ bộ tại địa đồng yên địa, ngũ bộ Tham Lang kim quý cát, lục bộ tại địa đồng tương đương, thất bộ kim địa đồng địa phúc lộc, bát bộ ôn an th thương tán, cửu bộ hưng vượng chi địa quý, thập bộ an lạc tài tài địa, thập nhất bộ địa vượng địa tam phát, thập nhị bộ hưng thịnh lương trọng tang."

Khi dùng bước để tính toán, người xưa thường chú ý đến "Bồ nari sơ giao, bát nạn tâm bồ" vậy thế nào là "sơ giao"? Phương pháp quy đổi theo cung bồ, 4 thước rơi được tính là 1 bước, nếu là 4 thước 8 thốn 6 thì chỉ cần qua nước thước nhất là có thể tính là bước thứ hai rồi vậy gọi là sơ giao. Nếu độ sâu của giếng trời trong một ngôi nhà là 1 trường 8 thước 6 thốn thì số thước được quy đổi sẽ là 4 bước 6 thốn, cho dù chỉ cần được 6 thốn sang phạm vi của bước thứ 5, cho dù là 5 bước, cũng được tính là 5 bước, hoặc cũng có thể gọi là "5 bước sơ giao". Nếu giếng

Phương pháp cụ thể như sau: 4 bước 5 thốn là 1 bước, 9 thốn là 2 bước. Bước thứ nhất bắt đầu từ "Kiến", bước thứ hai là "Trừ", cứ theo thứ tự đó mà suy đoán, bước thứ năm gặp "Định", bước thứ sáu gặp "Chấp", bước thứ tám gặp "Nguy", bước thứ mười một gặp "Khai", bước thứ mười bốn gặp "Trừ", bước thứ mười bảy gặp "Định", bước thứ mười tám gặp "Chấp", bước thứ hai mươi gặp "Nguy", bước thứ hai mươi ba gặp "Khai", bước thứ hai mươi sáu gặp "Trừ".

"Kiến" là Nguyên Cát, "Trừ" là Minh Đường, "Mãn" là Thiên Hình, "Định" là Quyển Thiết, "Chấp" là Thiên Đức, "Phá" là Xung Sát, "Nguy" là Ngọc Đường, "Thành" là Tam Hợp, "Thu" là Tác Khiếp, "Khai" là Sinh Khí, "Bế" là Tai Họa.

Trong đó, Nguyên Cát, Minh Đường, Thiên Hình, Quyển Thiết, Kim Quỹ, Thiên Đức, Xung Sát, Ngọc Đường, Tam Hợp, Tác Khiếp, Sinh Khí, Tai Họa, ... đều là Thần Sát.

Người xưa cho rằng, cửa nhà dân nếu hợp với các kết cấu Trừ, Định, Chấp, Nguy, Khai, Kiến thì sẽ rất nhanh chóng có được quý tử và bỗng nhiên có được tài lộc, nhà môn nếu hợp được với kết cấu Trừ, Định, Nguy, Khai, Chấp, Kiến thì quan viên sẽ nhanh chóng có được quan tước, được hưởng nhàn nhỗi phúc lộc; Trường học nếu hợp được với kết cấu Trừ, Định, Nguy, Khai, Chấp, Kiến thì học sinh sẽ liên tiếp đỗ đạt cho đến tận cấp Viện sĩ hàn lâm.

Ý nghĩa của số bước khi xây dựng thư phòng, nội quán, cổng vên (trường thi hương, thi hội, khoa cử), từ đường, trầu đình đều như nhau. Ví dụ:

Nhất trương tam thước ngũ thốn tức 3 bước là "Mãn";

Nhất trương bát thước tức 4 bước là "Định";

Nhị trương nhị thước ngũ thốn tức 5 bước là "Định";

Nhị trương thất thước tức 6 bước là "Chấp";

Tam trương nhất thước ngũ thốn tức 7 bước là "Phá";

Tam trương lục thước tức 8 bước là "Nguy";

Tứ trương ngũ thốn tức 9 bước là "Thành";

Tứ trương ngũ thước tức 10 bước là "Thu";

Tứ trương cửu thước ngũ thốn tức 11 bước là "Khai";

Ngũ trương tứ thước tức 12 bước là "Bế";

Ngũ trương bát thước ngũ thốn tức 13 bước là "Khai";

Lục trương tam thước tức 14 bước là "Trừ", ...

Từ những số bước trên đây có thể thấy rằng, "Trừ, Chấp, Nguy" là bước Ấm (số Dương là Ấm), ở đây ý nói là được cát lợi, trong khi đó, "Lỗ Ban kinh" lại nói là không cát lợi, "Mãn, Phá, Thành" ở đây cho là không cát lợi, trong khi "Lỗ Ban kinh" lại nói là cát lợi. Hai cách nói này mâu thuẫn với nhau và chưa xác định được cách nói nào phù hợp với quy tắc lớn trong "Kinh Dịch".

Thước thẳng Định Bàn

Thường khi xây nhà, phải lựa chọn nơi đất bằng phẳng để đào móng, sau đó căn cứ vào độ dài-rộng, lớn-nhỏ của diện tích móng, đặt ngay ngắn, cố định viên đá (gạch) dưới chân cột. Khi viên đá dưới chân cột được đặt ngay ngắn thì cột nhà cũng được chắc chắn. Sau đó, dùng một thanh gỗ dài 1 trượng 4-5 thước, hoặc tùy theo ý của chủ nhà để quyết định độ ngắn dài, tiếp đó, lại lấy một miếng gỗ có mặt cắt lớn 4 thước, dày 2 thước làm một chiếc thước ngắm⁽²⁾ đặt ở giữa, đó ngắn dài trong khoảng 4-5 thước sẽ thích hợp sử dụng, tiếp tục đặt lên trên đó một chiếc thước góc (ê-ke), đặt 2 đầu cho ngay ngắn, tạo thành hình chữ bát (八), đặt cân với tâm ở giữa. Đầu trên buộc với một sợi dây đầu còn lại treo một hòn đá khá nặng và trĩu xuống, như vậy sẽ có thể đo được độ bằng phẳng và ngay ngắn. Đây là cách làm có cơ sở và có thể kiểm nghiệm.

Có câu vè như sau: “Thế gian vạn vật đắc kỳ bình, toàn tượng quyền hành cập chuẩn thành. Sáng tạo vô lượng cơ khoát hiệp, quân phân nội ngoại lưỡng tương đình. Thạch tảng thiết tu an đắc chính, địa bàn tiên nghu trấn trung tâm, định tướng trực thước phân bình chính, lưỡng tượng đương y thử pháp chân”.

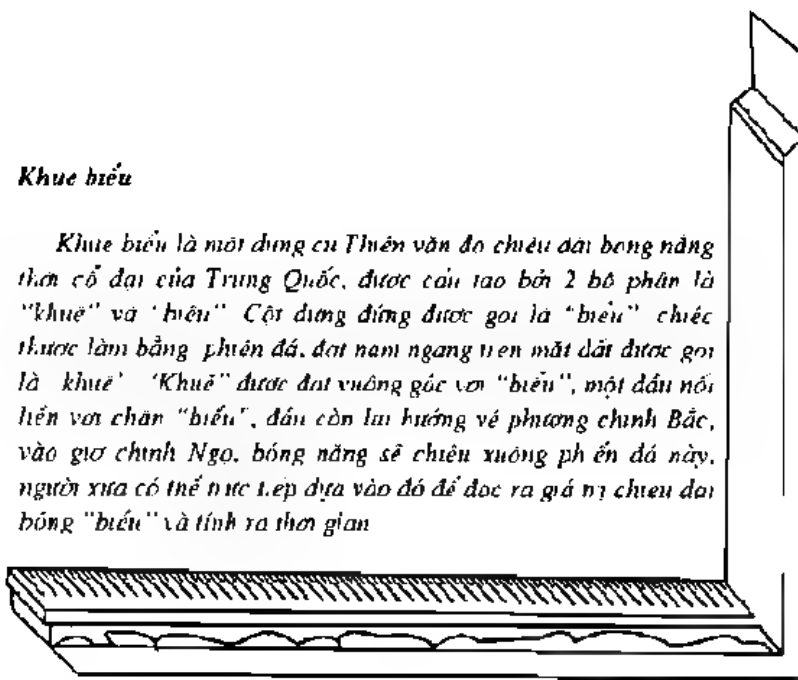
[Chu thích]:

[1] Thước Định Bàn Là một loại công cụ đo móng

[2] Thước ngắm. Là một loại thước chuẩn dùng để đo lường, chẳng hạn như thước Khuê Biểu (một dụng cụ đo bóng nắng thơ cổ đại của Trung Quốc).

Khue biểu

Khue biểu là một dụng cụ Thiên văn đo chiều dài bóng nắng thơ cổ đại của Trung Quốc, được cấu tạo bởi 2 bộ phận là “khue” và “biểu”. Cột đứng đứng được gọi là “biểu” chiếc thước làm bằng phiến đá, đặt nam ngang trên mặt đất được gọi là “khue”. “Khue” được đặt vuông góc với “biểu”, một đầu nối liền với chân “biểu”, đầu còn lại hướng về phương chính Bắc, vào giờ chính Ngọ, bóng nắng sẽ chiếu xuống phiến đá này, người xưa có thể dựa tiếp dựa vào đó để đo ra giá trị chiều dài bóng “biểu” và tính ra thời gian



4. CÁT HUNG ĐUA VÀO SỐ LƯỢNG PHÒNG

Quy tắc cat hung trong số lượng phong được xây

Khi làm nhà, nếu chỉ xây 1 phòng sẽ không tốt, nhưng nếu xây 2 phòng, 3 phòng sẽ tốt, xây 4 phòng không tốt, xây 5 phòng tốt, xây 6 phòng không tốt, xây 7 phòng tốt, xây 8 phòng không tốt, xây 9 phòng lại tốt.



Con hải

Đây là một loại dị thủ trong truyền thuyết, có thể phân biệt phải trái, người xưa thường coi nó là vật may mắn, đặt ở trước cửa phòng, để tượng trưng cho ý nghĩa tôn quý, uy nghiêm, ủng hộ chính nghĩa

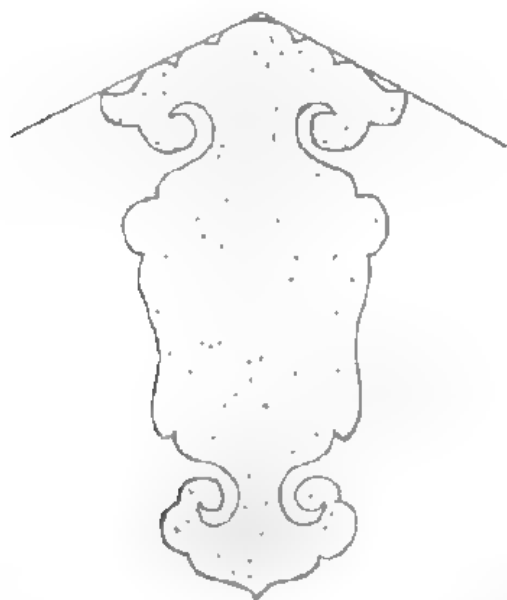
[Giải thích]:

Đồ ra mắt đã tương đem ni ứng lại an niệm vô cùng, rồi là những cái vật trong lòng và xây dựng một bộ đồ ra mắt cũng mang hàm nghĩa cát tường. Hàm nghĩa đặc biệt của con số đã được định được trong bộ đồ ra mắt của khách tri thức, mà con số dùng cho kiến trúc chủ yếu, bản hàm ý nghĩa khải tà trừ phúc.

Đôi chữ số hàng chục số D (mười) và chữ số lẻ là con số may mắn, số Âm (âm hậu) và con số 1 là con số may mắn, vậy, các con số 3, 7, 1, 9 đều là may mắn, con 4 & 8 là không may mắn, vậy 1 & số D đứng trước là may mắn, nghĩa không may mắn, trong khi đó, số 2 & số Âm là không may mắn, bởi vì số 1 là số Dương, con số 2 là tượng trưng cho Dương Nữ, con số cả Âm và Dương.

5. Trong trong nhà vua tuy có con số 1 đến 9 nhưng không phải là số thật, ý là chỉ có 1 số tiền của các quan 3 là con số chính nhất vì vậy, các vị Đế vương trong các triều đại qua đời các đấng, nên có từ 9 quan trở lên trở lại cho hoàng đế, vương (ông vua có thể dùng đến 7 quan). Trong các "Điền cư dân" có quy định "nhà vua quan viên dân cư" và "ông vua được xử, nếu công việc và trạng thế gần Trời, thì của những quan viên trên cấp tam phẩm không được vượt quá 5 quan 9 giá, phương phẩm ở 2 đầu, tiên phẩm không được vượt quá 5 quan 5 giá, nhà của quan viên trên cấp ngũ phẩm không được vượt quá 3 quan 5 giá tiên phẩm không được vượt quá 3 quan 5 giá. Quan viên các cấp đều có thể xây 10 đầu da môn (môn là sân trên mặt đất), quan viên phải dựa vào cấp bậc của mình để làm nhà của quan viên được 10 phần, và tất cả phẩm không được vượt quá 3 quan 5 giá tiên phẩm không được

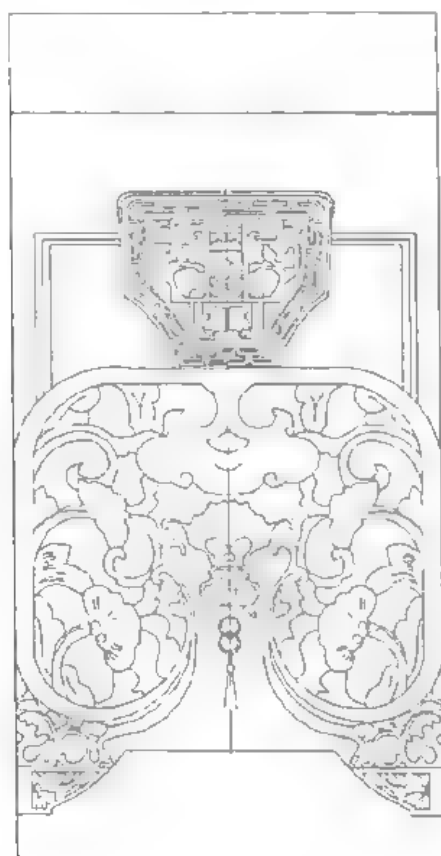
chết qua 1 gian 2 gia họ rất khác, nhà của họ rất đông tống thì lại có 3 gian, trong đó 2 gian có thể sử dụng được



Huyền Ngự Tranh phác hoa

Là một kiểu trang trí trên tường nhà dân gian của Trung Quốc, có hình dáng giống như một con cá treo trên không, có trang trí hoa văn Hơi nữa theo kinh Phật. Huyền Ngự chắc chắn, hoạt bát, có thể giải thoát được điều xấu và tai họa. Hình vẽ bên là giấy đồ Huyền Ngự trong chùa Đại Đồng Thiện Hóa

Cửa là không gian đặc biệt của kiến trúc, nhà có cửa như vậy gia đình càng có độ giàu nhưng các gian thì lại có thể có thể là vô cùng, nhiều. Trong thời cổ đại, bộ cửa gian, gia của nhà, nhà của gia đình, trung cho địa vị và thân phận của chủ nhà

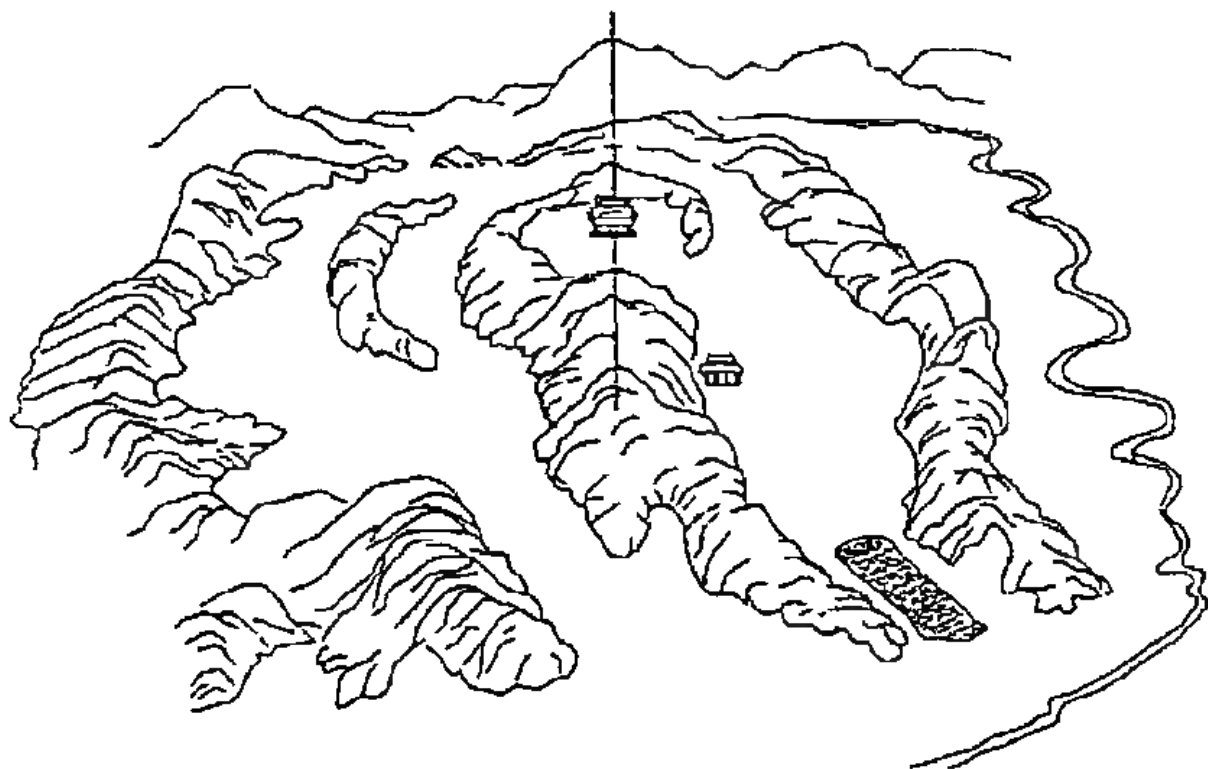


Xà nhà Nguyên Bảo

Xà nhà Nguyên Bảo vì có hình dáng theo dương cung, vẽ bề ngoài thanh thoát, trông giống như một thỏi vàng nên mới có tên gọi như vậy (từ "nguyên bảo" trong tiếng Trung có nghĩa là thỏi vàng), trên đó có thể trang trí những hoa văn đơn giản hoặc phức tạp, phần lớn là những bức tranh cổ ngư v rai hay vẽ điểm lảnh

Ổ dậu đại môn: Dân gian gọi là linh tinh môn, loại cửa này có hình thức như sau. Bức một tấm gỗ ngang phía trên 2 cột, phần dậu trụ có dát viên gạch, phần trụ nhô ra được nhồi thành màu đen. Giữa 2 cột có áp cánh cửa, phía trên có các ô cửa với số chẵn, phía dưới có tấm ngăn nước. Trên dậu cột có khắc rất nhiều hoa văn

Đường trục chính



Sơ đồ phong thủy môi trường thôn Chu Cát - tỉnh Triết Giang

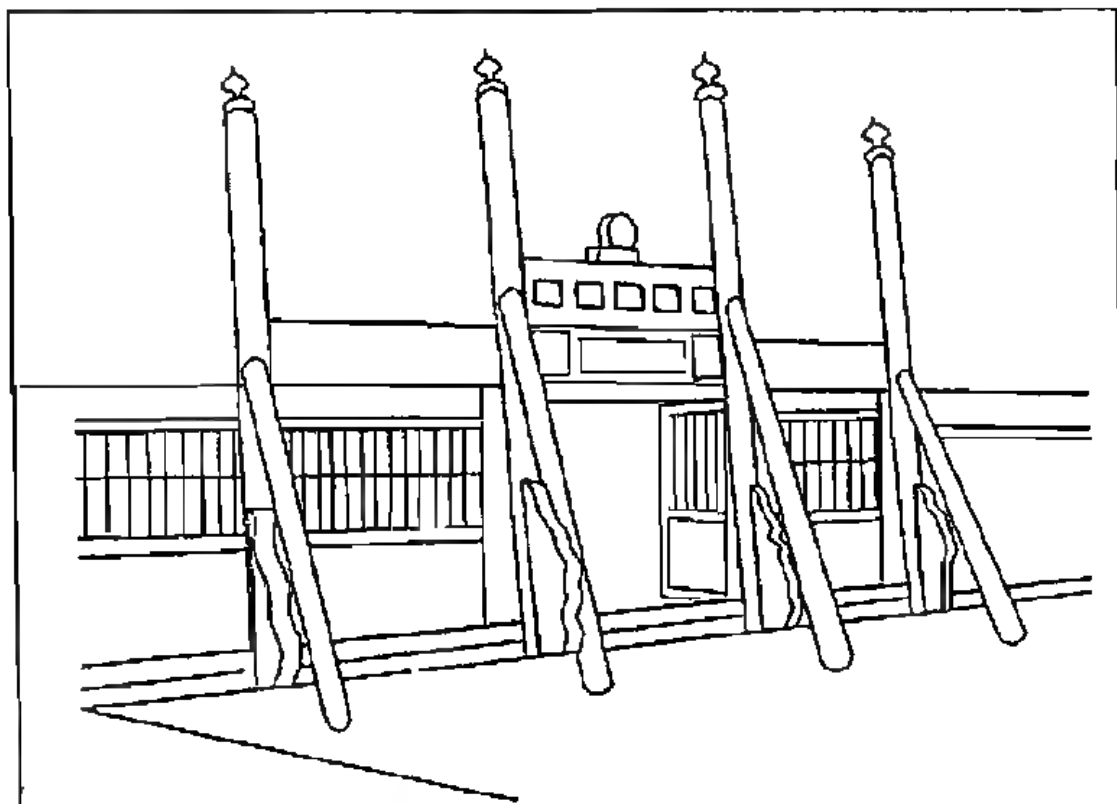
Thôn Chu Cát là nơi mà Ninh Ngũ Cống - đơn thứ 28 của Gia Cát Lượng lựa chọn để định cư. Đại công đường là kiến trúc chính của cả thôn, nằm trên huyết vị trung tâm của mảnh đất này, có hướng Nam chếch Đông 40°. Đình này Tổ Sơn Hien Phong có thể lao vùn vụt, lạ, ngất ngời và nhỏ lên ở đoạn Thiển Tổ Sơn của thôn này. 2 phía Đông Tây đều có những bãi cát phong hô trải dài, từ Bắc tới Nam. Giữa 2 bãi cát có một con sông dài 70m, xa xa phía trước có dãy núi Triều Sơn Ở Long, gần đó lại có dãy núi án Sơn Đuôi Nguyên. Phía ngoài của bãi cát phong hô thôn Đông có dòng suối Thạch Linh chảy gấp khúc về phía Nam, phía Tây của thôn có con đường Cao Long Thị. Trong cuốn 'Dương trạch thập thư' có ghi: Dòng suối ở phía bên trái, ngôi nhà thường gọi là Thanh Long, con con đường dài ở bên phải được gọi là Bạch Hổ, ao tù phía nước gọi là Chu Tước, gò đôi phía sau gọi là Huyền Vũ, đây là nơi đang quý nhất. Có thể thấy rằng, thôn Gia Cát chính là một mảnh đất quy bâu như vậy.

Sau khi xây phòng sảnh⁽¹⁾ 5 gian hoặc nhà trên 3 gian được 3 năm chắc chắn sẽ gặp phải tai ương. Nếu xây phòng sảnh 5 gian ở phía trước, nhà trên 3 gian ở phía sau thì trong vòng 3 năm có thể sẽ chết mất 5 người, 7 năm sau công việc ruộng vườn có thể sẽ bị thất bại, như vậy là không tốt. Xây sửa phòng sảnh 4 gian, nhà trên 3 gian thì trong vòng 2 năm sẽ mất 4 người, trong vòng 3 năm sẽ mất 7 người

Nếu chỉ xây 2 phòng ở thì chủ nhà có thể sẽ không sinh con; Nếu xây 5 gian nhà để ở, chủ nhà sẽ tuyệt tự; Xây phòng sảnh 3 gian giá, nhà trên 7 gian giá sẽ không gặp may. Nhưng nếu xây phòng sảnh 7 gian giá thì sẽ được tốt lành. Xây phòng sảnh 3 gian và nhà trên 3 gian sẽ được tốt lành

[Chú thích]

[1] Phòng sảnh Không gian lớn hoặc nhỏ để thông giữa các phòng.



Linh Tinh môn

Linh Tinh môn tức là Ô Dấu môn, là một hình thức viện môn thềm cổ đại. Linh tinh môn trong hình vẽ trên có 4 căn 3 gian, có cột bằng đá và xà bằng sắt, trên xà nhà có đục 12 chiếc cổng huân hình dấu rồng. Trên cột đầu có khắc hình vân mây, trên đỉnh cột có khắc hình một Thiên nữ đang trông nài. Trên bức hoành phi có khắc hình rồng lửa, bên dưới có khắc hình Vua Càn Long trên tay đang cầm ? chữ lớn "Linh Tinh Môn".

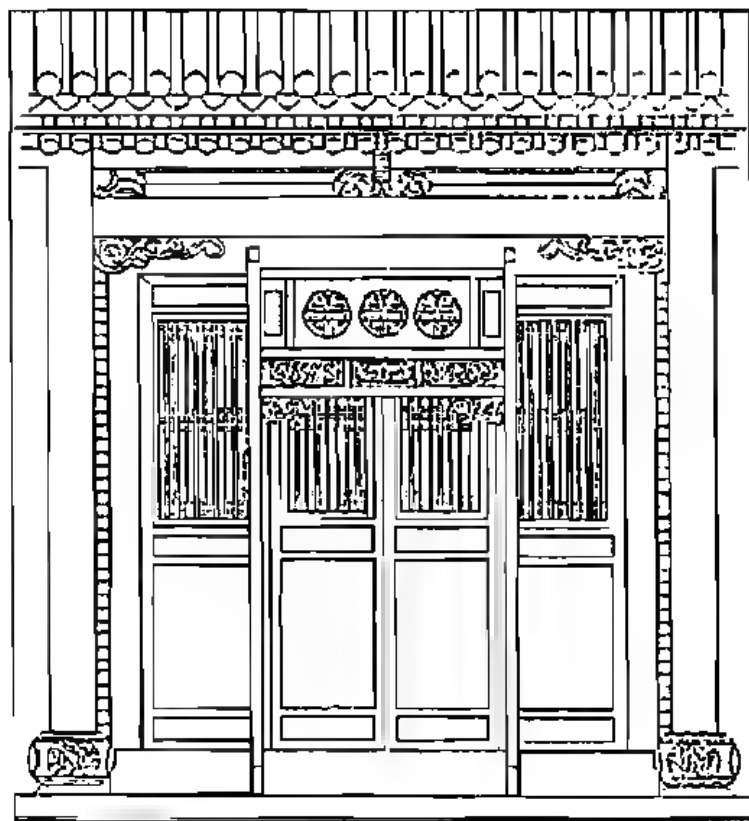
Dự đoán cát hung qua hình dáng bề ngoài của ngôi nhà

Nếu xây nhà ở nơi phố phường đông đúc, đất làm nhà có thể sẽ phải hẹp một chút. Có một số ngôi nhà xây kiểu ngoài rộng trong hẹp, có ngôi nhà lại xây một cách gượng ép, trong rộng ngoài hẹp, tức là chỉ xây dựng theo diện tích đất. Nếu xây kiểu trong rộng ngoài hẹp thì được gọi là nhà kiểu hải huyết, sau này sẽ có

được “cơ no áo ấm”. Nếu nhà làm theo kiểu ngoài rộng trong hẹp thì được gọi là nhà kiểu giám (ham) khẩu, không có gì đặc biệt. Khi làm nhà, cần đặc biệt tránh kiểu phía trước có 3 đường thẳng, phía sau 2 đường thẳng, kiểu nhà đó gọi là “Xuyên tâm bính”, không may mắn. Nếu nhà được xây thêm bên cạnh một ngôi nhà cũ thì không thể xây ngang bằng hoặc cao hơn nhà cũ. Tục ngữ có câu: “Tân ốc tháp cư đông, bất cử tiện tương tống” (*nhà mới mà chen nhà cũ thì không lâu sau nhà mới và nhà cũ sẽ phá nhau*). Vì vậy nhà mới phải xây thấp hơn một chút so với nhà cũ và nhà mới thường được gọi là “thứ đông”. Ngoài ra, trụ nhà của nhà mới cũng không thể đối thẳng trực tiếp vào cửa giữa của nhà cũ, như vậy sẽ bị gọi là “Xuyên tâm đông”.

[Chú thích]:

[1] Hải La một loại dị thu trong truyền thuyết cổ đại, biết phân biệt phải trái, khi thấy đánh nhau sẽ lấy sừng húc vào kẻ xấu, ở ta quen gọi là nhà “nở hầu”



Chu Thê Lễ Tổ Cách, thôn Trương Bích

Chu Thê là tên gọi đặc biệt của kiến trúc Trung Quốc, chỉ mọi đoạn gỗ ngăn nối giữa phần dưới của thanh gỗ ngang hình trụ vuông nối giữa 2 xà vịn cột, có thể thu nhỏ khoảng cách giữa các thanh gỗ ngang hình trụ, tăng khả năng chống cắt của dầm xà hoặc giảm khoảng cách giữa các thanh gỗ ngang hình trụ vuông nối giữa thanh xà ngang, nó cũng có thể làm chi tiết dùng để treo trang trí phần dưới trụ.

[Giải thích]:

Phía trước rộng phía sau hẹp hay phía sau rộng phía trước hẹp đều là khá hiếm chỉ hình thức bề ngoài của một ngôi nhà. Câu “Dương trạch trập thủ” đã coi hình thức bề ngoài là vấn đề có ý nghĩa quan trọng nhất trong một ngôi nhà, sách ghi: “Nơi sinh sống của con người quan

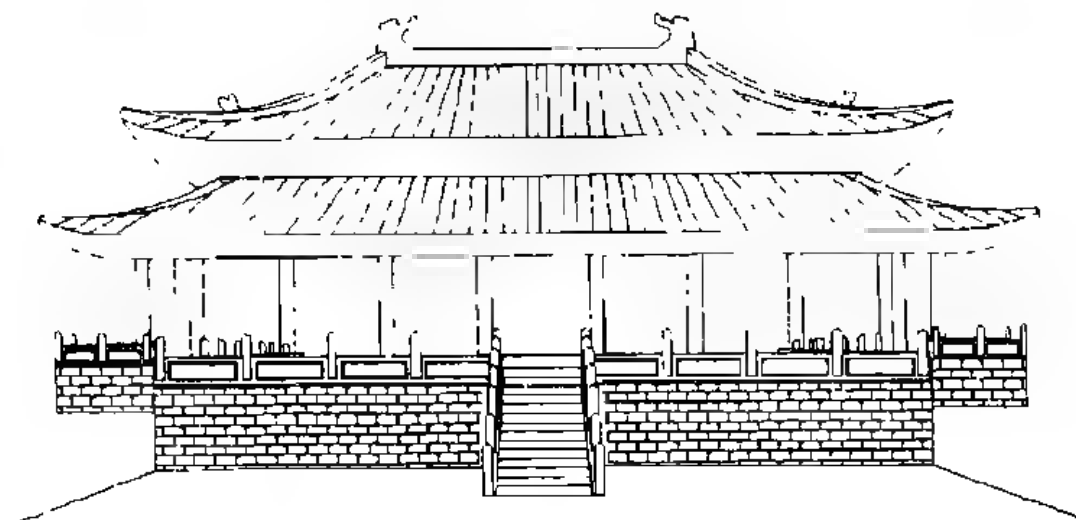
trọng nhất là phải được rộng rãi, vì đó là nơi mà ai mạch có khí thế lớn nhất, có liên quan tới phúc họa của con người, đây là điều quan trọng nhất; Nếu không có được không gian lớn thì cho dù nhìn thế trong nhà có hợp với phép tắc tới đâu thì suy cho cùng vẫn không thể hoàn toàn may mắn. Vì vậy, nghiên cứu về ngoài của ngôi nhà là việc làm quan trọng nhất.

Nếu nhà được xây dựng có phía trước hẹp, phía sau rộng (dân gian thường gọi là nở hậu) thì sẽ tập hợp được sinh khí, vì vậy mà được coi là may mắn; Nếu phía trước rộng, phía sau hẹp thì dân gian thường gọi là "Pha kỳ nình" (hình cái xẻng), nghĩa là sẽ làm tiêu tan sinh khí vì vậy bị coi là hung. Lý Lân phong thủy cho rằng, khí là nguồn gốc của vạn vật. Theo quan niệm của người xưa, chỉ khi ở nơi có sinh khí mới có thể hình thành được một môi trường tràn đầy sức sống. Vì vậy khi làm nhà, phải chú ý tập hợp được sinh khí, như vậy mới được may mắn. Người xưa không những hết sức chú ý tới độ rộng hẹp trước sau ngôi nhà mà còn chú trọng tới địa thế lõm lõm của 8 phương, mỗi loại địa thế ai có ý nghĩa hung cát khác nhau.

CHƯƠNG 3

HÌNH DÁNG, CẤU TẠO VÀ TẠO HÌNH TRONG KIẾN TRÚC

Trong hình dáng cấu tạo của kiến trúc cổ, có thể chia thành kiến trúc quy mô lớn và kiến trúc quy mô nhỏ. Loại kiến trúc quy mô lớn chủ yếu được dùng để xây dựng quan phủ, ví dụ, các kiểu kiến trúc quần thể chủ yếu và thứ yếu như đàn miếu, cung điện, vườn thượng uyển, lăng mộ, thành lầu, phủ đệ (*nơi ở của quan lại hoặc địa chủ*), chùa chiền,... đó là những thể loại kiến trúc thuộc đẳng cấp cao. Kiến trúc quy mô nhỏ chủ yếu được dùng để xây nhà dân, cửa hàng hoặc công trình phụ trong quần thể kiến trúc quan trọng của kiến trúc dân gian, thuộc loại kiến trúc có đẳng cấp thấp. Sự khác biệt chính giữa kiến trúc quy mô lớn và kiến trúc quy mô nhỏ là ở chỗ chúng có số lượng gian giá phòng ốc khác nhau.



1. QUY ĐỊNH TẠO HÌNH CỦA PHÒNG ỐC

Nguyên tắc kéo dài 3 gia sau, kh. xây nhà 3 gia.

Khi xây kiểu nhà này không được quá cầu toàn về mức độ cao, lớn của ngôi nhà. Nội dung, bố trí (cột ở cạnh ngưỡng cửa) chỉ có thể cao 1 trượng 1 thốn, đóng trụ (trụ đỡ xà, chính) cao 1 trượng 2 thước 1 thốn, chiều sâu là 5 th (hoặc 6 thốn). Khoảng cách giữa 2 trụ (gian khoát) là 1 trượng 1 thước 1 thốn. Chiều rộng của gian phụ (thư gian) là 1 trượng 1 thốn. Nhà có kích thước như vậy sẽ được coi là cân đối.

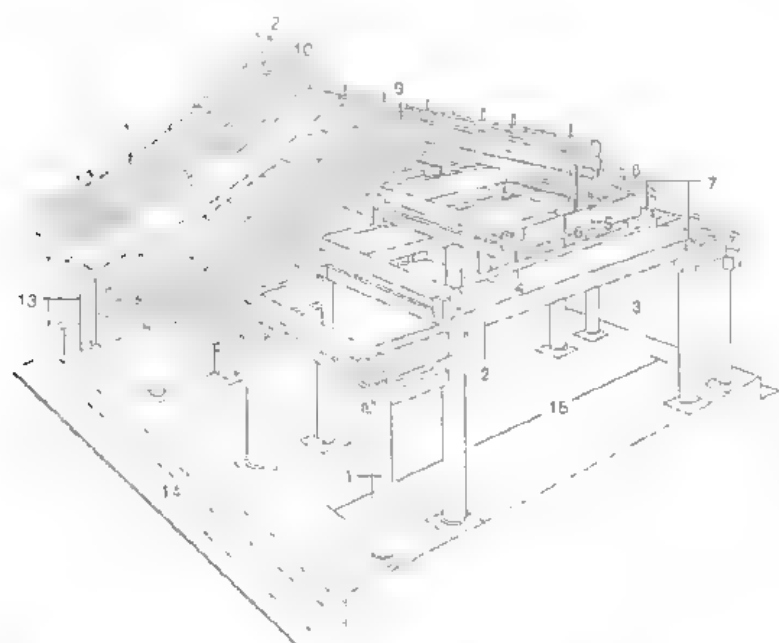
Có câu thơ: "Phạm nhân sang tạo tam giá ốc, Ban thước tu tam cent thương lương. Khoát trích cao để v. thư pháp, hầu lai tất xuất hao nhi lang."

[Chú thích]:

Các khoản giữa 2 trụ được gọi là 1 gia. Số gia càng nhiều thì độ sâu càng lớn, nó tùy theo số cửa sổ và mái nhà. Số lượng gian gia phòng ốc ít hay nhiều đều là sự tương xứng cho địa vị, và thân phận của chủ nhà. Gian gia là đơn vị cấu tạo thành của nhà khung gỗ. 4 chiếc trụ có thể kết hợp lại thành 1 gian gia, một ngôi nhà có thể do một vài gian gia tạo thành.

2. Đoạn sau: Mặt bằng của một công trình kiến trúc nào, chúng đều có hình chữ nhật. Đoạn sau ở đây là chu chiều dài của cạnh ngắn hơn trong hình chữ nhật.

[3] Ban thước: Thước Lô Ban



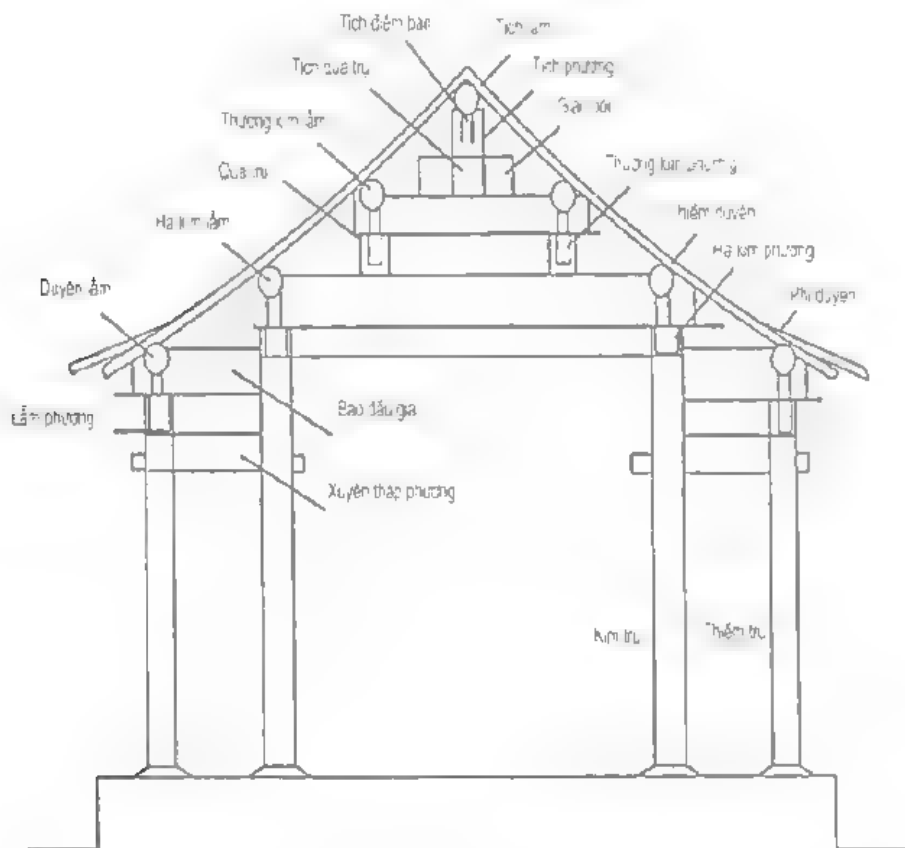
Sơ đồ minh họa kết cấu gỗ kiến trúc cổ đại Trung Quốc. Tranh phác họa

1. Trụ 2. Lương (xà), 3. Phương (gỗ trụ hình vuông), 4. Đà đòn (thanh gỗ cổ chiều cao ngắn hơn chiều dài); 5. Qua trụ (cột ngắn đặt trên xà phía dưới, dùng để đỡ xà phía trên, nối giữa xà nhà của 2 tầng), 6. Góc bích (lưng góc); 7. Lãm (đòn tay), 8. Tích lãm (đòn nóc), 9. Duyên (Rau, miếng gỗ tròn để đỡ gạch xây nhà), 10. Chính tích (nóc chính); 11. Thủy tích (là một loại nóc nhà trong kiến trúc cổ đại của Trung Quốc, dốc xuống phía trước và phía sau của 2 đầu nóc chính)

12. Cửa vào nhà (cửa một cửa hoặc cửa 2 cửa) 13. Dãy cửa (cửa 2 đầu của nóc chính mặt nhà này, kiến trúc của M. 1) 14. Dãy khoát (đường của không gian từ từ bị phương song song với trục dọc và xa nhau được đặt ở vị trí cân bằng của trục) 15. Tien sau (chiều sâu) (xem giải thích phần trên)

[Giải thích]:

Công trình kiến trúc tuy nhỏ nhưng chi phí xây dựng rất tốn kém, đặc biệt là "Tủ Bạt" Phòng 3-1
đơn giản nhất kể mô phỏng về tượng ứng của các kích thước chính trong kiến trúc nhà của vua "Tủ
Bạt".



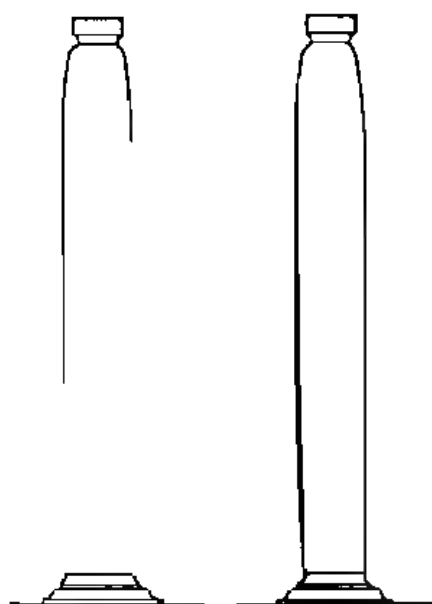
(Chi tiết cấu tạo kiến trúc kiến “Tạm gia lương” Tranh phác họa)

Trong không nhà của kiến trúc cổ địa thành g. nổi ngang theo hướng trục, một trục năm cầu ng. nhà và đỡ đơn tay dựa g. là và. D. và là trục và và tay dựa và. và nhau thành nhện lớp. Hình thành nên khung dạng gác và. và ở trung tâm cũng như đặt tên theo và hình đơn tay và ngang b. nên đầu cột để g. và được chong trôn và đó, "ram giá lương" chính là chiếc xà đỡ 3 l. (xem hình vẽ).

Bảng 3-1. Bảng đối chiếu giữa các kích thước chính trong phòng 3 giá với Tủ Bạch

Tên	Cột ở cạnh ngưỡng cửa	Cột xê	Chiều sâu	Gian thoát	Thứ gian
Kích thước	1 trường 1 thôn	1 trường 2 thước 1 thôn	5 thước 6 thôn	1 trường 1 thước 1 thôn	1 trường 1 thôn
Từ Bạch	Nhất Bạch cát	Nhất Bạch cát	Lục Bạch cát	Nhất Bạch cát	Nhất Bạch cát

Quy cách⁽¹⁾ làm nhà 5 giá



Lăng trụ

Tranh phác hoa

Lăng trụ là một kiểu trụ đã có từ rất lâu, thường thấy vào nước đến nhà Tống. Trong cuốn "Phương pháp xây dựng" - sách kiến trúc thời Bắc Tống có ghi "Trụ có thể chia thành 3 đoạn, đoạn ở giữa thẳng. Nếu đoạn trên vát theo hình lăng thì gọi là thượng lăng trụ. Nếu cả đoạn trên và đoạn dưới đều vát theo hình lăng thì gọi là hạ lăng trụ".

Đối với nhà 5 giá, không chỉ kiến trúc dân gian cần phù hợp với nguyên tắc "Áp Bạch" mà các kiến trúc đền, chùa, miếu, mạo, cung điện cũng đều cần phù hợp với nguyên tắc đó. Ví như ngôi đền lớn mang tên Nam Thiên Tự ở huyện Ngã Đài, tỉnh Sơn Tây được xây vào năm 782, tức năm Kiến Trung thứ 3, đời vua Đường Đức Tông đã cho thấy, vào thời nhà Đường, những người thợ xây đã sử dụng rộng rãi phương pháp Áp Bạch.

Sau khi xây xong 5 giá 3 gian chính của ngôi nhà, tiếp tục kéo dài thêm 1 phòng nữa, chiều cao của cột ở cạnh ngưỡng cửa (bộ trụ) phải là 1 trượng 8 thước, chiều cao của cột giữa⁽²⁾ là 1 trượng 2 thước 8 thước, chiều dài của xà chính⁽³⁾ là 1 trượng 5 thước 1 thước, mỗi đoạn là 4 thước 6 thước, phòng ở giữa là 1 trượng 3 thước 6 thước, chiều rộng của thứ gian là 1 trượng 2 thước 1 thước. Độ rộng hẹp của nền móng có thể tăng giảm theo ý muốn của chủ hộ. Những kích thước trên đều phù hợp với nguyên tắc "Bạch".

Có câu thơ "Tam gian ngũ giá ốc thiên kỳ, an bạch lượng tài thực lợi nghi. Trụ tọa an nhiên đa cát khánh, hoành tài nhập trạch bất cầu thời".

[Chú thích]:

[1] Quy cách Tiêu chuẩn, quy thức

[2] Cột giữa. Còn gọi là cột nóc, là cột chính, cũng là cột cao nhất trong nhà.

[3] Xà chính. Là xà ở vị trí cao nhất trong nhà

[Giải thích]:

Những kích thước chính trên phòng 5 giá trên đây đều phù hợp với nguyên tắc "Áp Bạch". Bảng 3-2 dưới đây là bảng liệt kê các mối quan hệ tương ứng giữa các kích thước chính trong ngôi nhà với "Tứ Bạch".

Bảng 3-2 Bảng đối chiếu giữa các kích thước chính trong phòng 5 giá với Tứ Bạch

Tên	Cột ở cạnh ngưỡng cửa	Cột giữa	Xà chính	Mỗi đoạn	Trung gian (gian chính)	Thứ gian (gian phụ)
Kích thước	1 trượng 1 thước	1 trượng 2 thước 8 thước	1 trượng 5 thước 1 thước	4 thước 6 thước	1 trượng 3 thước 6 thước	1 trượng 2 thước 1 thước
Tứ Bạch	Bát Bạch cát	Bại Bạch cát	Nhất Bạch cát	Lục Bạch cát	Lục Bạch cát	Nhất Bạch cát

Quy cách làm nhà 7 giá 3 gian chính

Khi xây nhà 7 giá, nói chung, độ cao của cột phía trước và phía sau nên chọn dùng kích thước 1 trượng 2 thước 6 thốn, độ cao của xà chính là 1 trượng 6 thốn, diện tích lòng nhà gian giữa (gian chính) nên áp dụng kích thước 1 trượng 4 thước 3 thốn, độ rộng của gian phụ là 1 trượng 3 thước 6 thốn, chiều sâu là 4 thước 8 thốn. Độ rộng hẹp, cao thấp, nông sâu của nền nhà sẽ được tăng giảm theo ý muốn của chủ nhà.

Cổ câu thơ: “Kính doanh thử ốc hảo hoa đường, tính thị công sư xảo chủ trương. Phú quý bản do thăng thước đất, dã tu hợp dụng an Âm Dương”.

[Giải thích]:

Tất cả các kích thước trong nhà 7 giá 3 gian nó chung đều phù hợp với quy tắc “Áp Bạch”, xem bảng 3-3

**Bảng 3-3. Bảng đối chiếu
giữa các kích thước chính trong phong 7 giá với Tứ Bạch**

Tên	Cột trước và sau	Xà chính	Gian giữa	Gian phụ	Chiều sâu
Kích thước	1 trượng 2 thước 6 thốn	1 trượng 6 thốn	1 trượng 4 thước 3 thốn	1 trượng 3 thước 6 thốn	4 thước 6 thốn
Tứ Bạch	Bát Bạch cát	Bát Bạch cát	Nhất Bạch cát	Lục Bạch cát	Lục Bạch cát

Quy cách làm nhà 9 giá 5 gian

Thông thường, khi xây loại nhà này, độ cao của cột bên cạnh ngưỡng cửa phải là 1 trượng 3 thước 6 thốn, Trụ đỡ xà chính phải căn cứ vào diện tích đất xây để lựa chọn kích thước thích hợp là 1 trượng 4 thước 8 thốn, đối với những ngôi nhà hơi nông có thể chọn dùng loại kích thước 4 thước 3 thốn, cũng có thể tăng thêm 10 phân. Độ cao của xà chính nếu được 2 trượng 2 thước là tốt nhất.

Có câu thơ: “Âm Dương lưỡng tự tối nghi tiên, đỉnh sáng hưng công hảo hướng tiên. Cửu giá ngũ gian đường cửu thiên, vạn niên thiên tải phúc miên miên. Cần an tiên sư chân thước thốn, quân giáo phú quý túc trang diện. Thời nhân nhược bất y tiên pháp, chí sử nhân gia lưỡng bất nhiên”.

[Giải thích]:

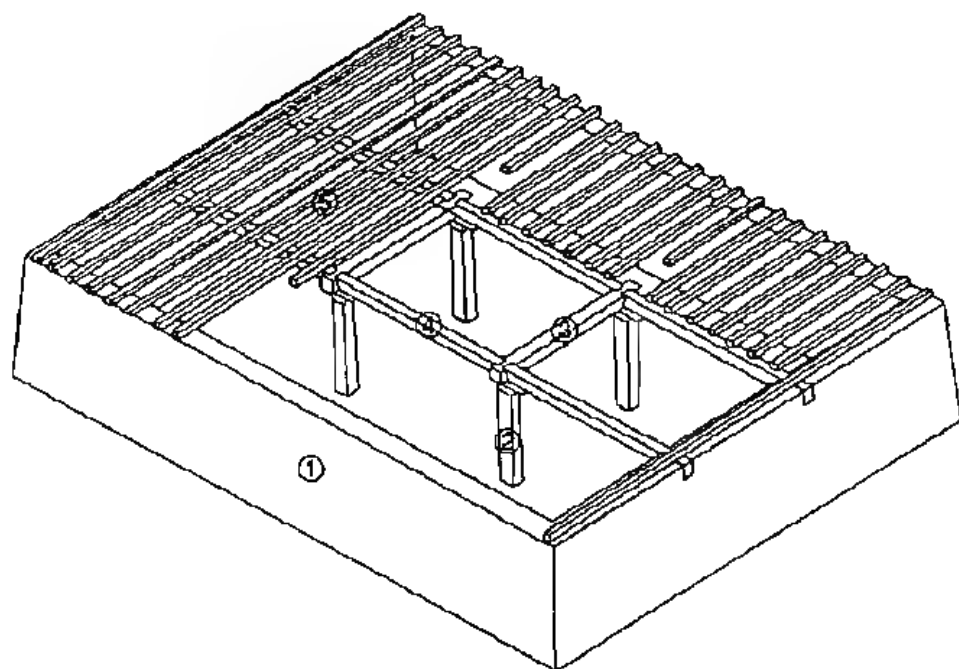
Từ kích thước kiến trúc diên Phất A-di-đà trong chùa Sùng Phúc - TP Sóc Châu - Tỉnh Sơn Tây được xây vào năm thứ 3 Km Hoàng Tống (năm 1143) có thể thấy rằng, các kích thước chính về độ cao các cột, chiều sâu và diện tích (xem giải thích phần trên) của đền đều phù hợp với “Tứ Bạch”

Các kiểu nhà 5 giá

Nhà 5 giá thường dùng kiểu lương tinh hoặc phương lương, có trường hợp lại sử dụng giới bản, hoặc loại nối giữa tào (rãnh), đáp phưc (xà nổi) và tảng đá dưới chân cột, tức là làm theo ý muốn của chủ nhà.

[Chú thích]:

Lương tinh, phương lương, giới bản tào, đáp phưc và đầu tảng đều là những chi tiết cấu tạo nhà



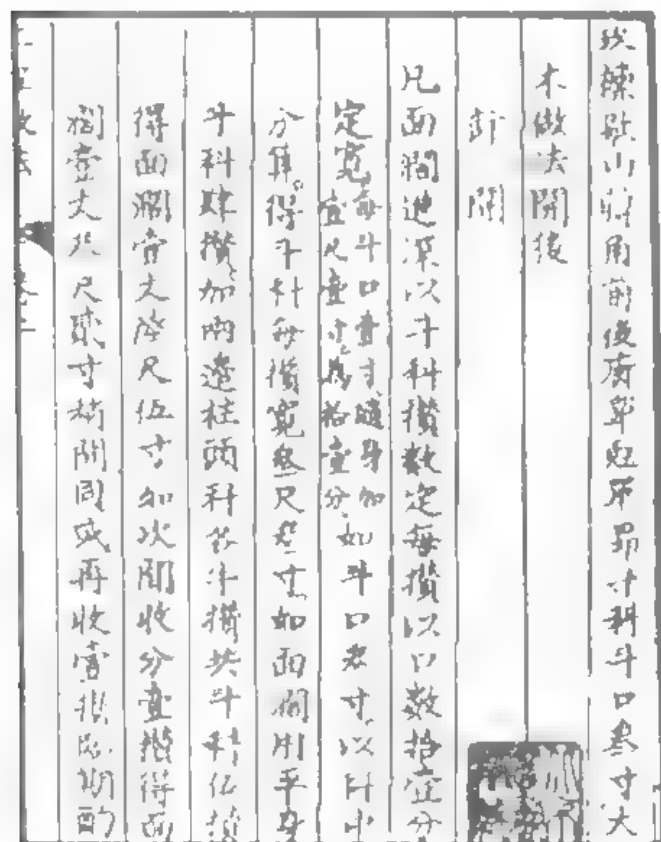
Sơ đồ minh họa khung gỗ dạng mái bằng, nhiều xà

1 Tường chu vi; 2. Cột bên trong, 3 Xà; 4 Đòn tay, 5 Rui

Kéo thêm 2 giá sau 5 giá. Thêm 2 giá sau nhà 5 giá là kiểu nhà chính thời xưa, cũng là kiểu nhà đẹp nhất. Ngay nay người ta thường gọi kiểu nhà này là “tiền thiên hậu sau”, nhà kiểu này mang lại nhiều điềm lành (có thần Tiểu Âm), rất cát lợi. Trường hợp chỉ xây được 5 giá chính đều là do bị hạn chế về đất đai. Ngoài ra, còn có những vật thể công trình kiến trúc đạt tiêu chuẩn để người mới nhập học có thể quan sát, tiếp xúc và nghiên cứu.

[Chú thích]

[1] *Thiền Âm Tập Thiền Âm Đại Hạnh* (1284 - 1344) là một thiền sư Phật giáo trụ trì chùa Minh Sơ trong một thời gian dài, được Nguyên Đế ban tặng danh hiệu “Quảng trí toàn ngộ đại thiện sư”, và đại diện “Thiền gia Đông chủ kiêm từ ngữ sơn từ” được vinh danh một thời. Ở đây là đề cử Thiền cát tường.



“Điều lệ và nguyên tắc xây dựng công trình”

Bản khắc đời nhà Thanh

Tranh minh họa

Đây là một cuốn sách về kiến trúc cổ được in ấn và phát hành vào năm thứ 12 thời vua Ung Chính đời nhà Thanh (tức năm 1734). Sách tổng cộng gồm 74 phần, chia làm 4 bộ với nội dung như sau. Bộ thứ nhất liệt kê ra 17 loại hình thức kiến trúc và các kiểu kích thước lớn nhỏ trong chi tiết cấu tạo; Bộ thứ hai trình bày về phương pháp chế tạo dấu cùng (xem giải thích phần trên); Bộ thứ ba quy định về các loại kích thước của thiêu bị lắp đặt hoàn thiện công trình, kích thước ngôi hoặc vòm cong (bộ phận chịu lực của công trình). Cuối cùng là phần giới thiệu về việc tính toán các loại nguyên vật liệu và quy định về mức lương lao động. Sau cuốn “Phương pháp xây dựng” thời Bắc Tống, đây lại là cuốn sách nổi tiếng tiếp theo giới thiệu một cách có hệ thống về phương pháp xây dựng và dự toán công trình.

Quy cách làm nhà 7 giá chính

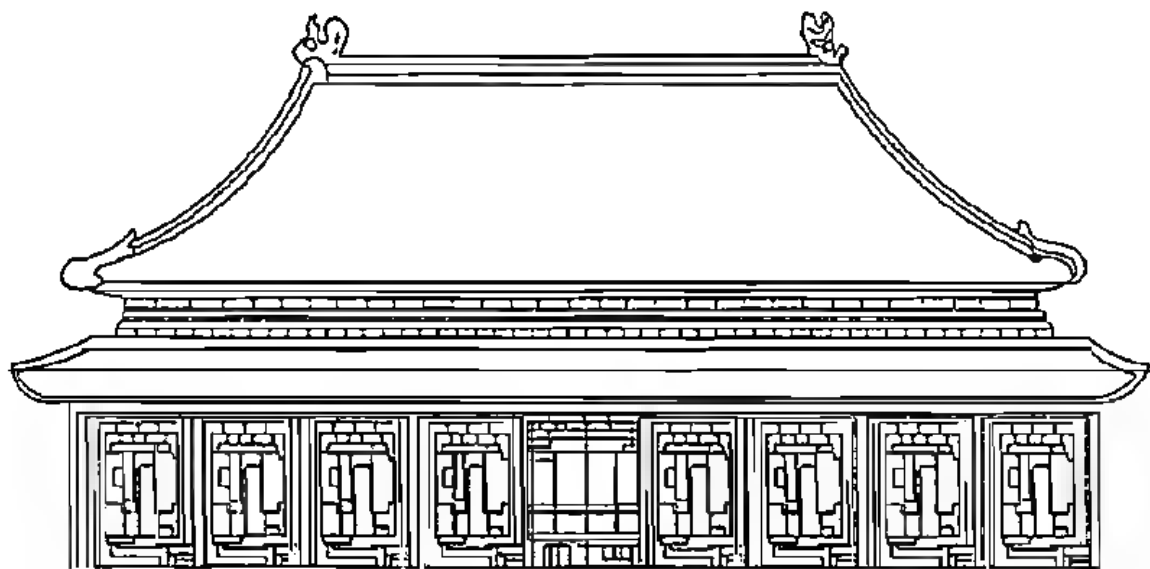
“Chính thất giá lương” là chỉ nhà 7 gian hay hình thức “xuyên bài tính”, dung lượng đã vượt chân cột nối với các chi tiết cấu tạo nhà, xây theo ý muốn của chủ nhà, nếu có bản vẽ thiết kế làm cơ sở thì càng tốt.

[Chú thích]

[1] Xuyên bai tính Có thể là một kiểu kiến trúc dạng công tam quan (công vong), không rõ lắm về hình dáng và cấu tạo cụ thể

Cung điện Vương phủ

Khi xây dựng loại cung điện này, điện Hoàng Đế thường có chiều cao là 9 trượng 5 thước, Ngũ phủ^(*) đại điện cao 7 trượng. Góc cắt của hiên dưới cờ đã được nơi ở phần trên, ở đây sẽ không trình bày chi tiết lại. Gian chính kéo dài thêm 5 giá, phía trước kéo thêm 3 giá, phía trên là trần nhà kiểu khung vòm, nếu dùng thước để đo từ nền nhà lên đến trần nhà sẽ thấy chiều cao là 5 trượng 3 thước, trong điện có tới 77419 chiếc cột chính, trong đó chưa tính đến một số cột phụ khác, số lượng cột phụ sẽ tăng hoặc giảm tùy theo từng trường hợp cụ thể. Hai cột ở giữa là mặt cắt hình bát giác, được coi là "Thiên Lương". Cánh cửa nhà ngang phía sau thường vừa to, vừa dày Cửa nhà ngang phía trước thì thường được dát vàng, trên đó đều có treo những chiếc rèm có đường gân nổi hình chuỗi hạt, bên trái xây 5 cung, bên phải xây 12 viện, kiểu dáng giống với nhà kiểu dân gian Những quy tắc này xuất phát từ các điều lệ rõ ràng của chế độ. Cửa thì có 7 lớp mỗi cửa đều có tên gọi riêng, ở đây xin không đưa ra tên gọi của từng cửa.



Điện Thái Hòa

Điện Thái Hòa có tên gọi dân gian là "Kim Loan Điện", nằm trên đường trục trong Tử Cấm Thành là nơi thiết triều của các Đế Vương đời Minh Thanh được khởi công xây dựng vào năm thứ 4 Vĩnh Lạc đời nhà Minh (năm 1406), rộng 9 gian, sâu 5 gian, được làm bằng gỗ Nam Mộc, trùng tu vào năm Khang Hy đời nhà Thanh, chiều rộng 11 gian, chiều sâu không thay đổi, diện tích hơn 2300 m². Đại điện "Tọa bắc diện nam", ngũ 9 các Đế Vương hướng về phía Nam để trị vì đất nước. Chiều rộng và chiều sâu dùng số 9 và số 5 để tượng trưng cho Cửu ngũ chi tôn của Đế Vương. Xét về mặt kiến trúc, kiểu bố cục của điện này đã tạo ra ranh giới, trật tự và lễ nghĩa giữa Thiên tử với "Thiên hạ chi tôn".

[Chú thích]:

[1] Ngũ phủ: Tên gọi chung của 5 dinh quan thời xưa, tức 5 quan phủ của Triều đình. Thời nhà Đường gọi 5 dinh quan: Ngự sử thái giám sát, Điện trung, Đài ngự sử, Trung thừa, Đại phu là Ngũ viện.

[Giải thích]:

9 là con số lớn nhất trong các con số, còn 5 là số ở giữa, vì vậy, “Cửu ngũ” là con số thích hợp nhất cho kiến trúc Hoàng cung. Nhưng khi xây dựng Vương phủ, cung điện, ngoài việc phải chú ý đến kích thước, còn phải lựa chọn ngày động thổ xây sửa. Trong cuốn “Hiệp kỷ biên phương thư” đã lần lượt ghi lại những ngày tháng hợp kỵ với việc “xây dựng cung thất” và “tủ sửa cung thất”. Dưới đây xin trích lại như sau.

Xây dựng cung thất:

Hợp với các ngày Thiên Đức, Nguyệt Đức, Thiên Đức Hợp, Nguyệt Đức Hợp, Thiên Xá, Thiên Nguyễn

Kỵ với các ngày Nguyệt Kiến, Thổ Phủ, Nguyệt Phá, Bình Nhật, Thu Nhật, Bế Nhật, Khiếp Sát, Tai Sát, Nguyệt Sát, Nguyệt Hình, Nguyệt Yếm, Đại Thòi, Thiên Sứ, Tứ Phế, Ngũ Mộ, Thổ Phủ, Địa Nang, Thổ Vương Dung Sự Hưu.

Tủ sửa cung thất:

Hợp với các ngày Nguyệt Ân, Tứ Tướng, Thời Đức, Tam Hợp, Phúc Đức, Khai Nhật

Kỵ với các ngày Nguyệt Kiến, Thổ Phủ, Nguyệt Phá, Bình Nhật, Thu Nhật, Bế Nhật, Khiếp Sát, Tai Sát, Nguyệt Sát, Nguyệt Hình, Nguyệt Yếm, Đại Thòi, Thiên Sứ, Tứ Phế, Ngũ Mộ, Thổ Phủ, Địa Nang, Thổ Vương Dung Sự Hưu.

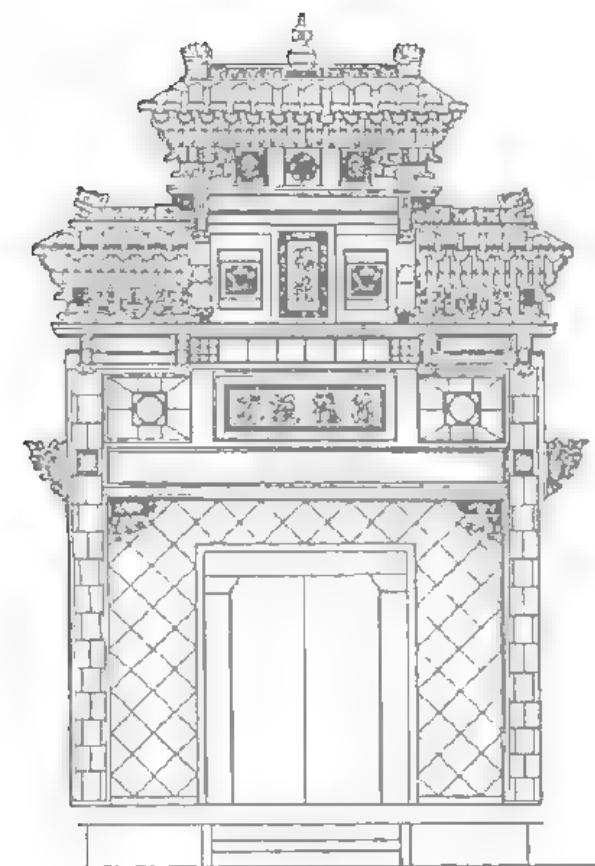
2. LÀM CÔNG

Xây tháp (chóp) trên cổng

Phương pháp làm cửa khi xây nhà mới: Cửa nhỏ ở lớp thứ hai bên trong tính từ cửa ngoài nên mở chếch về phía Đông từ bên ngoài, như vậy sẽ được may mắn. Đường đi vào cửa phải là đường cong, gấp khúc, không nên quá thẳng. Cửa bên trong không được lớn hơn cửa bên ngoài, nhất thiết không được để chiếu thẳng với nóc nhà của nhà khác, như vậy sẽ đem tới điềm dữ.

[Chú thích]:

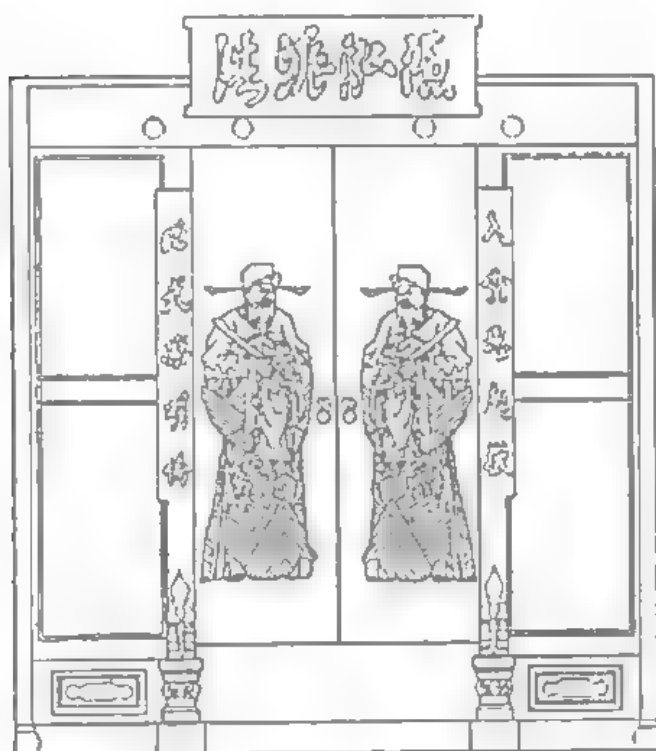
[1] Tháp trên cổng: Chóp (đỉnh) đang cổng tam quan (cổng vọng) trên cổng



Cổng tam quan (cổng vọng)

Tranh phác họa

Cổng tam quan (cổng vọng) thuộc kiểu kiến trúc cổng chào, có 2 loại là cột lộ đầu và cột không lộ đầu. Mái nhà có các loại Huyền Sơn, Yết Sơn và Vũ Điện,... (xem giải thích phần trên). Hình vẽ bên là mặt đứng của một cổng chính dạng tam quan (cổng vọng) của Xuân Huy Đường (tên gọi ngôi nhà của Trần Bang Nham, người Hải Ninh tỉnh Triều Giang), đây là loại cổng cột không lộ đầu



Nhà thờ họ Hà Thị

Tranh phác họa

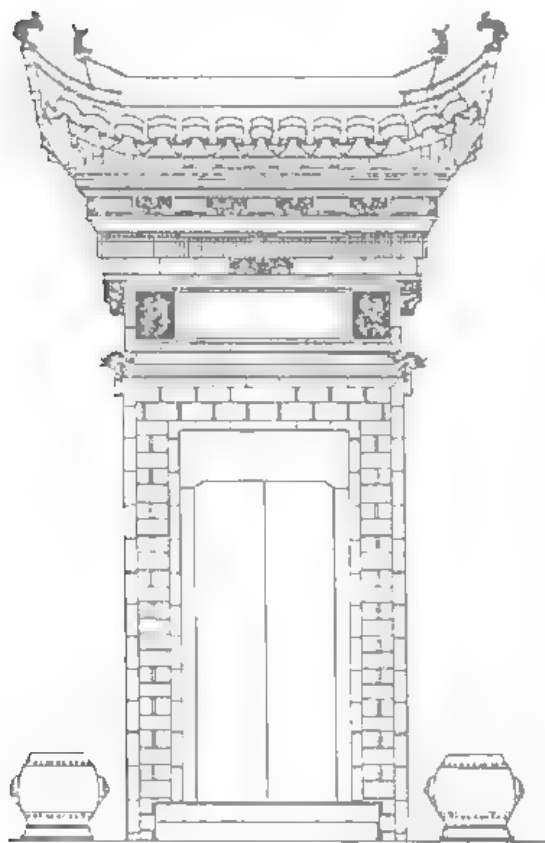
Nhà thờ họ Hà Thị thuộc thôn Quách Động - Vũ Nghĩa - tỉnh Triều Giang, được xây vào năm Vạn Lịch thứ 37 đời nhà Minh (tức năm 1609), có diện tích đất xây dựng là 1084 m², bao gồm tiền sảnh, sảnh chính, nhà thờ họ phía sau, sân chơi, chái nhà. Hình vẽ bên là mặt đứng cổng ngoài nhà thờ họ Hà Thị

[Giải thích]:

Ông raos là nơi mà mọi nước trong nhà đổ phải đi qua khi ra vào. Người xưa cho rằng, ông raos tập hợp khí Trời và vậy, vậy xây dựng ông raos rất nhiều để ấn dụ, hóa giải các điều xấu. "Đa môn giả, khố khẩu, giả khố chi khẩu như môn chi khẩu, khố chi khẩu như môn, tiến vụ thuận đạo dương như tiến nhân vật xuất nhập." Nếu công ông raos có phương hướng tốt, thêm vào đó là sự phồn thịnh và giàu có của các nhân tố khác thì sẽ có thể thu thập được nhân tài và tài khí.

Xây dựng nhà cần phải có ý 3 điều thì nhất trường đ thọ của ông raos vào công trình nhà cửa. Một là cửa trước mà phải mở rộng, Thứ hai, công ông raos phải ở cửa ở nhất, công ở 1 nhà phải ở cửa ở ông raos, đã biết là cửa ông raos mà lại ở ở cửa ở thì... Thứ ba là cửa ở ông raos của nhà khắc chiều thẳng vào cổng.

Quy định về việc xây cổng nhà. Khi xây nhà lớn, trước tiên cần nghiên cứu để có hướng tốt cho công nhà. Khi xây tạo môn, cần đặt hơn cao cổng thủ hai cung vậy, vị trí cổng thứ ba lại được bắt đầu từ xa nhà, hoặc xây cửa như ý, cửa ở tiên, cửa phương thang tùy theo ý muốn và sở thích của chủ nhà. Nếu không xây tạo môn mà chỉ làm đó môn hoặc hồ tự môn cũng được.



Hoa văn điêu khắc trên chất liệu gỗ

Tranh phác họa

Thời xưa có rất nhiều kiểu hoa văn điêu khắc, căn cứ vào chất liệu dùng để điêu khắc, thợ điêu khắc cũng được chia ra thành nhiều loại hình: Thợ điêu khắc hoa văn trên chất liệu sắt, trên chất liệu đồng, chất liệu thiếc, rồi sứ, gỗ,... Lấy ví dụ về người thợ điêu khắc hoa văn trên chất liệu gỗ, họ thường đi gõ cửa từng nhà trên các đường phố để tìm việc kinh doanh, sau khi tìm được việc, họ dựa theo ý muốn của chủ nhà để thực hiện công việc điêu khắc trên các dụng cụ gia đình, hình vẽ điêu khắc thường là từng hạc, hoa cỏ, chim muông hay phong cảnh sơn thủy,... cuối cùng, họ thực hiện công việc mài nhẵn và tô màu.

Có câu thơ: “Đại môn an gia mạc tại đông, bát an tiên hiền pháp nhất đồng. Canh bị biết nhân ọc đông xa, tu giao hoa sư hựu trùng trùng”. Cửa nhà lớn thường có kích thước 6 thước 6 thốn; Cửa nhà trung bình có kích thước 3 thước 3 thốn, Cửa nhà nhỏ thì kích thước là 3 thước 1 thốn. Cổng ngoài của các chùa, miếu ở các châu, huyện nên có chiều cao là 1 trượng 1 thước 8 thốn, chiều rộng là 6 thước 8 thốn. Cửa ngoài nhà thường dân nên có chiều cao là 5 thước 7 thốn, chiều rộng là 4 thước 8 thốn. Cửa phong ở nên có chiều cao là 4 thước 7 thốn, chiều rộng là 2 thước 3 thốn.

Mùa xuân không được làm cửa phía Đông, mùa hạ không được làm cửa phía Nam, mùa thu không được làm cửa phía Tây, mùa đông không được làm cửa phía Bắc.



Vật trang trí trên cửa - Môn Thần

Tranh Tet

Trong dân gian thường có phong tục dán tranh Môn Thần (Thần cửa) trước giao thừa hàng năm vì Môn Thần là vị Thần bảo vệ cửa ngoài, để phòng yêu ma quỷ quái xâm nhập. Cách nói này xuất phát từ thời Đông Hán, lúc đó, người ta coi bản thân chiếc cửa là Môn Thần, nhưng sau này, Môn Thần dần dần được nhân cách hóa với các tên gọi như Thần Trá, Uất Lũy, Chung Quy, Tán Thục Bảo và Uất Thủy Cung.

[Giải thích]:

Hệ thống kiến trúc của Di tích lịch sử văn hóa này có mô trường tên trong và bên ngoài nên có sự giống nhau nhưng nội dung khác nhau trước cửa khắc nhà, cũng có thể có sự khác biệt về nội dung vì vậy mà có trường hợp rất hiếm, đến khi trước cửa khi xây dựng của Di tích này, người ta thường dùng trước Lễ Bàn để điều chỉnh kích thước cửa, vì vậy, trước Lễ Bàn còn được gọi là “trước Môn Quang”.

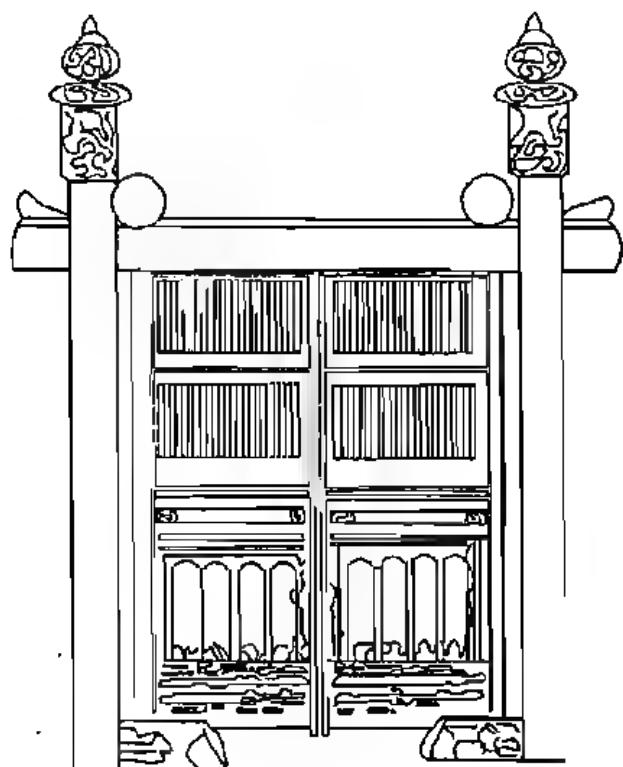
Sở dĩ người xưa không xây dựng cửa phía Đông vào mùa Xuân là vì mùa xuân Mộc vượng, hơn nữa, phía Đông cũng là nơi nảy sinh vạn vật, nếu làm cửa phía Đông vào lúc này sẽ có thể gây tổn hại đến vượng khí, không cát lợi. Ý nghĩa của việc làm cửa các mùa Hạ Thu, Đông cũng tương tự như vậy.

Kích thước của các loa cửa được đề cập đến ở đây về cơ bản đều hợp với thước Lỗ Ban (xem bảng 3-4).

Bảng 3-4. Bảng quan hệ đối ứng giữa kích thước thập (chóp) trên cổng với 8 chữ của "Tứ Bạch"

Loại cổng	Cổng nhà lớn	Cổng nhà trung bình	Cổng nhà nhỏ	Cổng chùa chiền	Cổng nhà thương dân	Cửa phong
Kích thước	6 thước 6 thốn	3 thước 3 thốn	3 thước 1 thốn	6 thước 8 thốn	4 thước 8 thốn	2 thước 3 thốn
Thước đo cửa	4 58	2 29	2 15	4 72	3 33	1 6
Bát tự	Quan	Ly	Ly	Quan	Nghĩa	Bệnh
Tứ Bạch	Lục Bạch	Tam Bạch	Nhất Bạch	Bát Bạch	Bát Bạch	Bạch

Những ngày hung có Hồng Chủ Chu Tước: Ngày Canh Ngọ, ngày Kỷ Mão, Mậu Tý, Đinh Dậu, Bính Ngọ, Ất Mão.



Ô Đầu Môn Tranh phác họa

Ô Đầu Môn còn được gọi là Linh Tinh Môn là một loại cửa được làm hành pho biến vào thềm Đường Tống, do 2 hoặc 4 chiếc cột lộ đầu ôm vào cửa và một chiếc xà ngang kết hợp tạo thành, ở giữa là cánh cửa. Đầu cột là những đường núm, chỉ hoặc hoa văn và được phủ màu đen. vì vậy, cửa mới có tên gọi như vậy. Hình vẽ bên là kiến trúc của "Ô Đầu Môn" (cửa đầu đen) trong cuốn "Phương pháp xây dựng" - một cuốn sách kiến trúc đơn nhà Tống.

[Giải thích]:

Có bà vè: “*Hồng Chủy Chu Tước trượng nhi trường, nhân tự lưu tình diệu hồng quang, đẳng nhân vô sự thương nhân mệnh, ngo lý phi lai hội quá giang. Đán tông chấn cung khởi Giáp Tý, Tốn cung Giáp Tuất thuận hành số, nành đão trung cung mạc quy hỏa, Càn cung nhất Thìn mạc an sàng, Cấn cung mạc tác táng đạo thất, Ly cung đại môn quân mạc phạm, Khảm cung thủy cầu Thiên Nam dương, Khôn cung giá thú tổn trach trường, Chấn cung tu trừ tân phụ vong, Tốn cung nhất v quân sơn dã, nhập sơn phạt mộc định tạo long.*”

Từ bài vè này có thể thấy rằng, việc phân định Hồng Chủy Chu Tước được tính dựa trên phương. Trong “*Lục thập noa giáp*”, chỉ cần một can chi nào đó thuộc vào phương của nó thì sẽ phạm vào Hồng Chủy Chu Tước. Ví dụ, 6 ngày được đề cập đến trong đoạn văn trên là Ly Cung Hồng Chủy Chu Tước, những ngày này tối kỵ làm cửa. Kết cấu cụ thể như sau: Chấn bắt đầu từ Giáp Tý, như vậy, Ất Sửu sẽ đến Tốn, Bính Dần đến Trung, Đinh Mão Càn, Mậu Thìn Đoài, Kỷ Tỵ Cấn, Canh Ngọ Ly, Tân Mùi Khảm, Nhâm Thân Khôn, Quý Dậu Chấn, Giáp Tuất Tốn, Ất Hợi Trung, Bính Tý Càn, Đinh Hợi Đoài, Mậu Dần Cấn, Kỷ Mão Ly là (kết cấu Hồng Chủy Chu Tước khi đặt cửa). Dựa trên phương pháp này để suy đoán ra toàn bộ lục tuần (*khái niệm tuần ở đây là chỉ 10 ngày trong 1 tháng*). 6 ngày Canh Ngọ, Kỷ Mão, Mậu Tý, Đinh Dậu, Bính Ngọ, Ất Mão đều thuộc phương Ly, vì vậy, bị coi là Hồng Chủy Chu Tước đối với việc đặt cửa. Suy đoán theo phương pháp này thì trong tuần Giáp Tý, Ất Sửu tại Tốn; Trong tuần Giáp Tuất, Giáp Tuất tại Tốn; Trong tuần Giáp Thân, Quý Mùi tại Tốn; Trong tuần Giáp Ngọ, Nhâm Thìn tại Tốn; Trong tuần Giáp Thìn, Tân Sửu tại Tốn; Trong tuần Giáp Dần, Kỷ Mùi tại Tốn, 6 ngày này cấm kỵ không được vào rừng lấy gỗ, vì vậy, những ngày này bị coi là ngày Hồng Chủy Chu Tước đối với việc vào rừng lấy gỗ. Các việc khác như kê giường, xây dựng táng thất, đạo thất (*phòng của hòa thượng và đạo sĩ*), dựng vợ, gả chồng,... đều có thể tính theo phương pháp này.

Những điều cấm kỵ khác đối với việc làm cửa: Năm và phương phân bố của Cửu Lương Tinh⁽¹⁾: Năm Đinh Hợi và Quý Tỵ ở vị trí cổng ngoài; Năm Nhâm Dần, năm Canh Thân ở vị trí cửa chính; Năm Đinh Tỵ ở vị trí cửa trước; Năm Đinh Mão, Kỷ Mão ở vị trí cửa sau.

[Chú thích]:

[1] Cửu Lương Tinh: Cửu Lương Tinh Sát, cấm sửa nhà, sửa thuyền, sửa đền thờ của đạo giáo, sửa chùa chiền

[Giải thích]:

Cửu Lương Tinh phân bố vào “*Lục thập Giáp Tý*”, mỗi năm phân bố ở một nơi. Sự phân bố của Cửu Lương Tinh được thể hiện trong bảng 3-5.

Khâu công⁽¹⁾ sát: Năm Giáp Kỷ tại tháng chín, năm Ất Canh tại tháng mười một, năm Bính Tân tại tháng giêng, năm Đinh Nhâm tại tháng ba, năm Mậu Quý tháng năm

Bảng 3-5. Sự phân bố của Cửu Lương Tinh

Giáp Tý	Ất Sửu	Bính Dần	Đinh Mão	Mậu Thìn	Kỷ Tỵ
Miếu làng	Bếp	Ngoài trời	Phường Dẫn Cấn của sau	Phường Dẫn Chấn đến chùa	Phường Thân đến chùa
Canh Ngọ	Tân Mùi	Nhâm Thân	Quý Dậu	Giáp Tuất	Ất Hợi
Ngoài trời	Ngoài trời	Sảnh chính	Phường Cấn Dẫn Mão Ngọ của sau	Miếu Thân	Bến chùa
Bính Tý	Đinh Sửu	Mậu Dần	Kỷ Mão	Canh Thìn	Tân Tỵ
Sảnh giữa	Bếp, giếng phường Dẫn	Đông Bắc	Đến chùa của sau	Đến chùa	Ngoài trời
Nhâm Ngọ	Quý Mùi	Giáp Thân	Ất Dậu	Bính Tuất	Đinh Hợi
Miếu Thân	Giếng nước	Sảnh trong sảnh chính	Ngoài trời	Ngoài trời	Cửa chính chùa chiến
Mậu Tý	Kỷ Dậu	Canh Dần	Tân Mão	Nhâm Thìn	Quý Tỵ
Đàn bếp	Nhà bếp phường Dẫn	Phường Ngọ	Ngoài trời	Ngoài trời	Cổng ngoài chùa chiến
Giáp Ngọ	Ất Mùi	Bính Thân	Đinh Dậu	Mậu Tuất	Kỷ Hợi
Phường Tuất Hợi	Giếng nước phường Hợi	Ngoài trời	Đến chùa	Miếu chùa Tăng đường	Ngoài trời
Canh Tý	Tân Sửu	Nhâm Dần	Quý Mão	Giáp Thìn	Ất Tỵ
Sảnh sân trong	Ngoài trời	Bếp, giếng, cầu, cửa, đường phường Đông Bắc Ngọ	Ngoài trời	Tăng đường Miếu làng	Ngoài trời
Bính Ngọ	Đinh Mùi	Mậu Thân	Kỷ Dậu	Canh Tuất	Tân Hợi
Ngoài trời	Tăng đường Thanh Hoàng, miếu làng	Sảnh sân trong	Đến chùa, miếu làng	Miếu làng	Bến chùa
Nhâm Tý	Quý Sửu	Giáp Dần	Ất Mão	Bính Thìn	Đinh Tỵ
Ngoài trời	Tăng đường, miếu làng	Phường Sửu	Ngoài trời	Phường Dẫn Thìn	Cửa trước
Mậu Ngọ	Kỷ Mùi	Canh Thân	Tân Dậu	Nhâm Tuất	Quý Hợi
Táo bếp phường Tuất Hợi	Giếng	Cầu, giếng, cửa, đường	Phường Ngọ	Đến chùa	Thuyền phường Kỷ

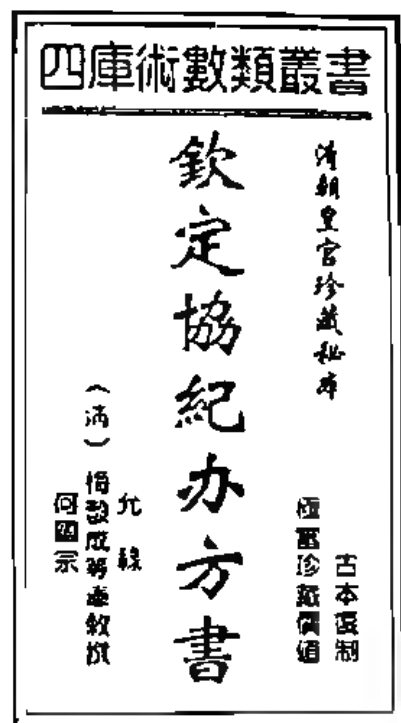
[Chú thích]:

[1] Khâu Công: Tức Khâu Diên Hàn, cuối đời nhà Đường

[Giải thích]:

Trong cuốn “Nhân tự tu tri” có ghi: Các Thần Sát trong cuốn “Thông thư” phần lớn đều xuất phát từ “Nguyên kinh”, Ngoài ra, các nhà thuật số ai hư cấu ra một số Thần Sát và đặt những tên gọi khác nhau cho mỗi Thần Sát, khiến cho con người cảm thấy sợ hãi. Chẳng hạn như một vị Thần Sát có tên gọi là Lý Quảng Tiến. Lý Quảng là người thời Hán Vũ Đế; Còn Từ Khâu

Công trong Khẩu Công Sát là người thời nhà Đường, Dương Công trong Dương Công Kỳ cũng là người thời nhà Đường. Vào trước thời nhà Đường, những Thần Sát này chưa có, vì vậy cũng không cần phải cầu nê.



Ảnh chụp từ cuốn "Khâm Định Hiệp kỷ biên phương thư"

Đời nhà Thanh

Đây là một cuốn sách về lịch pháp và thuật số thời xưa. Năm Căn Long thứ tư (tức năm 1739 sau CN), do một số người đã biên soạn ra cuốn sách này, trong đó có Trương Thân Vương Doãn Lộc. Toàn bộ cuốn sách có 36 phần, trong đó có 2 phần "Nguyên bản", 6 phần "Nghĩa lý" (ví dụ nói rõ về nghĩa lý), 1 phần "Lập thành", 1 phần "Kỷ hợp" và 1 phần "Dùng sự", phần "Công quy" (quy định chung), 6 phần "Niên biểu" (bảng kê sự kiện theo năm), 12 phần "Nguyệt biểu" (bảng kê sự kiện theo tháng), 1 phần "Nhật biểu" (bảng kê sự kiện theo ngày), 2 phần "Niên biểu", 1 phần "Phụ lục" và 1 phần "Biện ngoa" (nhân biết sai lầm). Cuốn sách này đã thu thập và ghi chép lại học thuyết "Tinh lịch tông Thần" thời xưa (Tinh lịch là bảng ghi chép lại vị trí và quỹ đạo chính xác theo từng mốc thời gian của các Thiên thể khi vận hành; Tông Thần tập hợp các vị Thần), có tác dụng rất lớn trong việc chọn ngày chọn giờ. Hình vẽ bên được chụp từ cuốn "Khâm định hiệp kỷ biên phương thư".

Ngày lành trong các tháng dùng để tu tạo của nhà: Ngày Quý Dậu, trừ ngày Đinh Dậu của tháng giêng; Ngày Giáp Dần của tháng hai, Ngày Canh Tý, trừ ngày Ất Tý của tháng ba; Ngày Giáp Tý, Canh Tý, trừ ngày Canh Ngọ của tháng tư; Ngày Giáp Dần, trừ ngày Bính Dần của tháng năm; Ngày Giáp Thân, Giáp Dần, trừ ngày Bính Thân, Canh Thân của tháng sáu; Ngày Bính Thìn của tháng bảy; Ngày Ất Hợi của tháng tám; Ngày Canh Ngọ, Bính Ngọ của tháng chín, Ngày Giáp Tý, Ất Mùi, Nhâm Ngọ, Canh Tý, Tân Mùi, trừ ngày Canh Ngọ của tháng mười, Ngày Giáp Dần của tháng mười một; Ngày Mậu Dần, Giáp Dần, Giáp Tý, Giáp Thân, Canh Tý, trừ ngày Canh Thân, Bính Dần, Bính Thân của tháng mười hai.

Hơn nữa, những ngày lành trên đây không phạm vào Chu Tước, Thiên Lao, Thiên Hỏa, Chúc Hòa, Cửu Không, Tử Khí, Nguyệt Phá, Tiểu Hao, Thiên Tặc, Địa Tặc, Thiên Ôn, Thụ Tử, Băng Tan Ngoa Hạm, Âm Dương Thác, Nguyệt Kiến, Chuyển Sát, Tứ Hao, Chính Tứ Phế, Cửu Thổ Quý, Phục Đoạn, Hòa Tinh, Cửu Sữu, Tai Môn, Ly Khoa, Thứ Địa Hỏa, Tứ Kỳ, Ngũ Cùng, Hao Tuyệt, Canh Dần Môn, Đại Phu Tử Nhật, Bạch Hổ, Cửu Thoái, Tam Sát, Lục Giáp Thai Thần,... Những Thần Sát này không ở tại phương của nhà trong những ngày trên, tuy nhiên, vẫn phải xem có phạm vào Trái Mộc Tinh hay không.



Lỗ Ban Tranh Tết

Lỗ Ban là thợ xây người Trung Quốc thời xưa. Tương truyền, ông họ Công Du, tên là Ban, hay còn gọi là Bàn, là người nước Lỗ thời Xuân Thu. Ông đã có công hiến rất lớn trong ngành xây dựng, được người đời sau, đặc biệt là thợ xây và thợ mộc tôn làm sư tổ ngành xây dựng

[Giải thích]:

Chu Tước Hắc Đạo: Tức tháng gêng tại Mão, tháng hai tại Tỵ, tháng ba tại Mùi, tháng tư tại Dậu, tháng năm tại Hợi, tháng sáu tại Sửu, tháng bảy quay lại tại Mão,... suy đoán 6 chi Âm theo thứ tự.

Thiên Lao Hắc Đạo: Tức tháng gêng bắt đầu từ ngày Thân, tháng hai vào ngày Tuất, tháng ba ngày Tý, tháng tư ngày Dần, tháng năm ngày Thìn, tháng sáu ngày Ngọ, tháng bảy ngày Thân,... tiếp tục suy đoán 6 chi Dương theo thứ tự.

Thiên Hỏa: Kết câu này tháng gêng vào ngày Tý, tháng hai vào ngày Mão, tháng ba vào ngày Ngọ, tháng tư vào ngày Dậu, tháng năm vào ngày Tý, suy ra Tứ Trọng theo thứ tự (Trong Xuân Trọng Hạ, Trọng Thu, Trọng Đông), áp ai chu kỳ

Cuốn "Hiệp kỷ bốn phương thứ" có ghi chép về Chúc Hỏa như sau: Nam Tỵ Ngọ vào ngày Canh nam Sửu Dần Ngọ vào ngày Thân, nam Mão vào ngày Khâm nam Thìn Tỵ và ngày Tốn, nam Ngọ vào ngày Tọa, nam Mùi Thân vào ngày Ly, nam Dậu vào ngày Khôn, nam Tuất Hợi vào ngày Cấn. Cuốn "Tương cát thông thư" là ghi "tháng giêng ngày Tuất, tháng hai ngày Thìn, tháng ba ngày Hợi, tháng tư ngày Tỵ, tháng năm ngày Tỵ, tháng sáu ngày Ngọ, tháng bảy ngày Sửu, tháng tám ngày Mùi, tháng chín ngày Dần, tháng mười ngày Thân, tháng mười một ngày Mão, tháng mười hai ngày Dậu. Như vậy, nếu dùng ghi chép trong 2 cuốn sách này là khác nhau. Sự "Hiệp kỷ bốn phương thứ" thì cho rằng, cách tính Chúc Hỏa là lấy kết cấu thay đổi dờ vạch ngang nét trên dưới của cung để mà Thái Tuế của năm đó / dụ như Thái Tuế tại Tỵ, cung số sẽ là Tỵ, thay đổi vạch nét trên dưới quẻ Ly sẽ là Cấn, vì vậy, Cấn là Chúc Hỏa. Năm Sửu nam Dần ở cung Cấn, cung đó là Thìn là Khôn, thay đổi vạch nét trên dưới quẻ Khôn sẽ là Cấn vì vậy năm Sửu Dần tại Cấn nhưng năm còn lại, nếu suy đoán theo phương pháp đó. Nếu tính căn của năm đó là Bình Đỉnh, thì kết cấu "Chúc Hỏa" đang tại gần mờ có thể có là cung Hối không có "Bình Đỉnh" thì gần thì sẽ không có trở ngại gì. Quan điểm này cũng tương đối chính.

Cuốn "Hiệp kỷ bốn phương thứ" là ghi chép về "Cửu không" như sau: Tháng giêng vào ngày Thìn, tháng hai ngày Sửu, tháng ba ngày Tuất, tháng tư ngày Mùi, tháng năm ngày Thìn, sau đó tiếp tục áp dụng như kỳ. Cuốn "Tương cát thông thư" là ghi "tháng giêng vào ngày Thìn, tháng hai ngày Sửu, tháng ba ngày Tuất, tháng tư ngày Mùi, tháng năm ngày Mão, tháng sáu ngày Tỵ, tháng bảy ngày Dậu, tháng tám ngày Ngọ, tháng chín ngày Dần, tháng mười ngày Hợi, tháng mười một ngày Thân, tháng mười hai ngày Tỵ. Hai cuốn này có sự khác nhau bắt đầu từ tháng năm, nhưng nếu xét về nguyên tắc thì cuốn "Hiệp kỷ bốn phương thứ" có vẻ hợp lý hơn.



Sơ đồ phong thủy Chu Nguyên

Công Lưu, Tổ tiên của dân tộc Chu khi lựa chọn đất để xây dựng cung thất đã vẽ ra bản sơ đồ rất tỷ mỉ về phong thủy địa lý. Phương pháp chọn đất của ông đã được người đời sau của dân tộc Chu kế thừa và phát huy.

Tử Khí: Tháng giêng ngày Ngọ, tháng hai ngày Mùi, tháng ba ngày Thân, tháng tư ngày Dậu, tháng năm ngày Tuất, tháng sáu ngày Hợi, tháng bảy ngày Tý, tháng tám ngày Sửu, tháng chín ngày Dần, tháng mười ngày Mão, tháng mười một ngày Thìn, tháng mười hai ngày Tỵ.

Nguyệt Phá Túc là kết cấu đối xứng với Nguyệt Lành Tháng giêng ngày Thân, tháng hai ngày Dậu, tháng ba ngày Tuất, tháng tư ngày Hợi, tháng năm ngày Tý, tháng sáu ngày Sửu, tháng bảy ngày Dần, tháng tám ngày Mão, tháng chín ngày Thìn, tháng mười ngày Tỵ, tháng mười một ngày Ngọ, tháng mười hai ngày Mùi.

Tiểu Hạo: Được chia ra làm hai loại: Tiểu Hạo năm và Tiểu Hạo tháng. Tiểu Hạo năm: Năm Tý ngày Tỵ, năm Sửu ngày Ngọ, năm Dần ngày Mùi, năm Mão ngày Thân, năm Thìn ngày Dậu, năm Tỵ ngày Tuất, năm Ngọ ngày Hợi, năm Mùi ngày Tý, năm Thân ngày Sửu, năm Mão ngày Thân, năm Thìn ngày Dậu, năm Tỵ ngày Tuất, năm Ngọ ngày Hợi, năm Mùi ngày Tý, năm Thân ngày Sửu, năm Dậu ngày Dần, năm Tuất ngày Mão, năm Hợi ngày Thìn. Tiểu Hạo tháng: Tiểu Hạo tháng cũng giống Tiểu Hạo năm, chỉ khác là chi năm được thay bằng chi tháng và tháng giêng bắt đầu tính từ Mùi, tiếp tục suy đoán theo thứ tự cho 11 tháng còn lại. Vì kết cấu này có nét sắc của Thái Tuế và Nguyệt Phá nên mới có tên gọi như vậy. Nếu Dần Mão Thìn là Mộc thì sẽ là Bệnh Tỵ, Tử Ngọ, Mộ Mùi, Tuyệt Thân. Vì vậy, kết cấu này là Tiểu Hạo.

Địa Tắc: Tháng giêng, tháng hai vào ngày Tý, tháng ba ngày Hợi, tháng tư ngày Tuất, tháng năm ngày Dậu, tháng sáu, tháng bảy, tháng tám ngày Ngọ, tháng chín ngày Tỵ, tháng mười ngày Thìn, tháng mười một ngày Mão, tháng mười hai ngày Tý.

Thụ Tử: Tháng giêng ngày Tuất, tháng hai ngày Thìn, tháng ba ngày Hợi, tháng tư ngày Tỵ, tháng năm ngày Tý, tháng sáu ngày Ngọ, tháng bảy ngày Sửu, tháng tám ngày Mùi, tháng chín ngày Dần, tháng mười ngày Thân, tháng mười một ngày Mão, tháng mười hai ngày Dậu.

Bàng Tiêu Ngõa Hâm: Tháng giêng ngày Tỵ, tháng hai ngày Tý, tháng ba ngày Sửu, tháng tư ngày Thân, tháng năm ngày Mão, tháng sáu ngày Tuất, tháng bảy ngày Hợi, tháng tám ngày Ngọ, tháng chín ngày Mùi, tháng mười ngày Dần, tháng mười một ngày Dậu, tháng mười hai ngày Thìn.

Âm Thác: Tháng giêng ngày Canh Tuất, tháng hai ngày Tân Dậu, tháng ba ngày Canh Thân, tháng tư ngày Đinh Mùi, Kỷ Mùi, tháng bảy ngày Đinh Tỵ, Kỷ Tỵ, tháng tám ngày Giáp Thìn, tháng chín ngày Ất Mão, tháng mười ngày Giáp Dần, tháng mười một ngày Quý Sửu, tháng mười hai ngày Quý Hợi.

Dương Thác Tháng giêng ngày Giáp Dần, tháng hai ngày Ất Mão, tháng ba ngày Giáp Thìn, tháng tư ngày Đinh Tỵ, Kỷ Tỵ, tháng bảy ngày Đinh Mùi, Kỷ Mùi, tháng tám ngày Canh Thân, tháng chín ngày Tân Dậu, tháng mười ngày Canh Tuất, tháng mười một ngày Quý Hợi, tháng mười hai ngày Quý Sửu.

Bảng 3-6. Suy đoán tiết khí ngày Cửu Sửu

Giờ Ngày Tiết khí	Mậu Tý	Mậu Ngọ	Nhâm Tý	Nhâm Ngọ	Ất Mão	Kỷ Mão	Tân Mão	Ất Dậu	Kỷ Dậu	Tân Dậu
Vũ Thủy	Tý	Ngọ	Tý	Ngọ	Dậu	Dậu	Dậu	Mão	Mão	Mão
Xuân Phá	Hợi	Tý	Hợi	Tý	Thân	Thân	Thân	Dần	Dần	Dần
Cốc Vũ	Tuất	Thìn	Tuất	Thìn	Mùi	Mùi	Mùi	Sửu	Sửu	Sửu
Tiểu Hàn	Dậu	Mão	Dậu	Mão	Ngọ	Ngọ	Ngọ	Tý	Tý	Tý
Hạ Chí	Thân	Dần	Thân	Dần	Tý	Tý	Tý	Hợi	Hợi	Hợi
Đại Thử	Mùi	Sửu	Mùi	Sửu	Thìn	Thìn	Thìn	Tuất	Tuất	Tuất
Xử Thử	Ngọ	Tý	Ngọ	Tý	Mão	Mão	Mão	Dậu	Dậu	Dậu
Thu Phán	Tý	Hợi	Tý	Hợi	Dần	Dần	Dần	Thân	Thân	Thân
Sương Giá	Thìn	Tuất	Thìn	Tuất	Sửu	Sửu	Sửu	Mùi	Mùi	Mùi
Tiểu Tuyết	Mão	Dậu	Mão	Dậu	Tý	Tý	Tý	Ngọ	Ngọ	Ngọ
Đông Chí	Dần	Thân	Dần	Thân	Hợi	Hợi	Hợi	Tý	Tý	Tý
Đại Hàn	Sửu	Mùi	Sửu	Mùi	Tuất	Tuất	Tuất	Thìn	Thìn	Thìn

Nguyệt Kiến, Chuyển Sát: Có hai cách tính: Thứ nhất là “Xuân Mão, Hạ Ngọ, Thu Dậu, Đông Tý”; Thứ hai là “Xuân Nhâm Tý, Hạ Ất Mão, Thu Mậu Ngọ, Đông Tân Dậu.”

Tứ Hao: Mùa Xuân ngày Nhâm Tý, mùa Hạ ngày Ất Mão, mùa Thu ngày Mậu Ngọ, mùa Đông ngày Tân Dậu.

Chính Tứ Phế: Mùa Xuân ngày Canh Thân, Tân Dậu, mùa Hạ ngày Nhâm Tý, Quý Hợi, mùa Thu ngày Giáp Dần, Ất Mão, mùa Đông ngày Bính Ngọ, Đinh Tỵ.

Tứ Kỳ: Mùa Xuân ngày Giáp Tý, mùa Hạ ngày Bính Tý, mùa Thu ngày Canh Tý, mùa Đông ngày Nhâm Tý.

Tứ Cùng: Mùa Xuân ngày Ất Hợi, mùa Hạ ngày Đinh Hợi, mùa Thu ngày Tân Hợi, mùa Đông ngày Quý Hợi.

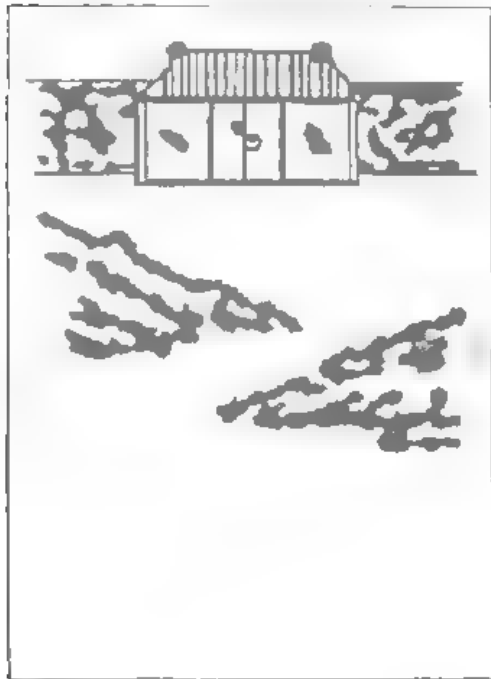
Cửu Thổ Quý: Ngày Đinh Tỵ, Giáp Ngọ, Mậu Ngọ, Ất Dậu, Canh Tuất.

Phục Đoạn: Năm Dần tại sao Thất, năm Mão tại sao Nữ, năm Thìn tại sao Cơ, năm Tỵ tại sao Gốc, năm Ngọ tại sao Phòng, năm Mùi tại sao Trương, năm Thân tại sao Quý, năm Dậu tại sao Chủy, năm Tuất tại sao Vi, năm Hợi tại sao Bích, năm Tý tại sao Hư, năm Sửu tại sao Đầu.

Hỏa Tinh: Trong các tháng Dần, Thân, Tỵ, Hợi ở vào các ngày Ất Sửu, Giáp Tuất, Quý Mùi, Nhâm Thìn, Tân Dậu, Canh Tuất, Kỷ Mùi. Trong các tháng Tý, Ngọ, Mão, Dậu ở tại các ngày Giáp Tý, Quý Dậu, Nhâm Ngọ, Tân Mão, Canh Tý, Kỷ Dậu, Mậu Ngọ. Trong các tháng Thìn, Tuất, Sửu, Mùi ở tại các ngày Nhâm Thân, Tân Tỵ, Canh Dần, Kỷ Hợi, Mậu Thân, Đinh Tỵ.

Cửu Sửu, Mậu Tý, Mậu Ngọ, Nhâm Tý, Nhâm Ngọ, Ất Mão, Kỷ Mão, Tân Mão, Ất Dậu, Kỷ Dậu, Tân Dậu, Nhâm, Cửu Sửu được quy đoán theo tiết khí (xem cụ thể trong bảng 3.6)

Lý Khoa ngày Thìn Mao, Mậu Thìn, Kỷ Tỵ Mậu Dần, Tân Tỵ, Mậu Tỵ, Kỷ Sửu Mậu Tuất, Kỷ Thìn, Mậu Ngọ, Tân Sửu, Nhâm Tuất, Quý Hợi, Tân Hợi, Nhâm Ngọ, Nhâm Thân, Mị, Thân



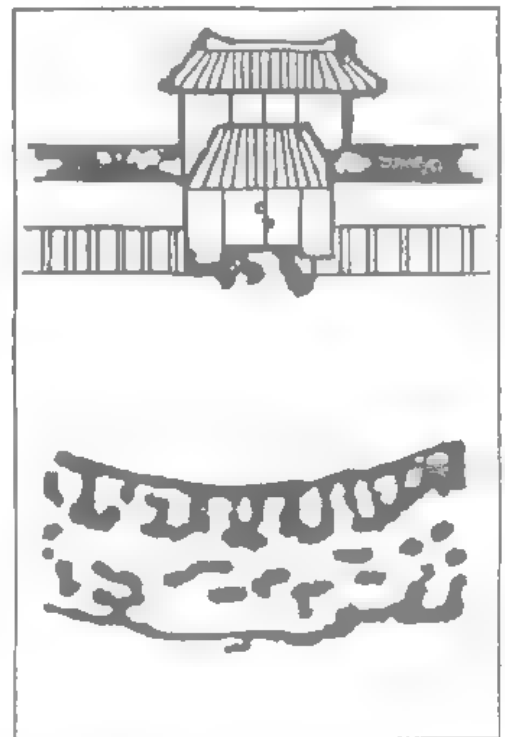
Trước cửa có bãi cát nhọn (hoặc hình tam giác)

Nếu từ trong nhà nhìn ra thấy có bãi cát nhọn hoặc hình tam giác thì ngôi nhà này sẽ phạm vào Tiềm Xạ Sát. Khi phạm vào vị Tán Sát này, người trong nhà dễ bị thương, thậm chí gặp tai nạn đổ máu

Trước cửa có dòng nước hình đai ngọc

(vành ngọc)

Nếu công trình xây dựng nằm ở phía trong một dòng nước có hình đai ngọc, giống với đai ngọc đeo ở phần thắt lưng của quan lại thời xưa thì nhiều đời sẽ có người theo nghiệp học hành, người trong nhà có mệnh làm quan, họ hàng, tổ tông được vinh hoa, phú quý



Thứ Địa Hỏa: Tháng giêng ngày Tý, tháng hai ngày Ngọ, tháng ba ngày Mùi, tháng tư ngày Thân, tháng năm ngày Dậu, tháng sáu ngày Tuất, tháng bảy ngày Hợi, tháng tám ngày Tý, tháng chín ngày Sửu, tháng mười ngày Dần, tháng mười một ngày Mão, tháng mười hai ngày Thìn

Hạo Sắc: Bao gồm 8 ngày: Canh Thìn, Tân Tỵ, Bính Tuất, Đinh Hợi, Canh Tuất, Tân Hợi, Bính Thìn, Đinh Tỵ.

Bạch Hổ: Năm Tý ngày Thân, năm Sửu ngày Dậu, năm Dần ngày Tuất, năm Mão ngày Hợi, năm Thìn ngày Tý, năm Tỵ ngày Sửu, năm Ngọ ngày Dần, năm Mùi ngày Mão, năm Thân ngày Thìn, năm Dậu ngày Tỵ, năm Tuất ngày Ngọ, năm Hợi ngày Mùi (khái niệm “Bạch Hổ” được đề cập đến ở đây khác với “Bạch Hổ” trong Hoàng Đạo thập nhị Thần)

Cửu Thoái: Năm Tý ngày Mão, năm Sửu ngày Tỵ, năm Dần ngày Dậu, năm Mão ngày Ngọ, năm Thìn ngày Mão, năm Tỵ ngày Tý, năm Ngọ ngày Dậu, năm Mùi ngày Ngọ, năm Thân ngày Mão, năm Dậu ngày Tý, năm Tuất ngày Dậu, năm Hợi ngày Ngọ.

Lục Giáp Thai Thần: Tháng gêng ở tại phòng ngủ, tháng hai cửa sổ, tháng ba môn đường, tháng tư nhà kho, tháng năm thân giường, tháng sáu đầu giường, tháng bảy cối giã gạo, tháng tám cửa sổ, tháng chín môn phòng, tháng mười giường trong phòng, tháng mười một ở đèn, tháng mười hai ở giường. Tháng ba và tháng chín, Lục Giáp Thai Thần đóng trên cửa, vì vậy, trong 2 tháng này không nên lau cửa

Trái Mộc Tinh: Phương mà Trái Mộc Tinh đóng hàng năm: Năm Mậu Quý ở tại phương Khôn (có sách nói là phương Khôn Canh), năm Giáp Kỷ ở vào phương Chấn, năm Ất Canh ở vào phương Khảm, năm Bính Tân ở vào phương Ngọ, năm Đinh Nhâm ở vào phương Càn. Khi gặp những kết cấu này không nên làm cửa hoặc lấp đất cửa

Trái Mộc Tinh đóng vào các ngày: Tháng giêng vào ngày mùng 3, ngày 11, ngày 19, 27 (nhiều sách khác viết là vào mùng 6, 14, 22), Tháng thiếu thì vào các ngày mùng 2, mùng 10, 18, 26 (nhiều sách khác viết là mùng 2, mùng 7, 15, 23) Khi gặp những kết cấu này không nên làm cửa hoặc lấp đất cửa.

Môn Quang Tinh⁽¹⁾: Tháng đủ đếm từ dưới lên trên hoặc từ phải qua trái, tháng thiếu đếm từ trên xuống dưới hoặc từ trái qua phải. Nếu gặp được vòng tròn màu trắng⁽²⁾ là may mắn, nếu gặp gặp vòng tròn màu đen là xui xẻo (hình chữ nhân thì tổn hại cho người, nếu gặp hình chữ Y thì tổn hại cho gia súc).

[Chú thích]:

[1] Môn Quang Tinh. Trong cuốn “Tiên dân đồ soạn”, sách in ván khắc thời gian năm Vạn Lịch thời nhà Minh có nói, khi sửa cửa phải chọn giờ và tránh năm, tháng, ngày bị cấm kỵ. Trong sách có vẽ sơ đồ Môn Quang Tinh “Môn Quang Tinh” tổng cộng có 30 vị trí, tháng đủ thì đếm ngược, tức là đếm từ dưới lên trên, tháng thiếu thì đếm thuận, tức là đếm từ trên xuống dưới, mỗi ngày tương ứng với 1 vị

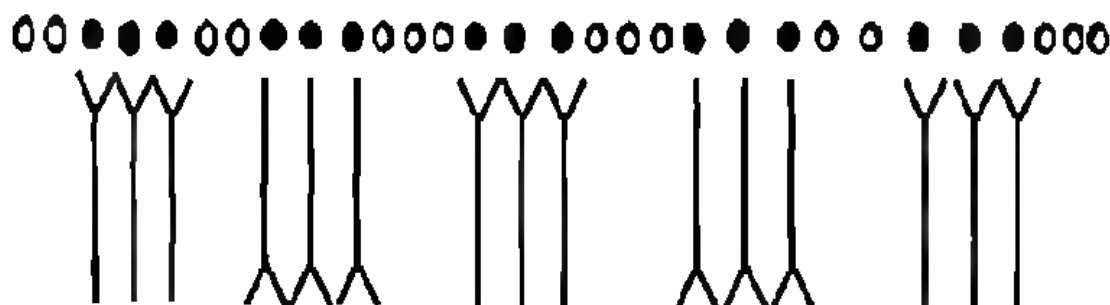
trí. Nếu gặp được vòng tròn màu trắng sẽ là may mắn, gặp vòng tròn màu đen sẽ không may mắn, (trong đó, nếu gặp chữ nhân sẽ tổn hại đến người, gặp chữ Y thì tổn hại đến gia súc). Trong 1 tháng chỉ có khoảng 1 ngày rưỡi được coi là cát lợi cho việc sửa cửa.

[2] Vòng tròn màu trắng Mỗi vòng tròn màu trắng hoặc vòng tròn màu đen (được chia thành chữ nhân và chữ Y) dưới đây đều là 1 trong 30 vị trí của Môn Quang Tinh.

[Giải thích]:

“Môn Quang Tinh” là một cách dùng thước khác ngoài cách dùng thước Lỗ Ban Ngoài ra, còn có Cửu Lương Tinh, Khẩu Công Sát,... đều là những phương pháp giúp trợ cả lựa chọn thời gian khi làm cửa

Trong cuốn “Dương trạch thập thư”, trong phần nói đến Môn Quang Tinh có 30 chữ như sau: “Thiểm thiêm tiêu, tạc dạ vũ lâm lý, vũ quá trường sa mãn động đình, đảo tại giang hồ lưu bất tận, đắc trùng thanh xứ, thi diệp trùng thanh.” 30 chữ này tương ứng với 30 vị trí trong sơ đồ hung cát Môn Quang Tinh. Tháng đủ thì dùng tất cả 30 chữ, tháng thiếu thì dùng 29 chữ, bỏ chữ “Tiêu”.



Sơ đồ Môn Quang Tinh

Thước Lỗ Ban (con gọi là thước Môn Quang) có chiều dài là 45,4 cm, mặt trước được chia thành 8 đoạn, dùng 8 chữ “Tài, Bệnh, Ly, Nghĩa, Quan, Khiếp, Hại, Sát” để phân đoạn cát hung, mỗi chữ tương ứng cho một sao 2 bên con (ở Môn Quang Tinh, Cửu Lương Tinh, Khẩu Công Sát, ... trợ giúp cho người thợ cả sử dụng để chọn giờ khi làm cửa

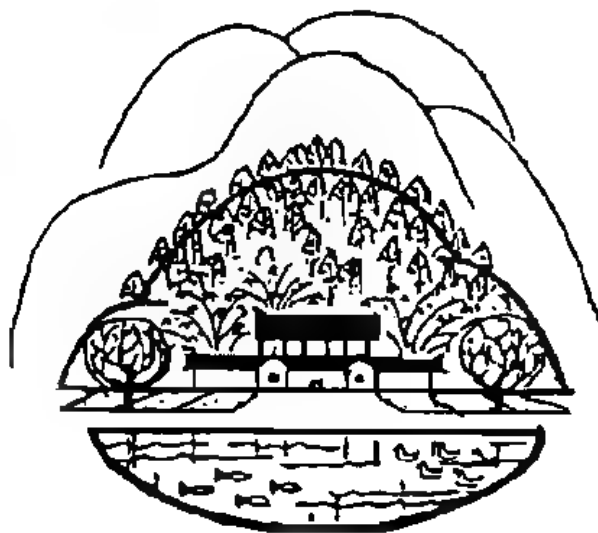
Xác định ngày lành lành Môn Quang Tinh: Tháng đủ: Mùng 1, mùng 2, mùng 3, mùng 7, mùng 8, 12, 13, 14, 18, 19, 20, 24, 25, 29, 30; Tháng thiếu: Mùng 1, mùng 2, mùng 6, mùng 7, 11, 12, 13, 17, 18, 19, 23, 24, 28, 29.

Suy đoán cát hung khi xây tháp (chóp) trên công không thể chỉ tham chiếu “Môn Lầu Kinh” và “Ngọc Liên Kinh”⁽¹⁾ (vì những cuốn sách này có khá nhiều sai sót). Phương của cửa phải tránh chiếu thẳng trực tiếp với bãi cát, dòng nước, con đường, tảng đá lởm chởm, đèo, đỉnh núi trơ trọi, cây khô, miếu thần, ... dạng góc cạnh, vì nếu tạo thành kết cấu đối xung thì có nghĩa là Sát Tinh sẽ thừa cơ vào nhà, không may mắn. Nên có phương nghiêng đón sông, núi, tránh để dòng nước xiên ngang hoặc để nghe thấy âm thanh bị ai, sâu thẳm của dòng nước. Trong “Kinh thư” có ghi: “Lấy Thủy làm Chu Tước”⁽²⁾ kỵ nước chảy thành tiếng”.

[Chú thích]:

[1] “Môn Lâu Kinh”, “Ngọc Liên Kinh”. Là khái niệm trong cuốn “Môn Lâu Ngọc Liên Kinh” - một cuốn sách dùng cho phong thủy trong xây dựng, chuyên nói về các bố cục phương vị cát hung trong Dương trạch và ứng dụng của nó trong thực tế, chủ yếu dùng để bố trí cho Dương trạch, chuồng trâu, bò, dê, ngựa, lợn; giếng và công trình phụ, .

[2] Chu Tước: Là một trong “tứ thế” trong phong thủy, dùng để chỉ đồi núi và sông suối, đối diện thẳng trục nếp với công trình kiến trúc, tức “Triều Sơn” hoặc “Triều Thủy”. “Chu Tước Bị Khấp” là một trong “tứ nguy” theo quan niệm của các nhà phong thủy, dùng để chỉ sông suối trước hang núi có thể nước chảy xiết tạo thành âm thanh, hi coi là hung



Sơ đồ Dương trạch lý tưởng Tranh phác họa

Trong cuốn “Hậu Hán Thư” có ghi Yêu cầu đòi hỏi một ngôi nhà là phải có được “Lương điền quảng trạch (ruộng vườn tốt, nhà cửa rộng), lưng tựa vách núi, gần kề sông suối, ao hồ vây quanh, cây cối râm rạp, phía trước có chuồng trại, phía sau có vườn cây ăn quả” “Lưng tựa vách núi gần kề sông suối, phía trước có chuồng trại” chính là những yêu cầu cơ bản của thuật phong thủy đối với một Dương trạch. Hình vẽ trên là sơ đồ một Dương trạch lý tưởng

[Giải thích]:

Cuốn “Ngọc Liên Kinh” đã có không ít ghi chép về tình trạng cát hung khi lấp đặt cổng và xây tháp trên cổng.

Tình trạng cát hung khi lấp đặt cổng được thể hiện trong bảng 3-7.

Tình trạng cát hung khi xây tháp trên cổng được thể hiện trong bảng 3-8.

Từ bảng 3-7 và 3-8 có thể thấy rằng, trong vấn đề cát hung khi làm cổng hoặc xây tháp trên cổng, “Ngọc Liên Kinh” tuy có phần nhỏ hẹp với nguyên tắc xung - hợp, sinh - khắc trong ngũ hành, nhưng phần lớn đều không hợp nguyên tắc chung.

Trong thuật phong thủy, vùng đất rộng lớn ở phía trước cổng ngoài của một Dương trạch thường được gọi là ngoại minh đường. Các nhà phong thủy và nhà kiến trúc rất coi trọng ngoại minh đường, họ cho rằng, nếu ở đó có dòng nước hình đai ngọc hoặc một con đường ngoằn ngoèo gấp khúc thì sẽ vô cùng may mắn.

Bảng 3-7. Tình trạng cát hung khi lắp đặt cửa

Phương vị Cát hung	Tọa sơn	Khảm Quý Thân Thìn Tuất	Cấn Bính	Chấn Cấn Hợi Mùi	Ly Nhâm Dần Tuất	Khôn Ất	Đoài Đinh Kỷ Sửu	Cấn Giáp
Phục Đức Cát		Thân	Hợi	Đần	Đinh	Khảm	Dậu	Tý
Ôn Dịch Hung		Cấn	Nhâm	Giáp	Mùi	Quý	Tân	Bính
Tiến Tài Cát		Dậu	Tý	Mão	Khôn	Sửu	Tuất	Ngo
Trường Bệnh Hung		Tân	Quý	Ất	Thân	Cấn	Cần	Đinh
Tử Tụng Hung		Tuất	Sửu	Thìn	Cấn	Đần	Hợi	Mùi
Quan Tước Cát		Cần	Cấn	Tôn	Dậu	Giáp	Nhâm	Khôn
Quan Quý Cát		Hợi	Đần	Tý	Tân	Mão	Tý	Thân
Tu Điều Hung		Nhâm	Giáp	Bính	Tuất	Ất	Quý	Cấn
Vượng Trang Cát		Tý	Mão	Ngo	Cần	Thìn	Sửu	Dậu
Hưng Phúc Cát		Quý	Ất	Đinh	Hợi	Tôn	Cấn	Tân
Pháp Trường Hung		Sửu	Thìn	Mùi	Nhâm	Tý	Đần	Tuất
Điền Cư Cát		Cấn	Tôn	Khôn	Tý	Bính	Giáp	Cần
Khẩu Thuyết Hung		Đần	Tý	Thân	Quý	Ngo	Mão	Hợi
Vượng Tâm Cát		Giáp	Bính	Cấn	Sửu	Đinh	Ất	Nhâm
Tiến Điền Cát		Mão	Ngo	Dậu	Cấn	Mùi	Thìn	Tý
Khốc Khấp Hung		Ất	Đinh	Tân	Đần	Khôn	Tôn	Quý
Cổ Quả Hung		Thìn	Mùi	Tuất	Giáp	Thân	Tý	Sửu
Vinh Xương Cát		Tôn	Khôn	Cần	Mão	Cấn	Bính	Cấn
Thiếu Vong Hung		Tý	Thân	Hợi	Ất	Dậu	Ngo	Đần
Xướng Dâm Hung		Bính	Cấn	Nhâm	Thìn	Tân	Đinh	Giáp
Thần Nhân Cát		Ngo	Dậu	Tý	Tôn	Tuất	Mùi	Mão
Hoan Lạc Cát		Đinh	Tân	Quý	Tý	Cần	Khôn	Ất
Tuyệt Bai Hung		Mùi	Tuất	Sửu	Bính	Hợi	Thân	Thìn
Vượng Tài Cát		Khôn	Cần	Cấn	Ngo	Nhâm	Cấn	Tôn

Trong thuật phong thủy, dòng nước hình đai ngọc được chia thành 2 loại là “Phản cung thủy” và “Ngọc đai thủy”. “Phản cung thủy” là một dòng nước uốn lượn theo hình cung tên; Còn “Ngọc đai thủy” là dòng nước có hình dạng giống hình chiếc đai ngọc đeo ở phần thắt lưng của quan lại thời xưa. Theo nguyên lý trong thuật phong thủy, mảnh đất được lựa chọn cho công trình kiến trúc nếu ở vào khúc cong của dòng sông thì nên ở phía trong mà không nên ở phía ngoài của hình vòng cung đó.

Con đường gấp khúc là con đường ngoằn ngoèo uốn lượn

Nếu ngôi nhà có bãi cát, dòng nước, con đường trực tiếp đối xung hoặc trước nhà có tảng đá lớn chồm, cây khô... thì đều bị coi là điềm dữ, không may mắn.

Người xưa cho rằng, nếu ngồi từ trong nhà nhìn ra thấy có những vật sắc nhọn trong tầm mắt, chẳng hạn như núi đá lởm chởm thì sẽ phạm vào Tiêm Xạ Sát, dự báo trước gia đình sẽ nhiều lần gặp phải vận mệnh bất thường. Trong khái niệm hình dáng đa diện của ngũ hành, sắc nhọn thuộc Hỏa, nếu nhà bị chiếu thẳng bởi một vật có hình sắc nhọn thì sẽ phạm vào Hỏa Hình Sát, dân gian gọi là “Tiêm Xạ Sát”. Tiêm Xạ Sát có rất nhiều loại, ví dụ như góc nhọn đỉnh đình, góc nhọn chiều dài Thuật phong thủy cho rằng, khi nhà cửa phạm vào Tiêm Xạ Sát thì người trong nhà thường dễ bị thương, nếu ngôi nhà phạm vào Tiêm Xạ Sát đó có được vượng khí thì người trong nhà cũng sẽ xảy ra một số thương tổn nhẹ; Nếu nhà gặp phải trung khí thì người trong nhà sẽ bị tai nạn đổ máu

Suy đoán Hoàng Tuyền Môn Lộ⁽¹⁾: Trong cuốn “Thiên cơ quyết”⁽²⁾ có ghi: “Canh Đinh Khôn thượng thi Hoàng Tuyền, Ất Bính tu phòng Tốn thủy tiên, Giáp Quý hưởng trung hữu kiến Cấn, Tân Nhâm thủy lộ phạm đương Cấn” Nếu phạm vào Hoàng Tuyền Sát từ phía chính diện, trẻ nhỏ trong nhà sẽ bị chết oan uổng, đồng thời cũng gây tổn hại đến người lớn trong nhà, bị bệnh lâu năm, con cái thì ngược.

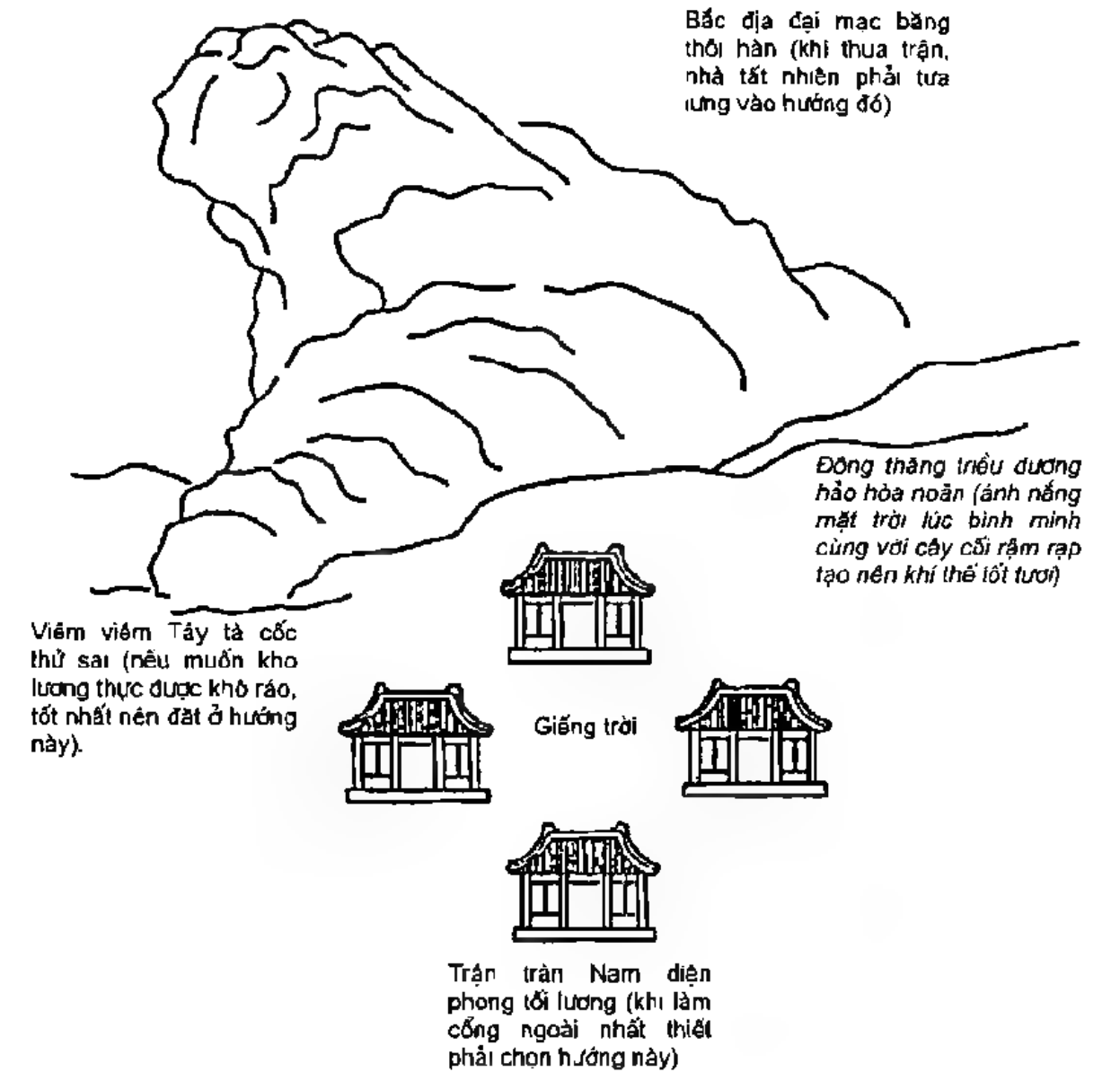
Bảng 3-8. Tình trạng cát hung khi xây tháp trên công

Phương vị Cát hung	Tọa sơn	Cần Hợi Nhâm Tý Quý Sửu	Cấn Dần Giáp Thìn	Mão Ất Tốn Ngọ	Tý Bính Canh Dậu	Khôn Thân Tân Tuất	Đinh Mù
Chất Kho	Chất Kho	Tý	Thân	Tuất	Hợi	Dần	Thìn
	Chữ Y	Bính	Canh	Cấn	Nhâm	Giáp	Tốn
Tuyết Thổ	Tuyết Tỵ	Ngọ	Tân	Hợi	Tý	Mão	Tý
	Hiển Cường	Đinh	Dậu	Nhâm	Quý	Ất	Bính
Hoành Tài	Hoành Sơn	Mùi	Tuất	Tý	Sửu	Thìn	Ngọ
	Thục Sơn	Khôn	Cấn	Quý	Cấn	Tốn	Đinh
Hình Ngục	Hình Đố	Thân	Hợi	Sửu	Dần	Tý	Mùi
	Thất Tước	Canh	Nhâm	Cấn	Giáp	Bính	Khôn
Tụ Cấm	Tạo Quan	Dậu	Tý	Dần	Mão	Ngọ	Thân
	Dũng Bảo	Tân	Quý	Giáp	Ất	Đinh	Canh
Tiến Điện	Tiến Điện	Tuất	Sửu	Mão	Thìn	Mùi	Dậu
	Hành Danh	Cấn	Cấn	Ất	Tốn	Khôn	Tân
Thục Ích	Thục Ích	Hợi	Dần	Thìn	Tý	Thân	Tuất
	Bổ Viên	Nhâm	Giáp	Tốn	Bính	Canh	Cấn
Ngũ Long	Tiến Long	Tý	Mão	Tý	Ngọ	Dậu	Hợi
	Ồn Báo	Quý	Ất	Bính	Đinh	Tân	Nhâm
Khóa Môn	Khóa Môn	Sửu	Thìn	Ngọ	Mùi	Tuất	Tý
	Gia Hư	Cấn	Tốn	Đinh	Khôn	Cấn	Quý
Khiểm Trá	Khiểm Trá	Dần	Tý	Mùi	Thân	Hợi	Sửu
	Kim Doanh	Giáp	Bính	Khôn	Canh	Nhâm	Cấn
Phạm La	Phạm La	Mão	Ngọ	Thân	Dậu	Tý	Dần
	Thiên Cô	Ất	Đinh	Canh	Tân	Quý	Giáp
Đại Hào	Đại Hào	Thìn	Mùi	Dậu	Tuất	Sửu	Mão
	Xương Quý	Tốn	Khôn	Tân	Cấn	Cấn	Ất

[Chú thích]:

[1] Hoàng Tuyền Môn Lộ: Thuật phong thủy Dương Công (Dương Công là tên gọi của một vị Quốc sư thời nhà Đường) gọi 2 cung Mộ Tuyết là “Hoàng Tuyền”. Cửa được làm trên kết cấu của 2 cung trên được gọi là “Hoàng Tuyền Môn”. Nếu động thổ, khởi công, lấy nước và thả nước trên vị trí “Hoàng Tuyền” sẽ đều phạm vào Hoàng Tuyền Sát

[2] “Thiên cơ quyết” Là tên một bộ sách cổ



Lựa chọn phương nhà lý tưởng

Trong hình vẽ trên, phía Bắc có một dãy núi làm bức bình phong, có thể ngăn gió lạnh, Trước cửa là phía Nam có đồng bằng, thông gió thoáng mát, Phía Tây có một hang động, rất tiện cho việc tránh nắng ra phơi, Phía Đông có thể nhìn thấy mặt trời mọc vào sáng sớm, thêm vào đó là cây cối rậm rạp, dự báo cho một khí thế tốt tươi

[Giải thích]:

Để hiểu được về kết cấu của Hoàng Tuyền, trước tiên cần biết được những điểm “Sinh, Tử, Mộ, Tuyệt” đối ứng với “Giáp, Ất, Bính, Đinh, Canh, Tân, Nhâm, Quý” (xem bảng 3-9).

Trong phương pháp “trạch cát” của Trung Quốc thời xưa, có một phương pháp được gọi là “Trường Sinh thập nhị Thần”. Phương pháp “trạch cát” này chia 12 tháng của một năm ra thành 12 giai đoạn là Trường Sinh, Mộc Dục, Quan Đới, Lâm Quan, Đới Vương, Suy, Bệnh, Tử, Mộ, Tuyệt, Thai, Dưỡng, tượng trưng cho quá trình tuần hoàn nhiều lần từ sinh đến diệt của Ngũ hành và 12 Địa chi. “Sinh, Tử, Mộ, Tuyệt” là 4 trong 12 giai đoạn đó.

Trong thuật phong thủy, xét về quái lý, Hoàng Tuyền Sát chỉ được chọn 4 giai đoạn là Sinh, Vương, Mộ, Tuyệt để bàn luận.

Sinh, Vương, Mộ, Tuyệt có ý nghĩa như sau:

Trường Sinh: Bao gồm các ý nghĩa như ra đời, sinh trưởng, nguồn gốc, điểm khởi đầu, giúp đỡ, nương tựa, chỗ dựa, nuôi nấng, suối nguồn, gốc rễ, nguyên sơ, tỉnh lại, được cứu, cứu trợ, sản sinh, tìm kiếm, có được, phát sinh, ăn cơm,...

Đới Vương: Bao gồm các ý nghĩa như phát triển hưng thịnh, phát đạt, đắc ý, tinh thần, hưng phấn, thần trí, khỏe mạnh, hùng tráng, cao lớn, sở trường, lớn mạnh, huy hoàng, bùng bùng khí thế, lên cao (lên chức), có quyền, cực hạn, cao trào, đỉnh điểm,...

Mộ: Bao gồm các ý nghĩa bao dung, cất giấu, mai táng, đóng chặt, thu dọn, gửi (hành lý, tiễn tiết kiệm), quản lý, quản chế, thuộc về, khống chế, thao túng, chỉ huy, bao hàm, thâm tóm, bao trùm, cam bẫy, không tự do, mê mẩn, chịu quản thúc, ẩn giấu, bảo hộ, bảo vệ, quây tròn, nhà kho, quyền hạn, âm u (choáng váng, mơ màng), hồ đồ (lơ mơ, tung tung, lộn xộn), hắc ám, không thông suốt, không trôi chảy, kết thúc, lực cản, tắc nghẽn,...

Tuyệt: Bao gồm các ý nghĩa không có lối thoát, nguy hiểm, đường cùng, cảnh tuyệt vọng, vách núi dựng đứng cheo leo, chia tay, cắt đứt, quyết liệt một trận sống mái, thất vọng, nản lòng nhụt chí, chết ở trong lòng, không còn thuốc chữa, bất lực, vô tình, khắc nghiệt lạnh lùng, không chăm chú, dừng lại, mất mát, mất tâm mất dạng,...

Từ bảng 3-9 có thể thấy rõ ràng, Giáp Quý cùng Mộ ở Mùi, Mùi là quẻ Khôn, phương đối xung của Khôn là Cấn, vậy Cấn chính là Hoàng Tuyền của Giáp Quý; Ất Bính cùng Mộ ở Tuất, Tuất là quẻ Càn, phương đối xung của Càn là Tốn, vậy Tốn chính là Hoàng Tuyền của Ất Bính; Canh Đinh cùng Mộ ở Sửu, Sửu là quẻ Cấn, phương đối xung của Cấn là Khôn, vậy Khôn chính là Hoàng Tuyền của Canh Đinh; Tân Nhâm cùng Mộ ở Thìn, Thìn là quẻ Tốn, phương đối xung của Tốn là Càn, vậy Càn chính là Hoàng Tuyền của Tân Nhâm. Vậy tại sao lại phải lấy phương đối xung của “Mộ”? Vì “Mộ” gặp xung sẽ mở và được gọi là Mộ Môn Khai, Mộ Môn Khai là nguy hiểm, vì vậy bị coi là hung.

Nhà có hướng Canh hoặc hướng Đinh cấm kỵ lắp cửa, thải nước, đi lại ở phương Khôn. Nhà có hướng Ất cấm kỵ lắp cửa, thải nước, đi lại ở phương Tốn. Nhà có hướng Bính cũng cấm kỵ lắp cửa, thải nước, đi lại ở phương Tốn; Nhà có hướng Giáp và hướng Quý cấm kỵ lắp cửa, thải nước, đi lại ở phương Càn; Nhà có hướng Tân, Nhâm cấm kỵ lắp cửa, thải nước, đi lại ở phương Càn, đó là vì những phương này ở vào vị trí Tử và Tuyệt, cung đối diện với phương này là ở vị trí Hoàng Tuyền.

Bảng 3-9. Bảng tương ứng giữa Sinh, Tử, Mộ, Tuyệt

Thiên can 12 điểm 12 chi	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Canh	Tân	Nhâm	Quý
Tý	Mộc Dục	Bệnh	Thai	Tuyệt	Tử	Sinh	Vượng	Lâm
Sửu	Quan Đới	Suy	Dưỡng	Mộ	Mộ	Dưỡng	Suy	Quan
Dần	Lâm Quan	Đới Vương	Trường Sinh	Tử	Tuyệt	Thai	Bệnh	Mộc
Mão	Đới Vương	Lâm Quan	Mộc	Bệnh	Thai	Tuyệt	Tử	Sinh
Thìn	Suy	Quan Đới	Quan	Suy	Dưỡng	Mộ	Mộ	Dưỡng
Tỵ	Bệnh	Mộc Dục	Lâm	Vượng	Sinh	Tử	Tuyệt	Thai
Ngo	Tử	Trường Sinh	Vượng	Lâm	Mộc	Bệnh	Thai	Tuyệt
Mùi	Mộ	Dưỡng	Suy	Quan	Quan	Suy	Dưỡng	Mộ
Thân	Tuyệt	Thai	Bệnh	Mộc	Lâm	Vượng	Sinh	Tử
Dậu	Thai	Tuyệt	Tử	Sinh	Vượng	Lâm	Mộc	Bệnh
Tuất	Dưỡng	Mộ	Mộ	Dưỡng	Suy	Quan	Quan	Suy
Hợi	Trường Sinh	Tử	Tuyệt	Thai	Bệnh	Mộc	Lâm	Vượng

[Giải thích]:

Hoàng Tuyền Sát rất chú ý đến phương. Như đoạn văn trên đã đề cập tới, nhà có hướng Canh, Đinh cấm kỵ lắp cửa, thả nước, đi lại ở phương Khôn; Nhà có hướng Ất, Bính cấm kỵ lắp đặt cửa, thả nước, đi lại ở phương Tốn; Nhà có hướng Giáp và hướng Quý cấm kỵ lắp cửa, thả nước, đi lại ở phương Cấn; Nhà có hướng Tân, Nhâm cấm kỵ lắp cửa, thả nước, đi lại ở phương Càn là bởi vì những phương trên đều phạm vào Hoàng Tuyền Sát.

Có câu thơ: “Luồng Đông ốc thiêm thủy lưu tương hồ đối xạ, gia trung đại tiểu tựu hội thường sao giá”.

Nhà kiểu này được gọi là Âm Tiền Sơn, có thể khiến cho người trong nhà không được bình an.

[Chú thích]:

Thiêm thủy lưu tương xạ: Là chỉ mái hiên trên trên máng lấy nước giữa hai nhà liền nhau, không phải mái hiên nhỏ trên ống xả nước nhỏ của từng nhà.

Theo lời dặn của các bậc tiền bối và Sư tổ nghề xây dựng, phía trước của ngôi nhà không được làm lan can, trên tường nhà không được dùng đỉnh thẳng, vì đỉnh thẳng bị coi là “âm tiền” (*mũi tên bắn lên*).

Dưới đây là 1 trong 3 bài thơ viết về tương trạch⁽¹⁾ của Quách Phác⁽²⁾.

Ốc tiền tạo lan can,

Mình khiêu chỉ tiền sơn.

Gia tất đa tang hoa

Khốc khắp bất an ninh.

[Chú thích]:

[1] Tương trạch: Tương là quan sát. “Tương trạch” là một thuật ngữ trong phong thủy, tức là lựa chọn không gian cho nhà cửa

[2] Quách Phác, Nhà văn học thời Đông Hán, người chuyên giải thích từ ngữ trong sách cổ, có sở trường về thơ phú, yêu thích thuật Âm Dương và bói toán



Sơ đồ chọn không gian nhà Thái Bảo

Tranh phác họa

Đời nhà Thanh

Hình bên là tranh vẽ không gian được lựa chọn để làm nhà vào cuối đời nhà Thanh. Phía trên góc bên phải, có thể thấy nhà phong thủy dạng dung la bàn hồng tứ để xem phong thủy. Thái Bảo đang đứng cạnh để quan sát. Bên trái có hai người đang đo đạc kích thước mảnh đất chuẩn bị để chọn địa điểm xây dựng nhà. Một người đang đo đất, còn người kia đang đứng ghi chép.

[Giải thích]:

Người xưa cho rằng, nếu phía trước nhà có lan can sẽ khiến cho sinh khí bị tắc nghẽn, không thể lưu thông, vì vậy không may mắn. Phương pháp lựa chọn không gian nhà thời xưa được chia ra làm 2 loại là hình pháp và lý pháp. Hình pháp chủ yếu liên quan đến địa hình sông núi nằm trong tâm đất bên ngoài ngôi nhà và bố cục bên trong ngôi nhà; Còn lý pháp thì dựa vào la bàn để xác định phương vị, phân chia hướng quay lưng của ngôi nhà ra thành 24 hướng nhỏ để phối hợp với ngày, tháng, năm sinh của chủ nhà.

Có câu thơ:

"Đại môn cao quá sanh, hậu đại tuyệt nhân đình

Đại môn cao quá bích, kỳ gia đa khóc khắp.

Môn phiên lương phương áp" phu phụ bất tương nghi,

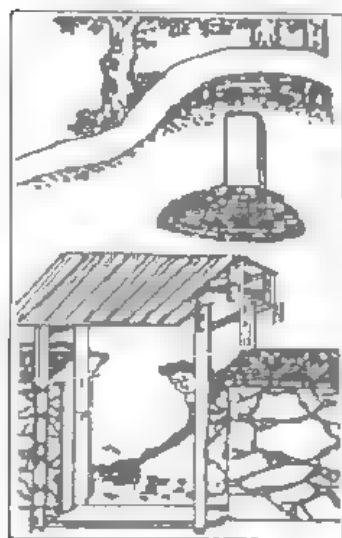
Gia tai dương hao tán, hậu quả nan cô lợng"

[Chú thích]:

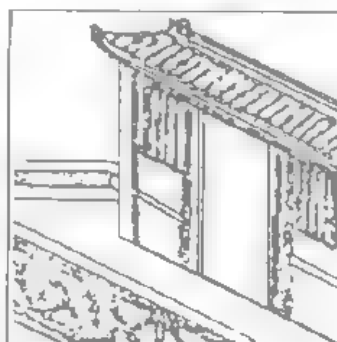
[1] Áp: Chen chúc

[Giải thích]:

Cửa ở ngoài, sảnh ở trong, nếu cửa cao hơn sảnh thì ngoài cao hơn trong, dự báo việc ra vào ngoài bất an người trong nhà, vì vậy là không tốt.



Kiểu cửa vườn nhỏ



Kiểu lan can đất ngoài cửa



Kiểu cửa cao hơn tương sảnh

Cửa được ra đời từ khi loài người rời bỏ cuộc sống trong hang đá động thỏ, cùng với sự gia tăng về chung loài và chưa nhắc về chức năng kiến trúc cửa cũng nảy sinh ra nhiều loại hình khác nhau, mỗi loại được sử dụng ở một nơi khác nhau

Kiểu dáng của cửa vườn mộ

Tiểu môn thường được đặt ở phía trước khu vườn mộ của gia tộc. Hai chiếc cột trụ hướng vào trong tường bao vườn mộ ngưỡng cửa dưới đất phải thấp dưới 10 phân, nếu cao hơn sẽ dẫn đến xúi quẩy, gây hại đến con trai và con dâu trong nhà.

Không nên sử dụng kết cấu gỗ, hai bên chân cửa có thể dùng 4 chiếc cột tương quân⁽¹⁾, không nên làm cột quá cao.

[Chú thích]:

[1] Cột tương quân (còn gọi là “Cột giữa”, “cột trong”, “cột xương sống” Trong kiến trúc kiểu “xuyên đầu” (là một kiểu kết cấu quan trọng trong kiến trúc kết cấu gỗ, đặc trưng chính là dùng khá nhiều cột để đỡ xa ngang phía trên, để rui và xa của van lớp có thể đặt trực tiếp trên đầu cột, trên đầu cột không đặt xa lớn hoặc nhiều xa, chỉ dùng một vai mộng gỗ xuyên nối giữa các cột để đảm bảo mối liên hệ theo chiều ngang giữa các cột), cột ở chính giữa được gọi là cột tương quân



Xích đu (hình gốc)

Trong tiếng Hán cổ, hai chữ “thiên thu” đều có bộ “cách”, chữ “thiên” còn có bộ “tẩu”, ý nghĩa là đu lên chiếc dây thừng để di chuyển. Ngay từ thời cổ xưa, để lấy được những loại thức ăn ở trên cao, con người đã sáng tạo ra hoạt động đu trong lúc leo trèo, nhưng ban đầu, xích đu được gọi là “thiên thu”. Sau này, Tể Hoàn Công chinh phạt dân tộc Sơn Nhung ở phương Bắc, xích đu cũng được đem về Trung Nguyên để làm chiến lợi phẩm.

Đến thời Hán Vũ Đế, trong cung đã dùng chữ “thiên thu” trong “thiên thu vạn thọ” để chúc thọ, vì vậy để tránh phạm thượng, xích đu đã được gọi là “thu thiên” như ngày nay. Đến thời Đường Tống, xích đu đã trở thành một trò chơi cho phụ nữ ở Trung Nguyên, vẫn là một hoạt động vui chơi ở một số khu vực dân tộc thiểu số.

3. CẤU TẠO ĐI KÈM CÔNG TRÌNH KIẾN TRÚC

Giá xích đu

Ngày nay người ta thường cho rằng, tốt nhất là nên sử dụng kiểu “Thâu công tính”⁽¹⁾ để làm xích đu và kiểu dáng này đã được dùng làm xà ngang của xích đu. Ở phần giữa của xà ngang có đục lỗ, xuyên dây để xác định vị trí ván đu của xích đu, đây là cách làm tốt nhất

[Chú thích]:

[1] Thâu công tính Là một cấu tạo kiến trúc thời xưa, ý chỉ một chiếc xà ngang trên không, cũng có thể dùng để chỉ một cụm vai chiếc xa được nối với nhau dùng để đỡ một chiếc xà ngang nặng hơn.

Tháp tiêu đình⁽¹⁾

Xây đình theo phương pháp này phải dựng 4 chiếc trụ sát xuống mặt đất, 3 mái hiên xếp chồng lên nhau ở phía trên đặt lên 4 chiếc trụ dựng đứng tạo thành mái nhà, đặt một tấm ván bằng phẳng vào giữa, tạo đỉnh “Phúc Hải”⁽²⁾, trụ “Tàng Tâm”⁽³⁾, phải đặt ở vị trí trên cao, mái nhà được đóng chặt bằng một linh kiện có hình giống với bàn đạp yên ngựa, như vậy mái nhà sẽ không thể rớt xuống và đứng từ 4 phía đều có thể nhìn thấy mái nhà.

Có câu thơ

“Già tiêu môn ốc hữu lương ban, phương trực tiêm tà kết quả đồng,
Gia hữu gian thâu điệp hành tặc, tu phòng hoành họa cập đạo quan”.

Lại có câu:

“Thủ ốc phân minh đoan chính kỳ, ám trung vi họa thiếu nhân tri.
Chỉ nhân tượng giả tàng phù chú”, phong thủy tiên sinh bất tể toán.
Sử đắc gia môn trường thoát bại, nhân tha ốc chủ đại suy lạc⁽⁴⁾.
Tòng kim nhược yếu nhi tôn hảo, trừ phi tự tán tông đầu cải”.

[Chú thích]:

[1] Tháp tiêu đình: Một kiểu kiến trúc dạng đình thời xưa.

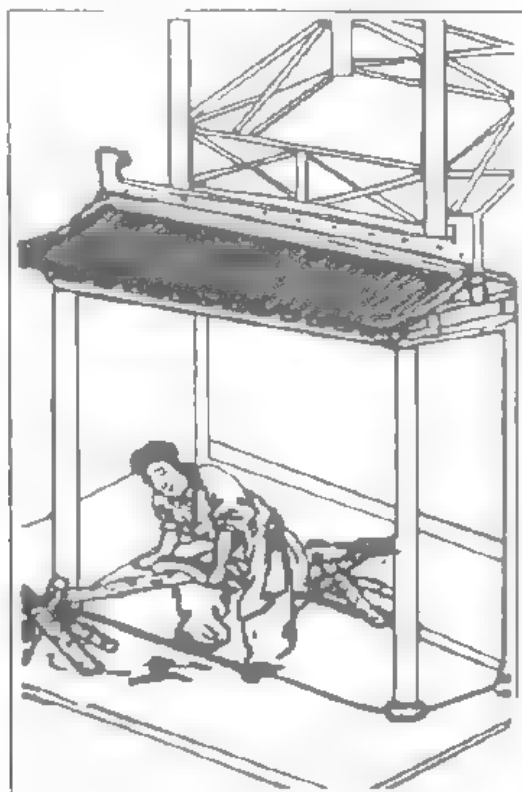
[2] Đình Phúc Hải: Là một kiểu mái nhà trong kiến trúc dạng đình.

[3] Trụ Tàng Tâm: Một trong những cấu tạo kiến trúc thời xưa, chỉ một đoạn cột ngắn dựng đứng, dùng để chống đỡ mái nhà.

[4] Già tiêu: Là một loại dụng cụ tra tấn, ở đây có ý chỉ cửa được làm có hình dáng giống một chiếc gong.

[5] Phù chu: Mảnh lụa hay tấm giấy dùng để viết chữ. Ở đây dùng để chỉ một mảnh giấy dùng để viết bùa chú.

6. Lạc Góc: xo, đoạn cong ở đây có ý chỉ sự khó khăn, suy thoái



Tháp Tiểu Đình (hình góc)

Nơi vẽ đình người xưa thường có câu “Đình gia, đình dã” có ý là nghỉ ngơi. Những chiếc đình ra đời sớm nhất ở Trung Quốc thường được xây ở bên cạnh các trang điền và bên cạnh đường đi, là một công trình kiến trúc phục vụ khách du lịch nghỉ chân, sau này lại trở thành một cơ cấu hành chính địa phương vào thời Tần Hán, về sau, hình dạng, cấu tạo, quy mô và công dụng của nó men dần dần được phát triển phong phú.

Đình hóng mát và thủy các

Khi xây sửa đình hóng mát và thủy các, nếu làm lan can bao bọc 4 bên thì chỗ tựa lưng của ghế phải cao 1 thước 5 thốn 5 phân, ván ngồi phải rộng 1 thước 3 thốn, dày 2 thốn. Chặt gỗ làm ghế ngồi hoặc làm một thanh gỗ hình chữ nhật để treo lên trên lan can. Lưng dựa cao 1 thước 4 thốn, kích thước lưng tựa đã đề cập ở phần trên, ở đây xin không nói lại. Phần còn lại là 4 thốn 2 phân, vừa vặn để ngồi.

vào Khoảng giữa từ phần trên của lưng tựa đến tấm gỗ xuyên nối^[2] đầu tiên có thể dùng để che nắng hoặc che chắn ánh sáng. Nếu làm để che nắng có thể phết sơn dầu vào phía dưới tấm gỗ nối, phần được quét sơn dầu có thể dài 1 thước 6 thốn 5 phân. Tấm gỗ nối cao 3 thốn, dày 1 thốn 9 phân, 2 chiếc ở g Jã và ở dưới đặt nghiêng để tạo thành ô cửa sổ hứng ánh sáng.

[Chú thích]:

[1] Xây sửa là chỉ việc lắp đặt và sửa chữa nhưng chi tiết cấu tạo không chịu tải như khung cửa ra vào, cửa sổ, lan can

[2] Gỗ xuyên nối, Chi tiết cấu tạo bằng gỗ nối các cột với nhau theo chiều ngang.



Lương đình và thủy các (hình góc)

Lương đình là loại đình được xây để trú nắng và hong mát, Thủy các thì lại nằm ở phía sau ngôi nhà ở cạnh sông hồ dựng một chiếc cột gỗ hoặc cột đá bên sông, đất thềm, và ngang tiếp tục đặt một tấm gỗ lên phía trên, như vậy sẽ tạo thành một thủy các vững chắc, có thể ngồi ngắm cảnh sông nước nhâm trà, trò chuyện

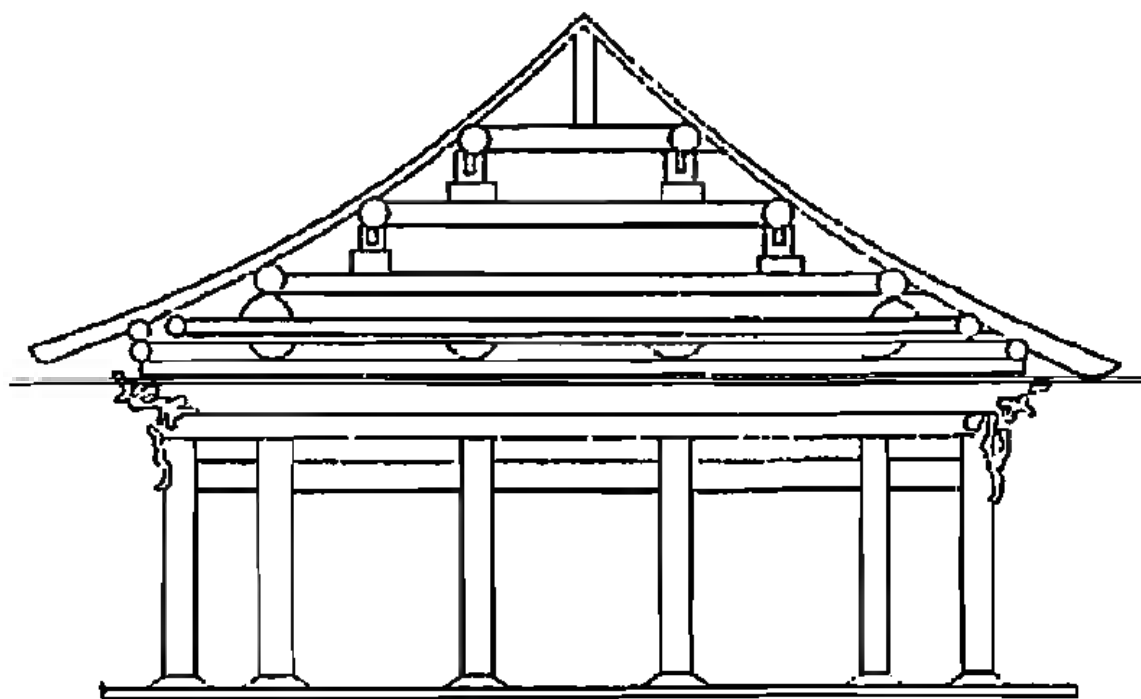
[Giải thích]:

Kiến trúc cổ được chia thành 2 loại là đại mộc và tiểu mộc. Đại mộc là chỉ khung xà, cột, dầm, củng phần bay của rui bay, tiểu mộc là chỉ việc xây sửa mái hiên trong và ngoài nhà.

Cuốn “Phương pháp và quy tắc xây dựng công trình” thời nhà Thanh đã gọi những cấu tạo không chịu tải như khung cửa ra vào, cửa ra vào lan can là cấu tạo thuộc phần xây sửa trong kiến trúc, gọi ngành thiết kế, chế tạo và lắp đặt những cấu tạo gỗ là nghề mộc xây sửa.

Trong cuốn “Phương pháp xây dựng”, tiểu mộc còn bao gồm các nội dung như sàn nhà, cầu thang, khám thờ, giếng đình. Đặc điểm của việc xây sửa là làm bằng các cấu tạo không chịu tải, có tính chỉnh sửa rất cao nhưng không giống với trang trí.

Trong kiến trúc cổ đại, xét về vị trí kiến trúc, việc xây sửa nói chung được chia thành 2 loại: xây sửa hiên ngoài và xây sửa hiên trong. Xây sửa hiên ngoài là việc xây sửa mộc ở phần giữa bên trong và bên ngoài mái hiên và dưới đường hành lang, ví dụ như ngưỡng cửa, khung cửa ra vào, cửa sổ, lan can, bậu cửa, ... Xây sửa trong mái hiên là chỉ việc xây sửa mộc thuộc không gian trong phòng, ví dụ như trần nhà, khung trang trí trên trần, ...



“Phương pháp và nguyên tắc thực hiện công trình” Tranh minh họa Thời nhà Thanh

Đây là tác phẩm nổi tiếng giới thiệu về phương pháp xây dựng các công trình kiến trúc dùng cho quan lại và phương pháp dự toán những công trình đó. Hình trên là tranh minh họa trong phần I của cuốn sách trên.

Chế tạo cấu kiện^[1] cho sảnh chính: Đục 4 lỗ mộng ở 2 bên trái, phải của sảnh chính, tiên lượng độ cao của mỗi lỗ mộng, sau đó lại tính kích thước từ hõn gạch (đá) dưới chân trụ tới phần dưới của thanh nối thứ nhất. Có thể chia thành 2 phần trên dưới bằng nhau, xẻ gỗ để làm yêu phương^[2], thông thường chỉ ngắn 9 thốn 3 phân, vẽ đường mực của cột ốp lớn, bề mặt 9 phân, mặt thu hẹp là 5 phân, phía trên là dây lá sen, phía dưới là đường hình bàn cờ. Phía trên yêu phương cũng vậy. Phía dưới chỗ 9 phân lại đặt 1 thốn 4 phân, bề mặt thu hẹp là 5 phân, làm một tấm dính nhỏ^[3] sát vào ngưỡng cửa, tấm dính nhỏ này chỉ cần dày 1 thốn 3 phân. Giữa bốn^[4] ngưỡng cửa khoan 3 hoặc 4 lỗ mộng. Mặt cắt tấm gỗ hình trụ dùng làm ghế chỉ có 1 thốn 6 phân, đầu dốc dài 1 thốn 4 phân. My cửa trước và my cửa sau thường phải cao 7 thốn 3 phân so với phần giữa sảnh. Phần lan can dễ thấy nhất và quan trọng nhất giữa phòng là 2 thước 4 thốn 5 phân. Khung cửa chính giữa đại sảnh dày 1 thốn 4 phân, lớn 2 thốn 2 phân, hoặc để 4 tấm, hoặc để 6 tấm, kích thước phải có số lẻ. Chái nhà của tré làm với kích thước bằng kích thước của sảnh chính, cấm không được dùng 2 kiểu kích thước khác nhau, nếu không, người trong nhà sẽ không được hòa thuận. Đục 2 lỗ ở my cửa trước của phòng sảnh, phía trên cửa làm tấm ngăn ánh sáng, phía dưới lắp đặt tấm trượt.

Kích thước cấu kiện trong nhà chính giống với sảnh chính, kích thước khung cửa cũng không có gì khác biệt, nhưng chỗ nối yêu phương nói chung đều ngắn hơn 1 thốn 8 phân so với kích thước của sảnh.

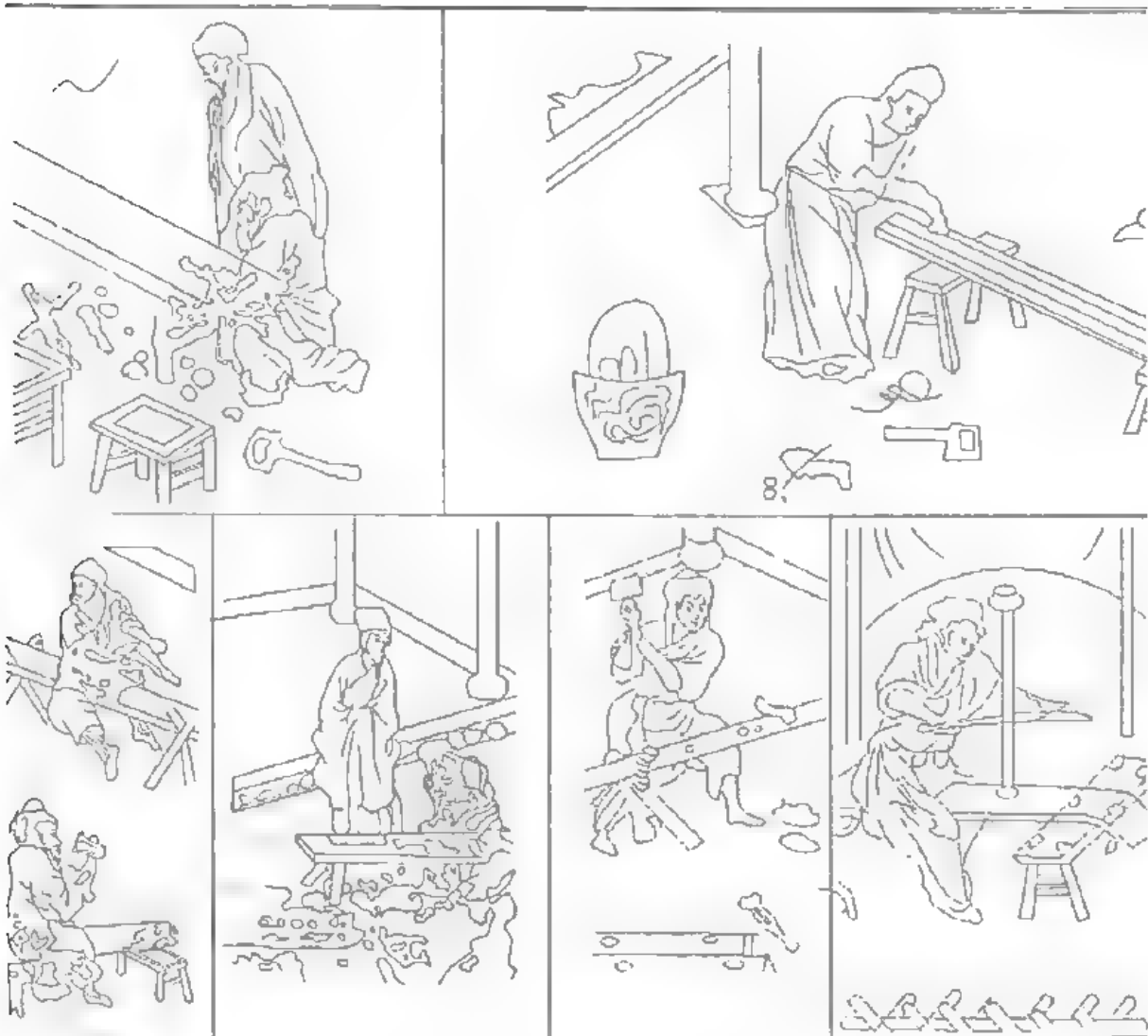
[Chú thích]:

[1] Chế tạo cấu kiện: Ở đây dùng để chỉ việc chế tạo cấu kiện không chịu tải trong sảnh chính.

[2] Yêu phương: Thanh gỗ nằm ngang giữa khung cửa và cột ốp

[3] Tấm dính nhỏ: Là một trong các chi tiết cấu tạo dùng để nối các bộ phận thanh xà chính hoặc xà nhiều tầng, có thể là một tấm gỗ dày hoặc tấm sắt

[4] Bốn: Có hình dạng giống hình chiếc chấu để ngược, là chi tiết cấu tạo bằng gỗ dùng để trang trí



Bộ phận chế tạo bằng vật liệu gỗ

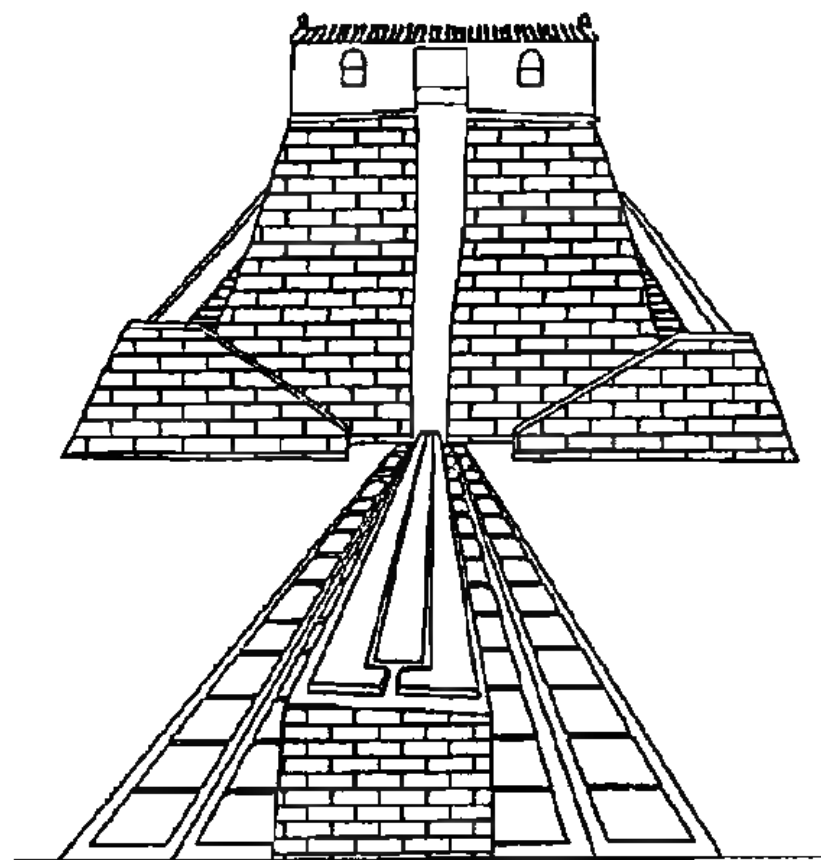
Bộ phận chế tạo bằng vật liệu gỗ được chia thành 2 loại là kích thước lớn và kích thước nhỏ. Loại kích thước lớn là chỉ khung và cột đầu cùng. Loại kích thước nhỏ bao gồm nền nhà, cầu thang, giằng đỡ... Đặc điểm của loại có kích thước nhỏ là được dùng để làm chi tiết của tạo không chịu tải mang tính trang trí. Hình vẽ trên mô tả khung cảnh thợ mộc đang chế tạo các bộ phận làm bằng vật liệu gỗ và các loại kích thước trong cuốn "Lô Bàn kinh".

4. CÁC KIỂU KIẾN TRÚC KHÁC

Kiểu dáng của Tư Thiên Đài⁽¹⁾

Kiểu đài này thường được đặt ở Khâm Thiên Giám⁽²⁾, phía bên trái tầng dưới, được xây bằng gạch và đá, chu vi rộng 8 x 8 – 64 trượng, cao 33 trượng. Phía dưới

có 18 tầng, phía trên là 33 tầng. Đây phải là nơi mà trên có thể quan sát Thiên văn, dưới có thể xem xét Địa lợi. Bao quanh phòng trên cùng là những lan can cao chọc trời. Loại gỗ dùng làm lan can có đặc điểm là trong vòng ngoài tròn. Cắm 5 cán cờ ở 5 phương Đông Tây Nam Bắc và chính giữa. Sau đó, viết tên sao trong Nhị thập bát tú lên 28 mặt Thiên bài^(*), phía trên có Thiên bàn dạng chuyển động, hiển thị cát hung và Thiên tượng của tinh tú ở các vị trí. Trên đài cao còn có một chiếc bàn bằng phẳng hướng lên trời, diện tích 1 trượng 3 thước, cao 7 thước. Phía dưới chiếc bàn làm 4 chân bằng, dùng tám gỗ xuyên nối lại với nhau. Ở giữa đặt một tấm gỗ tròn, trên đó có ghép một chiếc bàn bằng phẳng có thể chuyển động. Quan lại trong Khâm Thiên Giám thường đứng ở nơi này để quan sát Thiên văn.



Tờ Thiên Đài **Đời nhà Nguyên**

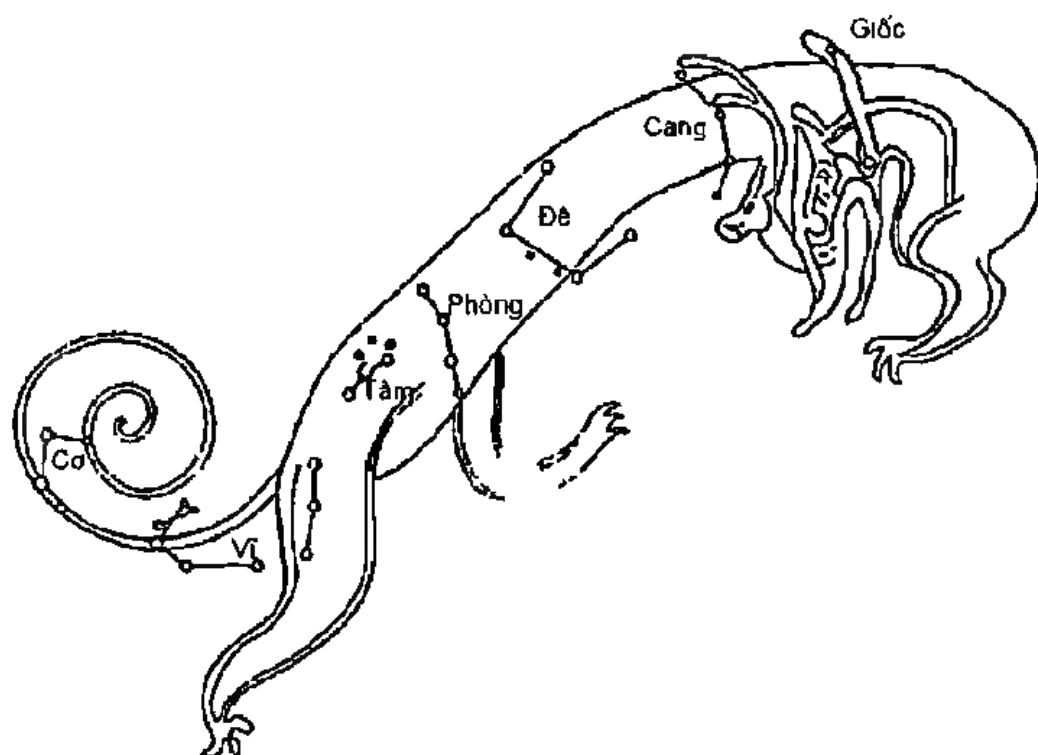
Tờ Thiên đài là đài quan sát các vì sao, được xây ở trấn Cáo Thành, thành phố Đăng Phong, tỉnh Hà Nam ngày nay là một trong những công trình kiến trúc Thiên văn ra đời sớm nhất được bảo tồn tốt nhất cho đến ngày nay bởi Trung Quốc và thế giới. Nhà khoa học đời nhà Nguyên - ông Quách Thủ Kính đã từng đứng tại đây để quan sát vị trí của các vì sao, soạn ra bộ lịch pháp được coi là nền tảng nhất trên thế giới thời bấy giờ, bộ lịch pháp đó có tên gọi "Thu thời lịch"

[Chú thích]:

[1] Tư Thiên Đài: Đài cao để quan sát Thiên tượng

[2] Khâm Thiên Giám. Tên một dinh quan, quản lý và nắm giữ một số vấn đề liên quan đến Thiên văn và lịch pháp. Kể từ thời nhà Chu, kiểu dinh quan này được thiết lập rất nhiều, nhưng tên gọi lại thường khác nhau. Thời nhà Chu gọi là Thái Sử, thời Tần Hán thì gọi là Thái Sử Lệnh. Thời nhà Tùy lại lập riêng một Thái Sử Lam, đầu thời nhà Đường lập Thái Sử Cục, sau thời Trung Đường đã đổi tên thành Tư Thiên Đài, thời nhà Tống lại gọi là Tư Thiên Lam. Đến thời Minh Thanh, dinh quan chuyên cai quản và nắm giữ công việc liên quan đến Thiên văn và lịch pháp được gọi là Khâm Thiên Giám

[3] Thiên bào: Một bộ phận trong dụng cụ quan sát Thiên tượng



Đông phương Thanh Long

Nhị thập bát tú được phân chia theo 4 phương là Đông, Tây, Nam, Bắc, mỗi phương có 7 vì sao. Người xưa đã liên tưởng hình tượng của 7 ngôi sao trong mỗi phương thành hình tượng của một loài động vật, theo thứ tự là Đông phương Thanh Long, Bắc phương Huyền Vũ, Tây phương Bạch Hổ và Nam phương Chu Tước. Hình tượng của Đông phương Thanh Long là một con rồng hay voi lên không trung, có 2 sừng, 3 móng và 4 chân. Nhà chiêm tinh thời cổ đại đã tưởng tượng sao Giốc thành sừng của rồng, sao Cang là cổ rồng, sao Đê, sao Phòng là ngực và bụng rồng, sao Tâm là tim và nội tạng rồng, sao Vi, sao Cơ là đuôi rồng. Sao Giốc ở chòm Thất Nữ, có 2 ngôi; Sao Cang ở chòm Thất Nữ, có 4 ngôi; Sao Đê ở chòm Thiên Bình, có 4 ngôi; Sao Phòng ở chòm Thiên Yết, có 4 ngôi; Sao Tâm ở chòm Thiên Yết, có 3 ngôi; Sao Vi ở chòm Thiên Yết, có 9 ngôi; Sao Cơ ở chòm Nhân Mã, có 4 ngôi.

[Giải thích]:

“Kinn dien” có $8 \times 8 = 64$ quẻ, được phân bố theo 8 phương. Chu vi Cao Đài là $8 \times 8 = 64$ tượng, con số ở đây là con số đối ứng.

Phật giáo cho rằng, có một dãy núi tên là Tu Di, được bao bọc bởi biển lớn, ở giữa là nơi sinh sống của Thiên Đế nhà Phật, 4 phía là 4 đỉnh núi, mỗi đỉnh có Bát Thiên, 4 phương đều đặt Bát Thiên vào giữa, gọi chung là 33 Thiên V. vậy người xưa cho rằng, Trời tổng cộng có 33 tầng. Cao Đài được xây cao 33 tượng, con số 33 tượng ở đây chính là con số đối ứng, có thể dựa vào con số này để quan sát Thiên tượng.

Người xưa cho rằng sau khi chết, con người sẽ phải xuống Địa ngục; Địa ngục có tổng cộng 18 tầng. Số tầng ở phần dưới của Tu Thiên Đài là 18 tầng, là con số đối ứng với số tầng của Địa ngục, ý là đứng ở đây có thể quan sát được cảnh tượng ở 18 tầng Địa ngục.

Người xưa còn cho rằng Trời tròn Đất vuông. Vật liệu gỗ được dùng làm lan can có đặc điểm là trong vuông ngoài tròn, đó là ý nghĩa tượng trưng cho Trời và Đất.

Về khái niệm cao 7 thước, ở dưới có 4 chân bằng: Đối Lâm – Phó Giám của Khâm Thiên Giám ở Nam Kinh thời nhà Minh đã hiệu đính được bộ lịch mang tên “Thất chính suy bộ” vào năm Thành Hóa thứ 13 (tức năm 1477), bộ lịch đó sau này đã tăng lên thành 7 phần. Trong phần thứ 7 của bộ lịch này có nói, cuốn sách này là một loại sách Thiên văn dựa trên nguyên lý thuật chiêm tinh Ả Rập, sau đó dùng Thiên tượng để suy đoán cát hung, nội dung của nó bao gồm phương pháp xác định lịch của dân tộc Hồi, số đếm, vòng quay của mặt trời, nguyệt ly, ngũ tinh, phương pháp suy đoán thời gian mọc, lặn của mặt trời có phạm vào độ phân chia hàng tuần, ngũ tinh và nhật, nguyệt thực nay không và những bảng tính lịch tương ứng.... Khái niệm “cao 7 thước, phía dưới làm 4 chân bằng” được đề cập đến ở đây chính là khái niệm tương ứng với khái niệm trên.

“Tứ tượng” và “Nhị thập bát tú” đã được ghi chép ngay từ thời Chiến Quốc, mà những tên gọi này lại được hình thành vào thời gian sớm hơn. Đầu thời nhà Đường, nhà ngũ hành V'ien Thiên Cang đã khéo léo hòa trộn Nhị thập bát tú với Thất diệu (Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ, Mặt Trời, Mặt Trăng) và tên gọi của 28 loài động vật lại với nhau, biến tên gọi 1 chữ của Nhị thập bát tú thành tên gọi 3 chữ. Sau này, tên gọi của những vì sao này lại trở thành tên các nhân vật Thần thoại, xuất hiện vô số trong các tác phẩm văn học cổ điển của Trung Quốc, ví dụ như Giốc Mộc Giao, Cang Kim Long, Ngự Nguyệt Yến, Thất Hỏa Trư...

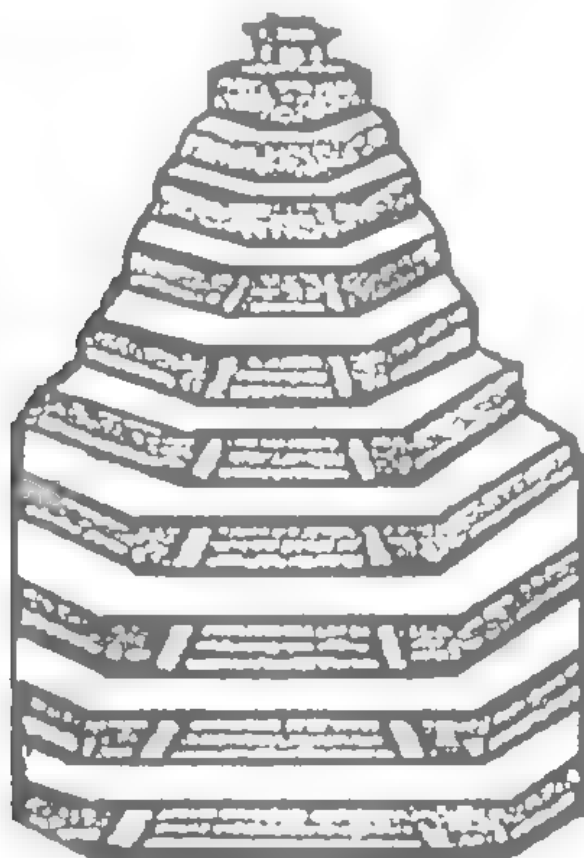
Giốc Mộc Giao - Đãng Vũ, sinh năm 2 sau CN, mất năm 58 sau CN, tự Trọng Hoa, là người Tân Dã, Nam Dương (nay là huyện Tân Dã tỉnh Hà Nam), là một danh tướng thời Đông Hán, từng nhậm chức Đại Tu Đô, phong Quý Hầu, sau phong lại Cao Mật Hầu.

Cang Kim Long - Ngộ Hán, năm sinh không rõ, mất năm 44 sau CN, tự Tự Nham, là người huyện Uyên, tỉnh Nam Dương (nay là thành phố Nam Dương, tỉnh Hà Nam), là danh tướng thời Đông Hán, từng nhậm chức Đại Tu Mã, phong Quảng Bình Hầu.

Ngự Nguyệt Yến - Kiên Đàm: Danh tướng đời Đông Hán, tên chữ là Tử Cập, người Tương Thành, từng nhậm chức Thiên Tướng quân, vì có công với quân đội nên được phong Hợp Phì Hầu.

Thất Hỏa Trư Cảnh Thuận, nam sinh không rõ, mất năm 37 sau CN, tên chữ là Ba Sơn, người huyện Mật tỉnh Hà Nam, danh tướng Đông Hán, từng nhậm chức Thái Tử Đảng Chức, phong Đông Quang Hầu.

Kiểu dạng chùa quán, am dương, miếu mao¹



Hình vẽ Tứ Thiên Đài

Tứ Thiên Đài còn gọi là Quan Thiên Đài là một công trình kiến trúc được xây dựng để quan sát các Thiên thể. Ngay từ năm 1279 sau CN, nhà Trần văn học thời nhà Nguyên Vương Tuấn Quốc Tử hầu Kien đã xây dựng Tứ Thiên Đài ở phía Bắc của Đài quan sát khi tương thụy văn Kien Quốc Môn. Nguyên Đô (Bắc Kinh ngày nay), lo, nước Đông nguyên của Thiên văn Trung Quốc cổ đại trong bối cảnh quan phủ

Khi xây dựng các công trình kiến trúc dạng chùa quán, người thợ xây thường phải mang theo bên mình một chiếc rìu, sau đó, men theo mạch chính của đại long mạch² tiến vào nhà, đứng ở phương Cấn, sau khi thấy ngời trong nhà đi ra thì được dùng công cụ đo lường để đo kích thước công trình. Tay trái cầm thước tay

phải cầm rìu, trước t.ên đo cột chính, sau đó đo tới các cột trụ bên trái rồi tiếp tục đo các trụ khác, cứ đo như vậy cho đến tận cửa chùa. Một người khác cùng làm bắt đầu đặt một chiếc cột ở phía bên phải, vị trí của cột lùi lại phía sau một chút cũng không sao. Phần giữa đại diện không làm lan can dạng nghiêng, phải dùng một thanh gỗ lớn, kích thước từng chỗ đều nên tính theo số tròn nhưng cũng có thể có số lẻ. Lan can phía trước cao 3 thước 6 thốn để tương ứng với Thiên tinh, còn kích thước của cửa và cột thì lại phải phù hợp với 72 Địa tinh. Thủy châm bản giữa am đường và miếu mạo phần lớn đều phải ngắn hơn 1 thốn 8 phân so với cửa nhà dân, kích thước vế đường ốp trụ đều phải giống nhau. Khi làm cửa hoặc tấm ngăn ánh sáng, kích thước đều chỉ ngắn 1 thốn 8 phân. Bàn ngọc ở giữa nhà cao 3 thước 6 thốn, thường dài bằng cột phụ, mặt bàn rộng 4 thước, phía trước chông 3 tầng, mỗi tầng lùi 1 thốn 8 phân. Vẽ tấm hoa văn 2 lớp theo mặt cắt của hoa sen, mỗi lớp chia thành 2 chân dưới, hoặc làm thành chân kéo dài hình tượng Diêu Sư, hoặc làm thành tám dân, dày 2 thốn rưỡi.

[Chú thích]:

[1] Chùa quán, am đường, miếu mạo. Chùa quán là cách gọi chung của chùa và quán. Chùa là nơi cư trú của người xuất gia theo Phật giáo hoặc là nơi lễ bái, giảng kinh của tín đồ Islam. Quán là miếu của Đạo giáo. Am đường là một chiếc miếu nhỏ, nơi cư trú của ni cô, còn được gọi là am ni cô. Miếu mạo, là điện, đường dùng để thờ cúng Thần Phật và tượng những người nổi tiếng trong lịch sử.

[2] Đại long mạch: Căn cứ vào khi mạch lớn nhỏ của Tổ Sơn để chia thành đại long mạch và tiểu long mạch. Như phần trước đã từng đề cập tới, mạch núi có hình dáng nhấp nhô, uốn lượn như rồng nên các nhà phong thủy mới ví thế núi như “thể rồng”.

[Giải thích]:

Chùa chiến miếu đường là nơi thờ Thần Phật, vì vậy, kích thước phải phù hợp với con số của Thiên tinh Địa sát. Đạo gia cho rằng, Bắc Đẩu t.nn tổng cộng có 36 vị Thần, gọi là 36 Thiên Cang, mỗi vị Thần chiếm giữ một vị sao và có một tên gọi riêng. Trong số 108 vị Mãn tướng trong “Thủy Hứa Truyền”, 36 vị đầu tiên chính là 36 Thiên Cang tinh.

Bảy mươi hai Địa tinh tức là 72 Địa sát tinh. Khi xây dựng chùa, quán, miếu, đường, các kích thước chiều dài, chiều rộng và chiều cao phần lớn đều phải dùng số chẵn.

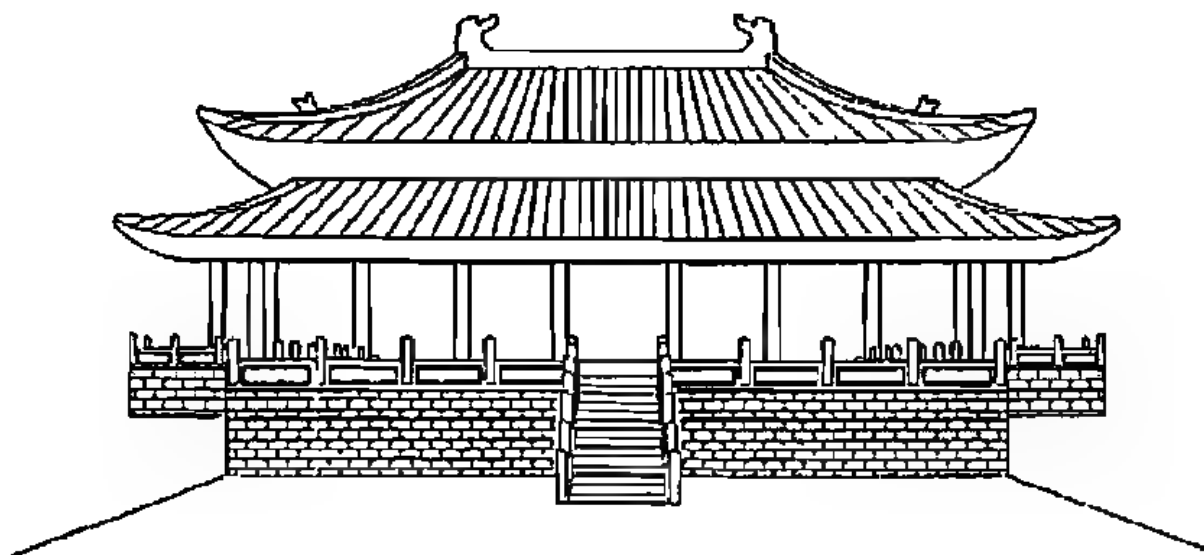
Ngoài xưa coi miếu Thần là một vật rất thần bí, có liên quan đến sự may rủi của một thôn, vì vậy họ xây dựng rất cẩn thận, không những chú ý đến kích thước rộng, hẹp, cao, thấp mà còn đo đạc cao, kích thước đo đạc phải phù hợp với con số may mắn ngoài ra, họ còn có một loại những quy định nghiêm ngặt về thời gian xây dựng thời gian nhập miếu sau khi hoàn thành công trình



Kiểu dáng chùa quán, am đường, miếu mạo

Tục lệ thờ cúng đồ thờ cúng thần tượng tôn giáo và triết khai các hoạt động tôn giáo Trung Quốc thực có đa dạng cách và kiểu dáng kiến trúc để được thờ, đối dân theo thời gian từ cổ chí kim, nhưng vẫn bảo tồn được ý nghĩa lịch sử khá sâu đậm

Dưới đây là một số năm bị cấm kỵ không được sửa miếu Thần: Khi Cửu Lương Tinh đóng tại vị trí miếu Thần vào 1 trong 11 năm: Giáp Tý, Đinh Mão, Giáp Tuất, Nhâm Ngọ, Mậu Tuất, Giáp Thìn, Đinh Mùi, Kỷ Dậu, Canh Tuất, Quý Sửu, Canh Thân thì việc xây sửa miếu sẽ không đem lại may mắn. Cửu Lương Sát đóng tại vị trí miếu Thần vào năm Tý, Mão, Dậu và vào tháng 7.



Diện Bắc Khẩu Miếu Đức Ninh

Bắc Khẩu Miếu nằm ở Thành Đông Quan, huyện Khúc Dương, Hà Bắc ngày nay, Hoàng Đế các thời đại đã từng đứng ở đây để cúng lễ Thần Bắc Khẩu Hằng Sơn. Hình vẽ trên là diện Bắc Khẩu Miếu Đức Ninh, bề mặt hình chữ nhật, rộng 9 gian, sâu 6 gian, có 9 đỉnh Vũ Điện trên nóc, được xây trên nền đất lớn cao gần 4 mét, 4 bên được bao vây bởi các cột đá ngọc trắng có khung cảnh tráng lệ mà không một miếu nào khác có thể sánh kịp.

Ngày cấm kỵ xây sửa miếu: Kỷ Mão, Canh Thân (là ngày Phá Quân), ngày Giáp Dần và Canh Dần, ngày Nhâm Thìn và Mậu Thìn. Nếu phạm vào những ngày này, người và gia súc sẽ khó sinh trưởng và phát triển thuận lợi. Người xưa cho rằng, ngày Phá Quân cấm nuôi gia súc, mua gia súc, xây chuồng trại gia súc, nếu phạm phải những điều trên sẽ không may mắn.

Những ngày lành không có Thần đóng, có thể dỡ bỏ miếu mạo bao gồm: Ngày Bính Dần, Ất Tý, Canh Ngọ, Ất Hợi, Bính Tý, Mậu Dần, Tân Tý, Quý Mão, Nhâm Tý, Canh Dần, Nhâm Thìn, Quý Tý, Mậu Tuất, Kỷ Hợi, Canh Tý, Tân Sửu, Nhâm Dần, Giáp Thìn, Tân Hợi, Nhâm Tý, Quý Sửu, Giáp Dần, Canh Thân, Nhâm Tuất.

Thần Bạch Hổ trong miếu: Ngày Sửu Ngọ năm Tý, ngày Dần năm Sửu, ngày Thân Tý năm Dần, ngày Dậu năm Hợi Mão, ngày Tuất năm Thìn, ngày Dậu Hợi năm Tý, ngày Tý năm Ngọ, ngày Thìn năm Tuất, ngày Mão Tý năm Dần, ngày Tý năm Hợi, ngày Tý năm Thân.

Ngày Thần quy đên (trở về đên): Ngày Bính tháng q ềng, ngày Đ n n tháng hai, ngày Carn tháng ba, ngày Kỷ tháng tư, ngày Mậu tháng năm, ngày Tân tháng sáu, ngày N n m tháng bảy, ngày Quý tháng tám, ngày Canh tháng chín, ngày Ất tháng mười, ngày Giáp tháng mười một, ngày Tân tháng mười hai.

Ngày tốt có thể nhập miếu. Nguyệt hạ Tr i n i ất n ạo trư tà, Bế nhất yếm ác k n yếm tr i ền q a, Dần Mão Đ n n Nhât hoa Châp nhât, Nguyệt Kiến Thâ Tuế khả tỵ q a (ngày Trư tốt cho việc trừ tà, ngày Bế tốt cho việc trừ ác hướng thiên, ngày Dần, Mão tức ngày Đ n n và nga, Châp có thể tránh được Nguyệt Kiến và Thâi Tuế).

Ngày xấu không được nhập miếu. Nếu ngày, giờ thuộc Mộc sẽ có thể gây tổn hại đến thủ l ầu, thuộc Kim sẽ khiến cho thơ truyền bị x ư x ể, nếu thuộc Hỏa sẽ gây hại đến nhân vật lớn, nếu thuộc Thủy sẽ có hại cho khách buôn.

Những điều cấm kỵ đối với miếu mao ao người xưa quy định còn rất nhiều, ở đây xin không đưa ra từng ví dụ.



Thần Bạch Hổ

Tranh treo tường

Mô phỏng bản gốc

Thần Bạch Hổ là vị Thần thủ hộ thần xưa San kh u phát triển, để tăng thêm sự uy nghi, Đức giáo đã coi Bạch Hổ là Thần hộ vệ, vì vậy dân gian thờ và thường dán tranh vẽ Thần Bạch Hổ ở cửa các đền thờ của Đạo giáo.

Kiểu dáng cấu tạo của nhà thờ họ⁽¹⁾

Thông thường, khi xây nhà thờ họ thành một miếu riêng trong nhà, người ta thường xây theo kiểu phía trước là cửa, tiếp đến là hành lang đi từ Đông sang Tây, sau đó là đại sảnh, sau sảnh là minh lâu, trà đình, sau đình là phòng ngủ. Nếu xây theo cấu tạo này thì phải bắt đầu xây từ cửa và xây dần tới phòng ngủ bên trong. Cửa giữa nên xây rộng 4 thước 6 thốn 2 phân, cao 1 trượng 3 thước 3 phân, kích thước theo chiều rộng phải vừa vặn phù hợp với vị trí "Nghĩa" và "Quan" trên thước Trường Thiên. Có một số người cho rằng, không được lắp đặt cửa trên chữ "Quan", bởi vì ở đó có nhà thờ họ, không nên dùng 2 chữ "Quan, Nghĩa". Thực ra, khi dùng được 2 chữ này, con cháu mới có thể có được tương lai phát đạt, vinh hoa phú quý. Cửa ngách 2 bên phải rộng 3 thước 6 thốn 4 phân, cao 9 thước 7 thốn, kích thước này phải nằm trên 2 chữ "Cát, Tài", hợp với cát tinh Thiên Đức và Địa Đức, như vậy, 2 bên cửa cửa giữa đều hợp với kết cấu cát lợi. Không giống với những ngôi nhà bình thường, con cháu trong nhà có được tài đức hay không, có được điềm lành hay không đều phụ thuộc vào nhà thờ họ.

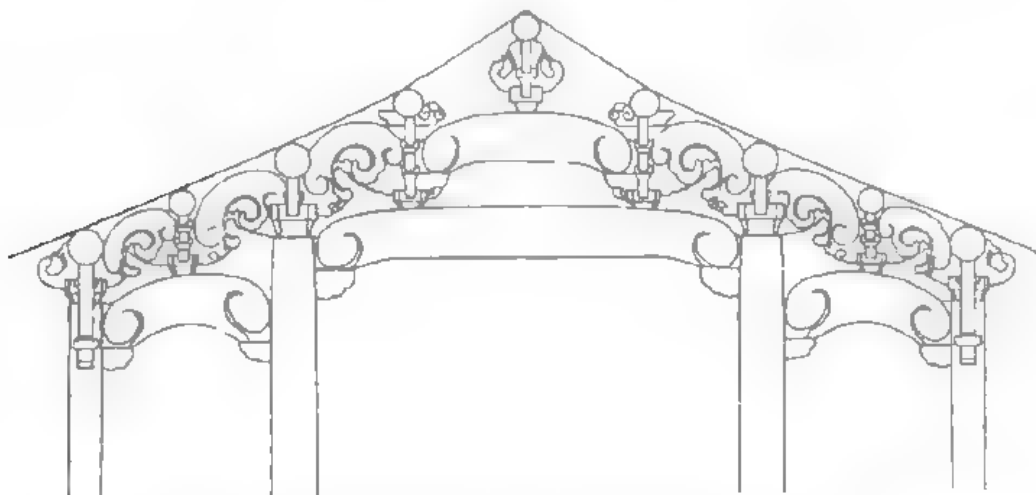
Ngoài ra, 2 dãy hành lang của phòng ngủ và phòng sảnh ra tới cửa phải xây cao dần lên, như vậy, con cháu trong nhà mới có được quan niệm về tôn ty trật tự, không bao giờ có hiện tượng người dưới coi thường người trên. Muốn làm tốt điều này, người thợ xây phải hiểu rõ về "Địa lao ký".

Khi làm cửa nhà thờ họ, thủy châm bản phải được đo từ dưới lên trên, đo cho tới thanh gỗ xuyên nối đầu tiên, khoảng ở giữa được chia ra thành 2 đoạn bằng nhau, hai bên được xếp thành hình chữ bát (八). Như vậy, cổng ngoài sẽ dày 2 thốn 3 phân, mỗi cánh cổng dùng 3 chuỗi xâu luôn, môn duẩn phải tròn, gian nhỏ (ngoài cửa phòng) phải xây theo hình dẹt, làm cửa như vậy mới có thể đóng mở thuận tiện. Hai bên hành lang không cần phải đặt khung gỗ, giữa sảnh đục 4 lỗ mộng lớn, thủy châm bản được chia đều ra 2 phần trên dưới, phần dưới nói chung chỉ ngắn 7 thốn. Cột ốp chính lớn 3 thốn 6 phân, phần trên vẽ đường lá sen, phần dưới phải làm thành dạng mặt quang, hoặc làm thành dạng đầu tiêm. Cửa ở tâm sảnh không được làm 4 tấm, phải làm 6 tấm mới được may mắn. Phòng 2 bên và phòng nách có thể đục lỗ theo dạng hình chữ điền (田) hoặc theo dạng song cửa sổ, cửa phải có my cửa sau, việc tăng giảm kích thước phải được thay đổi theo tiêu chuẩn. Khi tu tạo minh lâu không cần phải dùng khung gỗ, giữa phòng ngủ cũng không cần làm cửa. Phía dưới làm thủy châm bản nối với ngưỡng cửa, cao 3 thước rưỡi, phần trên có 5 lỗ mộng, làm thành hình chữ điền (田). Những chi tiết cấu tạo này phải được thiết kế một cách sống động. Thần chủ và linh vị tổ tiên được thờ cúng trong nhà thờ họ có thể lấy xuống được vào những lúc thờ cúng hàng năm. My cửa sổ phía trước của

nhà thờ họ phải làm thanh cửa ngăn ánh sáng, phía dưới cột ốp dùng móng ngựa để ốp cột. Những thứ này cũng phải làm một cách sinh động. Người đời sau khi đến những nơi này phải quan sát kỹ lưỡng để không phạm phải sai lầm.

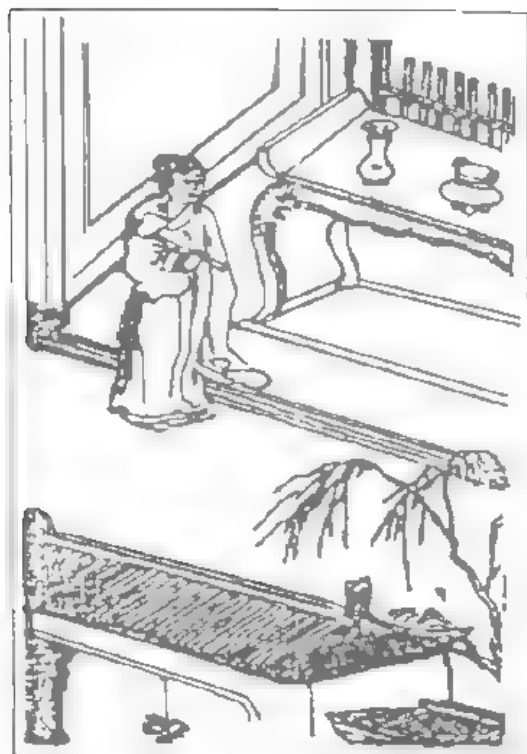
[Chú thích]:

[1] Nhà thờ họ La sánh đương dùng để thờ cúng tổ tông hoặc người hiền tài, còn được gọi là "Gia miếu" Nhà thờ họ thường được xây dựng ở nơi cả gia tộc sinh sống quây quần hoặc ở nơi gần đó



Khung xà sà sảnh chính của nhà cửa ở thôn Chu Cát, thành phố Lan Khê

Sau khi nước Thục bị diệt vong, hậu duệ của Gia Cát Lượng đã di chuyển đến sông tập trung ở thành phố Lan Khê, miền Tây Trung Bộ của tỉnh Trại Giang cũng vì lẽ đó mà thôn Chu Cát mới trở nên nổi tiếng với cái tên gọi đó. Các công trình kiến trúc của thôn Chu Cát đều được xây dựng theo Cửu cung bát quái đồ, vì vậy nó còn có tên gọi là "thôn Bát Quái". Bố cục tổng thể của thôn lấy Chung Trì trong thôn làm trung tâm. Nhà cửa trong thôn được sắp xếp theo hình dế quạt, có 8 ngõ hẻm vươn ra ngoài chùa củ thôn ra làm 8 phần. Những ngôi nhà trong thôn trông qua có vẻ như được thông suốt, nối liền với nhau, nhưng thực tế lại không như vậy, điều này đã tạo cho thôn có đặc điểm uốn lượn, huyền diệu. Hình vẽ trên là sơ đồ minh họa mặt bằng khung xà sà sảnh chính của nhà ở trong thôn Chu Cát.



Nhà thờ họ (hình gốc)

Thờ cúng là một nghi lễ theo phong tục lễ giáo truyền thống của người xưa để hướng về Thần linh cầu phúc, giải hạn, vì vậy, nó còn được gọi là cát lễ. Nơi mà người dân tộc các địa phương qua các thời đại của Trung Quốc dùng để thờ cúng tổ tiên hoặc người tài đức đời trước được gọi là nhà thờ họ, cũng có thể là nơi dùng để tổ chức các việc hôn lễ, tang lễ, chúc thọ, vui chơi, . . và tổ chức các công việc của hậu duệ nội tộc.

[Giải thích]:

Trong các công trình kiến trúc cổ đại, kích thước của cửa giữa và cửa ngách đều phải phù hợp với kết cấu 8 chữ cát hung (xem bảng 3-10).

Bảng 3-10

Loại hình	Cửa giữa		Cửa ngách	
	Rộng	Cao	Rộng	Cao
Kích thước	4 62 thước	13.03 thước	3.64 thước	9.97 thước
Thước Môn Quang	3 21 thước	9 05 thước	2 53 thước	6.74 thước
Hợp 8 chữ cát hung	Chữ "Nghĩa"	Chữ "Bệnh"	Chữ "Ly"	Chữ "Hại"

Từ kích thước trong bảng 3-10 có thể thấy rằng, ngoài việc xích lại gần nhau về chiều rộng của cửa giữa hợp với chữ "Nghĩa" được coi là cát ra, các kích thước chiều rộng và chiều cao còn lại đều nằm trên 3 chữ "Bệnh, Ly, Hại", có nghĩa là không hợp cát. Nếu kích thước được nó dẫn ở đây là do bằng thước Môn Quang thì kích thước theo chiều rộng của cửa giữa chính là nằm trên

chữ “Quan”, chiều rộng của cửa ngách nằm trên chữ “Nghĩa” chiều cao của cửa giữa là nằm trên chữ “Khiếp”, chiều cao của cửa ngách nằm trên chữ “Bền”, đều không phải là những vị trí may mắn. Nhưng người xưa lại thường coi trọng kích thước chiều rộng của cửa, còn kích thước chiều cao chỉ là thứ yếu.

Nhà thờ họ xưa là nơi đất lành và tổ tiên, có liên quan đến tình hình cát hung, phúc họa của tất cả mọi người trong nội tộc cũng như sự tà quái, - nhất nhất nay sự phú quý - bần hàn của con cháu đời sau, vì vậy, đây là nơi rất được người xưa coi trọng. Nhà thờ họ của quý tộc Hoàng gia lại càng là nơi được ngiên cứu kỹ lưỡng. Ví dụ như Thám Miếu thời Minh Thanh ở Bắc Kinh là một nơi không những có quy mô lớn mà còn sâu, chiều rộng, chiều cao và sự phân chia các phòng gian đều phù hợp với nguyên tắc số chẵn, điều đó đủ để chứng minh rằng, cuốn “Lỗ Ban kinh” đã trực tiếp ảnh hưởng đến kiến trúc Hoàng gia.

Phần giữa Thám Miếu thời Minh Thanh ở Bắc Kinh có 9 gian, được xây vào năm Minh Gia Trị thứ 24 (tức năm 1545) mỗi gian rộng 20 thước, riêng gian giữa rộng 30 thước, tổng cộng có 190 thước, 2 gian nhỏ bên cạnh được xây thêm vào thời Can Long. Ví dụ, kích thước của cửa gian giữa được đo bằng thước Môn Quang là 20 B thước, nằm đúng trên chữ “Quan”, cũng được coi là may mắn.



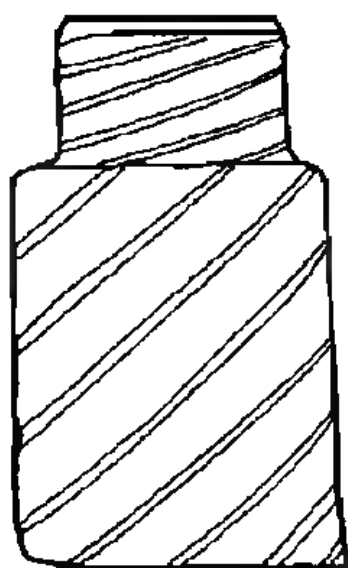
Mộng trụ đá

Tranh phúc họa

Mộng là phần lồi lên ở chỗ nối lồi - lõm của vật hoặc chu nết cơ chất nêu bằng gỗ hoặc bằng tre, trúc. Hình vẽ trên là hình minh họa cho mộng đang trụ hình vuông ở mộ Tây Hạ - thôn Mân Ninh

Kiểu dáng của Thân Trù Chà "

Tầng dưới làm 3 thước 3 thốn, cao 4 thước, mỗi chân lớn 3 thốn 3 phân, dày 1 thốn 4 phân, chân khóa dưới phải lớn vừa đủ 1 thốn 4 phân, dày 1 thốn 3 phân, phải để lộ mộng. Bàn phía trên sâu 2 thước 2 thốn, rộng 3 thước 3 thốn, khung của nó lớn 2 thốn 5 phân, dày 1 thốn 3 phân, góc chung của hai đầu của đoạn giữa và đoạn dưới lớn bằng khung, như vậy sẽ được may mắn. Chỉ dùng góc chung với góc bên trái là có thể mở được trụ nhãn⁽²⁾. Hai chiếc cước tương⁽³⁾ cao 5 thốn, dày 4 phân, thố trụ " ở giữa và phía dưới chỉ cần làm 9 thốn, sâu 1 thước. Tay vịn ô của sổ chỉ làm 5 chiếc theo kiểu cao dần. Cột ở tầng trên cao 4 thước 2 thốn, bao gồm cả lán⁽⁴⁾ ở bên trong. Diện tích mặt cắt của cột lớn 1 thốn 4 phân, được dựng ở 6 góc dưới đất, ở giữa 2 cột, nửa nổi vào phần bên trong sâu 1 thước 2 thốn, phía ngoài là 1 thước, phần bên trong có thể làm 2 tầng hoặc 3 tầng. Tầng trên làm 2 tán trụ, chia làm 3 lỗ, lỗ ngạch chỉ làm rộng 6 thốn 5 phân, các lỗ còn lại để tại vị trí ở giữa và ở trên. Xà dạng vòm lớn 2 thốn, xà ở phía trên của xà vòm lớn 1 thước 8 thốn, tầng dưới làm lế to để ngăn nước. Viên đá (gạch) dưới cột phía trước cao 1 thốn 4 phân, lớn 2 thốn 2 phân, bên trên có điêu khắc hình lá sen. Phần trang trí hình răng cửa nối tiếp với my cửa trước lớn 8 thốn 9 phân, không được làm quá lớn mà không có dáng vẻ uy nghi. Làm tấm chắn lửa ở phía trên hoặc phía dưới, có thể chia làm 3 mặt cắt, phần ở giữa cao 5 thốn, 2 bên cao 3 thốn 9 phân. Phần còn lại có thể làm theo kích thước lớn hoặc nhỏ mà chủ nhà yêu cầu, không được để xảy ra sai sót.



Kiểu dáng Thân trù chà (hình gốc)

Hoạt động thờ cúng ban đầu khá đơn giản, cũng khá dân dã. Cùng với sự phát triển từng bước của nền sản xuất xã hội, đồ cúng lễ Thần linh cũng dần trở nên tinh tế và phong phú hơn. "Thân trù chà" - nơi dành riêng để chế biến đồ cúng lễ cũng theo đó mà ra đời.

[Chú thích]:

[1] Thuyền trụ chái là một phòng nhỏ dùng để che biết đồ cúng lễ

[2] Mở trụ nhân, Đục lỗ trên trụ xa

[3] Cước tương: Tủ rượu nhỏ

[4] Thò bu vật lẩn, gõ lũng tù tương; lũng đề cat gư đồ đặc

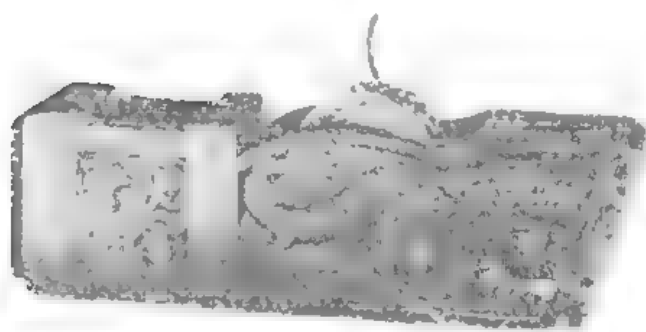
[5] Lãng: Thanh gỗ ngang dùng làm lan can.

Kiểu cách làm doanh trại¹⁾

Vào ngày xây dựng doanh trại, trước tiên phải dựng cột, nhưn la ban rõ, xem kỹ đêm Sinh và đêm Tỵ để của địa thế núi sông, sau đó mới được cho thợ mộc chặt gỗ, tiếp đó, dựng cột theo thứ tự rồi xác định vị trí tường trong và ngoài doanh trại. Bên trong doanh trại tương đương với bên ngoài sân đương, gỗ không tính lớn nhỏ, chỉ cần chọn trước 2 khúc để dựng 2 cột ở cửa trước. Ở giữa cũng ở khúc gỗ thẳng, dùng gỗ dài 9 trượng để làm cột cờ ở chính giữa, phía trong được chia thành các gian, gia, các phòng trong và ngoài được nối liền với nhau. Sau đó, xem chu vị bên ngoài doanh trại, lần lượt chia thành các phân Kim Mộc Thủy, Hỏa Thổ, trong đó lại xác định ra Nhị thập bát tú, tiếp đó có thể suy đoán ra hiện tượng cát hung dựa trên bát môn trong Kỳ Môn Đôn Giáp là "Hưu, Sinh, Thương, Đồ, Canh, Tử, Kinh, Kha." Vào rừng chặt cây lấy gỗ làm khung nhà, sau đó, thực hiện việc xây dựng theo khung đó. Việc tạo thế cũng hươu không dựa trên kỹ thuật làm gỗ. Nhưng quá trình xây dựng phần bên trong doanh trại cần bao gồm một số việc như bao quát, làm cửa, nhưng việc còn lại sẽ không thuộc công đoạn của người thợ mộc.

[Chú thích]:

[1] Doanh trại: Là nơi đóng quân thời xưa.



Hộp dây mực hình thuyền, gỗ du

Hộp dây mực là một trong những dụng cụ truyền thống của người thợ mộc, dùng để vẽ đường thẳng và xác định vị trí trên bề mặt gỗ. Hộp dây mực hình chiếc thuyền này là vật mà người dân phương Bắc thường dùng, hình dáng cấu tạo chung giống như một chiếc thuyền, phần rãnh được khắc hoa văn hình sóng, đầu thuyền được khắc hoa văn hình sóng vỗ, ý nó sẵn sàng đón nhận sóng gió phong ba



Cách thức làm doanh trại (hình gốc)

Doanh trại là nơi tập trung và huấn luyện của quân lính thời xưa, tất nhiên cách vẽ bên ngoài được làm bằng chất liệu gỗ, phía bên trong có thể xây đơn giản, cũng có thể xây phức tạp. Nếu là doanh trại tạm thời thì cho dù là của tướng soái hay binh lính cũng chỉ cần dựng lên trại, như vậy sẽ tiện cho việc di dời.

[Giải thích]:

Hưu, Sinh, Thương, Đổ, Cảnh, Tử, Kinn, Khai là 8 cửa trong Kỳ Môn Độ Giáp lần lượt đóng ở 8 phương theo Ngũ hành. Cụ thể là: Hữu Môn thuộc Hỏa, đóng ở phương Khảm, số 1, thuộc cát; Sinh môn thuộc Thổ, đóng ở Đông Bắc, số 8, thuộc cát; Thương môn thuộc Mộc, đóng ở chính Đông, số 3, thuộc hung; Đổ môn thuộc Mộc, đóng ở Đông Nam, số 4, thuộc hung; Cảnh môn thuộc Hỏa, đóng ở chính Nam, số 9, thuộc tiểu cát hoặc trung bình; Tử môn thuộc Thổ, đóng ở Tây Nam, số 2, thuộc hung; Kinn môn thuộc Kim, đóng ở chính Tây, số 7, thuộc hung; Khai Môn thuộc Kim, đóng ở Tây Bắc, số 6, thuộc cát.

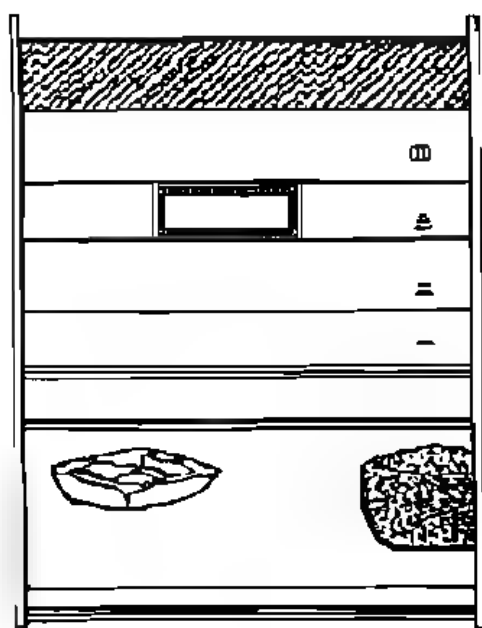
Trong đó có 1 cửa tuy thuộc vị trí Tử, nhưng 8 cửa cũng tùy theo Ph' Tinh mà không ngừng thay đổi phương. Ngoài ra, còn có sự khác nhau giữa Niên gia kỳ môn, Nhật gia kỳ môn, Thờn gia kỳ môn, căn cứ vào tình hình Ph' Tinh lúc đó để xác định phương vị.

Cách thức dựng kho lương thực

Theo tiêu chuẩn mà sư tổ nghề mộc đưa ra, kho lương thực thường có chiều cao là 9 thước 6 thốn, rộng 7 thước 7 thốn, sâu 9 thước 6 thốn, thanh gỗ nối hình trụ thường có 4 thanh, phía trước dựng 2 cây cột gỗ, cửa chỉ cần làm rộng 1 thước 5 thốn 7 phân, phía dưới cao 1 thước 6 thốn, 1 thanh gỗ xuyên nối phải cao 5 thước 2 thốn my cửa phải được lắp đặt đối nhau, không được để đơn lẻ, nếu không sẽ không được may mắn. Vào ngày chính thức bắt đầu việc tu tạo, không được ăn uống trong kho, cũng không được dùng hộp dây mực và thước ê-ke; không được để lưu lại chữ hoặc mực trên thanh gỗ nối cột. Những người mới vào nghề nhất thiết phải ghi nhớ những điều cấm kỵ trên.

[Chú thích]

[1] Thanh gỗ xuyên nối là một chi tiết cầu tạo, mặt cắt của thanh gỗ này cũng có hình chữ nhật giống xa ngang, nằm trên cửa sổ hoặc hành lang, dùng để nối 2 cột hoặc 2 khung gia, tác dụng chính của nó là để nối các đầu cột, cũng có lúc nó có tác dụng chịu tải



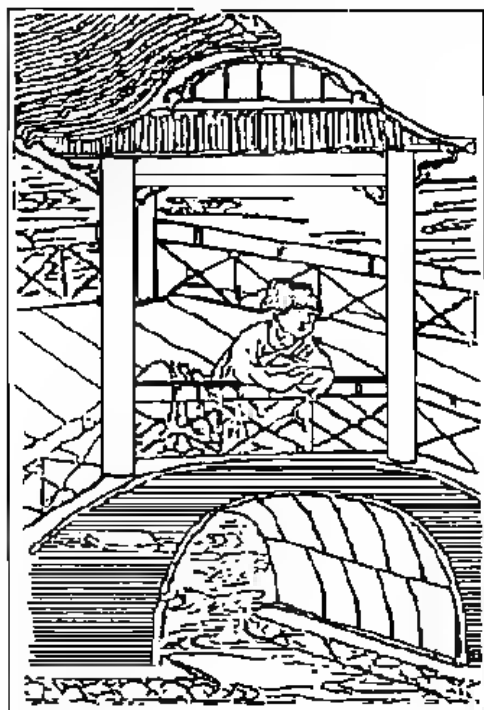
Kho lương thực (hình gốc)

Kho lương thực còn được gọi là Thương Ngao, nguyên nhân là do Ngao Sơn là nơi cất giữ lương thực vào thời nhà Tần. Trong đó, Thương là tên gọi chung, Ngao là gian nhà dùng để cất giữ lương thực. Thời nhà Minh quy định, cứ 3 gian nhà được coi là 1 Ngao, sau này lại đổi thành 5 gian nhà là 1 Ngao, cửa kho lương thực thường được treo bức hoành phi, chỉ rõ ràng vị trí trong kho lương thực, kết cấu của nó sau này đã dần được thay đổi.

[Giải thích]:

Người xưa có rất nhiều điều cấm kỵ khi xây Kno lương thực Trên công trường xây dựng, cấm không được ngâm hộp dây mực vào trong miêng, cấm không được ăn uống. Công đoạn làm của sau khi đã xây xong nhà kho, cấm không được đi gầy cỏ mà chỉ được d chân đất vào kho để thao tác. Nếu công nhân làm đúng theo quy trình này thì sau này chủ nhà sẽ được no đủ. Thông thường, khi khởi công dựng thổ, cần làm vào năm có kết cấu đại cát, như vậy mới có được tương lai sáng lạn, được thăng quan, phát tài. Nếu xây Kno lương thực vào năm Bối Điền hoặc Phá Điền thì không những sẽ khiến cho vận mệnh cả gia đình đi đến chỗ suy thoái, mà còn làm cho vườn ruộng hoang tàn, không được mùa thu hoạch

Những ngày tốt trong các tháng được dùng để xây Kno lương thực bao gồm: Ngày Bính Dần, Canh Dần của tháng giêng; Ngày Bính Dần, Kỷ Hợi, Canh Dần, Quý Mùi, Tân Mùi của tháng hai; Ngày Kỷ Ty, Ất Ty, Bính Tý, Nhâm Tý của tháng ba; Ngày Đinh Mão, Canh Ngọ, Kỷ Mão của tháng tư; Ngày Kỷ Mùi của tháng năm; Ngày Canh Thân, Giáp Dần, Giáp Thân của tháng sáu; Ngày Bính Tý, Nhâm Tý của tháng bảy; Ngày Kỷ Sửu, Quý Sửu, Kỷ Hợi, Ất Hợi của tháng tám; Ngày Canh Ngọ, Tân Mùi, Ất Mùi, Mậu Thân của tháng chín; Ngày Canh Ngọ, Tân Mùi, Ất Mùi, Mậu Thân của tháng mười; Ngày Canh Dần, Giáp Dần, Bính Dần, Nhâm Dần của tháng mười một; Ngày Bính Dần, Giáp Dần, Nhâm Dần, Giáp Thân, Canh Thân của tháng mười hai.

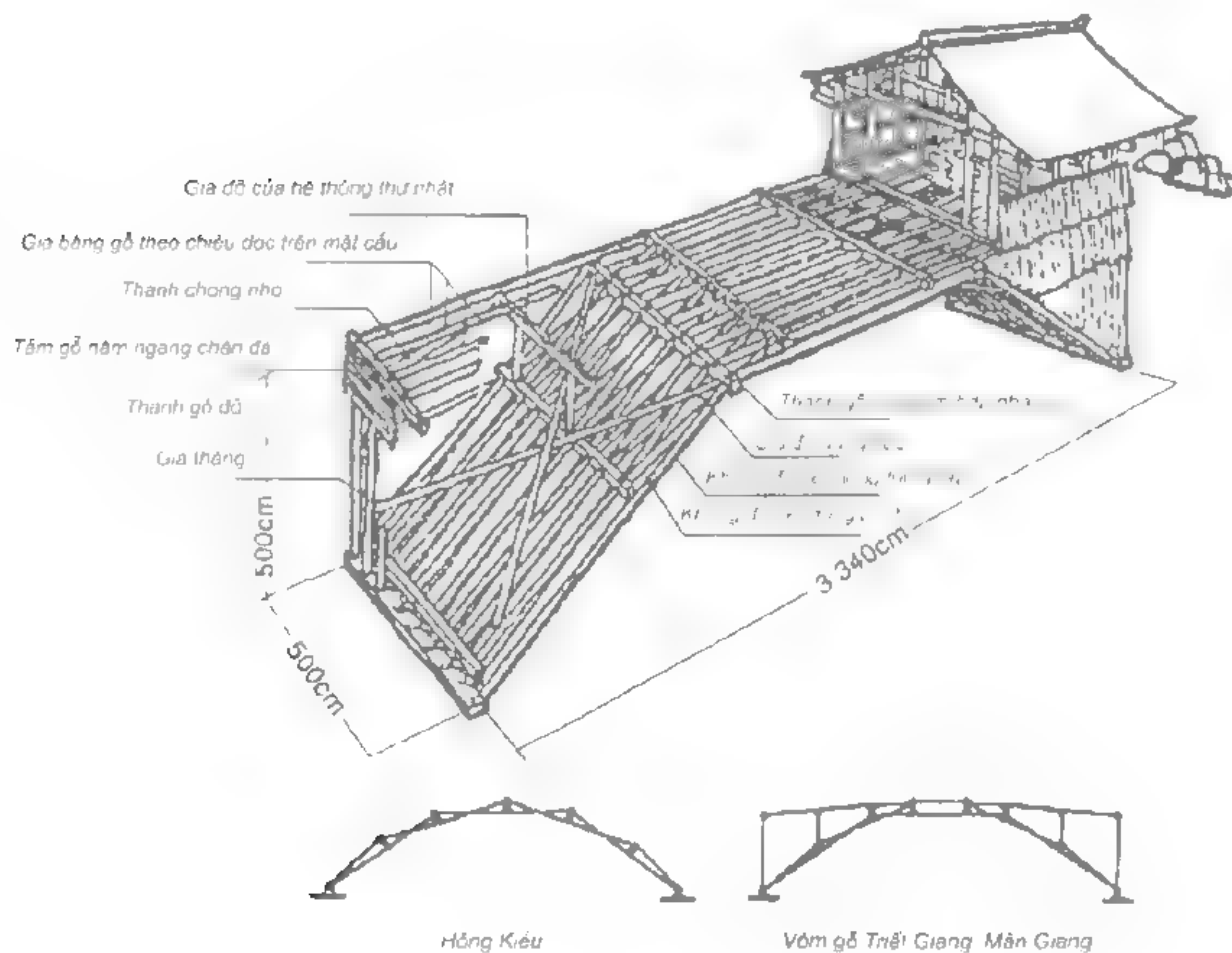


Cách thức làm cầu (hình góc)

Cầu nổi trên cỏ đất của Trung Quốc có rất nhiều chủng loại, mang đậm nét đặc sắc về mặt kiến trúc. Xét về kết cấu và hình thức tạo hình có thể chia thành các chủng loại như cầu đang vòm, cầu đang xà, cầu treo, cầu phà, cầu cầu trục. Chiếc cầu nhỏ trong hình vẽ trên là cầu vòm đơn thuộc cầu đang vòm

Cách thức làm cầu nổi.

Thông thường khi làm cầu, không cần phải có nhiều phụ kiện mà chỉ cần xây lan can. Nếu bắt đầu làm từ ngay chân thì phải làm từ dưới lên trên; Nếu làm vào ngay lễ thì phải làm từ Tây sang Đông. Căn cứ vào độ cao và độ rộng của hành lang, chiều cao của lan can là 2 thước 5 thốn, bậc thêm dưới lan can cao 1 thước 5 thốn.

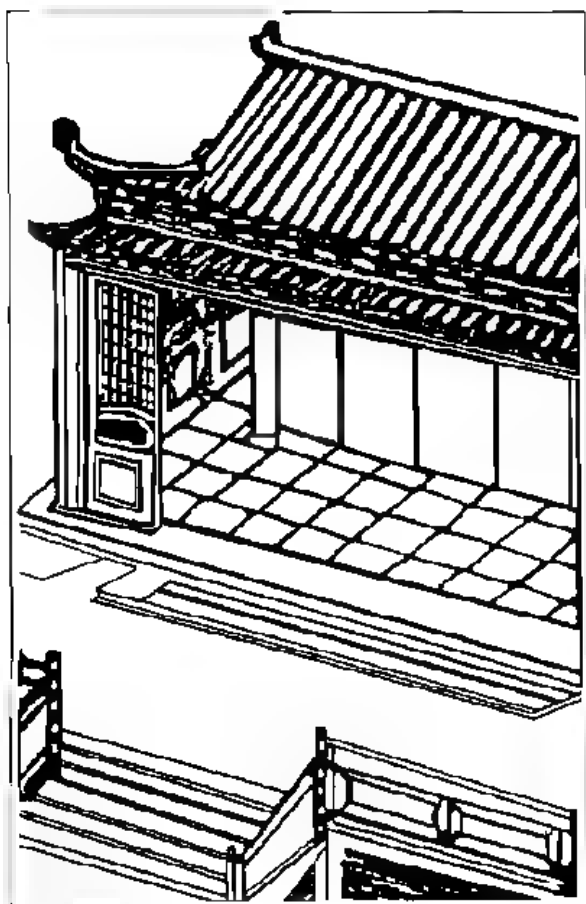


Hồng Kiều

Hồng Kiều là tên một cây cầu nổi đang tồn tại trong bức tranh "Thạch Minh thường hà đồ" của Trương Trích. Cầu có dầm nhà Tạng, Cầu có chiều dài 185m, thanh chong khoảng 42m, tổng chiều rộng mặt cầu là 96m. Đặc biệt kết cấu và tác dụng của nó là một loại cầu nổi, cầu có thể di chuyển và có thể nâng hạ được như Trĩ Giang Môn Giang. Cầu có ảnh hưởng của Hồng Kiều đến kết cấu của Hồng Kiều đã được thể hiện trong hình vẽ.

Cách thức làm chòi^[1]

Chòi thường làm theo cách để cho rầm dọc xuyên vào trong bức tường từ Đông sang Tây, dựa vào thanh gỗ ngang để xác định nơi thâm sâu (*thâm áo*^[2]) của chòi, nâng dậu cũng lên tới độ cao phù hợp. Độ nông-sâu, rộng-hẹp của chòi gác phải phù hợp với kích thước cát lợi, hoặc là móng nhà rộng 2 trượng, chiều cao của cột nền để 1 trượng, không được có sự sai lệch so với kích thước mà sư tổ truyền lại. Đây là điều hết sức quan trọng mà không thể nói hết trong một vài trang sách, cần phải căn cứ vào tình hình cụ thể để quan sát kỹ lưỡng và suy đoán



Nhà dạng chòi (hình góc)

Chòi là kiến trúc đi kèm với một kiến trúc chính, nằm ở phần giao với hành lang ngoài nhưng có tác dụng bỏ sang, làm cho kiến trúc chính trở nên hoàn thiện hơn và ngoại cảnh của công trình kiến trúc cũng có xu hướng hoàn thiện hơn

[Chu thích]:

[1] Chòi: Phần trang trí trên góc ngoắt của một công trình kiến trúc khá lớn.

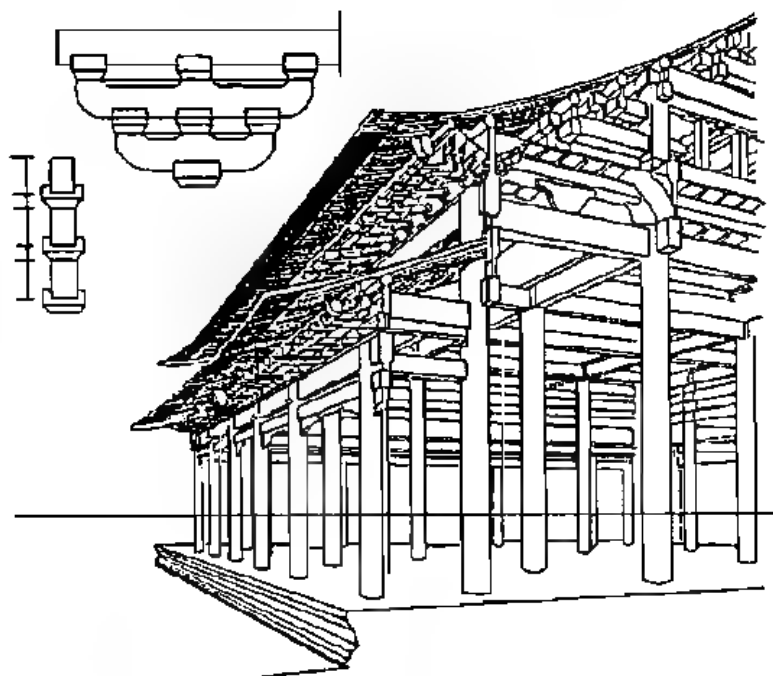
[2] Áo. Chỉ góc Tây Nam trong nhà thời xưa, là nơi thường dùng để thờ cúng Thần thánh và tổ tiên, ý chỉ nơi thâm sâu trong nhà.

Cách thức và tiêu chuẩn làm gác chuông⁽¹⁾

Khi xây dựng gác chuông, người ta thường làm chân hình chữ phong (卍), 4 cột phải được dựng bằng những thanh gỗ thẳng hoàn chỉnh, chiều cao và chiều rộng phải có sự cân đối. Ông xã nước mưa không được làm quá thấp, nếu làm thấp quá sẽ che mất phần phát ra âm thanh của chuông, như vậy, âm thanh sẽ không thể vang vọng đi khắp 4 phương. Quan trọng hơn là không được để ở bên phải, phải làm ở bên trái, phía dưới hành lang đình tự. Phía dưới gác chuông có thể xây nhà thờ Phật với nền bằng phẳng. Gác chuông sẽ được xây ở giữa cửa đình để dân chúng có thể trực tiếp ngắm nhìn chuông. Nếu lan can được xây theo hình lục giác, tiếng chuông sẽ ngân nga theo gió, có thể vang xa tới hàng trăm dặm, như vậy sẽ đem lại rất nhiều điều may mắn.

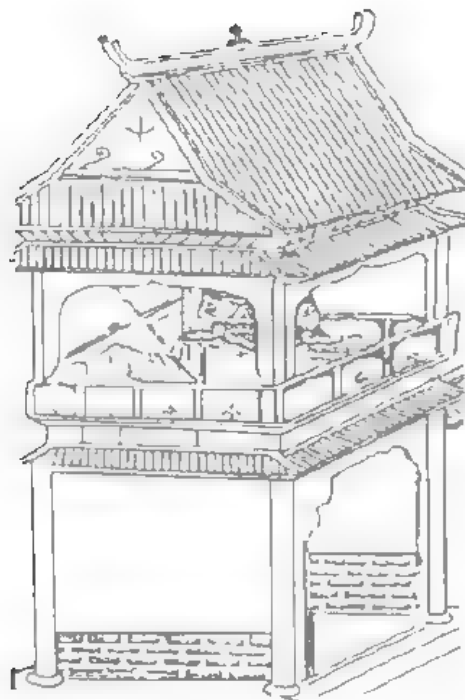
[Chú thích]:

[1] Gác chuông Là một toa nhà hoặc một gác lầu co treo một chiếc chuông lớn, thường được xây dựng cho các công trình kiến trúc Tôn giáo.



Dấu củng

Là chi tiết cấu tạo đặc biệt trong công trình kiến trúc cổ đại của Trung Quốc, thường dùng trong kiến trúc điện, đường. Dấu củng được đặt giữa cột và xà, được cấu tạo bởi một khối gỗ hình vuông gọi là "dấu" một thanh gỗ ngắn hình vòng cung gọi là "củng" và "mão" hình chữ nhai, được đặt nằm ngang, có tác dụng chống đỡ mái trên lên trên nóc nhà. Hình vẽ trên là dấu củng trong "Phương pháp xây dựng" đền nhà Tống.



Cách thức làm gác chuông (hình góc)

Khi làm gác chuông thì phải làm gác song song với hành thức gác. Nhưng ở dưới đất của Công đường làm gác này cũng đơn giản như gác hành thức gác. Trong thức gác này không chỉ làm tăng thêm vẻ mỹ quan cho chùa mà khi có việc đánh chuông để gọi tập thể tăng ni vào nhà chùa làm việc thì tiếng chuông trên gác chuông cũng có thể thấy được ý muốn thông tri của các vương triều phong kiến.

Xây dựng kho lương thực

Thông thường, khi xây dựng kho lương thực cần phải mời một người thông hiểu về thuật số để họ chọn giúp ngày giờ tốt. Người thợ xây trước tiên phải dùng một đoạn gỗ tốt để làm cột, đặt cột có định hướng về phương Bắc. Người thợ xây này đứng ở bên trái, cầm rìu làm động tác chặt vào phía trong, thao tác như vậy mới có thể được an toàn. Kích thước lớn nhỏ, ngắn dài, rộng hẹp đều phải dựa trên "Nhị Hắc" tuy để lâu 10 năm, Bát Bạch nhưng mỗi kích thước đều có cách dùng khác nhau. Xây dựng nhà cửa phải hợp Bạch, nhưng xây kho lương thực lại khác, lại cần phải dùng Nhị Hắc, như vậy, chuột bò sẽ không thể xâm nhập, tạo ra sự cân đối.

[Giải thích]:

Ngay từ xưa cho rằng, khi xây dựng kho lương thực, nếu gặp được năm tháng Lợi Đền các kiến Đền sẽ có vườn nở rộ, thu, kho lương thực sẽ trên phần tươi. Nếu gặp năm không tốt thì trên hoặc không trên sẽ bị mất mùa, thiếu thốn lương thực.

Xem bảng 3-11 để biết cách suy đoán về Lợi Điển, Kiến Điển, Bối Điển và Không Điển.

Người xưa có rất nhiều điều giữ gìn và cấm kỵ đối với thời gian và phương xây dựng kho lương thực

Ngày tốt có thể xây dựng kho lương thực: Ngày Kỷ Tý, Đinh Mùi của mùa Xuân; Ngày Giáp Ngọ của mùa Hạ; Ngày Ất Hợi, Nhâm Ngọ của mùa Thu; Ngày Tân Mùi, Canh Dần, Nhâm Thìn, Ất Mùi, Kỷ Hợi, Bính Thìn, Nhâm Tuất của mùa Đông. Ngoài ra, xây dựng kho vào các ngày Mãn Nhật, Thành Nhật, Khai Nhật và Thiên Thương, Thiên Tai, Nguyệt Tai cũng đem lại may mắn

Ngày tốt để bắt đầu sử dụng kho lương thực: Ngày Ất Sửu, Kỷ Tý, Canh Ngọ, Bính Tý, Kỷ Mão, Nhâm Ngọ, Canh Dần, Nhâm Thìn, Giáp Ngọ, Ất Mùi, Canh Tý, Nhâm Dần, Đinh Mùi, Giáp Dần, Mậu Ngọ, Nhâm Tuất. Ngoài ra, làm vào các ngày Mãn Nhật, Thành Nhật và Khai Nhật cũng sẽ được may mắn; Cấm kỵ làm vào các ngày Duyệt Một và Thập Đa Không Yong.

Ngày tốt có thể đồ trần hoặc làm mái. Các ngày Giáp Tý, Ất Sửu, Tân Mùi, Ất Mùi, Canh Tý, Đinh Dậu, Giáp Thân, Tân Mão, Ất Mùi, Kỷ Hợi, Ất Tý, Quý Sửu; Các ngày Thành Nhật và Khai Nhật cũng thích hợp làm việc này.

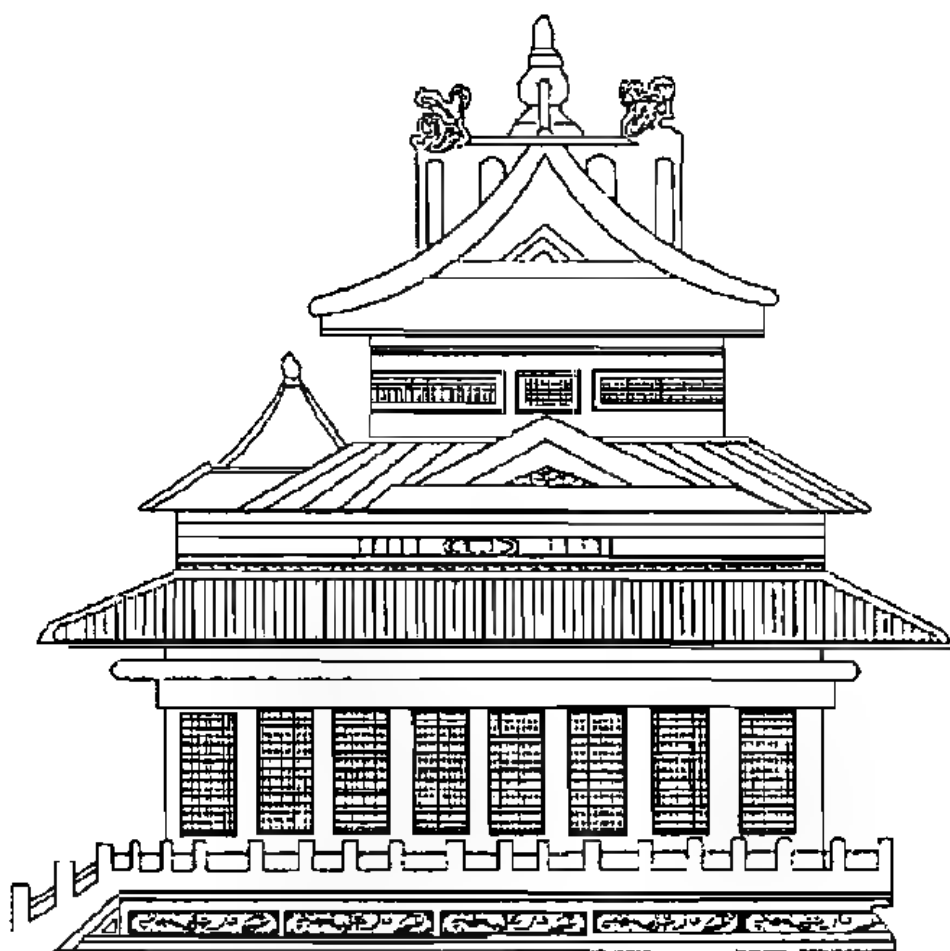
Ngày tốt có thể trát xi măng: Ngày Kỷ Tý, Ất Hợi, Canh Thìn, Ất Dậu, Canh Dần, Nhâm Thìn, Giáp Ngọ, Ất Mùi, Ất Mão; Kén Nhật và Bế Nhật cũng là các ngày may mắn.

Ngày tốt có thể sửa sang kho lương thực: Thích hợp với các ngày Giáp Tý, Ất Sửu, Bính Dần, Đinh Mão, Nhâm Ngọ, Giáp Ngọ, Ất Mùi, Giáp Thìn những ngày này đều may mắn

Trong "Tượng cát thông thư" có ghi khi xây dựng kho lương thực, nếu chọn 4 hướng Giáp, Canh, Bính, Nhâm thì sẽ được may mắn, ngoài ra còn phải "Toa hướng thực", không được phạm đối diện với hướng của nhà ở vì như vậy sẽ không may mắn. Đổ nước vào một ao chứa nước mới đào ở phía trước kho, dòng nước này không được chảy về phương phạm tài lộc.

Bảng 3-11. Lựa chọn khi xây dựng kho lương thực

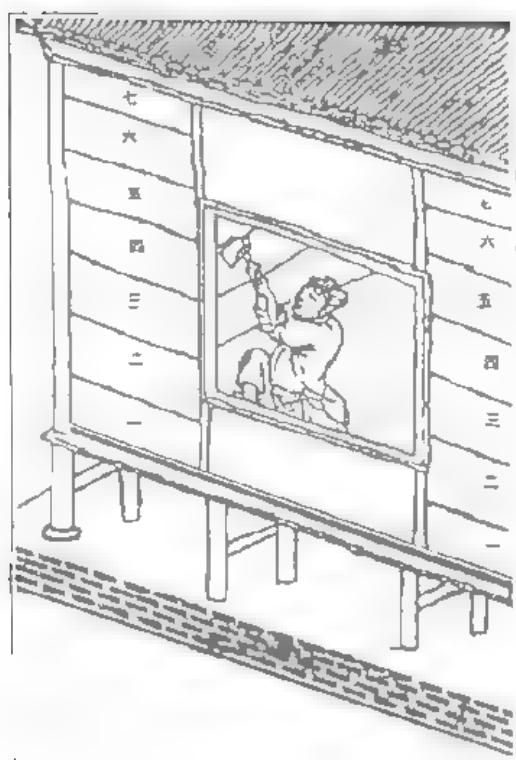
Năm tháng Tân Mệnh	Bối Điển	Không Điển	Lợi Điển	Kiến Điển
Mệnh Thân Tý Thìn	Tý Ngọ Mùi	Thân Dậu Tuất	Hợi Tý Sửu	Dần Mão Thìn
Mệnh Dần Ngọ Tuất	Hợi Tý Sửu	Dần Mão Thìn	Tý Ngọ Mùi	Thân Dậu Tuất
Mệnh Tý Dậu Sửu	Dần Mão Thìn	Tý Ngọ Mùi	Thân Dậu Tuất	Hợi Tý Sửu
Mệnh Hợi Mão Mùi	Thân Dậu Tuất	Hợi Tý Sửu	Dần Mão Thìn	Tý Ngọ Mùi



Sơ đồ mặt đứng chòi gác của Tử Cầm Thành ở Bắc Kinh thời Minh Thanh

Chòi gác là một phần của thành trì Tử Cầm Thành, thuộc loại công trình phòng vệ Hoàng cung giống với tường thành, cổng thành, lầu thành và sông bảo vệ thành. Chòi gác được làm theo cách giằng bờ sô cột, trong phòng thất tại giằng bờ 4 cột đứng, mở rộng thêm diện tích không gian sử dụng. Khung nhà được làm theo phương pháp dày xà, không để lộ đầu cột xà dưới mái miên, làm cho sức dung trượng trí công trở nên nội tại.

Phương của Tà Lộc: Nước theo hướng Giáp thì Lộc tại phương Dần, Tài tại phương Thìn; Nước theo hướng Bính thì Lộc tại Tỵ, Tài tại Mùi; Nước theo hướng Canh thì Lộc tại Thân, Tài tại Tuất; Nước theo hướng Nhâm thì Lộc tại Hợi, Tài tại Sửu. Ở những phương này, nếu nước vào thì sẽ được may mắn, nước đi thì sẽ gặp tai họa.



Xây kho lương thực (hình góc)

Kho lương thực là nơi tích trữ lương thực thời xưa

Phương cat lờ của Nhân Thương Inn Nam Thân Ty Trìn ta phương Sửu, nam Thân Ngọ Tuất ta phương Mùi, nam Ty Dậu Sửu ta phương Tuất, nam Hợi Mão Mùi ta phương Thìn.

Phương cat lờ của Đa Thương Inn Trang giềng, thàng chín ta phương Ngọ; Thàng ba ta phương Thân, thàng ba ta phương Thìn, thàng tư, tám, mười một ta phương Thìn, thàng năm ta phương Nhâm Thang sáu ta phương Dần Thang bảy, thàng mười ta phương Ty, thàng mười hai ta phương Tuất. Theo một cách no khác, thàng sáu bắt đầu từ phương Hợi, thàng ba phương Ty, thàng ba phương Sửu, thàng tư phương Dần, thàng năm phương Mão, thàng sáu phương Thìn, thàng bảy phương Ty, thàng tám phương Ngọ, thàng chín phương Mùi, thàng mười phương Thân, thàng mười một phương Dậu, thàng mười hai phương Tuất.

Phương cat lờ của Hayệt Tài Trìn Trang giềng, thàng bảy tại Thìn, Lạc, Đĩnh; thàng sáu tại Thân Mão, Ất; thàng ba thàng chín tại Thìn, Tân, Ty, thàng tư thàng mười tại Mùi, Tân, Thân Thàng năm thàng mười một tại Canh, Dậu, Tân Thàng sáu, mười ba tại Tuất, Canh, Tý. Theo cách no khác, thàng sáu tại phương Ngọ, thàng ba phương Ất, thàng ba phương Ty, thàng tư phương Mùi, thàng năm phương Dậu, thàng sáu phương Thìn thàng bảy phương Tuất, thàng tám phương Ất, thàng chín phương Ty, thàng mười phương Mùi, thàng mười một phương Dậu, thàng mười hai phương Hợi.

Hàng loạt, còn có những ngày tốt như Tu Thục, Tắc Trư Đông, Tắc Phách Lợi và những ngày xấu cần kiêng kỵ như Tắc Ly Lưu Khố, Hạ Khố, Lưu Gạo, Đa Hạo, Tiểu Hạo, ... ở đây chỉ xin giới thiệu sơ lược.

5. XÂY DỰNG CHUÔNG TRẠI GIA SÚC GIA CẨM

Xây dựng chuông bo theo phương pháp ngũ âm *

Theo truyền thuyết, sự tổ của loài bo vốn mang họ Lý nguyên là Đại Lão Bô Tắc Thiên Đế luôn hết lòng quan tâm đến con người dưới phạm trần, vì thấy con người không đủ sức để làm những công việc nặng nhọc nên đã đặc phái Thiên Ngưu giáng xuống trần gian. Vì vậy, khi xây dựng chuông bo, trước tiên phải mời người am hiểu về thuật số tới chọn giúp phương cát lợi, nhất thiết không được phạm vào Đạo Lan Sa và Ngưu Hoang Sa, có thể dao một chiếc hồ ở bên trái của chuông bo, bên phải chuông bo nên sát với đồng ruộng, như vậy, trâu bò mới được sống lâu.

[Chú thích]:

[1] Ngũ Âm: Là chỉ 5 âm “Cung, Thương, Giốc, Chủy, Vũ”.

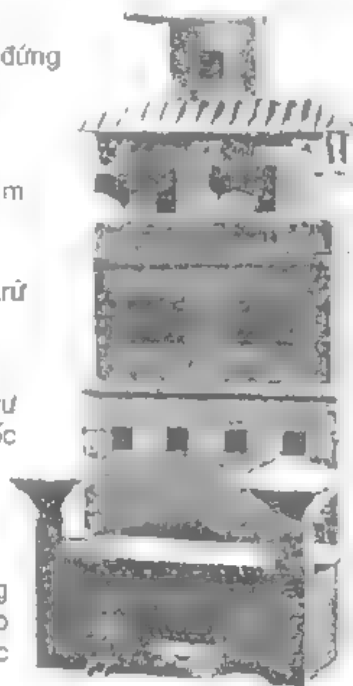
Chòi gác cổ quán linh đứng
bao vệ kho lương thực

Tầng trên tích trữ bột m

Tầng giữa tích trữ
gạo đã xát trắng

Tầng dưới tích trữ
gạo hoặc ngũ cốc
chưa gĩa công

Tả điện nấp lò đang
công trên lưng bao
ưng thực rào bước
đi vào trong kho



Kho lương thực 4 tầng Dời nhà
Hán

Kho lương thực Hán nhà Hán
thường có cửa sổ thông gió và
thường làm ở tầng cao, không
những đảm bảo cho không khí được
lưu thông mà còn có tác dụng
phòng trộm lương thực Từ tầng 2
đến tầng 4 của kho lương thực trong
hình vẽ dưới đây đều có cửa sổ
thông gió, tầng dưới còn có tường
bao vệ, đều là những biện pháp
vệ an toàn cho kho lương thực

[Giải thích]:

Người xưa chia tất cả các dòng họ ra thành 5 loại, mỗi loại dòng họ thuộc 1 âm khác nhau. Mỗi một âm là một hành trong Ngũ hành. Ví dụ: Dòng họ thuộc âm Gốc thì thuộc Mộc, dòng họ thuộc âm Chủy thì thuộc Hỏa, thuộc âm Thương thì thuộc Kim, thuộc âm Cung thì thuộc Thổ, thuộc âm Vũ thì thuộc Thủy. Phương pháp cụ thể như sau

Họ mang âm Cung tổng cộng có 61 họ: Tôn, Phùng, Thẩm, Nghiêm, Ngụy, Đào, Thủy, Phạm, Bành, Nhậm, Quách, Bào, Sầm, Ngê, Ân, Minh, Kế, Đàm, Tống, Khuất, Mẫn, Đồng, Lâm, Khâu, Ứng, Dục, Hạ, Canh, Quan, Khuyết, Âm, Cung, Cầm, Hann, Tj, Kế, Mẫn, Đỗ, Nhậm, Vu, Quý, Úc, Phong, Mi, Quế, Ngưu, Câu, Ngao, Dung, Giản, Sa, Du, Quyển, Hằng, Cj,...

Họ kép: Công Tôn, Công Dã, Đông Phương, Trọng Tôn, Văn Khâu, Thá Thúc

Họ thuộc âm Thương tổng cộng có 97 họ: Vương, Tưởng, Hàn, Hà, Trương, Thích, Chương, Tạ, Khê, Cát, Phan, Xương, Phương, Hoa, Lê, Trương, Lôi, Ô, Hà, Bá, Thường, Khang, Nguyễn, Hồng, Bình, Diêu, Thiệu, Đinh, Uông, Thành, Hạng, Mao, Lương, Đỗ, Chúc, Nguyễn, X, Ma, Lộ, Du, Cổ, Giang, Cổ, Từ, Lạc, Van, Phán, Kha, Lô, Mạc, Phòng, Giả, Thọ, Thượng, Ôn, Tú, Tập, Hương, Khuông, Văn, Âu, Y, Diệp, Bạch, Ngạc, Đặng, Hàng, Trần, Hình, Dương, Vu, Múc, Thân, Kim, Ban, Tang, Quan, Khoái, Tra, Ích, Cầm, Nam, Qua, Dương, An, Quách, Du

Họ kép: Thượng Quan, Lệnh Hồ, Tiên Vu, Bộc Dương, Trường Tôn, Hạ Hầu, Vạn Kỳ (S), Hiền Viên, Công Dương

Họ thuộc âm Giốc tổng cộng có 37 họ: Triệu, Chu, Tào, Khổng, Kim, Hoa, Kín, Liêm, Lạc, Tiêu, Ngụ, Cầu, Văn, Hoàng, Quốc, Đinh, Cao, Khuu, Kiều, Hồng, Tuốc, Lục, Tieu, Xa, Hầu, Hình, Khúc, Nhạc, Lưu,.

Họ thuộc âm Chủy tổng cộng có 78 họ: Tiền, Lý, Trịnh, Trần, Tần, Long, Thi, Khương, Bảo, Văn, Sĩ, Đường, Đặng, Hoa, La, Thôi, B, Tề, Mễ, Đại, Kỷ, Lam, Quý, Lâu, Diên, Chung, Quán, Biên, Trang, Vạn, Văn, Tuấn, Trì, Lại, Lich, Ninn, Su, Đông, Na, Lãnh, Đàm, Lao.

Họ kép: Lý Trì, Tư Khổng, Tư Đồ, Thân Đỗ, Chư Cát.

Họ thuộc âm Vũ tổng cộng có 51 họ: Chu, Ngô, Vệ, Hứa, Lã, Tô, Lỗ, Vĩ, Mã, Miêu, Viên, Vu, Phí, Ngụ, Du, Mạnh, Cổ, Mao, Bối, Thnh, Mai, Hạ, Cổ, Lăng, Yến, Cổ, Việt, Vũ, Tổ, Thiêm, Long, Tôn, Ông, Tj, Sở, Lai, Bô, Phố.

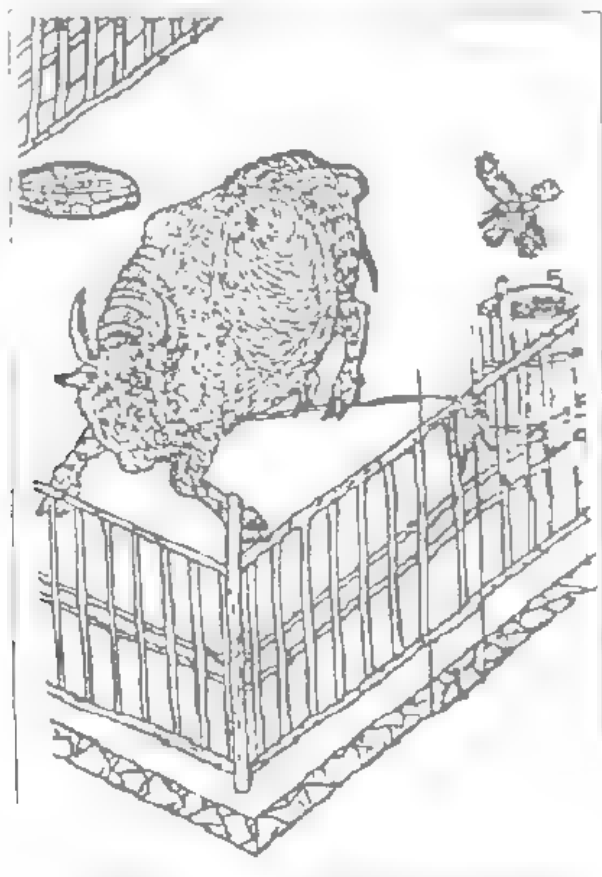
Họ kép: Mộ Dung, Vũ Văn, Hoàng Phủ, Đơn Vu.

Phương pháp dùng ngũ âm để xây dựng chuồng trâu, chuồng bò: Nếu dùng âm sinh với họ đó và âm hòa với họ đó thì sẽ được may mắn; Nếu dùng âm khắc với họ đó thì sẽ bất lợi. Ví dụ như họ Triệu thuộc âm Giốc, thuộc Mộc trong Ngũ hành, như vậy sẽ thích hợp với nạp âm Thủy, nên xây dựng chuồng trâu, chuồng bò vào thời gian hoặc phương Mộc: Nếu xây vào thời gian hoặc phương Kim thì sẽ khắc với bản thân chủ nhà, tức là sẽ gây tổn hại đến trâu bò, không may mắn.

Việc xây dựng chuồng trâu theo phương pháp ngũ âm đã được dân gian sáng tác thành bài vè.

"Cung Âm Canh Dậu Đa v. Cat - nung Âm Canh Hợi Lôi Vô B", Đỉnh Hợi phương đạo Gốc Âm Hợi Góp Cung đa thươg Chủ, âm cầu, duy như Mù Canh Vô âm cat, rợa vô nung chếm vượng thiên thu".

Hệ âm lên thươg nha nằm trong thuật trong thủy Đường Lã cho rằng khái niệm này đã được đưa vào "Thiên địa nhân", trình bày và trình bày Tông, sau này được dân gian lưu truyền từ đời này sang đời khác.



Chuồng trâu (bò) (hình góc)

Cấu trúc hình thức của chuồng trâu giống với chuồng ngựa hay chuồng lợn, đặt ở những nơi khô ráo, thoáng mát, có mái che và cửa mở để thông gió. Chuồng trâu thường được xây bằng gạch hoặc bê tông, có nền lót cát hoặc rơm để hút ẩm và khử mùi. Chuồng trâu thường có kích thước lớn, đủ để trâu đứng thoải mái và có thể quay đầu được. Chuồng trâu thường có cửa mở để người chăn nuôi có thể đưa thức ăn và nước uống cho trâu.

Quy tắc dựng gỗ và dựng thước khi xây dựng chuồng trại: Tìm một khúc gỗ hướng về phía mặt trời để làm trụ nhà, chuồng bò phải được xây ngay cạnh nhà ở của người, vì bò vốn rất sợ lạnh, nên để cho chúng được ấm áp. Kích thước ngắn dài của cột này phải dựa trên tiêu chuẩn "Áp Bạch" không được nam trên "Nhị Hắc". Phía dưới chuồng bò phải xây một chiếc cột gỗ, chiếc cột này phải được làm bằng

khúc gỗ được chặt từ cây ở phía Đông, cột này được đặt ở bên trái và được gọi là cột góc, cao 6 thước 1 thốn. Khi xây phải làm 2 gian hoặc 4 gian, số gian không được làm số lẻ. Nếu dùng gỗ làm rui (cầu phong) thì có thể làm 4 chiếc, phải phù hợp với Tứ khí Âm Dương Xuân Hạ Thu Đông như vậy mới có được may mắn. Lưu ý: Không được dùng tới 5 thước 5 thốn, bởi vì 5 nghĩa là Ngũ Hoàng, là con số không may mắn. Khi làm cửa chuồng bò, nhất thiết không được dùng kích thước có con số có thể gây tổn hại, kích thước thích hợp là lớn 2 thước 6 thốn, cao 4 thước 6 thốn, như vậy mới phù hợp với Lục Bạch, làm theo phương pháp đo thì lục súc mới được bình an. Nếu làm 8 thốn thì có nghĩa là Bát Bạch, hai âm (âm gần giống) của nó là "bát bại", vì vậy, không được sử dụng kích thước này, nếu không sẽ gây tổn hại đến cả đàn gia súc.



Thợ xẻ gỗ

Hình vẽ trên là một người thợ xẻ gỗ đang muen tã trên một trang hoa báo đen như Thanh mang tên "Đồ họa thôn báo - Doanh nghiệp tá chân"

[Giải thích]:

Lý do không được âm chuồng bò có số gian ở là vì trâu bò (Ngưu) đứng ở vị trí thứ hai trong 12 con giáp, thuộc Âm, số gian chuồng trâu phải làm số chẵn mới phù hợp với nguyên lý số Âm, nếu làm số lẻ sẽ đi ngược lại với nguyên lý trên, vì vậy sẽ không may mắn.

Ngôi sao thứ 5 trong Tử Bạch Phi Tinh có tên gọi là Ngũ Hoàng, đóng ở Trung cung nên thuộc Thổ trong Ngũ hành. Nhưng Ngũ Hoàng lại thuộc sao Lêm Trnh, sao này thuộc Hỏa trong Ngũ hành. Vì vậy, theo phương pháp suy đoán của Cửu cung Phi Tinh, khi Ngũ Hoàng đóng ở Trung cung, thuộc Thổ trong Ngũ hành, nếu Ngũ Hoàng bay tới Trung cung, cho dù đóng ở phương nào cũng đều phải có Hỏa Trong cuốn “Hà Lạc Sơn Khắc Cát Hung Đoán” có ghi, Ngũ Hoàng Thổ là Mậu Kỷ đại sát, cho dù là sinh nay khắc cũng đều là điềm dữ. Lúc này thích hợp nhất là chờ đợi, không nên hành động. Đồng thời, niên T壬 tới gần cũng gây tổn hại cho nhân đinh, nhẹ thì sinh bệnh hoặc gặp tai nạn nặng thì chết liên tiếp từ 5 người trở lên. Trong cuốn “Ngọc Kín” có ghi: “Bát Sơn tổ, pha (sợ nhất) Ngũ Hoàng lai (tới), tung hữu sinh khí tuyệt tư tài. Hung trung hữu ngộ đời hoàng (Ngũ Hoàng trùng điệp) đảo, di thâm tai họa khóc than ai.” Trong cuốn “An trạch định luận” có ghi, khi có Ngũ Hoàng đóng thì không nên hành động, nếu không sẽ gặp bệnh dịch hoặc tai nạn bất ngờ mà số người gặp tai nạn đó có thể lên tới 5 người. Bởi vì Ngũ Hoàng là một hung sát đem tới dịch bệnh với con số cố định là 5. Trong cuốn “Thám v” có ghi: Ngũ Hoàng nên đóng ở giữa của Mậu Kỷ Thổ, nếu bay ra ngoài kết cấu này sẽ trở thành ác Hỏa, khi đó, Ngũ Hoàng Sát sẽ phát huy tác dụng lợi hại ở mức lớn nhất, lúc này, tai nạn mà Ngũ Hoàng Sát gây ra là knock liệt nhất, vì vậy, khi gặp phải kết cấu này tuyệt đối không nên hành động. Từ đó có thể thấy rằng, Ngũ Hoàng là một hung tinh cần đặc biệt cấm kỵ trong phong thủy học và trạch cát học.

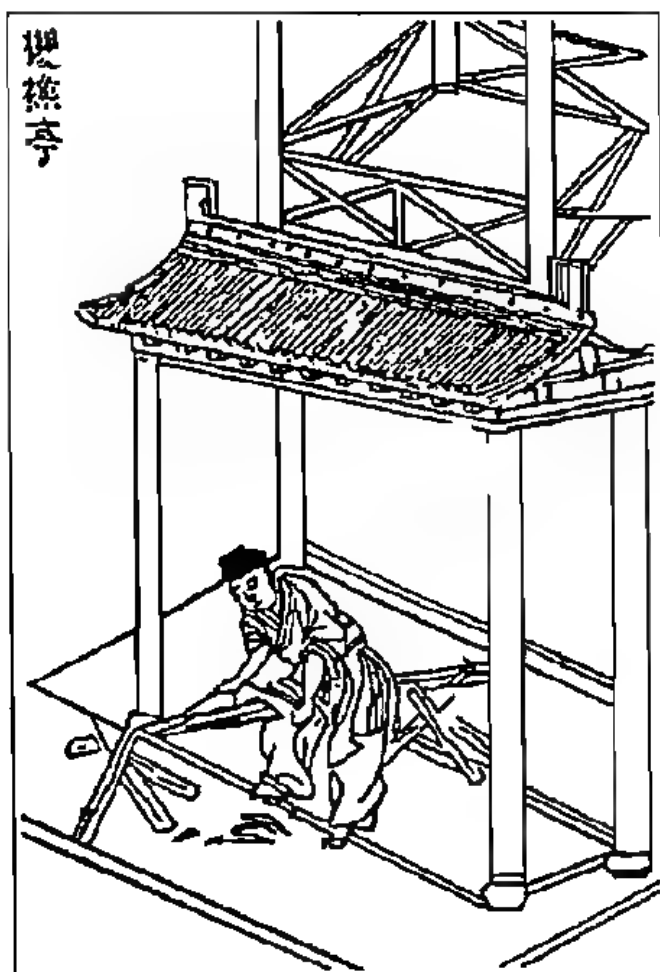
Cuốn “Lỗ Ban kinh” cũ đã đưa quan niệm “Ngũ Hoàng” vào trong kiến trúc học và dựa vào kích thước tương ứng đó để suy đoán ra hung cát. Vì vậy, nếu kích thước có số đuôi là 5 thì có nghĩa là đã phạm vào Ngũ Hoàng đại sát, chúng tổ có đại nạn.

Tuy nhiên, trong Tam nguyên cứu vãn, Ngũ Hoàng lại đóng ở vị trí chính giữa, gọi là “Hoàng Cáp”. Nếu sao ở vào vị trí sinh vượng thì có nghĩa là vô cùng tôn quý, không những thế hệ rằng có đầy đủ phúc thọ, mà việc đóng ở vị trí chính giữa còn chứng tỏ có địa vị lớn nhất và tôn quý nhất, nhờ đó mà có thể tri v được Thên hạ. Vì vậy, kích thước trong kiến trúc Hoàng cung lại thường coi 5 là con số đẹp nhất, cần được chú ý đặc biệt.

Khi xây dựng chuồng bò phải dùng thước Lỗ Ban, trước tiên cần suy đoán ra những con số may mắn, sau đó chọn kích thước thích hợp trên những con số may mắn đó. Người thợ xây nhất thiết phải tìm được gỗ tốt, sau đó tính toán kích thước một cách kỹ lưỡng. Nhưng chuồng bò nhất thiết không được xây đối diện với nhà ở,

phải hướng về phía đôi cổ mới là thích hợp. Nếu người thợ tiến hành thao tác theo mô hình và phương thức đó thì sau này trâu bò sẽ được ăn uống no nê.

Trước chuồng bò không được để tảng đá lớn, nếu không, sau này trâu bò sẽ bị hổ cắn cho bị thương và đi lại khó khăn. Hết sức cấm kỵ có hồ nước lớn trước mặt chuồng bò, nếu không sau này sẽ khó xỏ mũi và khó điều khiển bò. Chuồng bò cũng không được xây bên cạnh nơi sông nước ô nhiễm, nếu không, bò đang mang thai sẽ bị trụy thai và gây tổn hại đến bê con trong bụng. Chuồng bò không được xây phía trước đường cái có người qua lại, nếu không, sau này vai và móng chân bò sẽ bị thối rữa.



"Lỗ Ban kính" (dùng dao làm chủ tiết công trình kiến trúc) Tranh minh họa

Hình vẽ trên miên tả người thợ mộc dùng dao gọt 2 chuỗi làm chủ tiết cấu tạo công trình kiến trúc trong khi xây sửa dài quan sát

Người ta thường nói về Ngưu Hoàng Sát như sau: Ngưu Hoàng^[1] Sát mùa 10 tháng giêng bắt đầu ở Khôn, mùa 10 tháng hai mới quay về cửa Chấn Tốn, mùa 10 tháng tư về vị trí Càn ở Trung cung. Đây là bí quyết cơ bản và tuyệt vời của Thần Tiên.

[Chú thích]:

[1] Ngưu Hoàng Là tên gọi của một hung sát.



Cảnh làm việc bán ròn của người thợ mộc

Tranh minh họa "Khám định thư kinh đồ thuyết"

Hình vẽ trên là khung cảnh làm việc bán ròn của người thợ mộc được miêu tả trong 'Khám định thư kinh đồ thuyết' - Sách học qua hình vẽ thơ nhà Thanh

[Giải thích]

Có một cách nói như sau. Ngưu Hoàng Sát nhập chuồng vào tháng tám, trong thời gian này không được xây sửa chuồng bò, phải đến tháng ba của năm sau, Ngưu Hoàng Sát mới ra khỏi chuồng, lúc này mới có thể xây sửa.

Có một cách nói khác, Ngưu Hoàng Sát ở trong kho vào các ngày Tý Sửu Dần Mão, ở trong dinh quan vào các ngày Thìn Tỵ Ngọ Mùi, phải đến các ngày Thân Dậu Tuất Hợi mới vào chuồng

trâu chuồng bỏ, vì vậy, phải tránh xây sửa chuồng trâu chuồng bò vào các ngày Thân Dậu Tuất Hợi

Cách xác định kết cấu mà trâu bò vào chuồng có thể gặp phải **Đao Chiêm Sát**:

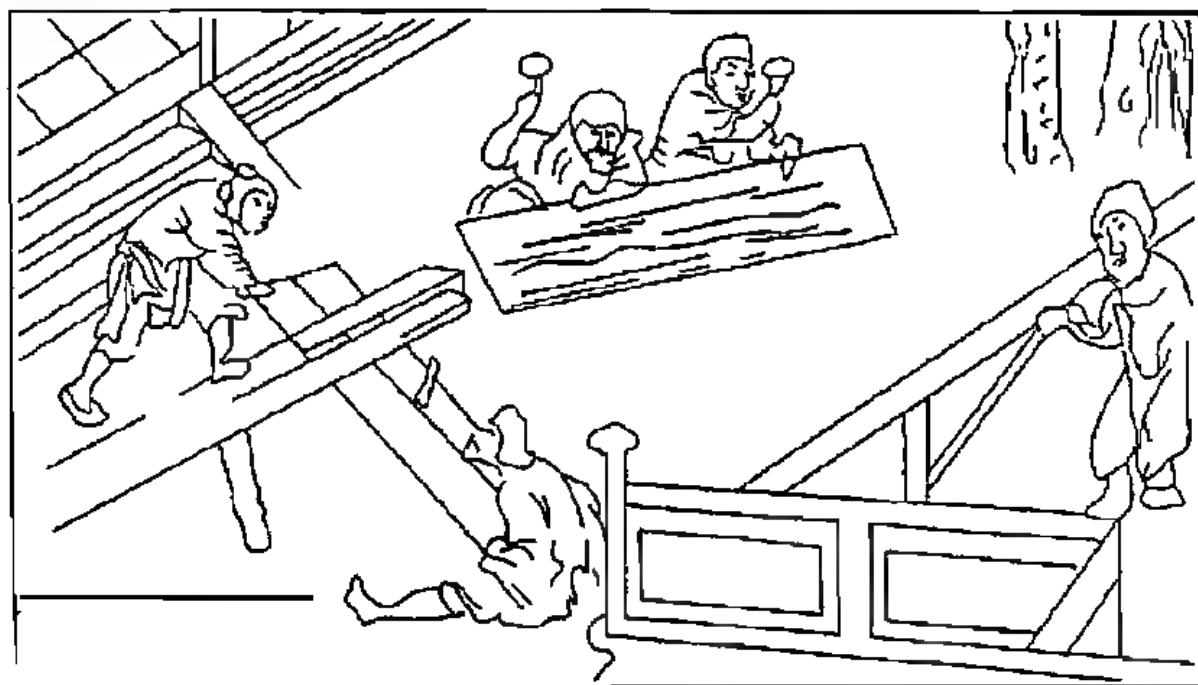
Mùa Xuân cần hết sức cấm kỵ đưa bò vào chuồng ở phương Hợi Tý, mùa Hạ cấm kỵ các phương Dần Mão, mùa Thu Tý Ngọ, mùa Đông Thân Dậu.

[Chú thích]:

[1] Đao Chiêm Là một hung sát, khái niệm này đã được giải thích ở phần trước

[Giải thích]:

Đao Chiêm Sát được suy luận từ khí vận của từng ngày riêng lẻ. Mùa Xuân Đại Vương, tiết Thủy khí, vì vậy cần cấm kỵ các phương Hợi, Tý; Mùa Hạ Hỏa Vương, tiết Mộc khí, vì vậy cần cấm các phương Dần, Mão; Mùa Thu Kim Vương, tiết Hỏa khí, vì Kim Trường Sinh ở Tý nên cần cấm kỵ các phương Tý Ngọ; Mùa Đông Thủy Vương, tiết Kim khí, vì vậy cần cấm kỵ các phương Thân Dậu và tại các phương này khí đã hoàn toàn tiết tán nên bị coi là không may mắn.



Thợ mộc Giang Nam Đời nhà Minh Tranh minh họa “Bích Sa Lung”

Sau đời nhà Minh, ngành công nghiệp gỗ ở các khu vực của Trung Quốc phát triển không đồng đều, mà thợ mộc ở dải đất Giang Nam có trun đồ tay nghề khá cao. Hình vẽ trên là khung cảnh làm việc của thợ mộc vùng đất Giang Nam được miêu tả trong “Bích Sa Lung”

Thời gian bắt đầu xây sửa chuồng bò:

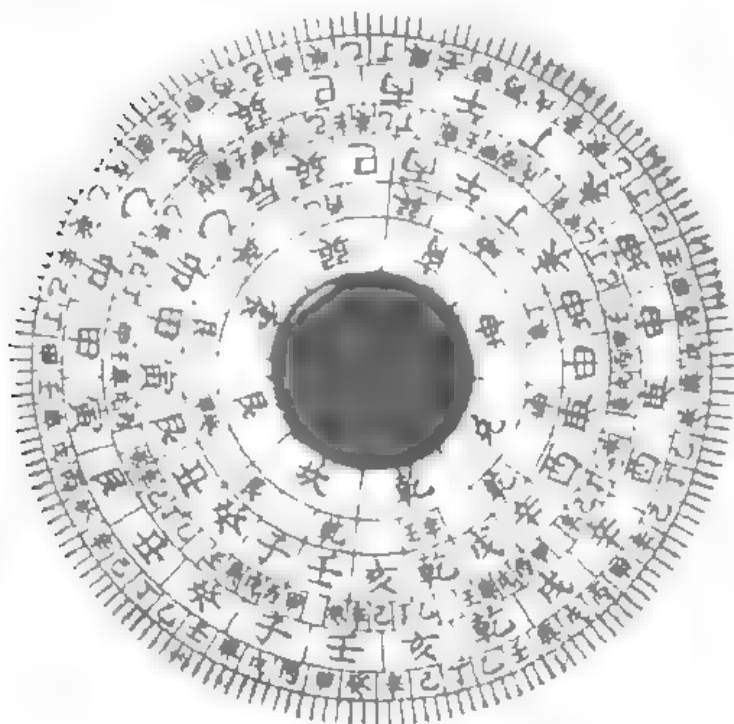
Ngay khi công xây dựng chuồng bò không được phạm vào Không Vong, nếu phạm vào Không Vong trâu bò chắc chắn sẽ chết. Cũng không thể xây sửa vào ngày Quý, nếu không trâu bò sẽ mắc dịch bệnh, gây trở ngại cho cả người và trâu bò.

[Giải thích]:

Các bát quái: Cấn (Thiên Không Vong), Đoài (Đàn Không Vong), Khảm (Thủy Không Vong), Li (Lửa Không Vong), Tốn (Trên Không Vong), Dục (Đất Không Vong), Chấn (Sấm Không Vong), Khôn (Đất Không Vong). Trong năm "Không Vong" được đề cập đến ở đây, có 6 là "Lục Giáp Không Vong". Phép tính như sau: 10 Trên can với 12 Địa chi, 2 Địa chi không có Thiên can trong mỗi tuần (tuần ở đây có nghĩa là 10 ngày) bị coi là Không Vong. Ví dụ, trong tuần Giáp Tý (10 Trên can Tý) gặp Tý sẽ kết hợp với 12 Địa chi (11 Trên can kết hợp với 1 Địa chi, vậy 10 Thiên can chỉ kết hợp với 10 Địa chi Tý tới Mậu Tuất còn lại là Tuất và Hợi không có Thiên can để kết hợp như vậy, Tuất Hợi trong 10 Không Vong trong tuần Giáp Tý, kết quả này chính là kết quả Không Vong.

Tên hình Lục Giáp không vong được miêu tả như sau (áp dụng cho cả ngày, ngày tháng và năm):

Tuất Hợi trong tuần Giáp Tý là không vong, Trâu Đê trong tuần Giáp Tuất là không vong, Ngọ M trong tuần Giáp Thân là không vong, Tỵ T trong tuần Giáp Ngọ là không vong, và Địa Mão trong tuần Giáp Thìn là không vong, Tỵ Sửu trong tuần Giáp Dần là không vong.



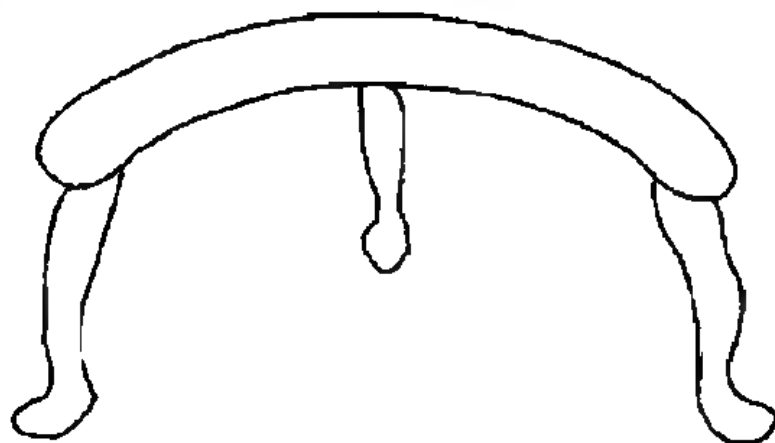
La bàn ngà voi

La bàn là công cụ được các nhà phong thủy cổ đại dùng để chọn đất, chọn nhà. So với các loại la bàn khác, la bàn ngà voi thường không bị biến hình, nhờ đó mà độ khắc càng chính xác hơn. Trong vòng tròn cuống giữa la bàn có chiếc kim chỉ nam, nép đến là dương tròn bên trong có khắc tên 8 quẻ "Cần Đoài Khôn Ly Tốn Chấn Cấn Khảm", đường tròn ngoài cùng khắc đoan thẳng chia độ theo tiêu chuẩn, dùng để tính phương chỉ hướng.

Tính thời gian Ngưu Thần xuất nhập: Ngưu Thần xuất chuồng vào ngày mùng 1 tháng 3, ngày mùng 1 tháng 9, Ngưu Thần trở về chuồng. Xây sửa chuồng bò trong khoảng thời gian này là thích hợp, sẽ rất may mắn. Trong khi đó, Ngưu Hoàng Sát lại nhập chuồng vào tháng 8, đến tháng 3 của năm sau mới xuất chuồng, xây sửa chuồng bò trong khoảng thời gian này là không thích hợp, sẽ gặp đại họa.

[Giải thích]:

Ngưu Thần ngoài thuộc Nhật Ngưu Thần ra còn thuộc Tuổi Ngưu Thần. Vào nam Tý, Tuổi Ngưu Thần đóng ở phương Chấn Tốn, nam Sửu đóng ở phương Tốn Cấn, năm Dần đóng ở phương Cấn Càn, năm Mão đóng ở Dậu Tốn, năm Thìn ở Ly Cấn, năm Tỵ ở phương Càn của chuồng trại, nam Ngọ ở phương Chấn Tốn, năm Mùi ở phương Mão Cấn, năm Thân ở phương Tốn Càn, năm Dậu ở phương Khôn Tốn, năm Tuất ở phương Cấn Ly, năm Hợi ở phương Khôn Càn.



Bàn tựa Tranh minh họa Thời Ngụy Tấn

Bàn tựa là vật dùng để người ta tựa vào, có hình dáng giống lưng tựa của một chiếc ghế tròn, phía dưới có 3 chân. Vào thời nhà Hán, chiếc bàn tựa này thường được đặt để tựa ở trước ngực, sau này dần dần phát triển thành nhiều loại, tựa bên cạnh và tựa sau lưng.

Phương thức xây dựng chuồng bò: Khi làm chuồng bò, người ta thường đặt la bàn ở giữa nhà, điều khiển cho la bàn chuyển động theo thứ tự để xem phương, nếu kích thước được làm trên Kỳ La Tinh sẽ được coi là may mắn. Cửa chuồng bò phải hướng về phía Đông, cấm không được hướng về phía Bắc. Chọn 5 cây gỗ tạp làm cột chính, chiều cao của cột là 7 thước 7 thốn, căn cứ vào độ rộng hẹp của đất xây để làm chuồng trại, diện tích xây dựng không được quá chênh lệch với diện tích đất.

Ngoài ra, diên tích xây cũng phải dựa trên tiêu chuẩn thời xưa, sâu 8 thước 2 thốn, rộng 6 thước 8 thốn, thanh gỗ nổi được đặt ở phía trên, phía dưới và ở giữa phải dùng miếng gỗ tròn, không được làm gỗ dẹt, như vậy mới được may mắn.

Nếu Sinh Môn đối diện với chuồng bò, chuồng bò lại đối diện với chuồng dê thì quanh năm gặp phải việc kiên cáo, khó tránh khỏi tai họa phải vào lao ngục.

[Giải thích]

Kỳ La Tinh là Thần Sát trong kết cấu "Lục súc Kim Kinh" với sao chính là Tọa Sơn, Kỳ La Tinh của 12 sơn Khôn, Ất, Đoai, Đnh, Ty, Sửu, Cấn, Bính, Chấn, Canh, Hợi Múi ở phương Càn, Tốn, Kỳ La Tinh của 12 sơn Càn, Giáp, Thân, Tý, Thìn, Tốn, Tân, Dần, Ngọ, Tuất, Nhâm, Quý ở phương Khôn, Cấn

Sinh Môn là phương Đông Bắc, vốn là một phương may mắn, nhưng Ngưu thuộc Sửu, đóng ở phương Cấn, vì vậy, nếu đối diện với chuồng bò sẽ phạm vào Phục Ngâm, vì vậy là hung. Dê thuộc Mốc, đóng ở phương Khôn, đối xung với phương Sửu. Vì vậy, nếu chuồng bò đối diện với chuồng dê thì sẽ phạm vào Phản Ngâm, cũng là hung.

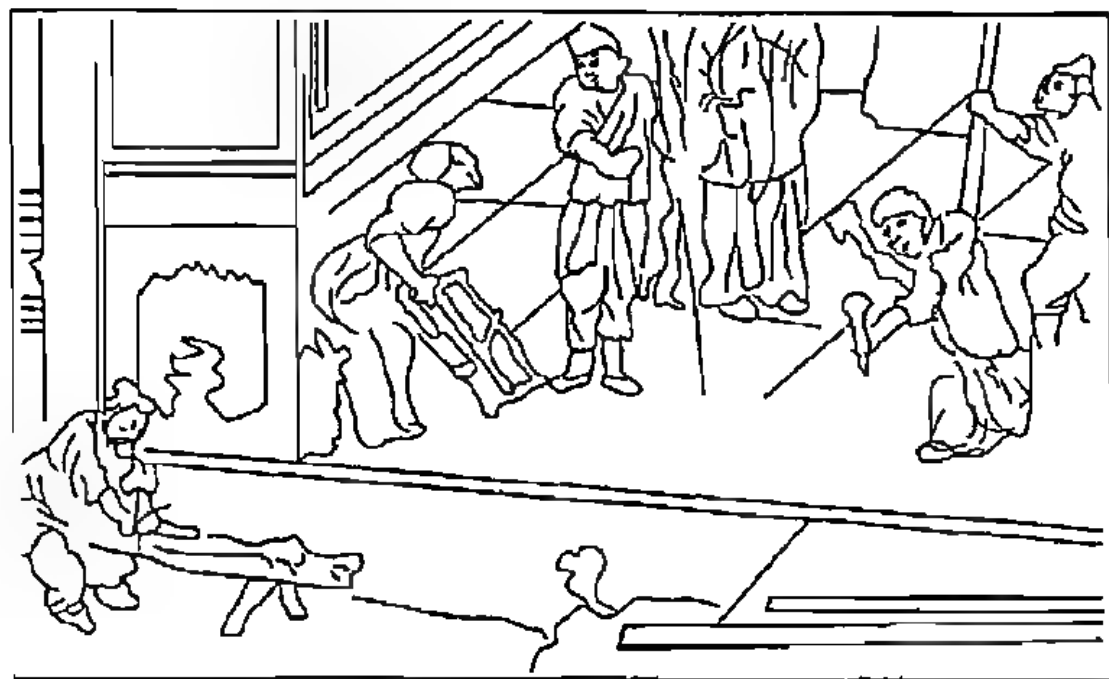
Phục Ngâm là chỉ quá biến mà Địa chi của nào (vạch ngang trong bát quái) không biến. Phục Ngâm thường biểu hiện sự âu lo, rên rỉ.

Phản Ngâm được chia làm 2 loại là Phản Ngâm quái và Phản Ngâm hào. Phản Ngâm quái là chỉ quái biến xung khắc, Phản Ngâm hào là chỉ một hào nào đó trong quái biến xung khắc. Trong ứng dụng thực tế, Phản Ngâm thường biểu thị sự việc lặp lại, bất an, không thuận, ..

Phạm vào Phục Ngâm và Phản Ngâm đều không may mắn.

Ngày tốt trong các tháng dùng để xây dựng chuồng bò: Tháng giêng ngày Canh Dần, tháng hai ngày Mậu Dần, tháng ba ngày Kỷ Ty, tháng tư ngày Canh Ngọ, Nhâm Ngọ, tháng năm ngày Kỷ Ty, Nhâm Thìn, Bính Thìn, Ất Mùi, tháng sáu ngày Canh Thân, Giáp Thân, Ất Mùi, tháng bảy ngày Mậu Thân, Canh Thân, tháng tám ngày Ất Sửu, tháng chín ngày Giáp Tuất, tháng mười ngày Giáp Tý, Canh Tý, Nhâm Tý, Bính Tý, tháng mười một ngày Ất Hợi, Canh Dần, tháng mười hai ngày Ất Sửu, Bính Dần, Mậu Dần, Giáp Dần.

Ngoài ra còn không được phạm vào Khôi Cang, Cầu Giảo, Ngưu Hỏa, Huyết Kỳ, Ngưu Phi Liêm, Ngưu Phúc Trưởng, Ngưu Dao Chiêm, Thiên Ôn, Cửu Không, Thụ Tử, Đại Tiểu Hao, Thổ Quý, Tư Phế.



Hình vẽ mô tả khung cảnh sản xuất Tranh minh họa “Bích Sa Lung” Đền nhà Minh

Thờ xưa, “thợ mộc” là một khái niệm chỉ chủng loại công việc với phạm vi rất rộng, người thợ làm một trong các công việc nhét vào rỗng chất cây lầy gỗ, lên khung, tạo hình và điêu khắc đều có thể coi là thợ mộc. Ngoài ra, thợ mộc còn có thể chia thành nhiều loại như “Luân nhôn” - người chuyên chế tạo bánh xe, “Đư nhân” - người chuyên chế tạo toa xe, “Cung nhân” - người chuyên chế tạo cung tên, “Lỗ nhân” - người chuyên chế tạo phần cán dài của binh khí (như giáo, mác), “Tương nhân” - người chuyên xây dựng nhà cửa và thành quách, “Xa nhân” - người chuyên chế tạo các loại xe bò (xe ngựa, xe trâu, xe dê), “Tử nhân” - người chuyên chế tạo đồ đựng nước, bia, bồn tắm. Hình vẽ trên mô tả khung cảnh làm việc của “Tương nhân” trong bức “Bích Sa Lung” - sách minh họa bằng tranh ảnh - đền nhà Minh.

[Giải thích]:

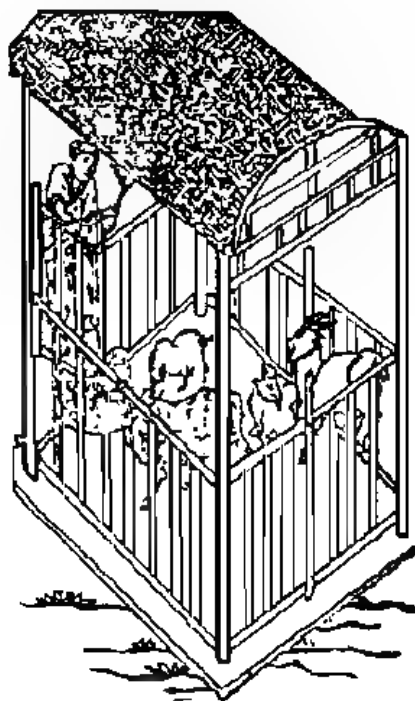
Khởi Càng: tức Thiên Càng tinh và Hà Khôi tinh. Thìn là Thiên Càng, Tuất là Hà Khôi. Thiên Càng và Hà Khôi đều là ác Thần Sát trong oai Nhật Thần. Nếu gặp phải Thiên Càng và Hà Khôi, cầm kỵ không được đi thuyền hoặc qua sông nước.

Câu Giáo: Trước Thập Tuế 3 ngày là Câu, sau 3 ngày là Giáo. Ngoài ra còn có các Thần Sát như Thiên Càng Câu Giáo, Hà Khôi Câu Giáo, Ngưu Câu Giáo,... ở đây là chỉ Ngưu Câu Giáo. Mùa Xuân, Ngưu Câu Giáo đóng vào ngày Thân Dậu, mùa Hạ đóng ngày Hợi Tý, mùa Thu đóng ngày Dần Mão, mùa Đông đóng ngày Tỵ Ngọ, đều là lấy điểm Tuyệt của Ngũ hành.

Ngưu Hỏa, Huyết Kỵ: Tháng giêng ngày Sửu, tháng hai ngày Mùi, tháng ba ngày Dần, tháng tư ngày Thân, tháng năm ngày Mão, tháng sáu ngày Dậu, tháng bảy ngày Thìn, tháng tám ngày Tuất, tháng chín ngày Tỵ, tháng mười ngày Hợi, tháng mười một ngày Ngọ, tháng mười hai ngày Tý.

Ngưu Phi Liêm: Tháng giêng, tháng hai ngày Ngọ, tháng ba, tháng tư ngày Thân, tháng năm, tháng sáu ngày Tuất, tháng bảy, tháng tám ngày Tý, tháng chín, tháng mười ngày Dần, tháng mười một, tháng mười hai ngày Thìn.

Ngưu Phúc Trường: Mùa Xuân ngày Tuất, mùa Hạ ngày Sửu, mùa Thu ngày Thìn, mùa Đông ngày Mùi.



Chuồng ngựa (hình gốc)

Chuồng ngựa trong hình vẽ trên được làm theo dạng quay 4 phía, để quản lý ngựa và có tính an toàn cao, nhưng lại dễ khiến cho ngựa trong chuồng lấy bệnh lẫn nhau

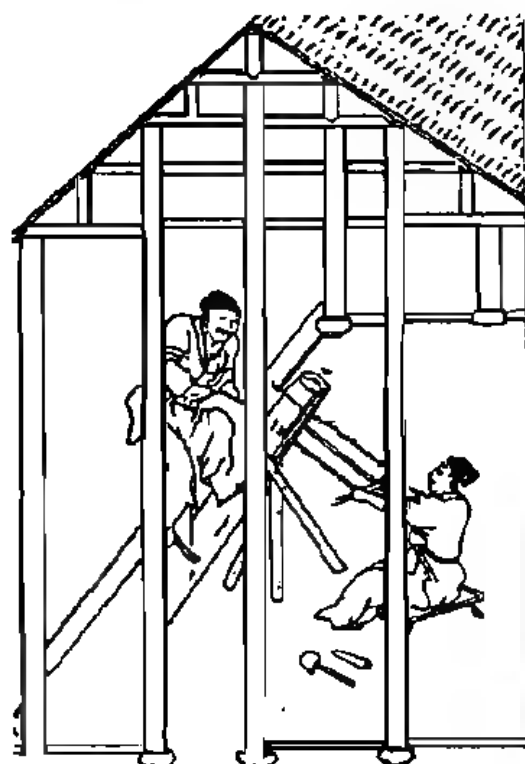
Đại Hao: Tháng giêng bắt đầu từ ngày Thân, tháng hai ngày Dậu, tháng ba ngày Tuất, tháng tư ngày Hợi, tháng năm ngày Tý, tháng sáu ngày Sửu, tháng bảy ngày Dần, tháng tám ngày Mão, tháng chín ngày Thìn, tháng mười ngày Tỵ, tháng mười một ngày Ngọ, tháng mười hai ngày Mùi

Tiểu Hao: Tháng giêng bắt đầu từ ngày Mùi, tháng hai ngày Thân, tháng ba ngày Dậu, tháng tư ngày Tuất, tháng năm ngày Hợi, tháng sáu ngày Tý, tháng bảy ngày Sửu, tháng tám ngày Dần, tháng chín ngày Mão, tháng mười ngày Thìn, tháng mười một ngày Tỵ, tháng mười hai ngày Ngọ

Trâu được nhà nông coi là oà gia cầm đáng quý nhất, bởi vì tất cả các việc của nhà nông như gieo trồng vào mùa Xuân và gặt hái vào mùa Thu đều phải dựa vào sự giúp đỡ của con trâu mới có thể hoàn thành. Vì vậy mà những công việc như xây chuồng trại, thậm chí xây mui, dạy

đỗ, điều khiển,... đều được người xưa hết sức chú ý lựa chọn ngày tốt để tiến hành. Dưới đây xin được lần lượt giới thiệu:

Ngày tốt để xâu mũi cho trâu bò: Tháng giêng ngày Ất Mão, tránh ngày Mậu Ngọ; Tháng hai ngày Ất Mão, tránh ngày Mậu Dần; Tháng ba ngày Kỷ Tỵ, Ất Tỵ, tránh ngày Kỷ Mùi, Tân Mùi; Tháng tư ngày Ất Dậu, tránh ngày Giáp Tuất, Mậu Ngọ, Canh Ngọ, Nhâm Ngọ; Tháng năm ngày Mậu Thìn, Kỷ Tỵ, Tân Mùi, Ất Tỵ, Kỷ Mùi, tránh ngày Giáp Tuất, Ất Dậu, Mậu Ngọ; Tháng sáu ngày Mậu Thìn, Tân Mùi, tránh ngày Giáp Tuất, Kỷ Mùi; Tháng bảy ngày Tân Mùi, Ất Dậu, Ất Hợi, Mậu Tý, Kỷ Mùi; Tháng tám ngày Ất Sửu, Ất Dậu, Ất Hợi, Tân Sửu, tránh ngày Mậu Tý; Tháng chín ngày Tân Mùi, Giáp Thân, Ất Dậu, tránh ngày Ất Sửu, Tháng mười ngày Ất Mão, trừ ngày Mậu Thìn, Mậu Tý; Tháng mười một trừ ngày Mậu Thìn, Ất Tỵ, Mậu Tý; Tháng mười hai ngày Mậu Thìn, Tân Sửu, tránh ngày Ất Sửu, Ất Tỵ.



Dung của khung gỗ để xẽ gỗ “Lỗ Ban kinh”

Tranh minh họa Đời nhà Minh

Cửa khung gỗ là công cụ dùng để cửa gỗ của thợ mộc thời xưa. chiếc cửa khung gỗ đầu tiên của Trung Quốc ra đời sớm nhất vào đời nhà Tống (mất hiện trong “Thanh Minh thượng hạ đồ”). Nó được cấu tạo bởi một khung gỗ hình chữ công và lưỡi cửa. Căn cứ vào cách dùng có thể chia thành cửa cắt dọc và cửa cắt ngang. Cửa cắt dọc có thể dùng để cửa theo chiều dọc của thợ gỗ, còn cửa cắt ngang dùng để cửa theo chiều ngang của thợ gỗ. Hình vẽ trên mô tả cảnh người thợ mộc dùng cửa khung gỗ để cửa gỗ.

Ngày tốt có thể day trâu bò:

Tháng q êng, tháng hai: Ngày Canh Ngọ, Nhâm Ngọ, Canh Tý, Nhâm Tý, Tân Hợi, Giáp Dần

Tháng ba, tháng chín: Ngày Canh Ngọ, Nhâm Ngọ, Canh Tý, Nhâm Tý.

Tháng tư: Ngày Canh Ngọ, Nhâm Tý, Canh Tý, Giáp Dần.

Tháng năm, tháng sáu: Ngày Canh Ngọ, Nhâm Ngọ, Tân Hợi, Giáp Dần.

Tháng bảy, tháng tám, tháng mười: Ngày Canh Ngọ, Nhâm Ngọ, Canh Tý, Nhâm Tý, Tân Hợi.

Tháng mười một, mười hai: Ngày Canh Tý, Nhâm Tý, Tân Hợi, Giáp Dần.

Tuy nhiên, nếu những ngày tốt trên mà phạm phải một trong các hung sát như Ngũ Cẩu Giáo, Chính Tứ Phế, Cửu Thổ Quý, Phá Nhật, Thụ Tử, . thì cũng không được chọn dùng

Ngày tốt để khởi công xây dựng chuồng bò: Ngày Giáp Tý, Bính Tý, Bính Dần, Đinh Mão, Quý Dậu, Canh Thìn, Giáp Thân, Ất Dậu, Giáp Thìn, Bính Ngọ, Đinh Mùi, Nhâm Tý, Giáp Dần, Ất Mão, Canh Thân, Tân Dậu, nhưng phải cấm kỵ các ngày mà có các hung sát Thổ Ôn, Thân Tắc và Ôn Tink.

Ngày tốt để đưa bò vào chuồng: Ngày Bính Dần, Nhâm Dần, Ất Ty, Tân Hợi, Mậu Ngọ, nhưng phải cấm kỵ các ngày có hung sát Huyết Cn, Huyết Ky, Đào Chiêm Thụ Tử,...

Ngày xấu không nên đưa bò vào chuồng: Ngày Ất Sửu, Nhâm Thân, Kỷ Mão, Canh Dần, Quý Sửu, Giáp Dần, Canh Thân.

Cách thức chuẩn để xây dựng chuồng dê theo phương pháp ngũ âm.

Theo cuốn “Đồ kinh”, dê vốn mang họ Chu, vì vậy, khi nuôi dê và xây dựng chuồng dê, người ta thường phải dùng gỗ của loại cây không ra quả 4 cột chính tượng trưng cho 4 giờ, tốt nhất là nên chọn gỗ cây Trường Thanh 4 mùa đơm hoa kết trái, tối kỵ không được dùng gỗ của cây khô; 8 cột nhỏ cũng phải hợp với 8 tiết; 24 rui (cầu phong) phải phù hợp với 24 tiết khí, chiều cao phía trước là 4 thước 1 thốn, chiều cao phía sau là 3 thước 6 thốn. Đồng thời, ở giữa xây một tấm nệm cao 3 thước 4 thốn so với mặt đất với ý, dê con sẽ liên tiếp được ra đời, lúc nào cũng đông đúc bầy đàn, đem lại may mắn. Điều này không thể không tin vì đã được chứng minh bằng thực tế.

Những nơi có tử khí lên cao là những nơi thích hợp để dựng 4 cột, chiều cao của cột là 3 thước 5 thốn, chiều sâu là 6 thước 6 thốn chiều rộng chuồng là 4 thước 2 thốn. Đường kính mặt cắt của cột là 3 thốn 3 phân, tổng cộng có 36 thanh nối vừa to vừa dài, thanh nối ngắn tổng cộng có 4 thanh, ở giữa trực tiếp làm răng dẽm, mỗi lỗ được chia 1 thốn 8 phân, lỗ chân răng 2 thốn 2 phân, cửa ngoài mở hướng về phía Tây, như vậy sẽ được may mắn. Phần phía dưới chỉ dùng đoạn tre nhỏ xuyên vào, phải xuyên thưa một chút, không nên xuyên quá chặt.

Ngày tốt để xây dựng chuồng bò trong các tháng:

Tháng giêng: Ngày Đinh Mão, Mậu Dần, Kỷ Mão, Giáp Dần, Bính Dần.

Tháng hai: Ngày Mậu Dần, Canh Dần.

Tháng ba: Ngày Kỷ Mão, Đinh Mão, Giáp Thân, Kỷ Ty

Tháng tư: Ngày Canh Tý, Quý Sửu, Canh Ngọ, Bính Tý, Bính Ngọ.

Tháng năm: Ngày Nhâm Thìn, Quý Sửu, Ất Sửu, Bính Thìn.

Tháng sáu: Ngày Giáp Thân, Nhâm Thìn, Canh Thân, Tân Dậu, Tân Hợi.

Tháng bảy: Canh Tý, Nhâm Tý, Giáp Ngọ, Canh Thân, Mậu Thân.

Tháng tám: Nhâm Thìn, Nhâm Tý, Quý Sửu, Giáp Tuất, Bính Thìn.

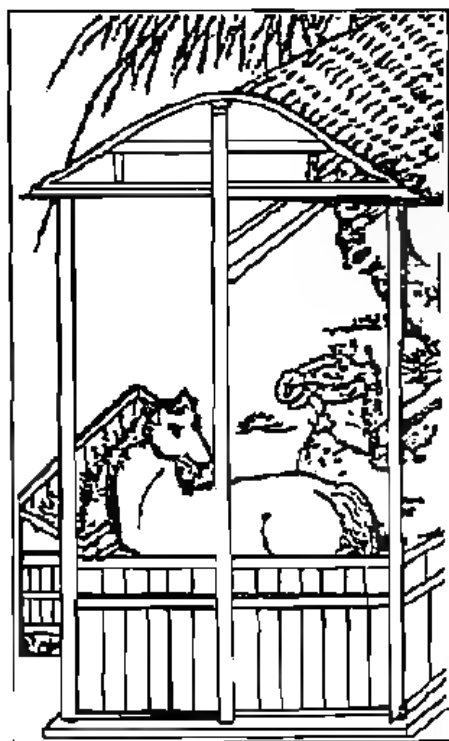
Tháng chín: Ngày Quý Sửu Tân Dậu, Bính Tuất.

Tháng mười: Ngày Canh Tý, Nhâm Ty, Giáp Ngọ.

Tháng mười một: Ngày Mậu Dần, Canh Tuất, Nhâm Thìn, Giáp Dần, Bính Thìn.

Tháng mười hai: Ngày Mậu Dần, Quý Sửu, Giáp Dần, Giáp Ty, Ất Sửu

Những ngày tốt trên đây không phạm vào những ngày xấu như Thiên Ôn, Thiên Tặc, Cửu Không, Thụ Tử, Phi Liêm, Huyết Kỵ, Đào Chiêm, Tiểu Hao, Đại Hao, Thổ Quý, Chính Tứ Phế, Hung Bại,...



Chướng ngựa

Hình vẽ trên là chướng ngựa đang mở, thông gió tốt, có thể che gió che mưa, nhưng khó quản lý

[Chú thích]

[1] Tử khư: Nơi có khí tốt, biểu thị xuất hiện vật quý

[Giải thích]:

Ngời xưa cho rằng, Dê là loài gia súc thuộc Hỏa, có tính ôn hòa, ghét ẩm ướt, vì vậy, tốt nhất nên làm chuồng dê ở chỗ cao ráo, tiện cho việc vệ sinh phân dê. Đưa dê đi nơi khác nên đưa vào giờ Tý, đưa dê vào chuồng nên đưa vào giờ Mùi, bởi vì Dê sống phải nước sương sẽ bị ở loét. Dê giống tốt nhất là nên chọn dê con được sinh vào tháng chạp hoặc tháng giêng, loại tốt thứ hai nên chọn loại sinh vào tháng mười một hoặc tháng hai.

Giờ Tý: Tương đương 9-10 giờ trong cách tính thời gian ngày nay.

Giờ Mùi: Tương đương 13-14 giờ trong cách tính thời gian ngày nay

Cách làm chuồng ngựa

Làm chuồng ngựa cũng cần phải xem la bàn, xem Đức tinh⁽¹⁾ của chủ nhân nằm ở phương nào, sau đó làm chuồng ngựa trên phương của Đức tinh đó, như vậy mới được coi là may mắn. Cửa chuồng ngựa cần phải hướng về phía Đông, tất cả đều được làm bằng gỗ samu, tránh dùng những loại gỗ tạp khác. Dựng 6 chiếc cột, đặt 2 chiếc xà tròn giữa theo phương nằm ngang, để treo xích ngựa vào ban đêm. Bốn phía xung quanh đặt 4 tấm hơi cao, mỗi bên dùng 4 khúc gỗ hình vuông, như vậy mới chắc chắn. Nếu nhiều ngựa, có thể chia chuồng ngựa ra làm nhiều ngăn, chiều rộng và chiều sâu của mỗi ngăn là 3 thước 3 thốn. Máng ngựa đặt ở bên trái của chuồng sẽ đem lại may mắn.

[Chú thích]:

[1] Đức tinh: Là chỉ các Thần sao Bắc Đẩu may mắn như Thiên Đức tinh, Nguyệt Đức tinh, Phúc Đức tinh và Thánh Đức tinh.

Cách làm máng ngựa. Chân trước của máng ngựa cao 2 thước 4 thốn, chân sau cao 3 thước 5 thốn, dài 3 thước, rộng 1 thước 5 thốn. Mặt cắt của cột lớn 3 thốn, đặt các tấm gỗ theo phương nằm ngang ở 4 phía xung quanh, phần đáy phải cao cách mặt đất 1 thước

Giá để roi ngựa: 2 chân trước của chiếc giá này có chiều cao là 3 thước 3 thốn, 2 chân sau cao 2 thước 7 thốn, phần giữa dựng nửa cột, cột này thường có chiều cao là 3 thốn 4 phân, đường kính mặt cắt của chân cột dài 1 thốn 3 phân. Chiều rộng của giá để roi ngựa là 8 thốn 2 phân, phần trên đặt 3 thanh gỗ nổi thẳng, hai bên

thanh gỗ nổi ở phần giữa, mỗi bên lại đặt 1 thanh gỗ nằm ngang, hai đầu cũng đặt 2 thanh gỗ. Hai chân trước và chân ở giữa phía sau phải được đặt trên cùng một mặt bằng ngang nhau, nhưng chân trước thường cao hơn chân sau 5 thốn, trên đó làm thêm một tấm gỗ để đặt chuồng ngựa.

Ngày tốt trong các tháng có thể làm chuồng ngựa:

Tháng giêng: Ngày Đinh Mão, Kỷ Mão, Canh Ngọ.

Tháng hai: Ngày Tân Mùi, Đinh Mùi, Kỷ Mùi.

Tháng ba: Ngày Đinh Mão, Kỷ Mão, Giáp Thân, Ất Tỵ.

Tháng tư: Ngày Giáp Tý, Mậu Tý, Canh Tý, Canh Ngọ.

Tháng năm: Ngày Tân Mùi, Nhâm Thìn, Bính Thìn.

Tháng sáu: Ngày Tân Mùi, Ất Hợi, Giáp Thân, Canh Thân.

Tháng bảy: Ngày Giáp Tý, Mậu Tý, Bính Tý, Canh Tý, Nhâm Tý, Tân Mùi.

Tháng tám: Ngày Nhâm Thìn, Ất Sửu, Giáp Tuất, Bính Thìn.

Tháng chín: Ngày Tân Dậu.

Tháng mười: Ngày Giáp Tý, Tân Mùi, Canh Tý, Nhâm Ngọ, Canh Ngọ, Ất Mùi.

Tháng mười một: Ngày Tân Mùi, Nhâm Thìn, Ất Hợi.

Tháng mười hai: Ngày Giáp Tý, Mậu Tý, Canh Tý, Bính Dần, Giáp Dần.

[Giải thích]:

Trên đây chúng tôi đã liệt kê ra những ngày tốt để làm chuồng ngựa, dưới đây là những ngày cấm kỵ không được làm chuồng ngựa, trong đó bao gồm: Ngày Mậu Dần, ngày Canh Dần, ngày Mậu Ngọ, ngoài ra là các ngày Thiên Tặc Chính Tứ Phế, Thu Tử, Ôn Tinh Nhập, Thiên Địa Trảo Hung và các ngày Địa Tặc, Hung Bai

Ngày tốt để sửa chữa chuồng ngựa: Thích hợp với ngày Mậu Tý, Kỷ Sửu, Giáp Thìn, Kỷ Tỵ.

Ngày tốt để mua ngựa: Thích hợp với các ngày Ất Hợi, Ất Dậu, Mậu Tý, Nhâm Thìn, Ất Tỵ, Nhâm Tý, Ất Mùi, ... và các ngày Thành Nhật, Thu Nhật. Tránh mua ngựa vào các ngày Mậu Dần, Mậu Thân và Giáp Dần.

Ngày tốt để dạy ngựa non.

Tháng giêng, tháng bảy, tháng mười: Không có ngày tốt

Tháng hai: Ngày Giáp Tuất, Ất Hợi, Đinh Sửu, Nhâm Ngọ, Bính Tuất, Bính Tý, Đinh Mùi, Ất Mùi, Giáp Dần, Bính Thìn.

Tháng ba: Ngày Kỷ Tỵ, Ất Hợi, Nhâm Tý, Mậu Tý, Giáp Dần, Bính Thìn, Nhâm Dần, Tân Dậu

Tháng tư: Ngày Ất Tỵ, Giáp Tuất, Đinh Sửu, Nhâm Ngọ, Bính Tuất, Ất Mùi, Giáp Dần, Tân Dậu.

Tháng năm: Ngày Kỷ Tỵ, Giáp Tuất, Đinh Sửu, Nhâm Ngọ, Bính Tuất, Ất Mùi, Giáp Dần, Tân Dậu.

Tháng sáu: Ngày Kỷ Tỵ, Ất Mùi, Nhâm Ngọ, Giáp Dần, Bính Thìn, Tân Dậu, Kỷ Dậu.

Tháng tám: Ngày Kỷ Tỵ, Giáp Tuất, Ất Hợi, Đinh Sửu, Nhâm Tý, Bính Tuất, Ất Mùi, Bính Thìn, Tân Dậu.

Tháng chín: Ngày Kỷ Tỵ, Giáp Tuất, Đinh Sửu, Nhâm Ngọ, Bính Tuất, Mậu Tý, Ất Mùi, Kỷ Dậu, Tân Dậu.

Tháng mười một: Ngày Giáp Tý, Ất Hợi, Đinh Sửu, Bính Tý, Mậu Tý, Ất Mùi, Giáp Dần, Bính Thìn, Tân Mùi, Kỷ Dậu.

Tháng mười hai: Ngày Giáp Tuất, Ất Hợi, Đinh Sửu, Bính Tuất, Mậu Tý, Giáp Dần, Tân Dậu, Nhâm Dần.

Ngày xấu không được thiến ngựa và chăm cứu ngựa. Ngày Huyết Ch, Huyết Kỳ, Đào Chiêm, Thụ Tử, Hoàng VL, Nguyệt Khánh, Thiên Ôn, Ngọ Nhật, ngoài ra vào các ngày trời tạnh mưa to gió lớn, trời âm u, đều không được thực hiện việc chăm cứu và chữa bệnh cho ngựa.



Trư Khuyển (chuồng lợn) Thần

Dân gian cho rằng trong chuồng lợn có Trư Khuyển Thần, thờ phụng và cúng lễ Trư Khuyển Thần thì lợn trong chuồng sẽ được phù hộ bình an và khỏe mạnh.

Bảng 3-12. Klông kỵ trong sửa chữa chuồng gia súc

<div> <div>Phương chiêm giữ</div> <div>Tọa sơn</div> <div>Thần sát</div> </div>	Khôn Ất Đoài Đinh Tỵ Sửu Cấn Bính Chấn Canh Hợi Mùi	
Đạo Chiêm	Hung	Phương Nhâm Bính, Tỵ Ngọ
Tử Khí	Cát	Phương Quý Đinh
Nhất Đức	Cát	Phương Sửu Mùi
Hổ Báo	Hung	Phương Khôn Cấn
Hổ Ly	Hung	Phương Dần Thân
Tham Lang	Cát	Phương Giáp Canh
Thái Dương	Cát	Phương Mão Dậu
Tài Lang	Hung	Phương Ất Tân
Tam Đài	Cát	Phương Thìn Tuất
Kỳ La	Cát	Phương Cấn Tốn
Huyết Nhân	Hung	Phương Tỵ Hợi

Cách làm chuồng lợn:

Khi xây chuồng lợn cũng cần phải quan sát xem Tam Đài Tinh đóng ở phương nào, nếu làm trên phương Tam Đài Tinh^[1] sẽ gặp may mắn. 4 cột của chuồng lợn có chiều cao 2 thước 6 thốn, diện tích 7 thước, thanh gỗ xuyên nối được dát theo phương nằm ngang, ở giữa làm cửa sổ lớn, song cửa phải được làm bằng gỗ tạp mới được chắc chắn. Cửa chuồng lợn phải hướng về phía Tây Bắc, để trở thành người thợ mộc có tay nghề cao cần hiểu được nguyên tắc này, người mới vào nghề không được làm lung tung

[Chú thích]:

[1] Tam Đài Tinh Còn gọi là Tam Đài Tinh Quân, là một loại thần sao trong hệ sao Tử Vi của Tử Vi Đẩu thuật Tam Đài tức là Thượng Đài, Trung Đài và Hạ Đài Thượng Đài là Hư Tinh Khai Đức Tinh Quân, Trung Đài là Lục Thuần Tư Không Tinh Quân, hạ Đài a Khúc Sinh Tư Lộc Tinh Quân. Tam Đài

Tình Thần là cách tôn xưng đối với tinh tú, cùng với Âm Dương quản lý vạn vật, nhiệm vụ chính là phụ trách độc thọ của nhân gian

Bảng 3-13. Phương sắp xếp gia súc, gia cầm

<div> <div> Phương chiêm giử Thần sát </div> <div>Tọa sơn</div> </div>	Khôn Ất Đoài Đ nh Tý Sửu Cấn Bính Chấn Canh Hợi Mùi	
Đạo Chiêm	Hung	Phương Giáp Canh, Mão Dậu
Tử Khí	Cát	Phương Ất Tân
Nhất Đúc	Cát	Phương Thìn Tuất
Hổ Báo	Hung	Phương Cấn Tốn
Hổ Ly	Hung	Phương Tý Hợi
Tham Lang	Cát	Phương Bính Nhâm
Thái Dương	Cát	Phương Tý Ngọ
Sài Lang	Hung	Phương Đinh Quý
Tam Đài	Cát	Phương Sửu Mùi
Kỳ la	Cát	Phương Khôn Cấn
Huyết Nhãn	Hung	Phương Dần Thân

Bảng 3-14. Sát tinh cần cấm kỵ khi xây sửa chuồng gia súc (chọn trong năm)

<div> <div> Phương vi Thần sát </div> <div>Năm</div> </div>	Tý	Sửu	Dần	Mão	Thìn	Tý	Ngọ	Mùi	Thân	Dậu	Tuất	Hợi
Phương Ngưu Phỉ Liêm	Thìn	Thìn	Ngọ	Ngọ	Thân	Thân	Tuất	Tuất	Tý	Tý	Dần	Dần
Đại Hao	Ngọ	Mùi	Thân	Dậu	Tuất	Hợi	Tý	Sửu	Dần	Mão	Thìn	Tý
Tiểu Hao	Tý	Ngọ	Mùi	Thân	Dậu	Tuất	Hợi	Tý	Sửu	Dần	Mão	Thìn

[Giải thích]:

Thần "Tam Đài Tinh" cũng xuất phát từ kết cấu được xác định trong "Luc súc Kim Kinh" của Quách Phác. Xét về vị trí của chuồng lợn, trong 12 sơn là Khôn Ất Đoài Đinh Tỵ Sửu Cấn Bính Chấn Canh Hợi Mùi, Tam Đài Tinh đóng ở phương Thìn Tuất; Còn trong 12 sơn Càn Khôn Giáp Tý Thìn Quý Tốn Tân Dần Ngọ Tuất Nhâm, Tam Đài Tinh đóng ở phương Sửu Mùi.

Ngày tốt trong các tháng để xây dựng chuồng lợn:

Tháng giêng: Ngày Đinh Mao, Mậu Dần.

Tháng hai: Ngày Ất Mùi, Mậu Dần, Quý Mùi, Kỷ Mùi.

Tháng ba: Ngày Tân Mão, Đinh Mão, Kỷ Tỵ.

Tháng tư: Ngày Giáp Tý, Mậu Tý, Canh Tý, Giáp Ngọ, Đinh Sửu, Quý Sửu.

Tháng năm: Ngày Giáp Tuất, Ất Mùi, Bính Thìn.

Tháng sáu: Ngày Giáp Thân

Tháng bảy: Ngày Giáp Tý, Mậu Tý, Canh Tý, Nhâm Tý, Mậu Thân.

Tháng tám: Ngày Giáp Tuất, Ất Sửu, Quý Sửu

Tháng chín: Ngày Giáp Tuất, Tân Dậu.

Tháng mười: Ngày Giáp Tý, Ất Mùi, Canh Tý, Nhâm Ngọ, Canh Ngọ, Tân Mùi.

Tháng mười một: Ngày Bính Thìn

Tháng mười hai: Ngày Giáp Tý, Canh Tý, Nhâm Tý, Mậu Dần.

[Giải thích]:

Ở đây xin bổ sung một chút về việc xây sửa chuồng lợn. Chiều cao của cửa chuồng lợn là 2 thước, chiều rộng là 2 thước 5 trùn.

Ngày tốt để xây sửa chuồng lợn: Thích hợp với những ngày Thân, Tý, Thìn, nhất thiết phải cấm kỵ các ngày hung như Chính Tứ Phố, Ph. Liêm, Đào Chiêm, Thiên Tắc.

Ngày tốt để làm máng lợn: Lộc Vượng khi ở vào kết cấu Hợi sẽ thích hợp với việc làm máng lợn, ngày Hợp Thân và Tam Hợp cũng thích hợp làm việc này.

Ngày tốt xây dựng chuồng trại để gia súc được béo tốt:

Ngày Thân, Tý, Thìn của mùa Xuân, ngày Hợi, Mão, Mùi của mùa Hạ, ngày Dần, Ngọ, Tuất của mùa Thu, ngày Tỵ, Dậu, Sửu của mùa Đông.

Bảng 3-15. Sát tinh cần cấm kỵ khi xây dựng chuồng trại gia súc (chọn từ trong tháng)

Tháng Phương vị Thần sát	Giêng	Hai	Ba	Tư	Năm	Sáu	Bảy	Tám	Chín	Mười	Mười một	Chạp
Tịnh Lân	Mau	Thần	Đậu	Tuất	Hợi	Tý	Sửu	Dần	Mão	Thìn	Tỵ	Ngọ
Súc Quan	Ngọ	Mùi	Thân	Đậu	Tuất	Hợi	Tý	Sửu	Dần	Mão	Thìn	Tỵ
Lưu Tai	Gặp Canh	Đinh Quý	Gặp Canh	Đinh Quý	Ất Tân	Bính Nhâm	Ất Tân	Đinh Quý	Bính Nhâm	Gặp Canh	Ất Tân	Bính Nhâm
Ngưu Thai (Phu không có thai thì không cần kỵ)	Mau Đương	Lân	Môn Thương	■ Xí	Trù Thương	Trường Đương	Mê Đôi	Lân Sinh	Môn Thương	Nôn Xí	Táo Thương	Táo Trù
Ngưu Hoàng Súc (Cấm đối với chuồng trâu, bò)	Táo	Câu Lộ	Gấu Đồi	Táo	Tinh Lộ	Khướn Thương	Tinh	Lô Đồi	Thương	Tân	Môn	Lý Cầu
Mã Thai	Môn	Phượng	Môn	Thương	Phượng	Phượng	Trù	Phượng	Thương	Tinh	Môn Đồi	Trù
Mã Hoàng Súc (Cấm đối với chuồng ngựa)	Phượng	Phượng Táo	Thương Đồi	Đinh Môn Đôi	Phượng Thương	Đôi Phượng	Phượng Đương	Phượng	Đương Thương	Phượng Môn	Trùng Sinh Thương	Táo Phượng Trù
Dương Thai Đối với chuồng dê	Sinh	Mão Cầu	Nôn Thân	Câu Pháp	Đôi Pháp	Thương Sinh	Sinh	Mão Đôi	Môn Thương	Tinh Táo Cầu	Táo Môn	Thủy Lý Đôi
Tỵ Thai (Cấm đối với chuồng lợn)	Thân Chu	Thân Chu	Môn Táo	Môn	Tinh	Tinh Táo	Táo	Táo Bạch	Lý Bạch	Lý Bạch	Môn Chu	Chu

Bảng 3-16. Sát tinh cần cấm kỵ khi xây dựng chuồng trại gia súc (chọn đồng thời từ ngày và tháng)

Tháng Phương vị Thần sát	Giêng	Hai	Ba	Tư	Năm	Sáu	Bảy	Tám	Chín	Mười	Mười một	Chạp
Súc Quan Khất (khi cho việc sửa chuồng)	Tý	Ngọ	Mùi	Thân	Đậu	Tuất	Hợi	Tỵ	Sửu	Dần	Mão	Thân
Ngưu Cầu Giáo	Thân Dậu	Thân Dậu	Thân Dậu	Hợi Tỵ	Hợi Tỵ	Hợi Tỵ	Dần Mão	Dần Mão	Dần Mão	Tỵ Ngọ	Tỵ Ngọ	Tỵ Ngọ
Phỉ Lân Đàn Súc	Tuất	Tỵ	Ngọ	Mùi	Dần	Mão	Thân	Hợi	Tỵ	Sửu	Thân	Đậu
Đua Tắc	Tỵ	Tỵ	Hợi	Tuất	Đậu	Ngọ	Ngọ	Ngọ	Tỵ	Thân	Mão	Tỵ
On Tinh Nhập Nhút	Mùng 6	Mùng 5	Mùng 3	25	24	23	20	27	17	13	12	11
Dương Công Mùng Kỵ	13	11	Mùng 9	Mùng 7	Mùng 5	Mùng 2	Mùng 1 19	27	21	23	29	29
Thiên Kim Sát Phượng	Xuân Tốn Hợi Khôn Thu Cấn Đông Cấn											
Kinh Tẩu Nhật	Tháng đôi: Mùng 5, 17, 29 Tháng thiếu: Mùng 6, 20											
Thiên Cầu Thủy Sát Nhật	Tỵ mùa Xuân Mão mùa Hạ Ngọ mùa Thu Dậu mùa Đông											

[Giải thích]:

Người xưa cho rằng, xây dựng chuồng trại gia súc vào những ngày tốt trên sẽ có thể khiến cho gia súc được béo tốt.

Ngoài những ngày xây chuồng trại giúp cho gia súc được béo tốt còn có những ngày xây chuồng trại khiến gia súc bị gầy gò, đó là những ngày như: Ngày Tý, Dậu, Sửu của mùa Xuân, ngày Dần, Ngọ, Tuất của mùa Hạ, ngày Hợi, Mão, Mùi của mùa Thu, ngày Thân, Tỵ, Thìn của mùa Đông.

Ngoài ra, người xưa còn cho rằng, thời gian xây dựng chuồng trại gia súc không được phạm vào những ngày Phá Quân. Ngày Phá Quân bao gồm: Ngày Giáp Dần, ngày Canh Dần, Nhâm Thìn, Mậu Thìn, Kỷ Mão, Canh Thân. “Phá Quân” nghĩa là “Phá Quân Kỵ Tẩu” của Nhật Giả Hung Nhân, những ngày này cấm kỵ không được chạm vào, thu nạp gia súc, xây dựng chuồng trại gia súc, cất bông ong, cấy mạ vì sẽ không gặp may mắn.

Về vấn đề hợp kỵ đối với việc xây dựng chuồng trại, Quách Phác đã ghi chép kỹ lưỡng trong cuốn “Lục súc Kim Kinh”, xem bảng 3-12, bảng 3-13.

Để tiện cho việc ghi nhớ về này, người xưa đã sáng tác thành một bài về như sau:

“Nhất Đức cung trung nghi dưỡng mã, Tam Đà vị thượng dinh trư phương.

Ngưu ốc Kỳ La vị thượng cát, Dương phòng Tử Kỵ dinh cao cường.

Tham Lang vị thượng an kê ấp, Thái Dương lục súc tố nghi ương.

Hổ Báo Hồ Ly tối bất cát, canh kiêm Huyết Nhãn da nan đương.

Đao Bình yên cấp Đao Chiêm Sát, lục súc tất định kén diệt vong.

Ch’ Tử tiên vị Kim Kinh vị, thế thượng súc dưỡng tự thượng ương.”

Dưới đây xin giải thích một số từ ngữ khó hiểu trong bài thơ trên:

Đinh Trư Phương Xác định phương xây dựng chuồng lợn

Thái Dương Ch’ một tinh tú trong “Tử vi đẩu số” “Tử vi đẩu số” là một phương pháp coi số, gần giống với “Tử bình bát tự”, là một kiểu coi số dựa trên bát tự của một người nào đó để suy đoán ra số mệnh của người đó, là một trong những trường phái quan trọng của số mệnh học truyền thống Trung Quốc. Trong “Tử vi đẩu số” có 108 vì sao, trong đó có 14 vì sao chính được coi là quan trọng nhất, đó là Tử Vi, Thiên Cơ, Thái Dương, Vũ Khúc, Liêm Trinh, Thiên Phủ, Thái Âm, Tham Lang, Cự Môn, Thiên Tướng, Thiên Lương, Thất Sát, Phá Quân.

Kim Kinh: Nghĩa là “Lục súc Kim Kinh” của Quách Phác.

Khi xây dựng chuồng trại gia súc còn có rất nhiều Sát Tinh kỵ cần cấm kỵ (xem bảng 3-14, 3-15, 3-16, 3-17).

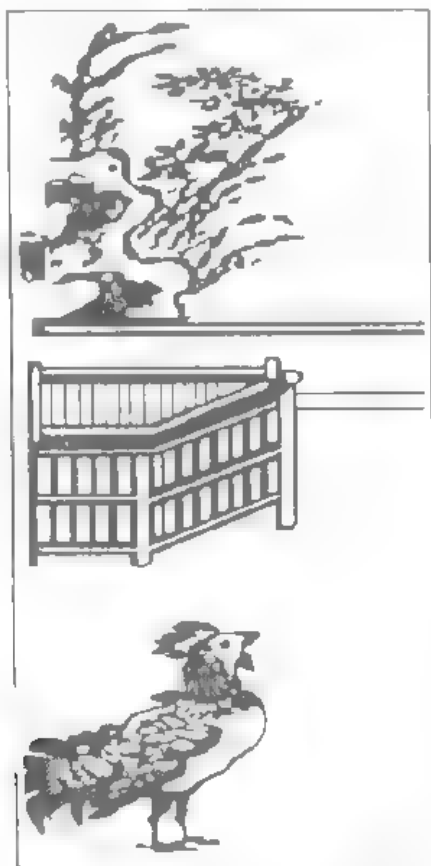
Người ta còn sáng tác một bài thơ về sự cấm kỵ và những Thần Sát trên như sau:

Niên can ngũ hổ đôn Giáp Tý đôn kiến Giáp can bản an.

Cách làm lồng gà, vịt, ngan ngỗng

Kích thước lồng gà, vịt, ngỗng phải được làm tùy theo kích thước to nhỏ của gia súc. Lồng gà, vịt, ngỗng tròn thích hợp đặt ở phương Tham Lang. Chiều cao của chuồng ngỗng là 2 thước 7 thôn, chiều sâu là 1 thước 6 thôn, chiều rộng là 2 thước 7 thôn 4 phân. Xung quanh lồng phải làm những lỗ nhỏ, mỗi lỗ rộng 1 thôn. Lồng gà, vịt cao 2 thước, sâu 3 thước 3 thôn, rộng 2 thước 3 thôn, một cát của cột 2 thôn rưỡi. Độ lớn nhỏ của lồng tròn cũng phải căn cứ vào số lượng gia súc mà chủ nhà chăn nuôi để thiết kế. Người mới vào nghề phải lựa chọn kích thước theo phương pháp trên và phải tự nghiên cứu thực tế.

Cách làm chuồng gà: Chiều cao 2 cột là 2 thước 4 thôn, mặt cát cột dài 1 thôn 2 phân, rộng 1 thôn. Mặt cát của xà dầm 2 thước 5 phân, rộng 1 thôn 2 phân. Cửa sổ lớn cao 1 thước 3 thôn, rộng 1 thước 2 thôn 6 phân, làm giá đỡ phía dưới, mặt cát chân đo lớn 2 thôn, dày 8 phân, mặt cát của thanh gỗ nhỏ và mảnh ở phía giữa và phía dưới lớn 5 phân, dày 8 phân, phía trên làm tấm chạm trổ lớn 2 thôn 4 phân, chân chéo 2 bên cao bằng cửa sổ nhỏ ở phía dưới, mỗi bên lớn 4 thôn.



Cách làm chuồng gà (hình gốc)

[Chú thích]:

[1] Giá đỡ Là 1 thuật ngữ thời Minh Thanh. Giá đỡ là một kết cấu khung gỗ hoặc tấm gỗ dẹt đặt sát đất phía dưới chân của một dụng cụ gia đình (tủ hoặc giường, ...), giúp cho dụng cụ đó tránh bị ẩm ướt, mục nát. Phía dưới ban cung hoặc bàn hình ban nguyệt cung thường dùng loại giá đỡ này.

[2] Tấm chạm trổ Là một tấm mỏng, dẹt, nhỏ, đã qua chạm trổ, bốn cạnh thẳng, ở giữa có nhiều lỗ thông khí, được chạm ở mặt tủ hoặc ở phần thắt lưng trên ghế bành, bàn dài, giá kê và cạnh của mép giường, có tác dụng làm giảm sự đơn điệu của các dụng cụ gia đình và làm cho chúng trở nên tinh tế hơn, thoáng gió hơn. Phần thắt lưng được đề cập đến ở đây là chỉ một thanh ngang dùng để trang trí phía dưới mặt dụng cụ. Phần thắt lưng này được chia thành các loại cao, thấp, thẳng và lồi.

[3] Chân chèo Là phần trang trí nhô ra rỗng cửa quanh vật thể có hình mái chèo, dùng để cố định cột, nằm ở hai phần đối xứng phía trước và phía sau của cột đứng (như bình phong, giá treo quần áo, ...), đời nhà Thanh gọi đây là "bình bình nha thủ", Bắc Kinh thì gọi là "chuyền nha" (phần trang trí nhô rỗng cửa), Tô Châu gọi là "Nhi đoá" (tai). Đây là tên gọi một chi tiết cấu tạo của dụng cụ gia đình, chỉ phần nối giữa 2 chân phía dưới dụng cụ.

[Giải thích]:

Đối với việc làm giường gà, vịt, ngan ngỗng người xưa cũng có không ít điều cần chú ý.

Ngày tốt trong các tháng được dùng để xây giường gà, vịt, ngan ngỗng được liệt kê như sau.

Tháng giêng: Ngày Quý Dậu, Canh Dần, Đinh Dậu, trừ ngày Nhâm Ngọ;

Tháng hai: Ngày Ất Mùi, Canh Dần, trừ ngày Đinh Mùi, Kỷ Mùi, Quý Mùi;

Tháng ba: Ngày Tân Mão, trừ ngày Đinh Mão và Kỷ Tỵ;

Tháng tư: Ngày Canh Tý, trừ ngày Canh Ngọ, Bính Ngọ, Quý Sửu, Nhâm Ngọ;

Tháng năm: Ngày Ất Sửu, Mậu Thìn, Nhâm Thìn, Ất Mùi, Bính Thìn, trừ ngày Quý Mùi;

Tháng sáu: Ngày Quý Dậu, Đinh Dậu, Giáp Thân, Ất Hợi, Đinh Hợi, Canh Thân;

Tháng bảy: Ngày Canh Ngọ, Ất Mùi, Đinh Mùi, Bính Tý, Mậu Tý, Nhâm Tý;

Tháng tám: Ngày Ất Sửu, Mậu Thìn, Nhâm Thìn, Bính Thìn, trừ ngày Tân Sửu, Quý Sửu, Giáp Tuất;

Tháng chín: Ngày Quý Dậu, Đinh Dậu, Kỷ Dậu, trừ ngày Giáp Tuất, Bính Tuất, Tân Dậu;

Tháng mười: Ngày Ất Mùi, Canh Tý, Giáp Tý, Nhâm Tý, Tân Mùi, Đinh Mùi;

Tháng mười một: Ngày Mậu Thìn, Canh Dần, Nhâm Thìn, Ất Mùi, trừ ngày Quý Mùi;

Tháng mười hai: Ngày Canh Tý, trừ ngày Ất Sửu, Mậu Dần, Giáp Dần, Nhâm Dần, Nhâm Tý.

Những ngày tốt trên nế không phạm vào các ngày Khôi Cang, Câu Gảo, Thiên Ôn, Thiên Tắc, Cửu Không, Thu Tử, Tiểu Hao, Đại Hao, Phi Lêm, Huyết Kỳ, Đào Chiêm, Cửu Thổ Quỷ, Chính Tú Phế, Nguyệt Hình, Nguyệt Hại, Nguyệt Sát, Ôn Tinh Nhập Nhật, Kinh Tẩu, Hung Bạ, Diệt Một Nhật thì mới được chọn dùng.

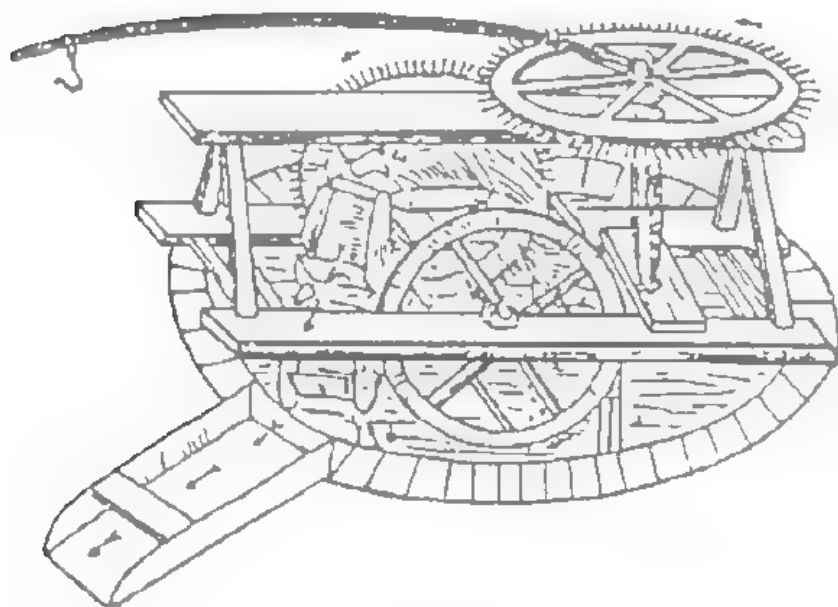
Hồ Ly Sát đóng vào ngày Kến Nhật của tháng đủ và ngày Nguy Nhật của tháng thiếu

Quách Đinh Sát đóng ở chường gà vào các tháng giêng, sáu, mười, vào những ngày này cấm không được sửa, đổi chuồng gà

CHƯƠNG 4

CHẾ TẠO DỤNG CỤ GIA ĐÌNH

Trong cuốn "Lỗ Ban kinh" có ghi lại hơn 30 loại hình dáng và cấu tạo của dụng cụ gia đình, trong đó bao gồm bàn, ghế, giường, tủ, hòm, bình phong, đèn đất lư hương, giá đặt gương, giá đặt châu noa,... Mỗi loại dụng cụ gia đình đều được ghi chép tỷ mỉ về các phương diện kích thước, kết cấu mộng chột, đường nối, chi tiết trang trí,... vì vậy, đây còn là một tác phẩm kinh điển về thiết kế dụng cụ gia đình thời cổ đại.



1. KÍCH THƯỚC CỦA NHỮNG DỤNG CỤ GIA ĐÌNH CHÍNH

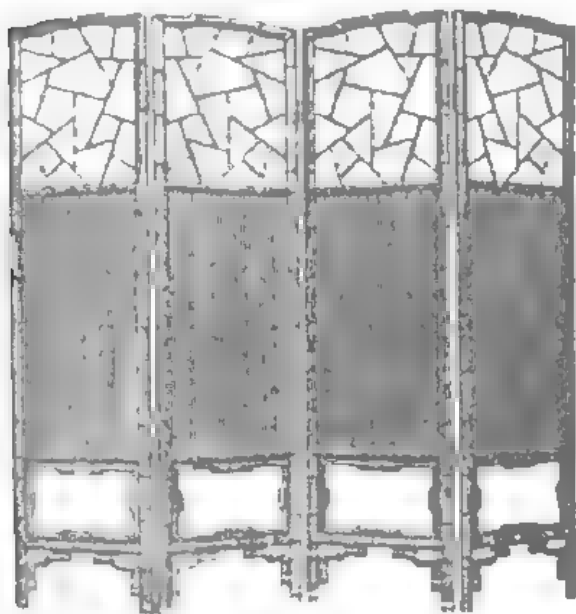
Cách làm bình phong⁽¹⁾

Bình phong lớn thường có chiều cao 5 thước 6 thốn, trong đó đã bao gồm chân cột, chiều rộng là 6 thước 9 thốn. Chân nằm ngang tiếp đất phía dưới bình phong lớn 6 thốn 6 phân, dài 2 thước. Phía trên chân chèo điệu khác tranh ảnh và hoa văn hình long phượng, vờn voi - cao 2 thước 4 thốn, lều 4 thốn 8 phân. 4 chiếc khung lớn 1 thốn 6 phân, dài 1 thốn 4 phân. Bên ngoài làm nhưng đường nổi nhô tròn lồi ra, bên trong là những đường thẳng tạo thành hình bàn cờ, mặt phẳng 6 phân, mặt hẹp 3 phân, phía trên và phía dưới, tâm chạm trổ đều dài 6 thốn 4 phân. Các tâm chạm trổ phải làm thành số lẻ. Bên dưới có điệu khắc hoa văn hình hoa song, lan lượt đục 2 lỗ, diện tích điệu khắc phải lớn 4 thốn 4 phân. Đồ rộng hẹp của các lỗ thông giúp quan sát phong có thể làm một cách linh hoạt. Các kích thước lớn nhỏ, ngắn, dài còn lại cũng có thể xác định theo phương thức này.

[Chú thích].

[1], Bình phong là một dụng cụ gia đình dùng để chắn gió trong các công trình kiến trúc cổ đại, ban đầu, bình phong được đặt ở phía sau hoặc bên cạnh giường, sau này, cùng với sự phát triển của mỹ thuật nội thất, kiểu dáng và chức năng của bình phong cũng phát sinh nhiều thay đổi. Bình phong ngày nay chủ yếu dùng để che chắn và ngăn cách không gian, ngoài ra cũng dùng để trưng bày nổi bật.

[2] Chân chèo điệu khắc tranh ảnh và hoa văn hình long phượng, vờn voi. Thường được điêu khắc trên chân chèo, ở đây có ý so sánh chân chèo có hình dáng giống với voi voi. Hai vành xe tròn đang chạm chèo hình voi voi được kẹp ở hai phía trước và sau của chân bình phong.



Bình phong gỗ gu guá trúc đang gấp

Đền nhà Thanh

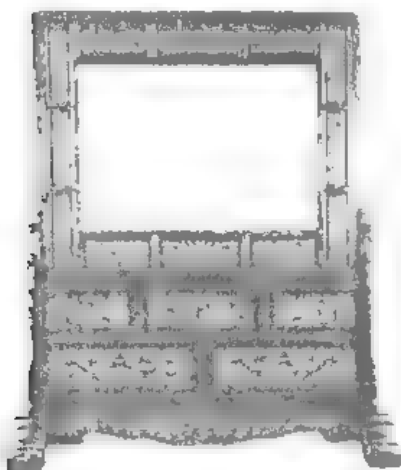
Bình phong gấp là bình phong có nhiều tấm ghép liền, tồn đời nhà Minh mới được sử dụng rộng rãi. Loại bình phong này do có ưu điểm về kết cấu nên có thể điều chỉnh diện tích tùy ý, vùng Trung Nguyên thường làm bình phong với số tấm chẵn (chẳng hạn 4 tấm), không làm số lẻ.

[Giải thích]:

Số chữ trong khi t (số nét) đã, cao thấp của sinh phong phần cân đối, phù hợp với các con số may mắn như 1, 6, 8, 9 để tăng giá trị của các dụng cụ gia đình trong cuốn sách trên phần cân cũng đều là những kích thước hợp với “Áp Bạch”

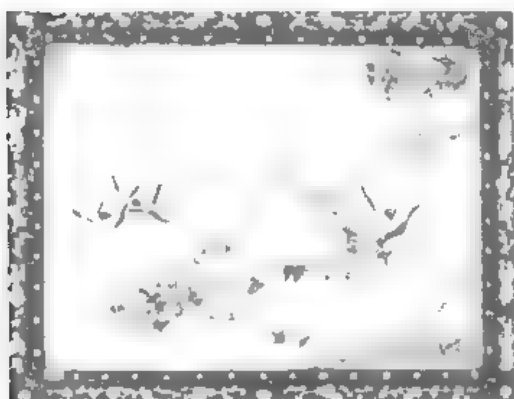
Bình Phong bắt đầu được sử dụng ngay từ thời Tây Chu, khi đó, dụng cụ này được gọi là “Điền”. Công dụng ban đầu của nó là che chắn và ngăn gió, sau này, dụng cụ này đã không ngừng phát triển, chúng ta sản phẩm công cụ xu hướng đa dạng hóa. Bình phong không chỉ có những hoa văn mà có cả những loài hoa nhỏ gọn, như hoa trúc, phong, cúc... dùng để thể hiện sự thanh cao. Có loại bình phong được dùng với những công dụng trên, cũng có loại bình phong chỉ dùng để trang trí. Thời kỳ Hán Đường rất nhiều các gia đình nhà ở đã dùng bình phong hình thức của bình phong được phát triển từ hoa văn, cảnh vật dần thành hoa văn nhỏ gọn, có thể dùng như một vật trang trí, người ta thường xem lên những tấm gỗ để làm bình phong, trên và dưới những nét vẽ màu. Kể từ khi công nghệ làm giấy, nước phát minh ra bình phong thường được làm giấy để trang trí.

Nghệ thuật trang trí thời nhà Minh chủ yếu được thể hiện trên các hoa văn trên gỗ, trên vẽ phác họa, điêu khắc, chạm khắc và một số chi tiết kèm theo khác.



Tọa bình phong đang ghép cánh bằng đá cẩm thạch gỗ Hoàng Hoa Lê cuối nhà Minh - đầu nhà Thanh

Bình phong đang ghép cánh còn được gọi là tọa bình 1 cánh, tức là phân chia kết cấu của bình phong ra thành 2 phần trên và dưới để lần lượt chế tạo, sau đó ghép lại với nhau. Dùng 2 thanh gỗ theo chiều dọc tạo thành 2 cột, 2 cột này được nối với nhau bằng chiếc mộng năm ngang. 2 phía trước sau của mặt bình phong có chi tiết trang trí nhỏ ra rãnh cửa hình chữ bát (八) dùng để nối 2 sườn dốc phía trước và phía sau của 2 bề bình phong. Phía bên trong 2 cột có đào rãnh lõm, lắp bình phong vào rãnh lõm đó, để cho khung bình phong và mặt bình phong tạo thành một thể thống nhất.



Bình phong đang treo có khung dát kham trai (khảm xà cừ) dùng kỹ thuật tranh thêu Quảng Đông đời nhà Thanh

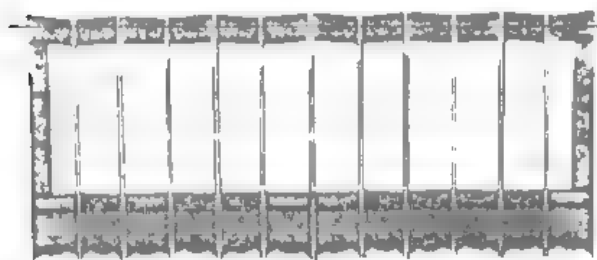
Bình phong dạng treo xuất hiện vào đầu thời nhà Thanh, phần lớn được dùng để thay thế cho loại tranh treo tường, là sản phẩm mang tính trang trí đơn thuần, thường được sử dụng thành đôi hoặc thành bộ.

Hình vẽ phác họa đơn nhà Minh có cửa trên đồ gỗ của phòng phụ. Kiểu trang trí trong gập mặt cửa gỗ được dựa trên các bộ phận như chân khung và mặt trong của cửa sổ ở đơn thờ qua sự phối hợp của các mặt phẳng, mặt ô, mặt ôm và các đường gập trong trở nên mềm mại, tạo thành những mặt cắt với nhiều hình dạng thiên nhiên khác nhau có tác dụng trang trí trên bề mặt đồ vật trông rất đẹp mắt và có. Hình phác họa của trên đồ vật được nên đồ theo thể 3 đoạn gập khúc, kiểu chôn, cẩu. Hình phác họa trên đồ vật được nên đồ theo thể 3 đoạn gập khúc, kiểu chôn, cẩu. Hình phác họa của trên đồ vật được nên đồ theo thể 3 đoạn gập khúc, kiểu chôn, cẩu. Hình phác họa của trên đồ vật được nên đồ theo thể 3 đoạn gập khúc, kiểu chôn, cẩu.

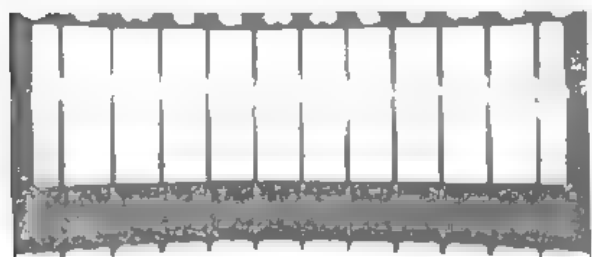
Bên phác họa khác thủ công của gia đình đơn nhà Minh có 2 yếu tố phác họa của các góc của đơn thờ và đơn phụng (phụng thờ), phương pháp chạm khắc của đơn thờ và đơn phụng (phụng thờ) và khắc chạm, trong đó, phụng thờ là đơn thờ phụng thờ và đơn phụng thờ. Hình vẽ phác họa đơn nhà Minh có cửa trên đồ gỗ của phòng phụ. Kiểu trang trí trong gập mặt cửa gỗ được dựa trên các bộ phận như chân khung và mặt trong của cửa sổ ở đơn thờ qua sự phối hợp của các mặt phẳng, mặt ô, mặt ôm và các đường gập trong trở nên mềm mại, tạo thành những mặt cắt với nhiều hình dạng thiên nhiên khác nhau có tác dụng trang trí trên bề mặt đồ vật trông rất đẹp mắt và có.

Cách làm bình phong dạng gấp

Để làm bình phong dạng này cần có 8 tấm ghép, loại nhỏ thì dùng 6 tấm, chiều cao 5 thước 4 thôn, chiều rộng mỗi tấm là 1 thước 4 thôn 3 phần, 1 khung lớn 8 phần, dày 6 phần, cũng có thể làm dày 5 phần, sau khi tính toán xác định tổng dày 1 thôn. Phía trong khung dùng một thanh gỗ đặt nằm ngang để làm các khoảng trống nhìn chữ diên (l.) thanh gỗ này thường dày 6 phần, lớn 4 phần (âm ký người thợ không được làm nhưng chôn khung không hoàn chỉnh (khung võ)



Bình phong dạng gấp 12 tấm gỗ
Hoàng Hoa Lê Thời nhà Minh



Bình phong dạng gấp 12 tấm có hình chữ thọ (寿),
hoa văn hình rồng gỗ Hoàng Hoa Lê

Cách làm kiêu mui trần (ghế kiêu để hở, phía trên không có long)

Ghế kiêu mui trần của các quan, thần thường được làm cao 1 thước 5 thôn bình phong dạng gấp cao 1 thước 2 thôn, chiều sâu của ghế 1 thước 1 thôn, chiều rộng ghế 1 thước 8 thôn, có tay vịn tròn, đường kính mặt cắt lớn 1 thôn, 3 phân, vật liệu gỗ phải được của ngạch 7 phân thì tay vịn mới được tròn. Đường kính mặt cắt của đòn kiêu lớn 1 thôn 5 phân, kích thước chiều sâu của chóp dưới (lao gồm cả kiêu) tổng cộng là 2 thước 3 thôn 5 phân.



Kiêu mui trần

Từ xưa tới nay, xe cộ là phương tiện đi lại để giúp các quan lại không phải đi bộ, cũng chính là sự tương trưng cho thân phận và địa vị của họ trong xã hội, nhưng sự tiện nghi và xa xỉ của phương tiện đi lại cho các quan lại chính là điểm xấu dẫn đến sự suy vong của một thời đại. Vì lo lắng rằng việc tăng thêm ụai điểm và sự tốn quý của xe kiêu thay cho việc đi bộ có thể gây ra sự thối nát trong tầng lớp quan lại, Chu Nguyên Chương - vị Hoàng Đế khai quốc đời nhà Minh đã ra lệnh chỉ cho phép phụ nữ và người già ốm đau được ngồi kiêu; Quan văn cấp tam phẩm trở lên được đặc cách ngồi kiêu do 4 người khiêng, những thành phần còn lại đều phải cưỡi ngựa. Những người thuộc Hoàng thân quốc thích tuy có công lao với đất nước và quan võ không kể trẻ già đều không được ngồi kiêu. Ngồi kiêu trái lệ hoặc lạm dụng 8 người khiêng kiêu sẽ bị xử phạt nghiêm minh. Nhưng cùng với sự suy vi của đất nước từ sau triều đại nhà Minh, quy định này cũng dần dần bị phế bỏ.

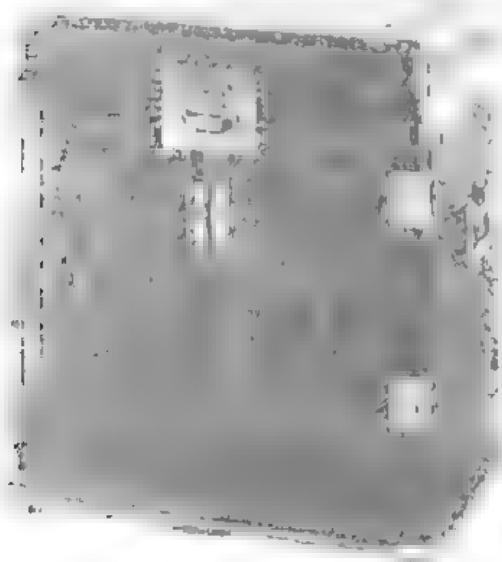
Cách làm hòm đựng quần áo

Hòm đựng quần áo thường được làm với kích thước như sau: Cao 1 thước 6 thôn 5 phân, dài 2 thước 2 thôn, lớn 1 thước 3 thôn, nắp phía trên cong 9 phân, cao 1 thôn 8 phân, tấm dung làm nắp dày 3 phân, các tấm dung làm hòm dày 4 phân, "tử khâu" trong lớn 8 phân, dày 3 phân. Mặt cắt của giá đỡ dưới hòm lớn 1 thôn 6 phân, cũng có thể khắc thành dạng gấp khúc 3 đoạn", trên giá đỡ phải đặt 2 tấm chân" nhỏ theo phương nằm ngang. Kích thước của hòm không tăng lên.

[Chú thích]:

[1] Hòm quần áo. Còn gọi là tu quân áo là một dụng cụ chuyên để đựng quần áo. Tủ quần áo truyền thống thường được làm theo kết cấu dạng tấm, phía trên có nắp có thể đóng mở. Phần chi tiết

giữa mặt trước có đóng nắp khoa bằng đồng và chốt khoa để có thể khoa tủ, vòng tròn dùng làm tay kéo được lắp ở 2 bên

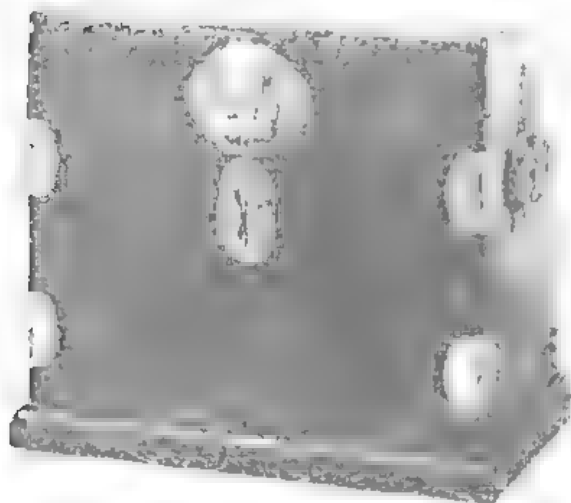


Hòm quan áo điêu khắc hoa trên gỗ long não

[2] Tủ khóa: Khi thân và nắp của tủ, hòm,... được đóng khít với nhau, miệng bên thường được làm bằng một tấm ván đã xoi mộng, các phần xung quanh tạo nên ván xoi mộng này được gọi là "tủ khóa". Khi hai ván phẳng được ghép với nhau, mép ván lần lượt mở ra miệng rãnh thông để hai phần trên và dưới được đóng khít với nhau

[3] Gấp khúc 3 đoạn. Giá đỡ gấp khúc 3 đoạn là một thuật ngữ trong dụng cụ gia đình thời Minh Thanh, thường có hình tròn hoặc hình vuông, trụ giá đỡ của một số loại dụng cụ thường tạo hình gấp khúc vào phía trong ở đoạn nối tiếp giữa đoạn trên và đoạn dưới trụ. Loại giá đỡ này thường được chia thành 2 loại là giá lồi và giá có đầu nghiêng ra phía ngoài.

[4] Tấm chắn: Là một loại màn, chướng, bình phong, ở đây có ý chỉ tấm chắn được đặt hai bên giá đỡ dưới dụng cụ.



Thùng đa dạng ngàn kéo khắc hoa văn hình rồng gỗ Hoàng Hoa Lê Đời nhà Thanh

Đây là một loại tủ cỡ nhỏ, chế tạo tinh xảo, được đặt ở trên bàn là một dụng cụ gia đình loại nhỏ thường gặp nhất trong các dụng cụ gia đình đời nhà Minh. Trên nóc thùng có nắp dầy, dưới nắp dầy là phần rỗng, thân thùng được chia làm 3 tầng, mỗi tầng đều có ngăn kéo. Loại quý nhất trong các loại thùng này vẫn là loại được làm bằng gỗ Hoàng Hoa Lê

[Giải thích]:

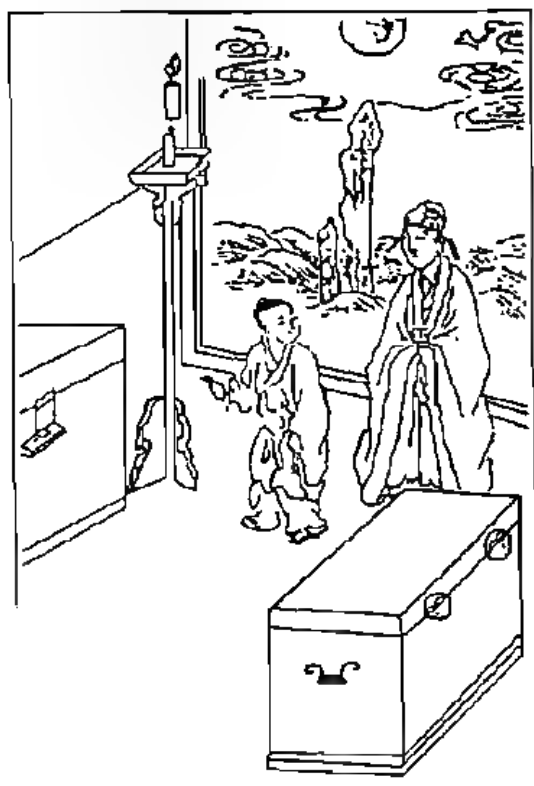
Việc sử dụng tủ quần áo được bắt đầu vào khoảng 3 đời Hạ, Thương, Chu

Tủ dụng quần áo thời xưa chỉ làm bằng chếc hòm mà thời xưa, hòm là nơi dùng để cất đồ ở trên xe. Thời xưa còn có nôm (trap), hình thức không khác biệt nhiều so với tủ chỉ nhỏ hơn tủ một chút.

Đời nhà Hán thì có hòm, giống với chiếc tủ trước thời Chiến Quốc, thường dùng để cất quần áo, được gọi là tủ khăn hay tủ áo, có kích thước khá lớn, là một dụng cụ gia đình có nhiều công dụng.

Sau thời Lương Tấn người ta ai thấy xuất hiện từ "trú", đây là một dụng cụ gia đình có nhiều công dụng, được đặt ở cửa trước, có thể dùng để đựng sách vở, quần áo hoặc thức ăn,...

Từ sau thời nhà Đường đến thời nhà Minh, hình thức của hòm tủ không có sự biến đổi lớn, dụng cụ gia đình dạng tủ hòm phần lớn đều làm nắp để có thể đặt đồ trang điểm ở trên, chỗ góc hình dáng trụ thường được bọc khảm bằng lá đồng hoặc lá sắt.



Kiểu dáng hòm quần áo (hình góc)

Tới đời nhà Minh, hòm đã được phát triển và chưa nhỏ ra thành nhiều chủng loại, có loại hòm chuyên để đựng quần áo, có loại hòm có nhiều ngăn chuyên dùng để đựng thuốc, coi, có loại hòm da cỡ nhỏ nhàn, xinh xắn. Vào thời kỳ này, loại hòm được làm bằng gỗ Hoàng Hoa Lê và khảm đồng được coi là loại hòm được làm cầu kỳ nhất.

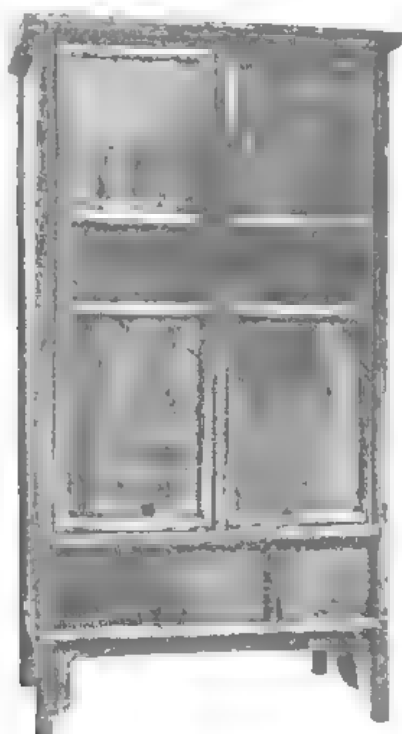
Cách làm tủ đựng quần áo

Tủ quần áo dài 1 thước 9 thốn 2 phân, rộng 1 thước 6 thốn, cao 1 thước 3 thốn, ván làm thùng chỉ cần dày 4 phân, nắp tầng trên cao 1 thốn 9 phân, tủ khẩu (xem chú thích phần trên) 5 phân. Làm giá đỡ phía dưới rộng 1 thốn 3 phân, dày 5 phân, giá đỡ nói chung chỉ có dạng chân gấp khúc 3 đoạn.

Cách thức làm tủ quần áo.

Chiều cao của tủ quần áo là 5 thước 5 phân, sâu 1 thước 6 thốn 5 phân, rộng 4 thước 4 thốn. Hai đầu tủ mỗi đầu có 2 cột, mặt cắt của mỗi cột lớn 1 thốn 6 phân, độ dày là 1 thốn 4 phân. Mặt cắt của thanh gỗ làm giá treo quần áo lớn 1 thốn 4

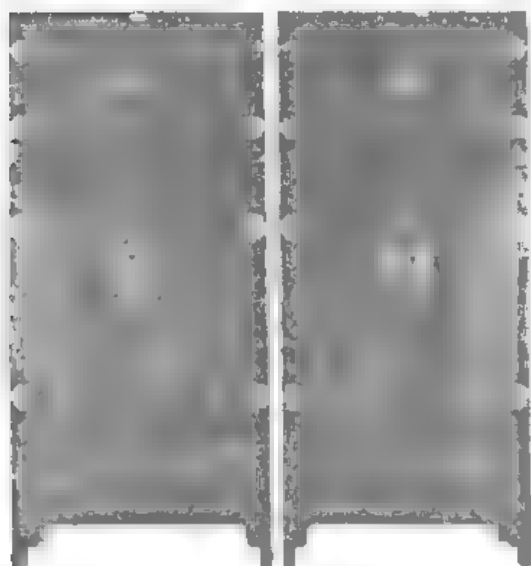
phan, dày 1 thốn 3 phân. Lắp thanh gỗ ngang lớn 1 thốn 4 phân, dày 1 thốn 2 phân. Mặt cắt của khung của mỗi tấm lớn 1 thốn 4 phân, dày 1 thốn 1 phân, phần nóc tủ 1 thốn 2 phân.



Tủ góc tròn làm bằng gỗ Hoàng Hoa Le

Đời nhà Minh

Tủ góc tròn (là loại tủ mà các góc chuyển trên nóc tủ có hình vòng cung, chân tủ làm theo kiểu ngoài tròn trong vuông, thân tủ trên nhỏ dưới to), là một vật dụng mang tính điển hình lớn nhất trong dụng cụ gia đình đời nhà Minh. Tủ loại này thường được làm cỡ nhỏ hoặc vừa, ít thấy loại lớn.



Tủ 4 ngăn góc vuông (1 đôi)

Đời nhà Minh

Tủ 4 ô còn được gọi là "Tủ đựng ngăn trên", bởi vì tủ có ngăn trên, được làm thành một đôi và có 4 ngăn nên thường được gọi là "tủ 4 ngăn". Tủ có ngăn rộng, thường là dụng cụ gia đình của gia đình quan, thần, thích hợp dùng để cất giữ Triều phục (quần áo mặc khi chầu vua) mà không làm cho quần áo bị nhàu nát, vì vậy còn có tên gọi là "Tủ Triều phục".

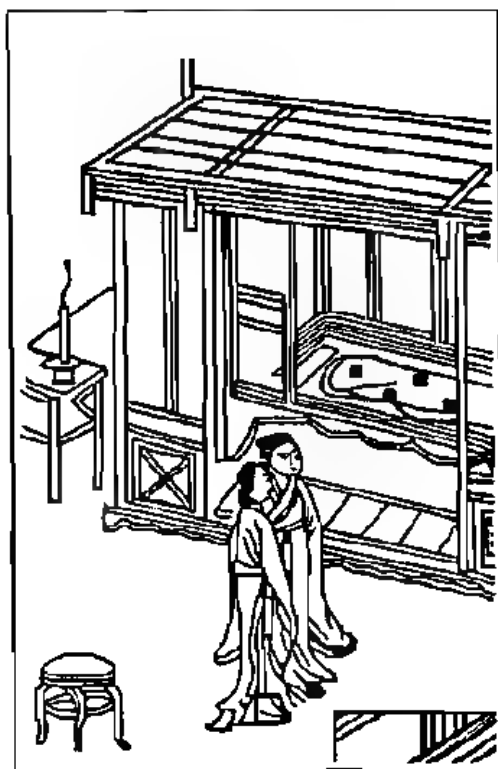
Cách thức làm tủ

Đặt khung (giá) cho tủ lớn, chiều cao của khung là 2 thước 5 thốn, dài 6 thước 6 thốn 4 phân, rộng 3 thước 3 thốn. Làm chân tủ cao 7 thốn, hoặc làm bánh xe có thể di chuyển trên chân tủ. Mặt cắt của mỗi cột trong 4 cột lớn 3 thốn, dày 2 thốn. Tấm

dùng làm cửa đóng cần phải nhỏ, cửa tấm này khi đóng vào cao 2 thước 4 thốn, rộng 2 thước 8 thốn, dài 5 thước 2 thốn, dày 1 thốn. Những kích thước này cần phải được đo bằng thước và được đánh dấu, ghi chép lại cẩn thận.

Khoang (giường) gỗ¹⁾

Chân khoang nối liền với thanh ngang, tổng cộng cao 2 thước 2 thốn 2 phân, thanh nối ở phía chính diện của khoang lớn 7 thốn 7 phân, hoặc lớn 5 thốn 7 phân, tấm chắn phía trước cao 4 thước 5 thốn 2 phân, 2 đoạn ở 2 đầu của 2 tấm chắn phía sau rộng 4 thước 2 phân, hẹp 3 thước 2 thốn 3 phân, dài 6 thước 2 phân. Thanh gỗ chính bắc nằm ngang thành giường dày 1 thốn 4 phân, lần lượt làm thành các tấm lớn và nhỏ, phần giữa được kết hợp theo hình thức “góc lồi rãnh lõm” (kết hợp Âm Dương) Tấm đặt chân phía trước cao 5 thốn 6 phân, rộng 1 thước 8 thốn. Mý cửa (bậu cửa) phía trước bao gồm phần đỉnh, tổng cộng 1 thước 1 phân. Làm 4 cửa, mỗi cửa lớn 1 thước 4 phân, tấm gỗ khá lớn được lắp trong cánh cửa dài 8 thốn. Đoạn xuyên nối bằng mây tre 1 thước 8 thốn 4 phân, phần còn thừa sẽ lưu lại để làm các tấm ghép. Khung cửa lớn 1 thốn 4 phân, dày 1 thốn 2 phân. Ngưỡng cửa 1 thốn 4 phân 3. Nối các cửa hoa lệ có thể chuyển động ở phía bên trong, cửa hoa lệ 9 thốn 2 phân hoặc 9 thốn 9 phân, không được làm lớn đúng 1 thước. Những người học nghề cần phải hết sức chú ý điểm này.

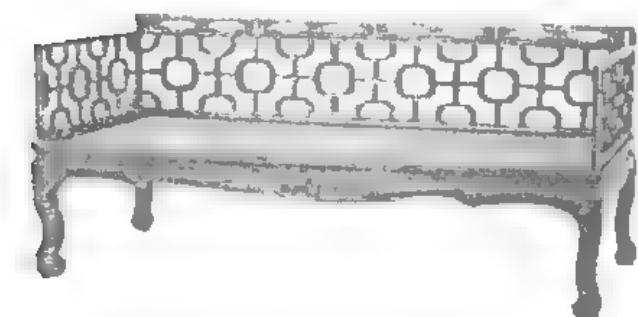


Khoang (giường) gỗ (hình góc)

Khoang (giường) gỗ là hình thức làm phức tạp hơn của khoang (giường) sải bước. Nét đặc đảo của khoang (giường) sải bước là ở chỗ thiết kế thêm một “ngôi nhà gỗ nhỏ” phía bên ngoài giá khoang, giống như một chiếc giường được đặt trên một mặt bằng gỗ dạng khép kín. 4 phía xung quanh của giá khoang hoặc 4 phía xung quanh giường có thể mắc màn chống muỗi, vì vậy, loại giường này thường được gặp nhiều ở phía Nam.

[Chú thích]:

[1] Khoảng (giường) gỗ Con được gọi là khoa, g (giường) sai bước. Bên này lại kê ngang (giường) gỗ có lắp tam đề chân, trên tam đề chân có đặt một chiếc giá giống một căn phòng, có đèn hay, bước sai và tam bình hoa. Khoảng (giường) sai bước là chỉ một khoảng (giường) gỗ mà bên ngoài lại được đặt một chiếc giá con khác.



Giường gỗ La Hán làm bằng gỗ Hoàng Hoa lê Đại nhà Minh

"La Hán sàng" còn được gọi là "La Hán thập (sạp)" (đến có nghĩa là giường La Hán) là dụng cụ mà người dân ông thời xưa của Trung Quốc chuyên dùng để nghỉ ngơi và tiếp khách, được chia thành các loại như: Giường La Hán kèm miếng đỡ chân có 5 tấm chân xung quanh, giường La Hán có 5 tấm chân xung quanh, giường La Hán có 3 tấm chân xung quanh. Loại giường này thường được đặt trong đền, đường của Vương công quý tộc, đem lại cho người ta cảm giác trang nghiêm, cung kính.

[Giải thích]:

Người xưa cũng có những điều cấm kỵ đối với việc làm
không (q. song) gđ. Ngay như trong các tháng có thể an
giường được liệt kê như sau:

Tháng 4: Nhâm Thìn, Quý Sửu, Đinh Mão, Kỷ
Mão, Tân Mao, Ất Mao, Quý Dậu, Đinh Dậu, Nhâm Ngọ, Bính
Ngọ, Đinh Mùi

Tháng 11 Ngày Bính Dần Mâ. Dân, Canh Dần, Giáp
Dần, Kỷ Ty, Ất Ty, Đinh Sửu, Quý Sửu.

Tháng ba: Ngày Kỷ Ty, Ất Ty, Quý Ty.

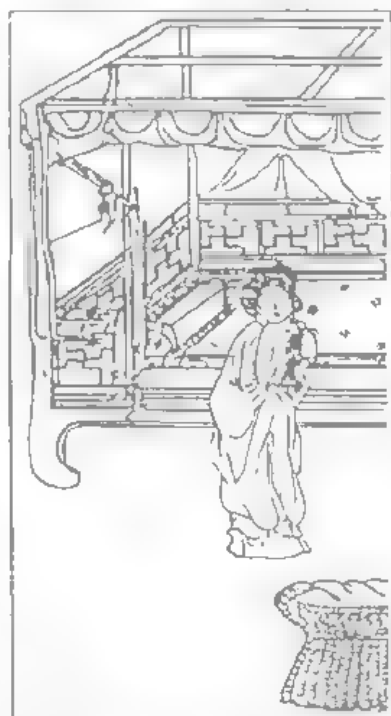
Trưởng t.1. Ngã Đ. n. S. n., C. n. Ng. n., M. n. Ng. n., K. n. S. n.,
C. n. Ng. n., B. n. Ng. n., M. n. Ng. n., B. n. T. n., C. n. T. n., Q. n. S. n.

Trang nam: Naay Tân Mù Quy Mù, Ất Hơ, Kỷ Hơ, Tân Hơ, Đinh Mùi, Kỷ Mùi.

Trong số 4 cây Dâu, Kỵ Dâu, Ất Dâu, Tân Dâu

Tràng bày Ngảy Cầm Thìn, Gáp Thìn, Bnh Thìn, Mậu
Thìn Ất Mùi, Bnh Tỵ, Đinh Mão

Tháng: Tam Ngày: Ất Hợi, Đinh Hợi Kỷ Hợi, Tân Hợi Quý
Hợi.



Kiểu gương máy (hình góc)

Một gương tròn vừa thừng
đang còn lơ lửng đã an u. Lơ thưng
loại đàn máy được gọi là gương máy.

Tháng chín: Ngày Ất Hợi, Tân Hợi, Đinh Hợi.

Tháng mười: Ngày Canh Tý, Tân Mão, Ất Mão, Đinh Mão, Bính Thìn, Canh Thìn, Mậu Thìn, Ất

Tháng mười một: Ngày Bính Thìn, Canh Thìn, Nhâm Thìn, Giáp Thìn, Mậu Thìn, Ất Tý, Ất Sửu, Đinh Sửu, Ất Hợi, Kỷ Tý, Quý Tý, Tân Hợi, Quý Hợi.

Tháng mười hai: Ngày Bính Dần, Nhâm Dần, Giáp Dần, Mậu Dần, Giáp Tý, Giáp Thìn.

Nhung ngày tốt tằm đã, phải tránh được phạm vào các cung sát như Thiên Canh, Hà Khố, Thiên Hại, Thiên Họa, Cửu Họa, Hỏa Trại, Thiên Tặc, Thổ Tử, Mộc Mã Sát, Âm Dương Tồn, Thiên Ân, Cửu Không, Hoàng Vu, Cửuển Sát, Đạp Khém, Phũ Đâu, Sát Lỗ Bàn Sát... thì mới được chọn dùng.

Kiểu giường mát^[1]

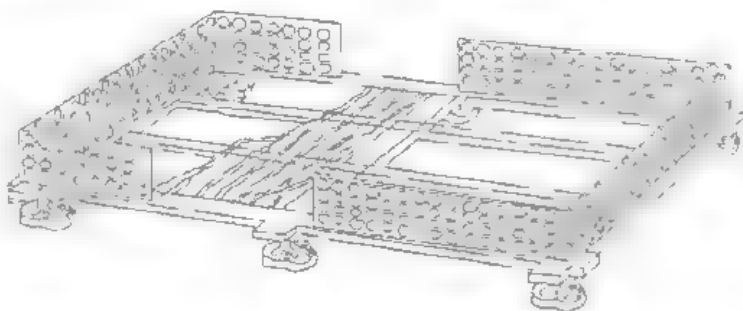
Cách làm giường mát cũng giống với cách làm giường mây^[2] nhưng phần mếp giường trên chỗ kê chân phai lồi dài một chút, làm 4 chiếc trụ, mỗi trụ lớn 1 thốn 1 phân. Mv của (bầu cửa) trên lớn 8 thốn, làm 1 tấm ở phía trước mếp giường, hai bên trái phải, mỗi bên làm 2 tam hình chữ vạn hoặc hình chữ thập. 2 tam treo ở phía trước chỉ làm lớn 1 thốn 4 phân, cao 2 thước 2 thốn 5 phân, kích thước đầu thành gỗ nằm ngang^[3] tùy thuộc vào độ lớn nhỏ của tấm kê chân, không được để sai sót.

[Chú thích]:

[1] Giường mát Là một trong các loại giường bậc sử thời xưa (giường biết kể thành kỉ ở, sẵn rồi đặt lên một mặt phẳng, có thanh giường, phía trước giường có thể đặt bàn hoặc ghế để làm dụng cụ để đó, 4 góc giường có 4 cột)

[2] Giường mây Một giường thời xưa tương đương với loại gỗ – đan mây lát thành, loại đan mây được gọi là giường mây.

[3] Đầu thanh gỗ nằm ngang Có thể là vật trang trí được lắp ở cạnh giường, hình dạng cụ thể không rõ



Giường gỗ sơn màu Thời Chiến Quốc

Là một phương tiện dùng để nằm, giường cũng đã trở thành một loại đồ cụ có lịch sử lâu đời nhất trong số các dụng cụ gia đình. Chiếc giường trong hình vẽ trên là một vật làm bằng gỗ sơn màu đỏ sẫm nhất được khai quật ở Triêu Quan Đài Tân Đường Hạ Nam có hình hai trụ bên dưới ray. Giường dài 2,80m rộng 1,39m có 6 chân, chân cao 19cm. Giường có thể thò ra 4 mặt, mặt vuông tựa gối giường loại có thể tháo rời làm bằng gỗ. Toàn bộ mặt giường được vẽ sơn màu, khắc họa vân trang trí hoa lệ, công nghệ tinh xảo.

[Giải thích]

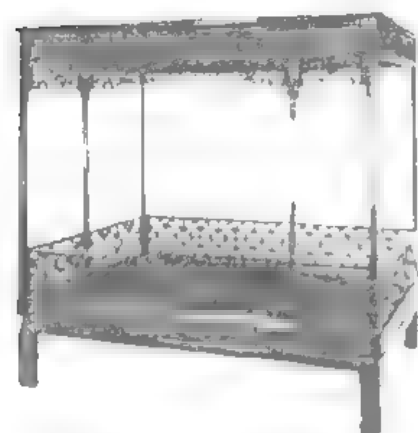
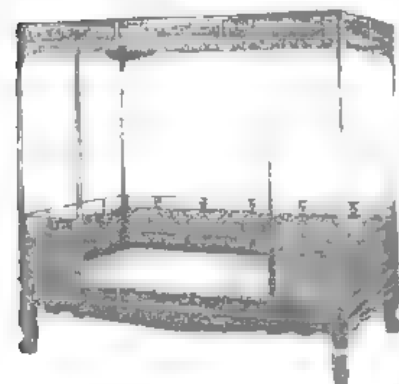
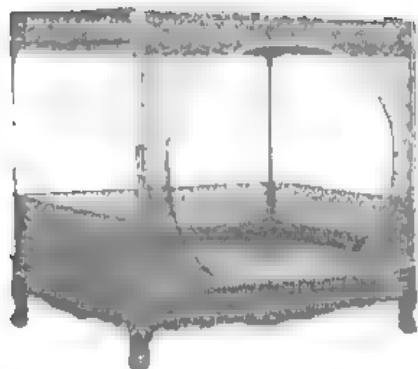
Trung Quốc có lịch sử làm giường từ rất sớm, theo truyền thuyết kể lại, chiếc giường đầu tiên của Trung Quốc được phát minh bởi họ Thần Nông. Vào thời đó, giường là vật dụng vừa để ngồi, vừa để nằm. Sau thời Tây Hán, người ta lại thấy xuất hiện từ “chõng”, là vật dụng chuyên để ngồi. Chõng là một loại giường, ngoài đặc điểm thấp hơn so với một chiếc giường bình thường ra thì chõng không có gì khác biệt lớn so với giường vì vậy, người ta thường quen gọi 2 vật dụng này bằng một tên gọi chung là giường chõng.

Sau thời Lê triều đã xuất hiện loại giường chân cao, giường chõng vào thời này đều có kiểu dáng khá lớn. Giường chõng thời Đường Tống hầu hết đều không có thanh giường xung quanh, vì vậy còn được gọi là “giường 4 mặt”.

Thời Liêu, Kim, Nguyên, bắt đầu xuất hiện loại giường chõng có 3 hoặc 4 mặt thành giường, trình độ tay nghề của thợ làm giường và vật liệu làm giường đều tốt hơn so với các đời trước. Đến đời nhà Minh, loại giường này đã được sử dụng rất phổ biến, kết cấu giường càng hợp lý hơn, bên pháp trang trí cũng đạt tới trình độ công nghệ rất cao. Đến thời kỳ này đã xuất hiện giường với nhiều kiểu dáng khác nhau. Loại thứ nhất là giường giá, cách làm thông thường là làm 4 chiếc cột ở 4 góc, trên đỉnh giường có nóc, xung quanh nóc có mý của và sừng (ngà) treo ngược, hai bên mặt giường và phía sau giường có thanh giường, phần lớn đều dùng vật liệu gỗ dạng khối nhỏ làm mộng dùng để nối các thanh giường lại với nhau, tạo thành nhiều kiểu dáng và hoa văn khác nhau, vì trên nóc giường có giá nên được gọi là giường giá. Loại giường thứ hai có tên gọi là giường bước sải, là kiểu giường giá được đặt trên một mặt phẳng. Phần phía trước - là phần mặt phẳng nhô ra dài hơn giường - dài 2-3 thước. 4 góc của mặt phẳng đó dựng 4 cột khảm gỗ để làm thành giường. Còn có kiểu giường mở cửa sổ ở 2 bên, để tạo thành một đường dạng hành lang nhỏ ở phía trước giường, 2 bên hành lang nhỏ này đặt một số dụng cụ gia đình nhỏ như bàn, ghế dùng làm chỗ để đồ. Giường bước sải tuy được sử dụng trong nhà nhưng lại rất giống một ngôi nhà nhỏ độc lập. Loại giường thứ ba có tên gọi là giường La Hán, loại giường này thiết kế thành giường ở 2 bên trái, phải và phía sau giường, nhưng không có giá, thành giường thường dùng những mảnh gỗ nhỏ ghép lại bằng mộng, loại thành giường đơn giản nhất được dùng 3 tấm gỗ không ôi ghép thành, 2 đầu thành giường làm thành góc lượn tròn hình bậc thang, trông vừa giản dị, vừa trang nhã.

Giường chõng thời nhà Thanh có đặc điểm là vật liệu dày, nặng, trang trí hoa văn quá nhiều đến mức xa xỉ nhưng lại rời rạc, vụn vặt khiến cho nó gây tác dụng ngược, nghĩa là làm cho kiểu dáng giường trở nên tầm thường.

Kiểu dáng giường mây: Từ chân giường đến thanh nổi ngang cao 1 thước 9 thốn 5 phân, chiều dài của giường 5 thước 7 thốn 8 phân, rộng 3 thước 1 thốn 5 phân rưỡi. Cột ở phía trên cao 4 thước 1 thốn, làm tám chấn nửa cao 1 thước 8 thốn 4 phân. Tám gỗ ngang nổi thành giường rộng 3 thước, dài 5 thước 6 thốn. Khung giường dày 1 thốn 3 phân. Thanh gỗ hình trụ nổi ngang giường lớn 5 thốn 2 phân, dày 1 thốn 2 phân, vẽ một đường thẳng màu đen hình chữ nhật để tiện cho việc đan mây. Tám đế chân rộng 1 thước 2 thốn, cao 4 thốn. Khung trên có thể là 1 thốn 2 phân, chân sau lớn 2 thốn 6 phân, dày 1 thốn 3 phân, phải áp dụng hình thức góc bán hợp.



Các loại giường giá của quý gỗ Hoàng Hoa Lê

Đời nhà Minh

Giường giá là hình thức chủ yếu nhất trong các loại giường thời xưa của Trung Quốc, được phát triển từ loại giường sải bước, có hình dáng uyển chuyển giống như một ngôi nhà nhỏ xinh xắn. Giường giá loại này thường được trang hoàng rất kỹ lưỡng, phía trước làm "môn vi tư" (có những chiếc giường giá ngoài thành giường được dựng ở 3 mặt giường, ở chính giữa còn có cột cửa, 2 tấm thành hình vuông đặt giữa cột cửa và cột góc được gọi là "môn vi tự"), "môn vi tư" có loại hình đồng tròn, có loại hình vuông và có loại hình viên hoa (đăng ten), 4 phía xung quanh nắp trên đỉnh được lắp my của và răng treo ngược. Có loại giường giá còn được lắp ngăn kéo, chuyên dùng để cất đồ dùng trên giường như chiếu, chăn.... Sau này, hình dáng và cấu tạo của giường giá lại được giản hóa hơn nữa, chỉ còn lại một chiếc giá được cấu tạo bởi một vài chiếc xà ngang, chiếc giá này chủ yếu được dùng để treo màn. Tới nay, kiểu giường giá này vẫn được sử dụng rất phổ biến ở nông thôn. 3 loại giường giá có rào cửa được làm bằng gỗ Hoàng Hoa Lê trong hình vẽ bên đã thể hiện được 3 loại phong cách của những khu vực khác nhau trong cùng 1 thời kỳ. Những phong cách chế tạo dụng cụ gia đình hoàn toàn khác nhau này đã thể hiện được sự theo đuổi và nắm bắt những quan điểm thẩm mỹ khác nhau của các nhà thiết kế.

Ngày tốt trong các tháng cho việc kê giường và mắc màn:

Tháng giêng: Ngày Đinh Dậu, Quý Dậu, Đinh Mão, Kỷ Mão, Quý Sửu.

Tháng hai: Ngày Bính Dần, Giáp Dần, Tân Mùi, Ất Mùi, Kỷ Mùi, Ất Hợi, Kỷ Hợi, Canh Dần.

Tháng ba: Ngày Giáp Tý, Canh Tý, Đinh Dậu, Ất Mão, Quý Dậu, Ất Ty.

Tháng tư: Ngày Bính Tuất, Ất Mão, Quý Mão, Canh Ty, Giáp Tý, Canh Thìn.

Tháng năm: Ngày Bính Dần, Giáp Dần, Tân Mùi, Ất Mùi, Kỷ Mùi, Bính Thìn, Nhâm Thìn, Canh Dần.

ngày Dần, tháng chín ngày Sửu, tháng mười ngày Tý, tháng mười một ngày Hợi, tháng mười hai ngày Tuất.

Trên Càn Cầu Gảo: tháng giêng ngày Tý, tháng hai ngày Tỵ, tháng ba ngày Mùi, tháng tư ngày Dậu, tháng năm ngày Sửu, tháng sáu ngày Thìn, tháng bảy ngày Mùi, tháng tám ngày Tuất, tháng chín ngày Sửu, tháng mười ngày Thìn, tháng mười một ngày Mùi, tháng mười hai ngày Tuất.



Giường gỗ Hoàng Hoa Lê Đời nhà Minh

Loại giường thuộc loại giường này rất hẹp và dài, có ngăn kéo nhỏ làm bằng chất liệu mây, kết dạng mang phồng các cổ và trong là một chân gác. Chân này được làm theo kiểu chân trôn dài bên trong có gắn trục. Các chân bên trong này được làm bằng loại cột hình vòm.

Hà Khô Cầu Gảo: tháng giêng ngày Hợi, tháng hai ngày Ngọ, tháng ba ngày Sửu, tháng tư ngày Thìn, tháng năm ngày Mùi, tháng sáu ngày Tuất, tháng bảy ngày Tỵ, tháng tám ngày Tý, tháng chín ngày Mùi, tháng mười ngày Dần, tháng mười một ngày Mão, tháng mười hai ngày Thìn.

Trên Nhân Trạng giêng năm, sáu, bảy, chín, mười hai ở trong nhà; Ngọ, Mùi, Quý đông ở trong nhà và trên giường; Ngày Kỷ, Hợi đông ở trên giường.

Người xưa khi kê giường còn cấm kỵ các phương mà Tang Môn Bạch Hổ, Trên Cửu, Tử Phủ của năm chiếm đóng.

Người xưa cho rằng sự cát hung trong việc kê giường không những có thể liên quan đến trong cuộc sống của con người và xã hội mà còn trực tiếp liên quan tới sự khỏe mạnh hay chết yếu của con cháu trong gia đình, vì vậy họ vô cùng chú ý đến này.

Kiểu cách giường thiền⁽¹⁾

Loại giường này chỉ được làm trong các chùa chiền, am đường. Chiều dài của giường đặt ở hậu điện hoặc hai bên của thiền đường được xác định dựa theo độ rộng hẹp của phòng, chiều rộng là 5 thước, chiều cao phía trước là 1 thước 5 thôn 5 phân, độ thấp của giường là 1 thước. Tâm ván phẳng ở phía trước lớn 8 thôn 8 phân dày

1 thốn 2 phân, dựng 6 chiếc cột, mặt cắt của mỗi cột là 8 thốn. Mỗi phía trên, dưới dùng 1 thanh xuyên nối để treo áo thiền và màn. Phía dưới tấm ván phẳng phía trước phải đặt 1 thanh ngang cách mặt đất 2 thốn để có chỗ đặt 1 tấm ván phía dưới, tấm ván này phải làm chặt chẽ



Kiểu dáng giường thiền và ghế thiền (hình gốc)

Giường thiền là loại giường dùng cho các nhà sư ngồi thiền, hình dáng của loại giường này không có gì khác biệt với loại giường cổ. It hoa văn điêu khắc trang nhã, đơn giản

[Chú thích]:

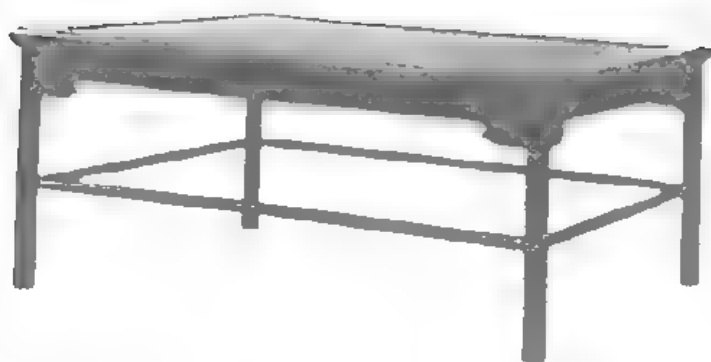
[1] Giường thiền. Giường dùng để ngồi thiền trong chùa chiền.

Kiểu dáng ghế thiền^[1]

Ghế thiền có chiều cao 1 thước 6 thốn 3 phân, sâu 1 thước 8 thốn 2 phân, hoặc sâu 1 thước 9 thốn 5 phân. Tấm chắn phía trên cao 2 thước, 2 tay vịn dài 2 thước 2 thốn, mặt cắt cột lớn 1 thốn 3 phân, phía trên tấm chắn là 7 thốn, phía dưới là 7 thốn 5 phân, làm mộng 3 thốn. Lắp 1 tấm đế chân ở đầu chân ghế hình cái gáo, chiều cao 4 thốn 3 phân, dài 1 thước 6 thốn, lớn 1 thước 3 thốn, các kích thước ngắn dài, lớn nhỏ khác xác định dựa trên kích thước lớn nhỏ của ghế.

[Chú thích]:

[1] Ghế thiền Là loại ghế nhà sư dùng để ngồi thiền, lớn hơn và rộng rãi hơn so với loại ghế tay vịn thông thường.



Gương thiên bằng gỗ Hoàng Hoa Lê không có phần thất lưng

Gương thiên là loại gương mà nhà sư dùng để ngồi thiền. Khác bát ngai on tề Nan Tuyền các đời đã dần tiếp tục dùng kiểu hình dáng này. Loại xương & thiên từ gỗ Lồ & tre là loại dụng cụ gia đình có chất lượng cao hơn nhà Minh. gương có vẻ ngoài sáng bóng, đơn giản, trang nhã, đẹp mắt.

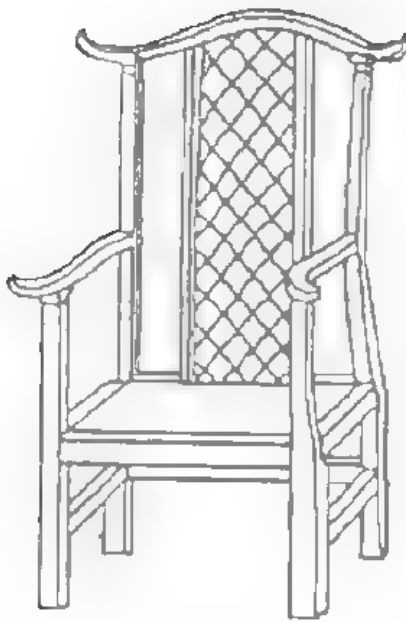
Cách thức làm giá gương¹ và hộp trang sức².

Giá gương và thùng gương có đôi chút khác biệt. Thùng gương lớn sau 1 thước 5 phân, rộng 9 thốn, cao 8 thốn 6 phân, giá gương ở tầng trên sâu 2 thốn, tầng giữa làm ngăn kéo 1 thốn 2 phân, tầng dưới làm ngăn kéo 3 thước nắp làm 1 thốn 5 phân, dè làm dày 4 phân. Trên mặt giá đỡ có điêu khắc hình hoa văn, ở giữa làm giá kính lớn 7 thốn, cao 9 thốn. Có thể điêu khắc 2 con phượng hướng về phía mặt trời, ở giữa khắc 1 đồng tiền cổ, 2 bên khắc hoa có mềm mại, phía dưới được chạm hình hoa sen, độ lớn nhỏ phụ thuộc vào dây mực vẽ kích thước của giá kính, không được có sai sót.



Ghé thiên, bàn cúng lễ

Tranh minh họa đời nhà Đường



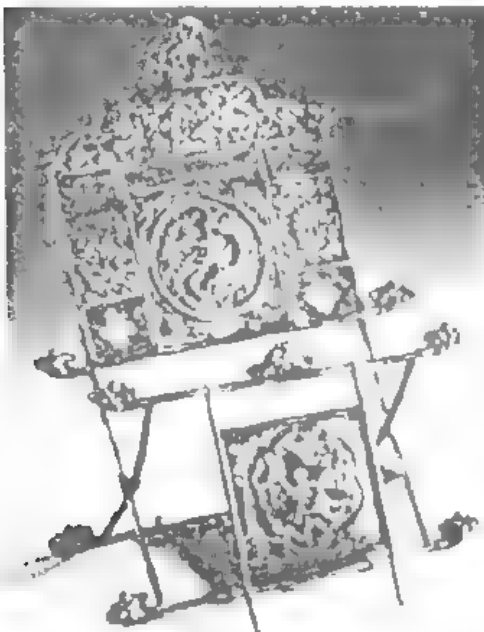
Ghế thiền **Tranh minh họa đời nhà Đường**

Ghế thiền thường có mặt ghế rộng, lưng tựa thẳng, điêu khắc đơn giản và trang nhã, tay vịn có thể có, có thể không. Vì ghế có thể ngồi khoanh chân nên được gọi là “ghế thiền”

[Chú thích]:

[1] Giá gương Là một loại giá dùng để đỡ gương thời xưa. Có hình dạng gần giống một chiếc ghế có thể dùng ngồi tại bàn, gương, trên giá, trông rất đẹp mắt và tinh tế

[2] Hộp trang sức Là một loại hộp dùng để đựng đồ nữ trang, thường được dùng cùng với bàn gương trang điểm.

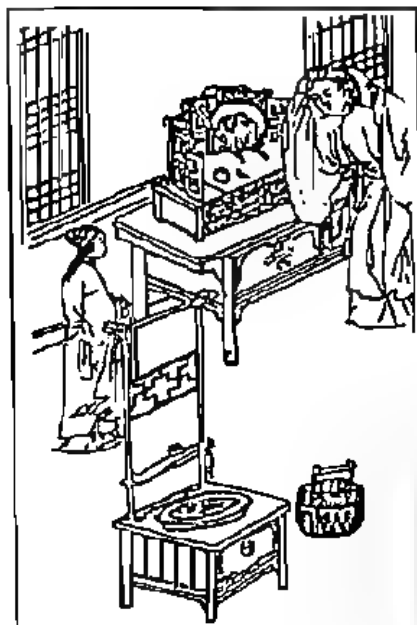


Giá gương bằng bạc **Đời nhà Nguyễn**

Loại giá này được thiết kế bằng một cấu trúc phức tạp, có hình thức đẹp mắt, công nghệ chế tạo tinh xảo, hoa văn trang trí phức tạp, hoa lệ, nhỏ nhắn, xinh xắn, là một loại dụng cụ gia đình đẹp nhất đời nhà Nguyễn. Giá cao 32,8 cm, rộng 17,8 cm, được khai quật vào năm 1964 ở một ngôi mộ chôn chung cha mẹ của Trương Sĩ Thành ở Tô Châu, Giang Tô, đời nhà Nguyễn, hiện nay được cất giữ ở Viện bảo tàng thành phố Tô Châu

Cách thức làm bồn rửa mặt có điêu khắc hoa văn.

Hai chiếc cột nhỏ ở phía sau bồn rửa mặt cao 5 thước 3 thốn, ngoài ra có 4 chân cao 2 thước 8 phân, dây mực vẽ mặt cắt nối chung lớn 3 thốn 7 phân, như vậy mới có thể uốn cong về phía sau. Loại bồn này được làm bằng gỗ cây long não hoặc cây nam mộc, trên bồn rửa mặt có điêu khắc hình hoa cỏ. Dùng mộng Âm Dương để gáp 4 chân bệ vào trong mặt bệ. Chiều rộng tổng cộng là 1 thước 5 thốn 2 phân.



Cách thức làm giá gương và hộp trang sức (hình góc)

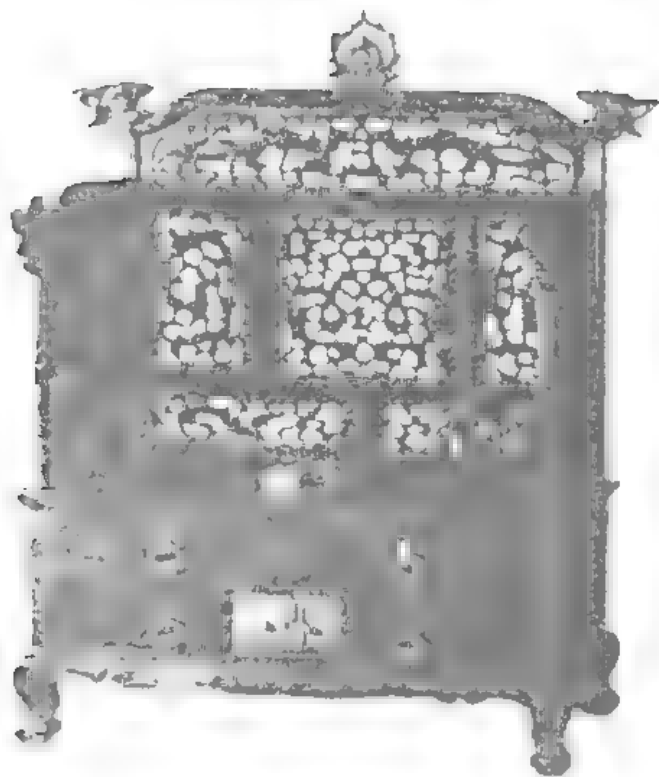
Người xưa thường dùng tấm kính đồng để chụp ảnh, tấm kính nhỏ sau khi sử dụng thường được cất vào trong một chiếc hộp chứa đồ, như hộp cất đồ trang sức. Nên tấm kính lớn thì phải dựng nghiêng ở trên mặt bàn kính, thường xuyên phủ lên trên một tấm vải mềm phủ kính.

Cách làm loại thùng khiêng¹ có thanh gỗ nổi hình trụ lớn

Cột có chiều cao 2 thước 8 thốn, thân thùng làm 4 tầng. Tầng dưới cao 8 thốn, tầng thứ 2 cao 5 thốn, tầng thứ 3 cao 3 thốn 7 phân, tầng thứ 4 cao 3 thốn 3 phân, nắp cao 2 thốn, không gian làm nắp là 1 thốn 5 phân, xà 1 thốn 5 phân; Dấu chỏm tổng cộng 5 thốn, tấm ván ở tầng hình vuông dày 4 phân rưỡi; “Tủ khẩu” (xem giải thích phần trên) phía trong dày 3 phân, lớn 8 phân, 2 chiếc cột tường quân (xem giải thích phần trên) ở 2 bên đều có mặt cắt lớn 1 thốn 5 phân, dày 1 thốn 2 phân; 4 chiếc mái chèo mỗi chiếc cao 1 thước 9 thốn 5 phân, lớn 4 thốn; Mỗi tầng dài 2 thước 6 thốn 5 phân, rộng 1 thước 6 thốn; Mặt cắt giá đỡ lớn 2 thốn 2 phân, dày 1 thốn 2 phân, Tấm xuyên nổi hình chiếc gáo ở chỗ góc chung kết hợp với móng hổ tạo thành hình 2 lược câu

[Chú thích]:

[1] Thùng khiêng: Là loại thùng có thể do 2 người khiêng theo người, để đựng cơm, rượu, thức ăn và đồ đem biếu tặng, thân thùng thường được chia làm nhiều tầng xếp chồng lên nhau, trên mỗi tầng đều có nắp dầy, có cột và xà, có thể móc đòn gánh vào để gánh



*Bàn trang điểm có khắc hoa văn hình rồng
dạng ngai vàng bằng gỗ Hoàng Hoa Lặc*

Đời nhà Minh

Bàn trang điểm là loại đồ vật được dùng để đặt đồ trang điểm. Vào đời nhà Minh, người ta thường sử dụng kính đồng, phía sau kính có núi vụn, dùng để buộc 1 dải lụa, thường được treo trên giá trang điểm. Bàn trang điểm có vẻ bề ngoài nhỏ gọn xinh xắn, vô cùng tiện lợi, là một vật không thể thiếu trong gia đình. Bàn trang điểm có màu sắc trang nhã, phần trang trí hoa văn ở phía trên của tấm kính phía sau làm tăng thêm cảm nhận và tiết tấu trang trí, phần giữa được đệm bởi trang trí hoa văn mây để tạo sự tương ứng giữa hư và thực, phù hợp với quy luật mỹ học truyền thống của Trung Quốc. Toàn bộ chiếc bàn trang điểm tạo cho người sử dụng cảm nhận về sự đẹp dễ, nữ tính và trang nhã, mang phong cách điển hình cho đời nhà Minh.

Ghế nhỏ để chân

Loại ghế này có chiều dài 2 thước 2 thốn, cao 5 thốn, rộng 4 thốn 3 phân. Mặt của chân ghế lớn 1 thốn 2 phân, dày 1 thốn 1 phân. Trên mặt ghế có vẽ đường kiêu lưan, chân ghế có vẽ đường tròn hình tre trúc.



Ghế để chân có mặt ghế dạng của số hình chữ nhật *Đời nhà Minh*

Loại ghế này thường vật nắp được đặt ở dưới chéng ghế ngồi hoặc trước gương để đặt chân hoặc dép. Chiếc ghế trong hình vẽ trên có khung trên mặt ghế dạng ô của hình chữ nhật (th) được trang trí phù điêu, toàn bộ chiếc ghế tạo thành hình vòm, cũng trông rất đẹp mắt.

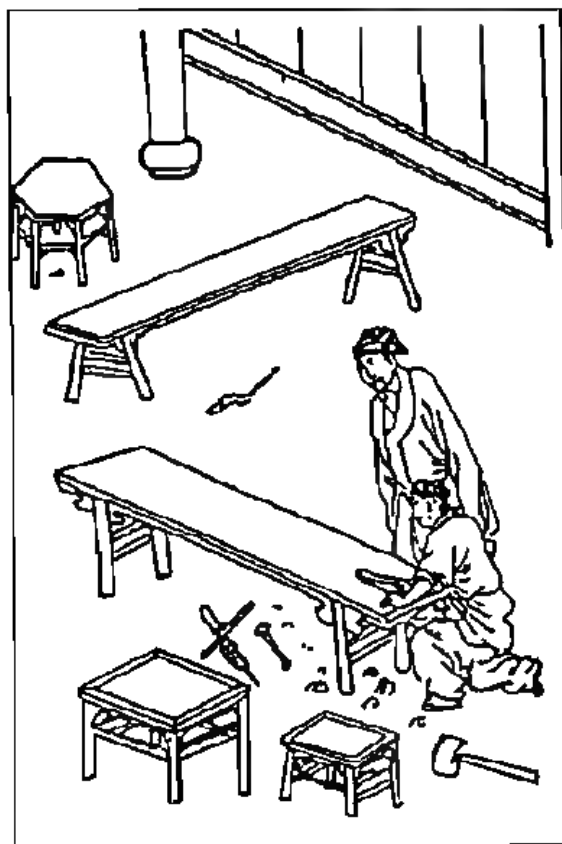
Cách làm chính thức của các kiểu Thuyền Ngư⁽¹⁾

Khi làm Thuyền Ngư, người ta thường phải làm theo tiêu chuẩn trong quy tắc xây dựng. Những người thợ xây ngày nay lại thường cho rằng làm Thuyền Ngư phức tạp, hơn nữa phải khi nào cần chắn gió họ mới làm Thuyền Ngư, họ cũng không sử dụng hình dạng của Thuyền Ngư, chỉ làm thành hình ván thẳng, mà loại cá Như Ý⁽²⁾ lại chỉ cần điêu khắc thành dạng mây. Thực ra về hình dạng thì quan trọng nhất là phải theo sở thích của chủ nhà.

[Chú thích]:

[1] Thuyền ngư Còn gọi là Huyền Ngư, là một chi tiết nhỏ trong kiến trúc, có rất nhiều loại hình dáng, có cá đơn và cá đôi, sau đây hình thành các hoa văn như Thái Cực, Như ý hoặc Hoa cỏ, nó có tác dụng trang trí tương đầu hồi, làm đẹp thêm các mặt của công trình kiến trúc và tăng thêm sự may mắn, tránh tai

[2] Như ý. Là một kiểu trang trí kiến trúc có hoa văn hình mây hoặc hình linh chi, tượng trưng cho sự may mắn.



Cách làm thùng khiêng Đại Phương (hình gốc)

Thùng khiêng Đại Phương là một loại thùng hoặc hộp hình vuông dài có quai, sách nhiều tầng cần được khiêng bởi 2 người



Ghế nhỏ để chân (hình gốc)

Vì bàn viết thời xưa thường được làm hơi cao nên người xưa phải ngồi trên ghế cao, vì vậy họ thường phải làm ghế để kê chân phía dưới kết cấu và kỹ thuật chế tạo loại ghế này đều hết sức tinh tế

Cách làm dốt đà⁽¹⁾

Cách làm dốt đà cũng không có quy định tiêu chuẩn. Có cách làm đều khác hình mây, có cách làm hình chiếc mũ, lại có loại làm thành hình móng hổ, rô, dạng Như Ý. Còn có loại điêu khắc thành hình hoa cò hay hình gậy đánh bóng, hoặc hình 3 hạt ngọc trai. Ngay nay, hầu hết những người thợ chỉ thích sử dụng cách làm theo hình chiếc mũ², những người trẻ tuổi thường coi đó là cách làm thời thượng

[Chú thích]

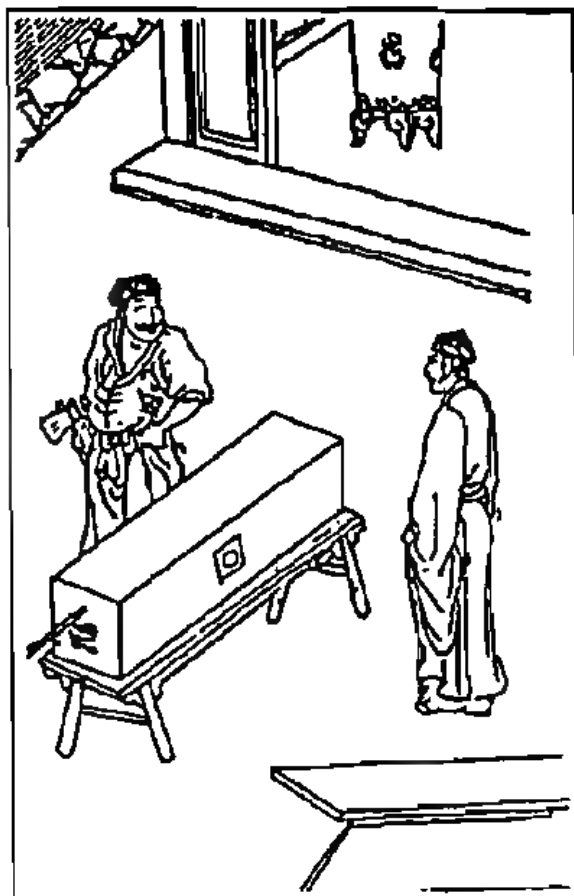
[1] Dốc đa: Là một chi tiết cấu tạo nối giữa các khung xà.

[2] Mu La một kiểu mu tròn hình dui được đan bằng chất liệu trúc, thường được dùng để che mưa.



Cách làm chính thức của dốc đa (hình góc)

Chán đỡ dốc đa là một trong những chi tiết được nối giữa các khung xà trong kiến trúc gỗ thời xưa của Trung Quốc



Cách làm máy quạt gió (hình góc)

Máy quạt gió bằng gỗ đang put tông thời xưa, được phát minh vào đời nhà Tống và vẫn được sử dụng ở một số nơi cho đến tận ngày nay. Về mặt thiết kế, 2 đầu của máy quạt gió mỗi đầu được lắp 1 lỗ nhận khí, trên miệng lỗ có lắp van. Bên hông máy lắp 1 đường thông gió, ở mỗi đầu cạnh của đường thông gió đều có 1 lỗ đưa gió ra, trên miệng lỗ cũng có van. Thông qua tay kéo ở phía bên ngoài này, put tông được tác động để chuyển động qua lại, rồi lại tác động lên van làm cho van đóng - mở, từ đó đạt được mục đích quạt gió.

Cách làm máy quạt gió

Quạt gió dài 3 thước, cao 1 thước 1 thốn, rộng 8 thốn, ván dày 8 phân, tấm chắn gió lớn 6 thốn 4 phân, dài 9 thốn 4 phân. Giá gỗ hút gió lớn 8 phân, dày 4 phân, tay kéo dài 7 thốn 4 phân, mặt cắt lớn 1 thốn. Lỗ tròn được gọi là mắt thổi gió phải lớn 1 thốn 8 phân, quan trọng nhất là phải đóng chính giữa. Hai đầu đục 2 mắt hút gió, mỗi đầu 1 mắt với chiều rộng là 1 thốn 8 phân, dài 2 thốn 2 phân. Các tấm ván 4 cạnh đều làm theo tiêu chuẩn kích thước như trên.



Hình vẽ giá treo quần áo làm bằng gỗ du **Đời nhà Minh**

Đây là loại đồ cụ gia đình thời cổ còn tồn tại rất ít tới nay. Nó được chế tạo từ khế lau ở giữa có đục khắc các ô trống hình hoa mang đậm tính chất trang trí nhưng vẫn tinh tế và trang nhã



Giá treo quần áo gỗ Hoàng Hoa Lê có hoa văn hình phương **Đời nhà Minh**

Loại giá này ở phần lưng giữa 2 thanh ngang phía trên và phía dưới có một tấm nằm ngang đục khắc 3 mảng hoa văn hình phương, hình vẽ dày đặc và đẹp mắt. Ngoài ra, ở những chỗ nối giữa cột dọc và thanh ngang đều có đục khắc hình hoa sừng hoặc ngựa được cắt ra sần phảm mang tính diện hình cho giá treo quần áo đời nhà Minh

Cách làm giá treo quần áo " điều khắc hoa văn

Giá treo quần áo điều khắc hoa văn có chiều cao là 5 thước, rộng 3 thước 7 thốn, phía trên có lắp một xà ngang⁽¹⁾, mỗi bên của linh kiện này có chiều dài 4 thốn 4 phân, ở giữa làm 3 vành đai. Chân chéo lớn 2 thước 3 thốn 5 phân. Chân giá cao 1 thước 5 thốn 3 phân. Khung cột lớn 1 thốn 4 phân, dày 1 thốn 2 phân.

[Chú thích]:

[1] Giá treo quần áo. Giá treo quần áo thời nhà Minh thường dựng 2 cột trên 2 bệ, phía trước và phía sau đều được dùng bánh răng để kẹp chặt cột, giữa các cột được nối bằng trục ngang, 2 đầu trục ngang của đoạn trên cùng có phân chống nhô ra, ngoài ra còn có trang trí điều khắc hoa văn hình mây, hình đầu rồng... hình vẽ điều khắc rất hoàn chỉnh, tạo hình đẹp mắt

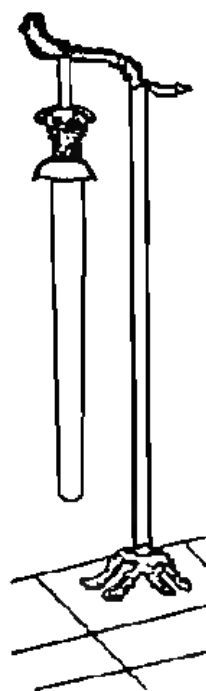
[2] Xà ngang Là tên một chi tiết cấu tạo trong dụng cụ gia đình thời Minh Thanh được đặt ở đoạn trên cùng của dụng cụ gia đình như ghế, giá treo quần áo.

Cách làm giá treo quần áo thông thường

Giá có chiều cao là 4 thước 1 thốn, lớn 3 thước. Chân giá dài 1 thước 2 thốn, rộng 4 thốn 4 phân. Cột lớn to 1 thốn 2 phân, dày 1 thốn, xà ngang phía trên phải lộ đầu ra khoảng 2 thốn 7 phân, ở giữa làm một chiếc khung sáng bóng, đục 2 lỗ song song, lỗ thường phải đục thành 1 đôi, làm ở vị trí cao 1 thước 3 phân, các ô hình răng cưa giữa các lỗ dày 8 phân, lớn 8 phân.

Cách thức làm móc treo quần áo⁽¹⁾

Cột đứng của móc treo quần áo cao 3 thước 9 thốn, mặt cắt 1 thốn 4 phân, tay cầm phía trong dài 5 thốn, dày 6 phân. Cột đứng của móc treo quần áo nhỏ cao 2 thước 6 thốn, mặt cắt 1 thốn 4 phân, tay nắm dài 3 thốn 8 phân, dày 5 phân, có hình dạng giống như một chiếc kiếm.



Cách thức làm móc treo quần áo (hình góc)

So với giá treo quần áo, móc treo quần áo có thể tích nhỏ, kết cấu đơn giản, vì vậy, nó cũng bớt đi phần phức tạp, nhưng các chi tiết như đế và đỉnh móc vẫn được xử lý cầu kỳ

[Chú thích]:

[1] Móc treo quần áo. Là giá treo quần áo được đặt sát đất

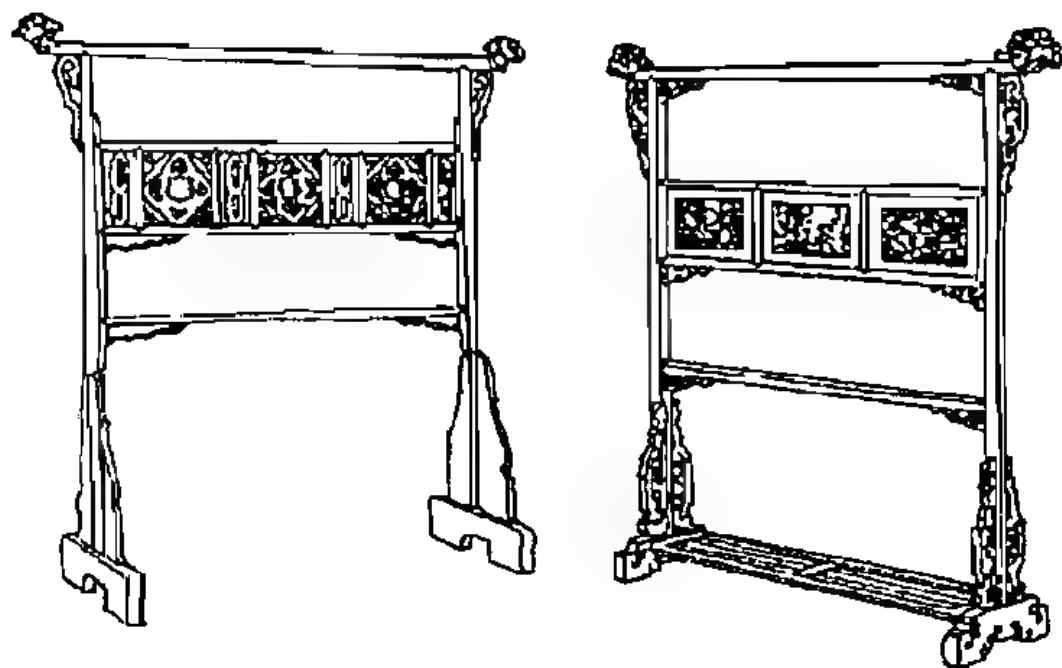
Cách thức làm giá đỡ bồn rửa mặt

2 cột phía trước của giá có chiều cao là 1 thước 9 thốn, đầu bên ngoài⁽¹⁾ cao 2 thốn 3 phân, 2 chân phía sau có chiều cao là 4 thước 8 thốn 9 phân, mặt cắt lớn là 1 thốn 1 phân. Có loại làm thành dạng 3 chân, khung đỡ bồn rửa mặt phải giao nhau thành hình lăng, dây mực ngoài miệng phải vẽ sâu 1 thốn 4 phân, nghiêng 6 phân, không được có sai sót.

[Chú thích]:

[1] Giá đỡ bồn rửa mặt. Có 2 loại cao và thấp, phần giữa của giá loại cao thường có trang trí hoa văn, còn loại thấp lại thường không trang trí.

[2] Đầu bên ngoài: Đầu gỗ trên giá dùng để chống đỡ bồn rửa mặt



Giá treo quần áo Tranh minh họa (Nghệ thuật làm dụng cụ gia đình đời nhà Minh)

Giá treo quần áo được sử dụng từ đời nhà Hán, giá treo quần áo vào thời này được cấu tạo bởi 4 trục thẳng người nhà Hán gọi đó là "y cân" Đến giữa đời nhà Minh, giá treo quần áo hầu hết vẫn là những giá treo đơn giản, chỉ sau thời kỳ giữa đời nhà Minh, giá treo quần áo mới bắt đầu được chú ý hơn đến việc trang trí. Như trong hình vẽ, đầu tròn phía trên của giá treo quần áo thời nhà Minh được điêu khắc hoa lá uốn lượn thành ngang bên dưới là 3 tấm biển nằm trên thanh ngang, đều được điêu khắc hoa văn hình phương. Phần đế được làm bằng 2 hai thanh gỗ hình vuông, giữa 2 thanh gỗ có lắp khung lượn được tạo thành từ những thanh gỗ ngang và dọc để tăng thêm độ chắc chắn

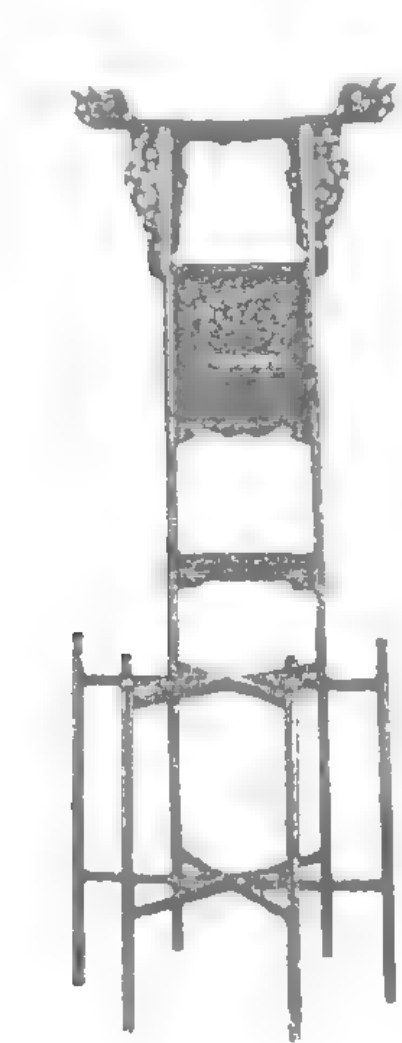
Cách làm giá trống⁽¹⁾

Giá trống có chiều cao 2 thước 2 thốn 7 phân, mặt cắt của 4 chân rộng 1 thốn 2 phân, ở phía trên điêu khắc "tinh bình đầu"⁽²⁾. Giá có chiều cao 3 thốn 5 phân, làm 4 hoặc 8 thanh gỗ nối nhô ở tầng trên, tầng dưới, cũng dùng 8 thanh. Tầng trên làm tám vân điệu khắc hoa, tầng dưới làm vành đai hoặc làm thành 8 tâm hình vuông. Các thanh ngang nhỏ trên cột đứng có kích thước như nhau, bên trên ve mát, mỗi bên phải vẽ chệch đi 3 phân rưỡi, móng phải làm thẳng. Những kích thước này phải nhớ chắc chắn, không được làm sai sót 1 ly.

[Chú thích]:

[1] Giá trống: Giá dùng để đặt trống.

[2] Tinh bình đầu: Là một loại cột mang tính trang trí.



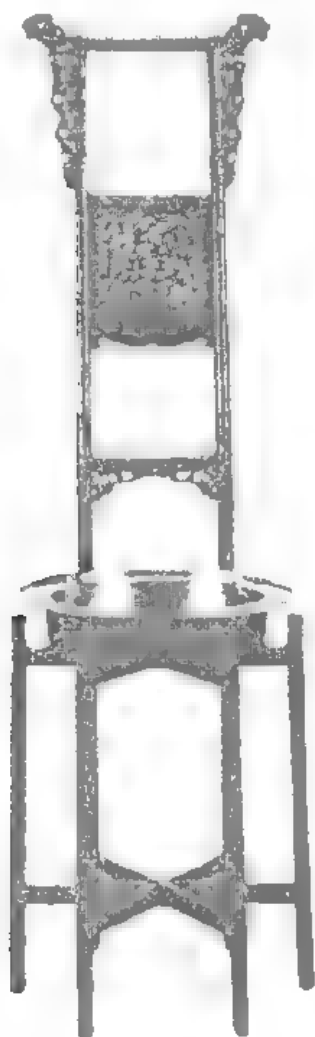
*Giá đỡ bốn rửa mặt loại cao làm bằng gỗ
Hoàng Hoa Lê và được điêu khắc hoa văn*

Thời nhà Minh

*Giá đỡ bốn rửa mặt kế thừa từ dụng cụ rửa
mặt, rửa tay thời xưa. Loại giá này cao 176cm,
toàn bộ giá đỡ đều được điêu khắc một cách
tinh tế, sản phẩm ở giữa được điêu khắc bằng
hình vẽ mang ý nghĩa may mắn, nội dung điêu
khắc trông vui mắt, ngụ ý sâu xa, thường được
dùng làm của hồi môn cho cô dâu khi về nhà
chồng*

Cách thức làm giá đựng trống đồng

Giá đựng trống đồng có chiều cao 3 thước 7 thốn, có lắp thanh ngang, trên đó có điêu khắc hoa văn giống như ở đầu các giá treo quần áo, giá có diện tích lớn 1 thốn 5 phân. 2 cột ở 2 bên đều vẽ đường hình bàn cờ, thanh nối ở giữa phải cao 3 thước, trống đồng khi treo phải tiện cho người đánh có thể với tay lên đánh. Chân phía dưới được điêu khắc theo kiểu chân của bình phong, chân chèo cao 1 thước 8 thốn, lớn 3 thốn 3 phân.



Giá đỡ bốn rửa mặt làm bằng gỗ Hoàng Hoa Lê và được điêu khắc hoa văn linh chi. Đời nhà Minh

Đây là một sản phẩm độc đáo đời nhà Minh, có hình thức rất tinh tế và tao nhã, phần thanh ngang, móc treo và phần chính giữa đều được điêu khắc hoa văn dạng hoa cỏ, linh chi hoặc ngọc lan

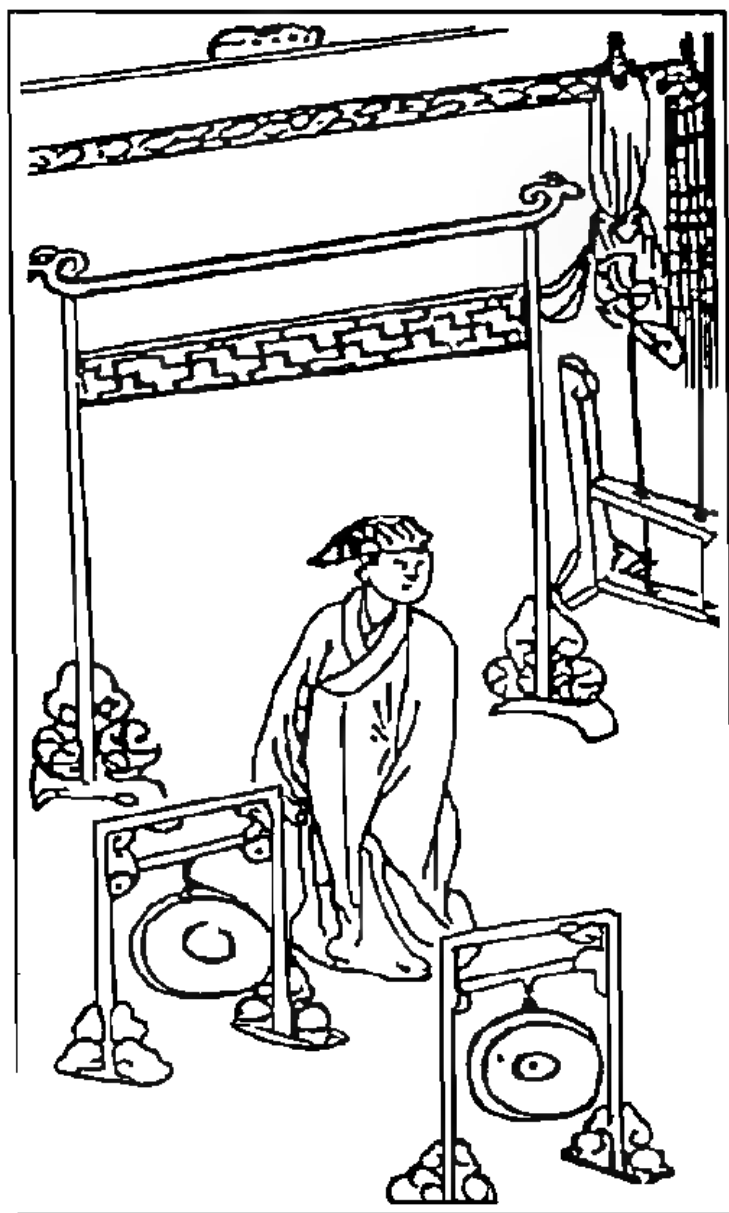
Cách làm giá để hoa⁽¹⁾

Giá để hoa lớn có 6 chân hoặc 4 chân, còn có loại chỉ có 2 chân. Loại giá để hoa lớn 6 chân ở giữa thường làm cao 1 thước 7 thốn, 2 bên cao 4 thước, ở giữa cao 6 thước, làm 2 thanh nối hình trụ, mỗi thanh lớn 3 thốn, làm 2 thanh nối thẳng lớn 3 thốn, rộng 5 thước, dài 7 thước. Làm 1 tấm ván bằng gỗ để đặt bốn hoa, tấm ván này dày 1 thốn 5 phân, lớn 8 thốn. Kích thước này cũng cần căn cứ vào kích thước

giếng trời của căn nhà và chỉ cần lấy kích thước này làm tiêu chuẩn để tính toán độ tiến thoái của dây mực

[Chú thích]:

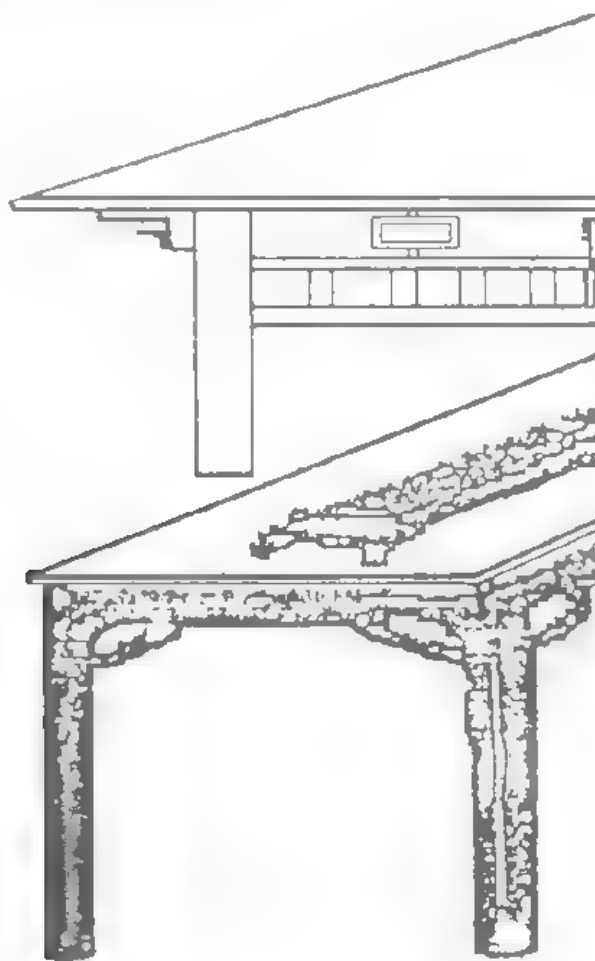
[1] Giá để hoa. Gia chuyên dùng để đặt chậu hoa hoặc bồn hoa



Cách làm giá để trồng (hình gốc)

Trồng thời xưa được chia làm 2 loại là trồng đất nằm ngang và tre 1g để đứng đứng. Trên giá để trồng trong hình vẽ trên là những chiếc trồng được đặt theo chiều đứng đứng. Khung giá trông giống như một chiếc cửa, kết cấu khéo léo mà chắc chắn, trang trí tinh tế, thể hiện lược kỹ thuật chế tạo khéo léo của người thợ thời xưa

Cách làm giá đỡ ô che nắng: Giá đỡ ô che nắng có chiều cao 2 thước 3 thốn, dài 2 thước 1 thốn, cột đỡ ô ở giữa cao 2 thước 3 thốn, chân nằm ngang tiếp đất được tính vào trong. Cột ở giữa làm lớn 2 thốn 2 phân, dày 1 thốn 6 phân, đoạn trên đề ra 3 thốn 3 phân. Làm thanh ngang trên ô dày 1 thốn 3 phân, lớn 2 thốn 2 phân, tay cam ở phía dưới cũng làm như vậy. Mặt cắt cột 2 bên lớn 1 thốn 4 phân, bánh rang lớn 8 phân, dày 6 phân, chân nằm ngang tiếp đất lớn 5 thốn, dày 1 thốn 6 phân, dài 1 thước 5 thốn.



Cách làm ô che nắng (hình góc)

Người xưa làm ô che nắng thường phải diện khác kỳ công thành một khung gỗ gòn hình chiếc bàn như trong hình vẽ. Vao theo đo xã hội còn rất coi trọng truyền thống lễ nghĩa phong kiến.

Cách làm ghế xếp

Để làm được ghế xếp, trước hết phải lựa chọn được chất liệu gỗ hoàn chỉnh và sáng bóng, dùng gỗ có mẫu, lấy lõi gỗ làm thanh gỗ nổi. Cột ghế lớn 1 thốn, chân

trước có chiều cao 2 thước 1 thốn, chân sau có chiều cao 2 thước 9 thốn 3 phân, mặt ghế có chiều sâu 1 thước 2 thốn 6 phân, rộng 1 thước 6 thốn 7 phân, dày 1 thốn 1 phân, lưng tựa phía trên lớn 5 thốn, phía dưới lớn 6 thốn. Phần mép ghế phía trước lớn 1 thốn 5 phân, dày 4 phân. Các kích thước lớn-nhỏ, dài-ngắn khác đều dựa trên tiêu chuẩn kích thước này.



Cách làm ghế xếp (hình góc)

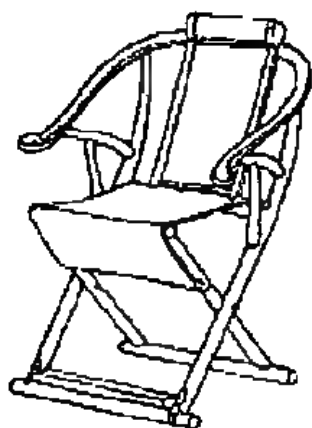
Chiếc ghế mà nhân vật trong tranh đang ngồi chính là chiếc ghế xếp, so với loại ghế da có nệm ghế và lưng tựa vuông góc với nhau, loại ghế này tiện lợi hơn ở chỗ nó có thể gấp lại và xách theo người, vì nó được truyền lại từ người du mục dân tộc Hồ nên có tên gọi là Hồ sàng, mang đậm nét đặc trưng văn hóa của dân tộc Mã Bối ở Tây Vực.

[Giải thích]:

Ghế là dụng cụ xuất hiện ngay từ đời nhà Hán, tên thân của nó là loại ghế xếp (lúc đó được gọi là hồ sàng) được truyền lại từ phương Bắc đời nhà Hán. Sau đời nhà Đường, hồ sàng mới được đổi tên thành ghế.

Vào đời nhà Tống, ghế đã được sử dụng rất phổ biến. Ghế được sử dụng trong cung đều hết sức noa lệ, có hoa văn vẽ bằng sơn màu, kết cấu cũng ngày càng hợp ý. Đời nhà Tống còn lưu hành một loại ghế xếp lưng cuộn. Loại ghế này còn được gọi là “Thái Sư kỷ”. Trong các loại dụng cụ gia đình, đây là loại ghế duy nhất được quan lại đặt tên. Từ “ghế xếp” được đề cập đến ở đây là chỉ loại ghế có 2 chân trước và sau giao nhau, điểm giao tiếp giữa 2 chân chính là trục ghế, khiến ghế có thể xếp lại. Ban đầu, các dân tộc ở phương Bắc sử dụng loại ghế xếp có đặc điểm rất phù hợp với nhu cầu trong cuộc sống du mục của họ.

Vào đời nhà Nguyên, ghế xếp chỉ được sử dụng trong giới có địa vị khá cao hoặc những người giàu có, quyền thế, ghế thường được để trong sảnh đường cho cả khách và chủ nhà sử dụng, phụ nữ và trẻ em chỉ được ngồi loại ghế mặt tròn. Đến đời nhà Minh, ghế đã có hình thức rất phong phú như ghế ngọc, ghế xếp, ghế cuộn, ghế mũ quan, ghế tựa, ghế hoa hồng,

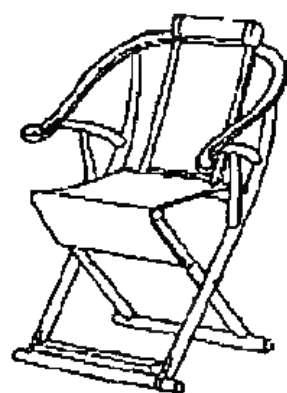


(1)

(1) Ghế xếp Tranh minh họa

(Tuyển từ Dương Huy “Nghệ thuật làm dụng cụ gia đình đời nhà Minh”)

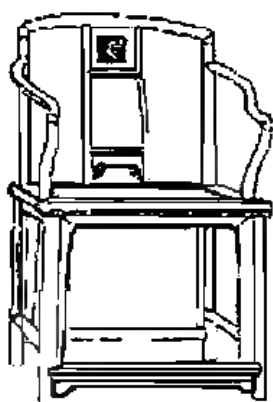
Ghế xếp được bắt nguồn từ thời Linh Đế cuối đời nhà Hán, là chiếc Hồ sàng được truyền lại từ người dân tộc thiểu số ở phương Bắc. 2 chân ghế giao nhau khiến ghế có thể gấp lại nên ghế mới có tên gọi như vậy. Vào thời Nam Tống, ghế đã được chế tạo rất hoàn thiện, vào đời nhà Minh đã được sử dụng phổ biến.



(2)

(2) Ghế có tay vịn hoa hồng Tranh phác họa
Đời nhà Minh

Ghế hoa hồng là một loại ghế tay vịn. Kích thước hơi nhỏ, mặt ghế có hình vuông, có lưng tựa hình vuông và tay vịn thấp. Lưng ghế, tay vịn và mặt ghế đều vuông góc với nhau, phương Bắc gọi là ghế hoa hồng, phương Nam gọi là Văn kỷ.

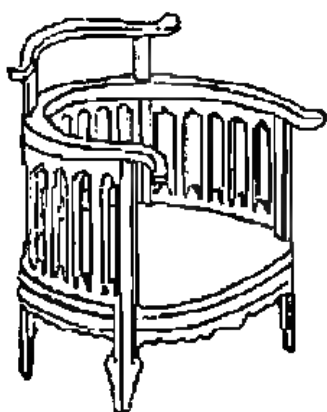


(3)

(3) Ghế Nam quan mao có tay vịn cao

Tranh phác họa Đời nhà Minh

Ghế Nam quan mao (hình mũi quan) là một loại ghế điển hình đời nhà Minh, vì lưng ghế và thanh ngang đỡ đầu tạo thành hình mũi quan nên mới có tên gọi như vậy. Lưng ghế có các loại sáng bong điêu khắc hoa văn.



(4)

(4) Ghế cuốn (ghế tròn) Tranh phác họa Đời nhà Đường

Vì phần đỡ đầu ngang và phần tay vịn tạo thành một đường tròn nên mới có tên gọi như vậy, dân gian còn gọi là 'La quyền kỷ' hoặc 'Vien kỷ', người phương Tây thì gọi là "Mã Chưởng kỷ". Vòng tròn của ghế tạo cho người ta có cảm nhận về sự hài hòa và trang nhã.

Cách làm ghế băng^[1]

Ghế băng thường có chiều cao 1 thước 6 thốn, dày 1 thốn 3 phân, dài 3 thước 8 thốn 5 phân. Đầu ghế thường dài 3 thước 8 phân rưỡi, chân ghế lớn 1 thốn 4 phân, dày 1 thốn 2 phân. Phần mep ghế^[2] lớn 3 thước 7 phân hoặc có thể căn cứ vào kích thước lớn-nhỏ, dày-mỏng của mặt ghế để tạo kích thước cho phù hợp, các bộ phận còn lại cũng cần dựa vào kích thước trên.

[Chú thích]:

[1] Ghế băng. Là một loại ghế dài không có lưng tựa, chỉ được làm bằng một tấm gỗ dày, dài và hẹp.

[2] Mep ghế. Là phần mep ghế nhô ra, có trang trí điêu khắc. Đây là một thuật ngữ từ đời nhà Minh.



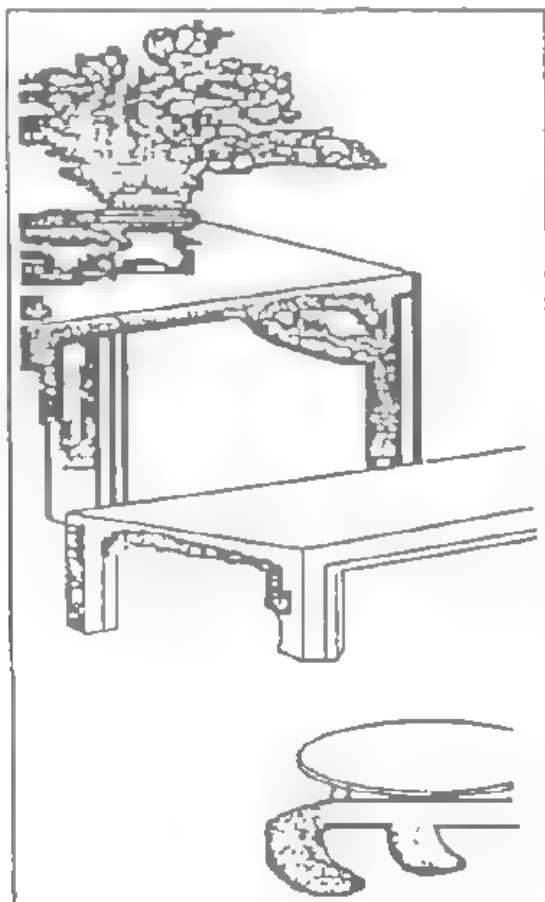
Ghế vuông bằng gỗ Hoàng Hoa Lê

Đời nhà Minh

Ghế vuông có thanh ngang cao, chân ghế cong dần vào phía trong, giống như hình móng ngựa

[Giải thích]

Chiếc ghế vuông ban đầu không có vót chày ở các ghế bằng ngày nay, mà gọt nhẵn một tâm gỗ để chân. Sau đời nhà Thanh chiếc bàn mới trở thành vật được dùng để ngồi. Ghế bằng có 2 ca vót ở 2 đầu vuông và tròn, chính giữa mặt ghế cũng có rất nhiều hoa văn. Sau đời nhà Tống, nguyên liệu và công nghệ làm ghế đều rất tinh tế. Chiếc ghế bằng được đề cập đến ở đây là loại ghế gỗ hình chữ nhật thông dụng.



Cách làm ghế đánh đàn (hình góc)

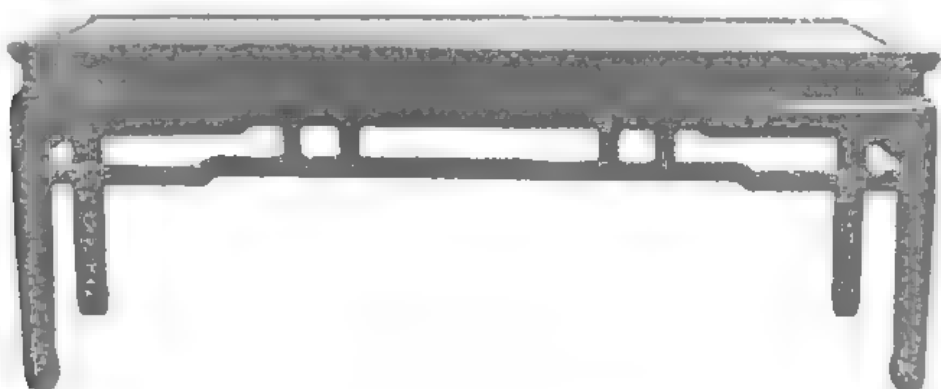
Có rất nhiều tư thế đánh đàn tranh, nhưng nói chung, người ta thường ngồi, đánh đàn, trong trường hợp đặc biệt thì mới đứng. Khi ngồi, người đánh đàn phải ở trong tư thế đoan trang, tinh thần thoải mái, động tác tự nhiên. Vì có nhiều trường phái đánh đàn tranh khác nhau nên vị trí đặt đàn, cách làm giá đỡ và ghế ngồi đánh đàn cũng có nhiều loại khác nhau, phong phú, đa dạng, thay đổi muôn màu.

Cách thức làm ghế đánh đàn⁽¹⁾

Kích thước lớn nhỏ của ghế đánh đàn phải tùy thuộc vào độ rộng-hẹp, nông-sâu của sản dương. Ghế đánh đàn lớn thường có chiều cao 1 thước 7 thốn, mặt ghế dày 3 thốn 5 phân hoặc dày 3 thốn, vì không có lưng tựa nên không thể ngồi tựa ra sau. Ghế có chiều dài 1 thước 3 thước 3 phân, mặt ghế rộng 1 thước 3 thốn 3 phân, chân ghế lớn 7 thốn, có điêu khắc 2 dây hoa văn dạng hoa cỏ. Mẹp ghế 4 thốn 5 phân rưỡi, đầu ghế dài 1 thước 3 thốn 1 phân, phía dưới chân có thể làm 1 tấm đệm nhỏ, tam đem này chỉ có thể làm dày 1 thốn 3 phân, phải trừ đi phần chân ngắn 1 thốn 3 phân cho cân đối. Hoặc cũng có thể làm ghế có lưng tựa, kích thước cũng giống vậy, nhưng lưng tựa chỉ cao 1 thước 4 thốn, như vậy thì phần giá gỗ nhỏ chỉ làm lớn 1 thốn 2 phân, dày 1 thước 5 phân. Có thể vẽ hình đàn cơ hoặc vẽ hình kiến trúc, hoa văn điêu khắc cũng phải căn cứ vào những kích thước trên. Kích thước ghế không điêu khắc hoa văn cũng như vậy. Các kích thước ngắn dài, rộng hẹp còn lại cũng phải cân nhắc và xác định dựa trên tiêu chuẩn kích thước trên.

[Chú thích]:

[1] Ghế đánh đàn là một loại ghế ngồi hình chữ nhật, chân thấp, mặt rộng, có hình dạng giống một chiếc đàn cổ.



Ghế bằng làm bằng gỗ sồi Đời nhà Minh

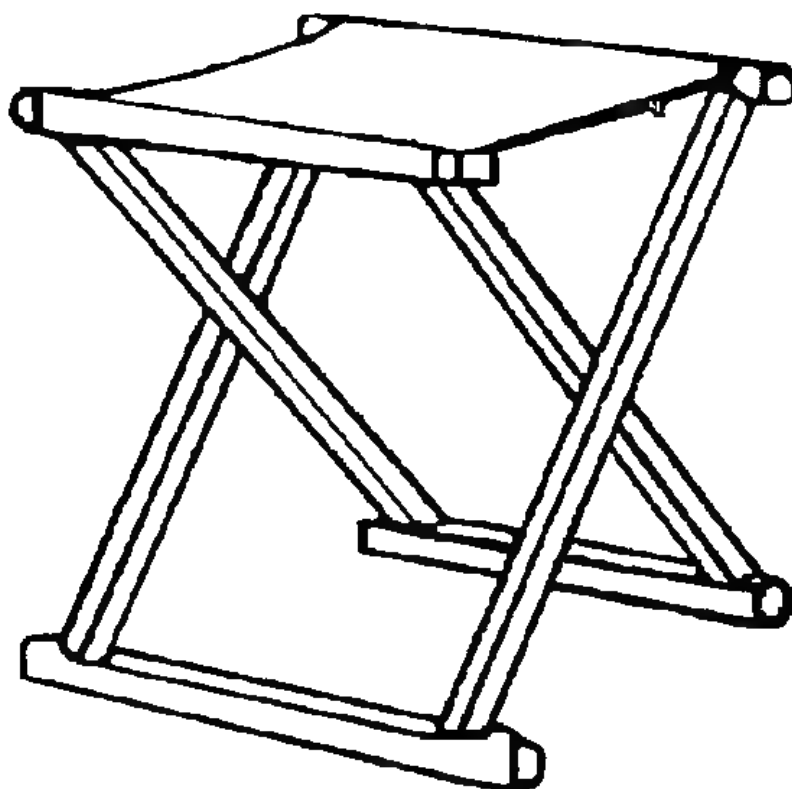
Loại ghế này có thanh ngang toàn bộ ghế đều không có phần trang trí tại lư và mẩu sắc đều đơn giản, mộc mạc.

Cách làm ghế con⁽¹⁾

Mặt ghế có chiều dài là 1 thước 2 thốn, rộng 9 thốn hoặc 8 thốn, cao 1 thước 6 thốn, đầu ghế nhô ra 1 thốn 6 phân, vẽ lỗ mộng trên chân ghế, đường kính lớn 1 thốn 4 phân, mặt ghế được làm bằng 1 tấm gỗ nghiêng có độ dày 6 phân rưỡi làm 1 tấm chân dày 1 thốn 1 phân, vẽ đường kiếm lưng, mẹp ghế 3 thốn 5 phân.

[Chú thích]:

[1] Ghế con Ghế nhỏ và thấp Ghế con thời xưa là một loại ghế thấp, làm bằng loại gỗ chưa được mài nhẵn bóng và không phải là một vật dụng chính thức để ngồi. Sau đời nhà Tống, nó mới dần dần trở thành vật dụng để ngồi chính.



Ghế con Tranh phác họa Đời nhà Minh

Thời xưa, ghế con được gọi là “cây không cành” sau này những chiếc ghế nhỏ và thấp được gọi là ghế con và được dùng để ngồi chơi, đây đã được ghi chép ngay từ đời nhà Tống, muộn nhất là đời nhà Đường nó đã được xuất hiện

Bàn⁽¹⁾

Bàn có chiều cao 2 thước 5 thốn, độ dài ngắn, rộng hẹp của bàn phải tùy thuộc vào kích thước lớn nhỏ của mặt bàn. Mặt bên của bàn đều được đục 2 lỗ để lắp ngăn kéo phía dưới, ngăn kéo thường làm sâu 6 thốn hoặc 5 thốn. Có loại bàn được chia thành 3 lỗ. Tám gỗ nối dưới chân lớn bằng chân bàn, dày 1 thốn 4 phân, cao 5 thốn, mặt cắt của chân bàn lớn 1 thốn 6 phân.

[Chú thích]:

[1] Bàn: Phía dưới mặt bàn hình vuông là 4 chiếc chân bàn hình vuông.



Bàn nhỏ trên giường sượt, có thanh ngang, được điêu khắc hoa văn, làm bằng gỗ Hoàng Hoa Le

Đời nhà Minh

Bàn trên giường sượt là một trong những loại bàn điển hình đời nhà Minh, thích hợp sử dụng trên giường sượt. Phần nổi ngang giữa 2 chân bàn được điêu khắc bằng hoa văn hình rồng. Đoạn trên của chân bàn lộ rõ, đoạn dưới tạo thành đường cong 3 khúc, phần dưới cùng kết thúc bằng một nửa cầu công nghệ độc đáo, giàu tính trang trí.

[Giải thích]:

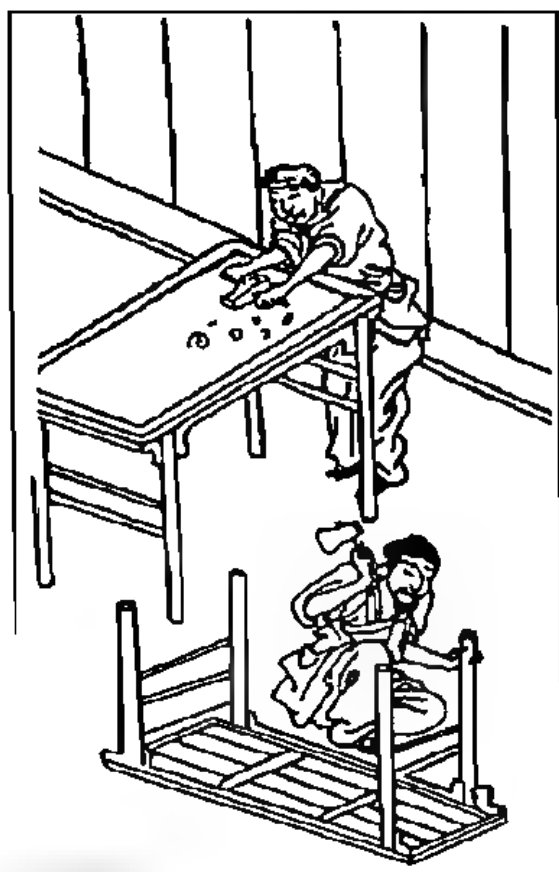
Cho tới ngày nay, người ta vẫn chưa kết luận được hình thức của bàn xuất xứ từ khi nào. Bàn có rất nhiều hình thức khác nhau, trong đó bao gồm bàn để trên giường sượt, bàn uống rượu, bàn nửa (kích thước bằng 1/2 của bàn Bát Tiên, bàn vuông, bàn tròn, bàn dài, bàn sách, bàn hình chữ nhật, bàn cúng lễ, bàn gấp, bàn dán dán, bàn chơi cờ, bàn 3 ngăn kéo, bàn hình bàn nguyệt, ...)

Bàn trên giường sượt là loại bàn có hình dáng thấp, được sử dụng trên giường sượt, thường được đặt giữa giường sượt và giường thông thường.

Bàn rượu và bàn nửa là 2 loại bàn nhỏ hình chữ nhật. Bàn rượu được kế thừa từ Ngủ Đại và thời Bắc Tống, thường được dùng trong các buổi tiệc rượu. Mép bàn thường có đường ngăn nước, bàn nửa có kích thước tương đương với 1/2 kích thước bàn Bát Tiên nên mỗi khi bàn Bát Tiên không đủ dùng, người ta thường nối bàn nửa vào để dùng chung, vì vậy bàn nửa còn có tên gọi là “bàn tiếp”.

Bàn vuông là một loại dụng cụ gia đình được sử dụng khá phổ biến, được chia thành bàn “Bát Tiên”, bàn “Lục Tiên” và bàn “Tứ Tiên”.

Bàn sách là loại bàn có hình chữ nhật, có kích thước khá rộng. Loại bàn sách cơ nhỏ cũng phải lớn ngang với bàn nửa. Kết cấu và hình thức của loại bàn này thường giống với loại bàn dài nhưng mặt bàn rộng hơn. Bàn sách nói chung đều có ngăn kéo, bàn vẽ thì không có ngăn kéo.



Hình minh họa chế tạo bàn (hình gốc)



Cách làm bàn án (hình gốc)

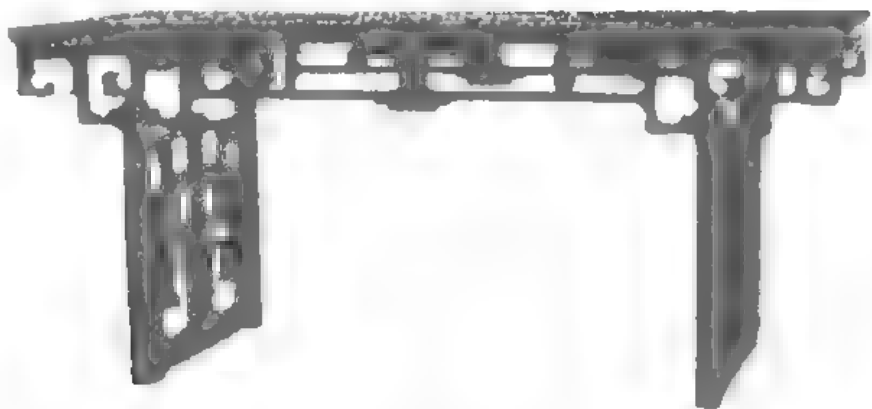
Dụng cụ gia đình truyền thống của Trung Quốc trải qua một quá trình diễn biến trong thời kỳ Ngũ đại (từ đời Ngũ Tấn đến đời nhà Đường), rồi tiếp đến đời nhà Tống nó đã có xu hướng được định hình sau đó lại thông qua sự phát triển thời Lý Tống và đời nhà Nguyên đến đời nhà Minh thì bắt đầu đi vào thời kỳ hoàn thiện. Dụng cụ gia đình truyền thống lúc này không những có sự đột phá rất lớn so với những đời trước về mặt tạo hình mà cả trên những phương diện như chất liệu, kết cấu và kích thước, quy cách thích ứng với nhu cầu cuộc sống của con người cũng đều có yêu cầu rất nghiêm ngặt, hình thức và tỷ lệ đều không được thay đổi một cách tùy tiện. Chiếc bàn trong hình vẽ là bàn án thường được đặt ở quan phủ công đường.

Cách làm bàn án⁽¹⁾

Bàn án có chiều cao 2 thước 5 thốn, độ ngắn-dài, rộng-hẹp của bàn tùy thuộc vào độ lớn nhỏ của mặt bàn. Mặt bên của bàn đều được chia 2 lỗ để lắp ngăn kéo ở phía dưới bàn, ngăn kéo có thể làm sâu 6 thốn hoặc 5 thốn, cũng có loại chia 3 lỗ. Làm 1 tấm gỗ để chân, lớn bằng chân bàn, dày 1 thốn 4 phân, cao 5 thốn. Mặt cắt của chân bàn lớn 1 thốn 6 phân.

Chú thích]:

[1] Bàn án: Là một loại bàn có hình chữ nhật.



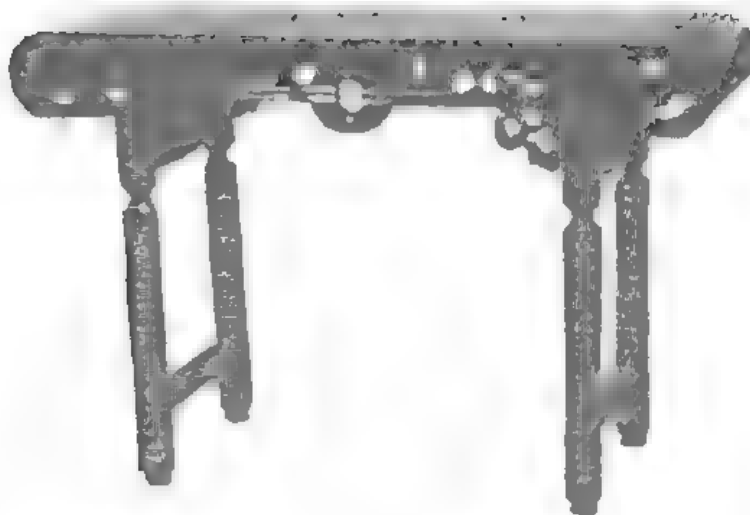
(1), Thư án lớn đang bán thơ làm bằng gỗ gụ Đờn nhà Thanh

Phần nẹp bàn nhỏ của thư án có phong cách giống với 2 tấm ván 2 bên, dựa vào những hình học cầu ngược trên không, kỹ thuật tinh tế, tạo hình độc đáo là sản phẩm đặc biệt nhất trong các loại thư án được chế tạo bằng gỗ gụ đời nhà Thanh



(2) Bàn Bạt Tiên mặt đá Đại Ly gỗ Hoa Le Đờn nhà Thanh

Tủ đựng thực ăn là loa, tủ hình chữ nhật, cạnh có một số tảng quai xách giống với loa, tương xứng lớn (xem phần trên) dùng để đựng thực ăn, 1 người cũng có thể kê lưng dựa



(3) Bàn đánh đàn gỗ gu đang cuộn xương dưới Đơn nhá Thanh

Bàn đánh đàn là loại bàn có chân dùng đàn và trục đàn là một trục, nhưng loại đàn này là gu đình, ông Lo Chấn, đơn nhá Thanh có thể dùng để trưng bày đàn theo xưa. Loại bàn này có 2 cạnh của mặt bàn uốn vào trong phía chân, phía khác hoa văn hình rồng hoặc hổ, nếp phía dưới mặt bàn theo trang trí bằng 1 viên ngọc bích. Từ trên đi xuống lên tới 1/3 của bàn uốn một chiếc vào phía trong tạo cần, góc nhỏ nhọn và gọn gàng.



(4) Bàn hình bán nguyệt bằng gỗ gu có điêu khắc hoa văn hình mây Đơn nhá Thanh

Mặt bàn được làm bằng 1 tấm gỗ nguyên có phần thắt ở ngang bàn. Chân bàn được uốn vào với bàn bằng 10 ngón phần giữa chân bàn được trang trí bằng hoa văn hình mây. Phần giữa và phần dưới của chân bàn đều được choét thành dạng mây vờn được sử dụng trong các gia đình nhà quý tộc nhà Thanh.

[Giải thích]:

‘An’ vốn có nghĩa là đồ dụng thức ăn thời xưa, có dạng hình cá đĩa. Trong cuốn ‘cập tu tiên’ có ghi: “Vô tức viết bàn, hữu tức viết án, sở dĩ trừ cử thực dã” vào thời, Chấn Quốc và thời Lương Hán, ‘an’ thường được làm bằng chất liệu gỗ, phía trên có trang trí hoa văn màu. ‘An’ còn được dùng để chỉ một loại vật dụng đã và nay, dùng để đặt đồ vật, như bàn thờ, bàn bưng đồ ăn, v.v. những ý nghĩa như vậy, ‘An’ có công dụng giống như một cái bàn.

Thời xưa có rất nhiều loại nguyên liệu dùng để chế tạo ra ‘an’, có an bằng sứ, an bằng gỗ, an bằng đồng, v.v. Nếu chia an theo chủng loại, thì an có các loại như thực an, thư án, đầu an, v.v.

Bàn Bát Tiên^[1]

Bàn Bát Tiên có chiều cao 2 thước 5 thốn, chiều dài 3 thước 3 thốn, rộng 2 thước 4 thốn, chân bàn lớn 1 thốn 5 phân. Nếu cần làm rãnh tròn để đặt lư hương thì tầng dưới phải có chiều cao 4 thốn 7 phân, diện tích ở giữa là 9 thốn 8 phân, phải làm chính xác, không được để sai sót, độ khoét và khắc gỗ lớn 3 thốn 7 phân, mặt cắt trên chân bàn 2 phân, vẽ dây mực khung bàn lớn 2 thốn 4 phân, dày 1 thốn 2 phân. Thời nay nếu làm bàn Bát Tiên theo đúng kích thước này thì sẽ không thể có chút sai sót nào.

[Chú thích]:

[1] Bàn Bát Tiên là loại bàn vuông có mặt bàn khá rộng, mỗi bên có thể ngồi 2 người, 4 bên có thể ngồi 8 người.



Bàn vuông cạnh tròn gỗ Hoàng Hoa Lã

Thời nhà Minh



Bàn nửa dưng đầu cùng gỗ Hoàng Hoa Lê – Đời nhà Minh

Bàn nửa là một nửa của bàn vuông. Loại bàn này được sơn màu đen, người dân ở giữa và cuối đời nhà Thanh rất chuộng bát màu rêu tím, nhưng gia để sơn màu này thì khá đắt vì vậy người ta thường nhuộm thành màu sẫm.



Bàn dài gỗ Hoàng Hoa Lê – Đời nhà Minh

Phần trên của loại bàn này làm theo kiểu thắt eo cao, phía dưới làm bằng tám gỗ thanh, Hai đầu mẹp bàn dùng mộng lồi đan vào nhau để nối với chân bàn tạo thành kết cấu miêng ám, Bốn chân để làm theo kiểu mìnng ngựa quặp vào phía trong, tăng thêm cảm giác chắc chắn cho chiếc bàn

Cách làm bàn đánh đàn⁽¹⁾ loại nhỏ.

Loại bàn này có chiều dài 2 thước 3 thốn, rộng 1 thước 3 thốn, cao 2 thước 3 thốn. Mặt cắt chân bàn lớn 1 thốn 8 phân, mặt cắt phần dưới chân bàn là 1 thốn 2 phân, dày 1 thốn 1 phân, làm chân bàn phải bào và khắc gỗ lớn 2 thốn, độ dốc là 6 phân. Bàn đánh đàn cỡ lớn phải làm kích thước dài, giống với bàn hình chữ nhật.

[Chú thích]:

[1] Bàn đánh đàn. Giống bàn cũng lễ, nhưng hơi thấp và nhỏ thường được đặt ở sát tường, chỉ có tác dụng trưng bày đàn, vì vậy có khá nhiều kiểu dáng, lại được nghiên cứu kỹ lưỡng, thể hiện được nét thú vị và thanh nhã.

Cách làm bàn tròn⁽¹⁾

Bàn tròn có đường kính 3 thước 8 phân, cao 2 thước 4 thốn 5 phân. Mặt bàn dày 1 thốn 2 phân, dùng 2 tấm gỗ nửa hình tròn ghép vào nhau, mỗi tấm nửa đó có 4 chân, trong đó 2 chân khá lớn, 2 chân còn lại nhỏ hơn một chút, làm bằng 2 tấm gỗ dài⁽²⁾. Mặt cắt của mỗi chân bàn lớn 1 thốn 8 phân, dày 1 thốn 4 phân, 4 phía xung quanh phải làm 3 đường uốn. Phần còn lại sẽ sắp xếp theo những kích thước như trên.

[Chú thích]:

[1] Bàn tròn. Là loại bàn có mặt bàn hình tròn, thường có 6 chân, cũng có loại do đường kính nhỏ nên chỉ lắp 5 chân. Sau thời kỳ giữa đời nhà Thanh, bàn tròn thường có kích thước khá lớn, có loại có thể chứa được 10 người ngồi xung quanh, chân bàn khá thô, vì vậy được gọi là “chân trâu”.

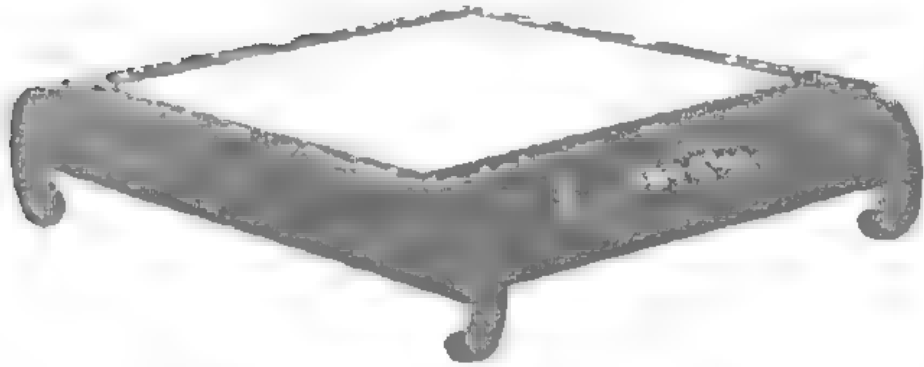
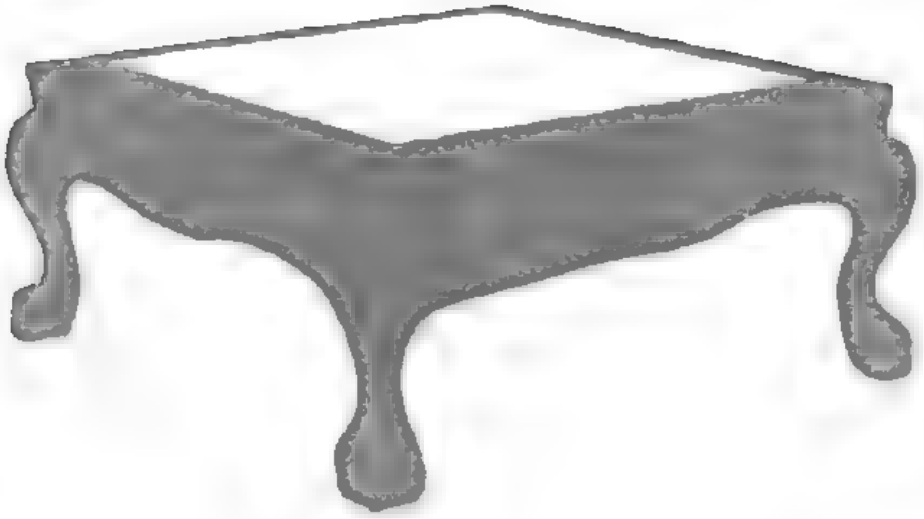
[2] Tấm gỗ dài. Nghĩa gốc là ở vương được điêu khắc hoa văn trên cửa sổ hoặc lan can, ở đây có nghĩa là tấm gỗ dài.

Cách làm bàn hình chữ nhật⁽¹⁾

Bàn hình chữ nhật có chiều cao 2 thước 5 thốn, dài 2 thước 6 thốn 4 phân, rộng 1 thước 6 thốn. Phần trên làm thành 1 thốn 5 phân, như vậy mới có thể ghép các tấm gỗ. Làm hoa giống kiểu bàn Bát Tiên, lớn 3 thốn 5 phân. Đầu bàn có chiều dài 3 thốn 5 phân, viền 1 thốn 9 phân, dày 1 thốn 2 phân, làm điểm gập dưới khung bàn lớn 8 phân, dày 5 phân.

[Chú thích]:

[1] Bàn hình chữ nhật. Bàn dài



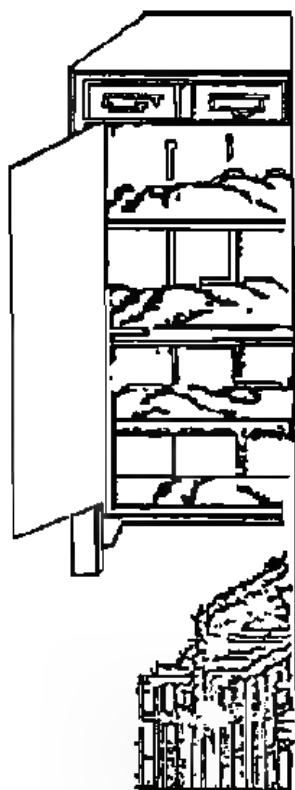
Bàn gỗ mặt đá điêu khắc hoa văn hình mây, chân hình ốc, làm bằng gỗ Thiệt Lức

Thời nhà Thanh

Bàn gỗ ở đây là loại bàn dùng để đánh cờ vậy thì tương tự như bàn vuông trên mặt bàn được khắc hình hoa văn hình mây, chân hình ốc, làm bằng gỗ Thiệt Lức (một loại gỗ cứng chắc như sắt), mặt bàn gỗ được làm bằng đá.

Cách làm bàn gấp

Khung bàn gấp dày 1 thốn 3 phân, lớn 2 thốn 2 phân. Nếu chân khung làm khá thô thi có chiều cao 2 thước 3 thốn 7 phân, mặt cái lớn 1 thốn 6 phân, nếu chân khung làm nhỏ, kích thước phải giảm đi một chút. Chân bao có chiều dài 5 thốn 7 phân, dày 1 thốn 1 phân, lớn 2 thốn 3 phân, điêu khắc 2 đường, vẽ 2 rãnh. Mỗi chân lắp 2 mộng, lỗ mộng được đục trên chân bao, như vậy bàn mới có thể cố định, không bị trơn trượt.



Tủ đựng thức ăn

Tủ đựng thức ăn là loại tủ hình chữ nhật, cũng có một số tầng quay xách, giống với loại thùng không lớn (xem phần trên), dùng để đựng thức ăn, 1 người cũng có thể khênh được.

Cách làm bàn vuông hình bàn cờ⁽¹⁾

Bàn có chiều dài và rộng là 2 thước 9 thốn 3 phân, chân có chiều cao 2 thước 5 thốn, mặt cắt lớn 1 thốn 5 phân, khung bàn dày 1 thốn 2 phân, lớn 2 thốn 4 phân. Bốn “Thôn Đầu”⁽²⁾ của 4 răng, mỗi đầu dài 7 thốn, lớn 1 thốn 9 phân, phần giữa làm chân có đai tròn hoặc vẽ hình một nhân vật nổi tiếng.

[Chú thích]:

[1] Bàn vuông hình bàn cờ: Bàn cờ thường có 2 loại là hình vuông và hình chữ nhật, trên mặt bàn có khắc hình bàn cờ, 2 cạnh bên đối diện có hộp đựng quân cờ.

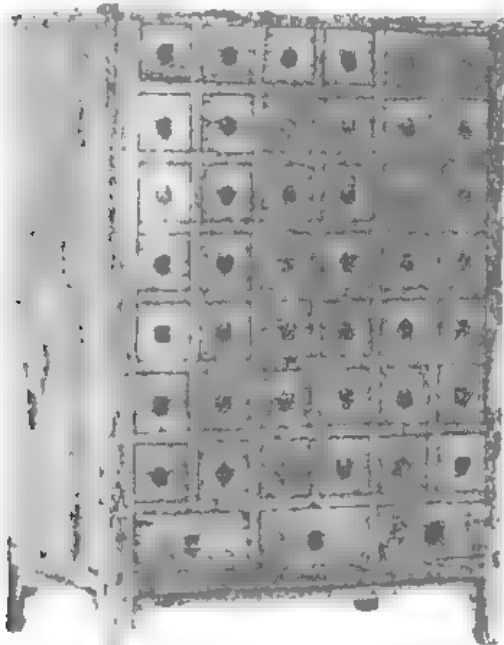
[2] “Thôn Đầu”: Chi tiết bằng gỗ hình rồng. Theo tương truyền từ thời xưa, rồng sinh 9 con, trong đó, con hung ác nhất có tên là “Thôn Đầu”.

2. NHỮNG LOẠI ĐỒ DÙNG CÓ CÔNG DỤNG KHÁC

Cách làm tủ đựng thức ăn⁽¹⁾

Tủ đựng thức ăn có 2 cột trụ, chiều cao là 2 thước 2 thốn 3 phân (trong đó bao gồm cả “tĩnh bình đầu” (xem giải thích phần trên), mặt cắt lớn 1 thốn 1 phân, dày 8 phân. Tay xách có kích thước dày 2 thốn 9 phân, đoạn thẳng đứng dài 1 thước 6 thốn 1 phân, đoạn nằm ngang rộng 9 thốn 6 phân. Ngăn kéo tầng dưới cao 5 thốn 4

phân, ngăn kéo tầng thứ 2 cao 3 thôn 5 phân, ngăn kéo tầng thứ 3 cao 3 thôn 4 phân. Nắp đáy của nó có chiều cao 2 thôn, ván đáy 3 phân rưỡi. Cửa bên trong lớn 8 phân, dày 3 phân. Giá đỡ lớn 2 thôn, dày 8 phân. Chân chèo có chiều cao 1 thước 5 thôn 3 phân lớn 3 thôn 2 phân. Kích thước lớn nhỏ của các chi tiết cấu tạo khác phải căn cứ vào đường vẽ đây mực của kích thước trên.

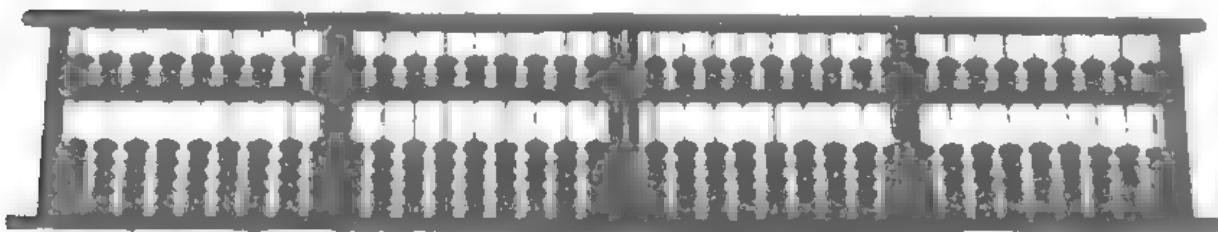


Tủ thuốc đất dưới đất Đền nhà Thanh

Tủ thuốc là loại tủ đựng các loại thuốc và dụng cụ y tế. Tủ thuốc trong hình vẽ bên bao gồm rất nhiều tầng, mỗi tầng đều được làm thành dạng ngăn kéo, trên mỗi ngăn kéo đều có 1 tay kéo bằng đồng. Phong cách đơn giản và trang nhã.

[Chú thích]:

[1] Tủ đựng thức ăn. Có hình thức gần giống với trung khiêng, nhưng kích thước nhỏ hơn nhiều, là loại hộp, hộp tầng dùng để đựng thức ăn, có tay xách, có thể mang theo người.



Bàn tính cỡ lớn bằng gỗ Hoàng Hoa Lê Đền nhà Minh

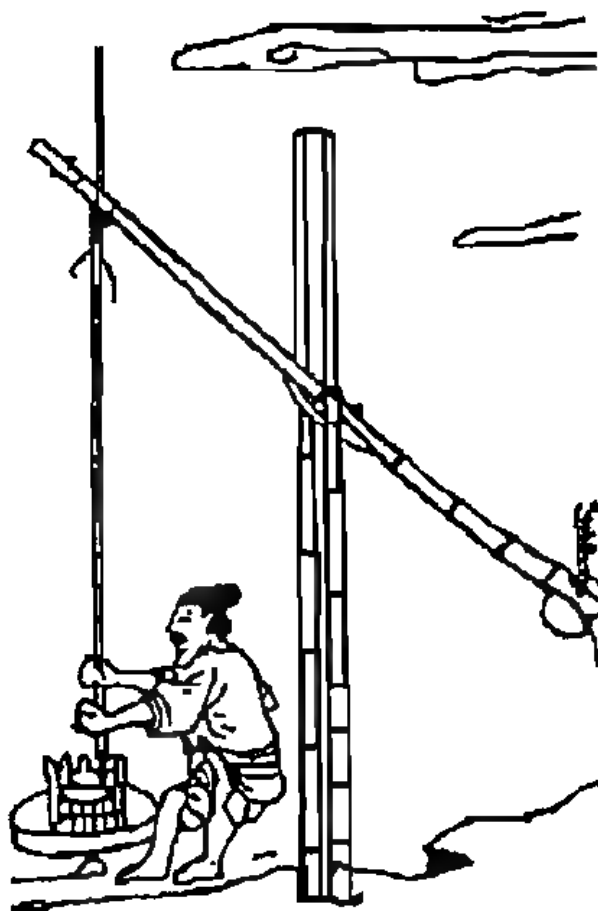
Bàn tính là công cụ tính toán được phát minh từ thời cổ đại của Trung Quốc. Vì đơn giản và dễ học, tính toán trên bàn tính nên từ đời nhà Nguyên và nhà Minh, nó đã dần dần trở thành công cụ tính toán chính thức và được truyền bá các nước Đông Á. Khung bàn tính này được làm bằng gỗ Hoàng Hoa Lê, mỗi khung có 9 cột tính, được sử dụng cho các thương gia làm ăn lớn.

Cách làm biển quảng cáo⁽¹⁾

Biển quảng cáo cỡ lớn có thể cao tới 6 thước 5 thốn rộng 8 thốn 3 phân; Biển quảng cáo cỡ nhỏ cao 3 thước 2 thốn, rộng 5 thốn 5 phân

[Chú thích]:

[1] Biển quảng cáo La loại biển được treo trước các cửa hàng để quảng cáo hàng hóa trong cửa hàng.



Tranh mô tả cảnh lấy nước bằng cần kéo nước trong cuốn "Thiên công khai vật"

Tranh minh họa

Cần kéo nước được làm bằng cách nối 2 cột tre lớn, nhỏ lại với nhau, đoạn giữa của cột tre lớn được buộc vào một chiếc thang tre làm đòn bẩy, đầu phía dưới được buộc cố định. Cột tre nhỏ hơn 1 đầu buộc vào đầu trên của cột tre lớn, đầu còn lại là 1 thùng nước. Cách làm này dựa trên nguyên lý tạo áp lực lên cột tre lớn buộc trên thang tre rồi đưa vào lực đó để lấy nước từ dưới giếng lên. Khi thả lỏng cột tre lớn, cột tre nhỏ sẽ được hạ thấp, thùng lấy nước lại rơi xuống giếng. Hình vẽ trên mô tả cảnh lấy nước bằng cần kéo nước của người xưa.

Cách làm ghế ngồi tắm rửa.

Ghế ngồi tắm rửa thường dài 2 thước 1 thốn rộng 3 thốn, dày 5 phân, 4 phía xung quanh có vẽ đường kiếm lượn.

Tủ thuốc⁽¹⁾

Tủ thuốc có chiều cao 5 thước, lớn 1 thước 7 thốn, dài 6 thước, đều được đục 2 lỗ để làm ngan keo. Mỗi tầng lớn 5 thốn, tổng cộng được chia thành 7 tầng, ngan keo của mỗi tầng có 2 cửa, tổng cộng có 4 cánh, mỗi bên 2 cánh. Mặt cắt của chân tủ lớn 1 thốn 5 phân, mặt cắt của khung cửa lớn 1 thốn 6 phân, dày 1 thốn 1 phân, tấm ván làm ngan kéo dày 4 phân.

[Chú thích]:

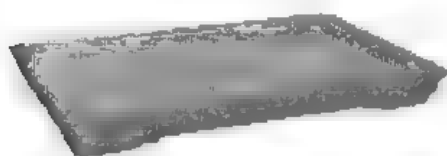
[1] Tủ thuốc Tủ chuyên tích trữ các loại thuốc, có 2 cửa, mỗi cửa 2 cánh, tổng cộng 4 cánh, thân tủ đều được lắp các lớp ngan kéo để đựng thuốc

Cách làm bàn tính⁽¹⁾

Bàn tính thường có chiều dài 1 thước 2 thốn, rộng 4 thốn 2 phân, khung dày 6 phân, lớn 9 phân. Trục thẳng phía trên vì phải lắp 2 hạt tính nên có chiều dài là 1 thốn 1 phân, trục thẳng phía dưới vì phải lắp 5 hạt tính nên có chiều dài là 3 thốn 1 phân. Đô lớn-nhỏ, ngắn-dài của bàn tính tùy thuộc vào đô lớn nhỏ của hạt tính

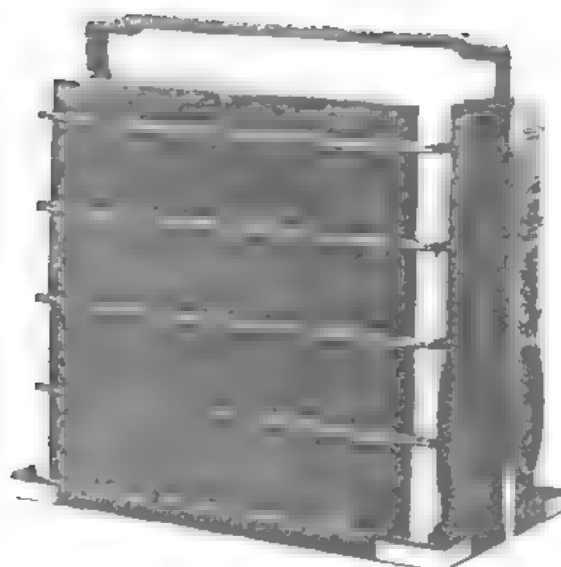
[Chú thích]:

[1] Bàn tính Công cụ tính toán bằng các hạt tính. Bàn tính thường có hình chữ nhật, 4 phía xung quanh là khung gỗ, bên trong là những trục thẳng xuyên suốt. Ở giữa có 1 thanh ngang, mỗi cột trên thanh ngang có 2 hạt tính, mỗi hạt được coi là số "5". Mỗi cột dưới thanh ngang có 5 hạt tính, mỗi hạt được coi là số "1". Khi tính toán, trước tiên vẫn cố định vị trí bàn tính, sau đó, di chuyển hạt tính để làm phép tính



Khay (mâm) làm bằng gỗ Hoàng Hoa Lê

Khay (mâm) là loại vật dụng dùng để đựng thức ăn và bát, đĩa,... thời xưa, thường được làm bằng gỗ, có hình chữ nhật. Chiếc khay trong hình vẽ bên được làm bằng gỗ Hoàng Hoa Lê, phong cách đơn giản, màu tối.



**Vali xách tay 4 tầng làm bằng gỗ Hoàng Hoa Lê
Đời nhà Thanh**

Vali xách tay có tất cả 4 tầng, 2 phía của vali có đục lỗ thông suốt, dùng 1 thanh đồng xuyên ngang qua, làm như vậy không nhường tạo cho vali có vẻ tinh tế mà còn chắc chắn, trở thành một vật dùng có tính bền trong cuộc sống

Cách làm khay^[1] đựng trà

Khay đựng trà cỡ lớn thường có chiều dài 1 thước 5 thốn 5 phân, rộng 9 thốn 5 phân 4. Khung có chiều cao 1 thốn 9 phân, làm dương viền mép dày 3 phân rưỡi, đế dày 3 phân. Có loại khay làm thanh dạng mặt nghiêng, lớn bằng chiếc đĩa, nghiêng 2 phân 8 ly, đế được đóng cố định bằng đinh sắt, kích thước đế cũng được tăng giảm theo kích thước chuẩn này, không được để sai sót. Có loại khay làm thành dạng 8 góc, mỗi bên dài 3 thốn 3 phân, lớn 1 thốn 6 phân, dày 3 phân, tổng cộng có 8 bên mỗi bên làm nghiêng 2 phân rưỡi, ở giữa có 1 lỗ tròn, lỗ tròn ghép với tán đinh ri-vê.

[Chú thích]:

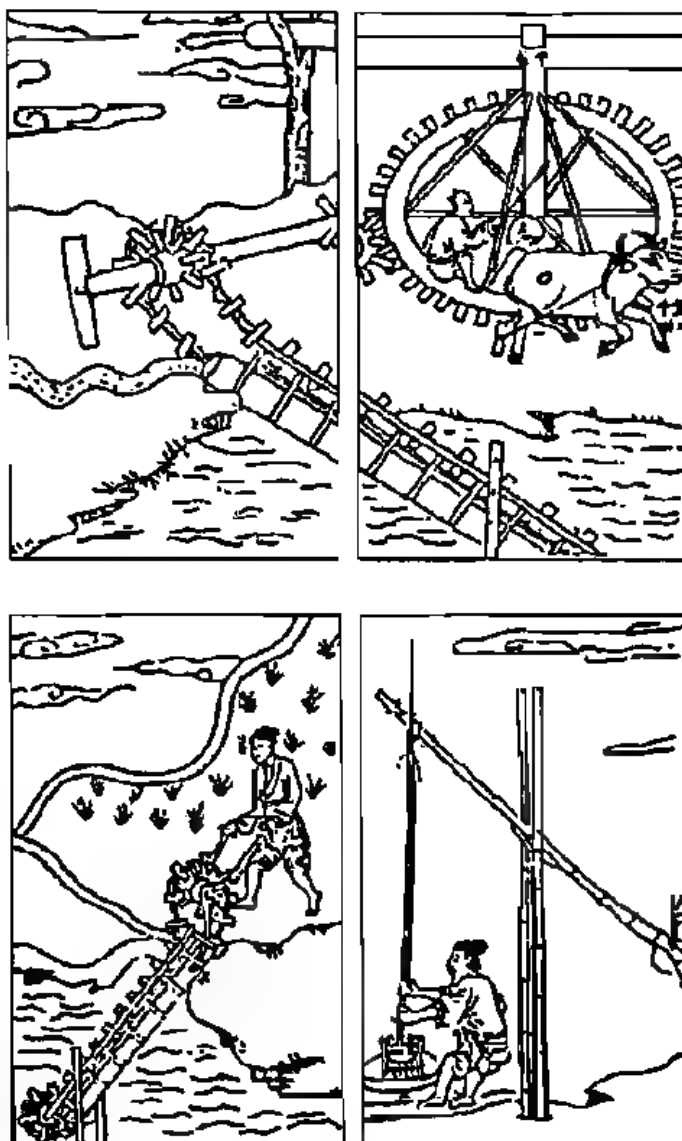
[1] Khay (mâm, Đồ đựng bát đĩa, thường có hình chữ nhật và được làm bằng gỗ

Cách làm guồng lấy nước bằng tay^[1]

Cách làm guồng lấy nước bằng tay cũng giống với cách làm guồng đập nước, chỉ có điều nhỏ hơn một chút, phía trên có lắp 1 thùng chứa nước dài 7 thước hoặc 6 thước, chiều cao 4 thốn, thanh ngang nhỏ phía trên mặt thùng cao 9 thốn. Đầu guồng nước dùng 2 tấm gỗ long náo lớn 2 thốn rưỡi, gầu đặt trên thùng nước, trên bánh xe có 8 rãnh gỗ hút nước, mỗi rãnh dài 2 thốn, guồng nước dài 2 thước 3 thốn. Các chi tiết còn lại được làm theo kích thước của guồng đập nước, chỉ có điều, ngắn hơn một chút.

[Chú thích]:

[1] **Guồng lấy nước bằng tay:** Guồng nước dùng lực của tay để lấy nước. Guồng nước. Là một công cụ lấy nước lợi dụng dây curoa có tấm quạt nước hoặc tuabin có rãnh hút nước để đưa nước từ một điểm thấp lên một điểm cao thường dùng sức người, gia súc hay sức nước để tác động làm bánh xe xoay tròn lấy nước tưới tiêu đồng ruộng hoặc hút nước ngập úng trong đồng ruộng.



Dùng guồng nước để tưới tiêu Tranh minh họa trong cuốn “Thiên công khai vật”

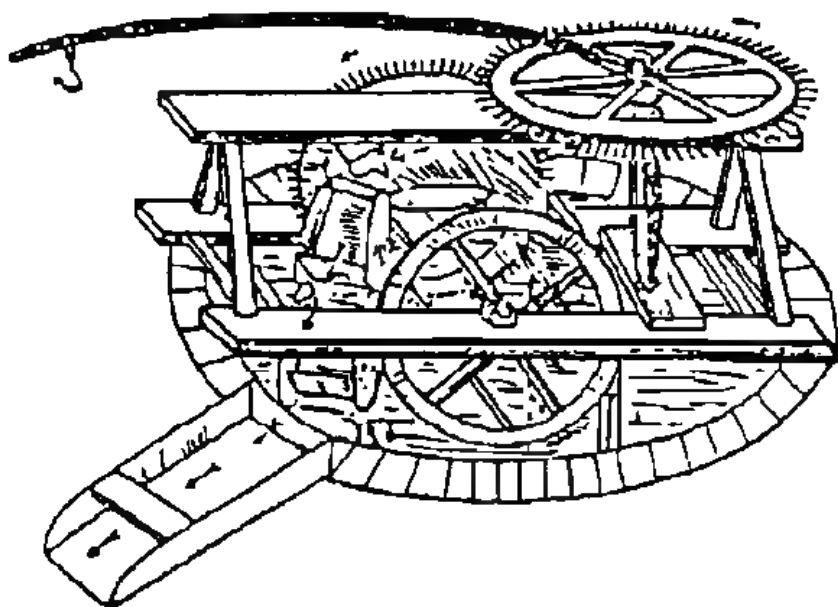
Thời xưa khi tưới tiêu đồng ruộng, người ta thường sử dụng loại guồng nước “xương rồng” có bộ phận lấy nước bằng gỗ. Loại guồng nước này được làm bằng một chổi (nùi) cao su và 1 vòng dây curoa lớn, thường được dặt cạnh sông hồ. Phần dưới của chổi cao su được dặt ngập vào trong nước, lợi dụng nguyên lý truyền động của vòng dây curoa, thêm vào đó là sức người (gia súc) dùng để kéo cho dây xích bằng gỗ chuyển động. Chổi cao su lắp trên đoạn xích gỗ sẽ có thể đưa nước từ sông hồ lên tưới tiêu đồng ruộng. Hình vẽ trên mô tả cảnh dùng sức người và sức trâu để tác động làm chuyển động xích gỗ, lấy nước sông hồ lên tưới tiêu đồng ruộng.

Cách làm guồng đập nước¹⁾

Guồng đập nước 4 người có thanh ngang dài 8 thước 5 thốn, ở giữa hình vuông, hai đầu hình tròn. Nếu không kể phần giữa, rãnh guồng sẽ rộng 7 thốn, để làm rãnh guồng phải dùng 8 tấm gỗ, chia vị trí đứng cho 4 người, mỗi vị trí được làm bằng 1 thanh gỗ đặt nằm ngang theo hình chữ Thiên, dài 1 thước 3 thốn 5 phân. Trên tấm gỗ nhỏ đặt nằm ngang lắp 1 trục nhỏ hình tròn hoặc hình vuông, lớn 2 thốn 6 phân, dài 3 thốn 2 phân. Giá đỡ 2 bên cao 5 thước 5 thốn, mặt cắt của cột lớn 2 thốn 5 phân, làm tấm đập chân dài 1 thước 6 thốn, lớn 1 thước, dày 3 thốn, như vậy mới được chắc chắn. Thùng nước trên guồng nước dài 1 trượng 2 thước, tấm gỗ làm thùng nước rộng 8 thốn, dày 5 phân. Tấm dính nhỏ có chiều cao 1 thước 4 thốn, tổng cộng có 48 tấm, diện tích lớn 7 phân; Lắp 1 thanh ngang trên mặt guồng lớn 1 thốn 6 phân, dày 9 phân, dài ngang với thùng nước. Đáy guồng nước lớn 4 thốn, dày 8 phân. Ở giữa làm 1 cái lõi rỗng dài bằng thùng nước, lớn 3 thốn, dày 4 phân. Phía dưới có lắp tấm hình tròn hoặc hình vuông lớn 3 thốn, dài 5 thốn; Tấm lọc cũng có 8 tấm, có chiều dài 8 thốn, lớn 1 thốn 2 phân, một nửa là hình vuông, nửa còn lại là tấm gỗ mỏng 4 phân, làm tấm trụ

[Chú thích]:

[1] Guồng đập nước. Guồng nước dùng lực của chân tác động làm quay guồng nước

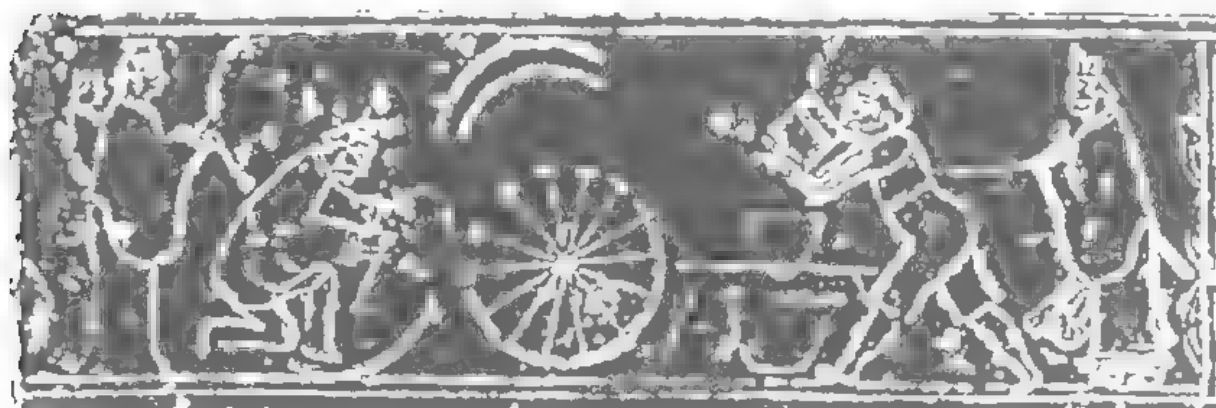


Guồng nước có gầu múc bằng gỗ

Guồng nước có gầu múc bằng gỗ là một công cụ lấy nước từ dưới giếng. Loại guồng nước này dùng gầu múc bằng gỗ thay cho tấm quạt nước, tất cả các gầu múc đều được nối liền với nhau, lắp trên bánh xe đứng đứng ở bên cạnh giếng. Khi bánh xe đứng đứng chuyển động, gầu múc sẽ liên tục được nâng lên cao và lấy nước. Hình vẽ trên là sơ đồ nung hoa kết cấu guồng nước có gầu múc bằng gỗ.

Cách thức làm xe đẩy⁽¹⁾

Khi làm xe đẩy, trước tiên người ta thường làm càng xe, càng xe phải có chiều dài 5 thước 7 thôn, mặt cắt lớn 1 thôn 5 phần, chốt xe lớn 2 thước 4 thôn, góc xe dài 1 thước 3 thôn, lớn 1 thôn, 2 phần, tay cầm 2 bên dài 1 thước 2 thôn 5 phần, mỗi bên có 3 chiếc dây 1 thôn lớn 9 phần. Làm 18 thanh gỗ ngang nối giữa chốt xe, tam van ở chốt ngoài dài 9 phần, bên trong và bên ngoài có tổng cộng 12 tam (hàng ngoài 1 thước 2 thôn, chân khoa lớn 8 phần). Đặt 1 chiếc xà ban trên xe, xà ban lớn 6 thôn 2 phần, dày 1 thôn. Nguyên liệu sử dụng đều phải lựa chọn những loại gỗ kiên cố, chắc chắn.



Tranh vẽ mô tả khung cánh che tạo bánh xe Tranh vẽ trên tường Đền nhà Hán

Trên các cửa ra vào nhà chèo có hai trụ che tạo bánh xe. Trong nhà tranh có tranh vẽ mô tả các hoạt động của Huyết tướng, Sơn Địch và các vị thần khác của người thợ làm xe ở từ thế kỷ IV đến thế kỷ VI. Các vị thần khác của người thợ làm xe ở từ thế kỷ IV đến thế kỷ VI. Các vị thần khác của người thợ làm xe ở từ thế kỷ IV đến thế kỷ VI.

[Chú thích]:

[1] Xe đẩy: Tức là xe đẩy bằng tay, là loại xe có 1 bánh hoặc 2 bánh. Có tay cầm để vận hành và những đồ đạc có trọng lượng thấp.

[2] Chốt xe: Là thanh gỗ nối giữa trục xe với thanh gỗ nằm ngang.

Cách làm bức hoành phi⁽¹⁾

Kích thước bức hoành phi tùy thuộc vào kích thước nhà của chủ nhà. Một bức hoành phi lớn thường dài 8 thước, rộng 2 thước, mặt cắt của khung lớn 1 thôn 6 phần, dày 1 thôn 2 phần. Bên trong có vẽ đường hình bàn cờ, ở giữa để một tấm ván, ván phải được lắp từ trên xuống dưới.

[Chú thích]:

[1] Bức hoành phi, lá 1 tấm gỗ hoặc tấm kim loại có đề chữ bên trên, được treo ở bậu cửa hoặc trên tường, dùng để chỉ đạo địa điểm hoặc đề kỷ niệm một người, hoặc một sự việc nào đó.

3. ĐỒ NỘI THẤT CỖ NHỎ

Cách làm bàn để nến

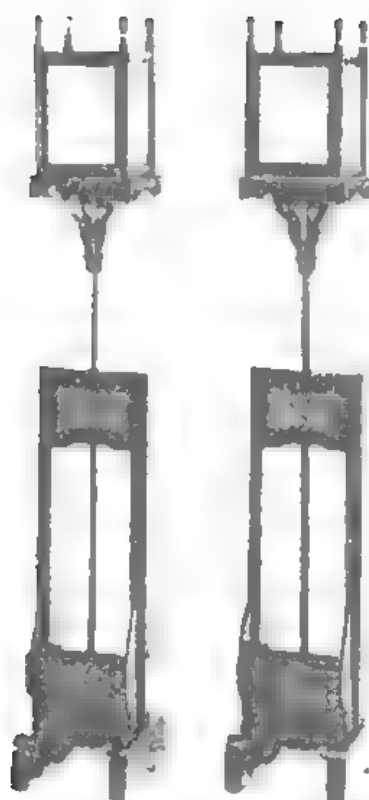
Bàn để nến thường cao 4 thước, mặt cắt cốt lớn 1 thốn 3 phân, phía trên có đặt 1 chiếc khay nhỏ, khay chỉ lớn 8 thốn, làm chiếc sừng (ngà) treo ngược lớn 3 phân. Mỗi chân bàn làm 3 lá giao nhau, mỗi lá có chiều cao 5 thốn 2 phân, điêu khắc mũi chuyển va lá. Khi khớp các chân lại với nhau, trước tiên cần vẽ đường khớp trên tấm ván, dương kính là 8 thốn 4 phân, xác định độ ngắn dài của 3 cạnh, sau đó cắt theo đường dây mực là được.



Đài nến hình bát giác hoa xanh

Đời nhà Minh

Đài nến tổng cộng có 3 tầng đều có hình bát giác, miệng hẹp, đế rộng. Phần trên là hình lăng trụ 8 cạnh. Lân cận vẽ từ trên xuống dưới các hình hoa xanh, hình lá chuối, hình mây, hình cỏ. Phần cổ trên nhỏ, dưới to, có hoa văn hình vòng cung. Phần vai có 2 vòng trên, vòng tròn bên trong lõm xuống, vòng tròn bên ngoài nhô lên. Phần thất lưng mỗi bên vẽ hoa văn hình mây. Như vậy các cạnh hoa dạng gấp. Toàn bộ đài nến toát lên các màu xanh – trắng là sản phẩm điển hình vào giữa những năm Vĩnh Lạc đời nhà Minh.



Đài nen gỗ du sơn đen, có thể nâng lên, hạ xuống **Đời nhà Thanh**

Đế của đài nen có dạng hình phỏng phía trên và phía dưới đều có khăn nằm và diện khắc một mặt hình tròn ở chính giữa đế được cam một trục có đỉnh tròn đoạn trên của trục được nối với 1 hộp đen hình vuông 1 cửa bỏ đài nen được sơn màu đen, kiểu cách độc đáo và tinh tế

Cách làm bếp tròn⁽¹⁾

Bếp tròn thường có đường kính lớn 2 thước 1 thốn 3 phân, chân nổi và giá đỡ bao gồm cả phần đặt khay cao 6 thước 5 phân, ở giữa đặt 1 chiếc khay dày 1 thốn 3 phân, thêm vào đó là 1 tấm gỗ đệm nhỏ để đặt khay đựng bếp, dày 8 phân, lớn 2 thốn 4 phân. Làm 6 chiếc chân bèo mỗi chiếc lớn 2 thốn, dày 1 thốn 3 phân, làm đầu đỉnh dày 1 thốn, lỗ tròn ở giữa làm 9 thốn 5 phân.

[Chú thích]:

[1] Bếp tròn: Giá hình tròn để đặt khay bếp.



Lư hương trong chân

Đời nhà Đường

"Lư hương trong chân" là một chiếc lư nhỏ hình cầu được đục rỗng trong chân, trong đó để lư hương âm thanh dùng để xông hương. Phía trong lư có ngoại hình cầu là 2 hoặc 3 tiếp đường tròn đồng tâm (cực đại là 1 lần 1) hình bán cầu bên trong có nhện lư hoặc hương lư. Loại lư hương này được những người thợ chế tạo đặt trên nơi sơ kiện thủ vật lý học như trong tam và cân bằng. Hai đầu thân bếp, nơi đầu có 1 trục ngang để chôn để xoay tròn phía trong, có thể tự chuyển động. Giá trị kim loại của loại lư hương này là chỗ do tác dụng của trọng lực nên thân lư hương - họ dù có lăn tròn thế nào thì miệng lư vẫn giữ được trạng thái nằm ngang.

Cách làm bếp lửa hình rồng

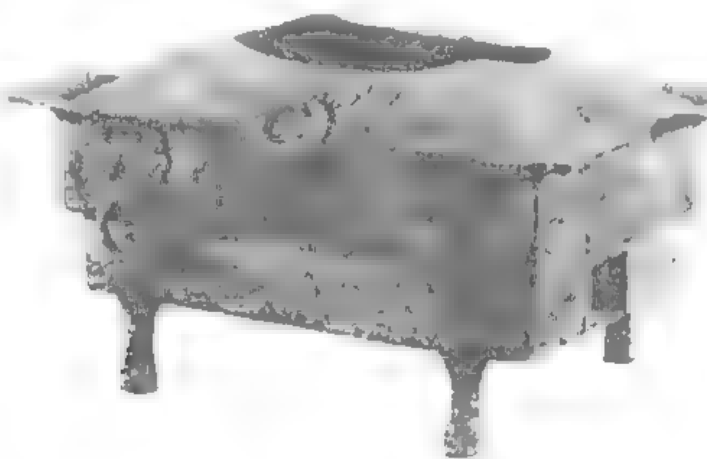
Bếp lửa hình rồng cao 9 thốn, đường kính lớn 2 thước 4 phân, phía dưới khay lam quai tròn rộng 2 thốn, khung dày 1 thốn, lớn 1 thốn 6 phân, lần lượt lam từng bên. Làm chân lư lớn 2 thốn 2 phân, dày 1 thốn 6 phân, chân bao phải điêu khắc hình "Thôn Đầu" (hình rồng) làm đầu đỉnh dày 1 thốn 5 phân, lớn 1 thốn 6 phân, điêu khắc hình cong. Lỗ móng ở góc chung của khung bếp phải lam nghiêng 8 phân rưỡi, như vậy mới có thể gập móng. Lỗ ở giữa có đường kính 1 thước, phải xác định chính xác, không được để sai sót.

Cách làm bếp vuông

Bếp vuông có chiều cao 5 thốn 5 phân, dùng thước tròn vẽ hình tròn bên trong, đường kính 9 thốn 3 phân. 4 chân bếp lớn 2 thốn 5 phân, đều khắc hoa văn 2 hình móc câu cong lên ở 2 bên bóng sen. Lam đầu đỉnh dày 1 thốn, lớn 2 thốn. Khay nhỏ dày 1 thốn 2 phân, đại tròn lớn 1 thốn 1 phân, đều khắc hoa văn hình bưng vò sáu nôi, liền với chân biao để chúng được tương xứng.

[Giải thích]:

Xuất phát từ ý tưởng gần gũi thiên nhiên, người xưa đã sáng tạo ra các đường cong để trang trí các đồ dùng gia đình, khiến cho chúng được hoàn thiện hơn. Một số từ ngữ được sử dụng trong đoạn văn trên và một số loan văn khác trong tác phẩm như "chân biao", "bưng vò sáu nôi" chính là những danh từ chuyên ngành cho chỉ tiết cấu tạo đồ dùng gia đình được mô phỏng theo hình dáng các loài động vật trong giới thiên nhiên.



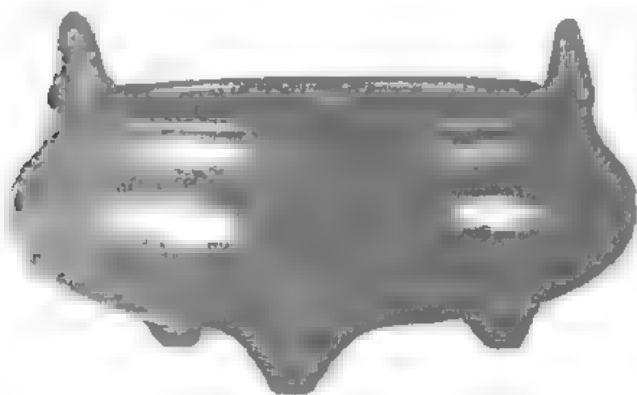
Bếp vuông Thời Tây Hán

Các bếp vuông này được khai quật ở Lâm Di, Sơn Đông, có mặt hình chữ nhật nên đỉnh nắp đã bị vỡ không theo quy cách này. 2 bên có phủ đầu tạc vân vân. Mặt bếp có thành thang đứng, 2 tầng ở giữa có 1 chiếc vò treo ngang vì sợ dễ ngấm nước. Phần giữa của tầng trên có đục lỗ thông hơi từ tầng dưới, hai bên lỗ thông khí này bên dưới có phủ đầu ngăn nước. Hai bên trái, phải của tầng dưới có cửa lạt treo hình vuông. Chân bếp có 4 móng dạng đế bồng.

Cách làm lư hương

Lư hương thon dài có chiều dài là 1 thước 4 thốn, rộng 8 thốn 2 phân, khung 4 cạnh dày 3 phân, cao 1 thốn 4 phân, đế dày 3 phân, có độ rộng ngang với phần trên, phần trên khung nghiêng 3 phân, bên trên vẽ đường mẹp nước dày 3 phân, lớn 6 phân. Lam 6 chiếc chân bao, mặt cắt của nó có đường kính 8 phân, nếu lớn thì là 1 thốn 2 phân. Đầu đỉnh lớn phải làm dày 3 phân, lớn 7 phân, đều khắc 3 khúc

cong. Nếu giá đỡ thô thì không cần làm chân bảo, kích thước các đường mép nước giồng nhau. Ngoài ra, kích thước lưu hương cũng có thể tăng giảm theo kích thước trên.



Lư đồng tròn có hình tai và mắt phượng

Đời nhà Minh

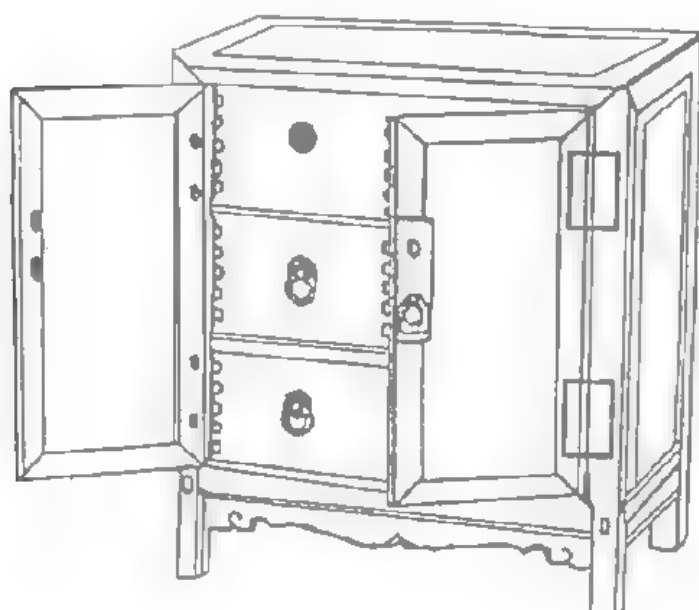
Loại lư này để miệng hở, miệng tròn, có hình mắt và tai phượng, hình bụng trống rỗng, có 3 chân hình nón. Toàn bộ lư có màu vỏ hạt dẻ. Để lư có viết 6 chữ nổi dạng chữ Khái "Đại Minh Tuyên Đức niên chế"

Tủ thuốc^[1]

Tủ thuốc cao 2 thước, lớn 1 thước 7 thốn, sâu 9 thốn, chia đều làm 3 ngăn. Các ngăn kéo bên trong chỉ làm cao 2 thốn, không gian bên trong được ngăn cách thành nhiều ngăn hình chữ điền (田), rất tiện cho việc cất thuốc. Loại tủ này phải được làm bằng gỗ samu, không được dùng gỗ tạp.

[Chú thích]

[1] Là loại tủ dùng để đựng thuốc và bông băng y tế, dùng cho các bác sĩ mang theo người khi ra ngoài khám bệnh.



Tủ thuốc góc vuông

Tranh minh họa Đời nhà Minh

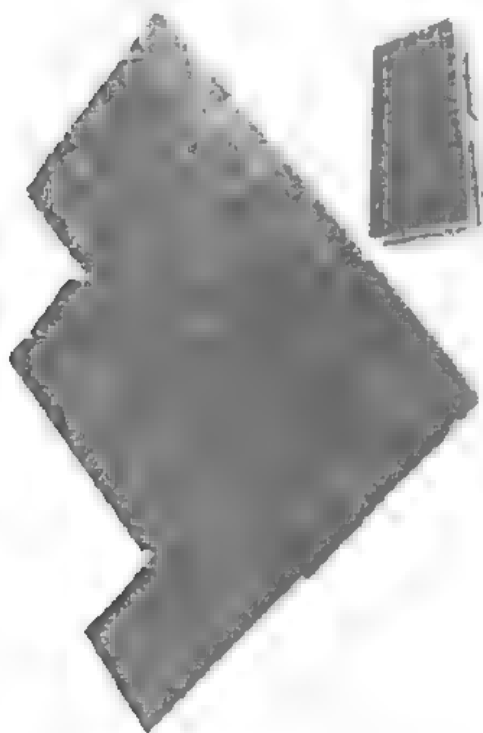
Loại tủ này có chiều cao 46cm, tủ có hình dáng giống như một cuốn sách. Trong tủ có 3 ngăn kéo, có thể lần lượt cất các loại thuốc khác nhau. Loại dụng cụ gia đình cỡ nhỏ này được sử dụng rất nhiều vào đời nhà Minh, ngoài công dụng sử dụng thực tế ra, nó còn có tác dụng trưng bày để trang trí nhà cửa.

Cách làm chao chụp nển

Chiều dài và chiều rộng của chao chụp nển đều là 5 thốn 5 phân, chiều cao là 4 thốn 7 phân, ván làm lồng dày 3 phân rưỡi. Trụ tay cầm phía trên cao 8 thốn 5 phân, tiết diện của nó lớn 6 phân. Phía dưới trụ có thể làm giá đỡ hướng lên trên. Răng cửa nhỏ ở miệng chao lớn 4 phân, dày 5 phân, làm 2 thanh gỗ ngang, 6 hoặc 5 thanh gỗ thẳng. Loại chao chụp nển này cần làm giá đỡ nển có chiều cao 1 thước 2 thốn, phía dưới đặt 1 tấm ván dài 3 thốn. Làm thanh dạng 1 cuốn sách có chiều dày 1 thốn 5 phân, đầu nhô ra dài 1 thốn 3 phân, như vậy, chao có thể chiếu sáng mọi vị trí gần xa. Kích thước này phải làm cho chính xác, không được để sai sót.

Cách làm bàn cờ tướng

Bàn cờ tướng dài 1 thước 4 thốn, lớn 1 thước 2 thốn, khoảng trống ở giữa ngăn cách bàn cờ thành 2 phần đối xứng bằng nhau được gọi là đường sông, có chiều rộng 1 thốn 2 phân. Chiều rộng của khung là 7 phân, làm các đường 3 phân bên trong bàn cờ, mặt bàn cờ tổng cộng có 10 đường kẻ ngang và 9 đường kẻ dọc. Mông của đường sông phải làm nổi, như vậy mới được chắc chắn.



Bàn cờ tướng dạng gấp làm bằng gỗ gụ

Đời nhà Thanh

Loại bàn cờ này rất tiện cho việc mang theo người, kích thước toàn bộ bàn cờ là 480cm x 480cm, được cấu tạo bởi tổng cộng 12 miếng gỗ xếp chồng lên nhau, các miếng gỗ này được nối với nhau bằng lá đồng. Khi mở bàn cờ ra, mặt bàn cờ không những bằng phẳng mà giữa các ô cờ cũng không có khe hở, có thể thấy công nghệ chế tạo và trình độ thiết kế bàn cờ là rất cao siêu.

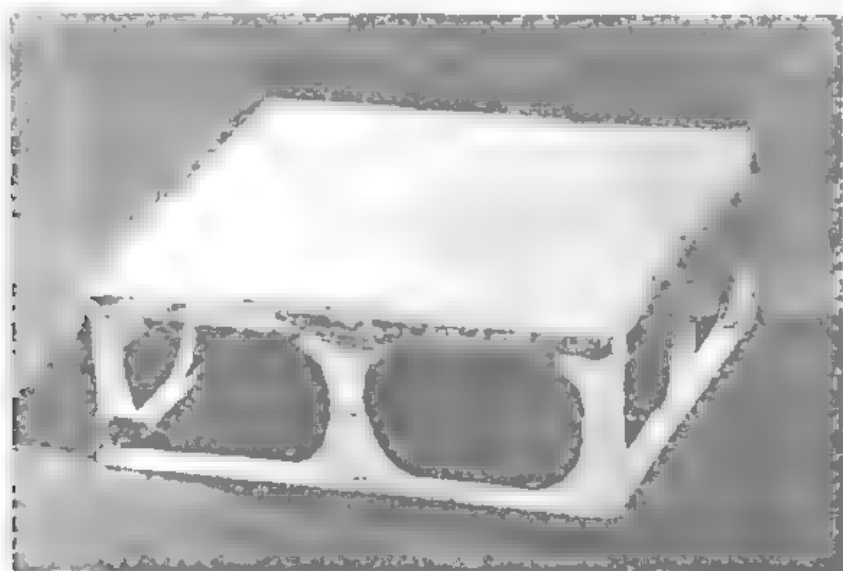
Cách làm bàn cờ vây

Bàn cơ vậy có chổ rộng và chiều dài 1 thước 1 thốn 6 phân, khung dày 6 phân lớn 7 phân. Trên bàn cơ vẽ 64 đường thông dài và 72 đường cắt nhỏ. Ván làm bàn cơ chỉ dùng loại dày 3 phân.

[Chú thích]:

Đường thẳng này thì sẽ được thông thoát, không bị ngăn trở.

2.72 Đường cao tốc (tuyến 1) của người Trung Quốc (v. 810) đã vượt qua được đường thẳng này.



Bàn cờ vây làm bằng gỗ *Đời nhà Đường*

[illegible]

Đèn học đang treo

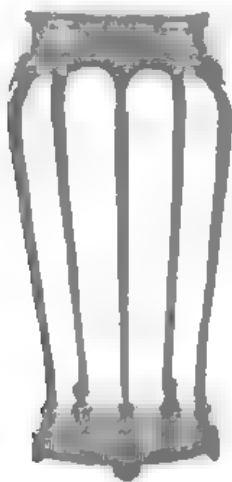
Đèn học dạng treo có cột 1 phía trước cao 1 thước 5 thốn 5 phân, cột phía sau cao 2 thước 7 thốn, mặt cột có đường kính 1 thốn. Khay đèn rộng 1 thước 3 thốn, sâu 1 thước 1 thốn. Khung đáy 1 thốn 1 phân, lớn 2 thốn 2 phân. Cầm không được dùng loại gỗ cây có vết sần.

Cách làm đôn để lư hương^[1]

Khi làm đôn để lư hương, phải lựa chọn kích thước phù hợp với kích thước của nhà chủ. Nếu nhà có kích thước tương đối lớn thì đôn để lư hương cũng phải làm lớn một chút. Tầng trên của đôn để lư hương phải cao 3 thốn, tầng thứ 2 cao 3 thốn 5 phân, tầng thứ 3 nối với chân đôn. Chân đôn dài 1 thước 3 thốn, phía trước lớn 6 thốn, phía sau lớn 1 thốn 4 phân. Tầng dưới cao 5 thốn làm giá đỡ dày 1 thốn 5 phân, sừng ngà ở góc chung lớn 5 thốn 3 phân. Phần hàng rào nhỏ ở tầng trên cao 3 thốn 2 phân, đường kính 10 kích thước 5 phân, các kích thước khác pha, xác định tùy theo độ ngắn-dài, lớn-nhỏ của đôn.

[Chú thích]:

[1] Đôn để lư hương. Có độ ngắn-dài lớn-nhỏ không xác định.



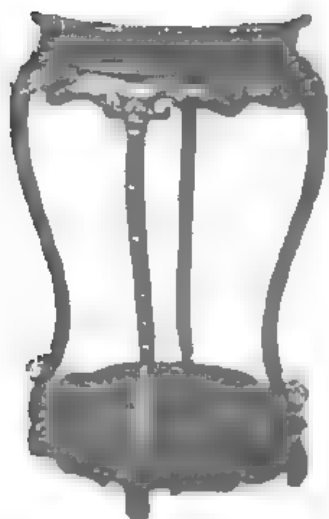
(1) Đôn đặt lư hương dạng Hải Đường có hoa văn sơn thủy, sơn màu tím, mạ vàng. Đời nhà Thanh

Một đôn được làm theo dạng Hải Đường sơn màu tím, mạ bạc, có hoa văn sơn thủy, thắt ở lưng đôn. Phần nẹp trang trí được làm theo dạng nuông bình, đầu nẹp viền có hình mây cuộn. Thân đôn được mạ vàng và vẽ những hình ảnh được coi là mây mấn như con dơi. Như ý và trang trí hoa văn. Chân đôn được làm theo dạng uốn cong 3 khúc. Đế của chân đôn uốn lên trên, điêu khắc hoa văn hình hoa lá, phần dưới nối với một hạt tròn châu tròn. Hình dáng của chiếc đôn mang phong cách đời nhà Minh, nhưng để tài trang trí hoa văn lại mang phong cách đời nhà Thanh.



(2) Đôn đặt lư hương có giá đỡ, làm bằng gỗ Hoàng Hoa Lã. Đời nhà Minh

Loại đôn này thắt ở phần lưng, nẹp bên có hình lá sen, có 4 chân dài, thanh thoát, phía dưới có giá đỡ chân, kiểu dáng đơn giản kỹ thuật tinh tế.



(3) Đôn đất lư hương bằng gỗ Hoàng Hoa Lê, 4 chân, có đế dưới chân Đời nhà Minh

Loại đôn này thất ở phần lưng, phần mép trang trí có hình lá sen, từ phần hơi cong phía trên chân đôn, chân đôn được đưa xuống dần theo tư thế tự nhiên để chân cong ra ngoài, hình dáng chung của toàn bộ chiếc đôn toát lên vẻ tinh tế, hoa lệ, là sản phẩm quý trong các loại đôn đất lư hương đời nhà Minh

[Giải thích]:

Đôn để lư hương thường được làm theo dạng hình tròn, ít khi thấy dạng hình vuông, chân đôn có độ cong khá lớn. Cho dù được đặt ở trong hay ngoài phòng, hầu hết đôn để lư hương đều được đặt ở vị trí chính giữa để tiện cho việc nhìn ngắm, đôn có thân tròn với nhiều tư thế uốn chuyển được coi là một chiếc đôn đẹp.

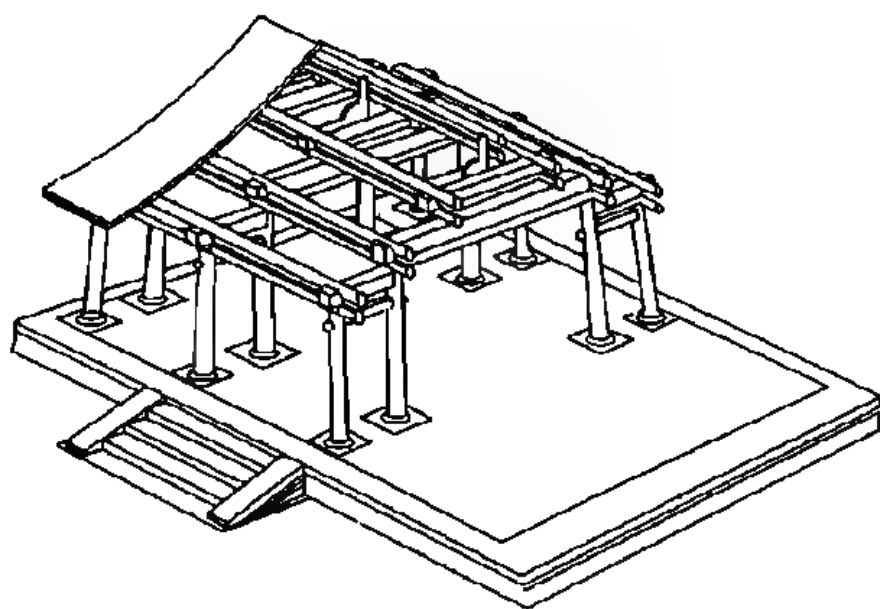
Trời xưa người ta thường tra chén ếu ngời dưới đất, nguồn gốc của chiếc đôn chính là vật được dùng để tựa chén ngời đất, đến thời Xuân Thu Chiến Quốc, đôn đã không chỉ là vật để tựa mà đã trở thành vật được dùng để đặt những vật dụng khác.

CHƯƠNG 5

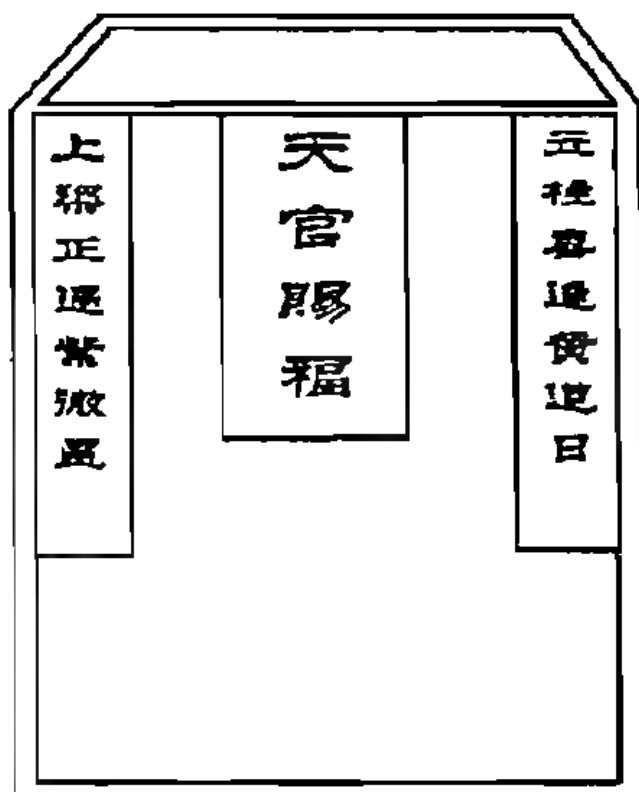
BÀI VỀ PHONG THỦY VÀ YẾM CHẨN BÙA CHÚ GIẢI ÁCH

Trung Quốc thời xưa rất chú ý việc lựa chọn phong thủy cho môi trường sống. Để tiện cho việc ghi nhớ và ứng dụng, người ta thường đem những yếu tố phong thủy và nguyên tắc cấm kỵ phức tạp sáng tác thành những bài về. Những bài về do các thầy thuật số và nhà phong thủy các thời đại sáng tác thường có ngôn từ hoa lệ, phạm vi ý nghĩa rộng rãi, phân tích tinh tế, tạo ra một trào lưu độc đáo cho thơ ca cổ điển Trung Quốc.

Trong tín ngưỡng của người dân thời xưa ở Trung Quốc, bùa chú và Thần Sát đóng giữ ở vị trí quan trọng, có mối quan hệ chặt chẽ, cùng thuộc vào phạm trù văn hóa thần bí cổ đại Trung Hoa. Cuốn sách gốc "Lỗ Ban kinh" đã tập trung sưu tầm được rất nhiều bài về thuật số và các loại bùa chú, phần này sẽ giới thiệu về nội dung trên.



1. KHỞI CÔNG XÂY DỰNG NHÀ CỦA



Câu đối dựng cột bắc xà (hình gốc)

Bắc xà là nơi công đoạn mang tính đánh dấu sự kết thúc công trình kiến trúc chính của dân cư thời xưa. Đối với người dân thời xưa và một bộ phận nông dân thời nay, bắc xà là một việc long trọng nhất trong toàn bộ công trình xây nhà, là việc đại sự hàng đầu. Vì vậy, các công việc như xem ngày, chuẩn bị đồ lễ, bày yến tiệc, dán câu đối, ... đều là một phần trong nghi thức quan trọng này.

[Giải thích]:

Hai chữ “Tứ Vi” trong câu đối ở hình trên là một trong “Thiên thượng Tam Hằng”. “Tam Hằng” là chỉ 3 khu vực xung quanh vùng Bắc cực trên Trời: Tứ Vi Hằng, Thái Vi Hằng và Thiên Trì Hằng. Tứ Vi Hằng (Hoàng cung trên trời), bao gồm Thiên Khu gần với Thiên Bắc cực, đại khái là tương đương với khu Cung Cực tinh, như Đại Hùng, Tiểu Hùng, Thiên Long, Tiên Vương, Tiên Hậu, ... Trung Quốc thời xưa thường lấy tên gọi của quý tộc Hoàng gia để đặt tên cho những tinh khu này, ví dụ như Thiên Hoàng Đại Đế, Thái Tử, Thái Tôn, ... Sau này, Hoàng Đế cũng được người ta gọi là Tứ Vi Tinh.



Thơ viết

Môn cao thẳng vu sảnh, hậu đại
tuyệt nhân đình.

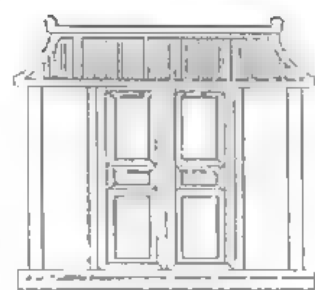
Môn cao thẳng vu bích, kỳ pháp đa
khốc khắp



Thơ viết

Môn phiến hoặc tả khu (y), phụ phụ
bất tương ngu

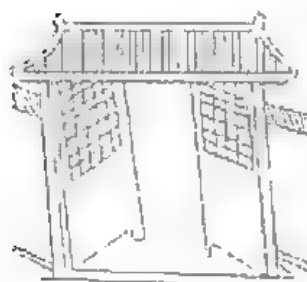
Gia tài thường hao tán, canh phòng
nhân mưu tán



Thơ viết

Môn trụ bố nếp chủ hung tại, tử tế
xảo an bài

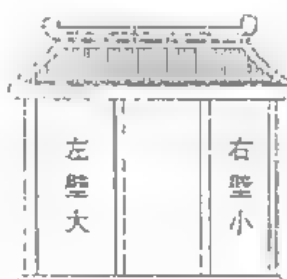
Thương đầu mục hoạn trung lao thổ,
canh phòng nhân mưu tán



Thơ viết

Môn trụ bất đoạn chính, tả khu (y)
đa chiêm bệnh

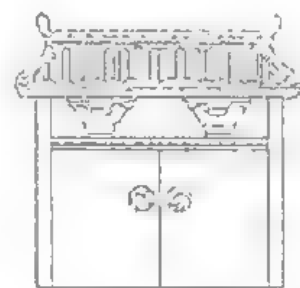
Gia thoát họa tán sinh, nhân vong
không oán mệnh



Thơ viết

Môn biên thổ bích yếu nhất ban, tả
đại hoán thế canh tạo quan.

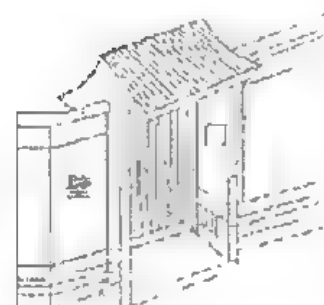
Hữu biên hoặc đại thẳng tả biên, cô
quả nhĩ tôn thường khiếu Thiên



Thơ viết

Môn thượng mac tác ngưỡng vông
trang, thứ vật bất vi tường

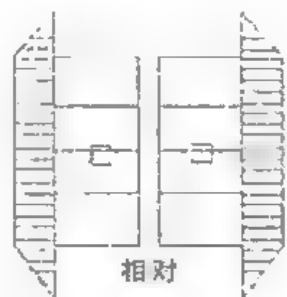
Lưỡng biên tường chỉ hoặc vô ngôn,
luân lung khẩu giao tranh



Thơ viết

Môn nền bích phá nhai chuyên
khuyết, gia trung trường bất duyệt.

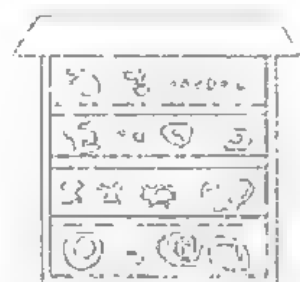
Tiểu khẩu nông tử diệu vô y, cấp yếu
tu chính mac diễn trị.



Thơ viết

Như gia bất kha môn tương đối, tại
chủ nhất gia thoát

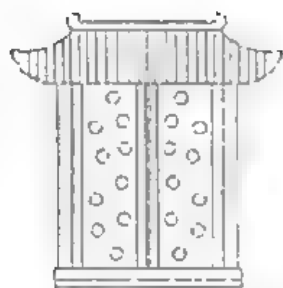
Khai môn bất đặc lưỡng tương xung,
lối hĩu nhất gia hung



Thơ viết

Môn bán mac lệnh đa thụ tiết, sinh
sang đình bất yết

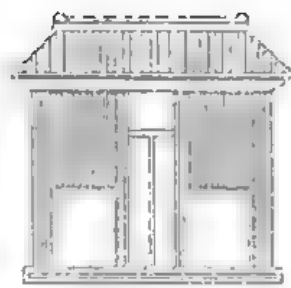
Tam tam lưỡng lưỡng hoặc thành
hàng, đồ phối xuất quân lương.



Thơ viết:

Môn họ trung gian quai ngắn dư tại
họa sự giao ngoạ

Gia chiêu sự phôi tạo phụ họa, ổn
hoàng đình bát sai.



Thơ viết:

Môn hàn dư xuyên phá quai tại
hung họa.

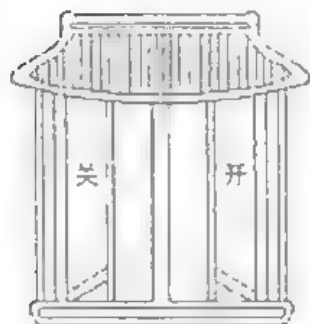
Đình chi thọ tại văn tu bố mien
bản hàn.



Thơ viết:

Nhất gia bất khả khai như tằm phụ
tử một tử án.

Tất chiêu tiên xa diện môn khách
thời sự tu hội thủ.



Thơ viết:

Nhất gia nhiên tác hướng môn xuất
quan hàn đa oan khuất.

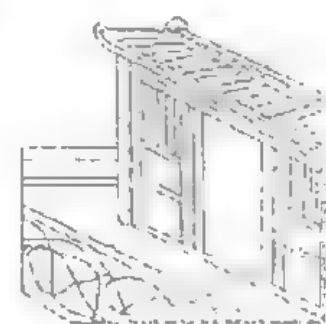
Bất áan gia trung nhân chủ nhân
đại nếu tị hương lã.



Thơ viết:

Sanh ốc hướng đầu hữu ốc hoành, tu
họa khởi phân phân

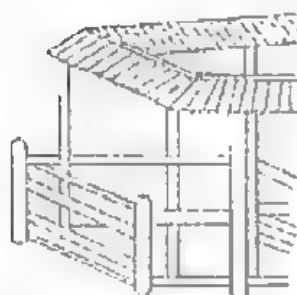
Tiên ngon danh viết đại tạng sơn
nhân khẩu bất bình an.



Thơ viết:

Môn ngoại tri lan can, danh viết chi
tiên sơn.

Gia từ la tạng họa lý sinh thủ
khả liên



Thơ viết:

Nhân gia Thiên tính tri lan can tam
thông được v nan

Cánh chiêu nhân chương âm nôm
mông diên họa cử thi hung



Thơ viết:

Đương sân nhứt tác xuyên tâm
lượng, kỳ gia đình bát tạng

Tiên ngon danh nhứt đình tạng sơn,
khôc khắp bát tạng nhân



Thơ viết:

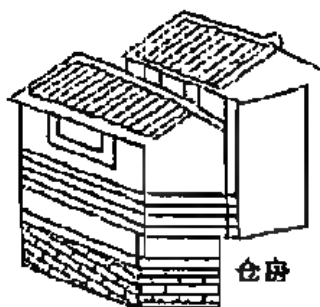
Nhân gia tạng đồn thương môn
khôc, đình đoàn lai họa g tại

Phong tại thời thời bất khả v, thế
thương thêu nhân tr.



Thơ viết

Tây lang bích phương bất tương
tiếp, tái chủ tương ly biệt
Cánh xuất nhân tâm bất lạnh lơn, sát
bệnh thủy y trị



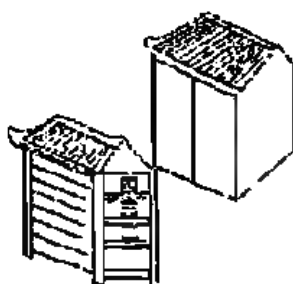
Thơ viết

Hòa thưng bồi hậu tác phòng gian,
danh vị tật bệnh sơn
Liên miên khôn ngoại sàng, lao bệnh
tối hy sinh



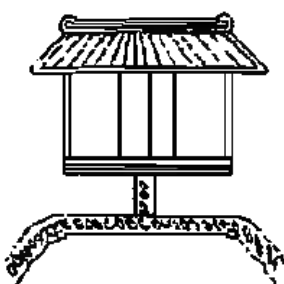
Thơ viết

Nhân gia bất nghi cư thủy các, quá
phòng tình tiếp cực
Lưỡng biên tri thủy thái xâm môn,
hai truyền như tôn hảo đại cước



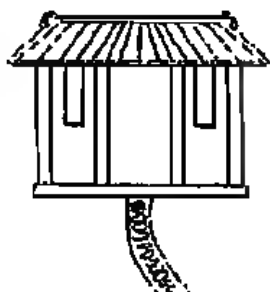
Thơ viết

Nhân gia phương bán hữu hòa
thưng, gia hữu quả mẫu toa trung
đường,
Nhược nhiên giá tại thiên y vi,
khước nghi y thuật chỉnh tương
đường



Thơ viết

Hữu lộ hành lai tư thức nha, phụ
nam nữ bắc bất ninh gia,
Cánh ngón nhất chuyển thành kham
chuyển, diễn mai diện viên nan miễn
tha



Thơ viết.

Vạn lai bất mãn phá phân diện, thập
tướng nhân trung hữu bất đóng
Thành bại hữu đa đồ phi lực, sinh lý
xuất khứ khứ vô hoàn.



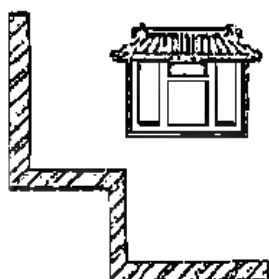
Thơ viết

Lộ như ngư vĩ bất tương hòa, dẫn
vĩ phiên thụ phần bối ngam,
Phụ tử tương ly chân vi nướn, nữ
nhân yêu giá đối hà như



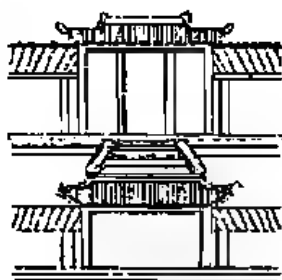
Thơ viết

Lộ nhưc sao ta đã đóng góc, tích
chuyền tật bệnh vô nhân giác
Ôn dịch ma đạo nhưc ương xám,
bệnh tật sự vụ phần hữu pháp.



Thơ viết.

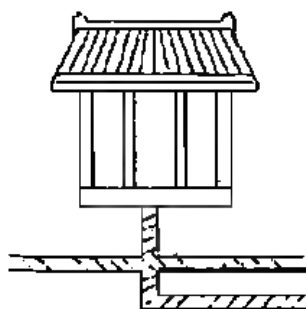
Cố thân nhất lộ hoành ai tại, khuất
khuất lai triệu nhập nhữn xa
Gia trạch bất an cư ngoại địa, bất
ngủ tường bích phần giáo sai



Thơ viết:

Môn cao điệp điệp tứ linh sơn,
đan hợp tầng đường đạo viên
khân.

Nhất trục đạo môn vô điện
chuyết, kỳ gia chung lãnh dã cô
đơn.



Thơ viết:

Tà biên thất tự tu đoàn chính,
phương đoàn tại sơn đình.

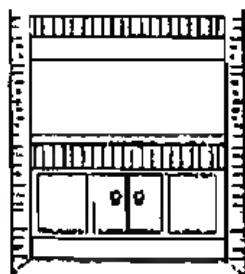
Hoặc nhiên nhất tự tứ áp hình,
nhất nhất nào tương tranh.



Thơ viết:

Thổ đới tự nhân lan lộ đề, tự ái
bất do hiển.

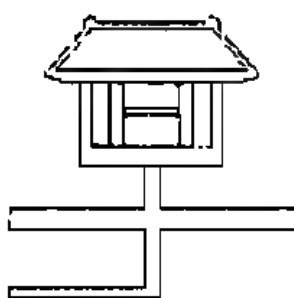
Nhược tại điển trung khuê thị
cát, danh vi ấn thụ bảo thiên
niên.



Thơ viết:

Tứ phương bình chính danh
kim đầu, phú túc điền viên
lương phương mẫu.

Vì tường hồi hoàn vô phá hạm,
niên niên tiến ích thêm nhân
khẩu.



Thơ viết:

Nhược kiến môn tiến thất tự
khử, đoàn tác biện kim lộ.

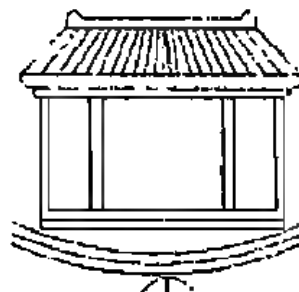
Kỳ gia phú quý túc tiền tài, kim
ngọc tự sơn đới.



Thơ viết:

Môn tiên thổ đới như nhân cổ,
thương đầu sinh thạch xuất đồ
phối.

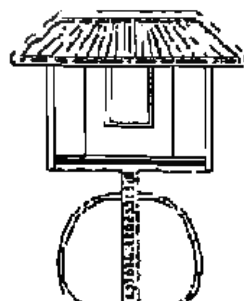
Tư tha một tiệm tiệm sinh thảo,
gia khẩu thương ưu nào.



Thơ viết:

Tường hăng như cung bao,
danh viết tiến điền sơn

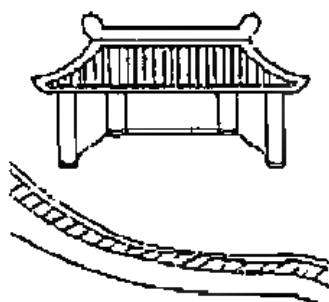
Phu túc nhân tại hảo, canh hữu
thanh quý quan



Thơ viết:

Ôc tiên hăng lộ tiệm tiệm đại,
nhân khẩu thương an thái.

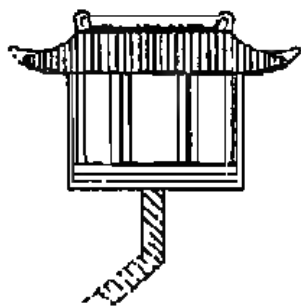
Canh hữu triều thủy hương tiền
lai, nhật nhật tiền tiền tài.



Thơ viết:

Hữu biên tường lộ như trục
xuất, thời thời khêu oan khuất

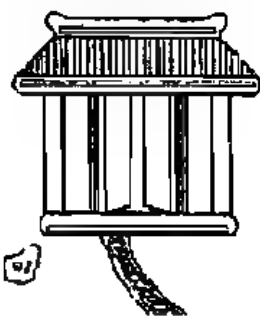
Oán hiểm vô hào nhất phu nhĩ,
đại đại xuất sinh lý



Thơ viết:

Lộ như y đời tế sầm (tham)
tướng, tuế tuế tại nguy đài vi
đương.

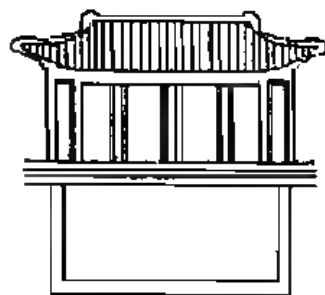
Tự thân tư thân đa hao tan,
tan tấn thoai thất hảo nguyệt
hoàng.



Thơ viết.

Tả biên hành đời sự diệc đồng,
nam nhân hiệu bệnh thủ khẩu
phong

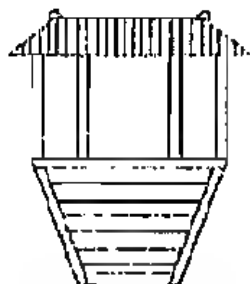
Ngưu dương lục súc không phí
lực, tuy đặc tài tiến nhất đản
không.



Thơ viết:

Môn tiền thổ tượng như khúc
thước, tạo khế nhân gia cát.

Hoặc nhiên khúc thước hướng
ngoại trường, thê tư khốc phân
trương.



Thơ viết

Môn tiền hành lộ tiện nệm tiểu,
khẩu thước tùy thời liễu

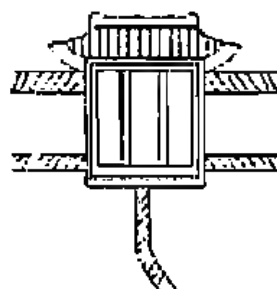
Hoặc nhiên trúc khất hữu đề thủy,
thoai lạc bất tri thời



Thơ viết.

Tiên nhan huyền vũ nhập môn lai,
gia trung thường nên tài

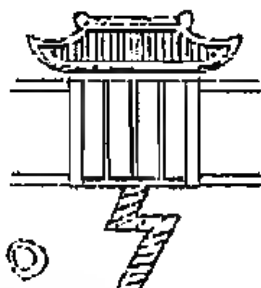
Cái phương canh hữu triều thủy chí,
phủ quy nền điện ngời.



Thơ viết

Lô nước nguyên đầu thủy tinh lai,
trang diện thiên vân khí năng lưu

Tiên khứ nước canh đề đề khứ,
thoát hầu lý hương tán thủ du



Thơ viết

Lộ như chúc diệm mạo trường năng,
khả thân kỳ gia nếu khẩu vong

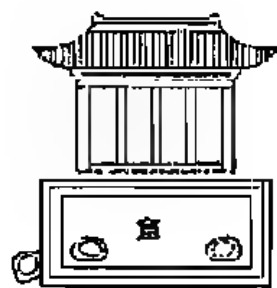
Như tử mai diện đoan đích hữu, bất
nhiên phu nậu dã đẩu hà.



Thơ viết

Môn tiền yêu đơn diện lộ đại, kỳ gia
hữu phân giải

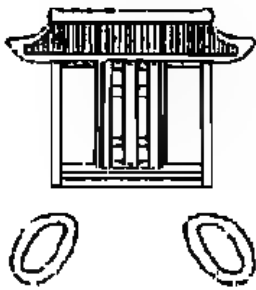
Viên tường tư bán canh hồi hoàn,
danh viết tiến tài sơn



Thơ viết

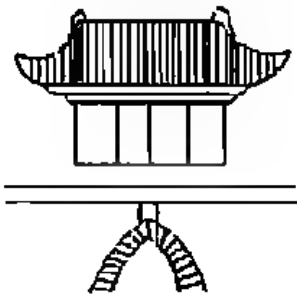
Môn nền hữu lộ như viên chương
bát thước thập nhị số

Thử quét danh như bôi địa kỳ
hoàn hoàn nhập trang diện



Thơ viết

Môn uốn hành lo như nga áp, phân
minh hướng biển trước.
Hoặc nhien hữu như nga chuông
lunh, khẩu thiết bất tăng đình



Thơ viết

Nhất lai nhất vang tự vị phiên, gia
trung phát hậu si đa ban
Tu chieu khẩu thiết trùng trùng
khôn, ngoại lai kiêm chi quỹ nháp
môn.



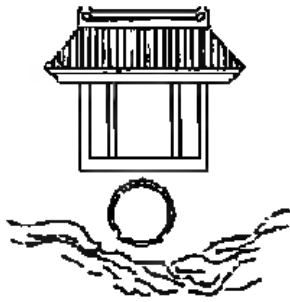
Thơ viết

Thập tự lộ lai tài phân cộc, kiến tôn
thủ nghệ tối kham vi
Tuý nhiên ôn bao đa thành bại, chỉ
nhân thị hảo mại dĩ hư



Thơ viết

Hữu lo hành lai nhưc hóa cầu, kỳ
gia thoán lạc canh năng sầu.
Nhưc hoàn hữu lộ tông trung nhập,
đá sai tha nhân vi kháng hui



Thơ viết

Môn tiền thạch diện tự bàn bình, gia
phủ hữu thanh danh
Lưỡng biên giáp tông tiền bảo sơn,
túc thực canh thanh nhân



Thơ viết

Môn tiền kiến hữu tam trong thạch,
như nhân toa thủy trực
Định chủ nhủ phủ công nhất thế, tâm
nguyệt đường xuân nghi



Thơ viết

Song hồ môn tiền lộ trúc tinh, tiền
tri thất nữ yếu phong thanh.
Thần hoài lục giáp phương hành
giá, khước tiền nhân gia trúc bất
trình.



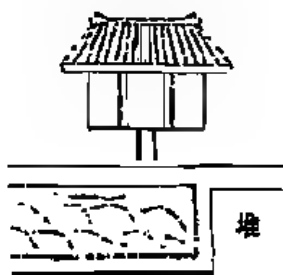
Thơ viết

Phien tien khuát khúc danh khẩu
dân, hữu lộ nhưc nhân khí khấn.
Sinh lý vi viễn hướng phân phủ tôn
từ thương thế gia đạo khuy



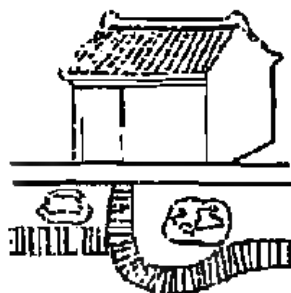
Thơ viết.

Ốc biên hữu thạch tà tình xuất,
nhân gia thường ngưỡng ưc
Định chieu phong tất cấp khôn bán,
khẩu thực mỗi cầu nhân



Thơ viết

Bãi toàn tuy nhiên lộ trực hoành, tu
giáo búi nghiêng án dấu sinh
Xuất nhập xảo tình đa tài học, trí
chiếu ví tại khinh phú vinh



Thơ viết

Lộ lai trung khúc hiều vi châu, nội
hữu tri đường hoặc thạch đầu
Nhuộc bất vi quan tu thần phú, xâm
châu xâm huyện tri diện trù.



Thơ viết

Hữu diện từ phương cao, gia lý sản
anh hào
Hồn như phi tạc thành, kỳ sơn xuất
quý nhân



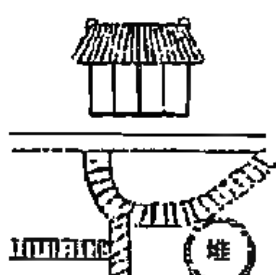
Thơ viết

Lộ như nhân trư như hà, huynh đệ
phân sự cách dụng đa
Cạnh chủ gia trung hồng diệp khờ,
đỉnh tri thủ khứ cạnh vô tư



Thơ viết

Thạch như hà mở thảo từ tương, quá
đi nhập sảnh đường
Đà yếu bối khúc gia trung hiều, sinh
ử hình dung sừ



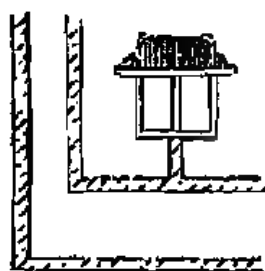
Thơ viết

Từ lộ trực lai trung gian khúc, thủ
đánh từ thu năng cử lộc
Tả lai cạnh đắc nhất đao chiêm, văn
khúc kiêm toàn câu giai tục



Thơ viết

Bao hộ nhất lộ lương giao gia, thất
nữ tạo nhân sát khả ta
Tòng hành điệp hảo gia nội loạn,
nan nhân chí tử dã nhân tha.



Thơ viết

Nhất trong thành bao nhất giang
bích, nhuộc hiều trong thành tịch
sân tiến
Tuy thị phú vinh vô hoa hoạn, chỉ
ngh, bao tư độ văn nien



Thơ viết

Thạch như tiền bình dạng nhất bàn,
lầu đại cạnh mãn sơn
Kỳ gia phú quý đức nhất cứu, hộc
chư sừ kim ngân



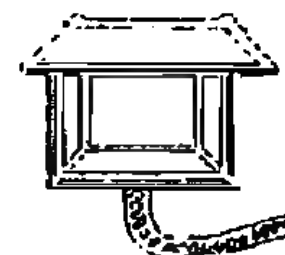
Thơ viết:

Hoặc ngoại hữu thạch tự ngai nhàn,
sơn thành tiền trang diên
Cảnh hữu thủy tại tiêu phương xuất,
lục súc tự hưởng vương



Thơ viết:

Tả đấu ốc hữu khê tam đới, thương
khố tích mộc cổ
Thạch tầng ốc hữu nhât ban ban,
đàm viết cảnh thanh nhàn



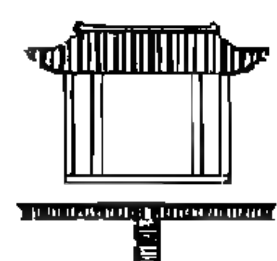
Thơ viết:

Lô như quý tài bất phong quang,
khinh khinh sạ phi nên cảnh trưong
Chủ nhân nếu tử hân nhân sư, cưc
bệnh thường thường bất lý sàng



Thơ viết:

Nam phương nhược hoàn hữu tiem
thạch, đại đại hóa thiêu trach
Đại cao nôm khê hỏa thành sơn,
thiêu tận bối vì nan



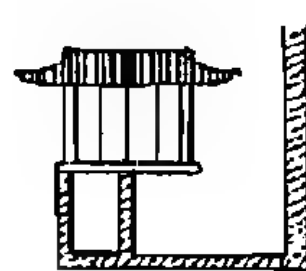
Thơ viết:

Lộ như đình tự tổn nhân đình, tiền
đế dăng thủ bất kham hành,
Hoặc nhiên bình sinh do khinh khê,
đã chủ lý hương diệc chủ bốn



Thơ viết:

Lô thành bất tự sư nan đao, hữu
khẩu hà năng bất nhât khêu,
Tử biệt sinh lý tranh tự khê, môn
tiên hữu thủ phi cái triêu



Thơ viết:

Triển bạch hồi lai dục quynh thư,
biển nền diên tức tại phương ngung
Trung nam trường vì tư tiên phát,
nhân ngôn thủ vì quý thần phủ



Thơ viết:

Phẩm nam ta nga tự tranh bình,
gia xuất gia y tằng
Cảnh chủ nhân gia xuất cô quả,
cung cảnh tương truyền hữu

[Giải thích]:

Người xưa rất coi trọng hình thức bề ngoài của nhà cửa khi làm nhà và vấn đề này thường được đề cập đến trong hầu hết các sách nói về Dương trạch. Cuốn “Dương trạch thập yếu” đã coi vẻ ngoài của ngôi nhà là yếu tố quan trọng số một, tiến hành giải thích một cách tỉ mỉ đối với độ rộng hẹp, dài ngắn của ngôi nhà, rồi cửa, đường đi và đá, nước, núi, cây cối xung quanh ngôi nhà hay khuyết thiếu của ngôi nhà cũng được miêu tả kỹ lưỡng.

Phương Sửu (hướng Bắc chệch Đông) thấp: Người trong nhà tông quân khốc thảm trong chiến trận; Phương Cấn (Đông Bắc) thấp: Nhà có nhạc sĩ hoặc ông đồng tàn tật và bệnh hoạn.

Phương Dần (hướng Đông chệch Bắc) thấp: Nhà có người bị chó sói cắn bị thương hoặc bị hổ ăn thịt; Phương Giáp (Đông hơi chệch Bắc) có hố lõm vào: Nhà có người bị chết nơi đất khách quê người.

Phương Mão (hướng chính Đông) có hồ nước: Nhà có người bị tổn thương về mắt; Phương Ất (hướng Đông chệch Nam) có ao nước: Nhà có người mắc bệnh hơi đầu

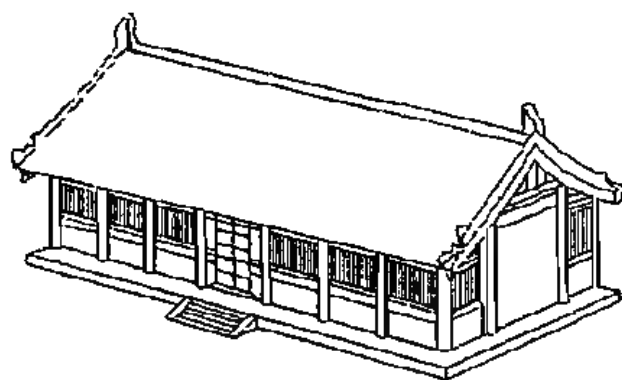
Phương Tốn (hướng Đông Nam) có ao vũng: Nhà chắc chắn thất bại trong vụ kiện tụng, Dương khí ít hơn Âm khí, gió luôn thổi trong nhà vào ban đêm (ý nói nhà luôn có người mắc bệnh nội phong)

Phương Ngọ Bính (hướng chính Nam) có hố lõm: Trong nhà luôn phát sinh hỏa hoạn; Phương Mùi Đinh (hướng Nam chệch Tây) có hố: Người trong nhà thường mắc bệnh hen suyễn.

Phương Dậu (hướng chính Tây) thấp. Gia cảnh bần hàn, túng quẫn; Phương Tuất Hợi (hướng Tây Bắc) địa hình như lưng rắn: Nhà bị quỷ tặc xâm hại.

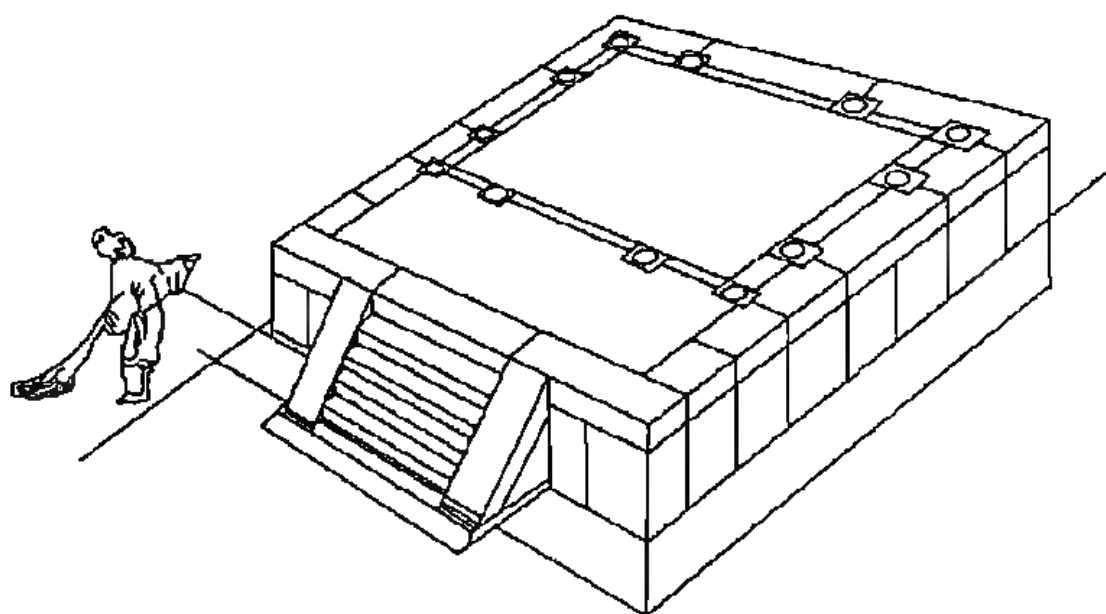
Phương Nhâm Tý (hướng Bắc) có khúc cong: Tôn tử đời sau sẽ bị đoạn tuyệt;

Người thông hiểu được những nguyên tắc trên sẽ nắm được phúc họa trong lòng bàn tay.



Dình nhà dạng Huyền Sơn Tranh phác họa

Đây là một trong các hình thức mái nhà 2 mặt dốc trong kiến trúc truyền thống Trung Quốc, còn được gọi là đình hình chữ nhân. Mái nhà nhô ra ngoài, nóc chính giữa trang trí rất nhiều hoa cỏ và chim nường, tường đầu hồi thường lắp tấm chắn gió mỏng để che chắn gió mưa hoặc trang trí "huyền ngư" trên dây treo ở phía bên ngoài 2 đầu hồi để tăng thêm cảm nhận về đẳng cấp cho ngôi nhà



Đài cơ Tranh phác họa

Đài cơ là móng của một công trình kiến trúc một đơn nguyên, bao gồm hai phần: phần giấu dưới lòng đất (chôn sâu) và phần lộ trên mặt đất (đài danh), có tác dụng ngăn cách sự thấm thấu nước dưới lòng đất và để phòng nước mưa trên mặt đất bắn tóe và ngấm vào thân nhà

Hà Tri Kinh” được dịch như sau:

Làm thế nào để biết được vì sao người ta cứ bắn hàn mãi? Hãy xem, mạch núi phía trước ngôi nhà của họ chắc chắn có hướng chạy xiên lệch, dòng nước vừa chảy tới lại quay ngoặt chảy đi.

Làm thế nào để biết được vì sao người ta lại giàu có mãi? Hãy xem, chắc chắn có rất nhiều đỉnh núi hình tròn vây quanh ngôi nhà của họ.

Làm thế nào để biết được vì sao người ta mãi được hiển vinh? Hãy xem, đỉnh núi ở phía trước nhà họ chắc chắn nhô lên từ mặt đất giống như chiếc giá đựng bút trên chiếc bàn sách.

Làm thế nào để biết được vì sao người ta có ít con cháu? Hãy xem, địa thế các phía trước, sau, trái phải của một tổ gia đình họ chắc chắn cao hơn một tổ.

Làm thế nào để biết được vì sao lại có 2 dòng họ cùng ở 1 nơi? Hãy xem, 1 bên ngôi nhà của họ có núi còn 1 bên thì không có.

Làm thế nào để biết được vì sao chủ gia đình lại phải đi xa nơi đất khách quê người? Hay xem, mạch chính của thế núi trước nhà cao hơn khu vực sân nhà

Làm thế nào để biết được vì sao gia đình có người phải đi lính? Hãy xem, phía trước ngôi nhà có một đỉnh núi cao sừng sững như hình súng ống

Làm thế nào để biết được vì sao gia đình bị trộm cướp đến nhà? Hãy xem, một dãy núi vươn ra từ một dãy núi khác, tạo thành mạch núi uốn khúc giống như lưới câu.

Làm thế nào để biết được vì sao gia đình lại có con cháu ngỗ ngược? Hãy xem, 2 dãy núi Long - Hồ ở 2 phía trái - phải của ngôi nhà đứng sừng sững đối với nhau tạo thành hình há miệng.

Làm thế nào để biết được vì sao trong nhà xảy ra hỏa hoạn? Hãy xem, chân núi xung quanh ngôi nhà tạo nên hình chiếc quạt ba tiêu quạt gió.

Làm thế nào để biết được vì sao trong nhà có dâm phụ? Hãy xem, hồ nước đối diện trực tiếp với cửa nhà có dòng nước chảy đi rồi lại chảy lại.

Làm thế nào để biết được vì sao gia đình thường hay có tiếng khóc? Hãy xem, phía trước ngôi nhà họ có nhà của quỷ thần.

Làm thế nào để biết được vì sao gia đình không thể phát tài? Hãy xem, trước cửa nhà có rất ít dòng nước chảy tới từ đầu nguồn.

Làm thế nào để biết được vì sao người trong nhà không sống thọ? Hãy xem, nhà của họ bị mất 1 bên trái hoặc phải.

Làm thế nào để biết được vì sao người ta phải sống cô đơn? Hãy xem, phía trước ngôi nhà họ có dòng nước chảy qua sân nhà, hình dạng giống như chiếc xẻng hót rác.

Làm thế nào để biết được vì sao trong nhà có người tu thành chính quả? Hãy xem, trước cửa nhà có một dãy núi có hình dạng giống hình một chiếc lư hương.

Làm thế nào để biết được vì sao trong nhà có người làm nghề pháp sư? Hãy xem, đỉnh núi phía trước nhà có hình dáng giống một lá bùa, bên trên lại giống hình một chiếc lư hương.

Làm thế nào để biết được vì sao trong nhà có người chân đi cà nhấc? Hãy xem, phía trước hoặc phía sau ngôi nhà có một đỉnh núi tròn đứng cạnh một đỉnh núi nhọn.

Làm thế nào để biết được vì sao gia đình luôn có tử thần tới gõ cửa? Hãy xem, trước cửa nhà họ có một dãy núi được chắt đóng bởi xác người chết.

Làm thế nào để biết được vì sao trong nhà có người tàn tật? Hãy xem, trong dòng nước có lẫn nước suối dưới lòng đất.

Làm thế nào để biết được vì sao nhà có ít người? Hãy xem, phía sau ngôi nhà không có dãy núi nhấp nhô trên đầy sinh khí.

Quan sát kỹ hình thế núi sông để phán đoán phúc hoa, bạn sẽ thấy linh nghiệm như được nhìn tận mắt

Hàng nghìn, hàng vạn nguyên tắc và hoàn cảnh sống khác nhau đều chỉ nằm trong phạm vi bài thơ này.

Thử trạch tiền hậu hữu phần lâm, phạm sự vi thông⁽¹⁾ bất xưng tâm
Gia bại phá tài chung vô cát⁽²⁾, thường hữu phi tai⁽³⁾ hậu hữu xâm⁽⁴⁾.

[Chú thích]:

[1] Thông: Thuận lợi.

[2] Cát: May mắn

[3] Phi tai: Tai họa không thể biết trước

[4] Xâm: Bị xâm phạm quá nhiều

Tả biên cô phần mạc thi công⁽¹⁾, thử địa an trang⁽²⁾ thậm thị hung.

Tật bệnh triển thân chung bất cát, gia trung thường bị quỷ tặc xâm

[Chú thích]:

[1] Thi công: Thi công xây dựng nhà cửa.

[2] An trang: Xây dựng trang viên

Tây Bắc nghênh cao⁽¹⁾ số lý cương⁽²⁾, Đông Nam Tốn địa hữu trọng cương⁽³⁾.

Khôn⁽⁴⁾ Cấn⁽⁵⁾ nhược bình⁽⁶⁾ gia hào quý, điền tàm vạn bối tức ngư dương.

[Chú thích]:

[1] Nghênh cao: Địa thế hướng lên phía cao

[2] Cương: Khu vực biên cương.

[3] Trọng cương: Đồi núi trùng điệp

[4] Khôn: Tây Nam

[5] Cấn. Đông Bắc

[6] Bình. Địa thế bằng phẳng

Nam Bắc⁽¹⁾ trường hà hữu khoan bình, Đông
lĩnh Tây cương tam lưỡng tầng.

Tả hữu trạch tiền lai tương cố⁽²⁾, nhi tôn định
xuất vô quan nhân.

[Chú thích]:

[1] Nam Bắc. Chảy từ Nam tới Bắc.

[2] Tương cố: Đỉnh núi phía Đông và núi đối trùng điệp
phía Tây đứng gần hàng đối diện ở 2 phía trái phải của ngôi
nhà

Nhược kiến nga cảnh áp hạng⁽¹⁾ tiền⁽²⁾, dâm
loạn phong thanh xú xú truyền.

Cô quả thiếu niên bất xuất ốc, nam tích⁽³⁾ nữ
phả⁽⁴⁾ bất kham ngôn.

[Chú thích]:

[1] Nga cảnh áp hạng: Núi có hình dáng giống cổ ngỗng
gầy vút.

[2] Tiền: Trước cửa.

[3] Tích. Quê chân.

[4] Phả. Thọt chân

Nhược hữu thử đường đang diện tiền, đại đại sái⁽¹⁾ lao bất kham ngôn

Nhất đương tiền đoạn⁽²⁾ nhất nhân tang, hà sủng⁽³⁾ bất vu ngoại nhân truyền⁽⁴⁾

[Chú thích]:

[1] Sái: Bệnh, thương chỉ bệnh lao.

[2] Đoạn. Quyết định

[3] Sủng: Bao vát

[4] Ngoại nhân truyền. Truyền, thất lạc, tức là thất lạc vào tay người ngoài.

Phần lâm (nùng mộ)

Hung trạch

Phần lâm

Phần
(mộ)

Hung trạch

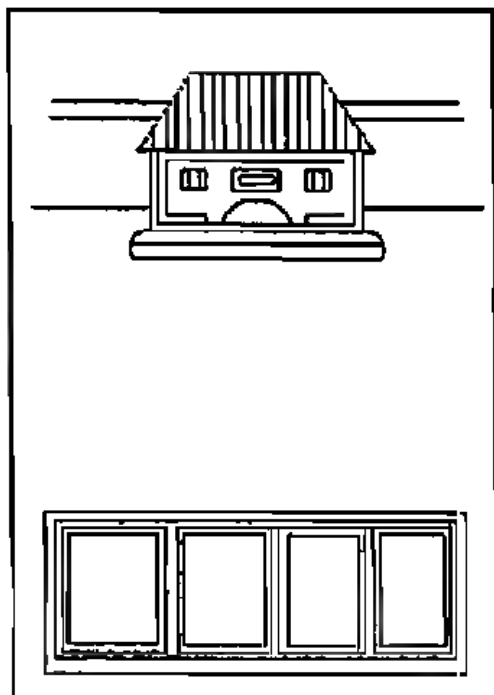
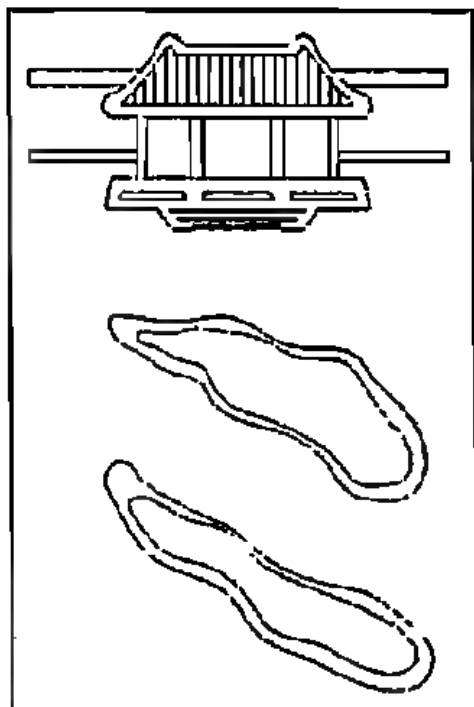
Cao bình

Cát trạch

Cao bình (cao
nguyên - đồng bằng)

Lĩnh hà cương
(đỉnh núi - sông suối
- gò đồi)

Cát trạch



Môn tiên thủy phân bát tự đồ, mai tận điền viên ly hương thổ.

Dâm loạn kỳ gia bất dụng mai, định xuất trưởng tiểu⁽¹⁾ ly phòng tổ⁽²⁾

[Chú thích]:

[1] Trưởng tiểu: Thứ tự từ lớn đến nhỏ.

[2] Phòng tổ: Tổ tông của chủ nhà.

Trúc mộc đảo thù tại thủy biên, tiểu nhi lạc thủy bất kham ngôn.

Lan sách⁽¹⁾ thiêm trí do khả phòng, cánh⁽²⁾ hữu ôn tai phát tửu điền.

[Chú thích]:

[1] Lan sách: Hàng rào, lan can

[2] Cánh: Không thể tránh, khỏi.

Ái cảnh⁽¹⁾ chi thụ đằng triển thượng, yếu⁽²⁾ tại lộc tồn phương⁽³⁾ thượng kiến.

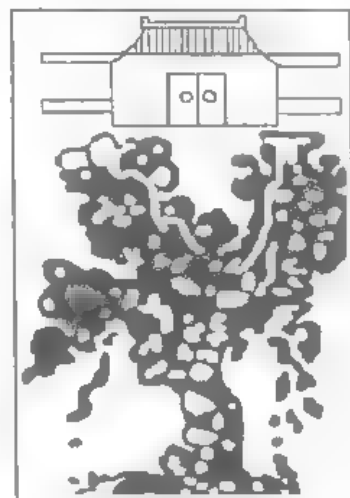
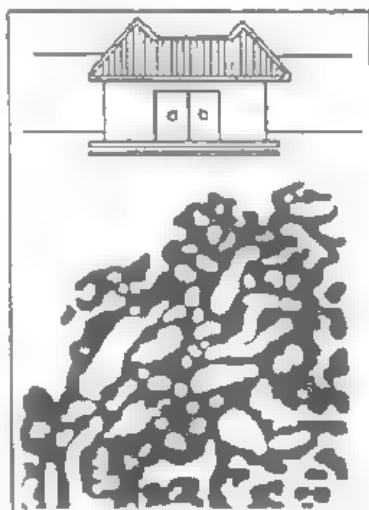
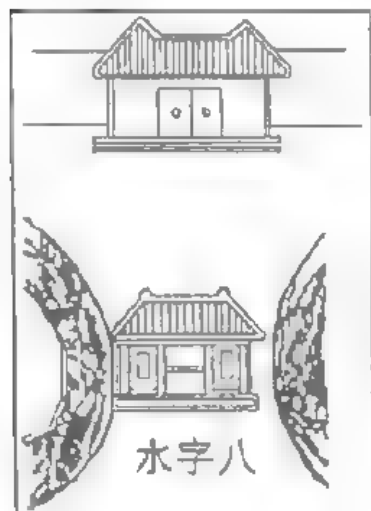
Phụ nhân khẩu thiết lăm thân lân, tao ôn động hỏa nhập hoàng tuyến

[Chú thích]:

[1] Ải cảnh: Quán, quán quanh

[2] Yếu: Núi

[3] Lộc tồn phương: Hương của sao Lộc Tồn. Sao Lộc Tồn là ngôi sao thứ ba trong chòm sao Bắc Đẩu.



2. BÙA CHÚ CỦA NGƯỜI THỢ

Người thợ thường dùng bùa chú ở nơi không có người để người khác không nhìn thấy. Khi giờ bùa chú, phải nhìn chăm chú vào lá bùa, sau đó mới được thực hiện.



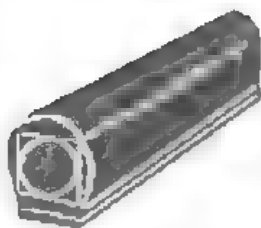
Giấu thuyền ở trong dân gian. Đón thuyền nước sào phía trong, chủ nhà được tiến tài. Đón thuyền không được hướng ra ngoài vì nếu vậy chủ nhà sẽ bị thoát tài.

Lá cây nguyệt quế ăn trong dân gian. Chủ nhà được tiến tài, chủ nhà được tiến tài.

Chủ nhà được tiến tài, chủ nhà được tiến tài. Chủ nhà được tiến tài, chủ nhà được tiến tài.



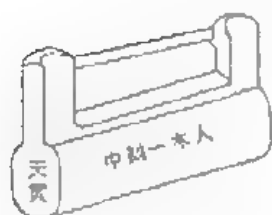
Ngũ quý xóa tóc, ẩn trong cột nhà, chủ nhà tử vong.



1 chiếc quan tài chết 1 người, tất nhiên 2 cái sẽ chết 2 người. Nếu quan tài lớn chết người lớn, quan tài nhỏ thì chết trẻ em - Giấu trong thanh nổi hình trụ của ngôi nhà



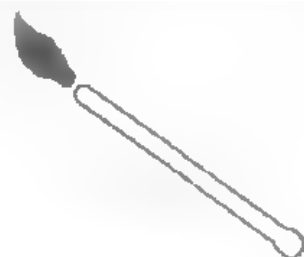
Mặt trời đen ẩn nấu trong nhà thì không may mắn. Luôn sống phồn muộn cho qua ngày, làm việc thì luôn luôn thất bại, trong người lúc nào cũng có bệnh, không thể rời giường bệnh. - Giấu trong thanh nổi hình trụ trên cổng chính



Người gỗ ẩn trong khóa sắt, phía trên là hình người ngũ sắc, trong nhà 1 năm chết 5 người, vài năm sẽ chết hết. - Giấu kỹ dưới đáy giếng hoặc trong tường xây.



3 lá trúc màu xanh ở liền nhau, nhà có thầy đồ - gặp may mắn - thua bình - Giấu kỹ trên xà, rui cao trên nóc nhà, người trong nhà sẽ mãi mãi được bình an và may mắn - Giấu trong cột xà dưới nóc nhà có đóng rui (cấu phong).



Giấu bút tim rùa - đen, trong kệ cửa, nhiều đời có người hiền tài mà chính trực, khiếm tốn, người ở trong nhà luôn trung thành



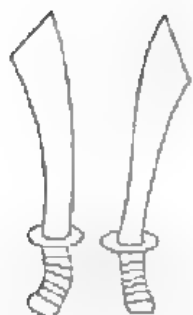
Vẽ mũi sa trên xà và vẽ lưng trên ngưỡng cửa, vẽ dây lưng trong thanh nổi hình trụ, sinh con sẽ được đăng khoa giáp đệ, viết sách cho Viện Hàn Lâm.



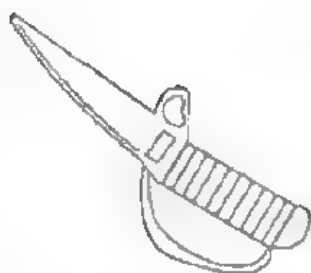
Vẽ 1 chiếc bát và 1 chiếc dũa, con cháu đời sau sẽ phải đi ăn mày, phải ăn đói mặc rách, bán nhà bán cửa vào chùa ở. - Giấu trong xà ở khung cửa



Thuyền có mũi giấu ở phía Bắc trong phòng, ra ngoài làm ăn sẽ bị chết trên sông, con cái trong nhà bị chết chìm dưới giếng hoặc dưới sông, vợ con khó tránh khỏi chết chóc trong sinh nở - Giấu trong đất ở đầu phương Bắc



Vẽ 2 con dao trên tờ giấy trắng, giết người, đốt nhà để tỏ vẻ anh hùng, phạm tội giết người phải vào lao ngục, khó tránh khỏi "thu đến buông dao". Giấu trong thanh nôi hình trụ đầu Bạch Hổ trước cửa.



Buộc nẹp vào dây thừng trên đầu một con dao găm, chôn dưới lòng đất ở bất cứ chỗ nào, vợ chồng, cha con cãi cọ, trong nhà có người thất cổ tự tử bằng sợi dây này. - Có thể chôn ở bất cứ chỗ nào



1 người 1 ngựa 1 đao, như có 1 người làm chức quan võ, có được vinh hiển và may mắn, nổi danh thiên hạ trong việc thu phục tù binh, nhưng không tránh khỏi tử trận nơi chiến trường



Bạch Hổ ngồi sảnh chính trong nhà, chủ nhà luôn gặp tai họa do miệng tiếng người đời, phụ nữ trong nhà bị mắc nhiều bệnh tật, nhưng chỉ tổn hại đến vợ không tổn hại đến con - Giấu trong xà và my cửa, đầu hổ hướng vào phía trong là không may mắn



Một mẫu gạch vỡ và một đoạn cửa, giấu trong khe gập ở đầu xà, chồng chửi, vợ đi bước nữa, con bị bơ vợ, nó bọc trong nhà thì lưu lạc, không nơi nương tựa. - Giấu trong khe gập cửa xà chính.



Giấu gạo trong đầu, trong nhà sẽ được sung túc, no đủ, chắc chắn sẽ có được vinh hoa, phú quý, cửa nhà được yên ổn, gạo chắt đầy kho, quán áo đầy thùng - Giấu trong đầu gạo



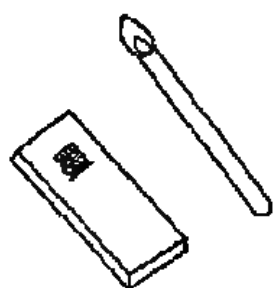
Đặt 2 đồng tiền ở 2 bên trái phải cửa xà chính, trong nhà sẽ có được thọ, tài, phúc, lộc dồi dào, cha được vinh hiển, con phú quý, mẹ thì được phong tặng danh hiệu con cháu nhiều đời sau đều khá giả - Giấu ở hai đầu cửa xà chính, mỗi đầu một đồng, phải giấu thật kín.



Bọc 7 đầu đinh thành 1 gói, 7 người trong nhà không bao giờ mất đi, nếu thêm người và lấy vợ, người còn, người mới là điều khó tránh. - Giấu trong hộc cột.



Viết lá bùa này trong gỗ Hợp Mộc thường thấy yêu ma, quỷ quái, ở trong nhà, vợ con đau rể thường mắc nhiều tật bệnh



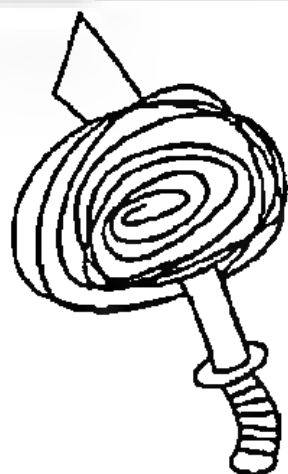
Một nghìn nức nở và một chiếc bút có được vinh hoa, phú quý phải vào triều làm đầu thần, tể tướng, nếu đầu bút bị một đục sẽ bị mất chức quan. Giấu trong thanh gỗ ngang hình trụ vuông nổi giữa 2 cột/thanh xà ngang



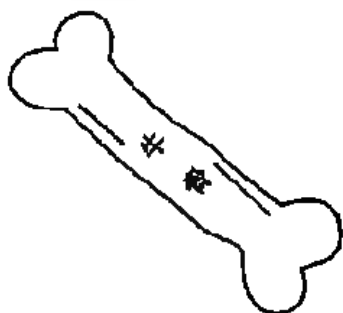
Viết nhiều chữ "khẩu" phía trước hương Chu Tước, nhiều chuyện thì phi và tai họa liên quan đến luật pháp liên tục xảy đến, gia tài hao tán, nhà có người chết, chỉ tồn tại khi bán nhà mới được yên. - Viết trong thanh gỗ ngang hình trụ vuông nổi cột/xà trên cổng chính



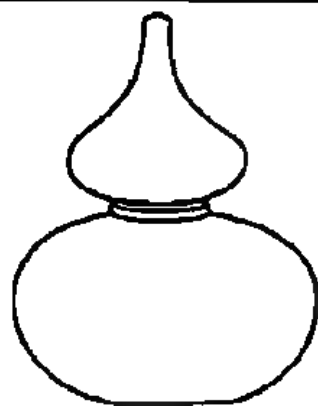
Viết một chữ "tù" trong khe ở ngưỡng cửa, khi nhà xây xong tai họa sẽ giống lên đầu, bị nhốt vào trong lao ngục cả quần chầy chề, không thể ra khỏi nhà lao nên trở thành tù tù. - Giấu trong khe ở ngưỡng cửa



Quán 1 con dao vào trong bìa tóc, con cháu đời sau cắt tóc đi tu, buồn khổ vì không chồng mà lại có con, hoặc phải sống cô quả cô độc không người nương tựa. - Giấu trong long đất dưới ngưỡng cửa



Giấu xương trâu (bò) ở trong phòng, suốt đời gian nan vất vả. Khi già chết cũng không có được chiếc quan tài chôn thân, con cháu đời sau cũng vất vả, khổ sở. - Giấu trong phòng



Vẽ 1 chiếc hồ lô trên xà cửa tương đầu hồi, người trong nhà thường bỏ công sức để có được học thuật trên nhiều lĩnh vực đặc biệt, trong nhà thường có nhiều người theo nghề bác sĩ, bói toán, đoán sao, đoán mệnh qua lại. - Vẽ trên tường hoặc vẽ trong khe xà nhà

[Giải thích]:

Những hình vẽ trên đây mô tả phép thuật ma người thợ sử dụng. Người thợ thời xưa có địa vị rất thấp, nhiều khi chủ nhà không những chỉ tiếp đãi họ qua loa, sơ sài mà còn cất giấu tiền công của họ, có nhà thậm chí còn chửi mắng, đánh đập họ. Để bảo vệ cho vị trí công nhân pháp của bản thân không bị xâm hại, người thợ đã nghĩ ra những thủ đoạn như trên, để cho chủ nhà không dám coi thường họ. Những phép thuật trên mang đậm màu sắc bói toán và mê tín dị đoan.

2. PHƯƠNG PHÁP GIẢI BÙA CỦA CHỦ NHÀ

Khi làm nhà, thợ làm đá, thợ xi măng và thợ mộc thường làm các loại bùa để đầu độc yểm ma hoặc làm hại chủ nhà. Để hóa giải, vào ngày bắc xà, phải dùng 3 loại súc vật là trâu, dê, lợn để làm đồ tế lễ, ngoài ra phải chuẩn bị một bức hoành phi, báo cáo lên các vị tướng, thần và vị Sư tổ Lỗ Ban rồi bí mật viết nội dung một lá bùa với câu niệm chú: "Ác tướng vô tri, cổ độc yểm ma, tự tác tự đương, chủ nhân vô thương." Sau khi niệm thầm xong 7 lần, người thợ làm lá bùa hại người đó sẽ gặp tai họa. Ngoài ra còn phải niệm: "Ngã phụng Thái thượng lão quân sắc lệnh, tha địch chế tác đối ngã một hữu phòng ngại, nguyên bách vật hóa vi cát tường, cấp cấp luật lệnh."

Sau đó đem bùa đi đốt ở chỗ không có người, không được để cho người khác nhìn thấy, giấu màu đen vàng và máu chó vào trong rượu, khi bắc xà, đem rượu này rắc lên đầu người thợ, rắc liên tiếp 3 chén, rượu còn lại chia cho thợ thuyền cùng uống. Như vậy, người thợ làm bùa yểm ma sẽ phải chịu hậu quả từ chính hành động của mình trong khi mọi việc của chủ nhà vẫn có thể gặp may mắn và thuận lợi.

[Giải thích]:

Phép thuật do những người thợ thực hiện thường có thể khiến cho chủ nhà nảy sinh áp lực về tâm lý, vì vậy thời xưa khi xây nhà, sau khi chủ nhà và thợ xây phát sinh mâu thuẫn, chủ nhà sợ thợ xây cố ý giở trò ma mẩn trong quá trình xây dựng nên đã áp dụng biện pháp giả bùa như trên. Có một cách giải bùa khác nữa là. Chủ nhà vừa cầm một chiếc rìu gỗ vào một thanh gỗ đặt giữa nhà, vừa niệm chú: "Đảo hảo đảo hảo, trụ thủ trách nôi, thế thế ôn hảo."

Sau khi xây xong toàn bộ ngôi nhà, chủ nhà đặt một chậu nước ở trong phòng, tất cả mọi người trong nhà đều phải cầm một cành liễu nhúng vào nước rồi đi vẩy quanh phòng, vừa đi vừa niệm thần chú: "Mộc lang mộc lang, viễn khứ địa phương, tác giả tự trụ, vi giả tự thường, sở hữu yểm ma, vu ngã vô can. Cấp cấp như Thái Thượng Lão Quân lệnh sắc."

Vào thời xưa, bùa chú bị cho là có sức cảm ứng hoặc lệnh cấm đối với quỷ thần hoặc giới tự nhiên. Khi thực hiện bùa thuật, đạo sĩ thường dựa vào một số vật môi giới nào đó, chẳng hạn

như nước bùa. Người xưa cho rằng, nhưng thí đã am qua phép thuật này cũng có ma lực của bùa thuật.

Bùa chú được vận dụng rộng rãi trong Đạo giáo. Bùa chú của Đạo giáo thường dùng những từ ra ên như “như luật ên”, “cấp cấp như luật ên”, “Thái Thượng Lão Quân cấp cấp như luật ên”... Nguyên nhân là do Đạo giáo được thành lập từ đời nhà Hán trong các chế độ thư và bài niệm đời nhà Hán thường có các từ “như luật ên” “như luật lên” có ý chỉ việc chấp hành pháp lệnh về mặt nội trị, cụm từ này mang ý nghĩa “kể phạm luật phải bị truy cứu đến cùng”. Nhưng cụm từ này trở nên mô tả quyền uy của pháp luật và chính lệnh được tiếp nhận bởi các thần cung dân gian sau đó dần dần được truyền bá cho dân gian.

Trong nghi thức thực hành pháp ên của Đạo giáo người ta thường đọc các câu bùa chú bằng ngón tay nếm thần chú hoặc bộ cương,... chúng cùng với thủ pháp trở thành một thủ đoạn cơ bản của Đạo pháp. Bản thân những phép thuật này có tác dụng giúp cho con người duy trì được sự cân bằng về tâm lý và niềm tin vào cuộc sống trước sức mạnh phi thường không thể khống chế.

Trong “Đấu pháp” của Trương Ngưng người thợ và chỉ nhà, ta có thể thấy được rất nhiều yếu tố mê tín.

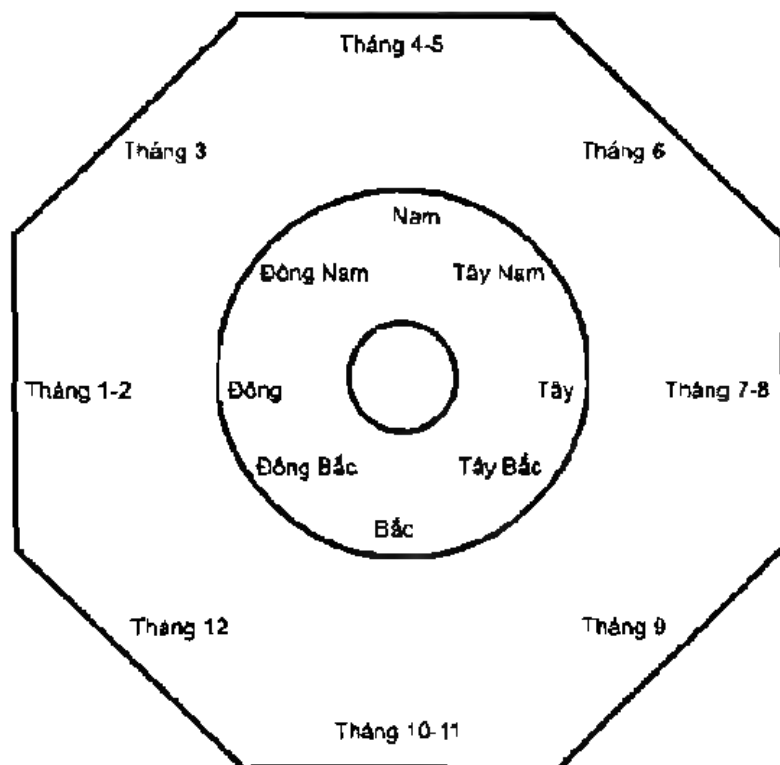


Bùa Lôi Đình trấn trạch

Bùa là một hình thức ra lệnh của tướng thần, được dân kèm trên văn tự (hoặc hình vẽ) được quy định và được viết trên những vật dụng đặc biệt (như giấy, gỗ, đá lư), được coi là chỉ lệnh của Trời Đất và Thần Tiên, là một phép thuật mà Đạo sĩ, Tăng Lữ thường sử dụng. Hình vẽ bên là loại bùa Lôi Đình trấn trạch.

Loại bùa này được viết bằng nguyên liệu màu hồng, sau đó đem dán lên trên xà chính.

Phương pháp vẽ bùa bằng chu sa^(*): Trước tiên viết tên người trong nhà vào trong phần vòng tròn màu đen, sau khi viết xong lại dùng mực xóa sạch, dùng tay trái dán bùa, trèo thang lên dán vào xà chính, khi dán không được nói chuyện phiếm với người khác. Dán xong xuống thang, bày Thanh Long Thần vị và trà, gạo, thức ăn, tiếp đến là hóa vàng (đốt tiền giấy), sau đó làm yên lòng các vị tiên Thánh trong gia môn, đón Thổ địa, Táo quân về an vị, niệm “an gia đường chân ngôn”



Xác định kết cấu và phương tính bản

Xác định kết cấu và phương vị là cơ sở của phong thủy trong kiến trúc cũng là một bước quan trọng để đoán định cát hung của nhà cửa. Nếu xác định sai phương thì toàn bộ tính bản sẽ bị sai. Trong phong thủy học có 24 phương, mỗi hướng chỉ có 15 độ, Phong thủy học chia hướng nhà và hướng cửa ra làm 2 khía niệm và 2 khía niệm này đều được coi trọng

[Chú thích]:

Chu sa: Một loại khoáng chất màu hồng, ở đây là chỉ nguyên liệu màu hồng dùng để vẽ.

[Giải thích]:

Tứ mệnh Lục Thần bao gồm 6 vị Thần là Thanh Long, Thiên Đức, Ngọc Đường, Tứ Mệnh, Minh Đường và Kim Quỹ. Ngày có Lục Thần chiến đóng được gọi là ngày tốt, ngày Hoàng Đạo. Vào ngày này, am việc gì cũng có thể được may mắn, thuận lợi vạn sự như ý không cần tranh tụng kỳ.

Phương pháp giải trừ tai ương cho gia trạch có nhiều quỷ thần và tai họa

Khi trong nhà có nhiều quỷ thần, tai họa hoặc có tà thần da quỷ do người ngoài đem từ nơi khác tới, người trong nhà có thể sẽ bị quỷ thần làm cho mê muội hoặc gây tai họa, ta quỷ ẩn giấu hình dáng, tác oai tác quái, thoát ẩn thoát hiện từ nơi này sang nơi khác, giả làm miệng người bệnh, đòi ăn, đòi uống. Nếu xuất hiện tình trạng này, có thể dán 12 lá bùa, tính theo phương của tinh bản. Dán bùa theo phương pháp này, tai họa do tà ma gây ra sẽ nhanh chóng từ rời bỏ và bị loại trừ vĩnh viễn, từ đó, vật bị ma quỷ làm cho mê loạn sẽ không thể gây tai họa cho chủ nhà.

Phương pháp xác định kết cấu và phương tinh ban trên đều là phương pháp dán bùa. Giả dụ như trong 1 năm trước Lập Xuân chia thành tiết khí của 12 tháng, khi Lập Xuân qua đi, tức là vào tháng giêng thì lá bùa đầu tiên sẽ được dán ở phương chính Đông. Nếu không gặp được Lập Xuân thì bắt đầu dán từ phương Đông Bắc. Dán ở các phương chính Đông, chính Tây, chính Nam và chính Bắc, mỗi phương 2 lá bùa, các hướng Đông Nam, Đông Bắc, Tây Nam và Tây Bắc mỗi hướng dán 1 lá bùa, không được dán sai. Nếu dán sai thì lá bùa được dán sẽ không có tác dụng.

Ngũ Lôi Địa chi linh phù được thu thập và biên soạn trong sách gốc như sau

Vạn linh thánh bảo phù - loại bùa dùng để hóa giải những vật bị quỷ thần mê hoặc.

靈靈靈將靈靈靈果果果聖

Câu niệm chú: Hống hống ni am kha (ha) hạ ma ca mu khiếu thạch diệt cấp cấp như tát công chân nhân luật lệnh.

Trong đó có thêm 5 bùa Lôi, với câu thần chú là. "xuất!"



Tháng giêng dán ở phương chính Đông, dán trên xà nhà



Tháng hai dán ở phương chính Đông trên chân tường



Tháng ba dán trên góc Đông Nam



Tháng tư dán trên xà ở phương chính Nam



Tháng năm dán ở chân tường hướng chính Nam



Tháng sáu dán ở hướng Tây Nam



Tháng bảy dán ở hướng chính Tây



Tháng tám dán ở hướng chính Tây



Tháng chín dán ở hướng Tây Bắc



Thang nước dán ở hương chính Bắc



Thang nước một dán ở phía dưới hương chính Bắc



Thang chụp dán ở hương Đông Bắc



Viết ký hiệu cho một sự việc nào đó trong vòng tròn màu đen.



Dùng để chỉ bùa vô hình

“Đông phương Man Lô tướng quân, Tây phương Man Lô sứ giả, Nam phương Hỏa Lô linh quan, Bắc phương Thủy Lô Man Lăng Vũ sư chủ lĩnh Lô bộ đại Thần, điện trung ương Trục Lô Diệu tướng quân thủy cấp cấp sắc, tốc dâng dâng.”

Dùng cành dương liễu nhúng vào nước sạch rắc 4 phương, dùng chu sa viết và vẽ bùa trên giấy màu vàng, dán ở trung đường, sau đó dùng 3 loại gia súc là trâu, dê và lợn làm vật tế lễ, cắm 1 chiếc rìu của thợ mộc, leo lên 1 chiếc thang dài, sau đó di chuyển thang tới các nơi có thanh nổi xà, bỏ 3 lần liên tiếp vào thanh nổi đó, sau đó niệm câu thần chú “Thiên khai”.

Bùa khai thiên được viết như sau: “Ngu tính yêu ma, cải tính loạn thường”, sử như⁽²⁾ bất đắc, phủ kích lô giáng, nhất thiết ác ma, hóa vi vi trần. Ngô⁽³⁾ phụng lô đình phan lịch tướng quân lệnh, tốc tốc viễn khứ phong đô⁽⁴⁾, bất đắc đình lưu”

Sau đó lại viết và vẽ bùa linh quan trấn trạch, phải dùng ngón tay viết thảo (xem hình vẽ). Sau khi vẽ xong phải hát to: “Nhược hữu các chủng tà ma quỷ quái lại xâm phạm, lập tức dương khởi kim tiên (roi vàng), bả nhĩ đẳng đả đắc phần toái, môn thần hộ uy, ứng các thủ bản vị, bản trạch chi trung, vĩnh bảo thái bình.”

[Chú thích]:

[1] Thương. Cương thương

[2] Nhữ. Ngôi thứ 2

[3] Ngò. Ngôi thứ 1

[4] Phong đô. Âm tạo Địa phủ

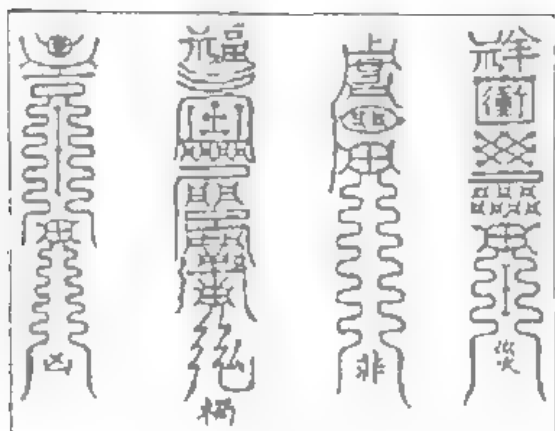
Sau khi niệm xong quyển 1 “Tụng Lô kinh”, làm lễ hóa tiền vàng ở Thổ Đàm để tiễn đưa các Thiên tinh ngũ phương như Thanh Long, Bạch Hổ, Chu Tước, Huyền Vũ, Câu Giảo, Đẳng Xà, Thái Tuế,... ra khỏi cửa. Sau khi xong việc thu xếp lại bát hương gia tiên, Thổ Địa và Táo Quân, tiền vàng chỉ được hóa trong nhà, không được đem ra ngoài. Hóa giải theo cách này sẽ vĩnh viễn trừ được tai họa, gặp hung hóa cát, gia đình thịnh vượng, cát tường như ý.

[Giải thích]:

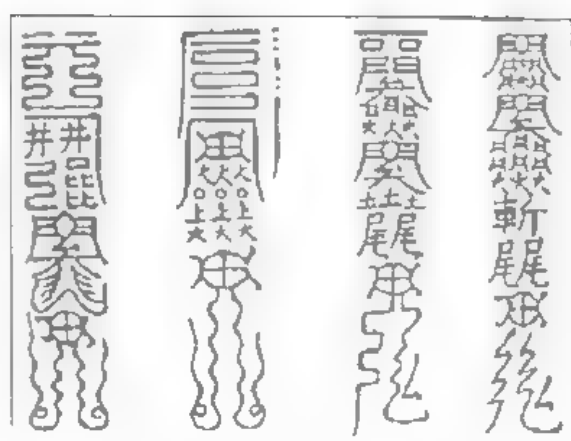
Kiểu bùa nói trên là bùa giải ách (ký hiệu bằng chữ vết). Bùa vốn là ký hiệu được sử dụng trong phép thuật của Đạo gia, dần dần được các nhà phong thủy đưa vào sử dụng trong phong thủy kiến trúc, đồng thời được sử dụng rộng rãi trong dân gian. Nội dung của những lá bùa trấn trạch này đều được đề cập đến trong “Lỗ Ban kinh”, “Dương trạch thập thư”, “Thần châu linh phù”, “Van pháp quy tông”, “Van kim ngọc hạp ký”. “Dương trạch thập thư” đã thu thập và biên soạn hàng trăm loại bùa giải trừ tai ương, chẳng hạn như một số loại bùa dưới đây (xem phần dưới)

Ngoài ra còn có một số loại bùa như “Trấn trạch nội bị nhân ám mai áp trấn Thần phù”, “Ngộ phạm nhĩ thập tứ vị hung sát Thần phù”,... ở đây chỉ xin giới thiệu sơ lược.

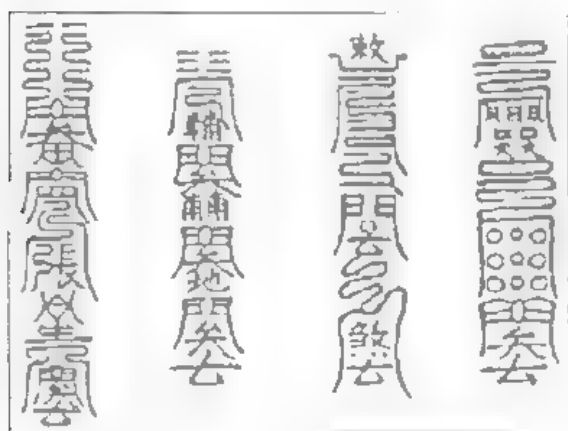
Người xưa khi vẽ và viết bùa thường có yêu cầu rất nghiêm ngặt đối với thời gian, địa điểm và phương pháp. Trước khi vẽ bùa, người vẽ bùa phải tinh thần (thân thể phải được tắm gội sạch sẽ), tịnh khẩu, tịnh đàm, sau đó chuẩn bị giấy và bút, rồi căn cứ vào chủng loại bùa cần dùng để áp pháp đàn. Chẳng hạn như để vẽ Lục giáp phù thì phải lập Lục giáp đàn, vẽ Bát quái phù thì phải lập Bát quái đàn, hoặc nếu lập nhất tổng đàn thì vẽ bất cứ loại bùa nào cũng được. Sau đó, đọc văn cáo bạch, nói rõ tên vị Thần được mời, bùa được vẽ để phục vụ cho công việc gì.



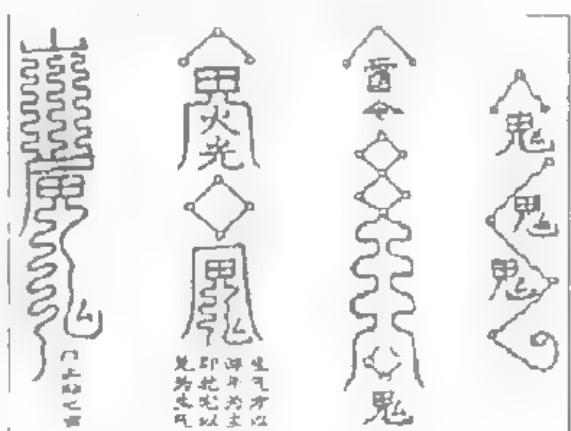
1 Ngự binh trấn trạch phù



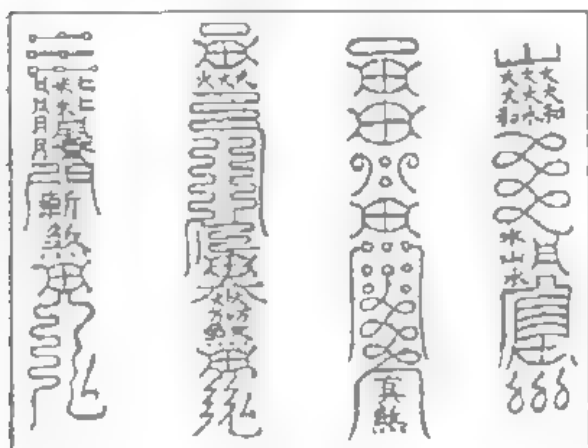
2 Trấn trạch thập nhĩ miên Thổ phù Thần sát



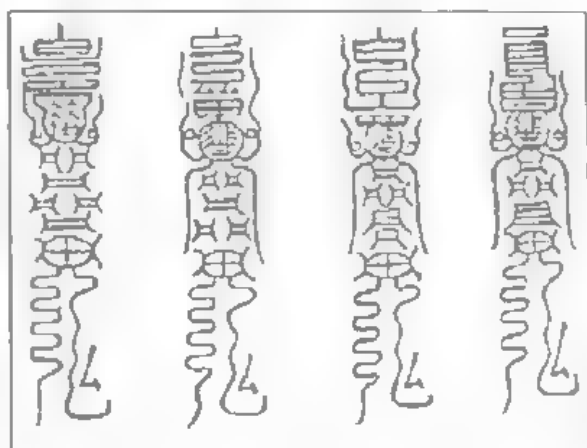
3 Trấn tam sát cửu trạch Thần phù



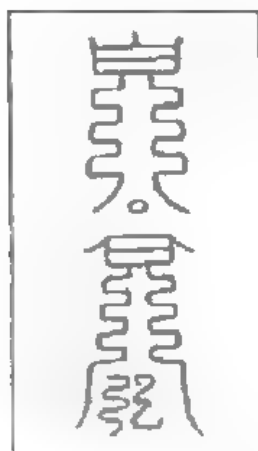
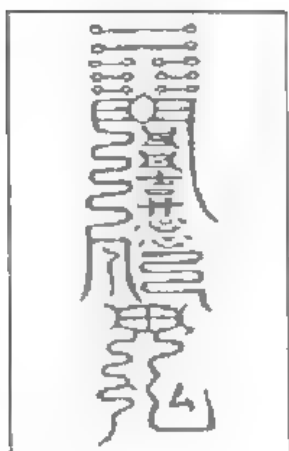
4 Trấn mệnh nguyên kiến trạch phạm hung Thần phù



5 Tam giáo cửu trạch Thần phù

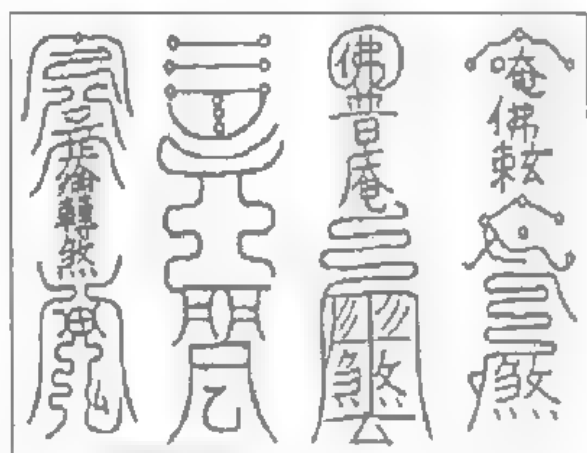
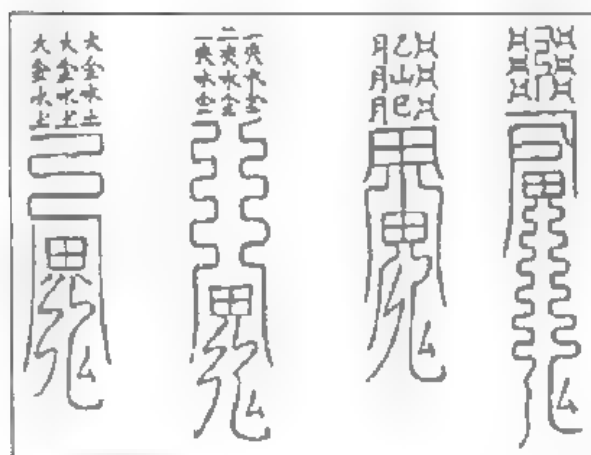


6 Trấn bát vị quái hào phản nghịch



7. Trần niên nguyệt nhật tươi nương khắc Thán phi

8. Trần phương phong tương khắc Thán phi



9. Lục giáp phù chú

10. Vũ Đế ứng dung linh phù ngũ thập bát bức

Dưới đây là “Cầu cáo phù giản bối cáo văn”:

“Nguyên Thủy phù mệnh, kim lục bạch giản, cứu khổ chân phù, cáo hạ thập phương vô cực thế giới Tam cung cứu phù, bách nh, thập tào, ngũ đế khảo quan, cứu l địa ngục, cứu thiên lục số, nhiếp phạt Thần binh, tứ lục tư mệnh, tứ công tư sát, ngũ dẫu ngục tốt, tam o ới đại ma, bát đô mỗ đảng nồn xuất y Địa ngục, vĩnh từ trường o ếp, đồ kiến quang minh, vạn tô tiêu trừ, oan thù hòa giải, thăng thủ cứu chân đều giới, thượng sinh Thiên đường, nhất như sinh mệnh. Nền, tuế trứ, nguyệt, nhật vu hoàng lục trai đan cáo hạ.”

"Nguyên Thủy" là cách gọi tôn kính đối với Bàn Cổ thời thượng cổ. Bàn Cổ là ông tổ của Thiên giới, là vị Thần khai Thiên lập Địa trong Đạo giáo, có địa vị cao nhất trong phổ hệ Thần Tiên của Đạo giáo. Nguyên Thủy Thiên tôn sinh trước cả thời kỳ vũ trụ hỗn độn, là thủy tổ của nguyên khí, vì vậy mới có tên gọi là "Nguyên Thủy". Ông là người giúp cho người nguyên thủy lần đầu tiên có được luân thường đạo lý, có được quan niệm về đạo đức và nhân loại cũng từ đó mà được khai hóa, có được nhân tính.

"Kim lục": Là lục văn được đúc trên đỉnh chuông.

"Bách giản" tức là Ngọc Giản, là văn tế cáo Thần thi trong Đạo giáo.

"Cáo" tức là thỉnh cầu.

"Tào" là dìn quan hoặc phòng làm việc thời xưa

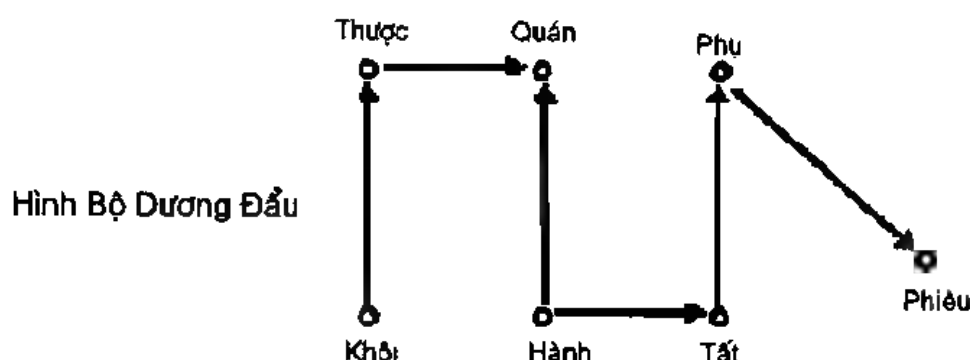
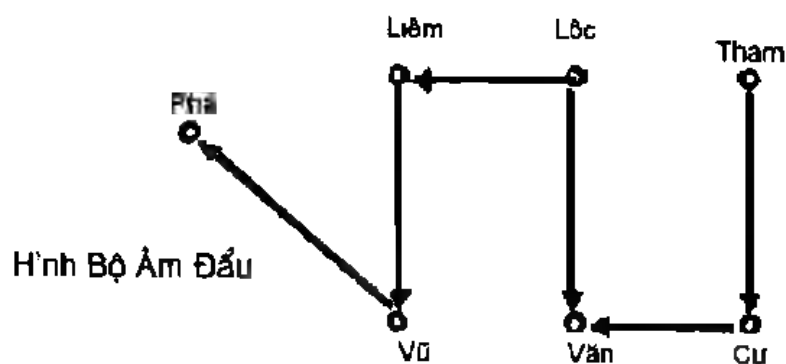
"Bat độ" tức là siêu độ, cứu vớt.

Bái chương vẽ bùa của người xưa ("Bái chương" là một kiểu nghi thức làm phép lập đàn trong dân gian, mục đích là để giúp cho con người tiêu tai trừ bệnh, cầu tự cầu tài), công việc này phải được thực hiện dưới sao vào buổi đêm. Ngoài ra, phương pháp thực hiện cũng có những yêu cầu và cấm kỵ nghiêm ngặt. Có một số loại bùa quan trọng, trước khi viết còn phải Bô Cương (Cương) đập Đẩu để giao tiếp sâu hơn với các vị Thần. Bô cương đập đẩu là một loại nghi thức trong Đạo giáo, theo truyền thuyết, nó được bắt nguồn từ Ha Vũ, hay còn gọi là Vũ Bô "Cương" là chỉ Thiên Cương tinh, "Đẩu" là ch' Bắc Đẩu tinh. "Bô Cương đập Đẩu" có nghĩa là coi Địa Phương Trượng (Đất nhà chùa) là Thiên Cửu Trùng (Trời 9 tầng mây), đặt bước chân lên trên phương của Tinh Thần Đẩu Tú là có thể hướng về (Cửu cung), khởi tấu thượng Thiên. Cương bộ được chia thành Dương Đẩu và Âm Đẩu. Dương Bộ bắt đầu từ chữ "tham", bước từ phải sang trái; Âm bộ thì lại bước từ trái qua phải.

Sau khi đập xong Cương bộ, đập nai hàm răng vào nhau, mục đích là để tập thần thông thần, giao cảm với "Thần kh" trên trời. Đập nai hàm răng vào nhau lại chia làm 3 loại, đập răng bên trái, đập răng bên phải và đập răng giữa. Đập răng bên trái còn gọi là "Thiên Chung", đập răng bên phải gọi là "Thiên Khánh", đập răng giữa được gọi là "Pháp Cổ". Các khái niệm "tập thần" và "châu thần" được đề cập đến ở đây không phải là để chỉ Thần trên Trời mà là chỉ tinh thần trong cơ thể con người (tức là sự suy nghĩ và sức chú ý) không được để phân tán t n n thần. Việc cổ cùng là thấp hương, niệm chú và viết, vẽ bùa.

Có một số loại bùa khi viết lại không cần niệm chú, một số loại khác lại phải niệm chú xong mới viết và vẽ bùa, có loại thì vừa niệm chú, vừa viết và vẽ bùa. Nếu phối hợp không tốt, hoặc niệm chú xong mà vẫn chưa vẽ xong bùa, hoặc vẽ xong bùa mà vẫn chưa niệm chú xong thì lá bùa sẽ đều không thể phát huy tác dụng.

Vào thời cổ đại của Trung Quốc, loại phép thuật bùa ngải này có nguồn gốc rất lâu đời, là một bộ phận cấu thành quan trọng trong nền văn hóa thần bí cổ đại của Trung Quốc.



Hình Bộ Âm Dương Đầu

Âm Đầu được bắt đầu từ chữ "Tham" và kết thúc ở chữ "Phá", hướng về Bắc Đầu với 24 lần, đập 2 năm rỗng vào nhau 36 lần sau đó quay ngược bộ Dương Đầu. Dương Đầu được bắt đầu từ chữ Khôi và kết thúc ở chữ Phiêu, hướng về phía Bắc Đầu với 24 lần, sau đó lại quay ngược đến trước Pháp Đàm, sau khi tính tâm đình trí, niệm 7 lần câu thần chú chung, mặt hướng về phía Bắc, tay phải cầm lệnh bài, tay trái bắt kiếm quyết, gõ lên lệnh bài một lúc, khi cảm thấy như Thần Tướng được mời sắp tới gần thì bắt đầu niệm thần chú chung

3. NGUỒN GỐC CỦA LỖ BAN TIÊN SƯ

Lai lịch của "Lỗ Ban tiên sư".

Lỗ Ban tiên sư tên húy là Ban, họ Công Du⁽¹⁾, tự Y Trí, là người chuyên ghi chép tên tuổi các vị Thánh hiền của nước Lỗ, ông là người thôn Đông Bình nước Lỗ, cha ông có tên húy là Hiến, mẹ là Ngô Thị. Lỗ Ban Tiên sư sinh vào giờ Ngọ ngày 7 tháng 5 năm Giáp Tuất tức năm thứ 3 Lỗ Định Công⁽²⁾. Vào ngày ông ra đời, hạc trắng quần tụ thành bầy đàn, mùi hương lạ bay đầy khắp phòng đến nỗi mấy tháng sau cũng không tiêu tán, đây đúng là điều vô cùng kỳ lạ. Khi mới được 7 tuổi, ông chỉ thích chơi đùa mà không thích đọc sách, cha mẹ ông cảm thấy rất lo lắng về việc này. Đến khi được 15 tuổi, bỗng dưng ông tỉnh ngộ ra, bắt đầu đến xin học ở cửa nhà Doan Mộc Tử Hạ, ông đã vào học ở đó một thời gian, chỉ mấy tháng

sau, ông đã thông hiểu được mọi đạo lý. Sau đó, do cảm thấy phần nộ trước việc Chu Hân tiếm hiệu Đế Vương nên ông đã đi du thuyết các nước. Tuy nhiên, ý tưởng của ông không thể thực hiện được. Không biết làm thế nào, ông đành phải trở về sông ở Tiểu Hòa Sơn, phía Nam của núi Thái Sơn. Ông ở ẩn nơi đây được gần 13 năm.



Lỗ Ban (507 trước CN - khoảng 444 trước CN)

Là một chuyên gia về máy móc và công trình xây dựng thời xưa. Ông xuất thân trong một thế gia làm nghề xây dựng từ nhỏ đã được gia đình hun đúc nên lòng yêu nghề, sau này ông đã có rất nhiều phát minh trên nhiều loại máy móc và công trình xây dựng vì dụ như làm vũ khí tác chiến trên chiến thuyền, cồng bạc, khoan và thước,...

Có một lần, bỗng nhiên ông ra ngoài và gặp 1 vị lão tiên bối họ Bào, 2 người vui vẻ trò chuyện, sau đó, ông đã tới nhà vị tiên bối này xin học kỹ thuật điều khác, ông đã rất chuyên tâm vào việc học tập nghề này. Ông nuôi chí có thể làm cho đồ dùng của đất nước Trung Hoa ngày càng trở nên đẹp đẽ. Vì vậy ông đã từng nói. “Không cần dựa vào công cụ về đường tròn mà có thể khiến cho vật thể trở thành

hình tròn, không cần dựa vào công cụ vẽ hình vuông mà có thể khiến cho vật thể trở thành hình vuông, đó là hiện tượng hình thành tự nhiên của Trời Đất. Còn nếu dùng công cụ vẽ đường tròn để vẽ đường tròn, dùng công cụ vẽ hình vuông để vẽ hình vuông chẳng qua chỉ là khả năng mô phỏng hiện tượng tự nhiên của con người dựa vào các bộ phận cơ thể. Hơn nữa, dựa vào tài trí thông minh của bản thân, tuy hoàn toàn có thể khiến cho việc chế tác đạt tới mức tinh xảo, nhưng muốn để cho hàng vạn thế hệ về sau đều có thể nắm bắt được kỹ năng này, để họ có được ý chí học tập kỹ thuật giống như ý chí của bản thân thì tất nhiên là không thể được. Mà nếu trí thông minh của họ không bằng được trí thông minh của ta thì trí thông minh của ta cuối cùng sẽ cạn kiệt và kỹ thuật của ta cũng sẽ cạn kiệt.”

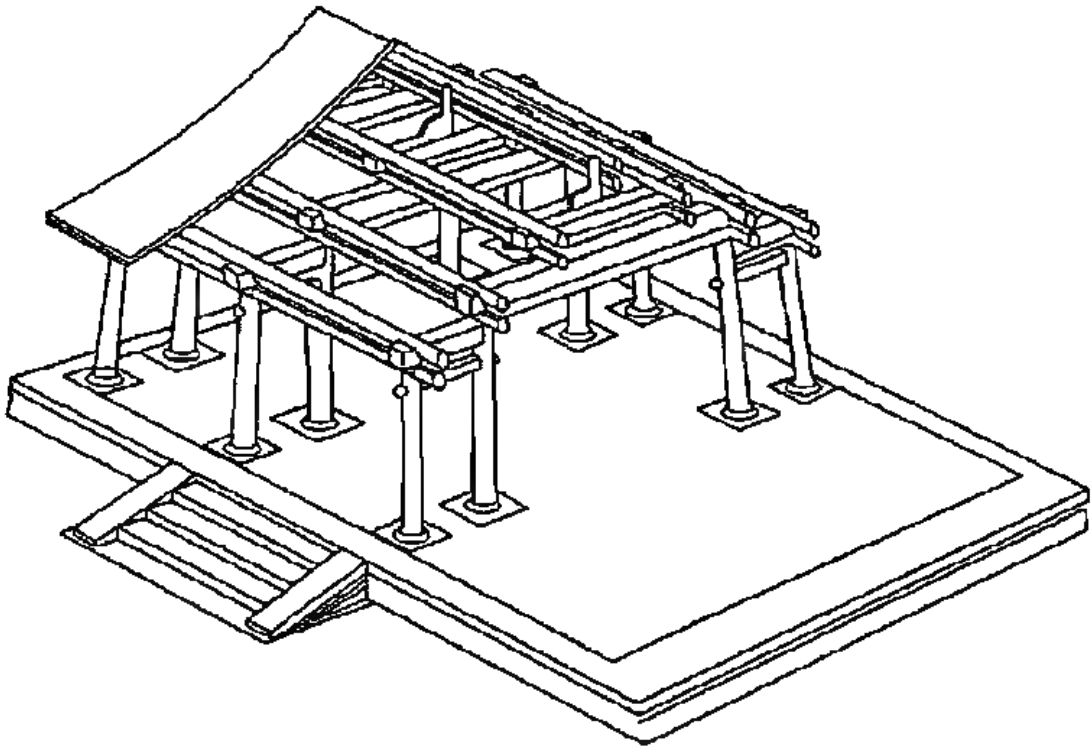
Xuất phát từ tâm lý lo lắng cho Thiên hạ này, ông đã dốc sức cho việc nghiên cứu và đã phát minh ra các công cụ như compa, thước, hộp dây mực,... đó là những công cụ dùng để thiết kế và xây dựng cung thất và nhà cửa cho quan phủ hoặc dân thường hay để chế tạo tàu thuyền, xe cộ. Trong các phương pháp chế tạo được sử dụng trong dân gian trước đây, ngay cả những phương pháp được coi trọng cũng không vượt qua được phương pháp mà ông sáng tạo. Sau khi dùng thử và so sánh, dân gian đã mô phỏng theo phương pháp của ông.

Một người thợ biết dựa vào hình dạng của vật thể để vận dụng quy tắc, rồi dựa vào quy tắc để đạt được mức độ “xuất thần nhập hóa” chắc chắn là những người thợ tốt. Người vợ hiền lành và tốt bụng của ông có tên gọi là Vân Thị, bà có tài năng trời phú, thông minh, khéo léo, số lượng sản phẩm mà bà chế tạo ra được nhiều không kể xiết, nhưng nếu so với Lỗ Ban thì bà dường như chỉ là người trợ giúp cho phu quân, để phu quân trở thành người nổi tiếng và với những sản phẩm bất hủ.

Vào cuối năm mà Lỗ Ban Tiên Sư được 40 tuổi, ông lại ở đi ẩn tại Lịch Sơn. Một lần, ông bỗng nhiên được một người lạ truyền cho bí quyết, từ đó, ông có khả năng cưỡi mây đi khắp thiên hạ. Và sau này, cứ vào ban ngày, ông lại bay đi khắp nơi, chỉ để lại trong Bạch Lộc Tiên Nham chiếc riu và chiếc cửa mà ông đã dùng. Đến nay, câu chuyện cổ tích này vẫn còn được lưu truyền trong dân gian.

Thời Chiến Quốc, Lỗ Ban được cho là một nghĩa sĩ kiệt xuất, được phong danh hiệu “Vĩnh thành đãi chiếu nghĩa sĩ”. 3 năm sau, quân chủ của nước Trần là Trần Hạo lại phong tặng cho ông danh hiệu “Trí tuệ pháp sư”. Trải qua các triều đại Hán, Đường, Tống, ông lại tiếp tục thể hiện việc giúp đỡ đất nước và nhiều lần được phong tặng danh hiệu. Vào năm Vĩnh Lạc triều nhà Minh, khi Hoàng Đế xây dựng Long Thánh Điện ở Bắc Kinh với quy mô lớn đã sử dụng hàng vạn thợ xây, vì công việc xây dựng vô cùng khắc nghiệt nên đâu đâu người dân cũng đều cảm thấy sợ hãi. May thay có sự giáng linh chỉ thị của Lỗ Ban Tiên Sư, Long Thánh Điện mới được hoàn thành. Vì vậy mà nhân dân đã lập riêng bức hoành phi trong một miếu thờ Lỗ Ban Tiên Sư với tên gọi là “Lỗ Ban môn”, phong Lỗ Ban là “Đãi chiếu phụ quốc thái sư Bắc thành hậu”, Xuân Thu nhị đế đều dùng lễ nghĩa Thái Lao⁽⁹⁾.

Những người thợ xây ngày nay thường cúng lễ ông để cầu khấn và không có điều cầu khấn nào không được linh ứng. Vì ông là một vị Thần anh minh nên người dân thường lòng thành treo ảnh và dựng tượng của ông để “vạn cổ ngưỡng chiều”.



Kết cấu khung nhà dạng khung - xà xên kê

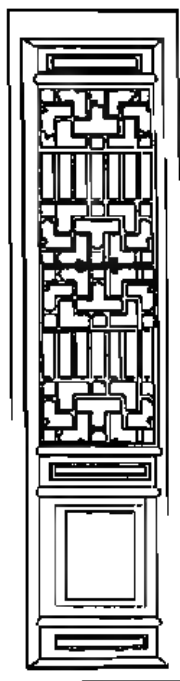
Đây là một trong những hình thức kiến trúc khung gỗ kiến truyền thống, còn được gọi là “Kết cấu dạng xà chông”. Trong kiểu kết cấu này, cột được dựng theo hết chiều sâu của ngôi nhà, sau đó bắc xà trên cột, rồi lại dựng cột ngắn trên xà, cứ tiếp tục làm nhiều tầng như vậy cho đến tận nóc nhà. Kiểu kết cấu kiến trúc này có thể xây dựng thành nhiều hình dạng khác nhau như hình chữ nhật, hình vuông, hình tam giác, hình ngũ giác, hình bát giác, ... có đặc điểm chắc chắn, bên trong cũng có không gian sử dụng khá rộng rãi.

[Chú thích]:

[1] Công Du Ban - Túc Lô Ban, người thợ xây nổi tiếng của nước Lỗ thời kỳ Chiến Quốc đã sáng tạo ra chiếc thang mây và các công cụ như khoan, bào, cưa để công thành (đánh thành), vì vậy, người thợ mộc qua nhiều thời đại đều tôn xưng ông là vị Sư Tổ.

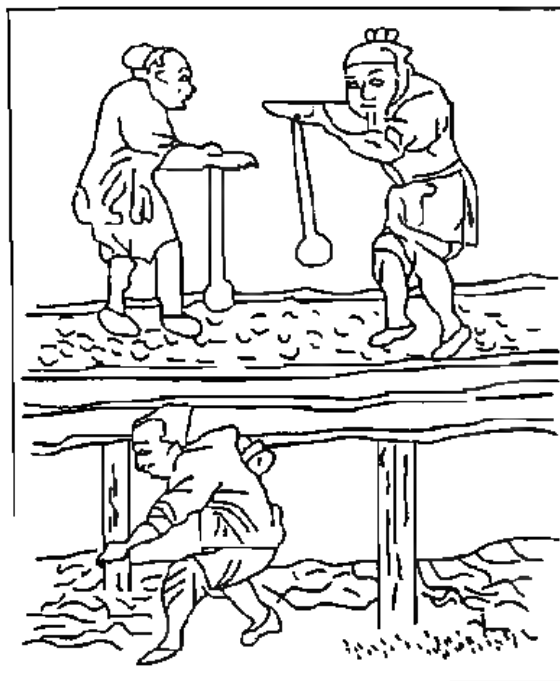
[2] Lô Đình Công: (Năm ? trước CN – năm 495 trước CN): Họ Cơ, tên Tống, là con của Lô Tương, là anh (em) trai của Lô Chiêu Công.

[3] Thái Lao: Đồ đựng thức ăn của gia súc được gọi là Lao, nếu đồ đựng lớn sẽ được gọi là Thái Lao. Từ đó ý nghĩa được mở rộng thêm và người ta gọi trâu, dê, lợn được sử dụng trong các buổi yến tiệc hay để cúng lễ là Thái Lao.



Tám ngăn cách Tranh phác hoa

Tám ngăn cách còn được gọi là cửa ngăn cách, là kết cấu kiến trúc dùng để ngăn cách giữa các phòng. Mỗi khung cửa có thể làm 2 cánh, 4 cánh hoặc 6 cánh ngăn cách. Tám ngăn cách này được cấu tạo bởi khung, lỗ mộng và các ô cửa, trong đó, các ô cửa có nhiều cách làm khác nhau, kiểu dáng thiết kế rất phong phú. Các ô cửa trong hình vẽ được trang trí hoa văn chữ xuyên (卍) dạng nhánh cây màu xanh



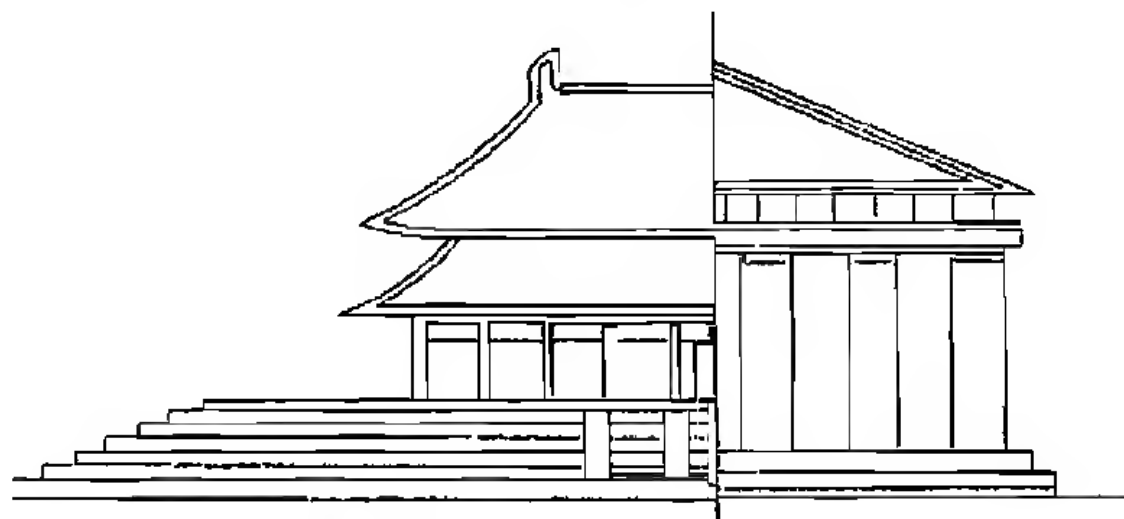
Công cụ đầm dùng để nén đất

Đầm là một công cụ làm chắc móng nhà thời xưa. Hình vẽ bên mô tả việc đưa vào sức người để nâng lên, hạ xuống nhiều lần chiếc đầm, lực tác động hướng xuống phía dưới có thể nén cho lớp bùn đất (móng nhà) được chắc hơn

[Giải thích]:

Có 2 cách nói về Thủy Tổ của những người thợ mộc. Cách thứ nhất là: Thủy Tổ của thợ mộc là Công Du, tên là Ban, vì ông là người Lỗ nên được gọi là Lỗ Ban; Cách thứ hai là Lỗ Ban là con của Lỗ Chiêu Công, là người khác hẳn với Công Du Ban, tuy nhiên, 2 người này đều có kỹ thuật rất tinh xảo.

Người xưa thường có phép tắc nhất định khi cúng lễ Tổ Tiên và các chư Thần, dùng các loại gia súc khác nhau để cúng lễ những người có giai cấp khác nhau. Thời xưa có quy định: Cúng lễ chư hầu thì dùng trâu và gọi là “Thái Lao”; Cúng lễ đại phu thì dùng dê và coi đó là “Thiếu Lao”; Cúng lễ kẻ sĩ thì chỉ dùng lợn và gọi đó là “Quý Thục”. Từ đoạn văn trên có thể thấy rằng, vào thời nhà Minh, người ta đã dùng kiểu lễ dành cho chư hầu để cúng lễ Lỗ Ban.



Tranh minh họa mái nhà dạng yết sơn

Yết sơn là hình thức cấu tạo được bắt đầu từ 2 đầu của ngôi nhà đến hết đoạn dốc phía sau nóc nhà, sau đó chuyển ngoặt hình thành mái nhà dạng dốc. Loại mái nhà này có 4 mặt dốc và 9 nóc nên còn có tên gọi là “Cửu tích điện”. Đẳng cấp của loại mái nhà này chỉ đứng sau loại thập vũ điện, thường được dùng trong quần thể kiến trúc cung điện và chùa chiền, miếu mạo.

MỤC LỤC

Lời nói đầu.....	5
------------------	---

CHƯƠNG 1

CHỌN YẾU TỐ TỐT LÀNH ĐỂ LÀM NHÀ

1. Vào rừng chặt cây lấy gỗ	8
2. Khởi công bắc giàn giáo	24
3. Ứng phó với việc hàng xóm xây nhà.....	40
4. San nền và dựng cột xây nhà.....	47
5. Nghi lễ dựng cột - bắc xà	84

CHƯƠNG 2

LOẠI THUỐC CHÍNH ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG XÂY DỰNG

1. Sơ đồ khởi thảo xác định mặt bằng	100
2. Thuốc Lỗ Ban và thuốc góc (ê-ke).....	102
3. Phương pháp dùng thuốc hợp cát.....	117
4. Cát hung dựa vào số lượng phòng.....	124

CHƯƠNG 3

HÌNH DÁNG, CẤU TẠO VÀ TẠO HÌNH TRONG KIẾN TRÚC

1. Quy định tạo hình của phòng ốc.....	131
2. Làm cổng.....	138
3. Cấu tạo đi kèm công trình kiến trúc	163
4. Các kiểu kiến trúc khác.....	168
5. Xây dựng chuồng trại gia súc gia cầm.....	193

CHƯƠNG 4

CHẾ TẠO DỤNG CỤ GIA ĐÌNH

1. Kích thước của những dụng cụ gia đình chính	222
2. Những loại đồ dùng có công dụng khác.....	266
3. Đồ nội thất cỡ nhỏ	274

CHƯƠNG 5

BÀI VỀ PHONG THỦY VÀ YẾM CHẤN BÙA CHỦ GIẢI ÁCH

1. Khởi công xây dựng nhà cửa	284
2. Phương pháp giải bùa của chủ nhà	303
3. Nguồn gốc của Lỗ Ban tiên sư.....	313

NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI
Số 4 - Tống Duy Tân, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
ĐT : (04) 38257063 * Fax : (04) 39289143

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC LỖ BAN

Chịu trách nhiệm xuất bản:
NGUYỄN KHẮC OÁNH

Biên tập: MẠNH LINH
Trình bày: BIENTAP.COM
Vẽ bìa: NSMINHLAM
Sửa bản in: LÊ HUYỀN

Mọi ý kiến góp ý xin viết tại
diễn đàn <http://webphongthuy.com>
mục "Luận sách" (giải đáp - thắc mắc)

Thước Lỗ Ban

鲁班经

★ **Lỗ Ban** là tượng trưng cho nền văn hóa kỹ thuật, công nghệ và xây dựng của kiến trúc cổ đại Trung Quốc, cũng là vị sư tổ nghề thợ thủ công dân gian. Ông là đại diện cho phong tục thời thượng độc đáo về kiến trúc phương Đông, mà phong tục này đến nay cho dù là vô tình hay hữu ý vẫn tiếp tục được vận dụng trong kiến trúc nhà cửa dân cư thời hiện đại. Hiểu được **Lỗ Ban** sẽ có thể khám phá được những điều thần bí về thuật trạch cát trong xây dựng và quy tắc trong phong thủy.

★ "**Lỗ Ban kinh**" là sự đúc kết kinh nghiệm hàng ngàn năm nay của những người thợ thủ công dân gian và được chỉnh sửa bởi nhiều người nổi tiếng, cuối cùng, cuốn sách ra đời vào cuối đời nhà Nguyên, đầu đời nhà Minh. Rất nhiều nội dung trong "**Lỗ Ban kinh**" có liên quan tới các kiến thức về Âm Dương, Ngũ hành, suy đoán cát hung, là cuốn sách khá khó đối với hầu hết mọi người. Vì vậy, trong quá trình dịch và chú giải, chúng tôi đã đưa thêm rất nhiều hình vẽ trực quan giúp độc giả dễ dàng hơn trong quá trình tìm hiểu cuốn sách, đồng thời, đơn giản hóa một số đoạn mô tả dài dòng, hay giải thích chú giải cho tất cả nội dung trong cuốn sách.



PHÁT HÀNH TẠI NHÀ SÁCH MINH LÂM
92E Lý Thường Kiệt, DT.043.9 427 380, Fax 043.9 427 407
Website: <http://www.namminhlan.com.vn>
Email: namminhlan@gmail.com

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THƯỚC LỖ BAN



GIA: 139.000Đ